

**BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
BỘ TƯ LỆNH QUÂN ĐOÀN 4
TỈNH ỦY BÀ RỊA – VŨNG TÀU
TỈNH ỦY ĐỒNG NAI**

**CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG
CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY
MÙA XUÂN 1975**

Tái bản lần thứ nhất, có bổ sung, sửa chữa

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
2004**

BAN CHỈ ĐẠO (Quyết định số 192-QĐ/TU của Tỉnh ủy Đồng Nai ngày 19/12/2002)

Đ. HOÀNG QUÂN (UVTV. Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai)	Trưởng Ban
GUYỄN VĂN CHIA (Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 7)	Đồng trưởng ban
Đ. VĂN KHÁNH (Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu)	Phó ban
Đ. PHƯỚC LƯƠNG (Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Chính trị Quân đoàn 4)	Đồng phó ban
ĐS-TS. TRỊNH VƯƠNG HỒNG (Đại tá, Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam)	Ủy viên
Đ. VĂN HY (Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa-Long Khánh)	Ủy viên
Đ. VĂN TRANG (Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa)	Ủy viên
Đ. VĂN MỘT (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)	Ủy viên
GUYỄN TẤN DANH (Đại tá, Chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh Đồng Nai)	Ủy viên
Đ. VĂN HOÀNG (Đại tá, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai)	Ủy viên
GUYỄN VĂN THẮNG (Bí thư Huyện ủy Long Khánh)	Ủy viên

BAN NỘI DUNG (Quyết định số 193-QĐ/TU của Tỉnh ủy Đồng Nai ngày 24/12/2002)

Đ. THANH TÂN (Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai)	Trưởng ban
Đ. HỒ SƠN ĐÀI (Thượng tá, Phó Trưởng phòng KHCN-MT Quân khu 7)	Phó ban
GUYỄN QUANG CƯỜNG (Đại tá, Trưởng phòng KHCN-MT Quân đoàn 4)	Đồng phó ban
Đ. HỒ KHANG (Thượng tá, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam)	Ủy viên
GUYỄN GIA HÒA (Đại tá, Phó Chỉ huy Chính trị BCHQS tỉnh Đồng Nai)	Ủy viên
ĐS. TRẦN QUANG TOẠI (Phó Chủ tịch Hội Sử	Ủy viên

học tỉnh Đồng Nai)

3. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG (Phó Chủ tịch Hội Sử y viên
học BR-VT)

RẦN XUÂN THANH (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà y viên
Rịa-Vũng Tàu)

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho lần tái bản thứ nhất)

Năm 2003, nhân kỷ niệm 28 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bộ Tư lệnh Quân khu VII, Bộ Tư lệnh Quân đoàn IV, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu và Tỉnh ủy Đồng Nai đã phối hợp tổ chức cuộc Hội thảo khoa học về Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21.4.1975–21.4.2003).

Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ đạo hội thảo, Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai đã kịp thời tập hợp các bài viết và tham luận quý báu của các nhân chứng lịch sử, các vị tướng lĩnh, sĩ quan cao cấp, các đồng chí lãnh đạo, các nhà nghiên cứu lịch sử xuất bản thành tập kỷ yếu phục vụ đợt sinh hoạt chính trị kỷ niệm 28 năm Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh và giải phóng miền Nam. Tập kỷ yếu là một trong những tài liệu bổ ích được các đại biểu và đông đảo bạn đọc hoan nghênh.

Nhằm thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lịch sử trong 2 năm (2004, 2005), đặc biệt là kỷ niệm 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975–30.4.2004), thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai tái bản tập kỷ yếu Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Lần tái bản này, Nhà xuất bản đã tiếp thu ý kiến đóng góp và bổ sung một số bài viết quan trọng của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo về ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong mùa xuân tổng tiến công và nổi dậy năm 1975.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, có thể không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong sự quan tâm và đóng góp ý kiến của các đồng chí, đồng bào và đông đảo bạn đọc.

Biên Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2004

T/M BAN NỘI DUNG HỘI THẢO

TRƯỞNG BAN
Dương Thanh Tân

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho lần xuất bản thứ nhất)

Chiến tranh kết thúc đã 28 năm nhưng quân dân Xuân Lộc – Long Khánh – Đồng Nai cùng hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang từng tham gia chiến đấu tại mặt trận này, không bao giờ quên về những ngày chiến đấu ác liệt nhưng rất anh hùng, đập tan cánh cửa thép ở phía đông Sài Gòn, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Xuân Lộc (tỉnh lỵ tỉnh Long Khánh cũ) nằm cách Sài Gòn 80 km về phía đông, nơi hội tụ của nhiều nút giao thông quan trọng. Quốc lộ 1 đi ra Bắc, Quốc lộ 20 đi Đà Lạt, đường số 2 đi Bà Rịa – Vũng Tàu. Xuân Lộc có vị trí quan trọng về quân sự. Những ngày đầu tháng 3-1975, trong cơn hoảng loạn trước giờ sụp đổ, địch vội vã lập phòng tuyến Xuân Lộc làm trọng tâm của tuyến phòng thủ chiến lược ở phía đông. Uýen (Weyand) đã nói với Nguyễn Văn Thiệu: “Bằng mọi giá phải giữ Xuân Lộc. Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”.

Về phía ta, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Bộ Tư lệnh tối cao, trực tiếp là Trung ương Cục và Quân ủy, Bộ Tư lệnh Miền, tại Chiến khu Đ, Khu ủy miền Đông xác định quyết tâm: “...Thị xã Long Khánh là nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.” Vì vậy, cuộc đấu trí, đấu lực trong cuộc quyết chiến chiến lược gần 12 ngày đêm tại mặt trận Xuân Lộc là bản anh hùng ca sáng ngời hào khí Đồng Nai, là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

*Nhân kỷ niệm 28 năm giải phóng miền Nam (30-4-1975 – 30-4-2003), thống nhất Tổ quốc, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh ủy Đồng Nai đã tổ chức Hội thảo khoa học về **CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT TỔ QUỐC** (21-4-1975 – 21-4-2003). Để phục vụ cho hội thảo, Ban chỉ đạo, Ban nội dung giao Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai, phối hợp với Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân ấn hành tập Kỷ yếu về Chiến thắng Xuân Lộc.*

Hơn 80 bản tham luận và ý kiến quý báu của các tác giả là những đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội, những nhà chính trị, nhà chỉ huy quân sự các cấp, các cán bộ nghiên cứu lý luận quân sự, những nhà nghiên cứu về khoa học xã hội ở những góc độ khác nhau, nhưng bằng tấm lòng và trách nhiệm đã tập trung nghiên cứu, ghi chép, sưu tầm, tái hiện lại những sự kiện lịch sử, đã nêu bật vị trí, vai trò và ý nghĩa của Chiến thắng Xuân Lộc trên chiến trường “miền Đông gian lao mà anh dũng” trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Đặc biệt là tinh thần chiến đấu dũng cảm hy sinh quên mình của đồng bào, đồng chí trong

thời khắc lịch sử trước giờ chiến thắng vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta càng tự hào và không bao giờ quên về những truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, những gian khổ hy sinh, thử thách ác liệt trong cuộc kháng chiến thần thánh của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, Chiến thắng Xuân Lộc là một nét son góp phần tô thắm trang sử cách mạng vẻ vang của dân tộc.

**BAN CHỈ ĐẠO HỘI THẢO
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
ĐỒNG NAI**

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

LÊ HOÀNG QUÂN*

Hôm nay, giữa những ngày tháng tư lịch sử, cùng quân dân cả nước nô nức thi đua lao động sản xuất để chào mừng và kỷ niệm 28 năm ngày toàn thắng (30-4-1975 – 30-4-2003) của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và kỷ niệm sinh nhật lần thứ 113 của Bác Hồ kính yêu (19-5-1890 – 19-5-2003). Được sự ủy nhiệm của Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu và Tỉnh ủy Đồng Nai, thay mặt Ban chỉ đạo Hội thảo khoa học “Chiến thắng Xuân Lộc”, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quân đội, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí tướng lĩnh, sĩ quan cao cấp, cán bộ chỉ huy bộ đội địa phương, gia đình cơ sở cách mạng có công trong trận đánh giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh, các nhà khoa học và các đồng chí khách quý đến tham dự cuộc Hội thảo này.

Xin trân trọng kính chúc tất cả các đồng chí và gia đình luôn sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

*Kính thưa: – Các đồng chí lãnh đạo
– Các đồng chí đại biểu*

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 (năm 1973) khẳng định: “*Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên*”, là một Nghị quyết lịch sử của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

Như một luồng gió mát, Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng và Nghị quyết 15 của Trung ương Cục, được Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh, Tỉnh ủy Biên Hòa, Tỉnh ủy Tân Phú tổ chức học tập sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang, được đồng bào, chiến sĩ sôi nổi hưởng ứng, biến thành hành động cách mạng từ tiền tuyến đến hậu phương, khắp các vùng giải phóng, từ nông thôn đến đô thị, phong trào cách mạng của quân dân miền Đông phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Trên chiến trường *miền Đông gian lao mà anh dũng*, chấp hành Nghị quyết của Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục, Hội nghị Khu ủy miền Đông

(*) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

tại Chiến khu Đ đã kiểm điểm tình hình, khẳng định tính chất vị trí quan trọng của miền Đông, đặc biệt khi thất bại từ các nơi, địch sẽ co về phòng thủ ở Long Khánh, Xuân Lộc. Khu ủy nhận định: *“Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”*.

Về nhiệm vụ quan trọng của các Tỉnh ủy thuộc Khu ủy miền Đông trong mùa Xuân Tổng tiến công và nổi dậy này, Khu ủy chỉ rõ: *“Ta có khả năng phát động quần chúng khởi nghĩa với tinh thần áp giải phóng áp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu; tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”*.

Nhờ quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Đảng, do đó sau khi được đồng chí Trần Văn Trà thay mặt Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh Miền phổ biến Nghị quyết tấn công Xuân Lộc – Long Khánh, (ngày 31-3 đến 1-4-1975 tại Sở Chỉ huy Quân khu miền Đông ở Chiến khu Đ), Khu ủy và Quân khu miền Đông đã lãnh đạo, chỉ đạo quân dân tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, quân dân Tân Phú, Biên Hòa... phối hợp chặt chẽ cùng lực lượng vũ trang Quân đoàn 4 làm nên chiến thắng lịch sử sau 12 ngày đêm chiến đấu gian khổ ác liệt, đập tan cánh cửa thép Xuân Lộc – Long Khánh, tạo thế trận mới, đã mở rộng địa bàn tập kết và xuất quân của Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4, là lực lượng tiến công chủ yếu ở phía đông vào Sài Gòn, góp phần to lớn cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh là một sự kiện lịch sử vào thời điểm quan trọng có ý nghĩa thực tiễn, lý luận, công tác chỉ đạo, chỉ huy tác chiến, về nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là trong giai đoạn cuối trước khi quân dân miền Đông cùng cả nước bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra trong bối cảnh: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Trị Thiên – Huế đã giành được thắng lợi, ta đã đập tan kẻ địch ở Quân khu 1, Quân khu 2, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và các tỉnh đồng bằng duyên hải miền Trung, làm chủ nhiều vùng quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long, đẩy chế độ tay sai Sài Gòn vào thế bị bao vây cô lập, có nguy cơ sụp đổ.

Để cứu nguy cho chế độ tay sai, ngày 28-3-1975, Tổng thống Mỹ cử Uýen (Weyand), Tham mưu trưởng lục quân, là cựu Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở Đông Dương, cầm đầu một phái đoàn quân sự cao cấp của Mỹ cùng tướng nguy Cao Văn Viên đi thị sát chiến trường và quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ theo hình vòng cung từ Phan Rang xuống Xuân Lộc – Tây Ninh, trong đó lấy Xuân Lộc làm tuyến phòng thủ chính. Địch ý thức rất rõ vị trí của Xuân Lộc. Chính Uýen xác định với Nguyễn Văn Thiệu: “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Tại Xuân Lộc, địch bố trí Sư 18 và một số tiểu đoàn bảo an có công sự kiên cố. Khi chiến dịch nổ ra, địch tung vào đây nhiều lực lượng chủ lực, cơ giới như Lữ 1 dù, Chiến

đoàn 8 Sư 5, Liên đoàn 7 biệt động quân, Lữ 3 thiết giáp, các trung đoàn thiết giáp, các lữ đoàn thủy quân lục chiến 315, 318, 320... Âm mưu của địch là giữ cho được Xuân Lộc để hy vọng giữ được thủ phủ Sài Gòn, hòng tìm một giải pháp chính trị duy trì chế độ tay sai ngụy quyền ở miền Nam.

Về ta, quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ngày 31-1-1975 là nắm vững thời cơ chiến lược, thực hiện tổng tiến công nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng miền Nam trong thời gian ngắn nhất, tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4, không để chậm. Thực hiện quyết tâm này, ngày 2-4-1975, Quân ủy Trung ương chỉ đạo: *“Cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh, nhân lúc địch hoang mang, diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Không chế được sân bay Biên Hòa thì không quân địch mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to”*. Lực lượng tiến công Xuân Lộc có Quân đoàn 4 với 3 sư đoàn 1, 6, 7 và Trung đoàn độc lập 95B cùng lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Bà Rịa – Long Khánh và sự phối hợp của phong trào chiến tranh nhân dân trên các chiến trường Biên Hòa và lân cận. Đoàn pháo binh Biên Hòa đặt pháo tại Hiếu Liêm đã không chế sân bay Biên Hòa và tổng kho Long Bình, góp phần to lớn vào Chiến thắng Xuân Lộc.

Như vậy, rõ ràng trong tháng 4-1975, Xuân Lộc – Long Khánh trở thành một mục tiêu chiến lược của ta và địch. Ta quyết tâm đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc để tiến vào giải phóng Biên Hòa – Sài Gòn. Địch cố giữ Xuân Lộc hòng ngăn chặn quân chủ lực cách mạng ở phía đông, hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn. Do đó, cuộc tiến công Xuân Lộc giải phóng Long Khánh đã diễn ra hết sức ác liệt, là một trong những thử thách oanh liệt nhất của Quân đoàn 4 và quân dân Bà Rịa – Long Khánh. Gần 12 ngày đêm chiến đấu giành giật với kẻ thù từng lô cốt, hầm ngầm chịu đựng hàng chục ngàn tấn bom, pháo, kể cả vũ khí hủy diệt lần đầu tiên sử dụng ở chiến trường miền Nam (bom CBU), Quân đoàn 4 và quân dân Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú, Biên Hòa đã hợp đồng chiến đấu, chia lửa, tiêu diệt 2.056 tên, bắt 2.785 tên, đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh của Sư 18 và Sư 5 ngụy, một số đơn vị pháo binh, một số đơn vị dù, biệt động, thủy quân lục chiến, bắt sống tên Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh, phá hủy và tịch thu nhiều trang bị, phương tiện chiến tranh bổ sung cho các đơn vị. Làm nên chiến thắng vô cùng oanh liệt, vẻ vang đó, Quân đoàn 4 có gần 500 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, hơn 1.500 đồng chí bị thương, lực lượng vũ trang và quân dân Xuân Lộc, Long Khánh cũng chịu nhiều tổn thất, hy sinh xương máu.

Hai mươi tám năm đã trôi qua từ khi Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, toàn tỉnh Long Khánh trước đây, nay là huyện Long Khánh, Xuân Lộc, Định Quán đã nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh do Mỹ ngụy để lại, từng bước phát triển kinh tế, văn hóa xã hội theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Nhiều tài liệu, báo chí trong nước và ngoài nước đã đề cập đến Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, trong đó không ít những ý kiến còn tranh luận:

– Xuân Lộc là một chiến dịch hay chỉ là một trận tiến công, bởi theo Từ điển

bách khoa quân sự; Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996, định nghĩa: “Chiến dịch là tổng thể những trận chiến đấu, các đòn đột kích, các trận then chốt, các hoạt động tác chiến khác kết hợp chặt chẽ với nhau theo mục đích, nhiệm vụ, thời gian và không gian, được tiến hành trên một hoặc nhiều chiến trường tác chiến, trên hướng chiến lược hoặc chiến dịch theo một ý định và kế hoạch thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ chiến lược hay chiến dịch”.

– Còn ý kiến băn khoăn cho việc mở Chiến dịch Xuân Lộc có thật sự cần thiết trong bối cảnh nguy quân nguy quyền đang ở trong thế tan rã, tinh thần suy sụp. Trong chỉ đạo tác chiến ở Xuân Lộc, ta quyết tâm rất cao nhưng có phải cũng bộc lộ những sơ hở như nhận định không hết về phản ứng điên cuồng của kẻ thù khi dồn vào thế phải “tử thủ” (địch đã sử dụng hai quả bom CBU ở đây), cho nên từ ngày 12-4, ta phải chuyển hướng và thay đổi cách đánh từ tiến công tiêu diệt địch ở Xuân Lộc đến tổ chức tiêu diệt địch vòng ngoài, cắt đứt viện binh địch trên Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, chia cắt Biên Hòa và Long Khánh, tổ chức bao vây cô lập địch trong thị xã Long Khánh.

– Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh có vai trò, vị trí và ý nghĩa như thế nào trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân ta... bởi như chúng ta biết, sáng ngày 21-4-1975, ta giải phóng hoàn toàn thị xã Long Khánh, thì 19 giờ cùng ngày Nguyễn Văn Thiệu đã xuất hiện trên đài truyền hình và chính thức tuyên bố từ chức và hai ngày sau (23-4-1975), Tổng thống Mỹ khẳng định cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ. Đó có phải do tác động của Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh?

Nhưng có một điều chúng ta đã khẳng định được: Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh là sự thể hiện cao độ của chủ nghĩa Anh hùng cách mạng, của truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự trong cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Bác Hồ kính yêu của dân tộc, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công của các lực lượng vũ trang bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và quần chúng nhân dân Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh đã tạo ra thế trận mới có ý nghĩa chiến lược ở cửa ngõ phía đông Sài Gòn, tạo điều kiện rất quan trọng cho các lực lượng của cánh quân phía đông tập kết, chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Với đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai, Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh là một đòn quyết định làm suy sụp hoàn toàn tinh thần và ý chí của một đội quân tay sai vốn đã vô cùng hoang mang, đập tan hy vọng sau cùng của nguy quân, nguy quyền khi tuyên phòng thủ Xuân Lộc sụp đổ.

Bài học về nhận định, đánh giá tình hình, kiên quyết trong chỉ đạo tác chiến và tiến công địch, về nghệ thuật nắm và tạo thời cơ, về vận dụng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân trong chiến thắng Xuân Lộc, giải phóng Long

Khánh... không chỉ có ý nghĩa trong giáo dục truyền thống, mà còn bổ ích trong công tác lãnh đạo xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, thể trận lòng dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không chỉ cho Đồng Nai. Đây là lần đầu tiên Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh ủy Đồng Nai phối hợp tổ chức cuộc Hội thảo khoa học, nhiều vấn đề khoa học về lịch sử xoay quanh Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh sẽ được các đồng chí lãnh đạo, các đồng chí tướng lĩnh, sĩ quan trực tiếp tham gia trận đánh, các nhà nghiên cứu khoa học phân tích, lý giải trên nhiều góc độ để tạo ra một cái nhìn chung về vai trò, vị trí, ý nghĩa của Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Đặc biệt trong thời điểm lịch sử này, tình hình trên thế giới diễn biến vô cùng phức tạp, các thế lực hiếu chiến với những học thuyết quân sự mới, với những trang thiết bị quân sự tối tân, bất chấp Hiến chương Liên hiệp quốc, xâm lược và gây nhiều đau thương cho nhân dân một số nước, gây mất ổn định hòa bình thế giới. Những bài học kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc là những bài học vô cùng quý giá giúp chúng ta nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã chọn.

Với ý nghĩa đó, thay mặt Ban chỉ đạo, tôi tuyên bố khai mạc cuộc Hội thảo khoa học: “Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975”.

Kính chúc cuộc Hội thảo khoa học thành công.

Ngày 17 tháng 4 năm 2003

L.H.Q.

**THƯ CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP GỬI CUỘC HỘI THẢO KỶ
NIỆM 28 NĂM CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC**

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2003

Thân ái gửi các đồng chí lãnh đạo tỉnh Đồng Nai, Ban tổ chức và toàn thể các đồng chí dự Hội thảo kỷ niệm 28 năm Chiến thắng Xuân Lộc.

Tôi đã nhận được giấy mời của các đồng chí Lãnh đạo tỉnh Đồng Nai vào dự Hội thảo Kỷ niệm 28 năm Chiến thắng Xuân Lộc. Rất tiếc, không vào dự được, xin gửi đến toàn thể các đồng chí lời chào thân ái nhất.

Các đồng chí thân mến!

Chiến thắng Xuân Lộc là một chiến thắng lớn, có ý nghĩa quan trọng mở đầu cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn, hoàn thành thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Chúc cuộc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

THỜI GIAN TRÔI CÀNG CHO CHÚNG TA NHÌN VỀ LỊCH SỬ KHÁCH QUAN HƠN, KHOA HỌC VÀ CÔNG BẰNG HƠN

LÊ ĐỨC ANH*

Những ngày này, toàn Đảng, toàn dân ta đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước trong không khí hào hứng tiến tới kỷ niệm 28 năm Đại thắng mùa Xuân 1975. Ngày lịch sử trọng đại càng lùi xa, mỗi dịp hồi tưởng lại, chúng ta càng thấy tự hào, trân trọng; đồng thời càng có dịp nhìn nhận sự việc bằng tinh thần điềm tĩnh hơn, khoa học hơn, và do đó công bằng hơn.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, rất coi trọng chữ “thời”. Người từng dạy: “Lạc nước hai xe đành bỏ phí; gặp thời một tốt cũng thành công”.

Sau khi bị quân và dân miền Nam ta liên tiếp đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ đang đứng trước nguy cơ phá sản. Lúc này, thời cơ mới của cách mạng Việt Nam đã xuất hiện. Bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân-1968, chúng ta đã thực hiện được một nửa quyết tâm chiến lược “đánh cho Mỹ cút” trong tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của Trung ương Đảng và Bác Hồ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Mỹ phải tuyên bố rút quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, ngồi vào bàn đàm phán và ký Hiệp định Pari (Paris) tháng Giêng 1973. Nhưng chúng vẫn ngoan cố thực hiện âm mưu xâm lược của mình bằng một chiến lược mới “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Năm 1969, tôi ra Bắc, được đọc tài liệu mật, vừa đọc vừa đối chiếu với tình hình ở chiến trường thì thấy đúng! Càng đọc càng thấy rõ ý đồ chiến lược cả về chính trị, quân sự và kinh tế – xã hội của đối phương. Thực chất nó đã tập trung toàn những người giỏi để soạn thảo những văn bản này. Vậy mà rất tiếc, trong cán bộ của ta có khá nhiều người không đọc kỹ nên chỉ quan niệm đơn giản “Việt Nam hóa là Mỹ cút, ngụy chủ trì”. Chính vì nghiên cứu không sâu nên khi nó thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, đánh loang ra, lấn đất giành dân, thì mình bị hẫng hụt. Chỉ thị của trên thì cả cán bộ, chiến sĩ đều đọc và thuộc, nhưng vẫn cứ để nó lấn tới, quân ta đông mà nó vẫn lấn tới được. Bởi vậy, nghiên cứu thật sâu để thấy rõ ý đồ của địch, thấy rõ chỗ mạnh chỗ yếu của nó là rất quan trọng. Đế quốc Mỹ nó bỏ của ra ở miền Nam Việt Nam không chỉ để kiếm lợi ở riêng miền Nam mà nó kiếm lợi trên toàn cầu. Ý đồ của nó là tạo ra một nguy quyền mạnh, mạnh cả về quân sự, chính trị và kinh tế, dưới nhãn hiệu “Quốc gia dân tộc”; đây là ý đồ thật sự của nó, và nó sẽ viện trợ đầy đủ cho quân ngụy cùng với những chính sách được nghiên cứu rất sát sao để thực hiện ý đồ này.

Lúc đó, tôi có dịp trao đổi với anh Lê Duẩn và anh Phạm Hùng. Chúng tôi

(*) Nguyên Phó tư lệnh, Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

đều nhất trí thấy rằng Mỹ tăng cố vấn và tăng viện trợ để thực hiện quyết liệt ý đồ “Quốc gia dân tộc”; nhưng bọn nguy quyền vẫn tham nhũng và mâu thuẫn nhau nên không thực hiện được. Cả một bộ máy quân sự khá đồ sộ – từ chủ lực tới quân địa phương, bảo an dân vệ, đến phòng vệ dân sự... đông, đồ sộ nhưng không mạnh. Anh Duẩn nói: “Quyết không để cho quân nguy nó trấn tĩnh lại, phải chớp thời cơ càng nhanh càng tốt. Nó đã hết hoang mang, ổn định tinh thần rồi thì mình sẽ khó vô cùng”. Chúng tôi thấy rằng nếu kế hoạch cơ bản về “Việt Nam hóa” của nó mà làm được 70% thì ta sẽ khó khăn. Lúc đó nếu còn chiến tranh thì sẽ trở thành “nội chiến”; mà đã thế thì nó sẽ diễn ra như thế nào, không ai lường trước được. Từ giữa 1973 đến đầu 1974, nó đã bắt đầu thí điểm thực hiện kế hoạch ở một số vùng ven đô. Bởi vậy Trung ương Đảng ta đã chỉ rõ: Nhằm lúc Mỹ rút nhưng chưa rút xong, nguy ở lại thì chưa ổn định, đây là thời cơ tốt nhất để ta tổng tiến công. Thời cơ là vô cùng quan trọng. Thời cơ là sức mạnh.

Có thể nói, sau khi ta đã có chiến thắng Phước Long, có chiến thắng Buôn Ma Thuật thì thời cơ nó đã hiện ra. Và lúc này, tại Trung ương Cục, khi làm kế hoạch Chiến dịch Hồ Chí Minh, mọi người đều khẳng định phải hoàn thành trước mùa mưa, có nghĩa là trong tháng Tư, bởi nếu sang tháng Năm là đã tới mùa mưa, cơ giới và nhất là tăng thiết giáp của ta cơ động sẽ khó khăn, nhất là trên hướng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều vùng sinh lầy và dọc ngang kênh rạch. Hơn nữa, nếu lúc này mà vẫn nói “Lấy yếu đánh mạnh” là không phải, không lôgic; mà phải lấy mạnh đánh mạnh, thắng mạnh; không phải lấy ít địch nhiều mà phải lấy nhiều đánh nhiều. Phải tập trung và phát huy cao nhất sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để giành toàn thắng ở trận cuối cùng.

Ở trên tôi đã nói, bây giờ độ lùi của thời gian cho phép chúng ta bình tâm chiêm nghiệm lại các sự kiện lịch sử một cách khách quan và khoa học hơn. Chẳng hạn, bước sang 1974, khi ta có Phước Long, thì lúc nào và ở đâu cũng chỉ nói đến Phước Long thôi thì không đúng và không đủ đâu. Mà còn phải thấy lúc đó Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ đạo các trận đánh tạo thế, đánh nghi binh để thu hút lực lượng địch ở Tây Ninh, đánh chiếm núi Bà Đen, rồi ven Quốc lộ 4 phía Long An và Tiền Giang, tạo điều kiện cho vùng ven đô Sài Gòn – Chợ Lớn phát triển lực lượng và tổ chức thế trận thì mới đúng, mới đủ. Thực tế cho thấy khi Quân đoàn 3 thực hiện nhiệm vụ “giải quyết Đồng Dù” thì Sư đoàn 25 của nguy ở Đồng Dù đã phải kéo lên để giữ Tây Ninh. Bởi vậy khi ta nã pháo thì lực lượng địch ở tiểu khu Hậu Nghĩa và số còn lại ở Đồng Dù bỏ chạy, Trung đoàn Gia Định đứng ở ven đô đã đón lõng bắt được rất nhiều.

Cũng như nếu nói tới Chiến thắng 30 tháng Tư mà chỉ nói nhiều đến đơn vị xe tăng của Quân đoàn 2 tiến vào Dinh Độc Lập thôi thì không đủ và không công bằng. Mà phải thấy rõ cả 5 cánh quân hình thành năm hướng tiến công vào sào huyệt cuối cùng của quân địch với một quyết tâm và nỗ lực rất cao, trong đó kết quả tác chiến của đơn vị này đã mở ra điều kiện thuận lợi, thậm chí rất thuận lợi cho đơn vị kia. Ngay như trên hướng tiến của Quân đoàn 2 chẳng hạn. Địa bàn quan trọng nhất được gọi là “cánh cửa thép” Xuân Lộc thì những ngày trước đó, Quân đoàn 4 và các lực lượng vũ trang miền Đông đã chiến đấu quyết liệt, giải

quyết một cách căn bản, cốt lõi; và có thể nói các Sư đoàn 9 và 7 của Quân đoàn 4 cùng các lực lượng miền Đông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chủ yếu của hướng này. Cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 từ xa đã nhanh chóng thọc sâu là một công lớn, nhưng phải thấy rõ khi Quân đoàn 4 ở Xuân Lộc đã chiếm và làm chủ từ ngã ba Dầu Giây, đánh chiếm sở chỉ huy Quân đoàn 3 nguy ở Biên Hòa, đã đánh chiếm sân bay Biên Hòa, rồi mở được cầu Biên Hòa là đã hoàn thành cơ bản, là đã mở rộng đường tiến vào Sài Gòn. Từ cầu Biên Hòa trở vào nội đô Sài Gòn, lực lượng đặc công biệt động đã đánh chiếm và giữ các cây cầu quan trọng, sức đề kháng của quân địch rất yếu ớt; lực lượng thủy quân lục chiến nguy đã gần như bỏ trống địa bàn. Bởi vậy khi cánh đi đầu của Quân đoàn 2 chỉ có một trung đoàn thiếu và một đại đội tăng đã xộc thẳng được vào tận Dinh Độc Lập. Và, trưa 30 tháng Tư, lực lượng có mặt tại Dinh Độc Lập không chỉ có tăng của Quân đoàn 2 mà còn có cả anh em bộ đội của Sư đoàn 9, Quân đoàn 4. Chiến đấu kiên cường, hy sinh to lớn, tạo thuận lợi cho đơn vị bạn tiến công, đến phút vinh quang cuối cùng, đến “thời khắc lịch sử” của cuộc chiến lại khiêm nhường, âu cũng là phẩm chất cao đẹp của “Anh bộ đội Cụ Hồ” thật đáng trân trọng xiết bao!

Nhân dịp kỷ niệm 28 năm Đại thắng Xuân 1975, tôi xin gửi tới cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4, đến Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang miền Đông nói chung, Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng, lời chào kính trọng, đoàn kết và chiến thắng vẻ vang trong sự nghiệp đổi mới hôm nay!

Hà Nội, ngày 29-3-2003

L.Đ.A.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU VỀ CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC – LONG KHÁNH THÁNG 4-1975

Thiếu tướng NGUYỄN VĂN CHIA*

Cách đây tròn 28 năm, tại Xuân Lộc – Long Khánh, nay là huyện Long Khánh thuộc tỉnh Đồng Nai, đã diễn ra một sự kiện lịch sử quan trọng: Quân đoàn 4, Quân khu 7 phối hợp với các lực lượng vũ trang và nhân dân hai tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Biên Hòa tiến công khu vực phòng thủ chốt chặn của địch từ Dầu Giây đến thị xã Long Khánh, ngã ba Tân Phong. Trong 12 ngày đêm từ 9 đến 21 tháng 4 năm 1975, các lực lượng tiến công của ta, với tinh thần thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng đã kiên cường chịu đựng và vượt qua mọi gian khổ hy sinh, liên tục tiến công, sáng tạo ra nhiều cách đánh khoa học, phù hợp với thực tiễn chiến trường, đi đến giành thắng lợi trọn vẹn.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh tháng 4 năm 1975 có ý nghĩa lịch sử rất lớn. Thắng lợi của chiến dịch đã đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc, mở thông con đường tấn công Biên Hòa, Sài Gòn từ hướng đông, tạo điều kiện cho quân và dân ta bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, thực hiện trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh tháng 4 năm 1975 đã nêu một điển hình về sự huy động sức mạnh tổng hợp trong chiến đấu tiến công địch phòng ngự; nêu tấm gương sáng về tinh thần kiên cường chịu đựng gian khổ hy sinh, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công địch của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, của công nhân cao su, nông dân và học sinh trí thức ở Xuân Lộc – Long Khánh, Bà Rịa, Biên Hòa.

Thắng lợi của chiến dịch đã để lại những bài học lịch sử hết sức quý giá. Đó là vấn đề nghiên cứu đánh giá về địch; vấn đề tổ chức lực lượng, bố trí đội hình; vấn đề chọn cách đánh, hướng tấn công, mục tiêu tấn công; vấn đề phát động nhân dân địa phương tham gia chiến dịch, phối hợp lực lượng vũ trang ba thứ quân, phối hợp quân với dân nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong quá trình tiến hành chiến dịch; vấn đề phối hợp tác chiến giữa lực lượng tiến công khu vực phòng thủ ở Xuân Lộc – Long Khánh với quân và dân ta trên khắp các chiến trường Đông Nam bộ và Nam bộ ...

Sau thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh, các đơn vị vũ trang thực hành chiến dịch đã phát huy những thành quả đạt được, tiếp tục chiến đấu và công tác, lập nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc chiến đấu cuối cùng giải phóng hoàn toàn miền Nam, trong những ngày thực hiện nhiệm vụ quân quản, khắc phục hậu quả chiến tranh, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, làm nghĩa vụ Quốc tế ở Campuchia và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trên địa bàn diễn ra chiến dịch năm xưa, nhân dân Xuân Lộc – Long Khánh đã nỗ lực hàn

(*) Tư lệnh Quân khu 7.

gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quan hệ sản xuất mới, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng và an ninh, làm cho quê hương ngày càng giàu đẹp. Trong tâm thức của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tâm thức cán bộ và chiến sĩ Quân khu 7, Quân đoàn 4 hôm nay, luôn ghi nhớ những năm tháng chiến đấu hào hùng chống quân xâm lược nói chung, niềm tự hào về chiến thắng của Chiến dịch tiến công Xuân Lộc – Long Khánh nói riêng. Việc nghiên cứu sâu sắc hơn sự kiện cuộc tiến công khu vực phòng thủ ở Xuân Lộc – Long Khánh tháng 4 năm 1975, do đó, không chỉ có ý nghĩa khơi gợi niềm tự hào về quá khứ mà quan trọng hơn, để qua đó, tìm ra những bài học kinh nghiệm vận dụng vào điều kiện lịch sử hiện nay.

Với ý nghĩa như vậy, Chiến dịch tiến công khu vực phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh tháng 4 năm 1975 cần được tiếp tục triển khai nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực của đề tài, trong đó cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây :

1. Xuân Lộc – Long Khánh là địa bàn tụ cư của nhiều tầng lớp nhân dân lao động, bao gồm nông dân, công nhân cao su, binh dân thành thị và đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong quá trình lịch sử, nhân dân Xuân Lộc – Long Khánh có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm rất kiên cường. Tìm hiểu làm rõ đặc điểm về địa lý tự nhiên, địa lý nhân văn và địa lý quân sự vùng Xuân Lộc – Long Khánh, phân tích tình hình địch ta trên chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh trong quá khứ lịch sử cũng như thời điểm đầu tháng 4 năm 1975, chính là chúng ta tạo ra tiền đề cần thiết để từ đó nghiên cứu sâu sắc hơn Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh.

2. Chiến dịch tiến công khu vực phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh diễn ra vào thời điểm lịch sử rất nhạy cảm. Trên chiến trường toàn miền Nam, chúng ta đã đập tan các tập đoàn cứ điểm của địch từ Quảng Trị, Huế vào đến Nha Trang. Các cánh quân của đại quân ta ở miền Bắc và Tây Nguyên đang tiến về phía Nam. Tuyến phòng thủ Phan Rang bị uy hiếp nghiêm trọng. Trên địa bàn Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long, nhiều địa phương đã hoàn toàn giải phóng. Phong trào tiến công cách mạng của quần chúng cộng với hoạt động của lực lượng vũ trang ba thứ quân đang tạo nên một vòng vây siết chặt quân địch tại Sài Gòn. Tuy nhiên lực lượng quân sự của địch còn đang rất mạnh, và với sự giúp đỡ của Mỹ, chúng đang bài binh bố trận để tử thủ mà Xuân Lộc – Long Khánh là một khu vực chốt chặn chủ yếu trong hệ thống bài binh bố trận tử thủ ấy. Tìm hiểu làm rõ hình thái chiến trường, mưu toan của địch cũng như chủ trương của ta trong Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh là một nội dung quan trọng khi nghiên cứu sự kiện lịch sử này.

3. Lực lượng ta tiến công khu vực phòng thủ của địch ở Xuân Lộc – Long Khánh bao gồm hai sư đoàn bộ binh của Quân đoàn 4, một sư đoàn bộ binh của Quân khu 7 và một số tiểu đoàn, đại đội bộ đội địa phương. Thực tế quá trình chiến dịch diễn biến khá phức tạp với hai giai đoạn khác nhau: tập trung đột kích và bao vây đánh viện. Nghiên cứu Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh, về mặt nghệ thuật quân sự, là tập trung nghiên cứu quá trình xây dựng kế hoạch, chuẩn bị lực lượng và điều hành thực hiện đến khi kết thúc chiến dịch. Đó là các nội dung xây dựng kế

hoạch chiến đấu, chọn cách đánh, hướng tiến công, mục tiêu tiến công, tổ chức lực lượng, bố trí đội hình, công tác Đảng, công tác chính trị, công tác huấn luyện hợp đồng chiến đấu, công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật, công tác vận động quần chúng... Đây là những nội dung rất quan trọng khi nghiên cứu Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh.

4. Tham gia thực hiện Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh không chỉ có lực lượng vũ trang. Chỉ có thể hiểu được trọn vẹn, đầy đủ nội dung chiến dịch khi chúng ta đi sâu nghiên cứu vai trò của Đảng bộ các cấp ở địa phương tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh; nghiên cứu vai trò của nhân dân địa phương trong đó bao gồm nông dân, công nhân cao su, lao động thành thị và thanh niên học sinh trí thức ở thị xã Long Khánh; nghiên cứu hoạt động của các mũi đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận, hoạt động của nhân dân địa phương trong công tác chuẩn bị chiến trường, công tác bảo đảm hậu cần trước và trong thời gian diễn ra chiến dịch.

5. Sau cùng, khi nghiên cứu Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh, chúng ta không thể không đi sâu phân tích nguyên nhân thành công, phân tích các ý nghĩa lịch sử cũng như đánh giá vị trí, vai trò của Chiến dịch trong toàn bộ tiến trình cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Đây là khu vực đề tài vốn có một vài ý kiến khác nhau. Mặt khác, từ sự kiện Chiến dịch tiến công khu vực Xuân Lộc – Long Khánh, chúng ta cần đi sâu phân tích, rút ra những bài học kinh nghiệm, đặt từ đó nghiên cứu vận dụng vào điều kiện lịch sử hiện nay trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng khu vực phòng thủ địa phương, việc huấn luyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Nghiên cứu sâu sắc những nội dung chủ yếu trên đây, chính là chúng ta tổ chức kỷ niệm một cách thiết thực nhất sự kiện Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh; chính là chúng ta bày tỏ thái độ đúng đắn nhất đối với lịch sử, với cuộc chiến đấu hào hùng của dân tộc ta trong 30 năm chiến tranh giải phóng vừa qua. Và quan trọng hơn, chính là chúng ta bày tỏ quyết tâm kế thừa và phát huy truyền thống chống ngoại xâm bất khuất của các thế hệ đi trước vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay !

N.V.C

PHÁT BIỂU CỦA THƯỜNG TƯỚNG LÊ VĂN DŨNG* TẠI HỘI THẢO KHOA HỌC "CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC" TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Kính thưa các đồng chí đại biểu!

Thưa toàn thể các đồng chí!

Trước hết, xin thay mặt Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, tôi nhiệt liệt hoan nghênh Tỉnh ủy Đồng Nai, Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu phối hợp cùng Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 tổ chức Hội thảo về: "Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc" - một Hội thảo có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc cả về phương diện chính trị, văn hoá, xã hội và quân sự.

Đây không chỉ là dịp chúng ta ôn lại lịch sử, tăng cường giáo dục truyền thống, nâng cao lòng tự hào về bản lĩnh và sức mạnh của dân tộc Việt Nam, nhất là trong thời đại Hồ Chí Minh do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, mà trong quá trình soi vào lịch sử, tổng kết thực tiễn, khái quát hóa nâng lên tầm lý luận những bài học kinh nghiệm rút ra từ những sự kiện lịch sử hào hùng của dân tộc, chúng ta có được những nhận thức mới về những vấn đề tưởng như đã cũ, góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận và trình độ tổ chức hoạt động thực tiễn của chúng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là những điều không thể thiếu vắng trong bản lĩnh của con người Việt Nam đương đại, góp phần bảo đảm cho đất nước luôn ổn định và phát triển bền vững.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, chúng ta đã tiến hành ba chiến dịch lớn nối tiếp nhau (Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh), kết hợp chặt chẽ tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn với phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân các địa phương. Tuy ba chiến dịch được tiến hành ở ba hướng chiến lược, thời gian cụ thể khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ trong một kế hoạch chiến lược thống nhất. Thắng lợi của chiến dịch trước làm tiền đề và tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch sau. Chiến dịch sau vừa tiếp nối, vừa nhân kết quả của chiến dịch trước lên gấp bội, tạo thời cơ mới phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, giáng đòn quyết định chiến lược cuối cùng, tiêu diệt lực lượng ngoan cố nhất tại sào huyệt của địch, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân trong thời gian 56 ngày (Từ 4-3-1975 bắt đầu Chiến dịch Tây Nguyên đến 30-4-1975 kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh). Đó là một kỳ tích hiếm có trong lịch sử thế giới đương đại.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Chiến thắng Xuân

(*) Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Lộc có ý nghĩa rất quan trọng. Sau 12 ngày đêm chiến đấu ác liệt (Từ 3-4 đến 21-4-1975), quân và dân ta đã đập tan khu vực phòng thủ chiến lược của địch án ngữ cửa ngõ vào Sài Gòn ở phía đông, giải phóng Xuân Lộc, mở đường tiến về giải phóng Sài Gòn. Đây là một trong các trận chiến đấu tạo thế cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (bắt đầu 17 giờ ngày 26-4-1975, trước tiên từ hướng đông và đông nam Sài Gòn). Vì vậy có thể nói, Chiến thắng Xuân Lộc gắn liền và góp phần tạo nên thắng lợi của Chiến dịch tiến công quyết chiến chiến lược mang tên Bác Hồ kính yêu.

Giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn của những sự kiện lịch sử hào hùng mùa Xuân 1975 được đề cập trong tham luận của nhiều đại biểu, tôi chỉ xin nhấn mạnh mấy vấn đề sau đây:

Một là, thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 (trong đó có Chiến thắng Xuân Lộc) chứng minh và khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, với đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sáng tạo và độc lập tự chủ, sự chỉ đạo chiến lược sắc bén, kịp thời. Đảng ta không những đã nắm chắc và tận dụng triệt để thời cơ chiến lược, mà còn chủ động tạo ra thời cơ để giành thắng lợi hoàn toàn. Chỉ cần tổng hợp - phân tích những sự kiện lịch sử trong Chiến dịch Hồ Chí Minh chúng ta cũng thấy rất rõ điều này. Bám sát diễn biến tình hình, nhận định thời cơ lớn xuất hiện, ngày 31-3-1975 Bộ Chính trị họp mở rộng đã quyết định: "Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động *"thần tốc, táo bạo, bất ngờ"*... Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc"¹. Ngày 05-4-1975, Bí thư Quân ủy Trung ương điện chỉ đạo các đơn vị *"Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng"*. Ngày 06-4-1975, Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định. Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tác chiến và đề nghị Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 07-4-1975, Bí thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng tư lệnh tiếp tục ra lệnh động viên toàn quân *"Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ thời gian từng phút xóc tới mặt trận, giải phóng hoàn toàn miền Nam, quyết chiến và toàn thắng"*. Cùng ngày 07-4-1975, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã họp, có sự tham gia của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đang ở B2 (Nam bộ) bàn chủ trương tác chiến và quyết định: "Trong khi khẩn trương chuẩn bị cho phương án chiến dịch quy mô lớn, để tranh thủ thời gian tạo ra và lợi dụng những đột biến mới, tạo ra thời cơ mới, lực lượng B2 tiến hành mở một chiến dịch nhằm chia cắt chiến lược, triệt để bao vây cô lập Sài Gòn... tạo ra được một thế có lợi cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn". Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cũng kịp thời điện chỉ đạo: "Hãy chờ ít ngày đến khi lực lượng lớn tới đủ thì mở tiến công lớn vào Sài Gòn - Gia Định, đánh liên tục dồn dập đến khi giành được thắng lợi. Trước hết nên thực hiện bao vây Sài Gòn và

⁽¹⁾ Lê Duẩn - *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, H., 1985, trang 386-387.

đẩy mạnh hoạt động ở ven đô"¹. Góp phần thực hiện chủ trương đó, ngày 09-4-1975, Quân đoàn 4 tiến công Xuân Lộc, Đoàn 232 tiến công Tân An. Địch điên cuồng chống cự, ta phải tạm dừng để củng cố và tìm cách đánh mới. Ngày 11-4, Trung ương Cục và Quân ủy Miền kịp thời chỉ đạo Quân đoàn 4 chỉ để 1 sư đoàn có binh khí kỹ thuật vây Xuân Lộc, không cần tăng thêm lực lượng, đánh địch bên ngoài là chủ yếu, đánh tốt bên ngoài, có điều kiện thì diệt điểm Xuân Lộc hoặc chuyển sang cắt Quốc lộ 15 (đoạn Long Bình - Bà Rịa), áp sát không chế sông Lòng Tàu và sân bay Biên Hoà, thu hút và giữ địch ở đây cho đến khi Chiến dịch giải phóng Sài Gòn bắt đầu; Đoàn 232 chuyển sang giải phóng các địa bàn ven lộ tạo điều kiện cắt lộ 4, chỉ tiến công giải phóng Tân An khi có thời cơ.

Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị quyết định Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định mang tên Bác và chỉ rõ: "Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn kết hợp với nổi dậy của quần chúng để kết thúc chiến tranh. Đó là chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử". Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, từ ngày 21 đến ngày 25-4, năm cánh quân gồm các quân đoàn chủ lực cơ động, các quân đoàn chủ lực đứng chân trên các hướng chiến trường cùng các lực lượng vũ trang tại chỗ và nhân dân các địa phương đã hình thành thế trận chiến tranh nhân dân hùng mạnh vây quanh Sài Gòn, sẵn sàng tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Từ 17 giờ ngày 26-4 đến 11 giờ 30 phút ngày 30-4, sau gần 4 ngày đêm tiến công thần tốc, dũng mãnh, nổi dậy đồng loạt kịp thời, với sự phối hợp tuyệt vời của quân và dân ta trên các hướng, các địa bàn, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã toàn thắng, quyết tâm chiến lược của Đảng được thực hiện trọn vẹn.

Hai là, thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 (trong đó có Chiến thắng Xuân Lộc) chứng minh và khẳng định sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân (nòng cốt là quân đội nhân dân), trong đó trước hết và quyết định nhất là sức mạnh của nhân tố chính trị - tinh thần.

Phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần làm cơ sở để tạo nên sức mạnh tổng hợp giành chiến thắng là nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Sức mạnh chính trị - tinh thần của quân và dân ta bắt nguồn từ lịch sử hào hùng của dân tộc. Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, dân tộc Việt Nam liên tục trải qua những cuộc chiến tranh điển hình về tính chất ác liệt và sự gian khổ hy sinh, luôn phải đương đầu với các thế lực xâm lược điển hình về tính chất hung bạo và hiếu chiến, có tiềm lực kinh tế và tiềm lực quân sự mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Điều kiện lịch sử đặc thù đó đã thử thách rất nghiêm ngặt, đồng thời tôi luyện và kiểm nghiệm rất nghiêm ngặt những phẩm chất chính trị - tinh thần và trí tuệ của con người Việt Nam, hun đúc nên truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất, trọng nhân nghĩa và đoàn kết gắn bó, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ động sáng tạo... của dân tộc Việt Nam, tạo thành sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi trong dựng nước và giữ nước.

⁽¹⁾ Hồ sơ CT4/MQ-103. Tổng cục Chính trị, trang 285-286.

Trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, sức mạnh chính trị - tinh thần của quân và dân ta được Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đúng đắn, bồi dưỡng và phát huy cao độ, nhất là trong Chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy mang tên Hồ Chí Minh, tạo thành sức mạnh tiến công thần tốc, dũng mãnh và sức mạnh nổi dậy liên tục, đồng loạt như vũ bão, hoàn toàn áp đảo kẻ thù, làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Sức mạnh chính trị - tinh thần cũng là một ưu thế, là sức mạnh đặc trưng của quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc do Đảng Cộng sản tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đặt ra những yêu cầu mới rất cao đối với tinh thần và thể chất của cán bộ, chiến sĩ do tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng để tiến hành các chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử, với các trận chiến đấu diễn ra rất khốc liệt, quyết liệt, nhịp độ tiến công phát triển liên tục và cường độ cao... nhưng do được giáo dục và rèn luyện tốt nên cán bộ, chiến sĩ có nhận thức đúng đắn về tình hình và nhiệm vụ, nhận rõ thời cơ chiến lược, quán triệt sâu sắc tư tưởng cách mạng tiến công và quyết tâm chiến lược của Đảng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần quyết chiến quyết thắng rất cao thể hiện rõ nét trong từng trận chiến đấu và trong suốt Chiến dịch để giành thắng lợi hoàn toàn.

Có thể nói Đại thắng mùa Xuân 1975 là bản anh hùng ca về sức mạnh chính trị-tinh thần vô địch của dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Ba là, thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 (trong đó có Chiến thắng Xuân Lộc) cũng chứng minh và khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân, thực sự "là linh hồn, là mạch sống" của quân đội ta, là nhân tố trực tiếp quyết định sức mạnh chính trị - tinh thần của quân đội, góp phần rất quan trọng vào sự trưởng thành và chiến thắng của lực lượng vũ trang nhân dân.

Tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị là vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhằm xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu toàn diện của quân đội. Trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, công tác Đảng, công tác chính trị đã tập trung xây dựng được quyết tâm chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu của các trận chiến đấu và các chiến dịch trong giai đoạn kết thúc chiến tranh. Do công tác tư tưởng được tiến hành liên tục, toàn diện với nhiều hình thức, biện pháp phong phú, sinh động và có hiệu quả, cán bộ chiến sĩ nhận thức rõ về tình hình và nhiệm vụ, nhất trí cao và tin tưởng tuyệt đối với quyết tâm chiến lược của Đảng (cả về mục tiêu chiến lược, thời cơ chiến lược, phương châm chỉ đạo tác chiến, phương thức tác chiến...). Đó là chất keo gắn bó toàn quân thành một khối thống nhất vững chắc cả về tư tưởng và tổ chức, ý chí và hành động, chuyển hóa thành sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn áp đảo quân thù, quyết chiến quyết thắng trong từng trận chiến đấu, trong suốt cả Chiến dịch cho đến giành toàn thắng.

Trong mấy ngày đầu Quân đoàn 4 tiến công Xuân Lộc, khi quân địch ngoan cố chống trả quyết liệt, gây cho ta thương vong cao, một số cán bộ, chiến sĩ có biểu hiện ngại ác liệt hy sinh khi ngày toàn thắng đang đến gần. Công tác Đảng, công tác chính trị đã kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm, đấu tranh nghiêm túc, không để nhận thức tư tưởng lệch lạc tồn tại và lây lan, củng cố và nâng cao quyết tâm chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ.

Trong quá trình Chiến dịch, một số đơn vị chậm nhận được sự chỉ đạo cụ thể của trên, nhưng do quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến lược của Đảng và sự khẩn trương chính trị trong xử lý các tình huống, nhất là trước các bước ngoặt, nên đã chủ động lãnh đạo, động viên bộ đội kiên quyết tiến công với khí thế thần tốc, dũng mãnh, tích cực phối hợp chặt chẽ với các hướng, các lực lượng để giành thắng lợi.

Công tác Đảng, công tác chính trị đã coi trọng lãnh đạo tổ chức chiến đấu và chiến dịch, giải quyết tốt những vấn đề mấu chốt về hiệp đồng tác chiến trong tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn kết hợp với nổi dậy của quần chúng, trong đó có ba vấn đề lớn nổi lên là: lãnh đạo công tác tổ chức chiến đấu trong chiến dịch thật chặt chẽ, khoa học, tập trung vào hai khâu động viên cơ quan tham mưu chỉ huy nêu cao trách nhiệm trong xây dựng kế hoạch hiệp đồng chiến đấu và phát huy dân chủ về quân sự sâu rộng ở các cấp; lãnh đạo tiến hành giáo dục sâu sắc cho bộ đội, trọng tâm là cán bộ tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, kỷ luật trong tác chiến hiệp đồng, xây dựng tinh thần đoàn kết chủ động hiệp đồng lập công tập thể; bám sát và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động bảo đảm chiến đấu, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn diễn ra liên tục, khẩn trương và quyết liệt.

Công tác Đảng, công tác chính trị cũng đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp chặt chẽ và phát huy cao độ vai trò của các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương trong Chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy để giành toàn thắng, kết thúc chiến tranh.

Công tác Đảng, công tác chính trị cũng chủ động lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và động viên bộ đội phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội cụ Hồ", làm tốt chức năng đội quân công tác ở vùng mới giải phóng, nhất là khi vào thành phố, góp phần rất quan trọng vào việc nhanh chóng ổn định tình hình chính trị - xã hội, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng cuộc sống mới.

Kính thưa các đồng chí !

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Để dòng chảy lịch sử dân tộc liên tục phát triển, chúng ta cần tăng cường giáo dục truyền thống, truyền thụ kinh nghiệm, đồng thời tích cực tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận, đúc kết cho được những bài học quý báu từ lịch sử nhằm bồi đắp kho tàng trí tuệ Việt Nam, làm cho các thế hệ người Việt Nam nối tiếp nhau luôn trân trọng tự hào với lịch sử hào hùng của dân tộc, luôn kế thừa và phát triển truyền thống tốt đẹp của dân tộc lên tầm cao mới trong thời kỳ lịch sử mới.

Xin chân thành cảm ơn.

L.V.D.

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC TRONG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - QUÂN SỰ

Trung tướng - PGS. Tiến sĩ NGUYỄN THỂ TRỊ *

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân và dân ta đã mở nhiều chiến dịch. Có chiến dịch do Bộ trực tiếp tổ chức và chỉ đạo, nhưng cũng có chiến dịch do cấp quân khu, quân đoàn phối hợp với lực lượng vũ trang trên địa bàn tác chiến tiến hành theo nhiệm vụ của Đảng ủy Quân sự Trung ương và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh giao. Vì vậy, mỗi chiến dịch thường có vị trí, vai trò khác nhau đối với cục diện chiến lược và cũng để lại những bài học đặc sắc riêng. Do đó, việc tổ chức hội thảo về Chiến dịch Xuân Lộc là một việc làm cần thiết, bổ ích không chỉ hồi tưởng lại những ngày chiến đấu gian khổ, ác liệt nhưng rất hào hùng của lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ, của tỉnh Đồng Nai và Quân đoàn 4 mà còn nhằm tìm ra những bài học kinh nghiệm quý giá để nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong giáo dục quốc phòng - quân sự hiện nay.

Chiến dịch Xuân Lộc diễn ra ở giai đoạn quân và dân cả nước đang tập trung cao nhất sức người, sức của với quyết tâm giành thắng lợi quyết định trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Đây là đòn tiến công tạo thế chiến lược của lực lượng vũ trang và nhân dân miền Đông Nam bộ trên một hướng chiến lược trọng yếu, nhằm tạo điều kiện để tiến hành thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước lâu dài và gian khổ nhưng rất vẻ vang của dân tộc.

Trước khi Chiến dịch Xuân Lộc diễn ra, trên chiến trường quân nguy đã bị tổn thất nặng; mất Vùng 1 và 2 chiến thuật cùng nhiều địa bàn chiến lược quan trọng khác buộc chúng phải co về phòng ngự trong thế bị động. Tuy lực lượng vẫn còn đông (tính riêng Vùng chiến thuật 3: quân số còn 245.000 tên, chủ lực có 152.000 với 6 sư đoàn, 1 lữ đoàn, 19 tiểu đoàn pháo với 406 khẩu, 7 thiết đoàn với 624 xe, 800 máy bay, hải quân có 862 tàu lớn nhỏ. Vùng chiến thuật 4: quân số 175.000 tên, chủ lực 66.000 với 3 sư đoàn, 1 lữ đoàn, 386 khẩu pháo, 493 xe thiết giáp, 409 máy bay và 579 tàu lớn nhỏ...), nhưng tinh thần binh sĩ địch đã rất hoang mang, rệu rã. Với bản chất phản động, ngoan cố, chính quyền tay sai của Mỹ ở Sài Gòn gắng sức lập tuyến phòng thủ chiến lược kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh để bảo vệ Sài Gòn và những địa bàn chiến lược quan trọng ở Vùng 3 và Vùng 4 chiến thuật, chờ viện trợ của Mỹ, đợi mùa mưa tới chuyển sang phản công chiến lược giành lại những vùng đã bị mất... Trong tuyến phòng thủ chiến lược này, Xuân Lộc được quân nguy coi là địa bàn trọng điểm giữ vai trò quyết định bảo vệ thành phố Sài Gòn. Vì vậy, Nguyễn Văn Thiệu đã dốc lực lượng và phương tiện "tử thủ" ở Xuân Lộc với mong muốn tạo được một thắng lợi để củng cố lại tinh thần cho quân nguy và hối thúc viện trợ của Mỹ... Phía Mỹ cũng muốn quân nguy có chiến thắng để chặn đứng cuộc tiến công chiến lược của ta và giành

(*) Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Quốc phòng.

lại thế cân bằng trên chiến trường tiến tới kết thúc chiến tranh trong danh dự có lợi cho Mỹ. Bởi vậy, ngay từ khi Đà Nẵng bị thất thủ, tướng Uýen, đại sứ Mỹ Martin và một phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng được phái đến Sài Gòn lập kế hoạch cứu vãn tình thế chiến tranh. Ngay trong ngày hôm đó (28-3) Uýen cùng một số tướng lĩnh trong Tổng hành dinh quân nguy tức tốc ra Xuân Lộc để hoạch định và chỉ huy xây dựng "tuyến phòng ngự thép". Từ vị trí địa bàn chiến lược hiểm yếu của Xuân Lộc cùng với lực lượng còn khá mạnh của Quân đoàn 3. Đặc biệt là Sư đoàn bộ binh 18 (3 chiến đoàn), Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương và hàng nghìn cảnh sát và phòng vệ dân sự trực tiếp phòng thủ Xuân Lộc, lại được lực lượng ứng cứu trực tiếp của Lữ đoàn 3 thiết giáp ở Biên Hòa, Lữ đoàn dù 1 ở Sài Gòn và pháo binh, không quân của Quân khu 3 chi viện... Quân nguy hy vọng "cánh cửa thép Xuân Lộc" sẽ chặn được bước tiến của bộ đội ta trước cửa ngõ Sài Gòn

Quân dân ta, sau khi giành thắng lợi lớn trong hai đòn tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, giải phóng hoàn toàn Vùng 1 và 2 chiến thuật, đã tạo ra thời cơ chiến lược để Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975. Ngay từ ngày 18 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã đề ra chủ trương lớn về chiến dịch quyết chiến đánh vào Sài Gòn - Gia Định. Ngày 1 tháng 4 năm 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điện gửi các đồng chí Văn Tiến Dũng, Phạm Hùng, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh...: "Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ, quán triệt đầy đủ tư tưởng chỉ đạo "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng"... Một mặt, cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn".¹

Theo tinh thần chỉ thị đó, Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 đã chủ động mở Chiến dịch Xuân Lộc nhằm đập tan một mắt xích quan trọng trong tuyến phòng thủ "thép" của quân nguy, mở cánh cửa phía đông để bộ đội ta tiến vào giải phóng Sài Gòn. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhưng rất nặng nề đối với quân và dân miền Đông Nam bộ, song thời gian chuẩn bị chiến dịch lại ngắn, nhất là Quân đoàn 4 vừa hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng chi khu Định Quán (tỉnh Long Khánh) và tiến công giải phóng thị xã Bảo Lộc, Di Linh (tỉnh Lâm Đồng). Một số đơn vị của Quân đoàn quân số thương vong chưa kịp bổ sung, đạn pháo và phương tiện vận chuyển thiếu, đường cơ động xa, sức khỏe bộ đội chưa kịp hồi phục sau quá trình chiến đấu dài ngày. Trong khi đó Chiến dịch lại phải đột phá vào nơi phòng thủ mạnh của địch ở địa hình không được thuận lợi... Vì vậy Chiến dịch Xuân Lộc sẽ là nơi độ sức rất quyết liệt giữa một bên là chủ lực mạnh của quân nguy ở Vùng 3 chiến thuật với bản chất phản động và ngoan cố chống trả, một bên là quyết tâm đột kích phá vỡ điểm phòng ngự trọng yếu trên hướng phòng thủ chủ yếu của địch để tiến về Sài Gòn của Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang miền Đông. Tuy nhiệm vụ khó khăn, nhưng với những thắng lợi mà Quân đoàn 4 đã giành được cùng với sự phối hợp chặt chẽ của quân và dân địa phương, cổ vũ của

⁽¹⁾ Điện số 957 ngày 1 tháng 4 năm 1975, bản sao lưu tại Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

toàn chiến trường, đã làm tăng thêm quyết tâm chiến đấu và lòng tin vào chiến thắng của cán bộ và chiến sĩ toàn Quân đoàn.

Diễn biến Chiến dịch tiến công Xuân Lộc chia ra 2 giai đoạn chính:

Giai đoạn 1: Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công vào Sư đoàn 18 ngự ở thị xã Long Khánh (từ ngày 9 đến 11-4)

Giai đoạn này đã diễn ra một số trận đánh, trong đó có trận tiêu diệt quân địch phòng ngự ở thị xã Long Khánh. Các hoạt động chiến đấu đã diễn ra rất ác liệt ngay từ đầu. Quân đoàn 4 đã phải tiến công nhiều lần và giành giật với địch từng căn nhà, từng đường phố trong thị xã nhưng không dứt điểm được. Trước diễn biến tác chiến gặp nhiều khó khăn, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã phải củng cố lại lực lượng, tổ chức rút kinh nghiệm, thay đổi cách đánh cho phù hợp với tình hình, nhất là các thủ đoạn đối phó của địch trong phòng ngự.

Giai đoạn 2: Quân đoàn 4 chuyển sang bao vây cô lập quân địch trong thị xã, tổ chức các trận đánh tiêu diệt lực lượng địch tăng viện và phản kích ở vòng ngoài (từ ngày 12 đến 20-4).

Trong giai đoạn này, ta đã đánh thắng một số trận ở Dầu Giây và vòng ngoài thị xã, dùng pháo tầm xa bắn phá sân bay Biên Hòa, siết chặt vòng vây, cô lập quân địch ở Xuân Lộc với Biên Hòa và Sài Gòn, buộc chúng phải rút chạy khỏi Xuân Lộc. Khi địch rút chạy (20-4), ta đã tổ chức truy kích, nhưng hành động chiến đấu chưa kịp thời nên kết quả tiêu diệt địch hạn chế.

Ngày 21-4-1975, thị xã Long Khánh và tỉnh Long Khánh được giải phóng. Suốt 12 ngày đêm liên tục chiến đấu, Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương đã tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng của Sư đoàn bộ binh 18, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Lữ đoàn 1 dù... Chiến thắng Xuân lộc đã mở ra thế trận có lợi cho hướng tiến công của Quân đoàn 4 và các đơn vị bạn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Thất bại của quân ngự ở Xuân Lộc báo hiệu sự sụp đổ không thể cứu vãn nổi và đẩy ngự quân, ngự quyền càng lún sâu vào thế bị động lúng túng cả về chiến lược và chiến thuật. Sự thất bại của quân ngự ở Xuân Lộc còn đặt dấu chấm hết, kết thúc sự can thiệp của Mỹ vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cần được nghiên cứu tìm ra, nhằm góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự nói chung và vận dụng trong giáo dục quốc phòng, quân sự hiện nay nói riêng, đó là:

Thứ nhất: Trong tác chiến, nhất là tác chiến ở thời kỳ cuối chiến tranh, việc nắm và đánh giá địch có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng.

Sau thắng lợi vang dội của ta ở Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, xuất hiện sự đột biến về chiến lược có lợi cho ta và bất lợi đối với địch. Trên toàn miền Nam, quân ngự đã hoang mang, rối loạn và đang trên đà tan rã nhưng ở Quân khu 3 địch lực lượng còn đông, tiềm lực chiến tranh còn mạnh. Hơn nữa Sài Gòn lại là sào huyệt cuối cùng của chính quyền tay sai... Vì vậy, với bản chất phản động và ngoan cố kẻ địch sẽ dốc toàn bộ sức mạnh để lập tuyến phòng ngự, tổ chức chống trả bằng cả bộ binh và hỏa lực, có tổ chức chặt chẽ và chuẩn bị chu đáo, tạo ra sức

mạnh đánh trả các lực lượng và hướng tiến công của ta. Trên chiến trường, về chiến lược ta có lợi thế hơn hẳn quân địch, đặc biệt là khi khả năng can thiệp bằng quân sự của Mỹ để cứu nguy cho quân nguy không còn. Tuy vậy, trên từng hướng và địa bàn chiến lược, trước sức ép của bọn chỉ huy, không phải nơi nào quân địch cũng dễ dàng rút chạy để ta giành thắng lợi. Diễn biến Chiến dịch Xuân Lộc cho thấy: Trong suốt giai đoạn 1, Quân đoàn 4 đã sử dụng lực lượng mạnh cùng với lực lượng vũ trang địa phương tiến công vào trận địa phòng ngự của Sư đoàn 18 ở Xuân Lộc nhiều lần, nhưng do nắm và đánh chưa đúng chỗ, chưa tìm ra nơi hiểm yếu của địch để tiến công, nên không dứt điểm, lực lượng thương vong nhiều.

Qua đó cho thấy, trong Chiến dịch Xuân Lộc do ta chưa đánh giá đúng bản chất ngoan cố của kẻ thù, khi chúng đã dốc sức lập tuyến phòng ngự "nơi tử thủ" cuối cùng bằng lực lượng và phương tiện mạnh nhất hòng chặn đứng các hướng tiến công của ta. Vì vậy, Chiến dịch phải tìm ra cách đánh hiểm và có hiệu quả nhất để đánh bại kẻ thù giành thắng lợi. Mặc dù tiến công vào Xuân Lộc gặp khó khăn, nhưng Chiến dịch đã kịp thời đánh giá lại tình hình địch, thấy rõ bản chất phản động của kẻ thù và tìm ra cách đánh mới, buộc chúng phải rút chạy khỏi Xuân Lộc để ta chuyển sang truy kích giành thắng lợi.

Đây là bài học kinh nghiệm xương máu về nắm và đánh giá địch, nhất là khi kẻ thù đã phơi bày và lộ rõ hoàn toàn bản chất phản động, ngoan cố trong chiến tranh. Đặc biệt với đối tượng là quân Mỹ xâm lược, khi chúng đang ra sức chống phá, ráo riết xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, trong đó Việt Nam là một trọng điểm; thì việc nắm và đánh giá địch càng phải nhạy bén và kịp thời, nhằm tìm ra đúng bản chất kẻ thù, không chủ quan mất cảnh giác. Từ đó, ta có chiến lược và sách lược để đối phó và tìm ra cách đánh phù hợp, đánh bại kẻ thù khi có chiến tranh xảy ra giành thắng lợi.

Thứ hai: Chủ động tạo và nắm thời cơ để mở đầu, điều hành và kết thúc thắng lợi chiến dịch.

Chiến dịch Xuân Lộc được tiến hành khi chiến lược đã tạo được bước chuyển biến rất quan trọng trên chiến trường, tinh thần và quyết tâm chiến đấu của Quân đoàn 4 và nhân dân tỉnh Long Khánh rất cao. Những đơn vị của quân nguy ở Vùng 3 chiến thuật tuy chưa bị tiêu diệt và tan rã lớn, nhưng đã bị tác động sau thất bại của binh lính địch từ Vùng 1 và Vùng 2 chiến thuật chạy về. Đây là điều kiện thuận lợi để quân và dân miền Đông Nam bộ chủ động mở chiến dịch. Quyết tâm tiến công vào Sư đoàn 18 quân nguy giải phóng thị xã Long Khánh là đúng đắn, sáng tạo, quán triệt tư tưởng chỉ đạo: "Thần tốc, táo bạo..." của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Nhưng Chiến dịch Xuân Lộc lại tiến công vào địa bàn phòng ngự trọng yếu, trên hướng chủ yếu trong tuyến phòng ngự mạnh của quân nguy. Vì vậy, việc tạo và nắm thời cơ để mở đầu, điều hành và kết thúc Chiến dịch thắng lợi là một yêu cầu cần thiết và rất quan trọng. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương lúc này thời cơ là lực lượng, là sức mạnh. Để tạo ra thời cơ có lợi, Chiến dịch Xuân Lộc có thể tổ chức bước chiến đấu tạo thế để bao vây cô lập, chia cắt làm suy yếu lực lượng địch phòng ngự trong thị xã và lực lượng cơ động của Quân khu 3 nguy, sau đó nắm thời cơ có lợi chuyển sang tiến công tiêu diệt quân

địch giải phóng địa bàn Xuân Lộc và phát triển tiến công. Quá trình tác chiến, chiến dịch cần chủ động tạo và nắm thời cơ kịp thời phát triển tiến công, tạo điều kiện thuận lợi đánh bại Sư đoàn 18. Khi quân địch rút chạy khỏi Xuân Lộc, Chiến dịch cần nhanh chóng chuyển sang truy kích đánh tiêu diệt lớn quân địch khi chúng đang cơ động ngoài công sự.

Từ đó cho thấy: Khi tiến công vào địa bàn phòng ngự hiểm yếu, trên hướng chủ yếu trong tuyến phòng ngự chiến lược mạnh của kẻ thù, ta cần coi trọng bước chiến đấu tạo thế, để tạo ra thời cơ có lợi tiến công địch, quá trình tác chiến cần phát triển thế lợi để tạo ra thời cơ phát triển tiến công đánh thắng trận mở đầu, trận then chốt và then chốt quyết định, kết thúc thắng lợi chiến dịch.

Thứ ba: Lựa chọn đúng phương pháp tác chiến chiến dịch.

Địa bàn Xuân Lộc địa hình khá phức tạp, lực lượng địch đông, phòng ngự nhiều tầng, có tổ chức chặt chẽ. Đây lại là một mắt xích quan trọng trên hướng phòng ngự chủ yếu bảo vệ Sài Gòn của quân ngụy. Vì vậy, lựa chọn đúng phương pháp tác chiến chiến dịch, đột phá vào chỗ mạnh và đánh thắng quân địch, đòi hỏi phải có tư duy quân sự rất cao. Trong Chiến dịch, Quân đoàn 4 đã tổ chức tiến công nhiều lần vào trận địa phòng ngự của Sư đoàn 18 ở Xuân Lộc suốt từ ngày 9 đến 11-4 năm 1975 nhưng vẫn chưa dứt điểm.

Thành công quan trọng có ý nghĩa quyết định tới thắng lợi của Chiến dịch, chính là Quân đoàn đã kịp thời điều chỉnh phương pháp tác chiến Chiến dịch, kết hợp chặt chẽ giữa đột phá với bao vây, chia cắt, cô lập quân địch ở Xuân Lộc với lực lượng địch ở Biên Hòa và Sài Gòn. Tổ chức các trận tiến công đánh bại quân ngụy ở phía sau ra ứng cứu giải tỏa cho Xuân Lộc, phá vỡ thế trận phòng ngự liên hoàn của Sư đoàn 18 và Quân khu 3 ngụy, làm rung chuyển phòng tuyến Uâyên, tác động trực tiếp đến quân ngụy ở Xuân Lộc, buộc chúng phải tháo chạy. Đây là thời cơ để ta tiến công tiêu diệt quân địch ngoài công sự khi chúng đang cơ động. Bài học kinh nghiệm này cần được nghiên cứu vận dụng vào các chiến dịch tiến công trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, khi chiến dịch phải tiến công vào lực lượng phòng ngự mạnh của quân Mỹ ở những địa bàn quan trọng, trên hướng chiến lược chủ yếu, hiểm yếu của đất nước.

Thứ tư: Phát huy cách đánh sở trường của lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương, tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng quân địch.

Chiến dịch Xuân Lộc có lực lượng vũ trang 3 thứ quân cùng nhân dân trên địa bàn tiến hành. Đường lối tiến hành chiến tranh của Đảng ta là chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên các mặt trận. Trước khi Chiến dịch Xuân Lộc mở màn, quân và dân Long Khánh đã tiến công bức rút nhiều đồn bót của địch, nhất là vùng ở quanh thị xã hình thành vành đai vây quanh Xuân Lộc, tạo điều kiện thuận lợi để chiến dịch cơ động bố trí và triển khai lực lượng tiến công địch. Chính quyền và nhân dân trên địa bàn tác chiến còn cung cấp tình hình, tạo điều kiện nắm địch, cung cấp vật chất, động viên tinh thần và phối hợp cùng chủ lực cơ động tiến công địch trên mặt trận quân sự, chính trị, binh vận... Những yếu tố này đã góp phần quan trọng cùng Quân đoàn 4 tiến công địch giải phóng Xuân Lộc. Tuy vậy, trong quá trình Chiến dịch, Quân đoàn chưa phát huy cao độ

yếu tố nhân hòa trong điều tra nắm địch, nhất là những tin tức về tổ chức và bố trí lực lượng phòng ngự, cũng như khả năng ứng cứu giải tỏa và đối phó của địch trong quá trình tiến công, đặc biệt là ý định và thời điểm quân địch rút chạy khỏi Xuân Lộc để kịp thời chuyển sang truy kích tiêu diệt. Đây cũng là một kinh nghiệm để ta nghiên cứu khi tiến công vào trận địa phòng ngự của quân Mỹ tác chiến bằng phương tiện công nghệ cao, tạo ra khả năng phòng ngự ngăn chặn mạnh, cơ động ứng cứu giải tỏa nhanh. Trong khi đó, phương tiện tác chiến công nghệ cao của ta còn hạn chế, thì việc phát huy sức mạnh chiến tranh nhân dân trong nắm và đánh địch là rất cần thiết, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh bại quân Mỹ xâm lược bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là một số bài học kinh nghiệm được nghiên cứu từ thực tiễn Chiến dịch Xuân Lộc, với mong muốn góp phần làm phong phú thêm nội dung cuộc hội thảo. Đây cũng là những vấn đề đặt ra để ta nghiên cứu phát triển nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Học viện Quốc phòng được Đảng, Nhà nước, Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ cấp chiến dịch - chiến lược của quân đội ta, nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, hội thảo về Chiến thắng Xuân Lộc để tìm ra những bài học kinh nghiệm quý giá, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - quân sự cho đội ngũ cán bộ giảng viên và học viên trong hệ thống nhà trường quân đội nói chung và Học viện Quốc phòng nói riêng là rất cần thiết.

Những bài học kinh nghiệm trong Chiến dịch Xuân Lộc đặt ra nhiều vấn đề mới trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận chiến tranh nhân dân ở các hướng và địa bàn chiến lược trọng điểm của đất nước, nhất là ở hướng chiến lược hiểm yếu Bà Rịa-Đồng Nai-Thành phố Hồ Chí Minh. Và làm rõ hơn vị trí chiến lược của địa bàn Xuân Lộc đối với tứ giác công nghiệp Vũng Tàu, Biên Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Từ đó, đòi hỏi chúng ta càng phải chăm lo xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang 3 thứ quân, xây dựng thế trận tác chiến, khu vực phòng thủ và làng xã chiến đấu. Đặc biệt, ta phải chăm lo xây dựng thế trận lòng dân để địa bàn Xuân Lộc có đủ sức mạnh đánh bại âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của kẻ thù, giữ vững an ninh chính trị, xây dựng phát triển kinh tế-xã hội, tạo ra sức mạnh sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược của kẻ thù, hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ VII đề ra.

28 năm đã qua đi, cuộc chiến năm xưa được khép lại, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Xuân Lộc và tỉnh Đồng Nai đã có bước phát triển.

Chiến thắng Xuân Lộc vẫn luôn là niềm tự hào và dấu son trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta nói chung, nhất là của Quân đoàn 4 và tỉnh Đồng Nai nói riêng. Những diễn biến phức tạp trên thế giới, đặc biệt là cuộc chiến tranh do Mỹ - Anh tiến hành xâm lược Irắc làm cho cuộc hội thảo này và những bài học kinh nghiệm từ Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc kháng chiến chống

Mỹ cứu nước của nhân dân ta càng có giá trị. Mong rằng trong hội thảo này sẽ có nhiều bài học kinh nghiệm về nghệ thuật tác chiến chiến dịch được tìm ra và nghiên cứu phát triển, góp phần thiết thực vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ở thời kỳ mới.

Xin chúc các vị đại biểu mạnh khỏe, chúc cuộc hội thảo thành công!

N.T.T.

GÓP PHẦN HỘI THẢO

VỀ CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (21-4-1975)

TRẦN BẠCH ĐĂNG*

Đầu năm nay, tiếp theo lễ kỷ niệm 35 năm “Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân – 1968”, chúng ta tiến hành hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 28 năm ngày “Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng” (21-4-1975 – 21-4-2003).

Đối với các sự kiện lớn trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, thời gian càng lùi xa, chúng ta càng có đủ điều kiện thông tin xác thực và đáng tin cậy hơn để đánh giá chính xác, đúng tầm cỡ về ý nghĩa của sự kiện và điều quan trọng nhất là có dịp suy nghĩ sâu hơn về những bài học kinh nghiệm thực tiễn cho hiện tại và tương lai.

Thật vui mừng khi được biết đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan lãnh đạo địa phương (Tỉnh ủy Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu) và các cơ quan quân sự (Quân khu 7, Quân đoàn 4) trong chuẩn bị nội dung và tổ chức hội thảo. Điều đó sẽ tạo cơ hội cho chúng ta tìm hiểu sâu hơn những bài học thành công và chưa thành công trong hợp đồng chặt chẽ giữa khâu huy động sức mạnh của quân chúng với các mũi tiến công của lực lượng quân sự để làm nên chiến thắng.

Về ý nghĩa to lớn và quan trọng của Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói chung và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu quân sự, chính trị, các nhà sử học, phóng viên trong và ngoài nước bình luận. Như chúng ta đã biết, khu phòng thủ Xuân Lộc được mệnh danh là “Vòng đai thép” do chính tướng Mỹ Uýen thiết kế và mang tên hân, từ ngày 7 tháng 4 năm 1975 được coi là tuyến phòng thủ chủ yếu và then chốt nhất, đóng vai trò quyết định trong toàn bộ hệ thống phòng thủ xung quanh Sài Gòn. Do vậy, khi Xuân Lộc thất thủ, Uýen than thở rằng: “Thế là hết! Tình hình quân sự là tuyệt vọng!”. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc thất thủ cũng là ngày Nguyễn Văn Thiệu từ chức, giao quyền Tổng thống cho Trần Văn Hương để cao chạy xa bay. Ngày 23 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Mỹ Phơ đọc diễn văn, tuyên bố: “Cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ!”. Sự hỗn loạn và tuyệt vọng hoàn toàn của Mỹ và tay sai trước sức tiến công dồn dập và mãnh liệt của quân dân ta sau Chiến thắng Xuân Lộc và các mặt trận khác đã dẫn đến Mùa Xuân 1975 đại thắng.

Như vậy, Chiến thắng Xuân Lộc diễn ra trong thời gian và không gian cụ thể mang ý nghĩa to lớn, không chỉ đơn thuần về mặt quân sự mà quan trọng hơn về mặt chính trị và tâm lý, góp phần trực tiếp làm rõ ròi ý chí xâm lược của đế quốc

(*) Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Mỹ và tay sai. Biết điểm huyết vào chỗ hiểm yếu nhất của địch trong thời điểm nhạy cảm nhất nhằm làm tê đại hệ thống thần kinh của chúng để giành thắng lợi – phải chăng đó là bài học chung nhất được rút ra từ Chiến thắng Xuân Lộc. Mong rằng, sau gần ba thập kỷ, chúng ta thu thập được nhiều tư liệu hơn về cả phía ta và địch để phân tích rõ ràng hơn ý nghĩa của Chiến thắng Xuân Lộc, nhất là các khía cạnh chính trị, tâm lý... đối với hai bên và không dừng lại ở những đánh giá chung đã biết.

Vấn đề quan trọng hơn cả là rút ra được *những bài học về lãnh đạo, chỉ đạo chiến dịch* trong suốt 12 ngày đêm chiến đấu để giành chiến thắng. Muốn vậy, phải có đầy đủ tư liệu chính xác, kể cả những vấn đề mà theo đúng nguyên tắc giữ bí mật trước đây chưa công bố được, nhất là những sai lầm trong chỉ đạo khó tránh khỏi khi tiến hành chiến dịch. Cuối cùng thì chúng ta đã thắng, nhưng không thắng lợi to lớn nào mà không có những bài học và sự trả giá về những sai sót của chỉ đạo, và đã mấy chục năm trôi qua, chúng ta có thể đánh giá một cách khách quan những sự kiện lịch sử – cũng giống như sự kiện Tết Mậu Thân 1968. Những sai sót đó có thể do ta không nắm được đầy đủ thông tin để ra quyết định và cũng có thể do chủ quan, say sưa với chiến thắng mà phạm phải. Điều quan trọng là từ đó rút ra được những bài học thực tiễn. Đó cũng là trách nhiệm của những người từng tham gia chiến dịch trước lịch sử: nêu ra được toàn bộ những bài học thành công và chưa thành công với sự phân tích sâu sắc cho các thế hệ hiện nay và mai sau suy ngẫm và vận dụng.

Qua một số tư liệu viết về Chiến thắng Xuân Lộc, xin nêu một số vấn đề cần đi sâu để hiểu rõ và phân tích, như sau:

1) Chiến dịch bắt đầu chính thức vào sáng 9 tháng 4 năm 1975. Lực lượng quân sự của ta có 3 sư đoàn thuộc Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang Bà Rịa – Long Khánh gồm 1 tiểu đoàn, 2 đại đội và các đội biệt động vũ trang, tự vệ, du kích.... Bên địch lúc đó có 1 sư đoàn chủ lực tăng cường, 9 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội biệt lập tiểu khu, 4 trung đội pháo, chưa kể lực lượng cảnh sát, dân vệ. Như vậy, về tương quan lực lượng, ta chiếm ưu thế.

Sau ngày tấn công đầu tiên, ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm chủ hầu hết các mục tiêu quan trọng trong thị xã Long Khánh: dinh tỉnh trưởng, ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, trụ sở tình báo CIA...

Sau đó, từ ngày 11 tháng 4 năm 1975, địch tăng viện cho Long Khánh một chiến đoàn bộ binh và 1 lữ đoàn kỵ binh đồng thời sử dụng máy bay, pháo binh trút bom đạn rải thảm vào thị xã, buộc chủ lực ta phải rút ra vòng ngoài, chuyển từ đánh địch trực tiếp sang bao vây tiêu diệt địch. Ta nói sự chuyển hướng này nhằm tránh thiệt hại cho nhân dân, điều đó đúng, nhưng trong chỉ đạo chiến dịch có lường trước được tình huống phản kích điên cuồng của địch như đã diễn ra không? Bài học kinh nghiệm là gì?

2) Chúng ta đều biết trong chiến dịch này, địch đã sử dụng bom CBU-55 (Cluster bomb units). Theo tác giả Mỹ J.A. Amtơ (Joseph A.Amter)¹ thì khi ta tiến

⁽¹⁾ Xem J.A. Amtơ (Joseph A.Amter), *Lời phán quyết về Việt Nam (VietNam Verdict)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr.461.

công Xuân Lộc, đại sứ Mỹ Martin (Martin) và tướng Smith ở tổ hợp DAO đã quay trở lại giải pháp kỹ thuật và trao cho quân đội Sài Gòn 2 loại siêu vũ khí mới chưa từng sử dụng ở Việt Nam. Loại bom CBU-55 là một bom chùm khổng lồ chứa nhiều bom hơi, khi nổ sẽ tạo ra một cơn bão lửa bao trùm mục tiêu và khả năng sống sót của con người trong vòng tàn phá là hoàn toàn không có. Quả bom này ở Xuân Lộc – theo tác giả J.A. Amtor – đã “đốt cháy khoảng 250 binh sĩ địch”. Một loại bom thứ hai có tên “Daisy Cutler” nặng 15.000 cân Anh, nổ cách mặt đất một khoảng và tàn phá tất cả trong một khu vực lớn, được quân đội Sài Gòn sử dụng trong tuần cuối của cuộc chiến tranh. Đây là tội ác dã man của Mỹ và tay sai đối với nhân dân ta, sử dụng vũ khí giết người hàng loạt, phải được tập hợp tư liệu đầy đủ và chính xác để tố cáo chúng trên thế giới. Một bài học cảnh giác: Trong cơn hấp hối, kẻ thù không từ thủ đoạn tàn ác nào đối với nhân dân ta.

3) Trong các tư liệu phản ánh về diễn biến của chiến dịch, đề nghị các tác giả đi sâu hơn, cụ thể hơn về những bài học kinh nghiệm vận động, phát huy sức sáng tạo của quần chúng góp phần cho chiến thắng. Với một địa bàn nội ô có hơn 28.000 dân, đa số là người miền Trung, miền Bắc di cư được địch bố trí làm vành đai ngăn chặn từ xa, sự xâm nhập của cách mạng, vậy mà nhân dân đã lập được nhiều thành tích đóng góp cho chiến thắng. Ở đây, công tác vận động quần chúng của Đảng chắc chắn có nhiều kinh nghiệm cần được khai thác đầy đủ. Trong các tư liệu của sự kiện, mặt sức mạnh của quần chúng nêu chưa tương xứng, đúng với tính chất của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của nhân dân ta.

Trên đây, chỉ xin nêu một số ý kiến với mong muốn được trao đổi, làm rõ thêm trong cuộc hội thảo khoa học rất bổ ích này.

T.B.Đ

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

DẤU ẤN LỊCH SỬ VẺ VANG TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG

VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Thiếu tướng NGUYỄN NĂNG NGUYỄN*

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mang dấu ấn lịch sử vẻ vang của quân và dân ta trên chiến trường miền Đông Nam bộ. Lịch sử đã đi qua 28 năm, nhưng mỗi khi có dịp nghiên cứu và nhìn lại quá khứ, cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 đều có cảm nhận sâu sắc về những chiến công của thể hệ đàn anh đi trước và tình cảm của đồng bào Nam bộ nói chung, chính quyền và nhân dân Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng đã dành cho các đơn vị của Quân đoàn trong suốt chặng đường trên 40 năm chiến đấu, công tác và trưởng thành.

Với tình cảm sâu sắc đó, tôi vô cùng cảm ơn Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Tỉnh ủy – Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Tỉnh ủy – Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Huyện ủy – Ủy ban nhân dân huyện Long Khánh về việc tổ chức cuộc hội thảo tại địa danh đã diễn ra trận đánh có ý nghĩa lịch sử này; qua đây, chúng ta có điều kiện tiếp tục xem xét những giá trị chân thực về Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 và tìm ra những bài học quý, cả thành công và chưa thành công để nghiên cứu vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Quân đoàn 4 sau ngày thành lập (20-7-1974) đã ra quân giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong Chiến dịch đường 14 – Phước Long, giải phóng hoàn toàn một tỉnh, mở ra cục diện mới về thế và lực của ta trên chiến trường miền Đông Nam bộ, được Bộ Chính trị Trung ương Đảng đánh giá cao: “Phước Long là trận trình sát chiến lược”; đồng thời là cơ sở nghiên cứu đánh giá tình hình địch, hoạch định kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được đánh dấu từ trận mở đầu “Tiến công Buôn Ma Thuột” trong Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 – 24-3-1975). Để phối hợp với các hướng chiến trường, Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ đạo Quân đoàn 4 cùng với lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân khu 6 mở các đợt hoạt động tác chiến rộng khắp, đánh chiếm các mục tiêu về phía bắc Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng nối liền với Phước Long và vùng Tây Nguyên tạo ra thế tiến công trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong đó Sư đoàn 9 đã lần lượt giải phóng Dầu Tiếng, suối Ông Hùng – Truong Mít, Chơn Thành, Bình Long (phía tây sông Đồng Nai) mở thông Quốc lộ 13, 14. Sư đoàn 7 giải phóng hoàn toàn quận Định Quán, đánh chiếm hệ thống đồn bót từ Túc Trưng đến Phương Lâm, phát triển lên Bảo Lộc giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng, ta làm chủ Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Lâm

(*) Tư lệnh Quân đoàn 4.

Đồng.

Như vậy, đến cuối tháng 3 năm 1975, những hoạt động tác chiến trên chiến trường miền Đông Nam bộ đã thu được những thắng lợi quan trọng, cùng với các hướng chiến trường khác (Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang...) đập tan ý đồ lập tuyến phòng thủ từ xa của địch “Từ Tây Ninh đi Lâm Đồng đến Nha Trang”, buộc địch phải chạy về cố thủ trên các nút giao thông trên địa bàn các tỉnh ngay sát “thủ phủ” của chính quyền ngụy Sài Gòn. Với thắng lợi to lớn đó, đầu tháng 4 năm 1975, cục diện chiến trường miền Nam đã thay đổi cơ bản; tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là “Thần tốc, táo bạo, chắc thắng” đã động viên cả dân tộc với các quân đoàn chủ lực của Bộ, các sư đoàn chủ lực của Quân khu... hành quân thần tốc vào chiến trường trọng điểm để mở ra mặt trận quyết định đến sự diệt vong của chế độ ngụy Sài Gòn; giành lại độc lập tự do, thống nhất đất nước.

Trong khí thế của các đoàn quân tiến về Sài Gòn thì các sư đoàn, lữ đoàn, chiến đoàn... quân ngụy bại trận cũng chạy về Sài Gòn tạo lập một tuyến phòng thủ mới (Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh) bảo vệ “thủ đô” làm cho tương quan lực lượng ở từng khu vực, từng nơi... không cân sức. Khu vực Xuân Lộc – Long Khánh nằm án ngữ trên Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Nơi đây là khu vực phòng thủ kiên cố của sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngụy trong nhiều năm nay, gồm nhiều tiểu khu liên hoàn. Với lực lượng của Sư đoàn 18 đã hội tụ đủ 3 chiến đoàn (43, 48, 52), Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân sự có pháo binh, không quân chi viện rất mạnh và các lực lượng thiết giáp, dù... của Quân khu 3, Quân khu 4 ngụy sẵn sàng chi viện. Tướng Uýen, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ và bộ máy chính quyền ngụy Sài Gòn coi nơi đây là “cánh cửa thép” trên hướng đông bắc Sài Gòn “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Rõ ràng trong thế thất trận, suy sụp về chiến lược của quân ngụy Sài Gòn thì Xuân Lộc vẫn là điểm cứng, điểm mạnh, được tập trung cao nhất về tổ chức chỉ huy, lực lượng phương tiện và hỏa lực... nhằm ngăn chặn hướng tiến công chính của ta, kéo dài cuộc chiến để mong chờ Mỹ can thiệp, tạo ra thời cơ mới về chiến cuộc.

Trong thời điểm lịch sử đó, Xuân Lộc – Long Khánh trở thành trận đọ sức quyết liệt của đôi bên. Ta quyết đánh và quyết đánh thắng để mở toang cánh cửa phía đông tạo cho lực lượng cơ động của Bộ tiến vào Biên Hòa – Sài Gòn hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị. Còn bên kia địch tăng cường lực lượng, tập trung binh hỏa lực cao nhất để quyết giữ. Chính vì vậy, Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh được gắn liền với thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã khắc sâu trong trí nhớ quân và dân cả nước.

Ngày 30-3-1975, Tư lệnh Quân đoàn 4 nhận được nhiệm vụ: “Quân đoàn 4 được phối thuộc Sư đoàn 6, Quân khu 7, 2 tiểu đoàn địa phương, 2 tiểu đoàn tăng (thiếu) tiêu diệt Sư đoàn 18, Quân đoàn 3 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây và tiêu diệt một phần lực lượng của Quân đoàn 3 ngụy từ Trảng Bom, Biên Hòa phản kích lên. Ngày 6-4-1975 phải tổ chức tiến công”.

Đây là niềm tự hào và vinh dự của Quân đoàn chủ lực hoạt động trên chiến trường miền Đông Nam bộ, nhưng cũng là nhiệm vụ hết sức nặng nề, cần phải

vượt qua khi các đơn vị của Quân đoàn đã trải qua chiến đấu liên tục, đội hình hoạt động tác chiến phân tán trên địa bàn 5 tỉnh phía bắc Sài Gòn (Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long Khánh, Lâm Đồng). Trong đó Sư đoàn 7, đơn vị chủ công của Quân đoàn trong đợt tiến công này đang chiến đấu ở Lâm Đồng và Tuy Đức – Đà Lạt, quân số thiếu (tiểu đoàn có khoảng 170 đến 200 đồng chí), vũ khí trang bị kỹ thuật, đạn dược hư hỏng, tổn thất chưa được bổ sung; Sư đoàn 341 từ Bắc vừa cơ động hàng nghìn km được bổ sung vào đội hình Quân đoàn 4, tác chiến trên chiến trường mới lạ. Sư đoàn 9, ngày 2-4-1975 tách khỏi đội hình Quân đoàn về hoạt động trên hướng tây nam Sài Gòn trong đội hình Đoàn 232.

Bước vào cuộc tiến công Xuân Lộc – Long Khánh với các lực lượng được tập hợp, bổ sung về đội hình Quân đoàn tuy đủ; nhưng không tránh khỏi những khó khăn về nắm bắt tư tưởng, năng lực tổ chức chỉ huy và khả năng chiến đấu của các đơn vị để sử dụng lực lượng cho trận đánh; đồng thời Quân đoàn vừa phải tổ chức cơ động lực lượng từ các hướng trở về đội hình tác chiến tập trung đúng thời gian quy định, vừa phải tiến hành chuẩn bị phương án tác chiến trong thời gian gấp.

Mặc dù các đơn vị có cố gắng rất cao, vừa chỉ huy cơ động lực lượng, vừa tổ chức chuẩn bị chiến đấu; nhưng thời cơ nổ súng tiến công vào ngày 6 tháng 4 năm 1975 vẫn không thực hiện được. Trong khi đó địch ngày một tăng, phạm vi chiếm đóng được mở rộng, thế trận phòng thủ được củng cố vững chắc. Đây là điều bất lợi đối với Quân đoàn khi bước vào trận đánh này. Nhưng với tư tưởng chỉ đạo “Khẩn trương, táo bạo” và được lợi thế chung về chiến lược; trên các hướng chiến trường, các đơn vị đang thần tốc tiến về Sài Gòn, đòi hỏi trách nhiệm của Quân đoàn cùng với quân dân tỉnh Long Khánh phải khẩn trương tiến công để tạo thế cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9-4-1975, hỏa lực của ta dội lên chi khu quân sự Xuân Lộc – tiêu khu Long Khánh và các mục tiêu phụ cận. Sư đoàn 7 hướng chủ yếu đánh vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngụy; Sư đoàn 341 từ hướng bắc đánh vào chi khu Xuân Lộc, Sư đoàn 6 đánh chia cắt địch ở Xuân Lộc – Dầu Giây. Sau hơn 3 giờ chiến đấu, trên các hướng tiến công của ta đã thể hiện quyết tâm rất cao, táo bạo thọc sâu, thực hiện phương châm “Đánh chắc, tiến chắc”, “Khẩn trương, táo bạo”. Do yếu tố bất ngờ của trận đánh không còn, địch ở thế phòng thủ chủ động nên trận đánh diễn ra giằng co quyết liệt từ ngày 9 đến 11-4-1975. Tổng hành dinh ngụy đã lần lượt điều động các đơn vị dự bị chiến lược cùng xe tăng, pháo binh ra ứng viện, làm thay đổi đột biến về tương quan lực lượng; chiến sự diễn ra ngày càng phức tạp, gây cho ta những tổn thất đáng kể và tạm thời ngăn được sức tiến công của ta.

Trước sự thay đổi của diễn biến chiến trường, đêm 11-4-1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đánh giá tình hình và quyết định thay đổi phương án giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh: “Từ tập trung lực lượng tiến công địch phòng ngự trong thị xã, chuyển sang vận động đánh địch vòng ngoài, bao vây cô lập địch ở thị xã”. Bước chuyển hướng mục tiêu tiến công, điều chỉnh lại lực lượng trên mặt trận Xuân Lộc – Long Khánh là giai đoạn có tính chất quyết định đến thắng lợi, ta kịp thời lập thế

trận mới, cô lập và cắt rời giữa Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa, bằng các đòn tiến công vào Dầu Giây, Trảng Bom cắt Quốc lộ 1 và đánh chiếm Tân Phong cắt đường số 2 đi Bà Rịa. Cách đánh này được hình thành còn xuất phát từ thời cơ chiến lược, nhất là trên hướng Quốc lộ 1, Quân đoàn 2 đánh chiếm Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân... làm cho địch ở khu vực tác chiến càng thêm hoang mang, dao động và tháo chạy vào đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4 năm 1975, kết thúc trận đánh oanh liệt của quân dân ta tại đây và báo hiệu sự diệt vong của chế độ ngụy Sài Gòn; đồng thời tạo ra một thế trận mới rất có lợi cho lực lượng của Quân đoàn 2 tiến vào khu tập kết, chuẩn bị kịp thời cho trận quyết chiến chiến lược.

Như vậy, trải qua 12 ngày đêm (9 đến 21-4-1975) cuộc chiến gay go quyết liệt giữa ta và địch đã kết thúc. Quân đoàn 4 cùng với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân tỉnh Long Khánh đã vượt qua những khó khăn, hy sinh mất mát giành thắng lợi vẻ vang trên mặt trận Xuân Lộc – Long Khánh. Chúng ta không những giải phóng hoàn toàn tỉnh thứ 20 trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mà còn làm suy sụp hệ thống chính trị ngụy Sài Gòn, buộc Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức vào lúc 19 giờ cùng ngày. Các báo, đài phương Tây có nhiều bài bình luận, đưa tin về chiến sự Xuân Lộc – Long Khánh cũng có lời kết: “Tướng Thiệu đã thua cuộc, cả Hoa Kỳ cũng đã thua cuộc, thế giới tự do cũng đã thua nốt. Sự sụp đổ là hoàn toàn và dù cho khua môi, múa mép thế nào thì cũng không thay đổi được nữa”¹.

Xuân Lộc – Long Khánh là trận chiến gay go quyết liệt nhất; cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương đã hy sinh trên mảnh đất này có tỷ lệ cao nhất so với các trận đánh trong cuộc Tổng tiến công. Do vậy, dấu ấn lịch sử luôn khắc sâu trong trái tim khối óc của cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn. Sau thắng lợi năm 1975, Quân đoàn 4 có tổ chức tổng kết lại trận đánh, rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, tổ chức chỉ huy và vận dụng cách đánh... nhưng chưa đủ, chưa sâu sắc. Nếu nhìn về góc độ chiến thuật, chiến dịch chúng ta còn nhiều điều phải phân tích để làm rõ những bài học kinh nghiệm cho thế hệ tiếp theo nghiên cứu học hỏi để vận dụng vào điều kiện mới. Nhưng nhìn ở góc độ chiến lược chúng ta đều nhận thấy ý nghĩa của trận thắng Xuân Lộc – Long Khánh là cực kỳ to lớn; mỗi cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 chúng tôi có quyền tự hào về chiến công này, một chiến công lịch sử mà cả nhân loại đều biết đến.

Sau Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, cả Quân đoàn với khí thế thần tốc tiến đánh vào thành phố Biên Hòa và cùng các hướng khác tiến về Sài Gòn làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Sài Gòn – Gia Định đã hoàn toàn giải phóng.

Đất nước ta đã giành lại độc lập, tự do; thống nhất Tổ quốc.

Trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ nói chung, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 nói riêng, Quân đoàn 4 đã có những cống hiến lịch sử, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung. Nhân dân cả nước, nhân dân Nam bộ và cực Nam Trung bộ tin cậy, dành cho Quân đoàn 4 những tình cảm yêu thương, quý mến.

⁽¹⁾ Báo Pháp *Le Figaro* ra ngày 24 tháng 4.

Quốc hội, Chính phủ đã dành cho Quân đoàn 4 những phần thưởng xứng đáng “Huân chương Hồ Chí Minh” và danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

Thành phố vừa ngót tiếng súng, khói bụi và tàn dư chiến tranh vẫn ngổn ngang thì Quân đoàn được Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ chiếm giữ các mục tiêu trọng yếu, làm nhiệm vụ quân quản tại các quận nội thành với nhiệm vụ tham gia xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương; giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ cơ sở kinh tế, quân sự trong thành phố. Đây là nhiệm vụ rất nặng nề, mới mẻ và phức tạp; nhưng trải qua 10 tháng Quân đoàn đã lập nên những chiến công mới, viết nên những trang sử mới góp phần tô thắm bản chất truyền thống của quân đội, làm vẻ vang truyền thống vì *nhân dân phục vụ*.

Kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước và làm nhiệm vụ quân quản tại Thành phố Sài Gòn – Gia Định, cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 đều có nguyện vọng được sống trong hòa bình và được trở về với cái nôi sinh ra và lớn lên của một đời người. Nhưng nhiều đồng chí chưa kịp thực hiện hoài bão bé nhỏ đó đã phải khoác ba lô, mang súng hành quân về chiến trường biên giới. Từ đây, lại bắt đầu một thời kỳ mới trong lịch sử chiến đấu của Quân đoàn; thời kỳ làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới của Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế cao cả trên đất nước Campuchia anh em.

Dù trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng những chiến công trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc vẫn luôn là dấu ấn vàng son đối với Quân đoàn. Thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 hôm nay đã và đang tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của Quân đoàn; đồng thời tăng cường giáo dục đề cán bộ, chiến sĩ không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, xứng đáng với danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Nhân dịp Hội thảo kỷ niệm 28 năm Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, chúng ta có cơ hội ôn lại chiến công mà Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân khu 6 và chính quyền, nhân dân tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Biên Hòa đã cống hiến. Trước hết tôi xin thay mặt cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 hôm nay xin cảm ơn Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Long Khánh, Xuân Lộc đã luôn quan tâm chăm sóc mộ phần các liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất này trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; chúng tôi cũng xin cảm ơn các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhân dân tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng toàn thể các tỉnh trên địa bàn miền Đông Nam bộ luôn là hậu phương tại chỗ vững chắc cho Quân đoàn 4 và kề vai sát cánh cùng Quân đoàn trong gần suốt nửa thế kỷ qua. Kể từ buổi tiền thân (1961) đến nay, tình cảm yêu thương đùm bọc của nhân dân Nam bộ luôn là nguồn động viên cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trong Quân đoàn vượt qua mọi hoàn cảnh khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

N.N.N

PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ TINH THẦN CỦA CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH, TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CHO CÁC THẾ HỆ HÔM NAY VÀ MAI SAU

TRẦN VĂN KHÁNH*

Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tiền thân là Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh trước đây đã có nhiều nỗ lực xây dựng thực lực cách mạng trên địa bàn Xuân Lộc và trực tiếp lãnh đạo Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc. Tại Hội thảo này, nhiều bản tham luận đã đề cập đến sự chỉ đạo của Quân ủy – Bộ Tư lệnh Miền, của Khu ủy – Quân khu 7, lãnh đạo của Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh, sự chuẩn bị chiến trường, diễn biến chiến dịch và tác chiến của các đơn vị. Tham gia Hội thảo này, chúng tôi xin nêu một số suy nghĩ về việc “Phát huy các giá trị tinh thần của chiến thắng Xuân Lộc, tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau”.

Tầm vóc của Chiến thắng Xuân Lộc đã để lại một di sản quý giá trong truyền thống đấu tranh cách mạng, để lại những kinh nghiệm quý trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và những chiến công hào hùng được tạo nên bởi sức mạnh đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân, giữa bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương. Đó là một tài sản vô giá cần được giữ gìn và phát huy trong đời sống xã hội hôm nay và mai sau. Những tập kỷ yếu của cuộc hội thảo này, những chuyên đề nghiên cứu tiếp theo, Tượng đài chiến thắng Xuân Lộc và những phòng truyền thống, những cụm di tích kỷ niệm Chiến thắng Xuân Lộc sẽ được dựng lên là những phương tiện giáo dục truyền thống rất thiết thực cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, nhất là đối với các thế hệ trẻ.

Trải qua hơn một nửa thế kỷ đấu tranh chống đế quốc ngoại xâm, Đảng bộ, dân và quân Xuân Lộc đã rèn luyện, chiến đấu và trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến, trở thành niềm tự hào, điểm son trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Đông Nam bộ. Chiến thắng Xuân Lộc tháng 4 năm 1975 trở thành niềm tự hào không chỉ đối với các tầng lớp nhân dân Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, mà còn là bản anh hùng ca bất diệt đối với các thế hệ hôm nay và mai sau. Kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần của Chiến thắng Xuân Lộc không chỉ góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ tiếp theo mà còn là hành động kịp thời để gìn giữ một di tích lịch sử cách mạng, góp phần ghi lại một dấu ấn trong pho lịch sử vĩ đại về công cuộc kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

Nằm ở địa đầu trung du Nam bộ, giáp cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Xuân Lộc là mảnh đất có thế tiến - thoái, công - thủ liên hoàn. Ngay từ khi thực dân Pháp mới đánh chiếm Đồng Nai, Gia Định, Phó đề đốc Lê Quang Tiên đã lập đồn ở Long Giao, Suối Rết; Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định lập căn cứ tại vùng Giao Loan, Rừng Lá tập hợp nghĩa quân kháng chiến. Chín năm chống Pháp,

(*) Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

núi Chứa Chan, khu Rừng Lá là căn cứ kháng chiến, đội ngũ công nhân cao su làm nòng cốt cho nhiều chi đội, trung đoàn. Trong kháng chiến chống Mỹ, căn cứ khu miền Đông nhiều lúc đặt tại đồi Mặt Trăng, núi Mây Tàu, Rừng Lá. Sư đoàn 5 bộ binh của ta được xây dựng ngay tại căn cứ Mây Tàu. Các chiến dịch La Ngà, Bình Giã, Đồng Xoài giành thắng lợi có sự hỗ trợ to lớn của cơ sở hậu phương Xuân Lộc. Những địa danh: Long Khánh, Bảo Vinh, Bình Lộc, Tân Lập, Gia Ray, Bảo Chánh, Bảo Bình, Tân Phong, Cẩm Mỹ, Bình Lộc, Suối Tre... trở thành những pháo đài kháng chiến và cũng trở thành mồ chôn bọn xâm lược và tay sai.

Chúng ta còn nhớ, sau chiến thắng giải phóng Buôn Ma Thuột, hàng loạt các tỉnh ở Tây Nguyên và đồng bằng duyên hải miền Trung, thế của cách mạng như chẻ tre, có ngày giải phóng từ 2 đến 3 tỉnh, kẻ thù tháo chạy hỗn loạn. Tại Xuân Lộc, ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn tập trung toàn bộ lực lượng lại phản kích quyết liệt 20 ngày đêm. Khi Xuân Lộc thất thủ, Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức, tạo thế và lực mới cho lực lượng ta ồ ạt giải phóng các tỉnh miền Đông và đánh thẳng vào Sài Gòn, buộc địch phải tuyên bố đầu hàng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Rõ ràng, Xuân Lộc được địch coi là "cánh cửa thép". Mở toang được cánh cửa phía đông bắc Sài Gòn, đã tạo điều kiện thuận lợi lớn để quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn như vũ bão.

Chiến thắng Xuân Lộc là đỉnh cao của thành quả kháng chiến, là sự tiếp nối của hàng loạt chiến công nổi tiếng của quân và dân Bà Rịa – Long Khánh trên chiến trường đông và tây lộ 2 kể từ trận thắng Bình Ba (1960); chiến thắng Bình Giã, Chòi Đồng (1964 – 1965), Tầm Bó (1966), Kim Long (1967), chiến dịch lộ 2 (1974). Chiến thắng Xuân Lộc thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ Bà Rịa – Long Khánh trên chiến trường Xuân Lộc, đồng thời thể hiện sự đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân, giữa lực lượng bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương Bà Rịa – Long Khánh.

Trên cơ sở những thành tựu đạt được trong công tác bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng trong những năm qua, chúng tôi đề nghị, chúng ta cần chú trọng đầu tư chỉ đạo phát huy hơn nữa giá trị của di tích lịch sử Chiến thắng Xuân Lộc nói riêng, nằm trong toàn bộ hệ thống di tích lịch sử của địa phương trong công tác giáo dục truyền thống.

Trong những năm gần đây, cùng với Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã nhận thức và tích cực chỉ đạo đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử trọng điểm dọc theo địa bàn chiến trường lộ 2 xưa như: Tượng đài chiến thắng Bình Giã; địa đạo ấp 3 Kim Long; Dự án khu công viên Bàu Sen kỷ niệm Chiến thắng Tầm Bó, Kim Long, Chòi Đồng cùng với việc đầu tư cho phòng truyền thống của hầu hết các xã, các đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động thuộc Công ty Cao su Bà Rịa. Khu di tích lịch sử Chiến thắng Xuân Lộc sẽ là công trình kiến trúc hoành tráng, một trọng điểm trong hệ thống di tích lịch sử ở khu vực này.

Cũng nhân Hội thảo này, chúng tôi đề nghị Tỉnh ủy Đồng Nai, Huyện ủy Long Khánh tiếp tục đầu tư, tôn tạo cụm di tích Chiến thắng Xuân Lộc cùng với Tượng đài Chiến thắng Xuân Lộc, hình thành nên một quần thể di tích của chiến

trường lộ 2, thể hiện sức mạnh, tinh đoàn kết chiến đấu của Đảng bộ, quân và dân Bà Rịa – Long Khánh trong kháng chiến, đồng thời cũng thể hiện sự đoàn kết hợp tác của quân và dân Đồng Nai – Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay. Đây sẽ là một công trình lớn có tác dụng phát huy các giá trị tinh thần của Chiến thắng Xuân Lộc. Thực tiễn qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc, mảnh đất Xuân Lộc đã chứng minh là một trong những chiếc nôi quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến ở Bà Rịa – Long Khánh, miền Đông Nam bộ và giải phóng Sài Gòn.

Để phát huy các giá trị tinh thần của Chiến thắng Xuân Lộc, tăng cường công tác giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau, chúng ta cần vận dụng những kinh nghiệm, bài học quý báu về tinh thần kiên trung cách mạng: bám đất, bám dân, bám địch; về nghệ thuật tổ chức hoạt động của lực lượng vũ trang và nhân dân trong lòng địch; về thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu bảo vệ căn cứ, đánh phá hệ thống phòng thủ kiên cố của địch, chiến đấu tiêu diệt địch... Chúng tôi hy vọng rằng, những bài học xương máu, quý giá được tổng kết qua cuộc hội thảo này không chỉ trở thành những giá trị tinh thần đơn thuần mà sẽ trở thành tài sản trong kho tàng lý luận về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng; nó sẽ được vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với điều kiện mới của đất nước, trong công cuộc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Các di tích cách mạng, văn hóa của dân tộc mặc dù đã trải qua nhiều bước thăng trầm qua sự tác động thường xuyên của con người, thiên nhiên, nhưng đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của mình. Những di tích chúng ta còn giữ được hôm nay là tài sản vô giá của dân tộc cần được khai thác tôn tạo, phát huy tác dụng để góp phần thiết thực cho việc giáo dục truyền thống cách mạng cho quần chúng, nhất là thế hệ trẻ.

Các thế hệ hôm nay và mai sau sẽ đến đây để tìm hiểu về cội nguồn, về cuộc đấu tranh anh dũng, về cái giá của độc lập tự do mà cha ông họ đã đổi bằng xương máu, để biết nâng niu, trân trọng hạnh phúc được sống trong hòa bình, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm góp sức mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng tiến công, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp hiện nay là Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, chúng tôi mong muốn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Xuân Lộc sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó, xứng đáng là một trong những căn cứ cách mạng anh dũng của Chiến khu Đ anh hùng.

Nói đến Xuân Lộc, chúng ta nhớ đến Tiểu đoàn 440 tức Tiểu đoàn 2 của tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, khi đó là đơn vị được phân công chiến đấu trực tiếp tại chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh từ Tết Mậu Thân 1968 cho đến ngày giải phóng. Tiểu đoàn 440 đã chiến đấu rất kiên cường, lập nên nhiều chiến công, là nòng cốt để xây dựng bộ đội địa phương Xuân Lộc. Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 440 đã hy sinh anh dũng trên chiến trường này. Sau giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ, đơn vị giải thể, cán bộ chiến sĩ trở về địa phương. Đề nghị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

Phòng Khoa học – Công nghệ và Môi trường Quân khu 7 phối hợp thu thập tư liệu, tham mưu cho Tỉnh ủy hai tỉnh và Quân khu 7 đề nghị phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cho Tiểu đoàn 440.

T.V.K

NHÌN NHẬN THÊM VỀ CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

Đại tá PGS-TS. TRỊNH VƯƠNG HỒNG*

Đại thắng mùa Xuân 1975 gắn liền với một loạt sự kiện lịch sử liên quan, gắn liền với bao tên đất, tên người mà chiến công diễn ra ở đó, chiến công của bao tập thể anh hùng, bao cá nhân anh hùng – hữu danh hoặc vô danh, trong những ngày hào hùng năm xưa ấy đã như nhiều con suối nhỏ tạo nên dòng sông lớn, tạo thành sức mạnh của dân tộc Việt Nam, làm nên chiến thắng lẫy lừng, kết thúc vẻ vang sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ mới – thời kỳ cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong số những địa danh vang dội chiến công của mùa Xuân 1975, Xuân Lộc chiếm giữ một vị trí quan trọng. Bài viết này muốn thêm một lần nữa nhìn nhận rõ hơn tầm vóc và vị trí của Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 dưới ánh sáng của những nguồn tư liệu mới.

Cho đến khi những loạt pháo của Quân đoàn 4 cấp tập nã vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh, mở màn chiến dịch tiến công nhằm đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc để tiến về Sài Gòn từ hướng đông thành phố (9-4-1975), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã trải qua hơn một tháng kể từ ngày Chiến dịch Tây Nguyên mở màn (4-3-1975). Trong khoảng thời gian đó, với khí thế “một ngày bằng hai mươi năm”, bằng quyết tâm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, quân và dân ta dũng mãnh tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã 2 quân đoàn, 2 quân khu mạnh của địch, với khoảng 40% các binh chủng kỹ thuật, thu và phá hủy hơn 40% cơ sở vật chất và hậu cần của chúng, giải phóng một vùng rộng lớn gồm các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung, Tây Nguyên và nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam bộ, hình thành thế bao vây tiến công địch ở Sài Gòn – Gia Định...

Tình hình đó là cơ sở để Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta, trong cuộc họp sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975 đi tới nhận định: *cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời điểm chiến lược để tiến hành tổng tiến công và nổi dậy vào sào huyệt cuối cùng của địch đã chín muồi*. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất. “Thời gian sớm nhất” mà Bộ Chính trị đề ra trong cuộc họp ngày 31 tháng 3 trên đây, ngay sau đó, được cụ thể hóa rõ ràng hơn trong bức điện của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi vào chiến trường lúc 14 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1975. Theo đó, “Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ “một ngày bằng hai mươi năm”. Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực

(*) Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. “Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm”¹. Nhưng muốn vậy, điều có ý nghĩa quan trọng là phải kịp thời nắm lấy và tận dụng thời cơ chiến lược, đánh địch bất ngờ. Giờ đây, bất ngờ về chiến lược, quả thật, không còn ở phương hướng lớn nữa vì cho đến thời điểm này (1-4-1975), địch biết rất rõ, ta sẽ dồn sức tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn – Gia Định để kết thúc sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối. Vì thế, “bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu thời gian”; “Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. Phải thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng”².

Ngay sau cuộc họp của Bộ Chính trị sáng ngày 31 tháng 3 và khi các bức điện quan trọng trên đây của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Đại tướng Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp gửi đi, liên tiếp có thêm các bức điện khẩn nữa của Quân ủy Trung ương gửi vào Quân ủy Miền, Bộ Tư lệnh B2 mà tinh thần cơ bản là: *“Cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh, nhân lúc địch hoang mang, diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Không chế được sân bay Biên Hòa thì không quân (địch) mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to”*³.

Cụ thể hơn, trong bức điện cùng ngày gửi cho các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà, Quân ủy Trung ương chỉ rõ: *“Phía đông, tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn Sư đoàn 18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai ngay pháo hạng nặng không chế sân bay Biên Hòa, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cấp (Vũng Tàu), cắt sông Lòng Tàu”*⁴.

Ngày 7 tháng 4 năm 1975, Trung ương Cục duyệt kế hoạch tiến công Sài Gòn – Gia Định, trong đó nhấn mạnh: nếu cắt được Quốc lộ 4 và diệt được Sư đoàn 18 thì đột kích ngay vào Sài Gòn, không chờ lực lượng vào đủ.

Như thế, vào đầu tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc trở thành một trong những mục tiêu chiến lược được đặt ra trong tính toán của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo cao nhất của ta trở thành một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định tới khả năng tận dụng thời cơ, đánh địch bất ngờ để nhanh chóng giải phóng hoàn toàn Sài Gòn – Gia Định trước mùa mưa 1975. Vì rằng, vào khoảng thời gian đó, sau khi mất Quân khu 1, Quân khu 2, địch rất hoang mang, lo lắng nhưng vẫn còn rất ngoan cố. Chúng cho rằng, ta còn phải củng cố những vùng mới giải phóng; phải chuẩn bị thêm 1 hoặc 2 tháng nữa mới có thể đánh vào Sài Gòn. Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa tính toán: đối phương chỉ có khả năng tăng cường cho miền Đông Nam bộ nhiều nhất là một quân đoàn và phải ít nhất là hai tháng, quân đoàn đó mới vào tới chiến trường. Trong khi đó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ

⁽¹⁾ Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.401, 402.

⁽²⁾ Trích Điện văn số 957/TK, 18 giờ ngày 1-4-1975, ký tên: Văn.

⁽³⁾ Điện khẩn ngày 2 tháng 4 của Quân ủy Trung ương. Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H.,2000, tr.267.

⁽⁴⁾ Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Sđd, tr.268.

Solexinhi giờ coi việc Đà Nẵng rơi vào tay đối phương có tầm quan trọng, nhưng đây cũng chỉ là “một trận chiến tương đối nhỏ”. Sau này, hồi tưởng lại những ngày tháng ấy, Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho cho hay: “Mọi người đều biết rằng những vấn đề ở Việt Nam rất nghiêm trọng, nhưng dường như không ai biết được nguy kịch đến mức nào”. Chính vì vậy, cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 1975, Mỹ, Thiệu gấp rút chấn chỉnh Quân khu 3 và 4, dồn lực lượng lập tuyến phòng thủ mạnh ở Phan Rang, Xuân Lộc và Tây Ninh nhằm ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công của ta, giữ thế cầm cự cho tới mùa mưa, sau đó sẽ tính toán bước đi tiếp. Cho đến đầu tháng 4-1975, địch có trong tay 7 sư đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn biệt động quân, 33 tiểu đoàn pháo binh, 12 thiết đoàn xe tăng và xe thiết giáp, 1360 máy bay, 1496 tàu, xuống chiến đấu trên sông, trên biển. Đồng thời, vào lúc đó, Mỹ cấp tốc lập cầu hàng không chuyên chở vũ khí hạng nặng gồm xe tăng và đại bác tiếp viện cho quân đội Sài Gòn; lệnh cho tàu sân bay Hencóc cùng 300 lính thủy đánh bộ Mỹ tiến vào khu vực biển Đông... Ngày 2 tháng 4 năm 1975, Cao Văn Viên – Tổng tham mưu trưởng quân lực Việt Nam Cộng hòa, lớn tiếng tuyên bố: “Cố thủ từ Phan Rang trở lại”. Viên Tư lệnh Quân đoàn 3 Nguyễn Văn Toàn được lệnh trấn giữ Phan Rang. Đồng thời, tuyến phòng ngự mạnh xung quanh Sài Gòn cũng gấp rút được củng cố. Uýen – viên tướng bốn sao, kẻ đã phải cuốn cờ rút khỏi miền Nam Việt Nam tháng 3 năm 1973, được lệnh trở lại Sài Gòn (28-3-1975), bàn mưu tính kế đã nói với Nguyễn Văn Thiệu rằng, phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn. Và ngay hôm đó, Uýen cùng Cao Văn Viên tới Xuân Lộc để quan sát và chỉ huy việc xây dựng phòng tuyến nơi đây. Tại Xuân Lộc, địch bố trí một lực lượng mạnh gồm Sư đoàn 18 còn nguyên vẹn và một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự trong công sự kiên cố. Và khi Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra, địch còn tăng viện thêm Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 3 (Sư đoàn 5), Liên đoàn 7 biệt động quân và các trung đoàn thiết giáp số 315, 318, 320 vào mặt trận Xuân Lộc. Trong khi đó, bên trong thị xã, bộ máy kìm kẹp của địch hầu như còn nguyên vẹn với tổng cộng khoảng 1.522 tên... Báo chí phương Tây hồi bấy giờ xem Xuân Lộc là “chiếc ốc xoáy cuối cùng” quyết định số phận Sài Gòn – và cũng là số phận cuộc chiến. Còn nguy quyền, nguy quân Sài Gòn mệnh danh Xuân Lộc là một “phòng tuyến thép”. Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 Lê Minh Đảo lớn tiếng tuyên bố “tử thủ” Xuân Lộc bằng mọi giá!

Về phía ta, do tầm quan trọng của Xuân Lộc nên lực lượng tham gia chiến dịch này gồm có Quân đoàn 4 (sư đoàn 6, 1, 7), Trung đoàn độc lập 95B và lực lượng vũ trang tại chỗ.

Như thế, những ngày đầu tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc trở thành nơi đọ sức, đọ lực, đọ ý chí giữa các bên tham chiến. Tầm quan trọng của Xuân Lộc chẳng những được thể hiện rất rõ ở mục tiêu mà mỗi bên đặt ra mà như thực tế lịch sử đã chứng tỏ, nó còn được biểu lộ tính chất và mức độ rất quyết liệt, rất phức tạp của cuộc chiến diễn ra tại mảnh đất này, từ ngày 9 đến ngày 21 tháng 4 năm 1975. Những ngày đầu, tuy bị thiệt hại nặng, một số mục tiêu ven và trong thị xã bị Quân giải phóng đánh chiếm nhưng địch vẫn ngoan cố chống đỡ, tăng viện và điên cuồng phản kích. Đồng thời chúng dùng các loại bom có sức sát thương và mức

hủy diệt lớn đánh vào trận địa ta. Ta cũng bị tổn thất nặng. Cuộc chiến diễn ra trong thế giằng co. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Miền quyết định chuyển từ tiến công thẳng vào thị xã sang đánh lực lượng tiếp ứng của địch ở vòng ngoài, chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích... Hai chiến đoàn 43, 48 của Sư đoàn 18 ngụy và Lữ đoàn 3 thiết giáp bị đánh thiệt hại nặng; một số đơn vị khác của địch bị loại khỏi vòng chiến đấu. Để tránh bị bao vây, tiêu diệt, đêm ngày 20 rạng 21 tháng 4 năm 1975, địch buộc phải tháo chạy khỏi Xuân Lộc. Ngày 21 tháng 4, quân ta tiến vào thị xã. Toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng. “Cánh cửa thép” bảo vệ Sài Gòn từ phía đông bị đập tan. Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch xung quanh Sài Gòn; mưu toan co cụm để duy trì trạng thái giằng co chờ cho mùa mưa tới của Mỹ và Sài Gòn trở thành “mây khói”. Sau chiến thắng vang dội này của ta, tinh thần địch vốn đã hoảng loạn càng thêm hoảng loạn, suy sụp. Xét về tổng thể, Chiến thắng Xuân Lộc là một trong số những nhân tố quan trọng đảm bảo cho quân và dân ta thực hiện thành công quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa 1975 – điều mà trước khi Chiến dịch Xuân Lộc mở màn vẫn đang còn là một băn khoăn của các cấp chỉ đạo chiến lược, của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh và cũng là điều mà kẻ thù trước đó không ngờ tới...

Thật vậy, sau khi ta giải phóng Xuân Lộc, một loạt sự kiện liên quan trực tiếp tới số phận cuộc chiến đã liên tiếp diễn ra. Sau khi Xuân Lộc thất thủ, tối hôm đó (21-4-1975), Nguyễn Văn Thiệu đành phải từ chức; Trần Văn Hương lên thay trong bối cảnh tình hình nội bộ giới cầm quyền Sài Gòn đã rất rối bời và chiến dịch di tản của người Mỹ đang xúc tiến ráo riết với nhịp độ ngày càng tăng. Ngay hôm sau, 22 tháng 4, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh thông qua và chính thức phê duyệt kế hoạch tiến công giải phóng Sài Gòn – Gia Định. Tiếp đó, ngày 23 tháng 4, phía bên kia đại dương, tại trường Đại học Tulane (Tulane) ở Niu Oóc-lăng (New Orleans), Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tuyên bố: Cuộc chiến đã chấm dứt đối với người Mỹ.

28 năm sau kể từ ngày diễn ra trận chiến quyết liệt Xuân Lộc, nhìn lại, càng thấy rõ hơn tầm vóc của sự kiện lịch sử này; càng thêm xúc động và tự hào về nghị lực phi thường, gương chiến đấu, hy sinh anh dũng của bao cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống tại đây, tại cửa ngõ Sài Gòn trước giờ phút khắp hai miền Nam – Bắc bừng lên sắc đỏ của rừng cờ và rừng hoa trong ngày vui Đại thắng. Cùng với bao sự kiện khác, Chiến thắng Xuân Lộc là một chấm son chói sáng trong trang sử hào hùng một thời đánh Mỹ của dân tộc Việt Nam ta.

T.V.H

LONG KHÁNH XƯA

ThS. TRẦN QUANG TOẠI*

Huyện Long Khánh được tách ra từ huyện Xuân Lộc vào năm 1991¹, là huyện thuộc khu vực trung du của tỉnh Đồng Nai có diện tích 497,75 km² với 18 xã phường, thị trấn². Phía bắc giáp huyện Định Quán; đông bắc và đông nam giáp huyện Xuân Lộc; tây bắc giáp huyện Thống Nhất; tây nam giáp huyện Long Thành; nam giáp huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dân số toàn huyện hiện có 200.822³ người với nhiều thành phần dân tộc Hoa, Chăm, Châu ro, trong đó người Châu ro có 4.015 người (2084 nữ).

Theo *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn: Long Khánh trước năm 1836 nguyên là địa bàn sinh sống của người dân tộc, gọi là “man sách” thuộc hai thủ Long An và Phước Khánh và một số buôn sóc người dân tộc ở Bình Thuận sống xen kẽ. Tháng 3-1836, Bô chánh Biên Hòa là Phạm Duy Trinh tâu xin triều đình và được phép mộ dân, khai khẩn đến vùng núi Chứa Chan. Đến năm Minh Mạng thứ 18 (1837), lập huyện Long Khánh trên cơ sở nhập hai thủ Long An và Phước Khánh, thuộc phủ Phước Tuy tỉnh Biên Hòa, ranh giới phân định như sau: “Ở phía bắc phủ 29 dặm, đông đến tây cách 80 dặm, nam đến bắc cách 88 dặm. Từ huyện lỵ qua phía đông đến địa giới huyện Tuy Định tỉnh Bình Thuận 43 dặm; tây đến địa giới huyện Long Thành 37 dặm; nam đến địa giới huyện Phước An 17 dặm; bắc đến địa giới huyện Phước Bình 71 dặm”. Huyện có 6 tổng: Long Xương, Long Cơ, An Trạch, An Viễn, Tập Phước, Khánh Nhân và 36 xã thôn, 451 số đình. Người dân tộc ít người trên địa bàn huyện Long Khánh được vua Minh Mạng đặt cho các chữ Tòng, Lâm, Đào, Lý, Dương và Mai để làm họ.

Theo *Biên Hòa sử lược* của Lương Văn Lựu, năm 1878, huyện Long Khánh có hai tổng là Bình Lâm Thượng (có 8 làng) và An Viễn (có 6 làng):

Tổng Bình Lâm Thượng	Tổng An Viễn
An Lộc, có 1 xóm Đất Mới	Cam Đường (Bàu Lùng) có 1 ấp Cam Đường
Bình Lộc	Cam Mỹ (Gia Tao) có 3 ấp Gia Trần, Hôn, Ruộng Chim

(*) Phó chủ tịch, Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai.

(1) Theo Quyết định 107/HĐBT ngày 10-4-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

(2) Gồm các xã Thừa Đức, Long Giao, Sông Nhạn, Nhơn Nghĩa, Bàu Sen, Suối Tre, Bình Lộc, Bảo Quang, Bảo Vinh, Xuân Đường, Xuân Mỹ, Xuân Quế, Xuân Thanh, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thạnh, Xuân Thiện, và thị trấn Xuân Lộc.

(3) Số liệu điều tra ngày 1-4-1999.

Gia Ray có 1 ấp Bảo Chánh	Cam Ngôn (La Vân) có 1 ấp Cam Ngôn
Hưng Lộc	Cam Tiêm (Bambro)
Phú Lộc, hai xóm Lộc, Bung Cơ	La Minh (Bo Ngôt) có 1 ấp La Minh
Tân Lập	Thoại Hương (Gian) có 2 ấp Đất Nước, Đất Đỏ
Tân Phong có 1 ấp Phong Lộc	
Xuân Lộc	

Ngày 24 tháng 7 năm 1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định 131-BNV/HC/NĐ thành lập tỉnh Long Khánh gồm quận Xuân Lộc có một tổng Bình Lâm Thượng và quận Định Quán gồm hai tổng Bình Tuy và Tà Lài.

Đối với cách mạng, sau tháng 8-1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, địa bàn Long Khánh thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), huyện Long Khánh ngày nay thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh (1954 – 1966); từ 1966 đến 1971, thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh; từ 1971 đến 1973, thuộc huyện Xuân Lộc, phân khu Bà Rịa; từ 1973 đến 1975, thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Long Khánh vẫn là địa bàn thuộc huyện Xuân Lộc. Đến năm 1991, do yêu cầu thực hiện công cuộc đổi mới và để thuận tiện trong việc quản lý địa bàn, huyện Long Khánh được thành lập như ngày nay gồm 18 đơn vị hành chính: thị trấn Xuân Lộc là trung tâm của huyện lỵ; xã Xuân Thanh; xã Xuân Bình tách thành 2 xã Xuân Thiện và Bình Lộc; xã Xuân Vinh tách thành 2 xã Bảo Vinh và Bảo Quang; xã Xuân Lập tách thành 3 xã Tân Lập, Suối Tre và Bàu Sen; xã Xuân Tân tách thành 3 xã Xuân Tân, Xuân Thanh, Nhơn Nghĩa; xã Xuân Mỹ tách thành 2 xã Xuân Mỹ và Long Giao; xã Xuân Đường thành 2 xã Xuân Đường và Thừa Đức; xã Xuân Quế tách thành 2 xã Xuân Quế, Sông Nhạn.

Long Khánh nằm trên địa bàn trung du, địa hình tương đối bằng phẳng với hai loại đất chính:

– Nhóm đá bọt chiếm đến 45,92% quỹ đất. Loại đất này tuy có hạn chế về địa hình dốc mạnh, tỷ lệ lẫn đá cao, nhưng có độ phì cao, xốp, có thể bố trí trồng những loại cây có giá trị kinh tế cao như đậu nành, thuốc lá, các loại cây ăn trái, cây hoa màu...

– Nhóm đất đỏ phong hóa từ dung nham phun trào từ những miệng núi lửa cách đây hàng triệu năm chiếm 37,43% quỹ đất, rất thuận lợi cho việc phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày.

Về khí hậu, Long Khánh có hai mùa mưa và nắng. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 sang

năm.

Về rừng, trước năm 1901, Long Khánh với tổng Bình Lâm Thượng là 1 trong 8 tổng của tỉnh Biên Hòa có nhiều rừng với nhiều loại gỗ quý như sao, dầu, cẩm, gỗ nổi liền với rừng tỉnh Bà Rịa, Đồng Nai thượng, Bình Thuận. Từ đầu thế kỷ 20, rừng bị khai thác để trồng cây cao su với hàng chục ngàn ha. Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ (1945 – 1975), rừng Long Khánh tiếp tục bị tàn phá nặng nề bởi bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ, để lại hậu quả nặng nề trên hệ sinh thái và cả con người. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trước áp lực của việc thiếu lương thực, rừng tiếp tục bị phá để lập rẫy trồng hoa màu và cây lương thực.

Long Khánh là vùng đất có con người sinh sống rất sớm. Những di chỉ khảo cổ từ lòng đất đỏ bazan ở Xuân Lộc, Long Khánh là sự khẳng định cho kết luận này:

– Di chỉ Suối Chồn nằm trên sườn đồi bazan nâu đỏ ven bờ suối Háp thuộc xã Bảo Vinh¹. Những di chỉ này cho thấy sự lan tỏa và giao thoa văn hóa mạnh giữa văn hóa Sa Huỳnh và truyền thống thời đại kim khí – thời đại sắt văn hóa Đồng Nai.

– Đặc biệt quần thể di tích kiến trúc mộ bằng đá lớn ở Hàng Gòn là một di tích đặc sắc ở Long Khánh. Mộ đá (hay mộ cự thạch) Hàng Gòn thuộc ấp Hàng Gòn², xã Thới Giao, huyện Long Khánh (nay thuộc xã Xuân Thanh) đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng di tích quốc gia năm 1998 .

– Bộ sưu tập qua đồng nhiều kích cỡ với những hoa văn họa tiết độc đáo, tìm thấy ở Di tích Long Giao cách Hàng Gòn 4km, minh chứng cho sự phát triển về nghề luyện kim, tài năng và những giá trị tinh thần thông qua những hoa văn trên qua đồng của người xưa ở Long Khánh, thể hiện mối quan hệ Đông Sơn – Đồng Nai ở những thế kỷ sôi động gần Công nguyên nhất³.

⁽¹⁾ Di chỉ phát hiện từ năm 1976 và khai quật 4 lần vào các năm 1978, 1979. Đó là một khu cư trú cổ và 1 khu nghĩa địa riêng biệt với 9 mộ chum vò gốm chứa đồ tùy táng bên trong. Di vật tìm thấy gồm nhiều hiện vật bằng đá, bằng thủy tinh, bằng đồng... có niên đại khoảng thế kỷ thứ I trước Công nguyên. Hiện vật đá có: 1 cuốc, 80 rìu bôn, 5 đục, 14 bàn mài, 6 dao gặt, 1 chày nghiền, 1 búa đeo, 10 khuôn đúc rìu bằng sa thạch, 13 mảnh vòng, 2 khuyên tai... Đồ đất nung có: 14 dọi se sợi, 2 đạn, 2 quả cân cùng 9 chum vò làm quan tài và 8 nồi tùy táng. Đồ thủy tinh có: 1 vòng tay và 2 khuyên tai có 3 màu xanh lục. Đồ kim loại có: 5 rìu đồng, 5 kiếm sắt, 1 liềm và 1 thuổng sắt. Tại di chỉ Hàng Gòn 9, nhiều mộ chum và đồ tùy táng bên trong bằng đá, gốm, sắt cũng được tìm thấy.

⁽²⁾ Năm 1927, trong việc mở đường phục vụ cho việc khai thác thuộc địa ở vùng đất đỏ bazan, kỹ sư cầu đường người Pháp J.Bouchot đã phát hiện và khai quật di chỉ mộ cự thạch Hàng Gòn 3 lần trong năm 1927 và 1929. Mộ cự thạch Hàng Gòn đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả phương Tây. Toàn quyền Đông Dương đã xếp mộ cổ Hàng Gòn vào danh mục “Những di tích lịch sử quan trọng nhất của Liên bang năm 1930”.

Mộ cự thạch Hàng Gòn dạng hình hộp kín nằm chìm trong lòng đất (sâu 1,7m) cùng với hàng trụ đá xung quanh. Theo Bouchot và H.Parmentier, hầm mộ có dạng hình hộp chữ nhật được lắp ghép bởi 6 tấm đan đá hoa cương nằm theo hướng đông tây; ở giữa có 4 hàng cột gồm: 8 trụ bằng sa thạch hoặc đá bazan cao tới 2,5 – 3 mét với đầu khoét lõm hình yên ngựa, 2 trụ còn lại là 2 tấm đan lớn (7,2 x 1,1 x 0,35m) nặng hàng chục tấn. Di chỉ mộ cự thạch Hàng Gòn được đoán định tuổi từ 2000 – 2.500 năm, thể hiện nỗ lực to lớn, sự sáng tạo, tài tổ chức, sức mạnh cộng đồng của người xưa ở Long Khánh.

⁽³⁾ *Địa chí Đồng Nai*, tập III, Nxb. Đồng Nai, 2001, trang 40.

Long Khánh có vị trí khá quan trọng cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Đường Quốc lộ 1 đi qua huyện, con đường huyết mạch nối liền ra miền Trung, miền Bắc, cửa ngõ án ngữ phía đông nam để vào thành phố Biên Hòa và Sài Gòn. Quốc lộ 20 nối Quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đi lên Tây Nguyên. Liên tỉnh lộ số 2 từ Long Khánh nối liền với thị xã Bà Rịa xuống vùng ven biển Vũng Tàu. Tuyến xe lửa xuyên Việt Bắc – Nam đi qua Long Khánh.

Chính vì thế trong hai cuộc kháng chiến, đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, ngụy quyền Sài Gòn đã lập tỉnh Long Khánh, mà thị trấn Xuân Lộc hiện nay, là tỉnh lỵ. Vào cuối cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thị xã Long Khánh trở thành chiến trường ác liệt. Địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc với lực lượng mạnh nhất của Quân đoàn 3 để bịt kín cửa ngõ vào Sài Gòn. Ta tập trung Quân đoàn 4 cùng các lực lượng địa phương quyết phá vỡ tuyến phòng thủ cuối cùng của địch, mở cửa ngõ cho đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng ở Đà Nẵng mở đầu cho công cuộc xâm lược ở Việt Nam. Năm 1859, Pháp chiếm Gia Định. Tháng 12 năm 1861, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Biên Hòa. Nhân dân các dân tộc ít người ở Long Khánh, Xuân Lộc đã nhiều lần kết hợp với quân triều đình tấn công quân Pháp, tham gia nghĩa quân Trương Định kháng Pháp. Chính thực dân Pháp đã phải thú nhận: *“Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở ven biên giới Biên Hòa – Bà Rịa; trước đó những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một trợ lực quan trọng.”*¹.

Ngày 20 tháng 8 năm 1864, Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định hy sinh. Trương Quyền thay cha lãnh đạo nghĩa quân. Phan Chánh, một sĩ phu yêu nước tự xưng là Bình Tây Phó nguyên soái hội với Trương Quyền lập căn cứ Giao Loan (Rừng Lát), tập hợp người yêu nước các nơi về kháng chiến, nghĩa quân thường xuyên tập kích giặc ở Biên Hòa – Bà Rịa. Đến tháng 1 năm 1865, De La Rousse dẫn quân đánh vào căn cứ Giao Loan. Phần lớn nghĩa quân rút ra Bình Thuận, một bộ phận theo Trương Quyền rút về Tây Ninh tiếp tục kháng chiến.

Với đất đỏ phì nhiêu, Long Khánh là vùng đất màu mỡ để từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 khi xâm lược nước ta, tư bản thực dân Pháp thực hiện việc bóc lột tài nguyên thiên nhiên bằng cách cướp đất, nơi người dân tộc sinh sống lâu đời để khai thác cao su. Âm mưu và ý đồ bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp đã được Pôn Đume (Paul Doumer), toàn quyền ở Đông Dương bộc lộ công khai: *“... kỹ nghệ thuộc địa phải được lập ra để sản xuất những gì mà kỹ nghệ Pháp không sản xuất được... Đối với nước Pháp, các thuộc địa đứng trên mọi quan điểm mà xét, ngay cả trên lĩnh vực kỹ nghệ nữa chỉ là những căn cứ hoạt động giúp cho nước Pháp bành trướng được ra xa hoạt động của mình trên thế giới”*. Đồng thời hân khuyến khích sự đầu tư và khai thác thuộc địa của tư bản Pháp: *“... Việc thiết lập*

⁽¹⁾ Địa chí Đồng Nai, tập III. Nxb. Đồng Nai 2001, trang 189.

kỹ nghệ ở thuộc địa chỉ có thể được khuyến khích không giới hạn nếu nó không tổn hại gì cho kỹ nghệ chính quốc”¹. Mêlin (Méline), Giám đốc Hội Kỹ nghệ và Canh nông năm 1891 bộc lộ rõ hơn: “...nền sản xuất thuộc địa phải giới hạn ở chỗ là cung cấp cho chính quốc những nguyên liệu đầu tiên”².

Vùng đất đỏ bazan của Long Khánh rất phù hợp với việc phát triển các loại cây nguyên liệu, do vậy từ vùng đất này tư bản thực dân đã hình thành nhiều công ty khai thác cao su.

Năm 1905, Công ty nông nghiệp Suzannah (Société Agricole de Suzannah) được thành lập. Cây cao su đầu tiên được Công ty này trồng vào năm 1906 tại Dầu Giây. Công ty Cao su Đông Dương (Société Indochinoise des Plantations d’héveas, gọi tắt là SIPH, thành lập năm 1906. Công ty Cao su Đồng Nai (Les caouchoise du Donnai, gọi tắt là LCD), tức Công ty Kỹ nghệ và Rừng Biên Hòa trước kia, thành lập năm 1908. Năm 1910, Công ty Đồn điền Đất Đỏ (Plantations des Terrouges, viết tắt là SPTR) lập 2 đồn điền Courtenay (Cẩm Mỹ) và Long Thành. Công ty Đồn điền Xuân Lộc thành lập mở Đồn điền Hàng Gòn năm 1911. Năm 1911, Công ty Đồn điền An Lộc được thành lập

Hầu hết các công ty cao su đều mộ dân từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm phu như các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị... Từ năm 1914 đến trước năm 1945, riêng Công ty Cao su SIPH đã mộ 316.000 phu. Công ty Cao su Đất Đỏ (SPTR) cùng thời gian mộ trên 200.000 phu.

Tiền lãi của tư bản thực dân Pháp qua kinh doanh cao su tỷ lệ thuận với những nỗi cực nhục mà nhân dân, đồng bào dân tộc ít người và công nhân cao su chịu đựng.

Sự khai thác cao su của tư bản thực dân Pháp ở vùng đất đỏ Long Khánh làm xuất hiện đội ngũ công nhân cao su kiên cường, bất khuất trong đấu tranh giành độc lập và giải phóng dân tộc sau này.

Cảnh sống của công nhân đồn điền cao su đã được Pôn Mônê (Paul Monet) viết trong quyển *Hai ngọn lửa* (Entre deux feux), dù mới chỉ phản ánh một phần với thực tế, như sau: “*Trước khi ở Bắc ra đi, người ta đã hứa phát gạo không mất tiền cho phu, nhưng khi đến đồn điền thì người ta đã phát gạo trừ vào lương. Vợ người cai hay giám thị bán gạo với giá 2 đồng một học, gạo này rất xấu, người phu đều phải tự thổi nấu lấy mà ăn. Người phu đã phải uống nước suối hay nước nguồn vì không có nước uống, vài người đã phải lấy lá rừng về nấu uống. Giao kèo là 3 năm, nhưng công ty đã tìm cách kéo dài ra 4 năm bằng cách vin vào có “chủ nhật và những ngày lễ người phu không đi làm (người ta chỉ coi những ngày này là những ngày nghỉ đối với cai và các giám thị, còn phu thì không được). Nhưng sau 4 năm, người phu may còn sống sót, cũng không có cách nào quay về xứ sở vì họ không có tiền và quần áo. Họ buộc phải ở lại làm và ký thêm giao kèo*

⁽¹⁾ Paul Doumer, L’indochine Française (Souvenires) Paris 1905, trang 392. Trích lại trong *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*. Nxb. Khoa học xã hội, 1978, trang 18.

⁽²⁾ Như trên.

nữa. Mỗi tháng theo quy định được trả 12 đồng, nhưng những ngày bệnh và ngày nghỉ thì không được trả lương. Mỗi tháng người ta bớt vào tiền lương 5 hào để trừ vào số tiền 6 đồng mà người phu đã được lãnh trước khi đi. Người ta đã hứa công ty sẽ trả phần thuế thân hàng năm trong thời gian giao kèo cho người phu, nhưng người ta đã không giữ lời hứa và thân nhân của những người phu ở các làng quê đã buộc phải trả phần thuế này”¹.

Đồn điền cao su thời Pháp thuộc chính thực là lãnh địa riêng biệt của tư bản, đồng thời chính là “địa ngục trần gian” của phu cao su vậy:

*“Cao su xanh tốt chốn này
Mỗi cây bón một xác người công nhân
Hận thù trời đất khôn cầm
Càng tươi dòng mủ, càng bằm ruột gan.”²*

Bị áp bức đến cùng cực, công nhân đồn điền cao su ở Long Khánh đã vùng lên đấu tranh để tự bảo vệ quyền sống của mình. Những cuộc đấu tranh này là yếu tố để công nhân đoàn kết hơn, yêu thương gắn bó hơn, tích lũy nhiều kinh nghiệm về đấu tranh và ngày càng hiểu rõ bản chất kẻ bóc lột hơn.

Nhân dân huyện Long Khánh có truyền thống văn hóa lâu đời, truyền thống đấu tranh chống áp bức, đặc biệt đội ngũ công nhân tuy mới ra đời từ đầu thế kỷ 20, nhưng rất đoàn kết gắn bó trong quá trình lao động. Tất cả là những điều kiện quan trọng để nhân dân Long Khánh phát huy truyền thống này trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

T.Q.T

⁽¹⁾ *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam*. Nxb. Trẻ, 1993, tr 29.

⁽²⁾ Ca dao của công nhân cao su miền Đông.

ÂM MƯU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ ĐỐI VỚI MIỀN NAM VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH PARIS (1973 – 1975)

TRẦN NAM TIẾN*

1. Do gặp nhiều thất bại trên chiến trường, Mỹ buộc phải lùi bước trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đi đến ký Hiệp định Pari (Paris) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973). Ngày 29 tháng 3 năm 1973, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Tướng Uýen, Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam, cùng 2.051 lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt sự có mặt quân sự của Mỹ ở đây. Mặc dù vậy, để giữ “danh dự, uy tín” và vì quyền lợi của mình, Mỹ vẫn chưa chịu rút bỏ Việt Nam.

Âm mưu và chính sách cơ bản của đế quốc Mỹ giai đoạn sau Hiệp định Pari là rút được quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, lấy được tù binh Mỹ về nước, nhưng vẫn dùng nguy quân nguy quyền Sài Gòn làm công cụ để thực hiện “học thuyết Níchxơn (Nixon)” và chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh”, tiếp tục cuộc chiến tranh để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mục tiêu của chúng là biến miền Nam Việt Nam thành một “quốc gia thân Mỹ”, xóa bỏ tình trạng hai vùng, hai chính quyền, hai quân đội mà Hiệp định Pari – 1973 ghi nhận. Điều này được Tổng thống Níchxơn tuyên bố: “Mỹ sẽ tiếp tục công nhận Chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất ở miền Nam Việt Nam”¹. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được Mỹ thực hiện theo công thức “quân nguy, viện trợ Mỹ và cái gậy chỉ huy của Mỹ”.

Thực hiện ý đồ đó đối với miền Nam Việt Nam, chính quyền Níchxơn, sau này là chính quyền Giêrôn Pho, đã ra sức giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu tăng cường lực lượng mọi mặt, như giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đồn quân, bắt lính..., còn Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự, kinh tế, đưa thêm nhiều vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh vào miền Nam Việt Nam. Chỉ trong mấy tháng trước và sau khi ký Hiệp định Pari, Mỹ đã trao cho nguy quyền Sài Gòn hơn 700 máy bay, hơn 500 khẩu pháo, hơn 400 xe tăng, xe bọc thép, rất nhiều tàu chiến và dự trữ vật tư chiến tranh, tới gần 2 triệu tấn, trong đó có 50 vạn tấn đạn dược, gần 90 vạn tấn xăng dầu². Nhờ đó, quân đội Sài Gòn được nâng tổng số lên 1,1 triệu người, tổ chức thành 4 quân đoàn với 1.850 máy bay các loại, 2.074 xe tăng, 1.601 tàu chiến, 1.588 khẩu pháo và hàng triệu tấn vật tư chiến tranh³.

Khi rút quân đội ra khỏi Việt Nam, Mỹ không hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam như quy định của Hiệp định Pari mà giao lại toàn bộ các căn

(*) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) George C.Herring, *America's Longest War: The United States and Vietnam 1950 – 1975*, Alfred A. Knopf, NY., 1986, tr.259.

(2) Văn Tiến Dũng, *Cuộc kháng chiến chống Mỹ toàn thắng*, Nxb. Sự thật, H., 1991, tr.158.

(3) Lê Mậu Hãn (chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H., 1998, tr.255.

cứ quân sự ấy cho quân đội Sài Gòn. Máy bay Mỹ được chuyển sang các căn cứ của Mỹ ở Thái Lan, Philíppin. Nếu có “xung đột” xảy ra, lực lượng Mỹ sẵn sàng chi viện cho quân đội Sài Gòn đặt ở căn cứ gần Việt Nam là rất lớn, gồm 15.200 quân, 1.020 máy bay, 56 tàu chiến...¹

Bên cạnh đó, Mỹ vẫn giữ lại hơn hai vạn cố vấn quân sự đội lột dân sự, lập lại bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho quân ngụy Sài Gòn. Riêng ở Sài Gòn, các nhóm cố vấn quân sự được đổi thành các tổ chức “dân sự” với hơn 9.000 người, trong đó có nhiều người đã nhanh chóng thay đổi chức năng quân sự và chuyển sang công chức của chính phủ Việt Nam (Việt Nam Cộng hòa)². Để chỉ huy và điều hành cuộc chiến tranh cho phù hợp với tình hình mới, Mỹ đổi tên cơ quan chỉ huy quân sự MACV (Military Assistance Command, Vietnam) thành cơ quan tùy viên quốc phòng (DAO – Defense Attache Office). Cơ quan tình báo CIA hoạt động dưới danh nghĩa tổ chức USAID (United States Agency International Development). Lực lượng này trở thành một lực lượng quan trọng giúp ngụy quyền Sài Gòn trong việc thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Rõ ràng, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu “được sự ủng hộ đầy đủ của Mỹ để thể hiện một chính sách hòa giải chính trị và tiếp tục tiến công quân sự”³.

Tiếp tục nhận viện trợ của Mỹ, được cố vấn Mỹ chỉ huy, chính quyền Thiệu ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari. Với một kế hoạch tiếp tục chiến tranh sắp đặt trước khi ký Hiệp định, chính quyền Thiệu huy động gần như toàn bộ lực lượng, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm các vùng do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kiểm soát; tiến hành bao vây kinh tế, đẩy mạnh hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý. Mục đích của chúng là chiếm đất, giành dân, xóa bỏ hình thái “da báo”, mở rộng và củng cố vùng chúng kiểm soát, thu hẹp đi đến xóa bỏ vùng giải phóng. Trong vùng do chúng kiểm soát, chúng ráo riết “bình định”, “thanh lọc”, đồn quân bắt lính, cướp bóc nhân dân, giết hại những người yêu nước, bắt bớ tù đầy những người chống đối. Thực chất, đó là hành động tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta ở Việt Nam. Theo số liệu thống kê, trong năm 1973, quân đội Sài Gòn đã tổ chức 11.365 cuộc hành quân lấn chiếm ở các quy mô khác nhau, có sự chi viện của không quân và hải quân⁴.

Với những âm mưu và biện pháp chiến lược trên, Mỹ cho rằng trong khoảng thời gian từ 1973 – 1975, chúng sẽ dồn lực lượng vũ trang ta ở miền Nam về 15 căn cứ sát biên giới và chỉ hoạt động quy mô cấp đại đội. Đến những năm 1978 – 1980, chiến tranh sẽ tàn lụi, chúng sẽ triển khai toàn diện nền kinh tế thực dân mới lệ thuộc Mỹ, loại trừ cách mạng ra khỏi đời sống chính trị của dân chúng, đồng

⁽¹⁾ Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 2002, tr.469.

⁽²⁾ *America's Longest War: The United States and Vietnam 1950 – 1975*, Sdd, tr.259.

⁽³⁾ Giôdép, A.Amtơ, *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, H., 1985, tr.237.

⁽⁴⁾ *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Sdd, tr.472.

thời làm cho kinh tế miền Nam hơn hẳn kinh tế miền Bắc¹.

Nhưng thực tiễn tình hình đã diễn ra không theo dự kiến chủ quan của người Mỹ. Với việc quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, nước Mỹ đã rơi vào tình trạng “cuộc khủng hoảng lòng tin”, kinh tế bị suy sụp, nạn lạm phát và thất nghiệp tăng nhanh hơn, xã hội Mỹ bị rối loạn, nội bộ chính quyền và các đảng phái bị chia rẽ sâu sắc. Cùng với tình hình ấy là vụ bê bối Oatoghét (Watergate)² đã buộc Níchxon phải rút lui khỏi Nhà Trắng (tháng 8-1974), qua đó đánh dấu “một trong những thời kỳ khó khăn nhất và bi thảm nhất của nước Mỹ”³. Giêrôn Pho⁴ lên thay với biết bao khó khăn chồng chất cả trong nước Mỹ và trên thế giới, đặc biệt là trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Giêrôn Pho và giới cầm quyền Mỹ càng tỏ ra bất lực trước sự suy yếu nghiêm trọng của bọn ngụy Sài Gòn.

Những khó khăn ở Mỹ đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình ở miền Nam Việt Nam. Mỹ bắt đầu cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn. Thực tế, viện trợ quân sự của Mỹ cho Thiệu bị giảm dần, từ 1.614 triệu USD năm 1972 – 1973, rút xuống còn 1.026 triệu USD năm 1973 – 1974 và 701 triệu USD năm 1974 – 1975... Theo tướng Mỹ Giôn Morây (John Maray) thì “nếu viện trợ còn 750 triệu đôla, Sài Gòn chỉ còn khả năng bảo vệ một phần đất đai. Nếu xuống thấp nữa có nghĩa là xóa bỏ Cộng hòa Việt Nam”⁵. Điều này cho thấy, sự tồn tại của chính quyền Sài Gòn phụ thuộc rất lớn vào viện trợ Mỹ. Trong khi đó, Quốc hội Mỹ đã quyết định cắt giảm viện trợ cho miền Nam Việt Nam. Tháng 1 năm 1975, Tổng thống Giêrôn Pho thuyết phục Quốc hội viện trợ 300 triệu USD cho Nam Việt Nam nhưng không thành công⁶.

Trong khi đó, quân đội Sài Gòn đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, chúng liên tiếp bị trừng trị bởi những đòn nặng nề của quân giải phóng, vùng kiểm soát của chúng dần dần bị thu hẹp, trong lúc đó lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và chiến thắng. Tính đến cuối năm 1973, trên toàn miền Nam ta đã làm chủ 8.690 ấp với khoảng 4 triệu dân; vùng tranh chấp có khoảng 9.000 ấp với khoảng 3 triệu dân⁷. Riêng ở miền Tây Nam bộ, các lực lượng cách mạng đã loại khỏi vòng chiến đấu 36.500 quân, bức rút, bức hàng 103 bót, mở rộng vùng giải phóng với 666 ấp gồm 390.000 dân⁸. Sang năm 1974, kế hoạch lấn chiếm bình định của địch căn bản bị thất bại. Tính chung trên toàn miền, quân và dân ta đã diệt

(1) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Hà Nội, 1991, tr.249.

(2) Tháng 6 năm 1972, một nhóm 5 người chui vào trụ sở của Ủy ban toàn quốc Đảng Dân chủ đóng tại khu nhà Oatoghét ở Oasinhton (Washington), đặc khu Colombia. Trong khi tìm cách đặt máy ghi âm điện tử nghe trộm thì nhóm đó bị bắt. Níchxon tìm cách che giấu chuyện này, bịt kín cuộc điều tra và tiếp tục cuộc vận động bầu cử. Sau này, báo chí Mỹ đã phanh phui vụ này trước công luận Mỹ.

(3) Theo AP ngày 6 tháng 8 năm 1974.

(4) Ngày 9 tháng 8 năm 1974, Giêrôn Pho lên nắm quyền và trở thành Tổng thống thứ 38 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

(5) Điện của tướng Giôn Morây gửi Lầu Năm Góc, tháng 6 năm 1974. Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, tr.481.

(6) James S.Olson – Randy Robetr, *Where the domino fell – America and Vietnam, 1945 – 1995*, NY., 1996, tr.258.

(7) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II (1954 – 1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1995, tr.617-618.

(8) *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Sđd, tr.488.

và bức rút 2.174 bót, phá 830 ấp, giải phóng hơn 10 chi khu, quận lỵ, nâng số dân vùng giải phóng lên gần 5 triệu¹.

Từ tháng 5 năm 1974, quân đội Sài Gòn buộc phải rút bỏ các đồn bót nhỏ, co về đóng giữ các đồn bót lớn, từ đánh ồ ạt chuyển sang đánh lâu dài, từ càn quét chuyển sang lùng sục nhỏ, từ lấn chiếm chuyển sang ngăn chặn... Phạm vi chiếm đóng của quân đội Sài Gòn ở miền Nam dần dần bị thu hẹp dần. Chiến lược “tràn ngập lãnh thổ” đến đây hoàn toàn bị tan vỡ. Khả năng tồn tại của ngụy quyền Sài Gòn bị đe dọa nghiêm trọng.

Nhìn chung, thế và lực của Mỹ – Thiệu ở miền Nam Việt Nam ngày càng suy yếu. Với những khó khăn trong và ngoài nước, khả năng viện trợ cho chính quyền Sài Gòn ngày càng giảm. Trước sự suy yếu trầm trọng của ngụy quyền Sài Gòn như lúc này, dù Mỹ có can thiệp đi chăng nữa thì cũng không thể cứu vãn nổi sự sụp đổ của quân đội Sài Gòn. Có thể nói, *“đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ... Ngoài thời cơ này không có thời cơ nào khác”*².

Sau Chiến thắng Phước Long (6-1-1975), quân và dân ta đã mở đợt tổng tiến công thần tốc giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột (10-3-1975), tiếp đến là Kon Tum, Gia Lai và toàn bộ Tây Nguyên (24-3-1975), rồi Huế (26-3-1975), Đà Nẵng (29-3-1975). Chỉ trong một thời gian ngắn, 16 tỉnh, 6 thành phố, thị xã được giải phóng, gần một nửa binh lực địch trên toàn miền Nam bị tiêu diệt và tan rã. Thắng lợi nhanh chóng, dồn dập và mạnh mẽ của quân và dân ta tạo nên sự phản ứng dây chuyền càng làm cho địch nhanh chóng tan rã. Chính quyền Sài Gòn đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, hoang mang và bế tắc. Người Mỹ hoàn toàn bất ngờ trước sức tấn công như vũ bão của quân và dân ta. Tuy nhiên, Mỹ vẫn tiếp tục tiếp sức cho ngụy quyền Sài Gòn, cố gắng duy trì chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu ở miền Nam Việt Nam. Đối với người Mỹ, nếu chấp nhận thất bại lần này là chấp nhận sự sụp đổ hoàn toàn ở miền Nam Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung.

Để giúp ngụy quyền Sài Gòn kéo dài cơn hấp hối, chính quyền Phô đã lập cầu hàng không khẩn cấp tăng cường vũ khí, trang bị cho quân ngụy. Tướng Uýen, cựu Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam được Nhà Trắng phái đến Sài Gòn để dựng kế hoạch phòng thủ và đốc thúc bọn tay sai đốc toàn sức bảo vệ chế độ Sài Gòn.

2. Sau khi ta giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và phần lớn ven biển miền Trung, chủ trương của địch là co về phòng thủ, giữ Quân khu 3 và Quân khu 4 trong đó có Sài Gòn – Gia Định là nơi cố thủ quyết định sự sống còn của chế độ tay sai Sài Gòn. Lúc này, trên chiến trường Nam bộ, lực lượng quân ngụy vẫn còn khá lớn (10 sư đoàn tăng cường gồm bộ binh + dù + thủy quân lục chiến + 8 liên đoàn biệt động quân + 11 thiết đoàn + 33 tiểu đoàn pháo binh + 3 sư đoàn không quân + 27 liên đoàn địa phương quân...), tuy về tinh thần hoang mang dao động rất

⁽¹⁾ *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Sđd, tr.498.

⁽²⁾ Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, H., 1985, tr. 362.

manh, nhưng cũng chưa đến mức tan rã hỗn loạn. Phần lớn lực lượng này dịch bố trí tập trung chung quanh Sài Gòn, triển khai thành nhiều tuyến ngăn chặn từ xa đến gần, trên mỗi tuyến có các khu vực phòng thủ then chốt như Xuân Lộc (cửa ngõ vòng ngoài trên hướng phòng ngự chủ yếu), Biên Hòa – Long Bình, Phú Lợi – Bình Dương, Đồng Dù – Củ Chi, Tân An – Bến Lức... (ở khu vực tuyến giữa).

Với Sài Gòn là hang ổ cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn nên Nguyễn Văn Thiệu đã cố gắng đến mức cao nhất để mong ngăn chặn sự sụp đổ nhanh chóng của chúng. Mỹ cũng ra sức cứu vớt chính quyền tay sai của mình. Ngày 28-3-1975, tướng Uýen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, được cử đến Sài Gòn vạch kế hoạch phòng thủ cho ngụy quyền Sài Gòn. Ở tuyến ngoại vi thành phố, chúng bố trí 1 sư đoàn và 1 lữ đoàn chia thành 4 khu vực phòng thủ. Trong tuyến nội đô, chúng tổ chức thành 5 liên khu, chống thâm nhập và nổi dậy. Trong đó, Uýen quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ chốt tại thị xã Phan Rang nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây. Ngay trong ngày 28-3-1975, Uýen và Cao Văn Viên đã phải tức tốc bay ra Xuân Lộc để quan sát và chỉ huy xây dựng phòng tuyến tại đây.

Như vậy, trong hệ thống phòng thủ Sài Gòn, Xuân Lộc trở thành khu vực phòng ngự trọng yếu của địch ở Quân khu 3 trong kế hoạch của Nguyễn Văn Thiệu “cố thủ Phan Rang trở vào” và “tử thủ Long Khánh (Xuân Lộc)”. Nhằm bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, một trọng điểm của tuyến phòng ngự từ xa của Mỹ – ngụy chặn hai đường tiến quân của ta về Sài Gòn là Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Giữ được Xuân Lộc – Long Khánh thì tuyến Biên Hòa – Nhơn Trạch – Bà Rịa – Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và cả sân bay Tân Sơn Nhất còn hoạt động được.

Được xem là điểm then chốt phòng ngự của địch ở hướng đông bắc nên địch đã tập trung mọi khả năng còn lại để cố giữ Xuân Lộc. Đối với ngụy quyền Sài Gòn, “Xuân Lộc là chìa khóa phòng thủ Sài Gòn. Để mất Xuân Lộc là mở cửa cho thủ đô bị tiến công trực diện. Cũng ngang tầm quan trọng như vậy, việc mất Xuân Lộc sẽ làm cho Sài Gòn sa sút nặng đến mức sự đầu hàng có thể phải được cân nhắc thành một giải pháp tích cực!”. Chúng đưa về đây toàn bộ lực lượng của Sư đoàn 18 và 1 trung đoàn của Sư đoàn 5 ngụy, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 lữ đoàn dù, 2 chiến đoàn tăng thiết giáp, 8 tiểu đoàn pháo binh, gồm 50% quân chủ lực và 60% pháo binh của Quân đoàn 3 ngụy, sử dụng máy bay với mật độ cao để chống lại quân chủ lực của ta. Với khả năng chi viện tối đa hỏa lực không quân, pháo binh, chúng hy vọng có thể ngăn chặn làm chậm bước phát triển tiến công của ta, cố kéo dài đến mùa mưa để sau đó có cơ hội gượng lại nếu được Mỹ tiếp tục viện trợ, hoặc may ra có thể tranh thủ một giải pháp thương lượng ít thua thiệt hơn¹. Thiệu đinh ninh rằng còn nhiều tháng nữa, quân đội cách mạng mới tới được Sài Gòn.

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 của ta gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 và lực lượng Quân khu 7 nổ súng tiến công Xuân Lộc. Trận mở đầu tại

⁽¹⁾ Nhiều tác giả, *Mùa xuân giải phóng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1997, tr.198.

Xuân Lộc được Alan Dawson (bình luận viên quân sự có quan hệ với sứ quán Mỹ tại Sài Gòn) viết trong cuốn *55 ngày – cuộc sụp đổ của Nam Việt Nam*: “Toàn bộ một sư đoàn cộng sản tràn đến tỉnh lỵ Xuân Lộc, mở đầu cho trận đánh gay go nhất trong toàn bộ Chiến dịch Hồ Chí Minh...”. Đối với Mỹ và chính quyền Sài Gòn, trận chiến ở Xuân Lộc cũng là dịp thử nghiệm cái độ vững chắc hay lung lay của phòng tuyến đó và cũng là “một nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam” đang trên đà sụp đổ⁽¹⁾.

Trận đánh diễn ra quyết liệt. Địch tập trung cố thủ và tăng cường thêm lực lượng, điên cuồng phản kích, gây khó khăn cho ta. Trước tình hình đó, ta chuyển sang đánh các lực lượng tiếp viện ở vòng ngoài, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn đánh địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích. Thực hiện lối đánh này, ta đã chia cắt Xuân Lộc với Sài Gòn. Ngày 18 tháng 4 năm 1975, Bộ trưởng Quốc phòng nguy Trần Văn Đôn đi kiểm tra tình hình chiến sự đã thốt lên: “Tình trạng nguy ngập thật sự. Sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng”. Đại sứ Matin trong ngày 19 tháng 4 cũng khẩn cấp báo về Oasinhton tình hình tuyệt vọng của chúng ở Sài Gòn. Báo cáo có đoạn: “Với sự sụp đổ của quân đội chính phủ ở Xuân Lộc, và sự tiếp viện của quân đội Bắc Việt Nam ở Quân khu 3, cán cân lực lượng ở vùng rộng lớn Sài Gòn đã nghiêng hẳn về phía Bắc Việt Nam và Việt cộng... Mười lăm ngày nữa thì Sài Gòn sẽ bị bao vây hoàn toàn. Có khả năng trong ba hay bốn tuần nữa sẽ rơi vào tay cộng sản”⁽²⁾. Tướng Mỹ Uâyen cũng nhận xét rằng: “Tình hình quân sự tại Nam Việt Nam đã tuyệt vọng”⁽³⁾. Trước tình hình đó, từ ngày 18 tháng 4, Tổng thống Giêrôn Pho ra lệnh di tản gấp người Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Ngày 20 tháng 4 năm 1975, cánh quân phía đông của ta sau khi giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân đã tiến đến Xuân Lộc, phối hợp với Quân đoàn 4 uy hiếp rất mạnh Xuân Lộc. Trước nguy cơ bị bao vây và tiêu diệt, đêm 20 rạng 21 tháng 4 năm 1975, toàn bộ lực lượng địch còn lại ở Xuân Lộc rút chạy. Xuân Lộc được giải phóng. Chiến thắng Xuân Lộc đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần quân đội Sài Gòn càng thêm suy sụp. Tia hy vọng cuối cùng của Mỹ – nguy hầu như bị tắt ngấm. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, chính quyền Mỹ đã cử D. Brao (Dean Brown) phụ trách một đoàn tàu gồm 35 tàu chiến, 4 hàng không mẫu hạm và 100 máy bay tổ chức cuộc hành quân “Người liêu mạng” đưa người Mỹ rời Việt Nam.

Khi Xuân Lộc thất thủ, Quốc hội Mỹ đã bác bỏ những yêu cầu của Tổng thống Giêrôn Pho đề nghị viện trợ khẩn cấp cho Sài Gòn. Ngày 22 tháng 4, Thiệu hợp báo công khai lên án sự phản bội của Mỹ đối với chính quyền Sài Gòn: “Các ông đòi hỏi chúng tôi làm điều mà các ông đã thất bại với nửa triệu binh lính tinh nhuệ và sĩ quan có tài với gần 300 tỷ USD chi phí trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông bị Cộng sản Việt Nam đánh bại, thì tôi cũng phải nói một

(1) Bản tin của UPI ngày 12 tháng 4 năm 1975.

(2) Frank Snepp, *Cuộc tháo chạy tán loạn*, Ngô Dư dịch, Nxb.TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr.268.

(3) Dẫn theo *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Sdd, tr.284.

cách khiêm tốn là các ông cũng không thể chiến thắng. Nhưng các ông đã tìm đường rút lui trong danh dự. Hiện nay, khi quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, đạn dược... các ông lại đòi hỏi chúng tôi làm một điều không thể làm được giống như việc dùng đá lấp đầy đại dương”¹. Ngay sau đó, Nguyễn Văn Thiệu chính thức từ chức trước quốc hội Sài Gòn và trao quyền Tổng thống cho Trần Văn Hương. Hai ngày sau, ngày 23 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho tuyên bố: “Cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ. Không thể giúp người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang đợi họ”², qua đó công khai thừa nhận sự bỏ cuộc hoàn toàn sự can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Đối với người Mỹ, qua đó chấm dứt “một cuộc chiến tranh làm mất lòng và gây chia rẽ nhất trong một thế kỷ của lịch sử nước Mỹ”³.

Với thắng lợi mở đầu Xuân Lộc và thế trận tạo ra được trong giai đoạn tạo thế của Chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã làm tiêu tan những hy vọng mỏng manh cuối cùng về khả năng có thể gượng lại của quân ngụy, đồng thời châm ngòi cho một giai đoạn mới của sự hỗn loạn trong tuyệt vọng của ngụy quyền Sài Gòn trước giờ phút sụp đổ hoàn toàn. Cũng chính trên thế trận như vậy, đã diễn ra giai đoạn thực hành Tổng tiến công và nổi dậy, giáng đòn sấm sét quyết định vào ngay hang ổ của ngụy quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn – Gia Định, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ 20”⁴, và mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam – kỷ nguyên độc lập tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

T.N.T

⁽¹⁾ Đài phát thanh Sài Gòn, ngày 22 tháng 4 năm 1975. Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Sdd, tr. 552.

⁽²⁾ *America's Longest War: The United States and Vietnam 1950 – 1975*, Sdd, tr.267.

⁽³⁾ Pulo, *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Níchxon*, Nxb. Thông tin – Lý luận, H., 1986, tr.7.

⁽⁴⁾ Lê Duẩn, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng*, Nxb. Sự thật, H., 1977, tr.6.

TÌNH HÌNH DỊCH – TA TRÊN CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH CUỐI 1974 ĐẦU 1975

TS. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG*

A. TÌNH HÌNH DỊCH:

I. Tình hình huyện Xuân Lộc¹:

1. Xã Bảo Định: có 137 gia đình, dân Kinh 900 người, có 6 ấp: *ấp Bảo Hòa*: có một đồn 1 trung đội dân vệ 25 tên, tên Bình làm trưởng đồn, phòng vệ dân sự 8 tên, có trưởng phó ấp ở lưu vong. *ấp Bảo Toàn*: có một đồn 1 trung đội dân vệ 32 tên. Phòng vệ dân sự xung kích 30 tên, một trưởng ấp. *ấp Việt kiều* nằm trong ấp Bảo Toàn. Phòng vệ dân sự có 2 toán 17 tên, trang bị 12 súng cácbin. Có một đồn Cây Đa 1 trung đội dân vệ 22 tên, tên Tham đồn trưởng (đồn nằm trên Quốc lộ 1); *ấp Bảo Liệt*: có 17 tên phòng vệ dân sự, (không có tề ấp); *ấp Nam Hà* (di cư công giáo): một đồn ở tại Cầu 2, có 2 trung đội bảo an (tháng 5-1974 có 1 đại đội). *ấp Bảo Thị*: 1 trung đội dân vệ đóng trong ấp 32 tên. Phòng vệ dân sự xung kích có 32 tên thành 1 trung đội (dân di cư); *ấp Bảo Định*: một cuộc canh sát 3 tên và 1 tiểu đội canh sát 12 tên, một ban hội đồng xã (cơ quan hành chánh xã) và một phân chi khu quân sự. Dân số 4.000 người. Có 4 trung đội dân vệ 120 tên đóng trong dân (2 trung đội đóng trong ấp, 2 trung đội đưa lên quận). Phòng vệ dân sự có 200 tên và 1 trung đội phòng vệ dân sự xung kích 30 tên. Tua Mai Thọ Bích 8 tên.

2. Xã Bình Phú: có 273 gia đình, 1.859 người, có 1 trung đội dân vệ 21 tên (Trung đội 34). Phòng vệ dân sự 52 tên và phòng vệ dân sự xung kích 12 tên. Một tua tại cầu đôi (Bảo Thắng) 1 tiểu đội có 12 tên, một đồn có 1 trung đội dân vệ (Trung đội 84 trực thuộc tiểu khu), vườn mít 25 tên. *ấp Thái Thiện*: 1 trung đội dân vệ đóng trong ấp (Trung đội 44) 25 tên. *ấp Dinh Điền Ông Cung* (mới lập): có 2 tua 2 đầu ấp. *ấp Bảo Thắng*: dịch đã đốt một lần, sau đó đóng một tua 12 tên tại Cầu Đôi; *ấp Nhà Dòng*: có 5 gia đình 25 người; *ấp Thái Thiện*: khoảng 600 gia đình với khoảng 6.000 dân (chưa rõ dịch).

3. Xã Suối Cát: 6.189 dân (409 dân Kinh, 39 gia đình Hoa và Việt kiều). *ấp Suối Cát*: một đồn 1 trung đội dân vệ (Trung đội 84) 25 tên. Cầu Gia Liêu có 2 tua (Trung đội 64 dân vệ); *ấp Việt kiều*: 1 trung đội dân vệ (Trung đội 83), 1 tiểu đội phòng vệ dân sự xung kích, *ấp Lều Xanh*: 1 trung đội dân vệ.

4. Xã Gia Ray: có 3 ấp, 1 trung đội dân vệ và một phân chi cuộc canh sát 11 tên; một phân chi khu 9 tên và một ban tề xã 7 tên; *ấp Trung Lương*: một đồn dân vệ 25 tên, một phân chi khu canh sát, một ban tề 3 tên. Dân số 1.600 người; *ấp Trung Nghĩa*: một đồn 1 trung đội bảo an đóng ban ngày, đêm bỏ. Dân số khoảng 1.200 người; *ấp Trung Tĩnh*: dân khoảng 440 người; tại cây số 8,5: *chi khu Lộc*

(*) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu.

(1) Huyện đội báo cáo Ban tác chiến ngày 18-7-1974.

Ninh (Lưu vong) dân khoảng 2.000 người, có 2 đại đội bảo an, 50-60 cảnh sát, 60 phòng vệ dân sự xung kích (có quận trưởng ở).

5. Xã Đồng Tâm: có 4 ấp: khoảng 1.800 dân (chạy đi khoảng 5.000). *Đồng Tâm I* có 1 trung đội dân vệ, 1 tiểu đội phòng vệ dân sự xung kích; *Đồng Tâm II* có 1 trung đội dân vệ, 1 tiểu đội phòng vệ dân sự xung kích; *Đồng Tâm III* có 420 phòng vệ vũ trang (dân di cư); *ấp Chàm*: khoảng 3.000 dân.

6. Xã Bảo Bình: *ấp một* có 2 tiểu đoàn bảo an (Tiểu đoàn 308 và 336).

7. Xã Bảo Chánh: 1 trung đội dân vệ 26 tên, một ban tề 2 tên. Dân số 1.200 người.

8. Xã Bình Lộc: có 1 đại đội bảo an, 1 trung đội dân vệ, một tên tề lưu vong, có một đồn, 2 tua, dân số khoảng 800 người.

Lực lượng bảo an: Đại đội 355 tại chi khu Lộc Ninh; Đại đội 358 tại đồn 129; Đại đội 133 tại căn cứ 3; Đại đội 356 tại căn cứ 4; Đại đội 319 tại căn cứ 5; Tiểu đoàn 343 tại Đồng Tâm (Đại đội 1 căn cứ 2, Đại đội 2 căn cứ 1, Đại đội 3 ngã ba Ông Đồn, Đại đội 4 đồn 25).

II. Tình hình huyện Cao Su¹:

1. *Đồn bót và chi khu*: 29. Trong đó: một chi khu ở Tân Phong; một hậu cứ ở Suối Râm; một chốt ở Núi Thi; 3 đồn ở Cẩm Mỹ, một đồn ở Ông Quế; 12 bót; 3 tua; 8 vị trí (5 vị trí ở Cẩm Mỹ lộ 2, 3 vị trí ở Dầu Giây Quốc lộ 1).

2. *Binh lực*: có 1.955 tên các loại, trong đó: bảo an 520 tên (1 tiểu đoàn và 3 đại đội); dân vệ 662 tên (22 trung đội và 3 tiểu đội); phòng vệ dân sự nam 1.644 tên (3 liên toán và 12 đội), 125 phòng vệ xung kích (6 đội); phòng vệ dân sự nữ có 116 tên (5 toán); tề xã 63 tên (7 ban); cuộc cảnh sát 43 tên (7 cuộc); phân chi khu 23 tên (7 phân chi khu).

Cụ thể từng xã:

– Xã Cẩm Mỹ: đồn bót: có 2 đồn và 5 vị trí đã chiến (đồn đồi Con Chim, đồn núi Con Rắn; 5 vị trí đã chiến từ ngã ba Việt Cường đến nam Suối Cả dọc lộ 2). Binh lực: có 428 tên, trong đó: bảo an 370 tên (1 tiểu đoàn và 1 đại đội); dân vệ 28 tên (Trung đội 75); phòng vệ xung kích 8 tên (1 toán); tề xã 5 tên; cuộc cảnh sát 8 tên; tề ấp 6 tên (3 ban); phân chi khu 3 tên.

– Xã Ông Quế: đồn bót: có một đồn, một vị trí đã chiến ấp Trung Đạo. Binh lực có 113 tên các loại. Trong đó có 65 tên bảo an (Đại đội 319); 16 tên dân vệ (Trung đội 45); 13 tên phòng vệ dân sự; 6 tề xã; 3 tề ấp; 6 tên cuộc cảnh sát; 4 tên phân chi khu.

– Xã Hàng Gòn: có 4 đồn bót. Binh lực có 199 tên các loại gồm 95 tên dân vệ (4 trung đội), 77 tên phòng vệ dân sự (17 phòng vệ dân sự nam có trang bị súng), 16 tề xã, 8 tề ấp (4 ban) và 3 tên phân chi khu. Cụ thể từng ấp: *ấp Chợ*: không đồn bót, có 2 tề; *ấp Miếu Bà*: 3 đồn có 3 trung đội dân vệ 70 tên, 17 tên phòng vệ dân sự (1 đội), 16 tên hội đồng xã, 3 tên phân chi khu, 2 tên tề ấp; *ấp Núi Cháy*: một bót có 1 trung đội dân vệ (25 tên), 2 tên tề ấp.

⁽¹⁾ Báo cáo của Bà Rịa – Long Khánh cuối năm 1974.

– Xã Tân Lập: đồn bót: có một bót (ấp Suối Hôn), một tua (sở Tân Lập), một vị trí dã chiến. Binh lực: 203 tên gồm: 80 tên dân vệ (3 trung đội và 1 tiểu đội), 90 tên phòng vệ dân sự và phòng vệ xung kích, 13 tề xã, 8 tề ấp, 8 cảnh sát, 4 bình định.

– Xã Tân Phong: có một chi khu, 2 bót. Binh lực có 238 tên các loại, gồm: 110 tên dân vệ (4 trung đội), 115 phòng vệ dân sự, 8 tề ấp.

– Xã Dầu Giây: có 3 bót, một lô cốt, 3 vị trí dã ngoại. Binh lực có 229 tên các loại, gồm 35 dân vệ, 119 phòng vệ dân sự, 8 tề xã, 6 tề ấp, 8 cuộc cảnh sát, 3 tên phân chi khu. Cụ thể: *ấp A* (Phan Bội Châu) có một bót, 1 trung đội dân vệ số 27 (29 tên), 30 phòng vệ dân sự (có 15 phòng vệ xung kích); *ấp 97* (Trần Hưng Đạo) có một bót, 3 vị trí dã ngoại, một tua, 25 dân vệ (Trung đội 26), 26 tên phòng vệ xung kích, 30 tên phòng vệ dân sự nữ, 2 tề ấp; *ấp Xăng* (Trần Cao Vân) có một bót, 29 dân vệ, 60 phòng vệ dân sự, 8 tên cuộc cảnh sát, 2 tề xã, 2 tề ấp, 3 phân chi khu.

– Xã An Lộc (Suối Tre): có 3 bót, một tua, một trung tâm huấn luyện biệt kích, một tỉnh đoàn bảo an. Binh lực có 208 tên các loại, gồm: 75 dân vệ, 101 phòng vệ dân sự, 10 cuộc cảnh sát, 5 tề xã, 8 tề ấp (4 ban), 5 tên hội đồng xã, 4 tên phân chi khu. Cụ thể từng ấp: *ấp Suối Tre* có một bót, 1 trung đội dân vệ 25 tên, 12 phòng vệ dân sự, 2 tề ấp; *ấp Nhà Thương*: không có đồn bót mà địch cơ động đóng trong dân; *ấp Cáp Rang*: có một bót, 1 trung đội dân vệ 25 tên, 12 phòng vệ dân sự, 2 tề ấp; *Sở II*: có một tua 6 dân vệ, 27 phòng vệ dân sự, 2 tề ấp; *Trung tâm An Lộc*: có một bót, 1 trung đội dân vệ 25 tên, một cuộc cảnh sát 10 tên, một ban tề xã 5 tên, một ban hội đồng xã 5 tên, 2 tên tề ấp, 45 tên phòng vệ dân sự.

– Xã Bình Lộc sở: có một bót và 2 tua. Binh lực: dân vệ 25 tên (3 trung đội), 75 tên phòng vệ dân sự (1 liên toán có 20 phòng vệ xung kích), 8 cảnh sát, 10 tề xã, 6 tề ấp, 3 phân chi khu. Cụ thể từng ấp: *ấp Quang Trung*: có một tua, 1 tiểu đội dân vệ 12 tên, một toán phòng vệ dân sự 20 tên, 2 tề ấp; *ấp Lam Sơn*: có một bót, 1 trung đội dân vệ ngoài bót, một ban tề 10 tên tề xã, 2 tên tề ấp, 8 cảnh sát, 3 tên phân chi khu, 20 tên phòng vệ dân sự; *ấp Tinh Nghĩa*: có một tua, 1 tiểu đội dân vệ, một toán phòng vệ dân sự 25 tên.

III. Tình hình thị xã Long Khánh¹:

1. Lực lượng cơ động và đóng chiếm: * Tiểu khu (Phạm vi nội ô): 4 đại đội bảo an và 2 đại đội bảo vệ, 1 đại đội hành chánh tiếp vận (Đại đội 410) và 1 đại đội biệt lập (Đại đội 415 bảo an). Hậu cứ Sư đoàn 18 cũ (thường xuyên có 1 tiểu đoàn chủ lực ngụy); khu pháo binh: có 1 đại đội pháo 8 khẩu; khu thiết giáp: có một chiến đoàn/Trung đoàn 5 thiết giáp túc trực; đồn Hoàng Diệu: có 1 đại đội trinh sát (Đại đội 133) và 2 đại đội cảnh sát dã chiến; khu tỉnh đoàn bảo an: có 1 đại đội bảo an; khu sân bay có 1 đại đội hậu cứ tiếp vận. * Các bót ấp ven thị xã: bót Bảo Vinh B: có 1 trung đội dân vệ; bót Bảo Bình A có 1 trung đội dân vệ; bót Suối Chồn có 1 trung đội dân vệ; bót Rạch Dừa có 2 đại đội cảnh sát dã chiến. * Khu vực chi khu Xuân Lộc: đồn chi khu có 4 trung đội dân vệ, 1 trung đội cảnh sát dã chiến và 1

⁽¹⁾ Báo cáo của Bà Rịa – Long Khánh đến cuối tháng 12-1974.

trung đội pháo.

2. Bộ máy kèm và xã ấp: tề ấp có 9 ban (23 tên); phòng vệ có 789 tên (trong đó có 154 phòng vệ xung kích); tinh báo và thám sát có 55 tên.

Cụ thể: *Bảo Vinh*: 3 bót do 3 trung đội dân vệ đóng. Tề ấp có 3 ban 6 tên; thám sát có 8 tên; phòng vệ dân sự có 2 toán 22 tên; *ấp Phú Thạnh*: tề ấp có một ban 3 tên; Phòng vệ có 155 tên (có 33 phòng vệ xung kích); *Phú Mỹ*: tề ấp có một ban 3 tên; phòng vệ có 200 tên (có 30 phòng vệ xung kích); *Phú Xuân*: tề ấp có một ban 3 tên; 200 phòng vệ (có 36 phòng vệ xung kích); 16 tên thám báo; *Phú Lộc*: tề ấp có một ban 3 tên; phòng vệ có 200 tên (30 phòng vệ xung kích) và 7 tên thám báo; *Tân Phú*: tề ấp có một ban 2 tên; phòng vệ có 60 tên (có 21 phòng vệ xung kích); thám báo có 30 tên; *Tân Xuân*: tề ấp có một ban 3 tên, phòng vệ có 30 tên.

B. TÌNH HÌNH TA:

I. Huyện Cao Su: dân số: 34.028 người (9 xã, 27 ấp). Trong đó: công nhân 2.589 người; dân tộc 660 người; Hoa Nùng 3.683 người; di cư 1.700 người. *Lực lượng A*: 117 đồng chí (cán bộ phong trào 39; du kích xã 18; du kích ấp 22; dân quân 22; xã đội 11; ấp đội 5). *Lực lượng B*: 12 đảng viên (3 chi bộ); 12 đoàn viên (2 chi đoàn); 15 ủy viên (4 Ban chấp hành Công đoàn); 6 ủy viên (2 Ban cán sự Nông hội); 9 hội viên (3 Ban Bình vận); 2 Ban An ninh; 43 tổ công đoàn; 31 hội viên (2 tổ nông hội); du kích mật 19 người.

Cụ thể từng xã:

– Xã Cẩm Mỹ: dân số: 2000 dân (có 330 công nhân). Trong đó: *ấp Cẩm Thành*: trắng; *Láng Lớn*: tranh chấp vừa; *Suối Sóc*: tranh chấp vừa; Lấp lỏm giải phóng: 11 gia đình (27 người) có 17 dân cạo mủ. *Lực lượng A*: có 12 đồng chí, trong đó cán bộ phong trào 7, du kích xã 3, một xã đội, một ấp đội. *Lực lượng B*: 29 đồng chí, trong đó 4 đảng viên lẻ; 2 đoàn viên (có một bí thư); lỏm giải phóng 11 gia đình 27 người, một ban tự quản 3 người, một chi đoàn 3 người, một Ban chấp hành Công đoàn 3 ủy viên, 2 tổ công đoàn 12 đoàn viên.

– Xã Ông Quê: dân số 3.600 dân. *Lực lượng A* có 13 đồng chí (7 cán bộ phong trào, một xã đội, một ấp đội, 6 du kích xã ấp). *Lực lượng B*: 103 người. (trong đó có 2 đảng viên lẻ, 3 đoàn viên lẻ (nữ), một Ban chấp hành Công đoàn (4 ủy viên), 12 tổ công đoàn (42 đoàn viên), 5 du kích mật, một trinh sát vũ trang, 50 cơ sở các đoàn thể, 2 lỏm chính trị (20 gia đình ấp Trung Hậu).

– Xã Hàng Gòn: dân số có 3.890 dân. *Lực lượng A*: 7 đồng chí gồm 5 đồng chí ở chi bộ và phong trào, 2 du kích xã. *Lực lượng B*: 69 người gồm một chi bộ (6 đảng viên và 2 lẻ), Ban chấp hành Công đoàn có 2 ủy viên, 44 đoàn viên và hội viên, 2 bình vận, 2 du kích mật. Cụ thể từng ấp: *ấp Chợ*: 1.004 dân (thực lực 37 đồng chí có 3 đảng viên nhưng không có du kích mật); *ấp Miếu Bà*: dân số 886 người, có 3 đảng viên và 15 đoàn viên công đoàn; *ấp Núi Cháy* (di dân): (ở phía bắc căn cứ Suối Râm) dân số 2.000 dân nhưng là ấp trắng chưa có cơ sở.

– Khu Sài Gòn mới: 4000 dân (ở phía đông căn cứ Suối Râm).

– Xã Tân Lập: dân số có 3.080 dân (có 61 công nhân). Trong đó *ấp Suối Hôn* 516 dân, *ấp Phú Mỹ* 1.568 dân, *ấp Bàu Sen* 428 dân, *sở Tân Lập* 576 dân. *Lực lượng A*: có 6 người, trong đó có 2 chi bộ và phong trào, 4 du kích xã. *Lực lượng B*: 29 cơ sở các loại, gồm có một trinh sát vũ trang mật và 3 an ninh vũ trang mật *ấp Suối Hôn*, 2 du kích mật trong phòng vệ dân sự sở Tân Lập.

– Xã Tân Phong: dân số có 8.173 dân. *Ấp Tân Phong* có 1.650 dân, *ấp Xóm Mới* 2.250 dân, *ấp Phú Bình* 3.580 dân, *ấp Tân Thủy* 530 dân, *ấp Khóm Đỏ* 163 dân. *Lực lượng A* có 5 đồng chí (3 chi bộ và phong trào, 2 du kích xã (có một xã đội). *Lực lượng B*: có 52 cơ sở các loại (có 2 du kích mật, một ở *ấp Tân Phong* và một ở *ấp Phú Bình*).

– Xã Láng Lớn (giải phóng): có 47 gia đình, 147 dân. *Lực lượng xã* *ấp* có 33 đồng chí gồm: một cán bộ xã đội, 3 *ấp* *đội*, 2 du kích xã, 12 du kích *ấp* (trang bị 13 súng), 15 dân quân (trang bị 3 súng). *Lực lượng phong trào* có 16 đồng chí gồm 4 đảng viên lẻ, một chi đoàn (9 đoàn viên thanh niên), một Ban chấp hành Công đoàn có 3 ủy viên.

– Xã Dầu Giây: dân số 3.980 người (có 784 công nhân). *Ấp A* (Phan Bội Châu) 994 người; *ấp 97* có 1968 người (đa số là người Quảng Trị); *ấp Xăng* (trắng cơ sở) có 1.018 người. *Lực lượng A*: có 8 đồng chí gồm 4 đảng viên, 4 du kích (có 2 xã đội). *Lực lượng B* có 29 cơ sở các loại.

– Xã An Lộc (Suối Tre): dân số có 2.520 người (có 668 công nhân), trong đó *ấp Suối Tre* có 820 người, *ấp Nhà Thương* có 200 người, *ấp Cây Rang* có 500 người, *Sở II* có 500 người, *trung tâm An Lộc* có 500 người. *Lực lượng A* có 8 đồng chí. 5 cán bộ phong trào, 5 du kích xã (3 xã đội). *Lực lượng B*: một chi bộ gồm 8 đảng viên và 4 đảng viên lẻ, 5 đoàn viên (lẻ), 67 cơ sở đoàn thể các loại, một du kích mật.

– Xã Bình Lộc sở: dân số có 2.638 người, trong đó *ấp Quang Trung* có 1.155 người, *ấp Lam Sơn* có 1.255 người, *ấp Tinh Nghĩa* có 228 người. *Lực lượng A*: có 8 đồng chí. Cán bộ phong trào 4, du kích xã 4 (xã đội 1), du kích *ấp* 5, dân quân 7. *Lực lượng B*: 51 cơ sở các loại: 2 đảng viên lẻ, một đoàn viên lẻ, 7 du kích mật.

II. Huyện Xuân Lộc:

Huyện có 8 xã: 29 *ấp* và 2 chi khu lưu vong (Lộc Ninh và Bình Khánh). Dân số toàn huyện gồm 86.609 người, trong đó có: 28.680 di cư Công giáo, 2.250 Hoa Nùng, 2.377 người Thượng, 8.600 Việt kiều, 2.700 người dân tộc Chăm. *Lực lượng A*: 137 đồng chí (có 38 đảng viên và 31 đoàn viên): xã đội 11, du kích xã 31, *ấp* *đội* 2, du kích *ấp* 18, dân quân 44, phong trào 31. *Lực lượng B*: 761 cơ sở các loại gồm: 4 chi bộ (16 đảng viên và 10 lẻ), một tổ đảng (3 đảng viên), 7 chi đoàn (31 đoàn viên), du kích mật 25, cơ sở binh vận 4 (2 trong phòng vệ dân sự và 2 trong dân vệ).

– Xã Bảo Bình: dân số 1.656 người (đa số là người Hoa Nùng): *ấp* *một* có 160 dân (130 người Hoa Nùng), *ấp 2* có 256 dân (56 người Thượng), *ấp 3* có 1.250

dân (có 1.105 người Hoa Nùng) và 400 người cất chòi ở rẫy¹. *Lực lượng A*: 56 (có 11 đảng viên, 9 đoàn viên), gồm 2 xã đội, 8 du kích xã, một ấp đội, 7 du kích ấp, 38 dân quân. *Lực lượng B*: 176 cơ sở các loại: ấp một có 16 cơ sở (1 đảng viên và một đoàn viên); ấp 2 có 78 cơ sở các loại (1 chi bộ, 4 đảng viên), một chi đoàn (4 đoàn viên), 3 ở du kích; ấp 3 có 80 cơ sở các loại (có một tổ đảng, 3 đảng viên một lẻ và một chi đoàn 3 đoàn viên).

– Xã Bảo Định: dân số có 10.480 người, trong đó *ấp Nam Hà* có 2.000 người (dân công giáo); *ấp Bảo Thị* có 1.500 người (di cư công giáo); *ấp Bảo Định* có 4.000 người (di cư công giáo); *ấp Bảo Toàn* có 2.030 người (có 530 Việt kiều); *ấp Bảo Hòa* có 850 người và *ấp Bảo Liệt* có 100 người (Hoa Nùng). *Lực lượng A*: 15 đồng chí (có 5 đảng viên và 2 đoàn viên): xã đội 2, du kích xã 5, du kích ấp 3, cán bộ phong trào 5. *Lực lượng B*: 204 (có 2 đảng viên), 2 chi đoàn (7 đoàn viên), 4 du kích và tự vệ, cơ sở các loại 200.

– Xã Bình Phú: có 1.884 dân, trong đó *ấp Bình Phú*: 1.259 người (có 1.051 người dân tộc); *ấp Bình Phú mới* có 70 gia đình (400 người) dân di cư công giáo định mới lập; *ấp Bảo Thắng*: 200 dân (đa số dân Hồ Nai); *ấp Nhà Dòng*: 5 gia đình (25 người) di cư công giáo các nơi định đưa đến để khai phá rừng. *Lực lượng A*: 5 đồng chí (2 đảng viên, một đoàn viên, 2 du kích). *Lực lượng B*: 16 cơ sở các loại (có 2 du kích mật).

– Xã Suối Cát: có 11.176 người. Trong đó *ấp Lò Than* có 1.535 người; *ấp Việt kiều I* có 1.041 người; *ấp Việt kiều 2* có 2.600 người; *ấp Thái Thiện* có 6.000 người (nông trường 5). *Lực lượng A*: có 16 đồng chí (du kích xã 4, du kích ấp 8, cán bộ phong trào 4 (2 đảng viên và 2 đoàn viên)). *Lực lượng B*: có 93 người, gồm một chi bộ có 4 đảng viên và 3 lẻ, một chi đoàn có 3 đoàn viên, 80 cơ sở đoàn thể, 3 du kích B.

– Xã Gia Ray: dân số có 3.904 người (phần lớn là người dân tộc). Trong đó, *ấp Trung Tính* có 1.818 người *ấp Trung Nghĩa* có 1.638 người (có 100 gia đình người Thượng); *ấp Trung Lương* có 448 người (2/3 là người Thượng); *ngã ba Ông Đồn*: phần lớn là gia đình binh sĩ, sĩ quan định (ta nắm chưa được). *Lực lượng A*: 10 đồng chí (5 đảng viên và 5 đoàn viên): 2 xã đội, 2 du kích, 6 phong trào. *Lực lượng B*: 78 cơ sở các loại: một chi bộ 4 đảng viên và một đảng viên lẻ, có 2 cơ sở binh vận trong phòng vệ dân sự (ấp Trung Lương), 68 cơ sở các đoàn thể, 3 du kích B.

– Xã Bình Lộc: có 1.251 dân. Trong đó 51 gia đình người Kinh (515 người), 68 gia đình người Nùng (700 người), 7 gia đình 36 người ở lóm giải phóng Cây Đa. *Lực lượng A*: 24 đồng chí (8 đảng viên và 10 đoàn viên), 3 xã đội, 7 du kích xã, một ấp đội, 6 dân quân, 7 phong trào. *Lực lượng B*: 138 cơ sở các loại (1 chi bộ 4 đảng viên; 2 chi đoàn 14 đoàn viên; 3 tổ nông hội 40 hội viên; một Ban chấp hành Nông hội 3 ủy viên; một Ban chấp hành Phụ nữ 6 ủy viên; 7 tổ phụ nữ 42 hội viên; một Ban chấp hành Thanh niên 5 hội viên; 5 tổ thiếu niên 19 hội viên, 7 du kích mật.

⁽¹⁾ Ấp 2 và 3 ta giải phóng ngày 1-6-1974.

– *Xã Bảo Chánh*: 1.258 dân (1.062 người Thượng, 58 người Hoa). Trong đó sở *Xuân Lữ*: 37 người (lõm giải phóng); *Bảo Chánh*: 1.221 dân. *Lực lượng A*: 113 đồng chí (5 đảng viên và 5 đoàn viên), 2 xã đội, 3 du kích, 6 phong trào. *Lực lượng B*: 59 cơ sở: 1 đảng viên; 3 tổ nông hội 15 hội viên; 2 Ban chấp hành Phụ nữ 6 ủy viên; 3 tổ phụ nữ 18 hội viên; 3 du kích B; 2 cơ sở binh vận trong dân vệ; 14 cơ sở khác; riêng sở *Xuân Lữ* có 3 tổ phụ nữ 9 hội viên, 2 tổ nông hội 8 hội viên, 2 tổ 12 thiếu niên.

– Khu Đồng Tâm: hơn 26.000 dân: *Đồng Tâm I* (chưa nắm hết) riêng đồng bào công giáo là 4.650 người; *ấp Đồng Tâm 2* (nắm không chắc)¹; *ấp Đồng Tâm 3*: 4.000 người (số liệu cuối 1973); *ấp Đồng Tâm 4* (dân tộc Chăm) địch gọi là *ấp Xuân Hiệp* có 2.700 người dân tộc Chăm theo đạo Hồi. *Ấp Đồng Tâm 2* và *Đồng Tâm 3* mới xây dựng được một số ít cơ sở công tác (không có du kích).

– Chi khu Bình Chánh (khu An Lộc lưu vong): 18.000 dân (có 350 gia đình thương phế binh và 3.000 người Thượng). *Lực lượng cơ sở*: ta mới có đội công tác thâm nhập công tác, mới xây dựng được một cảm tình.

– Chi khu Lộc Ninh lưu vong (lộ 3): 11.000 dân (rải từ cây số 7 đến cây số 10). Có một chi khu sắc tộc 46 gia đình dân tộc ở Kon Tum, ta chưa có cơ sở.

III. Thị xã Long Khánh:

1. *Tổng số dân ấp xã*: 3 ấp ven và 6 ấp nội ô gồm 29.972 dân (3 ấp ven có 1.014 dân, 6 ấp nội ô có 28.778 dân). Một lõm giải phóng Bảo Bình 89 gia đình (180 dân) và 43 thanh niên trốn lính.

2. *Thực lực đoàn thể lộ, mật*: lực lượng lộ có 32 đồng chí (có 13 đảng viên, 13 đoàn viên): xã đội 1, du kích xã 11, phong trào 20. *Lực lượng mật*: 245 đồng chí (có một chi bộ 3 đảng viên): 10 trinh sát vũ trang, 4 du kích, còn lại là cơ sở các loại. Cụ thể: *Bảo Vinh*: tổng số dân: 1.014 người. Trong đó, *ấp Bảo Vinh A* có 475 dân, *ấp Bảo Vinh B* có 325 dân (đây là 2 ấp mạnh) và *ấp Suối Chồn* có 216 dân (ấp yếu). Về thực lực: lực lượng lộ có 32 đồng chí (13 đảng viên và 13 đoàn viên) gồm một xã đội, 11 du kích xã, 20 phong trào. *Lực lượng mật* có 201 cơ sở các loại (trong đó có 4 du kích mật); *ấp Phú Thạnh*: tổng số 15.000 dân (5 khu). Thực lực có một chi bộ 3 đảng viên, 15 hội viên nông hội và phụ nữ, một trinh sát vũ trang; *Phú Mỹ*: tổng số 10.000 dân (7 khu). Thực lực có một Ban An ninh 3 người, một tổ trinh sát vũ trang, 3 đội viên; *Phú Xuân*: tổng số 8.000 dân (có 5 khu). Thực lực có 3 cơ sở an ninh vũ trang; *Phú Lộc*: tổng số 8.000 dân (có 5 khu). Thực lực có 3 cơ sở an ninh vũ trang; *Tân Phú*: tổng số 2.611 dân (6 khu). Thực lực có một Ban An ninh 3 người, một an ninh mật, 4 trinh sát vũ trang mật; *Tân Xuân*: tổng số 2.000 dân. Thực lực có 2 cảm tình an ninh.

N.Đ.T

⁽¹⁾ Đến cuối 1973, số dân công giáo ở *ấp Đồng Tâm 2* là 4.165 người.

QUYẾT TÂM CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VỀ CUỘC TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (9-4 – 21-4-1975)

Trung tướng NGUYỄN NGỌC VĂN*

Sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp mở rộng, thay mặt Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo tổng quát tình hình chiến trường sau một tháng Tổng tiến công và nổi dậy, đặc biệt nêu rõ diễn biến chiến sự trong hạ tuần tháng 3.

Báo cáo của Đại tướng nêu rõ, chỉ trong một thời gian ngắn, từ Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đến cực Nam Trung bộ và Nam bộ, quân và dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn chủ lực mạnh của quân ngụy và khoảng 40% lực lượng binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hủy trên 40% cơ sở vật chất và hậu cần của chúng; giải phóng địa bàn hai quân khu, gồm 12 tỉnh với gần một nửa số dân ở miền Nam. Âm mưu co cụm chiến lược của địch đã bị phá sản. Chúng đang lâm vào tình trạng hoang mang và bế tắc. Tuy vậy, địch vẫn ngoan cố lập tuyến phòng thủ từ xa, từ Phan Rang trở vào. Chúng hy vọng ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công của ta, giữ thế cầm cự cho tới mùa mưa, sau đó sẽ củng cố những lực lượng còn lại, phản công tái chiếm các vùng đã mất. Về phía ta, với thắng lợi to lớn của Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế – Đà Nẵng, cục diện chiến trường miền Nam đã thay đổi căn bản, ta đã bắt đầu chuyển sang Tổng tiến công chiến lược. Quân ta đang trong thế thừa thắng xông lên. Thời cơ lớn đã xuất hiện. Chắc chắn ta sẽ giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này. Thay mặt Quân ủy Trung ương, Đại tướng đề nghị: cần khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến, *thực hiện bao vây chiến lược ở phía đông và phía tây Sài Gòn – Gia Định*, sử dụng nắm đấm chủ lực, bất ngờ thọc sâu tiêu diệt địch. Đánh một trận là thắng. Phương châm là: *“thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”*. Các đồng chí trong Bộ Chính trị đồng ý với đề nghị của Quân ủy Trung ương. Hội nghị nhất trí nhận định: *ta hơn hẳn địch về thế chiến lược lẫn lực lượng quân sự, chính trị*. Dù Mỹ có tăng viện cũng không cứu vãn nguy sụp đổ. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, và quyết tâm: *“Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc”*¹.

Bộ Chính trị chủ trương: phương thức tác chiến của ta là phát huy sức mạnh

(*) Viện trưởng Viện Chiến lược Quân sự Bộ Quốc phòng.

(1) Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.387.

của ba đòn chiến lược, (tiến công của chủ lực, tiến công và nổi dậy của nông thôn và thành thị), từ ngoài đánh vào, kết hợp với lực lượng tại chỗ từ trong đánh ra, lấy chủ lực từ ngoài đánh vào là quyết định, tập trung lực lượng tiến công địch, nhanh chóng lợi dụng thời cơ, dồn dập phát triển thắng lợi. Về bố trí lực lượng chiến lược, gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, chia cắt và bao vây chiến lược ở hướng tây nam, triệt Quốc lộ 4, cô lập Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Các lực lượng phía đông đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, bao vây Sài Gòn từ hướng Bà Rịa, Vũng Tàu. Quả đảm chủ lực phải thật mạnh, kể cả binh khí kỹ thuật, sẵn sàng đánh thẳng vào các mục tiêu hiểm yếu và quan trọng nhất của địch ở trung tâm Sài Gòn khi thời cơ xuất hiện. Ở đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng quân sự, chính trị hoạt động mạnh, giải phóng các địa phương, phối hợp với mặt trận trọng điểm...

Từ khi mở màn Chiến dịch Tây Nguyên, nhất là sau Chiến thắng Buôn Ma Thuột, tình hình cách mạng miền Nam phát triển rất nhanh. Trong vòng một tháng, quân và dân Nam bộ và cực Nam Trung bộ tích cực phối hợp với chiến trường Tây Nguyên và chiến trường Trị – Thiên – Huế, Quảng Đà đã tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam bộ và Quân khu 6, hình thành thế bao vây, tạo thế cho cánh quân trên các hướng tiến công Sài Gòn – Gia Định. Trên cơ sở tình hình chung do Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông báo và từ tình hình thực tế của chiến trường, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết 15-TWC, trong đó nêu rõ: *“...Cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt, mà thời cơ chuẩn bị để tiến hành cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà”*.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền vạch kế hoạch tiến công Sài Gòn với lực lượng bản thân hiện có. Kế hoạch dự kiến tiến công vào nội đô Sài Gòn trên 5 hướng: hướng đông do Quân đoàn 4 đảm nhiệm; Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chủ trương tiến công diệt địch ở Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa; Đoàn 232 đánh chiếm Mộc Hóa, đưa lực lượng xuống cắt Quốc lộ 4, kết hợp với chủ lực Quân khu 8, diệt Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 ngụy. Thực hiện thắng lợi bước này sẽ gây biến động lớn về quân sự, chính trị trong ngụy quân, ngụy quyền.

Sau khi Đà Nẵng thất thủ, Mỹ – ngụy vội vã tổ chức tuyến phòng thủ mới, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc là điểm trọng điểm. Quân khu 3 và Bộ Tổng tham mưu ngụy đã thực hiện tổ chức một tuyến phòng thủ then chốt phía đông bắc Sài Gòn, trực tiếp bảo vệ khu vực quân sự liên hợp Biên Hòa – Sài Gòn. Mỹ – ngụy lấy Long Khánh làm khu vực phòng thủ then chốt của Quân đoàn 3, phía đông Sài Gòn – Biên Hòa. Sư đoàn 18 bộ binh là lực lượng mạnh, đơn vị cơ động chủ yếu của Quân đoàn 3, đảm trách tuyến phòng ngự Long Khánh. Tuyến phòng ngự của Sư đoàn 18 được xác định trên một chính diện khá rộng (30 đến 40 km), từ Túc Trưng đến Dầu Giây, Dầu Giây – thị xã

Long Khánh (Xuân Lộc) – Ngã ba Tân Phong (Quốc lộ 1) và Tân Phong – Suối Râm – Núi Con Rắn (liên tỉnh lộ 2). Thị xã Long Khánh là điểm tựa chủ yếu nằm giữa tuyến phòng ngự, án ngữ Quốc lộ 1. Nằm trên trục Quốc lộ 1, Xuân Lộc có vị trí rất quan trọng trong bảo vệ vòng ngoài khu Liên hợp Long Bình, sân bay Biên Hòa. Báo chí phương Tây đã nhận định về tầm quan trọng của Xuân Lộc như sau: “Xuân Lộc là chiếc ốc xoáy cuối cùng quyết định số phận thành phố Sài Gòn”. Và, “Mất Xuân Lộc, Việt cộng sẽ thiết lập được một vòng cung vững chắc chỉ cách Sài Gòn có 80 km; vòng cung đó bắt đầu từ Tây Ninh chạy ra tới Vũng Tàu. Như vậy, Sài Gòn sẽ bị thất chặt trong một cái thùng lọng khổng lồ bằng sắt vô cùng nguy hiểm”.

Quân ủy đã nắm rất chắc, đánh giá rất đúng tình hình, thấy chính xác thời cơ đánh trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Quân ủy thấy rõ, để nhanh chóng tiến công vào sào huyệt của địch, phía đông phải “mở cửa” Xuân Lộc – cửa ngõ trọng yếu trên hướng đông bắc Sài Gòn, nằm trên tuyến phòng ngự then chốt của địch; Trảng Bom, Biên Hòa là hướng tấn công quan trọng của Chiến dịch Hồ Chí Minh trên cánh hướng đông; thấy rõ vị trí hiểm yếu của Xuân Lộc và lực lượng của địch tập trung ở đây. Trên cơ sở nắm chắc tình hình địch và khả năng của ta, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã giao nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc cho Quân đoàn 4.

Ngày 2 tháng 4 năm 1975, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2: “... Trong lúc chuẩn bị kế hoạch lớn, ta cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh nhân lúc địch hoang mang diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Không chế được sân bay Biên Hòa thì không quân mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to...”¹.

Sau đó, Quân ủy Trung ương điện tiếp cho Trung ương Cục và Quân ủy Miền: “... cần có một kế hoạch hành động ngay với lực lượng sẵn có... Phía đông tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn Sư đoàn 18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai ngay pháo nặng không chế sân bay Biên Hòa, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cấp (Vũng Tàu), cắt sông Lòng Tàu...”²

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo: “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng... Một mặt, cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc; mặt khác, sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung đông đủ lực lượng mới làm ăn”³ của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương; Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc, nhằm tiêu diệt Sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, cắt giao thông, cô lập Sài Gòn, tạo thế có lợi để mở đường tiến công Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4, được phối thuộc Sư

⁽¹⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 267.

⁽²⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, sách đã dẫn, tr. 268.

⁽³⁾ Điện gửi các đồng chí Văn Tiến Dũng, Phạm Hùng, Trần Văn Trà – số 957.

đoàn bộ binh 6 (thiếu) của Quân khu 7, hai tiểu đoàn xe tăng (thiếu) và hai tiểu đoàn bộ đội địa phương. Nhiệm vụ trước mắt: tập trung lực lượng diệt Sư đoàn 18 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh và tiêu diệt một phần lực lượng phản kích của Quân đoàn 3 ngụy từ Trảng Bom, Biên Hòa lên, đánh chiếm cho được ngã ba Dầu Giây, chia cắt địch. Nhiệm vụ tiếp theo, phát triển theo 2 hướng: nhanh chóng đánh chiếm Trảng Bom và Biên Hòa; đánh chiếm Bà Rịa, Long Khánh, chia cắt Quốc lộ 15, phát triển về Cát Lái. Tham gia Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Chiến dịch gồm có các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tư lệnh và Chính ủy Quân khu 7.

Thị xã Long Khánh, tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 80 km về phía đông bắc, là một mục tiêu kiên cố, gồm tiểu khu Long Khánh liên hoàn với căn cứ Sư đoàn 18 ngụy, nằm trên 3 trục giao thông quan trọng: Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 (Sài Gòn đi Đà Lạt) và Quốc lộ 15 (Sài Gòn đi Vũng Tàu). Đây là điểm then chốt, “*cánh cửa thép*” trên tuyến phòng ngự sống còn của Sài Gòn và Vùng 3 chiến thuật. Vừa là một cửa ngõ quan trọng của Sài Gòn, được quân ngụy xây dựng thành một khu vực phòng thủ trọng yếu trên tuyến phòng thủ cơ bản Biên Hòa – Bà Rịa – Vũng Tàu, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 đánh vào Biên Hòa và Sài Gòn. Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ – tướng Uayen nói với Nguyễn Văn Thiệu và các tướng ngụy: “*Phải giữ cho được Xuân Lộc. Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”.

Với nhận định về tầm quan trọng của Xuân Lộc như vậy, địch đã tập trung một lực lượng lớn phòng thủ Xuân Lộc¹ mà nòng cốt là Sư đoàn 18 – sư đoàn mạnh nhất của Quân đoàn 3 ngụy. Khi bị tiến công, địch ở Xuân Lộc còn được sự chi viện nhanh chóng của lực lượng dự bị chiến lược (dù, thủy quân lục chiến) ngụy, toàn bộ hỏa lực pháo binh của Quân đoàn 3 và không quân từ hai sân bay chiến lược: Biên Hòa, Tân Sơn Nhất.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, tại Sở chỉ huy ở đông cầu La Ngà, Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Chiến dịch bàn phương án tiến công Xuân Lộc. Phương án 1: tập trung 2 sư đoàn (thiếu) tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh và chi khu Xuân Lộc, đoạn từ ngã ba Dầu Giây đến núi Chúa Chan; 1 sư đoàn (thiếu) bao vây, chia cắt địch ở Gia Kiệm, Túc Trưng tạo điều kiện diệt quân ứng cứu của địch từ thị xã lên hoặc Gia Kiệm đến Dầu Giây, Quốc lộ 20. Đánh diệt viện từ Biên Hòa, Trảng Bom lên, không cho địch chi viện bằng bộ binh, pháo binh, tạo điều kiện giải phóng thị xã. Phương án 2: nếu tình huống không có lợi thì tập trung lực lượng tiêu diệt địch ở bên ngoài, giải phóng hai chi khu Tân Phong và

⁽¹⁾ Toàn bộ lực lượng địch ở khu vực Xuân Lộc gồm có: Sư đoàn 18 (còn đủ 3 chiến đoàn, gồm 9 tiểu đoàn), 1 trung đoàn (5) thiết giáp, 2 tiểu đoàn pháo, 9 tiểu đoàn bảo an của tiểu khu Long Khánh, 1 liên đoàn biệt động quân, 3 đại đội biệt lập, 4 trung đội pháo và các lực lượng kim kẹp khác (địa phương quân, cảnh sát, phòng vệ dân sự) tương đương 2 sư đoàn bộ binh, 100 xe tăng, xe thiết giáp, 42 khẩu pháo. Pháo binh và không quân địch rất mạnh. Lực lượng ứng cứu trực tiếp có Lữ đoàn 3 thiết giáp ở Biên Hòa, Lữ đoàn dù 1 ở Sài Gòn. Ngoài ra còn có các sư đoàn bộ binh và lực lượng binh chủng của 2 quân đoàn 3 và 4. Địch tổ chức lực lượng như sau: ở trong thị xã Long Khánh có sở chỉ huy Sư đoàn 18, Chiến đoàn 43, sở chỉ huy Trung đoàn 5 thiết giáp và Chi đoàn 1, Tiểu đoàn 82 biệt động quân, 4 tiểu đoàn bảo an (346, 364, 365, 331), 3 đại đội biệt lập, cảnh sát dã chiến... Chiến đoàn 48 cùng 4 tiểu đoàn bảo an đảm trách khu vực tuyến Quốc lộ 1 (Tân Phong – Suối Cát) và tuyến lộ liên tỉnh số 2 (Tân Phong – Suối Râm). Chiến đoàn 52 cùng 1 tiểu đoàn bảo an ở chi khu Kiệm Tân là lực lượng ngăn chặn từ xa trên đoạn đường Túc Trưng – Dầu Giây.

Gia Kiệm; bao vây, chia cắt địch từ Trảng Bom lên và diệt xe tăng, tiêu diệt quân tiếp viện bằng đồ bộ trực thăng của địch, tiến tới tiến công dứt điểm thị xã Long Khánh, tổ chức đánh địch tăng viện và tiêu diệt địch rút lui về hướng nam và hướng tây thị xã.

Trước tình hình địch hoang mang dao động, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định tiến công thị xã Long Khánh theo phương án 1.

Theo kế hoạch đã định, ngày 9 tháng 4 năm 1975, bắt đầu những trận đánh cắt Quốc lộ 4 ở phía tây Sài Gòn và trận tiến công Xuân Lộc. Các trận địa pháo quân đoàn, sư đoàn đồng loạt nổ đạn. Một giờ sau, bộ binh bắt đầu xung phong. Trong đêm 9 rạng ngày 10 tháng 4, bằng nhiều mũi tiến công, quân ta chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã, chiếm được nhiều mục tiêu, cầm cờ cách mạng lên đỉnh tỉnh trưởng Long Khánh, chiếm được một nửa thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu.. Tuy bị thiệt hại nặng nhưng địch vẫn cố thủ và liên tục phản kích. Trong ngày 10 tháng 4, địch đã dùng trực thăng đồ bộ 1 lữ đoàn dù xuống ven thị xã Long Khánh để chi viện cho Sư đoàn 18. Tiếp đó, Thiệu đã điều về tăng viện thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 5, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng, thiết giáp. Địch đã tập trung cho Xuân Lộc đến 50% lực lượng bộ binh chủ lực, 60% lực lượng pháo binh, gần hết xe tăng, xe thiết giáp của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị, tương đương 1 sư đoàn. Không quân ở các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Trà Nóc (Cần Thơ) được huy động trung bình 80 lần chiếc ngày để chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích, ném bom dữ dội xuống Xuân Lộc. Chúng đã dùng đến cả bom CBU – loại bom có sức sát thương và hủy diệt lớn để ngăn chặn ta tiến công. Dựa vào quân tăng viện và sự chi viện của không quân, địch điên cuồng phản kích, gây cho ta nhiều tổn thất.

Về chiến lược, lúc này địch đang rối loạn, đổ vỡ lớn. Nhưng, do vị trí quan trọng của Xuân Lộc, địch có hệ thống công sự vững chắc làm chỗ dựa, có sự chuẩn bị và được tăng cường lực lượng, chúng đã chống trả quyết liệt, gây cho ta tổn thất và tạm thời ngăn được sức tiến công của ta. Về phía ta, đã không dự kiến hết khả năng, nhất là sự phản ứng của địch ở một khu vực có vị trí sống còn đối với chúng. Lực lượng tiến công chưa được tập trung đủ mạnh. Các đơn vị chưa được bổ sung quân số, vũ khí đạn dược có hạn, chưa được chuẩn bị ở mức cần thiết cho chiến dịch. Thời gian chuẩn bị gấp (5 ngày). Nắm và đánh giá địch không đúng, điều tra nghiên cứu địa hình và cách bố phòng của địch chưa kỹ. Cách đánh địch trong một khu vực rộng, nhiều mục tiêu, quân số đông, binh khí kỹ thuật mạnh, có công sự vững chắc... chưa được nghiên cứu, thảo luận kỹ ở các đơn vị. Chọn hướng tấn công chủ yếu không chính xác (phía tây nam, địch có nhiều sơ hở, ta không có lực lượng tiến công), không phát huy được binh khí kỹ thuật. Sử dụng lực lượng không tập trung... Do đó, chiến sự ở mặt trận Xuân Lộc diễn biến phức tạp. Ta và địch giành giật nhau từng đoạn hào, từng căn nhà, góc phố. Cuộc chiến đấu ở Xuân Lộc diễn ra hết sức quyết liệt. Nhiều vị trí ta đã chiếm được phải lần lượt rút bỏ, hoặc thay đổi chủ nhiều lần. Trận đánh kéo dài, chưa dứt điểm.

Ngày 18 tháng 4 năm 1975, bộ phận đầu tiên của cánh quân phía đông, gồm

Sư đoàn 325 và binh khí, kỹ thuật vào đến Rừng Lá, gần Xuân Lộc. Trên cương vị Phó tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Trọng Tấn quyết định tăng cường cho Quân đoàn 4 Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) và pháo, đạn thu được của địch để tiến công dứt điểm Xuân Lộc.

Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó tư lệnh Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh đã đến sở chỉ huy, cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 nghiên cứu diễn biến trận đánh, quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh. Xuất phát từ nhận định: Xuân Lộc chỉ có thể cố thủ khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 quyết định thay đổi cách đánh: từ tiến công thẳng vào thị xã chuyển sang đánh các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa. Bộ Tư lệnh Chiến dịch chủ trương lập thế trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa, bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, chặn đánh địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích, đánh chiếm Tân Phong, cắt tỉnh lộ 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa. Cách đánh này được hình thành còn xuất phát từ nhận định: trong tình hình địch đang hoang mang, dao động về chiến lược, ta không nhất thiết phải tập trung lực lượng lớn đánh vào khu vực lực lượng địch đông và mạnh; mà, có thể dùng “*thế*” để giải phóng Xuân Lộc.

Thực hiện chủ trương trên, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã ra lệnh ngừng tiến công vào thị xã, mỗi sư đoàn để lại 1 tiểu đoàn kiểm chế, nghi binh địch, số còn lại lui ra phía sau củng cố, làm lực lượng cơ động. Quân đoàn 4 được tăng cường lực lượng bộ binh (Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B) và pháo cỡ lớn, tổ chức bao vây, tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 52 nguy và chi đoàn thiết giáp, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc đến Bàu Cá, làm chủ đoạn cuối cùng của Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây, chiếm Núi Thị, Túc Trưng, Kiềm Tân, tiêu diệt quân địch phản kích từ Trảng Bom ra. Hai chiến đoàn 43 và 48 của Sư đoàn 18 nguy cùng với Lữ đoàn 3 thiết giáp bị đánh thiệt hại nặng. Bộ đội địa phương và du kích diệt và bức rút một số đồn địch trên các trục đường giao thông và ven thị xã.

Không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây; mất Dầu Giây, Xuân Lộc mất giá trị phòng thủ; lực lượng bị tổn thất nặng; thị xã Long Khánh bị bao vây, cô lập; trước nguy cơ bị tiêu diệt và sức uy hiếp của cánh quân lớn của ta từ phía đông tới, đêm 20 tháng 4, địch phải rút chạy khỏi Xuân Lộc theo đường liên tỉnh số 2 về Bà Rịa. Do phát hiện và tổ chức tiến công, truy kích chậm, tổ chức chốt chặn không tốt; mặt khác, do trời tối, mưa to nên Quân đoàn 4 và các lực lượng vũ trang Quân khu 7 chỉ diệt được một bộ phận đi sau của địch, bắt tên Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng, Chiến dịch tiến công Xuân Lộc kết thúc.

Thị xã Long Khánh được giải phóng, cánh cửa phía đông trên đường tiến vào Sài Gòn được mở, uy hiếp tuyến phòng thủ Hồ Nai – Biên Hòa, tạo ra thế trận triển khai lực lượng tiến công Sài Gòn. Chiến dịch tiến công Xuân Lộc thắng lợi đã đập tan “*cánh cửa thép*” án ngữ phía đông Sài Gòn, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần

chiến đấu của quân nguy còn lại trên toàn miền Nam. Xuân Lộc – Long Khánh được giải phóng, kế hoạch quân sự của Mỹ – nguy bị đảo lộn, theo đó, âm mưu chính trị cũng tan vỡ theo. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực tiến công Sài Gòn từ hướng đông, mở rộng cửa phía đông cho lực lượng của Quân đoàn 2, Sư đoàn 3 Quân khu 5 nhanh chóng tiến vào khu vực tập kết, chuẩn bị trực tiếp, góp phần tạo được một thế trận chung rất thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Qua Chiến dịch tiến công Xuân Lộc, chúng ta cũng rút ra được những kinh nghiệm, bài học về tiến công cụm cứ điểm phòng ngự vững chắc của địch ở thành phố, về nắm và đánh giá địch, về xác định hướng tiến công, về chỉ huy hiệp đồng, về sử dụng lực lượng và cách đánh chiến dịch...

N.N.V

VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (1975)

Trung tướng LÊ THÀNH TÂM*

Trước đà thắng lợi lớn của ta ở Tây Nguyên và bắc Trung bộ, ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã họp, thông nhất nhận định: *“Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ chiến lược để tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu; nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm. Phải gấp rút tăng lực lượng vào hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hẵn Quốc lộ 4, áp sát Sài Gòn, đồng thời nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây, cô lập Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu. Tổ chức sẵn sàng những đơn vị binh chủng hợp thành để khi có thời cơ xuất hiện thì tức khắc đánh chiếm các mục tiêu quan trọng nhất ở trung tâm thành phố. Tư tưởng chỉ đạo: thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất”*¹

Cùng thời điểm này, (ngày 30-3), Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đã gửi điện khẩn cho Đảng bộ các đơn vị và địa phương nhân mạnh: *“Tình hình đang phát triển rất nhanh. Địch đang bị động chưa từng có. Tình hình hỗn loạn ở Huế, Đà Nẵng sẽ lan ra và sẽ diễn ra ở Sài Gòn và các thành phố, thị xã khác... Đây không phải là thời kỳ giải phóng nông thôn mà giải phóng thị xã, thành phố, giải phóng cả khu, cả tỉnh... Các cấp ủy cần nhận rõ lúc này chính là lúc tình hình một ngày phát triển bằng 20 năm lúc cách mạng bình thường... Các cấp ủy phải theo dõi chặt chẽ sự phát triển của tình hình, hết sức nhạy bén, linh hoạt, chủ động phối hợp với chiến trường chung. Chần chừ, do dự, rụt rè không dám quyết liệt tiến công hiện nay là có tội với cách mạng”*².

Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ công tác Đảng, công tác chính trị của các lực lượng vũ trang trong thời điểm sôi động này, ngày 2 tháng 4 năm 1975, Tổng cục Chính trị đã điện khẩn cho các chiến trường, các quân binh chủng về nhiệm vụ chính trị trước thời cơ chiến lược mới, động viên các lực lượng vũ trang xốc tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, theo tinh thần: *“chúng ta đang đứng trước thời cơ*

(*) Phó Tư lệnh chính trị Quân khu 7.

(1) *Tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập II, Nxb. Quân đội nhân dân, H., 1995, tr.426 – 427.

(2) Hồ sơ: CT-MQ – 115 của Tổng cục Chính trị.

chiến lược chưa từng có, để giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc, nhiệm vụ trước mắt của các lực lượng vũ trang rất lớn lao, nặng nề và vô cùng khẩn trương”.

Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Tổng cục nhắc nhở các đơn vị cần chú trọng sáu công tác cơ bản:

1. Động viên liên tục làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy rõ thắng lợi to lớn vừa qua, nhiệm vụ nặng nề, khẩn trương sắp tới, nắm vững thời cơ vô cùng thuận lợi, nêu cao quyết tâm chiến đấu, hết sức tranh thủ thời gian, mưu trí sáng tạo, linh hoạt táo bạo để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Vừa đánh, vừa triển khai tổ chức lực lượng, củng cố kiện toàn tổ chức, cán bộ để nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ mới.

3. Chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra các mặt công tác chính trị trong chiến đấu và đô thị mới giải phóng, chú trọng giữ gìn bí mật các đơn vị và vũ khí mới sử dụng, giữ nghiêm kỷ luật chiến trường và chính sách vào các đô thị.

4. Kết hợp chặt chẽ linh hoạt giữa tiến công và nổi dậy với địch vận làm tan rã hàng ngũ địch. Chú trọng dùng tù hàng binh, nhất là sĩ quan địch làm công tác binh vận.

5. Đồng thời với công tác chính trị, cần thực hiện các chính sách về chiến lợi phẩm, chính sách tù binh, chính sách khen thưởng, kỷ luật và giữ gìn quan hệ tốt với nhân dân.

6. Giáo dục cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại, chia rẽ của địch khi vào vùng mới giải phóng.

Tiếp theo, nhằm chỉ đạo lực lượng vũ trang trên chiến trường miền Nam hành động kiên quyết, nắm chắc thời cơ giành thắng lợi to lớn nhất trong trận quyết chiến lịch sử, ngày 7 tháng 4, đồng chí Bí thư Quân ủy Trung ương – Tổng Tư lệnh – Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp đã gửi bức điện khẩn số 450/ĐB cho các binh đoàn, các đơn vị binh khí kỹ thuật trên đường hành quân trên các tuyến, các tư lệnh chiến trường thực hiện nghiêm chỉnh sự chỉ đạo tác chiến chiến lược của Bộ Chính trị:

“Thần tốc, thần tốc hơn nữa

Táo bạo, táo bạo hơn nữa.

Tranh thủ từng giờ từng phút

Quyết chiến và quyết thắng.”¹

Nhận được điện, cùng ngày Trung ương Cục và Quân ủy Miền họp quán triệt tinh thần chỉ đạo của cấp trên và quyết định: *“trong khi khẩn trương chuẩn bị cho phương án chiến dịch quy mô lớn, để tranh thủ thời gian tạo ra và lợi dụng được những đột biến mới, tạo ra thời cơ mới, lực lượng B2 tiến hành mở một chiến dịch nhằm chia cắt chiến lược, triệt để bao vây, cô lập Sài Gòn, nếu địch có hiện tượng tan rã đột ngột lớn thì không nhất thiết đợi lực lượng ở ngoài vào đủ, chọc thẳng vào Sài Gòn, kết hợp với đặc công, biệt động và quần chúng nổi dậy từ bên*

⁽¹⁾ Điện khẩn số 450/ĐB, (ngày 7 tháng 4 năm 1975), của Bí thư Quân ủy Trung ương – Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp (lưu tại kho lưu trữ Cục Cơ yếu Bộ Tổng Tham mưu).

trong để đánh chiếm Sài Gòn. Nếu không đạt được toàn bộ ý định thì ít nhất cũng tạo ra được một thế có lợi cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn”¹.

Ngay sau khi nhận được điện của Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương điện gấp chỉ đạo: *“Hãy chờ ít ngày, đến khi lực lượng lớn đã tới thì mở cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn – Gia Định, đánh liên tục, dồn dập đến khi giành được thắng lợi. Trước hết nên thực hiện bao vây Sài Gòn và đẩy mạnh hoạt động ở ven đô”².*

Nhằm tạo thế bao vây Sài Gòn và tăng nhịp độ hoạt động của các lực lượng vũ trang ở ven đô, từ ngày 9 đến 20 tháng 4, Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ Long Khánh – Xuân Lộc – Bà Rịa – Vũng Tàu, (mà tác giả không ai khác là Uyên, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ, cựu Tư lệnh quân viễn chinh Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam trong thời kỳ “chiến tranh cục bộ”), để tiêu diệt lực lượng địch phòng thủ giữ hướng đông Sài Gòn, tạo thế cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Lực lượng địch bố trí tại phòng tuyến Long Khánh – Xuân Lộc (còn gọi là phòng tuyến Uyên) gồm: Sư đoàn bộ binh 18 (thuộc Quân đoàn 3), một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an, được máy bay, pháo mặt đất chi viện hỏa lực. Ngoài ra, trong quá trình chiến đấu được tăng viện thêm Lữ đoàn dù số 1, trung đoàn bộ binh 8 (Sư đoàn 5), 1 liên đoàn biệt động quân và 1 trung đoàn thiết giáp.

Lực lượng tham chiến của ta gồm Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn bộ binh 9); Sư đoàn bộ binh 6 (của Quân khu 7), tiểu đoàn tăng – thiết giáp và 1 trung đoàn pháo mặt đất của Miền. Đến cuối chiến dịch được tăng cường thêm Trung đoàn 95B (của Sư đoàn bộ binh 325) và một đại đội xe tăng. Chiến dịch tạo thế này do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 và Khu ủy Khu 7 trực tiếp chỉ huy.

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, mở màn chiến dịch tạo thế, phối hợp trong ngoài, khối chủ lực Miền tổ chức tiến công phòng tuyến Long Khánh – Xuân Lộc ở hướng đông bắc và tiến công Thủ Thừa, Bến Lức ở phía đông nam, cắt Quốc lộ 4 mở các tuyến hành lang xuống các tỉnh miền Tây Nam bộ. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch trên cả hai hướng đều diễn ra rất quyết liệt: hướng đông bắc, ta đồng loạt đột phá Xuân Lộc và tiểu khu Long Khánh, nhưng không thành công. Tại ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn bộ binh 6 (Quân khu 7) tập kích chiếm 5 chốt của địch, làm chủ Quốc lộ 1 (đoạn Hưng Nghĩa – đèo Mẹ Bồng Con). Sáng ngày 10 tháng 4, ta tiếp tục đột phá Xuân Lộc, đánh chiếm sân bay, tiến công Lữ đoàn dù 1 của địch mới đổ quân xuống Tân Phong. Buộc địch phải điều 1 liên đoàn biệt động quân (Sư đoàn bộ binh 5 của địch) đến tăng viện cho Xuân Lộc. Được tiếp viện, địch chống cự điên cuồng, quyết đẩy ta ra xa. Ngày 12 tháng 4, địch ném 2 trái bom

⁽¹⁾ Điện của Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền gửi Bộ Chính trị – Quân ủy Trung ương ngày 7 tháng 4 năm 1975.

⁽²⁾ Điện của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương gửi Trung ương Cục và Quân ủy Miền, hồ sơ số: CT4/MQ – 103 của Tổng cục Chính trị, tr. 285 – 286.

CBU-55 xuống Xuân Lộc¹, cách thị xã Long Khánh 800 mét về hướng bắc, gây thương vong lớn cho ta.

Theo dõi chặt chẽ cuộc tiến công trên phòng tuyến Long Khánh – Xuân Lộc, vừa nắm chắc quá trình phát triển tiến công trên các hướng, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo Bộ Tư lệnh Miền điều chỉnh và thay đổi cách đánh, chuyển từ đội hình tiến công sang bao vây Xuân Lộc và đánh viện. Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền đã chỉ đạo Bộ Chỉ huy Chiến dịch chỉ để lại 1 sư đoàn có binh khí kỹ thuật, làm nhiệm vụ bao vây Xuân Lộc, chủ yếu là đánh địch bên ngoài đến tăng viện; khi có điều kiện thì diệt điểm Xuân Lộc, hoặc chuyển sang cắt Quốc lộ 15 (đoạn Long Bình đi Bà Rịa), áp sát không chế sông Lòng Tàu và sân bay Biên Hòa, tạo điều kiện hút địch về hướng này và cầm chân địch cho đến khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Trong lúc Đoàn 232 chuyển sang giải phóng, mở mang ven Quốc lộ 4, tạo điều kiện cắt Quốc lộ 4, không cho địch ở hướng tây nam co cụm về Sài Gòn.

Trong các ngày từ 15 đến 17 tháng 4, trên hướng Long Khánh – Xuân Lộc, ta đã tập kích tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở ngã ba Dầu Giây, đánh lui các đợt phản kích của địch từ Biên Hòa lên. Trước tình cảnh Xuân Lộc bị cô lập hoàn toàn, địch buộc phải rút tàn quân chạy về Bà Rịa. Sau 12 ngày đêm liên tục chiến đấu cam go, quyết liệt, đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4, địch ở Long Khánh đã tháo chạy và tan rã. Xuân Lộc hoàn toàn được giải phóng. Trên hướng Thủ Thừa, Bến Lức, đến giữa tháng 4, ta đã tiến chiếm được An Ninh, Lộc Giang làm bàn đạp để tiến công Sài Gòn trên cả hai hướng đông bắc và tây nam.

Với Chiến thắng Xuân Lộc cùng Thủ Thừa, Bến Lức, các lực lượng vũ trang trên chiến trường miền Đông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao: *“Phải gấp rút tăng lực lượng vào hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hẵn Quốc lộ 4, áp sát Sài Gòn, đồng thời nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây, cô lập Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu”*. Có thành quả trên, trước hết nhờ triển khai tốt những mặt hoạt động cơ bản và toàn diện của công tác Đảng, công tác chính trị trong chiến dịch. Từ yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm mỗi trận đánh đều có mục tiêu và yêu cầu rất cao; đều diễn ra hết sức quyết liệt, khẩn trương để tận dụng thời cơ chiến lược theo tinh thần chỉ đạo: *“Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ từng phút”*, đã đặt yêu cầu cho công tác Đảng, công tác chính trị trong Chiến dịch Xuân Lộc: phải nắm vững và tập trung vào các mặt hoạt động chủ yếu; xác định được nội dung thích hợp, cùng những hình thức và giải pháp phù hợp, linh hoạt và phong phú nhằm phát huy cao độ yếu tố chính trị tinh thần, phẩm chất cách mạng tốt đẹp và năng lực hành động của từng cán bộ, chiến sĩ phù hợp với tính chất, nhiệm vụ nặng nề, đa dạng, phức tạp của thời kỳ kết

⁽¹⁾ Có tài liệu ghi ngày 22-4-1975, địch ném 2 trái bom CBU-55 xuống Xuân Lộc.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2000-tr 321, trích tin ngày 23-4 của hãng AFP: *“...Mỹ – nguy dùng máy bay C130 ném bom Đêxi Cútler (Daisy Cutler) và bom CBU xuống các mục tiêu giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, có hàng trăm xác chết.”*

thúc chiến tranh. Trong đó tập trung vào bốn mặt công tác chủ yếu:

1. Tập trung xây dựng quyết tâm chiến đấu cao nhằm đáp ứng yêu cầu của một chiến dịch tạo thế, tạo lực trong, ngoài cho trận quyết chiến chiến lược – Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

2. Coi trọng công tác lãnh đạo tổ chức chiến đấu trong chiến dịch, giải quyết tốt những vấn đề mấu chốt về hợp đồng tác chiến trong chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

3. Có sự chỉ đạo chuẩn bị cho bộ đội làm chức năng đội quân công tác trong hoạt động ở các vùng sẽ giải phóng, nhất là khi vào thành phố, thị xã, thị trấn.

4. Kết hợp chặt chẽ và phát huy cao độ vai trò của các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân trên địa bàn tác chiến, tạo thế cho chiến dịch tiến công chiến lược tổng hợp quyết định kết thúc chiến tranh.

Nhìn một cách tổng thể, công tác Đảng, công tác chính trị trong Chiến dịch Xuân Lộc tháng 4 năm 1975, được tiến hành một cách chủ động, tích cực, toàn diện và hiệu quả; dựa trên cơ sở nề nếp của công tác Đảng, công tác chính trị trong xây dựng huấn luyện, rèn luyện bộ đội thường xuyên qua nhiều trận đánh; đồng thời có sự kế thừa, phát triển những kinh nghiệm quý báu của các chiến dịch diễn ra trước đó. Và, đương nhiên không thể tách rời những đặc điểm tình hình; yêu cầu nhiệm vụ và mục tiêu của cả chiến dịch cũng như từng trận đánh để tiến hành công tác tư tưởng, công tác tổ chức trong mọi hoạt động của các đơn vị tham gia tác chiến cả trước, trong và sau từng trận đánh, làm cho bộ đội có được sự nhất trí cao, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi, tập trung sự nỗ lực lớn nhất của từng người và của tất cả lực lượng vũ trang vào mục tiêu: thực hiện cho kỳ được quyết tâm chiến lược của một chiến dịch bao vây, chia cắt, cô lập đầu não Sài Gòn từ hướng đông và đông nam, “*tạo thế có lợi cho Chiến dịch giải phóng Sài Gòn*” như chỉ thị của Trung ương Cục và Quân ủy Miền.

Tuy nhiên, không thể không nói đến thiếu sót lớn và chủ yếu của công tác Đảng, công tác chính trị trong Chiến dịch Xuân Lộc khi phải chuyển chiến thuật từ đánh tiêu diệt, kết hợp giữa tiến công và nổi dậy sang đánh điểm, diệt viện, bao vây, chia cắt trong điều kiện kẻ thù dùng cả vũ khí sát thương hàng loạt như chuyển đổi hình thức tác chiến chưa kỹ, chưa đủ liều lượng tới mức cần phải có. Đó chính là bài học sâu sắc của công tác Đảng, công tác chính trị mà Chiến dịch Xuân Lộc luôn nhắc nhở chúng ta trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân hôm nay.

L.T.T

Ý NGHĨA QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TIỀN CÔNG GIẢI PHÓNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH MÙA XUÂN 1975

Đại tá NGUYỄN HUY LONG*

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 và Nghị quyết tháng 3 năm 1974, tháng 1 năm 1975, đã được Bộ Chính trị thông qua, các chiến trường đã đẩy mạnh tấn công. Đến thượng tuần tháng 3 năm 1975, trên tất cả các chiến trường miền Nam từ Trị – Thiên đến Khu 5, từ Tây Nguyên đến miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân ta đã mở hàng loạt trận tấn công và nổi dậy quy mô vừa và nhỏ, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng mọi mặt để bước vào các trận tiến công lớn.

Trong tình hình quân địch đã bị động càng thêm bị động, đã phân tán càng thêm phân tán, không phán đoán được ý đồ chiến lược của ta, quân và dân ta đã mở các chiến dịch, bắt đầu là Chiến dịch Tây Nguyên, tiếp theo là Chiến dịch Huế – Đà Nẵng và kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, buộc chúng phải đầu hàng không điều kiện.

Trong chiến công đó, Chiến thắng Xuân Lộc đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở phía đông thành phố Sài Gòn là mốc son lịch sử trong cuộc đấu tranh cách mạng của quân và dân tỉnh Long Khánh (nay là Đồng Nai), góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Có thắng lợi chung đó, trước hết phải nói lên tinh thần chiến đấu anh dũng kiên cường của quân và dân Xuân Lộc, Long Khánh, từ ngày 9 tháng 4 đến 21 tháng 4 năm 1975, trong đó công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của quân và dân Xuân Lộc, Long Khánh.

Công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang tham gia giải phóng Xuân Lộc, Long Khánh đã quán triệt sâu sắc chỉ thị về công tác Đảng, công tác chính trị của Tổng cục Chính trị và Quân ủy Miền về nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc trong năm 1975, các đơn vị đã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy sức mạnh của công tác Đảng, công tác chính trị trong ba thứ quân, quán triệt sâu sắc đường lối cách mạng, quyết tâm chiến lược của Đảng, nhiệm vụ chiến lược của miền Nam, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ nhận rõ ta đã mạnh hơn hẳn địch, thấy rõ sự suy yếu, thất bại không thể tránh khỏi của địch, tình hình thời cơ mới của ta, nhất là nhân dân tỉnh Long Khánh cũng như các tỉnh ở miền Nam, nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng giành thắng lợi cao nhất theo ý đồ chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh.

(*) Trường ban Lịch sử - Tổng kết – Tổng cục Chính trị.

Quán triệt tư tưởng liên tục tiến công rộng khắp và tinh thần cách mạng triệt để, chống mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, do dự, co thủ, thỏa mãn dừng lại; thấm nhuần tư tưởng tác chiến của Đảng “*khẩn trương, mạnh dạn, linh hoạt, táo bạo*” và của Quân ủy Trung ương “*thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa*” nhưng vững chắc, liên tục tiến công tiêu diệt gọn và làm tan rã lớn quân địch, giành dân, giải phóng vùng, xây dựng lực lượng, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, cùng với nhân dân chủ động giữ vững và xây dựng vùng giải phóng vững mạnh.

Đảng ủy cơ sở các đơn vị đã tập trung lãnh đạo xây dựng vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh của tập thể cấp ủy, chi bộ, chi đoàn và Hội đồng quân nhân.

Nhưng do nhiệm vụ chiến đấu khẩn trương, các đơn vị đã chú ý nâng cao chất lượng toàn diện các mặt công tác Đảng, công tác chính trị nắm vững ba khâu then chốt là công tác xây dựng chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ; đồng thời chú trọng công tác chính trị, đẩy mạnh công tác binh địch vận, tăng cường công tác dân vận, công tác bảo vệ và công tác đoàn thanh niên.

5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 và các đơn vị của Quân khu 7 đồng loạt nổ súng tiến công Xuân Lộc và thị xã Long Khánh. Được sự giúp đỡ của các đồng chí trong Tỉnh ủy, đồng chí Tư Lạc, Tỉnh đội trưởng và đồng chí Năm Thắng, Bí thư Thị ủy Long Khánh trao đổi tình hình địch, tình hình nhân dân và địa hình khu vực cho chỉ huy và các trinh sát của ta, nên hơn hai ngàn quả pháo và các mũi tiến công của ta đều hiệp đồng chặt chẽ, bắn trúng các mục tiêu, các mũi tiến công bất ngờ tiêu diệt các mục tiêu quan trọng của địch, làm cho chúng hoang mang lo sợ. Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18, Quân đoàn 3 ngụy bỏ sở chỉ huy chạy ra ngã ba Tân Phong, Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh bỏ chạy ra Núi Thị. Các đơn vị của ta đã nhanh chóng cắm cờ lên dinh tỉnh trưởng Long Khánh, làm chủ một loạt các vị trí then chốt của địch: ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, khu tình báo CIA, khu biệt động và nhà ga xe lửa.

Trước nguy cơ Xuân Lộc bị thất thủ, một chiếc C5A của Mỹ hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất, mang theo 27 tấn mìn sắt và áo giáp chống đạn nhằm trang bị cho lính bảo vệ Xuân Lộc. Cùng thời điểm, đài phát thanh của ngụy quyền Sài Gòn đã thông báo: Tổng thống Giêrôn Pho đang kêu gọi Quốc hội Mỹ nên cho Sài Gòn 722 triệu đôla viện trợ quân sự và 250 triệu đôla viện trợ kinh tế.

Để tăng cường phòng giữ Xuân Lộc, ngày 12 tháng 4, địch tung thêm một lữ đoàn dù nữa, để mong giành lấy chiến thắng dù tượng trưng, mà chính quyền Sài Gòn hết sức cần thiết. Lữ đoàn dù được chở bằng xe đến Long Bình, sau đó được chất lên trực thăng khổng lồ “sinúc”, mục tiêu cuối cùng sẽ đến là Xuân Lộc. Nhưng do hỏa lực của ta quá mạnh, nên địch không thể chở quân vào trong thị xã Long Khánh được. Buộc chúng phải chọn bãi đổ quân trong đồn điền cao su do Pháp quản lý, cách Xuân Lộc hơn 10 kilômét về phía đông... Ba ngày sau chúng

tăng thêm hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh (thuộc Sư đoàn 5 ngụy), tám tiểu đoàn pháo binh và hai chi đoàn xe tăng, đưa số xe tăng thiết giáp lên đến 300 chiếc. Nếu tính cả Sư đoàn 18 và các đơn vị đã bố trí ở Xuân Lộc trước ngày nổ súng, địch đã tập trung ở đây hơn 50 phần trăm lực lượng bộ binh, 60 phần trăm pháo binh, hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị tương đương một sư đoàn. Không quân từ sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động với mức độ cao, trực tiếp chi viện cho các mũi phản kích của bộ binh và xe tăng đánh vào đội hình tiến công của ta. Trung bình 80 lần chiếc máy bay ném bom một ngày; cao nhất là 125 lần chiếc ngày. Chúng dùng cả bom CBU-55 có sức hủy diệt lớn¹. Các sĩ quan Mỹ – ngụy ở Sài Gòn và ở chiến trường khen nhau rồi rút về cuộc hành quân và ném bom bất ngờ này. Sự phản kích của địch ở Xuân Lộc, đã gây cho ta nhiều khó khăn².

Trước tình hình đó, Đảng ủy Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh cử đồng chí Trần Văn Trà, Phó tư lệnh Chiến dịch trực tiếp chỉ đạo mặt trận Xuân Lộc. Thay mặt Đảng ủy – chỉ huy Bộ Chỉ huy Chiến dịch, đồng chí triệu tập Đảng ủy – chỉ huy Quân đoàn 4, Quân khu 7, Đảng ủy – chỉ huy quân sự tỉnh Long Khánh, cấp ủy chính quyền Xuân Lộc tại Sở chỉ huy Quân đoàn 4. Đồng chí quyết định sử dụng Sư đoàn 6 của Quân khu 7, tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngụy ở Dầu Giây và Núi Thị, tạo thành điểm cao khống chế địch, giải phóng và chốt giữ ngã ba Dầu Giây, chặn địch từ Trảng Bom ra phản kích. Sử dụng lực lượng mạnh của Quân đoàn 4 kìm chặt và diệt từng bộ phận của địch ở Xuân Lộc, chủ yếu là hướng Xuân Lộc và ngã ba Dầu Giây; đồng thời bố trí một lực lượng phục kích đường số 2, sẵn sàng khóa đường, diệt địch rút chạy theo con đường độc đạo này về Bà Rịa. Sử dụng lực lượng phòng không đánh máy bay địch, pháo mặt đất 130 mm ở Hiếu Liêm khống chế địch ở sân bay Biên Hòa. Dùng Trung đoàn 113 (đặc công) tập kích các vị trí then chốt của địch.

Thực hiện sự chỉ đạo của Phó tư lệnh Chiến dịch, các đồng chí Bí thư Đảng ủy – chỉ huy Quân đoàn 4, Quân khu 7 và cán bộ quân chính các đơn vị đã nhanh chóng quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến đấu của trên đến từng cán bộ, chiến sĩ về nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình đảm nhiệm, xác định quyết tâm hoàn thành bằng được nhiệm vụ trên giao. Cơ quan chính trị Quân đoàn, Quân khu đã phái các đồng chí cán bộ có kinh nghiệm, quen địa bàn xuống các đơn vị, giúp các đồng chí chính ủy, chính trị viên thực hiện nhiệm vụ quán triệt quyết tâm chiến đấu và phát động phong trào thi đua lập công thực hiện rộng rãi ở các đơn vị; cá nhân đăng ký lập

⁽¹⁾ Bom CBU-55 là loại bom chưa hề được sử dụng trong chiến tranh. Một số lượng nhỏ bom này để ở Thái Lan để đề phòng bắt trộm. Đầu tháng 4 năm 1975, bom được chở bằng máy bay từ căn cứ không quân Utapao đến Sài Gòn rồi chở bằng xe về căn cứ không quân Biên Hòa. Thù vũ khí này vẫn nằm dưới quyền kiểm soát kỹ thuật của người Mỹ ở Việt Nam đã cho phép Sài Gòn sử dụng loại vũ khí ấy và ngụy quyền Sài Gòn chọn Xuân Lộc làm mục tiêu thả CBU-55.

⁽²⁾ Qua ba ngày chiến đấu, ta đã tiêu diệt được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ được một số bàn đạp quan trọng. Nhưng chưa tiêu diệt gọn được một tiểu đoàn nào. Chỉ tính 2 sư đoàn: Sư đoàn 7 bị thương vong 300 cán bộ, chiến sĩ; Sư đoàn 341 bị thương vong 1200 đồng chí (chưa tính số lượng thương vong của các đơn vị khác). Chín xe tăng sử dụng vào trận đánh thì bị bắn cháy và hỏng 6 chiếc. Pháo 85 và 57 hỏng gần hết vì bom, pháo địch. Đạn pháo lớn ở phía sau chưa đưa lên kịp.

công, rà soát việc thực hiện các chính sách thương binh tử sĩ trong chiến đấu.

Trong 2 ngày 14 và 15 tháng 4, pháo binh ta đã bắn cấp tập hơn 2000 quả đạn 130, 122 mm và đạn các loại xuống Xuân Lộc, Long Khánh, sân bay Biên Hòa, phá hủy kho đạn khổng lồ dự trữ cho phòng thủ ở Xuân Lộc. Bộ đội đặc công tập kích phá hủy một kho đạn đủ sức trang bị cho 15 tiểu đoàn địch. Sư đoàn 6 tiến công tiêu diệt gọn một tiểu đoàn của Chiến đoàn 52 thuộc Sư đoàn 18 ngụy và một chi đoàn thiết giáp ở Dầu Giây ngã ba Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20; đánh chiếm Núi Thị, Túc Trưng, Kiệm Tân, tiêu diệt toàn bộ Chiến đoàn 52. Vòng đai Xuân Lộc, “*cái hố tử thủ*” của địch được nói rộng trên lý thuyết, nhưng đã bị pháo binh ta tập kích sân bay Biên Hòa, đường băng không còn sử dụng được. Những cuộc yểm trợ cho Xuân Lộc và Phan Rang đều phải dừng lại. Hơn một nửa số máy bay của không quân Sài Gòn nằm lại tại căn cứ Biên Hòa. Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ra lệnh cho trung đoàn thứ ba vào tham chiến, nhưng bị các lực lượng của ta anh dũng chiến đấu chặn địch cứu viện từ Trảng Bom tới, tiếp tục vây hãm Xuân Lộc, tiêu diệt từng cụm địch. Lữ đoàn dù bị sa lầy ở rừng cao su, trung đoàn dự bị của Sư đoàn 18 không còn hy vọng chọc thủng được vòng vây của quân dân Xuân Lộc. Tiểu khu Long Khánh bị pháo binh ta tập kích liên tục. Đảo phải thốt lên: “*Hỏa lực tấn công của cộng sản còn mạnh hơn bất kỳ đơn vị bộ binh Mỹ nào mà Đảo đã biết*”. Các cụm địch ở Xuân Lộc lần lượt bị tiêu diệt. Trước tình thế sống còn, Đảo điện xin cứu viện về sở chỉ huy Quân đoàn ở Biên Hòa, Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn đi vắng nhưng vẫn truyền lệnh giữ Xuân Lộc càng lâu càng tốt.

22 giờ ngày 20 tháng 4 năm 1975, trước sức tấn công mãnh liệt của các lực lượng vũ trang ta phối hợp với sự nổi dậy của nhân dân Xuân Lộc, thị xã Long Khánh, Đảo hoảng sợ ra lệnh cho lực lượng địch ở đây rút chạy. Sáng 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ Xuân Lộc được mệnh danh là “*cái hố tử thủ*” của quân đội Sài Gòn bị tan vỡ, thị xã Long Khánh được hoàn toàn giải phóng.

Tại dinh Độc Lập, được tin tuyến phòng thủ Phan Rang, Xuân Lộc, Long Khánh bị tan vỡ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trong tâm trạng lo âu, quyết định lấy giấy bút soạn thảo diễn văn, tuyên bố từ chức.

Trong bài diễn văn, Thiệu đưa ra những lời lẽ quyết liệt: “*Người Mỹ các ông... không chịu cho chúng tôi thêm viện trợ mà các ông đã hứa hẹn. Tức là không ủng hộ chúng tôi nữa. Thế thì được rồi, tôi sẽ ra đi. Nếu người Mỹ không giúp đỡ Nam Việt Nam nữa, hãy để họ ra đi, cút đi, hãy để họ nuốt hết những lời hứa của họ*”. Thiệu thay đổi giọng nhanh chóng và từ chức.

Cũng vì sự thất bại về quân sự của Mỹ – ngụy ở Xuân Lộc, ngày 21 tháng 4, tướng Uýen đã than thở: “*tình hình quân sự là tuyệt vọng*”. Và ngày 23 tháng 4, trong một bài diễn văn đọc ở trường đại học Niu Olêăng (New Orleans), Tổng thống Giêrôn Pho đã ngậm ngùi nói: “*Chiến tranh đã kết thúc đối với người Mỹ, không thể giúp đỡ người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang đợi họ*”.

Sự thất bại ở Xuân Lộc, Long Khánh đã làm cho nội bộ quan thầy Mỹ bi đát

rối ren, nội bộ tay sai ở Sài Gòn lâm vào khủng hoảng cực kỳ nghiêm trọng. Mâu thuẫn trong bọn cầm đầu tác động đến tinh thần tướng tá, binh lính nguy vốn đang suy sụp tan rã. Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3, bắn chết Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó, và *“không chấp nhận một mệnh lệnh nào khác ngoài mệnh lệnh di tản”*.

Chiến thắng Xuân Lộc, Long Khánh là kết tinh sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân được xây dựng và phát triển trong quá trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng và chiến tranh cách mạng mấy chục năm qua. Chiến thắng Xuân Lộc, giải phóng Long Khánh trở thành bản hùng ca bất hủ của quân và dân Xuân Lộc, Long Khánh tỉnh Đồng Nai ngày nay.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh đã đập tan tuyến phòng thủ vững chắc nhất của địch ở phía đông thành phố Sài Gòn, là điển hình rực rỡ sức mạnh tổng hợp của quân và dân Xuân Lộc, Long Khánh với công tác chính trị, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng; kết hợp tiêu diệt địch với giành quyền làm chủ về tay nhân dân, tạo nên sức mạnh áp đảo quân địch, nhanh chóng tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc, Long Khánh.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, trên tuyến Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1, cửa ngõ quan trọng hướng đông Sài Gòn được rộng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực của ta đẩy mạnh tiến công, ập tới, nhanh chóng giành thắng lợi hoàn toàn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

28 năm đã trôi qua, nhìn lại Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, quân và dân tỉnh Đồng Nai tự hào đã góp phần xứng đáng vào những chiến công chung; đồng thời xác định tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã chọn; tiếp tục sự nghiệp của các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh vì lý tưởng cao cả của Đảng và của dân tộc; tiếp tục góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện: *“Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.

N.H.L

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC, KẾT QUẢ TẤT YẾU CỦA SỰ CHỈ ĐẠO THỐNG NHẤT TỪ TỔNG HÀNH DINH TỚI CHIẾN TRƯỜNG

ThS. NGUYỄN QUỐC UY*

Chiều ngày 29 tháng 3 năm 1975, sau 33 giờ chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ Thành phố Đà Nẵng. Cuộc Tổng tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam bước vào giai đoạn kết thúc. Hai ngày sau, trong không khí phấn khởi, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng tại Nhà Con Rồng trong thành cổ Hà Nội. Từ những nhân tố mới đã xuất hiện rõ nét trong trận Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định phải nắm thời cơ, hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất, tốt nhất trong tháng 4 năm 1975. Về bố trí lực lượng, Bộ Chính trị chủ trương gấp rút chuẩn bị sẵn sàng lực lượng đánh vào trung tâm Sài Gòn, trong đó *“Các lực lượng phía đông đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, bao vây Sài Gòn từ hướng Bà Rịa – Vũng Tàu”*¹. Như vậy, tại Hội nghị lịch sử này, số phận chế độ Sài Gòn đã được định đoạt.

Ngày 1 tháng 4, qua nghiên cứu trao đổi với Phó Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Khánh và Cục trưởng Cục Tác chiến Lê Hữu Đức, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương, điện gửi Trung ương Cục miền Nam: *“...Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ... Bất ngờ hiện nay chủ yếu là khâu thời gian... Trong tình hình hiện nay, không phải đợi điều động đầy đủ lực lượng, chuẩn bị mọi mặt thật đầy đủ mới hành động, mà với lực lượng sẵn có cần hành động kịp thời để lợi dụng mọi thời cơ, cụ thể do tình hình địch hoang mang và lúng túng đưa lại, tấn công liên tiếp, giành thắng lợi liên tiếp, làm đảo lộn mọi mưu đồ chần chừ lực lượng, tăng cường viện trợ của Mỹ”*². Trên hướng phía đông, Đại tướng gợi ý Bộ Tư lệnh Miền sử dụng các sư đoàn hiện đang đứng chân trên địa bàn được tăng cường hỏa lực pháo binh, xe tăng thực hiện quyết tâm tiêu diệt phần lớn sinh lực của Sư đoàn 18 ngụy, đánh chiếm thị xã Long Khánh (tỉnh lỵ Long Khánh), đồng thời đánh chiếm Quốc lộ 15, Vũng Tàu, khống chế sông Lòng Tàu. Phía đông có nhiệm vụ chủ yếu là đánh chiếm Biên Hòa trong bối cảnh khẩn trương để lợi dụng tình trạng hỗn loạn do binh lính ngụy bại trận ở cực Nam Trung bộ chạy về gây ra.

Ngay tại buổi giao ban sáng ngày 1 tháng 4, trên cơ sở phân tích tình hình các mặt trận, qua nguồn tin kỹ thuật của Cục 2 và tin tức công khai do phóng viên nước ngoài điện từ Sài Gòn, Bộ Tổng Tham mưu nhận định: Sài Gòn bắt đầu hoảng loạn, địch đang hoang mang cực độ. Nắm chắc tinh thần *“Thần tốc, táo bạo, kịp thời”* của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương kiến nghị Trung ương Cục *“...cần*

(*) Ban Tổng kết – Lịch sử – Bộ Tổng Tham mưu

(1) Võ Nguyên Giáp – *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2000, tr. 264.

(2) Điện số 95/TK hồi 10 giờ 15 phút ngày 1 tháng 4 năm 1975.

có kế hoạch hành động ngay với lực lượng sẵn có, dựa vào kế hoạch bước một của Bộ Tư lệnh Miền, tập trung lực lượng thật mạnh đánh ngay Sư đoàn 18 nguy, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai pháo hạng nặng không chế sân bay Biên Hòa, nếu có điều kiện thời cơ hay được tăng cường lực lượng sẽ đánh chiếm Vũng Tàu”¹. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Chiến dịch Huế – Đà Nẵng ra Hà Nội báo cáo tình hình đã đề nghị hình thành một cánh quân ven biển đánh địch trong hành tiến, làm chủ các địa bàn chiến lược từ Nha Trang trở vào. Ngay lập tức, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định thành lập cánh quân phía đông gồm Quân đoàn 2 (thiếu), Sư đoàn 3 (Quân khu 5) và các đơn vị binh khí kỹ thuật do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, tiến theo Quốc lộ 1 chọc thủng phòng tuyến Phan Rang, phối hợp cùng lực lượng của B2 đánh chiếm Bà Rịa – Vũng Tàu, không cho quân nguy co cụm về Sài Gòn.

Trên chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung bộ, thực hiện kế hoạch đợt 2 mùa khô 1974 – 1975 của Bộ Tư lệnh Miền, quân dân ta tích cực phối hợp với các chiến trường tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, hình thành bao vây, tạo thế cho các cánh quân trên các hướng tiến vào giải phóng Sài Gòn. Năm vững tư tưởng chỉ đạo chung của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 29 tháng 3 năm 1975, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết số 14 – nhấn mạnh thời cơ tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch đã chín muồi “*Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu*”. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền vạch kế hoạch tiến công Sài Gòn với lực lượng hiện có, trong đó hướng đông do Quân đoàn 4 đảm nhiệm. Quân đoàn 4 sử dụng Sư đoàn 7 sau ngày giải phóng Lâm Đồng quay về diệt Sư đoàn 18 nguy ở tỉnh Long Khánh. Sáng ngày 2 tháng 4, đồng chí Trần Văn Trà tới Chỉ huy sở Quân khu 7 đặt bên bờ sông Đồng Nai thuộc khu Vĩnh An, truyền đạt mệnh lệnh tiến công Xuân Lộc, tiêu diệt Sư đoàn 18 và Lữ đoàn kỵ binh thiết giáp số 3 trong ngày 9 tháng 4. Một số cán bộ tham mưu, tác chiến cho rằng đánh Xuân Lộc khi quân nguy đã đề phòng sẽ rất gay go, ác liệt. Tuy nhiên, đồng chí Trần Văn Trà cho rằng, đòn tiến công của ta sẽ làm cho nguy quyền Sài Gòn bất ngờ cả về thời gian và hướng tiến công. Chúng vẫn phán đoán ta sau khi kết thúc Chiến dịch Huế – Đà Nẵng sẽ phải mất hai tháng để chuẩn bị cho cuộc tiến công vào Sài Gòn. Hơn nữa, hướng tiến công chính của ta là ở Tây Ninh nên chúng đã tập trung ở đây 1 sư đoàn, 2 liên đoàn biệt động quân, 4 tiểu đoàn pháo, 4 thiết đoàn, trong khi ở Xuân Lộc chỉ có Sư đoàn 18, một liên đoàn biệt động quân, 1 thiết đoàn và 4 tiểu đoàn pháo.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, đồng chí Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và đoàn cán bộ Sở Chỉ huy Tiền phương Bộ Tư lệnh (A75) vào đến Sở Chỉ huy Miền. Ngày 8 tháng 4, Trung ương Cục tổ chức hội nghị với sự có mặt của các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền, Đoàn A75 và đồng chí Lê Đức Thọ, đại diện của Bộ Chính trị. Hội nghị nhất trí thông qua phương án tiến công giải phóng Sài Gòn – Gia Định bằng lực lượng hiện có của B2 và các lực

⁽¹⁾ Điện số 967/TK ngày 2 tháng 4 năm 1975.

lượng chủ lực của Bộ Tổng Tư lệnh đang trên đường vào. Đồng chí Văn Tiến Dũng thay mặt Sở Chỉ huy Tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh phát biểu ý kiến vui mừng trước sự thống nhất giữa kế hoạch của Bộ Chính trị và Trung ương Cục. Đồng chí đã nghe báo cáo nội dung Hội nghị và đề nghị Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đốc thúc tăng cường lực lượng vào chiến trường trọng điểm. Đồng chí Lê Đức Thọ, phổ biến Nghị quyết ngày 31 tháng 3 của Bộ Chính trị và công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định do đồng chí Đại tướng Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy¹

Lúc này, thị xã Long Khánh đã trở thành tuyến phòng ngự trọng yếu của ngụy Sài Gòn ở Quân khu 3, bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, nằm trong tuyến phòng ngự từ xa kéo dài từ Phan Rang đến Tây Ninh. Định quyết giữ Xuân Lộc để chặn Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20, hướng tiến quân về Sài Gòn từ phía đông. Giữ được Xuân Lộc và cả tỉnh Long Khánh thì tuyến Biên Hòa – Nhơn Trạch – Bà Rịa – Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất vẫn còn hoạt động.

Thực hiện kế hoạch, cùng với những trận đánh cắt Quốc lộ 4 ở phía tây Sài Gòn, đêm 8 rạng 9 tháng 4, Quân đoàn 4 sử dụng Sư đoàn 7 và 341 cùng Sư đoàn 6 (thiếu) làm dự bị nổ súng tiến công Xuân Lộc. Bước đầu quân ta phát triển thuận lợi, chọc thủng tuyến phòng ngự bằng nhiều mũi, phát triển vào trung tâm, làm chủ nhiều vị trí quan trọng. Tuy nhiên, ngay trong ngày 10, quân ngụy đã đổ lữ đoàn dù xuống ven thị xã để chi viện và giữ tinh thần cho Sư đoàn 18. Ta gặp khó khăn, chịu nhiều thương vong, suốt 2 ngày 10, 11 tháng 4, Sở chỉ huy Miền chỉ nhận được 3 bản báo cáo của Quân đoàn 4 không nói rõ tình hình nhưng lại xin thêm lực lượng, bổ sung đạn dược. Các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Lê Đức Anh nhận thấy địch đã rút lực lượng ở Tây Ninh về tăng cường cho Xuân Lộc, còn ta bị đẩy lùi, thiếu quân số bổ sung. Các đơn vị nếu tiếp tục bị thương vong trong thời điểm này sẽ không có lợi cho toàn cục. Các đồng chí đã gợi ý: *“Với lực lượng như cũ, chuyển sang đánh địch bên ngoài là chủ yếu, chỉ để một sư đoàn có binh khí kỹ thuật giữ chặt những khu vực đã chiếm trong thị xã và bao vây khu vực còn địch, không cần tăng thêm một sư đoàn nữa”*². Bộ Tư lệnh cử đồng chí Trần Văn Trà đến trực tiếp nắm tình hình tại chỗ, chỉ đạo Quân đoàn 4 tìm cách đánh mới. Ở Tổng hành dinh, sau khi nhận được báo cáo tóm tắt chiến sự ở Xuân Lộc, ngày 9 giờ sáng ngày 12 tháng 4, đồng chí Võ Nguyên Giáp trả lời đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng...: *“Trận Xuân Lộc có ý nghĩa quan trọng của nó vì đây là trận chiến đầu tiên đối với ngoại vi Sài Gòn. Anh cùng các anh chú trọng theo dõi chỉ đạo”*³.

Xuất phát từ nhận định: Xuân Lộc là điểm phòng ngự then chốt nhưng chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa, tại đây quân ngụy đã chiếm ưu thế hơn so

(1) Phó tư lệnh: Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Lê Đức Anh, Trung tướng Đinh Đức Thiện. Ngày 22-4-1975, bổ sung Trung tướng Lê Trọng Tấn – Phó tư lệnh và Trung tướng Lê Quang Hòa – Phó chính ủy.

(2) Điện số 44, 45/TK ngày 12 tháng 4 năm 1975 đồng chí Văn Tiến Dũng gửi Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương.

(3) Điện số 27/TK hồi 9 giờ ngày 12 tháng 4 năm 1975.

với ta, yếu tố bất ngờ của ta cũng không còn nữa, nếu đánh tiếp sẽ không có lợi. Sau khi nghe ý kiến của các đồng chí Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, trong đó có ý kiến của Phó Tư lệnh Bùi Cát Vũ, Tham mưu trưởng Quân đoàn Hoàng Nghĩa Khánh, đồng chí Trần Văn Trà kết luận: “*Trước tiên một sư đoàn diệt Chiến đoàn 52 nguy ở Dầu Giây và Núi Thị, một cao điểm khống chế ở đây, giải phóng rộng và chốt giữ cho được ngã ba Dầu Giây... chặn và diệt cho được quân địch từ Trảng Bom ra phản kích. Lực lượng mạnh của Quân đoàn kèm chặt và diệt từng bộ phận địch ở Xuân Lộc, chủ yếu là hướng giữa Xuân Lộc và ngã ba Dầu Giây để hỗ trợ cho chốt Dầu Giây. Cho một lực lượng phục kích ở đường số 2 sẵn sàng khóa đường diệt địch rút chạy theo đường độc nhất này về Bà Rịa...*”¹.

Mười hai giờ trưa ngày 13 tháng 4, trong khi đồng chí Trần Văn Trà đang bàn kế hoạch mới với Quân đoàn 4 thì đồng chí Võ Nguyên Giáp nhận được điện của B2 và đã điện trả lời về cách xử trí đã nêu trong điện số 44, 45/TK: *ở hướng Xuân Lộc hiện không nên thêm lực lượng. Với lực lượng sẵn có, chuyển cách đánh cho thích hợp để đạt những yêu cầu đã đề ra trong điện. Chú trọng tránh tiêu hao lực lượng sớm và đạt cho được mục tiêu rất quan trọng là thu hút lực lượng địch ra hướng này và giữ cho được lực lượng địch ở đây cho đến khi ta làm ăn lớn. Lúc đó ta vừa đẩy mạnh làm ăn lớn ở hướng chính, vừa đẩy mạnh tấn công dứt điểm ở đây (đương nhiên nếu có khả năng dứt điểm sớm ở đây thì cứ làm). Sắp tới, chắc chắn địch sẽ phát hiện ra cánh quân của anh Tấn, do đó có rất nhiều khả năng địch càng dồn thêm lực lượng về hướng đông Sài Gòn*².

Rạng sáng ngày 14 tháng 4, thực hiện quyết tâm mới, Quân đoàn 4 được bổ sung thêm vật chất tiến công đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đứt Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc về Trảng Bom, làm chủ đoạn cuối cùng Quốc lộ 20 từ Túc Trưng về Dầu Giây. 16 giờ ngày 15 tháng 4, đồng chí Văn Tiến Dũng điện gửi các đồng chí Phạm Hùng, Trần Văn Trà: “*Hướng Xuân Lộc ta cần tiếp tục tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch. Sắp tới, nếu chúng đưa thêm lực lượng ra thì ta cần có chủ kiến tăng thêm lực lượng bộ binh và binh khí kỹ thuật (kể cả một số đơn vị của anh Tấn) để tiêu diệt. Nếu tiêu diệt được một bộ phận quan trọng lực lượng ở đây (sư đoàn 18, lữ đoàn dù, một số chiến đoàn kỵ binh thiết giáp) thì trận then chốt sẽ có ý nghĩa và tác dụng rất lớn đối với sự phát triển của toàn bộ chiến trường. Cần theo dõi sát tình hình địch, từ bây giờ có kế hoạch chia cắt ngăn chặn và tiêu diệt chúng trong trường hợp chúng rút về Biên Hòa. Đồng thời chuẩn bị cho trận đánh lớn ở Biên Hòa trong khi ta tiến hành phục kích ở đó*”³.

Mất ngã ba Dầu Giây, lực lượng phản kích bị tổn thất nặng, trong khi áp lực của ta tại Xuân Lộc ngày càng tăng, lực lượng đi đầu của cánh quân giải phóng đang tiến đến gần, tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 xin Tư lệnh Quân đoàn 3 nguy cho rút bỏ Xuân Lộc vì “*mất Dầu Giây là mất tụ điểm và sức sống*

⁽¹⁾ Trần Văn Trà – *Những chặng đường của “B2 – Thành đồng”*, tập 5 – kết thúc chiến tranh 30 năm, Nxb. Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1982, tr 255.

⁽²⁾ Điện số 30, 31/TK hồi 12 giờ ngày 13 tháng 4 năm 1975.

⁽³⁾ Điện số 38/TK hồi 16h00 ngày 15 tháng 4 năm 1975, đồng chí Văn Tiến Dũng gửi đồng chí Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Trần Văn Trà.

của Long Khánh”. Quân đoàn 3 đã phải dùng trực thăng bốc một số quân về Biên Hòa – Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới. Đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4, đám tàn quân của địch theo tỉnh lộ 2 rút chạy qua Bà Rịa về Biên Hòa.

Sau 12 ngày chiến đấu, Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã tiêu diệt 1.056 tên địch, bắt 2.785 tên, thu 48 ô tô, 1.499 súng các loại; phá hủy 42 xe tăng, xe bọc thép,... Giải phóng Xuân Lộc trên Quốc lộ 1 cách Sài Gòn 80 km, Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương đã tạo ra thế trận mới, một khu vực bàn đạp rất có lợi cho Quân đoàn và các đơn vị trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Cánh cửa thép Xuân Lộc bị đổ vỡ làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn, làm suy sụp thêm tinh thần chiến đấu của ngụy quân, góp phần thúc đẩy nhanh sự sụp đổ hoàn toàn của ngụy quyền Sài Gòn (Thiệu từ chức ngày 21 tháng 4) và sự bất lực, bỏ cuộc của Mỹ¹. Sau thất bại Xuân Lộc, Mỹ thấy dù đã cử Tham mưu trưởng lục quân giúp Thiệu xây dựng tuyến phòng thủ, dù đã gấp rút tăng viện vũ khí mới cho ngụy, chính quyền Sài Gòn vẫn sẽ sụp đổ. Ngày 18 tháng 4, khi Xuân Lộc vẫn chưa chính thức thất thủ, Tổng thống Pho vẫn yêu cầu Quốc hội Mỹ cấp ngay 1 tỷ đô la viện trợ quân sự và nhân đạo cho ngụy quyền Sài Gòn. Thế nhưng ngay sau khi biết tin Xuân Lộc thất bại, thay vì chuyển tiền cho Thiệu, tòa đại sứ Hoa Kỳ được lệnh hoàn tất di tản trong 2 tuần lễ.

Làm nên Chiến thắng Xuân Lộc, Quân đoàn 4, ngoài 1530 đồng chí bị thương, đã có 460 đồng chí, con em khắp mọi miền đất nước vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất cửa ngõ phía đông, không có mặt trong ngày tiến vào giải phóng thành phố Sài Gòn – Gia Định trong sự trông đợi của nhân dân.

Trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975, Chiến thắng Xuân Lộc là một hiện thực sinh động nữa minh chứng cho sự đồng tâm, thống nhất ý chí từ bộ thống soái tối cao tới cơ quan lãnh đạo ở chiến trường, từ cấp chiến lược tới cấp chiến dịch.

Đánh giá về quyết tâm giải phóng Xuân Lộc, Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh kết luận: *“Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh ta có những quyết định rất giỏi: ta không đánh Tây Ninh mà chỉ bao vây kiềm chế... Đánh ngay vào Xuân Lộc để từ đó đánh thẳng vào Biên Hòa và đánh vào phía Nhơn Trạch, tức là phía để đặt pháo và triệt đường chạy qua sông là cách đánh rất giỏi. Đây không phải địch thua mà khen mình, thực ra thì giỏi thật”*².

N.Q.U

⁽¹⁾ Nguyễn Quốc Dũng – *Xuân Lộc, trận đánh lớn và dài ngày trước cửa ngõ Sài Gòn* – Tạp chí Lịch sử Quân sự số 2/1995.

⁽²⁾ Báo cáo sơ kết Chiến dịch Hồ Chí Minh của Đại tướng Văn Tiến Dũng (Bản sao Báo cáo và các bức điện lưu tại Ban Tổng kết – lịch sử Bộ Tổng Tham mưu).

VAI TRÒ CHỈ ĐẠO VÀ CHỈ HUY TÁC CHIẾN, MỘT NHÂN TỐ QUAN TRỌNG GÓP PHẦN LÀM NÊN CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Hải Ngọc THÁI NHÂN HÒA*

Mỗi một chiến công của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam, trong đó có Chiến thắng Xuân Lộc, đều do nhiều nhân tố tích cực tạo nên. Chiến thắng Xuân Lộc (21 tháng 4 năm 1975), vai trò chỉ đạo và chỉ huy tác chiến có vị trí quan trọng góp phần tích cực làm nên chiến thắng vẻ vang.

Chiến dịch Xuân Lộc mở màn vào ngày 9 tháng 4 năm 1975, sau ngày đồng chí Trần Văn Trà, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4¹ đánh chiếm thị xã Long Khánh, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và nhất là mở “cánh cửa thép” ở phía đông để quân chủ lực của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, trước khi mùa mưa bắt đầu.

1. VỊ TRÍ XUÂN LỘC

Xuân Lộc, một vùng xung yếu của địch, thuộc tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 80km về phía đông. Khi quân Mỹ bắt đầu đổ vào miền Nam (1965), tỉnh Long Khánh được thành lập gồm 2 huyện Xuân Lộc và Định Quán. Mỹ – ngụy xây dựng Xuân Lộc – Long Khánh thành khu quân sự lớn, nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của quân ta, và án ngữ phía đông bảo vệ Sài Gòn, đầu não của địch. Sư đoàn 18 ngụy đặt bản doanh tại đây, với căn cứ Trung đoàn thiết giáp 11 của Mỹ ở Suối Râm, bộ chỉ huy Khu 33 chiến thuật, khu sân bay dã chiến, cơ quan cố vấn quân sự Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo Hoa Kỳ. Ngoài ra, địch còn có 36 tua bót quanh thị xã Long Khánh, chi đoàn xe bọc thép và cùng với lính bảo an, biệt kích, cảnh sát, dân vệ trên 1500 tên, luôn o ép quần chúng, đánh phá cách mạng.

Mặc dù bị địch kìm kẹp gắt gao, khủng bố ác liệt, người dân Xuân Lộc không ngừng đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng cuộc sống và đấu tranh chống phá áp chiến lược của địch. Cư dân tại đây quy tụ ngày càng đông, dân số lên tới 30 ngàn người, gồm những người từ miền Bắc, miền Trung vào, cùng với người Châu Ro và các dân tộc ít người khác. Quần chúng nhân dân luôn kiên trì bám trụ tại chỗ, cơ sở cách mạng ngày càng phát triển và hình thành các tổ chức Đảng, Đảng bộ Xuân Lộc đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy làm chủ vùng ven thị xã gồm 4 ấp: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc ở cửa ngõ phía bắc thị xã. Với truyền thống yêu nước và cách mạng, người dân Xuân Lộc luôn hướng về kháng chiến, sẵn sàng đóng góp sức người sức của, thực phẩm và thuốc men... phục vụ chiến đấu làm hậu thuẫn đắc lực cho lực lượng vũ trang chiến đấu trong suốt quá trình

(*) Phó tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

(1) Với sự hiện diện của các đồng chí Hoàng Cầm, Tư lệnh, Phó tư lệnh Bùi Cát Vũ và các đồng chí Nguyễn Như Ý (Năm Chữ), Bí thư Khu ủy Khu 7; Sáu Trung, Thường vụ Khu ủy, họp ngày 2 tháng 4 năm 1975.

chiến dịch.

2. TIẾN CÔNG XUÂN LỘC

Những chiến thắng dồn dập của quân ta trên các chiến trường, nhất là tại chiến trường miền Đông Nam bộ từ Chiến dịch Phước Long – Đồng Xoài đến Bầu Bàng – Dầu Tiếng, đã làm nức lòng quân dân Xuân Lộc – Long Khánh trong giờ phút quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.

Để giải phóng Xuân Lộc, đập tan phòng tuyến thép của Mỹ-ngụy tại chiến trường miền Đông Nam bộ, đêm 8 rạng ngày 9 tháng 4 năm 1975, quân ta triển khai lực lượng chung quanh thị xã: gồm Sư đoàn 6, Sư đoàn 1, Sư đoàn 7, Trung đoàn 95B độc lập của Quân đoàn 4 và phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, huyện Xuân Lộc, thị xã Long Khánh. Các cánh quân của ta bắt đầu tiến công sau những đợt bắn pháo cấp tập vào các mục tiêu địch trong thị xã. Đặc biệt ngày 15 tháng 4, quân ta diệt gọn Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18), lực lượng chủ lực cơ động của Quân đoàn 3 ngụy, thu toàn bộ phương tiện chiến tranh của chúng, giải phóng hoàn toàn Quốc lộ 20 từ ấp Nguyễn Thái Học xuống ngã ba Dầu Giây. Liên tục trong 4 ngày từ 16 đến 19 tháng 4, quân ta nã hàng ngàn quả đạn pháo chính xác phá hủy nhiều công sự của địch trong thị xã. Các cơ sở binh vận của ta ở bên trong cũng liên tục tiến công làm tan rã hàng trăm lính ngụy. Cùng ngày, du kích và nhân dân địa phương được quân chủ lực của ta hỗ trợ vùng lên đấu tranh giành quyền làm chủ các ấp ven thị xã. Nguồn tiếp tế đường bộ của địch tại đây bị hoàn toàn cắt đứt.

Như vậy, sau gần 10 ngày chiến đấu ngoan cường, quân dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi. Nhưng cũng từ đó tình hình chiến trường tại Xuân Lộc – Long Khánh trở nên căng thẳng. Tuy bị thiệt hại nặng, địch vẫn dựa vào công sự và phòng tuyến án ngữ, chống trả ta một cách điên cuồng. Máy bay địch đánh phá ác liệt vào đội hình ta và hủy diệt các mục tiêu của chúng đã mất. Thượng tướng Hoàng Cầm, người chỉ huy ngoan cường và mưu trí, thao lược tại chiến trường sau này đã ghi lại những giờ phút ác liệt ấy: *“Từ phía đông, Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) có 9 xe tăng dẫn đầu tiến công vào hướng chủ yếu, còn cách căn cứ Sư đoàn 18 khoảng 200m, thì bị địch chống trả, 3 trong số 8 xe tăng bị hỏng, nên chỉ chiếm được một phần hậu cứ của Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18). Nhưng trên hướng thứ yếu, từ phía bắc, Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) đã đánh vào thị xã, nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm khu trung tâm thông tin, khu cảnh sát, khu cổ vấn Mỹ. Bị địch phản kích, ta phải dừng lại bên trong sở chỉ huy tiểu khu”*¹. Ông viết tiếp: *“Tại vòng ngoài, các Trung đoàn 270 (Sư đoàn 341), Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đánh bại 2 tiểu đoàn, diệt 7 xe tăng của Chiến đoàn 43, 48 (Sư đoàn 18) từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện, giải phóng ấp Bảo Toàn trên Quốc lộ 1 (đông nam thị xã 3km). Ở khu vực Dầu Giây, Sư đoàn 6 diệt 5 chốt trên đoạn đường từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, thu 2 khẩu pháo 105 mm, buộc Chiến đoàn 52 phải bỏ Túc*

⁽¹⁾ Thượng tướng Hoàng Cầm, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 4 – *Chặng đường mười nghìn ngày*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

Trung kéo về giữ ngã ba Dầu Giây⁽¹⁾. Ông còn nêu rõ: “*Diễn biến nói chung là khích lệ, nhưng hướng tiến công chủ yếu gặp nhiều khó khăn, chưa đột phá được mục tiêu. Ngay Sư đoàn 7 của Quân đoàn 4 đã đưa lực lượng dự bị là Trung đoàn 141 và một tiểu đoàn cao xạ 37 ly, một tiểu đoàn 57 ly vào chiến đấu, liên tiếp đột phá từ hướng bắc xuống phối hợp cùng Trung đoàn 165 từ hướng đông đánh vào căn cứ Sư đoàn 18 nguy, nhưng đều bị địch phản kích quyết liệt, kể cả các khu vực thị xã*”⁽²⁾.

Theo Thượng tướng Hoàng Cầm nhận xét: “*Một trận đánh gay go quyết liệt chưa từng gặp từ trước tới nay. Ta tung lực lượng dự bị vào chiến đấu mà tình hình vẫn chưa thấy sáng sủa, trái lại còn bị tổn thất đáng kể*” (Sư đoàn 7 bị thương vong 300 cán bộ, chiến sĩ. Sư đoàn 341 bị thương vong 1200. Chín xe tăng đưa vào chiến đấu bị địch bắn cháy 3, hỏng 3. Pháo 85 ly và 57 ly hỏng gần hết)⁽³⁾.

Vào thời điểm này, địch quyết giữ Xuân Lộc, vì nó được ví như tấm lá chắn cuối cùng quyết định số phận nguy quân, nguy quyền tại chỗ. Tướng Uýen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã lệnh cho quân nguy: “*Phải giữ cho được Xuân Lộc, vì mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”. Chính vì vậy mà địch đã dồn lực lượng lớn tương đương 2 sư đoàn bộ binh nguy để phòng giữ. (phòng thủ Xuân Lộc gồm Sư đoàn 18, một tiểu đoàn biệt động quân, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân, 42 khẩu pháo, trong đó có 2 pháo 175 mm có tầm bắn trên 20km).

3. CHUYỂN HƯỚNG TIẾN CÔNG

Trước tình hình đó, Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và Tư lệnh Miền Trần Văn Trà qua điện thoại, đã động viên khích lệ và có ý kiến chỉ đạo kịp thời. “*Như được tiếp thêm sức, đầu óc bớt căng thẳng, lòng tin được củng cố*”, Thượng tướng Hoàng Cầm đã nói lên cảm nghĩ chân thành đó và ông đã ghi lại: “*Cùng với ký ức về Chiến dịch Biên giới Việt – Trung năm 1950 (giải phóng thị xã Cao Bằng nhưng không đánh vào thị xã, mà chọn điểm Đông Khê cách Cao Bằng gần 50km về phía nam để tiến công, buộc quân đồn trú Cao Bằng phải rút lại); với những kinh nghiệm đánh Mỹ ở chiến trường Đông Nam bộ từ 1965; và cuối cùng là chỉ thị của anh Văn Tiến Dũng, đã bật dậy trong tôi cách đánh mới: tập trung lực lượng đánh chiếm khu vực ngã ba Dầu Giây và Núi Thị, đồng thời uy hiếp sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn 3 nguy đặt tại Trảng Bom, đánh địch ở Biên Hòa, Trảng Bom nóng ra phản kích; pháo kích không chế mạnh sân bay Biên Hòa, đẩy địch ở Xuân Lộc hoang mang bối rối, hỗn loạn vì chúng bị cắt đứt với “hậu phương” và bị bao vây cô lập từ nhiều phía, thừa thắng tiến công giải phóng thị xã*”⁽⁴⁾.

Từ đó trở đi, theo Thượng tướng Hoàng Cầm: “*Quân đoàn đang triển khai lực lượng theo ý định mới thì anh Trần Văn Trà đến với Bộ Tư lệnh Quân đoàn,*

(1) Như trên.

(2) Thượng tướng Hoàng Cầm, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 4 – *Chặng đường mười nghìn ngày*. Sdd.

(3) Như trên.

(4) Thượng tướng Hoàng Cầm – *Chặng đường mười nghìn ngày*. Sdd.

bàn bạc thay đổi cách đánh, tháo gỡ khó khăn. Anh Trần Văn Trà chỉ rõ: đánh vỗ mặt vào Xuân Lộc lúc này là không có lợi. Việc chuyển hướng đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, bao vây cô lập Xuân Lộc để mục đích cuối cùng là tiêu diệt địch, giải phóng Xuân Lộc là hoàn toàn đúng và có điều kiện thực hiện. Vì địch ở khu vực Dầu Giây yếu và bị bất ngờ. Nếu Dầu Giây bị ta đánh chiếm thì Xuân Lộc tự nhiên mất hết các tác dụng của một cứ điểm then chốt vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi, Quân đoàn 3 lo sợ vì bị kẹt một lực lượng lớn ở ngoài tuyến. Tuy nhiên chúng ta không được lơ lửng với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ, có kế hoạch sẵn sàng tiêu diệt khi chúng phản kích ra hướng Dầu Giây, hoặc rối loạn rút chạy theo hướng Bà Rịa rồi cụm lại tại Biên Hòa¹.

Trong thời gian quân ta chuyển hướng mũi tiến công, không có trận đánh lớn xảy ra tại trung tâm thị xã². Địch chủ quan, hí hửng cho rằng: “*Việt Cộng đã hết hơi*”. Nào ngờ tại hướng Dầu Giây – Núi Thị, Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 đồng thời nổ súng, Mỹ – ngụy tại Xuân Lộc – Long Khánh hoảng loạn, bị động trước đợt tiến công dũng mãnh của quân ta. 2 chiến đoàn 43, 48 thuộc Sư đoàn 18 ngụy bị ta đánh tan và diệt một phần Lữ đoàn 1 dù. Trong khi đó, ngã ba Dầu Giây và đoạn cuối cùng của Quốc lộ 20 (từ Túc Trưng đến Kiệm Tân) được giải phóng. Quân ta đã lập tuyến phòng thủ vững chắc ở khu vực này, tổ chức đánh bại nhiều cuộc phản kích của địch từ Trảng Bom nóng ra, buộc chúng phải ngưng cứu nguy cho Xuân Lộc.

4. GIẢI PHÓNG XUÂN LỘC

Rõ ràng là, địch không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây, lại mất toàn bộ Quốc lộ 20, Biên Hòa trở thành điểm tiền tiêu nhưng không còn mấy lực lượng để phòng thủ. Ngày 18 tháng 4, Quân đoàn 3 ngụy phải dùng trực thăng bốc một lực lượng từ Xuân Lộc về Biên Hòa – Trảng Bom để lập tuyến mới. Và đêm 20 rạng sáng ngày 21 tháng 4, tàn quân địch còn lại ở Xuân Lộc vội vã rút bỏ Xuân Lộc theo đường số 2 qua Bà Rịa trở về Biên Hòa. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của “*Quân lực Việt Nam Cộng hòa*” ở Xuân Lộc sụp đổ tan tành. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 sau lời tuyên bố huênh hoang đã nhanh chân lên máy bay trốn thoát, để lại Xuân Lộc thất thủ, thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn đã tuyên bố từ chức giữa lúc quân dân Xuân Lộc – Long Khánh reo vui mừng chiến thắng. Một chiến thắng mang ý nghĩa lịch sử đối với nhân dân Xuân Lộc – Long Khánh nói riêng, miền Đông Nam bộ và miền Nam nói chung, một chiến công rực rỡ, làm tiền đề tươi sáng cho Chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử.

Chiến thắng Xuân Lộc là kết quả của quá trình đấu tranh cách mạng, kháng chiến kiên cường, chiến đấu hy sinh của quân dân ta trên chiến trường miền Đông

⁽¹⁾ Thượng tướng Hoàng Cầm – *Chặng đường mười nghìn ngày*. Sđd.

⁽²⁾ Tình hình đang thuận lợi, như Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng nói với Tư lệnh Quân đoàn 4 qua điện thoại: Các Quân đoàn 1 và 3 của ta từ Tây Nguyên đang hành quân vào Đông Nam bộ. Quân đoàn 2 đang theo Quốc lộ 1 đã tới Nha Trang, Cam Ranh áp sát Phan Rang.

Nam bộ. Bên cạnh tinh thần yêu nước của quần chúng nhân dân địa phương; đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân và sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Đảng với đường lối chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự cách mạng, trong đó tài thao lược và lòng quả cảm của người chỉ huy tác chiến có ý nghĩa quan trọng, góp phần mang lại chiến thắng vẻ vang: Xuân Lộc hoàn toàn giải phóng!

* * *

Thấm thoát đã 28 năm qua, kể từ ngày Chiến thắng Xuân Lộc (21 tháng 4 năm 1975 – 21 tháng 4 năm 2003). Nhìn lại sự kiện lịch sử vẻ vang, chiến công rực rỡ, tầm vóc lớn lao và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, nổi lên vai trò chỉ đạo và chỉ huy tác chiến, một nhân tố quan trọng góp phần làm nên Chiến thắng Xuân Lộc. Từ thực tiễn sinh động nêu trên, gợi cho chúng ta liên tưởng đến vai trò chỉ đạo và quản lý kinh tế – xã hội hiện nay, đòi hỏi cán bộ phải có trình độ tổ chức và năng lực quản lý giỏi với bản lĩnh chính trị vững vàng và phẩm chất cách mạng trong sáng; đồng thời suy nghĩ về yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng nhân tài có đầy đủ khả năng làm tốt nhiệm vụ được giao, phục vụ sự nghiệp đổi mới, giành thắng lợi mới!

T.N.H

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH MÙA XUÂN 1975 MỘT BIỂU TƯỢNG SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đại tá TRẦN BÍCH*

Chiến dịch tiến công Xuân Lộc (9 tháng 4 – 21 tháng 4 năm 1975) có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần vào thắng lợi hoàn toàn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn – Gia Định, kết thúc vẻ vang sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trên cả hai miền Nam Bắc. Chiến dịch tiến công đó nhằm vào “cánh cửa thép” Xuân Lộc trên hướng đông dẫn tới Sài Gòn. Thắng lợi của chiến dịch này, vì vậy, đã đập tan nỗ lực quân sự cuối cùng của Mỹ-Thiệu khi chúng dồn sức thiết lập tại đây – Xuân Lộc – tuyến phòng thủ vững chắc hòng bảo vệ Sài Gòn từ hướng đông, ngăn chặn cuộc tiến công như vũ bão của chủ lực ta lúc bấy giờ đang nhằm tới Sài Gòn. Thắng lợi đó là thắng lợi của sức mạnh chiến tranh nhân dân Việt Nam trên một địa bàn trọng yếu phía đông Sài Gòn; là kết quả sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa hoạt động tiến công và nổi dậy rộng khắp của lực lượng tại chỗ với quả đấm mạnh của các đơn vị bộ đội chủ lực. Nhân dịp kỷ niệm 28 năm sự kiện lịch sử quan trọng này, chúng tôi muốn đề cập một số nét liên quan tới sức mạnh chiến tranh nhân dân diễn ra trên địa bàn mở Chiến dịch Xuân Lộc.

Chiến tranh nhân dân ở miền Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là sự kế thừa thành quả và kinh nghiệm tích lũy trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được phát triển một tầm cao mới với nội dung và hình thức đấu tranh hiệu quả và rất phong phú. Đó là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện nhằm mục tiêu giải phóng miền Nam, thu non sông về một mối. Lực lượng tiến hành chiến tranh là toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân làm nòng cốt. Phương thức tiến hành cơ bản là kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng và hiệu quả giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy (hay còn gọi là chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực). Một cách tổng quát, có thể thấy rằng, thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không tách rời sự lãnh đạo của Đảng, không tách rời sức mạnh tổng hợp và to lớn của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Những điều đó được biểu hiện ở mỗi một giai đoạn, mỗi một địa bàn, mỗi một vùng đất và mỗi một chiến dịch hay đợt hoạt động của quân dân ta thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Trong Chiến dịch tiến công Xuân Lộc cũng vậy. Đây là một địa bàn mà tại đó trước khi chiến dịch mở màn, cũng như các địa bàn khác ở miền Đông Nam bộ, hoạt động của lực lượng tại chỗ được sự hỗ trợ của chủ lực Quân giải phóng, đã giành được những thắng lợi quan trọng.

(*) Phó viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Trong kế hoạch mùa khô 1974 – 1975 được Trung ương Cục thông qua tháng 10 năm 1974, nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị chủ lực Miền và Quân khu 7 trên chiến trường miền Đông là khẩn trương mở rộng và hoàn chỉnh căn cứ, chuẩn bị bàn đạp tiến công trên các hướng bắc, tây bắc, đông, tây, bao vây và cô lập Sài Gòn để từ tháng 3 năm 1975, cùng toàn Miền, đẩy mạnh tiến công địch. Thực hiện kế hoạch đó, trong đợt 1 (từ ngày 6 tháng 12 năm 1974 đến cuối tháng 2 năm 1975), cùng các địa phương khác trên toàn mặt trận, quân dân huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân vào điều kiện cụ thể, đẩy mạnh tiến công quân địch về quân sự và chính trị, giành những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng. Dựa trên thế trận chiến tranh nhân dân được củng cố, mở rộng trước đó, trong các đêm 9, 12 tháng 12 năm 1974, lực lượng biệt động và trinh sát vũ trang ta đã tập kích vào một số căn cứ, cơ quan đầu não địch đóng trong thị xã Long Khánh, diệt một số sinh lực, đặc biệt là những tên sĩ quan quân đội Sài Gòn. Đêm 11 rạng sáng ngày 12 tháng 12 năm 1974, quân dân Xuân Lộc đã bao vây, bức hàng địch tại đồn Bảo Chánh. Điều quan trọng là các hoạt động tiến công trên đây của quân dân ta khiến cho binh lính, sĩ quan và lực lượng kìm kẹp địch tại địa phương vốn đã hoang mang càng thêm hoang mang, lo sợ. Các hoạt động đó góp phần tạo ra khí thế mới cho nhân dân địa phương, góp thêm kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phương thức tiến công địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh, trên địa bàn mà tại đó, lực lượng quân sự địch còn tương đối mạnh và rất ngoan cố.

Những tháng đầu của mùa Xuân 1975, với khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, quân và dân ta ở khắp miền Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế – Đà Nẵng đã tiêu diệt và làm tan rã 2 quân đoàn (Quân đoàn 2 và Quân đoàn 1), 2 quân khu (Quân khu 2 và Quân khu 1) của địch; giải phóng một vùng rộng lớn, mở ra một cục diện mới, một thời cơ lịch sử mới chưa từng có trong hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ, cho phép chúng ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam...

Về phía địch, sau thất bại nặng nề ở Quân khu 2 và Quân khu 1, chúng dồn về phòng ngự để cố giữ địa bàn còn lại ở cực Nam Trung bộ và Nam bộ thuộc Quân khu 3 và Quân khu 4 của chúng hòng cản bước tiến công của ta, trì hoãn đến khi mùa mưa tới. Chúng gấp rút lập tuyến phòng thủ từ xa ở Phan Rang. Trong khi đó, xung quanh Sài Gòn, một lực lượng tương đối mạnh được chúng bố trí lập tuyến phòng thủ vòng trong nhằm bảo vệ sào huyệt cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Hướng đông, chúng bố trí Sư đoàn bộ binh 18 (sau đó còn tăng thêm), và 4 trung đoàn thiết giáp chặn giữ Quốc lộ 1 và Quốc lộ 15 ở các khu vực Xuân Lộc, Biên Hòa, Long Bình và Long Thành – Bà Rịa. Trên hướng bắc, tây bắc, tây nam Sài Gòn, ở mỗi hướng, một lực lượng tương tự cũng được chúng bố trí, án ngữ các trục đường quan trọng dẫn vào thành phố.

Theo dõi sát diễn biến mau lẹ của tình hình và mọi động thái của địch, trong cuộc họp sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm mở cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn. Trong một loạt bức điện gửi vào chiến

trường, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân đã chỉ đạo sát sao quá trình chuẩn bị mọi mặt cho trận quyết chiến chiến lược này. Trong các bức điện chỉ đạo đó, thị xã Long Khánh và Xuân Lộc luôn được nhắc đến như một mục tiêu có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đập tan lá chắn cuối cùng của địch ở hướng đông, mở đường tiến về Sài Gòn – Gia Định.

Từ đầu năm 1975, với tinh thần chủ động, Hội nghị Khu ủy miền Đông (31 tháng 1 – 8 tháng 2) đã chỉ rõ tầm quan trọng có ý nghĩa chiến lược của thị xã Long Khánh, xem việc tiến công và nổi dậy giải phóng thị xã này *“là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”*. Chính vì thế, ngày 4 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Khu ủy ra nghị quyết, trong đó chỉ rõ: *“Khu ta có khả năng phát động quần chúng khởi nghĩa với tinh thần quần chúng áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu, tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”*. Quán triệt tinh thần chỉ đạo đó, Thị ủy Long Khánh chủ trương sử dụng lực lượng chính trị, binh vận kết hợp với lực lượng mật, bằng vũ khí tự tạo, bức rút, bức hàng địch ở các vùng ven thị xã nhằm chuẩn bị bàn đạp cho chủ lực Quân giải phóng tiến công đập tan tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn – Gia Định của địch. Trước khi Long Khánh, Xuân Lộc trở thành địa danh luôn được nhắc đến trong các bức điện chỉ đạo quá trình chuẩn bị trận đánh quyết định này, Khu ủy miền Đông, Thị ủy Long Khánh đã chủ động, sáng tạo chỉ đạo quần dân địa phương nói trên tiến công và nổi dậy.

Với tinh thần chủ động tiến công, vận dụng sáng tạo phương châm *“ba mũi giáp công”*, bằng trí thông minh và lòng dũng cảm, quân dân Long Khánh đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ. Đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, ta đã giải phóng hoàn toàn 4 ấp vùng ven thị xã là Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc, khiến tinh thần binh lính địch và bọn tay sai đã hoang mang càng thêm hoang mang lo sợ. Cửa ngõ tiến vào thị xã từ phía bắc đã mở, tuyến phòng thủ ven thị xã của địch bị đập tan. Trong khoảng thời gian này, chủ lực ta đẩy mạnh tiến công địch trên các hướng. Riêng tại Bình Tuy – Long Khánh, từ đêm 15 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 6 kết hợp với lực lượng địa phương nổ súng tiến công các mục tiêu trên lộ 3 – đoạn từ Gia Ray đến Võ Đắc, đánh chiếm ngã ba Ông Đồn, đồi 52 Long Khánh; phát triển tiến công tiêu diệt hệ thống đồn bót từ khu vực Suối Cát đến căn cứ 3 Long Khánh, giải phóng Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Cát đến Rừng Lá dài 50km, cắt đứt tuyến giao thông huyết mạch nối giữa miền Trung với Biên Hòa, Sài Gòn. Như thế, cùng với thắng lợi của chủ lực ta ở Quốc lộ 1, lộ 3, việc giải phóng vùng ven đã tạo ra một hành lang siết chặt Long Khánh, tạo điều kiện cho chủ lực ta áp sát thị xã quan trọng này. Thắng lợi của chủ lực Quân giải phóng và lực lượng tại chỗ trên hướng đông Sài Gòn nói chung, của quân dân Long Khánh nói riêng, rõ ràng, là một trong những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi mệnh lệnh ngày 2 tháng 4 năm 1975 của Quân ủy Trung ương: *“Tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay Sư đoàn 18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa”*.

Sức mạnh chiến tranh nhân dân với hai phương thức tiến công của lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ chẳng những tạo ra vùng giải phóng rộng lớn, tạo bàn

đạp xuất phát tiến công lợi hại nhằm vào các mục tiêu bên trong thị xã mà trên thực tế, sự kết hợp giữa hai phương thức, hai lực lượng đó là sức mạnh đảm bảo cho Chiến dịch Xuân Lộc giành thắng lợi.

Khi các đơn vị chủ lực Quân giải phóng tiến công các mục tiêu chủ yếu thì Tiểu đoàn 445 tinh cùng lực lượng tại chỗ đánh chiếm Quốc lộ 1, đánh bại các đợt phản kích sau đó của địch, giữ vững bàn đạp, duy trì thế đứng phía đông, bắc cho chủ lực ta. Thừa thắng, trong các ngày 11, 12 và 13 tháng 4, Tiểu đoàn còn tiến lên bao vây căn cứ Núi Thi, giải phóng cao điểm 309 Nam Hà và cùng lực lượng tại chỗ giải phóng Bình Phú, Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm. Tại xã Bảo Bình, du kích và nhân dân địa phương nổi dậy buộc địch phải rút chạy. Cho đến ngày 15 tháng 4, phía tây bắc thị xã, thế làm chủ các ấp vùng ven của địch bị đập tan. Trong khi đó, bám sát các mũi tiến công của chủ lực Quân giải phóng, lực lượng tự vệ mật, dưới làn mưa đạn địch, đã dũng cảm lao lên cầm cờ ở các mục tiêu đã chiếm; tham gia tải thương, cung cấp lương thực, nước uống cho bộ đội và tích cực truy lùng bọn tề điệp, ác ôn. Đồng thời, các cơ sở binh vận của ta kịp thời lợi dụng lúc tinh thần binh lính, sĩ quan địch dao động, hoang mang đã đẩy mạnh hoạt động, làm tan rã hàng trăm tên.

Trước và trong chiến dịch, sự tham gia chủ động, tích cực và hiệu quả của nhân dân các địa phương trên địa bàn diễn ra chiến dịch thực sự là chỗ dựa vững chắc, là nguồn động viên to lớn cho cán bộ, chiến sĩ ta. Những vùng giải phóng mới được mở ra, những khu vực ém quân, những bàn đạp tiến công lợi hại xung quanh thị xã được bảo vệ vững chắc và phát huy tác dụng to lớn một phần quan trọng là nhờ ở lòng dân, ở sức dân, ở sự tham gia tích cực và tự nguyện của nhân dân. Với tinh thần tất cả vì thắng lợi, nhân dân đã chuẩn bị hàng trăm tạ lúa, hàng trăm thùng chứa nước dự trữ cung cấp cho bộ đội suốt thời gian diễn ra chiến dịch. Vùng giải phóng, vùng căn cứ bàn đạp được bảo vệ và mở rộng còn là một trong những điều kiện đảm bảo trong thị xã, đánh các đơn vị địch đến phản kích ở vòng ngoài, dùng pháo tầm xa bắn và khống chế chặt chẽ sân bay Biên Hòa... Cuộc chiến đấu nơi đây đã diễn ra cực kỳ ác liệt, trong cơn tuyệt vọng điên cuồng, địch đã dùng máy bay trút hàng ngàn tấn bom (trong đó có cả loại bom ngạt CBU) hòng chặn bước tiến quân ta. Nhưng trước sức tiến công mãnh liệt của quân và dân ta, sức mạnh thần tốc ấy đã đè bẹp sự kháng cự ngoan cố cuối cùng của địch, buộc chúng phải rút khỏi Xuân Lộc, từ bỏ hy vọng cuối cùng duy trì cục diện chiến trường khi mùa mưa đến.

Trong chiến công chung, có phần đóng góp quan trọng của quân và dân Xuân Lộc, Đồng Nai. Bằng sự chủ động, tích cực, anh dũng và mưu trí của mình, quân dân Xuân Lộc, Đồng Nai đã phối hợp nhịp nhàng, kịp thời và hiệu quả với chủ lực Quân giải phóng, tạo nên sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân đập tan phòng tuyến Xuân Lộc, mở “cánh cửa thép” tiến về Sài Gòn. Những chiến công năm xưa của một thời đánh Mỹ, những bài học tích lũy được – bao gồm trong đó bài học về sự vận dụng sáng tạo các phương thức tiến công của chiến tranh nhân dân, chắc chắn đã, đang và sẽ còn là một động lực quan trọng của quân dân Xuân Lộc, Đồng Nai trên bước đường bảo vệ và xây dựng quê hương ngày càng

giàu đẹp.

T.B

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC

CHIẾN THẮNG CỦA SỨC MẠNH TỔNG HỢP

Thiếu tướng PHÙNG ĐÌNH ẤM*

I. TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC

Xuân Lộc vốn là một huyện thuộc tỉnh Biên Hòa cũ, cách Sài Gòn 80km về hướng đông. Năm 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai Mỹ chủ trương điều chỉnh một số địa dư hành chính, chia cắt nhỏ địa bàn, thành lập một số tỉnh mới. Chúng tách Xuân Lộc khỏi tỉnh Biên Hòa và mở rộng địa bàn thành lập tỉnh Long Khánh gồm 2 huyện Xuân Lộc, Định Quán và thị xã Long Khánh. Từ 1966 trở đi, khi quân Mỹ ào ạt đổ vào miền Nam, chúng mở rộng thị xã Long Khánh thành một thành phố quân sự lớn phía đông cửa ngõ Sài Gòn. Chúng xây dựng các căn cứ Trung đoàn thiết giáp 11 Mỹ ở Suối Râm (lộ 2), căn cứ pháo binh Hoàng Diệu, hậu cứ của Sư đoàn 18 bộ binh ngự và các chiến đoàn trực thuộc số 43, 52, 48, bộ chỉ huy Khu chiến thuật 33 và hệ thống sân bay, cơ quan cố vấn Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo CIA... Xây dựng đường hành lang trải nhựa chạy quanh thị xã, tiếp giáp với các ấp, xã vùng ven để thực hiện cơ động phòng thủ và ngăn chặn từ xa sự xâm nhập của lực lượng cách mạng. Mỹ – ngự xem Xuân Lộc như là một cánh cửa phòng thủ từ xa của Sài Gòn, “thủ đô” của Việt Nam Cộng hòa.

Những tháng đầu năm 1975, sau thất thủ Buôn Ma Thuột và cuộc “rút lui chiến lược” tháo chạy hỗn quan hỗn quân rời bỏ Tây Nguyên và lần lượt các tỉnh ven biển miền Trung bị quân giải phóng đánh chiếm, tinh thần ngự quân ngự quyền Sài Gòn hoang mang cực độ, ngự cơ sụp đổ của chế độ ngự Sài Gòn là điều không thể tránh khỏi. Ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Mỹ Uýen và Martin, đại sứ Mỹ tại Sài Gòn cùng một phái đoàn quân sự quan trọng của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu vãn tình hình ngự ngập của tay sai, Uýen quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang (Ninh Thuận) nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm chốt ở phía đông, cùng với Tây Ninh là chốt ở phía tây, hòng ngăn chặn bước tiến như vũ bão của quân giải phóng. Đánh giá tầm quan trọng của phòng tuyến Xuân Lộc, Uýen đã nhấn mạnh với các tướng lĩnh quân ngự Sài Gòn là “giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Và, ngay trong ngày 28 tháng 3 năm 1975, Uýen cùng Cao Văn Viên tức tốc bay ra Xuân Lộc để quan sát và chỉ huy xây dựng phòng tuyến cực kỳ quan trọng này. Báo chí phương Tây cũng nhận định rùm beng, cho rằng “Xuân Lộc là chiếc ốc xoáy cuối cùng, quyết định số phận của thành phố Sài Gòn...”.

Do tầm quan trọng có tính chất chiến lược đối với tuyến phòng thủ, với niềm hy vọng kéo dài ngày hấp hối của chế độ Sài Gòn, ngự quân ngự quyền đã dốc sức chi viện cho Xuân Lộc, để tìm một giải pháp khả dĩ có thể tồn tại, không đến nỗi mất hết và sụp đổ hoàn toàn. Chúng tăng cường lực lượng, phương tiện chiến

(*) Hội Cựu Chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

tranh những gì có thể tăng cường được. Huênh hoang về sự vững chắc của tuyến phòng thủ Xuân Lộc, viên tướng ngụy Lê Minh Đảo đã tuyên bố: “Tôi sẽ cùng quân lính giữ thị xã này bằng bất cứ giá nào!”.

Trong lúc Mỹ-ngụy tập trung sức xây dựng phòng tuyến Xuân Lộc thành “cánh cửa thép” ở đông Sài Gòn, thì về phía ta, đập tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc cũng trở thành một nhiệm vụ có tính chất chiến lược và cấp bách đối với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Những ngày đầu tháng 4 năm 1975, mặt trận Xuân Lộc trở nên nóng bỏng, tập trung sự quan tâm của Bộ Chỉ huy Chiến dịch.

Tiếp theo chiến thắng giải phóng Tây Nguyên và các tỉnh ven biển miền Trung, chấp hành sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho toàn quân: *“1. Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ, từng phút xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng. 2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ”*. Mệnh lệnh do Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký tên, phát đi ngày 7 tháng 4 năm 1975 và được phổ biến nhanh chóng đến từng cán bộ, chiến sĩ đã tạo thành sức mạnh không gì địch nổi. Để thực hiện nhiệm vụ và mệnh lệnh nói trên, việc mở mặt trận tấn công và đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Xuân Lộc, mở toang cái gọi là “cánh cửa thép” của địch, đánh thẳng vào Sài Gòn, hang ổ cuối cùng của Mỹ – ngụy đã trở thành nhiệm vụ nặng nề, cấp bách của quân dân B2, quân dân miền Đông Nam bộ. Trải qua 11 ngày đêm chiến đấu kiên cường và sáng tạo của quân và dân ta, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc đã bị đập tan và hoàn toàn sụp đổ.

Chiến thắng Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh đã mở ra cục diện mới của chiến trường miền Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực tiếp tục tấn công thẳng vào Sài Gòn, chẳng những có ý nghĩa lịch sử đối với quân dân Xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai mà còn góp phần vào thắng lợi chung của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc 30 năm kháng chiến giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

Chiến thắng Xuân Lộc đã dập tắt niềm hy vọng mong manh về sự tồn tại của chế độ Sài Gòn. Tinh thần tư tưởng của quân ngụy quyền hoang mang dao động đến cực điểm. Chỉ vài giờ sau khi mất Xuân Lộc, Long Khánh, tướng Dương Văn Minh đã than thở: “Thế là mất hết rồi! Tình hình tồi tệ quá!”. Ông ta cho rằng “chiếm được Xuân Lộc, Cộng sản đã kiểm soát được một ngã tư quan trọng. Từ đó họ có thể tiến nhanh, sẽ tỏa về phía nam đến Vũng Tàu và về phía tây đến Biên Hòa!”.

Chiến thắng Xuân Lộc là niềm tự hào của quân dân Long Khánh nói riêng và nhân dân ta nói chung và như một điểm son mãi mãi đi vào lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

II. CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC LÀ CHIẾN THẮNG CỦA SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA QUÂN DÂN TA TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY

Làm nên Chiến thắng Xuân Lộc, quân và dân ta đã hy sinh bao xương máu với tinh thần vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quân đội và

nhân dân ta đã chiến đấu kiên cường, đập tan ý đồ phòng ngự chiến lược của địch và chiến thắng, đó là chiến thắng của sức mạnh tổng hợp, của sự hiệp đồng chặt chẽ giữa ba lực lượng quân sự, chính trị, binh vận và ba thứ quân (chủ lực, địa phương và dân quân du kích).

– Để hiệp đồng với toàn Miền trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, từ tháng 12 năm 1974, quân và dân Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đã bước vào hoạt động, bằng sức mạnh chính trị và binh vận của bản thân địa phương mình tấn công địch bằng nhiều hình thức, đẩy chúng vào thế bị động và giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa. Đêm 9 và 12 tháng 12 năm 1974, các đội biệt động Xuân Lộc – Long Khánh và trinh sát thị xã đã đánh vào các căn cứ, cơ quan đầu não của địch, diệt và làm bị thương 111 tên sĩ quan nguy. Đặc biệt đêm 11 rạng 12 tháng 12 năm 1974, bằng ba mũi giáp công, ta đã bức hàng đồn Bảo Chánh, tạo khí thế mạnh mẽ liên tục tấn công địch. Tại hội nghị Khu ủy miền Đông (31-1-1975 – 8-2-1975) đã khẳng định: *“thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”*. Và cũng trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được, Thường vụ Khu ủy miền Đông ra nghị quyết nhấn mạnh: *“Trước tình hình hiện nay, Khu ta có khả năng phát động quần chúng khởi nghĩa với tinh thần quần chúng áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện và chi khu, tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”*.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo trên, Thị ủy Long Khánh hạ quyết tâm: dùng lực lượng ba mũi, chủ yếu là lực lượng chính trị, binh vận kết hợp với du kích mật và phương tiện tự tạo uy hiếp, bao vây, bức hàng địch ở các xã vùng ven, tạo địa bàn cho chủ lực ta tiến công đập tan tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn của chúng.

Với phương thức nói trên, ta đã kết hợp tấn công với kêu gọi vận động địch, ta đã bức hàng và đánh chiếm các đồn Bảo Vinh B, Bảo Vinh A, ấp Suối Chồn, Bình Lộc. Cửa ngõ phía bắc thị xã Long Khánh đã mở, nhiều ấp vùng ven được giải phóng trước áp lực của quần chúng, kết hợp 3 lực lượng quân sự, chính trị, binh vận, tạo địa bàn và điều kiện cho lực lượng Quân khu áp sát thị trấn, thị xã thuận lợi cho Miền quyết định đánh chiếm tiểu khu Long Khánh.

– Từ thắng lợi của sự hiệp đồng chặt chẽ giữa quân sự và chính trị, lực lượng chính trị và binh vận của quần chúng càng phát triển và phát huy hiệu lực. Điển hình là tại Bình Lộc, ở đây dân số có trên 1000 người (trong đó có 700 người là dân tộc Hoa, Nùng) là ấp có truyền thống đấu tranh kiên cường và cũng là nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch sau Hiệp định Pari 1973. Tại đây ta có 3 chi bộ, 19 đảng viên với 212 cơ sở cách mạng vừa hoạt động bán công khai vừa bí mật, nhưng về vũ trang ta chỉ có 3 bệ phóng 105 mm và vài khẩu B40. Ta đã chủ trương sử dụng lực lượng chính trị và binh vận làm mũi đột phá tấn công địch, kết hợp quần chúng dùng máy cày giả xe tăng để hù dọa và phát loa kêu gọi binh lính địch, tổ chức nghi binh, cho quần chúng “tản cư ngược”, loan tin quân giải phóng kéo về giải phóng đồn... Vòng vây ngày càng siết chặt. Bọn địch trong đồn căng thẳng, dao động hoang mang, cuối cùng 2 đại đội bảo an đã bỏ đồn lên lút chạy,

quần chúng nổi dậy phá tan lô cốt, hàng rào kẽm gai. Bọn địch thất thủ từ Bình Lộc chạy về, gây tác động hoang mang dây chuyền làm sụp đổ tinh thần binh lính ngụy, khí thế quần chúng càng lên cao.

Song song với thắng lợi của mũi tấn công chính trị, binh vận và lực lượng quân sự địa phương, mũi tấn công quân sự của quân chủ lực đã tấn công thẳng vào trung tâm thị xã Long Khánh, như quả đấm thép đập tan tuyến phòng thủ của địch.

Đêm 9 rạng sáng 10 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch mở màn do lực lượng Quân đoàn 4 gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 1 (Sư đoàn 341 cũ) và Sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7 (sau được tăng cường Trung đoàn 95B chủ lực của Bộ, tiến đánh vào Xuân Lộc, thị xã Long Khánh). Cuộc tấn công dũng mãnh đã chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã bằng nhiều mũi, nhanh chóng phát triển vào trung tâm. Đến 7 giờ 40 ngày 10 tháng 4 năm 1975, ta đã cắm cờ trên nóc dinh tỉnh trưởng và làm chủ một loạt các căn cứ, vị trí khác như ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, khu tình báo CIA, khu biệt động, nhà ga xe lửa... Địch còn giữ được tiểu khu quân sự, nên tập trung 2 trung đoàn của Sư đoàn 18, củng cố tàn quân của các tiểu đoàn bảo an, biệt động và thiết giáp để cố thủ và liên tục phản kích. Ngay trong ngày 10 tháng 4 năm 1975, địch đã dùng trực thăng đổ bộ Lữ đoàn dù xuống ven thị xã để chi viện gấp và giữ tinh thần cho Sư đoàn 18. Cho đến ngày 15 tháng 4 năm 1975, chúng đã điều về đây thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 5, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng thiết giáp. Như vậy, chúng đã sử dụng ở đây đến 50% chủ lực, cỡ 60% pháo, gần hết xe tăng thiết giáp của Quân đoàn 3 và tương đương 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị dù và thủy quân lục chiến chỉ trong mấy ngày đầu chiến sự diễn ra. Về không quân chúng sử dụng mật độ cao, chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích của bộ binh và thiết giáp của chúng, đồng thời oanh tạc dữ dội những nơi ta đã chiếm, đánh thẳng vào đội hình ta ở tuyến hậu cần tiếp tế phía sau của ta, kể cả dùng đến loại bom phát quang và sát thương hàng loạt gọi tắt là CBU-55 là loại bom có uy lực mạnh nhất lúc bấy giờ.

Tình hình trên đã làm cho chiến sự kéo dài, địch có gây cho các lực lượng ta một số thương vong, một số vị trí giành đi giành lại nhiều lần. Niềm hy vọng của địch lúc này là làm sao giữ vững được phòng tuyến Xuân Lộc để tạo một thắng lợi tâm lý về “khả năng chiến đấu” của quân đội Sài Gòn, để mong được Mỹ tin tưởng và viện trợ tối đa, về phía Mỹ cũng mong ngụy trụ được Xuân Lộc để có cái gì còn lại có thể mặc cả trong một cuộc đàm phán nếu có...

Chiến sự ở Xuân Lộc ngày càng căng thẳng, nhưng tinh thần chiến đấu của quân dân Xuân Lộc ngày càng tỏ ra kiên cường phi thường. Mặt trận Xuân Lộc có khó khăn nhưng quân dân Xuân Lộc đứng trước thế quân ta đang đập lên đầu thù, toàn miền Nam đang tấn công địch như vũ bão ở khắp hầu hết các mặt trận, các địa phương. Ở phía bắc, tuyến phòng thủ Phan Rang tiếp tục bị phá vỡ, ở phía tây các lực lượng chủ lực ta đã áp sát Sài Gòn, các lực lượng chính trị binh vận của quần chúng tiếp tục tấn công địch từ nhiều hướng, đặc biệt là trong hàng ngũ gia đình binh sĩ ngụy. Các cơ sở binh vận của ta ở bên trong đã vận động, tung tin tác

động làm rệu rã tinh thần binh lính địch, làm tan rã hàng trăm tên.

Trong cơn hấp hối, bọn địch ngoan cố chống cự, Xuân Lộc trở thành điểm nóng của chiến trường B2 lúc bấy giờ. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Miền rất quan tâm đã chỉ thị Quân đoàn 4 rút kinh nghiệm và cử đồng chí Trần Văn Trà là Tư lệnh Quân giải phóng Miền và là Phó tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn xuống trực tiếp chỉ đạo tác chiến. Xuất phát từ nhận định Xuân Lộc chỉ có thể cô thủ khi được nối liền với Biên Hòa, nên ta đã thay đổi cách đánh từ tiến công thẳng vào thị xã chuyển sang đánh các lực lượng mới tiếp viện đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích.

Chính sự thay đổi cách đánh đầy sáng tạo và chủ động tích cực tấn công địch ấy đã tạo ra sức mạnh mới cho quân ta. Thực hiện quyết tâm mới, đêm 13 rạng 14 tháng 4 năm 1975, lực lượng Quân đoàn 4, Sư đoàn 6 Quân khu 7 đã tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 52 của Sư đoàn 18 và 1 tiểu đoàn thiết giáp, giải phóng ngã ba Dầu Giây, cắt đường Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, làm chủ đoạn cuối của Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây. Tiếp theo ta đánh chiếm Núi Thị, Túc Trưng, Kiềm Tân, tiêu diệt quân phản kích từ Trảng Bom ra. Hai chiến đoàn 43 và 48 của Sư đoàn 18 nguy cùng với lữ đoàn thiết giáp bị đánh thiệt hại nặng. Bộ đội địa phương và du kích kết hợp với lực lượng quân chúng tiếp tục tấn công diệt và bức rút một số đồn bót địch trên các trục đường giao thông và ven thị xã.

Không chiếm lại được Dầu Giây, Xuân Lộc – Long Khánh bị cô lập với Biên Hòa, lực lượng bị tổn thất nặng, trước nguy cơ bị bao vây, bị tiêu diệt và sức uy hiếp của lực lượng quân chúng tại chỗ và của cánh quân lớn của ta từ phía đông mới tới, đêm 20 rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, toàn bộ quân địch phải rút chạy khỏi Xuân Lộc, cái gọi là “cánh cửa thép” Xuân Lộc đã bị đập tan.

Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần của nguy quân nguy quyền thêm suy sụp. Chiến thắng Xuân Lộc mãi mãi đi vào lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, đó là chiến thắng của sức mạnh tổng hợp của cả nước, của cả ba lực lượng quân sự, chính trị và binh vận, của ba thứ quân (du kích, địa phương, chủ lực) và của nghệ thuật quân sự, của trí tuệ Việt Nam.

P.Đ.A

SƯ ĐOÀN 7 TRONG TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – GIẢI PHÓNG TỈNH LONG KHÁNH MÙA XUÂN 1975

Trung tướng LÊ NAM PHONG*

Tôi cũng như nhiều đồng chí khác gần 50 năm trực tiếp tham gia chiến đấu trên các chiến trường, làm nhiệm vụ Quốc tế, xây dựng đơn vị đáp ứng với tình hình trong mỗi giai đoạn lịch sử. Nay trở về cuộc sống đời thường nhưng mỗi lần nhớ lại những kỷ niệm trong chiến tranh tôi lại có những cảm xúc khó quên; nhất là những trận đánh mang dấu ấn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975. Sau 28 năm đất nước được giải phóng, hôm nay tôi có dịp trở về mảnh đất chiến đấu năm xưa để ôn lại những chiến công mà quân và dân ta giành được; tôi cảm ơn Tỉnh ủy – Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các đơn vị đồng tổ chức Hội thảo “Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh” và trong dịp này tôi xin bày tỏ một số suy nghĩ của mình trong trận chiến đấu Xuân Lộc.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Xuân Lộc – Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm “bình định”, cũng là một điểm phòng thủ có ý nghĩa chiến lược của Mỹ – ngụy ở miền Đông Nam bộ. Từ sau Hiệp định Pari, vị trí Xuân Lộc – Long Khánh được chế độ ngụy Sài Gòn tiếp tục tăng cường củng cố, tạo lập vành đai bao quanh Sài Gòn. Nhưng sau hàng loạt thắng lợi của quân và dân ta trong giai đoạn mùa khô 1974 – 1975 và nhất là khi cuộc tổng tiến công mở ra trên các chiến trường thì thế và lực của ta đã có những bước phát triển đột biến.

Trên chiến trường Tây Nguyên – Huế – Đà Nẵng, Quân đoàn 1 và 2 ngụy đã bị ta đập tan, quân địch lâm vào thế bị động, chế độ tay sai phản động ở Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Uýen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, cùng Martin, đại sứ Mỹ ở Sài Gòn và phái đoàn cao cấp Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy chế độ bù nhìn. Tướng Uýen trực tiếp tới Xuân Lộc thị sát chỉ đạo xây dựng một tuyến phòng thủ mới kéo dài từ thị xã Phan Rang qua Xuân Lộc tới Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc được coi là “cánh cửa thép” nhằm ngăn chặn ta khi tiến công vào Sài Gòn. Uýen nhấn mạnh: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Với tầm quan trọng “sống còn” như vậy nên ngay trong ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Uýen cùng tướng Cao Văn Viên, Tham mưu trưởng quân ngụy bay lên Xuân Lộc chỉ huy việc xây dựng tuyến phòng thủ. Cùng với tăng cường củng cố hệ thống công sự vững chắc, quân ngụy đã tập trung ở đây các đơn vị tinh nhuệ thiện chiến nhất của Quân đoàn 3 ngụy như Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù số 1, Tiểu đoàn 7 biệt động quân, Lữ đoàn 3 thiết giáp... Tướng Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 cùng Tổng thống “Việt Nam cộng hòa” Nguyễn Văn Thiệu hứa với quan thầy Mỹ “dù chết chúng tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc”.

Ngày 30 tháng 3 năm 1975, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Quân đoàn

(*) Nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn bộ binh 7.

4 tiến công thị xã Long Khánh. Trong thời gian này, Sư đoàn 7 sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Quốc lộ 20 – Định Quán đang tập trung lực lượng chiến đấu lên hướng bắc giải phóng tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 4 tháng 4, Sư đoàn 7 được lệnh cơ động trở về đội hình tập trung của Quân đoàn phối hợp cùng các lực lượng vũ trang địa phương tiến công vào thị xã Long Khánh.

Mặc dù đường xa (gần 200km), quân số, vũ khí đạn dược chưa kịp bổ sung, phương tiện cơ động bằng cơ giới thiếu, nhưng Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Sư đoàn động viên cán bộ chiến sĩ khắc phục khó khăn, tranh thủ sự chi viện giúp đỡ phương tiện của nhân dân cấp tốc hành tiến về Xuân Lộc. Chiều ngày 7 tháng 3 năm 1975, cơ bản lực lượng của Sư đoàn đã tới vị trí tập kết làm công tác chuẩn bị chiến trường.

Sư đoàn 7 được Quân đoàn giao nhiệm vụ trên hướng chủ yếu tiến công tiêu diệt căn cứ Sư đoàn 18 nguy ở phía đông bắc thị xã, phối hợp với các đơn vị bạn giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh.

Sau hai ngày chuẩn bị, 5 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 7 cùng các đơn vị Quân đoàn 4 và địa phương nổ súng tiến công thị xã Long Khánh.

Trong 3 ngày chiến đấu giằng co quyết liệt (từ 9 đến 11-4-1975) Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 đã tập trung lực lượng quyết tâm mở các đợt tiến công đột phá sâu vào căn cứ Sư đoàn 18 nguy, kết hợp bao vây công kích hậu cứ Chiến đoàn 52, Chiến đoàn 5 thiết giáp và ngăn chặn địch phản kích phía nam thị xã, nhưng đều bị địch ngăn chặn quyết liệt bằng lực lượng bộ binh và các loại hỏa lực. Các mũi tiến công của Sư đoàn phải dừng lại bám trụ, hoặc bị đẩy dần ra vòng ngoài.

Để chống chọi với ta, quân địch đưa thêm lực lượng dự bị chiến lược vào thị xã. Trục thẳng đồ 1 lữ đoàn dù (3 tiểu đoàn), 6 khẩu pháo 105 mm xuống ngã ba Tân Phong tăng cường cho Chiến đoàn 48...

Như vậy, sau 3 ngày chiến đấu, về cơ bản địch vẫn giữ được các khu vực, phòng thủ trên các hướng và tổ chức ngăn chặn có hiệu quả sức tấn công của ta. Sư đoàn 7 đã đưa Trung đoàn 141 (dự bị) cùng một tiểu đoàn pháo hỗn hợp cao xạ 37 và 57 mm vào chiến đấu nhưng vẫn gặp khó khăn. Quân số thương vong cao (hy sinh gần 300 người, bị thương hơn 1000 người). Một số xe tăng, pháo cối hư hỏng nặng.

Từ ngày 12 tháng 4 đến ngày 20 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 7 cùng các đơn vị bạn và địa phương chuyển sang đánh địch vòng ngoài, thực hiện bao vây cô lập thị xã theo quyết định của Bộ Chỉ huy Chiến dịch.

Ngày 14 tháng 4, Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 209 đang bám trụ chiến đấu ở phía trước chưa kịp di chuyển đội hình thì bị hai tiểu đoàn địch bao vây. Anh em đã chiến đấu kiên cường, dũng cảm trong điều kiện mất liên lạc với bên ngoài, quân số thương vong cao, thiếu đạn dược, lương thực hết vẫn bám trụ, đến chiều 18 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn mới giải vây được.

Khi cánh quân phía bắc (nòng cốt là Quân đoàn 2) của ta theo Quốc lộ 1 đập

tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân, ngày 18 tháng 4, cánh quân này tới Rừng Lá phía đông thị xã Long Khánh. Đoạn ngã ba Dầu Giây đi Gia Tân, Gia Kiệm, Túc Trưng ta đã làm chủ, ngăn chặn địch chi viện từ Trảng Bom, Hố Nai, Biên Hòa lên Long Khánh. Quân địch trong thị xã Long Khánh hoàn toàn bị cô lập, mất tác dụng phòng thủ và có nguy cơ bị ta tiêu diệt. Vì vậy đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4 năm 1975, quân địch phải bỏ thị xã rút chạy xuống Bà Rịa theo đường số 2. Sư đoàn 7 tổ chức truy kích nhưng thắng lợi không lớn.

Từ thực tế diễn biến chiến đấu trận Xuân Lộc – Long Khánh của Quân đoàn 4 nói chung, Sư đoàn 7 nói riêng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, có thể rút ra một vài nhận xét:

+ Về tình hình chung: khi ta tổ chức tấn công Xuân Lộc – Long Khánh, quân địch đã ở thế bị đổ vỡ về chiến lược vì ta đã làm chủ hoàn toàn khu vực Tây Nguyên, Bình Trị Thiên và các tỉnh ven biển miền Trung tới Đà Nẵng, Nha Trang. Quân ta trên đà chiến thắng đang thần tốc tiến về chiến trường trọng điểm để giải phóng Sài Gòn. Tinh thần quân nguy đã bị hoang mang sa sút... Tuy nhiên về chiến dịch, chiến thuật cụ thể, do Xuân Lộc – Long Khánh là điểm phòng thủ cốt tử liên quan đến vận mệnh chế độ Sài Gòn nên chúng phải tập trung lực lượng cao với các sư đoàn chủ lực và lực lượng tổng dự bị, huy động tới đa sự chi viện hỏa lực quyết giữ cho được Xuân Lộc. Từ đó ta rút ra rằng: “Địch trong cái mạnh có cái yếu, cái sơ hở” và ngược lại “trong cái yếu chung, địch có cái mạnh”; do vậy việc nghiên cứu đánh giá về địch phải khách quan, tỉ mỉ, chuẩn xác.

+ Khi tổ chức đánh Xuân Lộc, Quân đoàn và Sư đoàn đã chú ý đến hệ thống công sự kiên cố vững chắc và sức phòng thủ của địch ở đây. Nhưng do hạn chế về thời gian và thực hiện ý đồ chiến lược “Thần tốc – táo bạo” của trên, ta đã thực hiện phương án: Sư đoàn 6 (Quân khu 7) đánh địch ở ngã ba Dầu Giây diệt Chiến đoàn 52 nguy; Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 được hỏa lực Quân đoàn và cấp trên chi viện tiến công trực tiếp mãnh liệt nhằm phá vỡ tuyến phòng thủ then chốt “cánh cửa thép” của Mỹ – nguy nhanh chóng làm chủ và giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh tạo thuận lợi cho cánh quân phía đông bắc từ miền Trung vào tập kết lực lượng đánh trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Thực hiện phương án này để thực hiện ý định chiến lược là tốt; nhưng ta sử dụng lực lượng không đủ mạnh, cách đánh chưa phù hợp nên hiệu suất chiến đấu kém.

+ Về ưu điểm: cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 7 đã quán triệt nghiêm túc tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương là: “Thần tốc – táo bạo – bất ngờ – chắc thắng”, nhanh chóng cơ động lực lượng từ xa về Xuân Lộc tham gia trận đánh trong một thời gian rất ngắn. Trong thực hành tiến công đã xác định đúng quyết tâm, cách đánh: “Liên tục tấn công, mãnh liệt, kiên quyết, bao vây, chia cắt Xuân Lộc” giải phóng thị xã và toàn tỉnh Long Khánh. Khi thấy khả năng dùng lực lượng đột phá để giải phóng Xuân Lộc gặp khó khăn đã chuyển cách đánh mới “đánh địch vòng ngoài, bao vây cô lập gây sức ép địch trong thị xã”. Mặc dù chiến đấu liên tục dài ngày, quân số, vũ khí đạn dược chưa kịp bổ sung nhưng vào trận

Xuân Lộc cán bộ chiến sĩ quán triệt tốt nhiệm vụ, nhanh chóng chuyển biến nhận thức và quyết tâm chiến đấu cao, kiên cường bám trụ, liên tục tiến công địch (kể cả lúc bị địch bao vây). Khi trên thay đổi cách đánh các cấp chấp hành tốt. Có tinh thần đoàn kết hiệp đồng giữa các binh chủng, tin tưởng hỗ trợ lẫn nhau để phát huy sức mạnh chung và từng đơn vị. Động viên nhau khắc phục khó khăn; tận dụng được sự giúp đỡ của nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ... Xuân Lộc được giải phóng, “cánh cửa thép” chốt giữ Sài Gòn ở phía đông của Mỹ – nguy bị đập tan, Sư đoàn 7 cùng các đơn vị Quân đoàn 4 đã góp phần quan trọng, có ý nghĩa chiến lược vào thắng lợi cuối cùng của quân và dân ta trong Chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Tuy nhiên cũng cần thấy rõ những vấn đề thực hiện chưa tốt trong trận đánh Xuân Lộc, đó là:

- Chúng ta đánh giá tình hình địch chưa chính xác. Có phát hiện được ý định, quy luật hoạt động của địch, nhưng chưa theo sát diễn biến cụ thể. Thấy địch chống trả ta quyết liệt thì coi là địch mạnh mà chưa nhìn thấy hết khả năng chiến đấu, yếu tố tinh thần địch đang hoang mang và thế trận đang bị tan vỡ. Do vậy chưa chủ động vạch phương án và chuẩn bị tinh thần cho bộ đội thực hiện đánh những đòn tiến công, phản kích, truy kích địch giành thắng lợi.

- Chọn thời cơ, lực lượng, hướng tiến công chưa phù hợp. Sư đoàn 7 tiến công trên hướng chủ yếu nhưng lực lượng (cả binh lực và hỏa lực) chỉ bằng, thậm chí ít hơn địch, khi gặp khó khăn không kịp thời chuyển hướng tiến công và cách đánh.

- Yêu cầu tác chiến tập trung cấp quân đoàn có nhiều binh chủng, thời gian chuẩn bị gấp, địch có sự chuẩn bị chủ động phòng thủ và chống trả quyết liệt. Việc vận dụng các hình thức chiến thuật, nghệ thuật chỉ đạo tác chiến, chiến dịch trong thực tế tình hình chưa nhạy bén. Công tác hiệp đồng bảo đảm, công tác tổ chức cơ quan chỉ huy và cán bộ thiếu, do vậy chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ chỉ huy trong quá trình chiến đấu và khi tình huống thay đổi dẫn tới hiệp đồng thiếu chặt chẽ, không kịp thời...

Đây là những suy nghĩ của cá nhân tôi rút ra trong trận đánh Xuân Lộc – Long Khánh cách nay 28 năm của Sư đoàn 7, Quân đoàn 4.

L.N.P

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ CUỘC TIẾN CÔNG GIẢI PHÓNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Đại tá TRẦN XUÂN BAN*

Nhân kỷ niệm 28 năm ngày giải phóng Long Khánh, Biên Hòa, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phối hợp cùng các đơn vị quân đội và tỉnh bạn tổ chức cuộc hội thảo Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975. Chúng tôi là những cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 trực tiếp tham gia chiến đấu trên mảnh đất này 28 năm về trước; nên khi nói về Xuân Lộc là nhắc lại những hồi ức của những năm cảm hứng hào hùng; nhắc lại những kỷ niệm vui buồn đã trở thành dấu ấn lịch sử. Được trở lại Xuân Lộc – Long Khánh lần này, tôi xin cảm ơn Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quân khu 7, Quân đoàn 4 đã tổ chức cuộc hội thảo này để những nhân chứng lịch sử, những cán bộ lãnh đạo đương thời, những nhà khoa học có điều kiện nghiên cứu, trao đổi bổ sung thêm những giá trị thực tế của Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh; đồng thời tìm ra những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, tổ chức chỉ huy, vận dụng nghệ thuật quân sự trong chiến đấu để từ đó có cơ sở giáo dục và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

Cuối tháng 3 năm 1975, trên chiến trường miền Nam, ta đã giải phóng Tây Nguyên, Khu 5 và một phần miền Đông Nam bộ (Dầu Tiếng, Chơn Thành, Bình Long, Định Quán, Lâm Đồng) buộc địch co về hình thành 2 tuyến phòng thủ phía bắc Sài Gòn – Gia Định đó là: tuyến Ninh Thuận – Phan Rang và tuyến Bình Dương – Xuân Lộc. Có thời cơ như vậy, Trung ương hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa 1975.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Miền giao cho Quân đoàn 4 và quân dân tỉnh Long Khánh khẩn trương giải phóng thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh. Ngày 2 tháng 4, Sư đoàn 9 được điều động về Đoàn 232 (tác chiến trên hướng tây nam Sài Gòn).

Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này phải là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố. Ở đây tôi chỉ nêu cái vượt lên trên tất cả để chấp hành mệnh lệnh cấp trên của một số đơn vị bộ đội chủ lực mà Bộ giao cho Quân đoàn 4 chỉ huy trong trận đánh này.

Nếu phân tích về tương quan lực lượng thì ta tấn công địch trong công sự vững chắc ở thị xã, thị trấn mà lực lượng ta không hơn, nhiều hướng, mũi ít hơn địch. Nhưng thế đánh trên tổng thể ta hơn hẳn địch, nếu các đơn vị đã tích cực, kiên quyết, khôn khéo trong hành động theo yêu cầu chiến lược.

Trước hết nói về Quân đoàn 4: Quân đoàn mới thành lập, đây là trận đánh đầu tiên cấp quân đoàn, trong khi trong tay mình chỉ có một sư đoàn bộ binh (Sư

(*) Nguyên Trung đoàn phó Trung đoàn 141, Sư đoàn bộ binh 7.

đoàn 7) và các đơn vị binh chủng là đơn vị gốc đang tác chiến cách Xuân Lộc hàng trăm km. Còn hai sư đoàn là Sư đoàn bộ binh 341 (thiếu 1 trung đoàn bộ binh) đang từ Bắc hành quân tới, tham gia đánh Xuân Lộc là lần ra quân đầu tiên; Sư đoàn bộ binh 6 Quân khu 7 (thiếu 1 trung đoàn bộ binh) chưa đánh tập trung cấp sư đoàn. Toàn Quân đoàn vào trận trong điều kiện gấp, từ xa tới, chưa quen địa hình, thời gian chuẩn bị rất ngắn (8 ngày) nhưng vẫn nỗ lực tấn công đúng kế hoạch; khi địch tăng viện cố thủ (điều các đơn vị chiến đấu của Sư đoàn 18 về căn cứ, điều thêm lữ đoàn dù, lữ đoàn kỵ binh và một trung đoàn bộ binh về các khu vực kế cận thị xã), lực lượng ta bị tổn thất nhiều (thương vong của 2 Sư đoàn 7 và 341 lên tới 1.400 đồng chí), xe tăng, pháo, đạn thiếu, Quân đoàn đã kịp thời chuyển hướng giữ chân địch tại thị xã Long Khánh, bao vây tiêu diệt địch ở vòng ngoài (nhất là việc tập trung tiêu diệt Chiến đoàn 52, cắt đứt Quốc lộ 1) làm cho địch ở Long Khánh hoang mang và phải tháo chạy.

Về Sư đoàn 7: đã qua hơn 20 ngày liên tục chiến đấu đánh địch ở khu vực bắc ngã ba Dầu Tiếng – cầu La Ngà, giải phóng Định Quán, Lâm Đồng, Di Linh và đang trên đường phát triển lên Đà Lạt. Mỗi tiểu đoàn bộ binh chỉ còn trên 100 tay súng, đạn dược, thuốc men thiếu (nhất là pháo, đạn pháo) nhưng khi được lệnh là khẩn trương xốc lại đội hình vào trận đánh Xuân Lộc ngay. Khi địch ở Long Khánh tháo chạy, lại xốc tới xuống đánh địch ở Trảng Bom, Biên Hòa rồi cùng các đơn vị bạn bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Với Trung đoàn 141: khi đánh Định Quán được chuẩn bị khá kỹ. Nhưng khi tấn công giải phóng Lâm Đồng rồi vào đánh địch ở Xuân Lộc là chỉ cán bộ đi trước, bộ đội tiếp theo sau ngay. Đang chuẩn bị tiếp tục đột phá Xuân Lộc, được chỉ thị là toàn Trung đoàn vòng xuống phía nam thị xã. Đang luôn rùng xuống phía nam, được lệnh là một cán bộ trung đoàn cùng Tiểu đoàn 2 đi phá vây cho Tiểu đoàn 8 ngay (Tiểu đoàn 8 – Trung đoàn 209 bị lữ đoàn dù địch vây ngày 17 và 18 tháng 4). Khi địch ở thị xã rút chạy, Tiểu đoàn 3 lại gấp rút hành quân bằng cơ giới theo đường số 2 vào diệt cụm pháo địch ở Suối Râm. 4 giờ sáng, bộ đội chiếm lĩnh xong đang kiểm tra lại lần cuối để phát lệnh nổ súng thì được lệnh, toàn Tiểu đoàn lại lặng lẽ rời khỏi trận địa trở về với đội hình Trung đoàn hành tiến vào đánh Trảng Bom, Biên Hòa.

Đang ở vào thời cơ có một không hai này (về mặt chiến lược) hầu hết các đơn vị ở các cấp từ phân đội nhỏ đến tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn, quân đoàn đều hành động khẩn trương, kiên quyết theo yêu cầu của cấp trên. Cùng với sự hỗ trợ tích cực của Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã làm nên chiến thắng: giải phóng thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh trong thời gian ngắn.

Điểm cần nghiên cứu thêm ở đây là: nếu Quân đoàn tìm hiểu đánh giá địch ở Xuân Lộc – Long Khánh, nơi có vị trí chiến lược (là “cánh cửa thép” của địch ở phía đông bắc Sài Gòn) thật quan trọng này chính xác hơn (ta đánh giá địch hơi thấp). Tạo thêm điều kiện cho các sư đoàn (nhất là Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341) nghiên cứu về địa hình và địch; các đơn vị vừa đánh vừa tích cực khẩn trương nghiên cứu nắm bắt tình hình thì trận đánh diễn ra có thể sẽ nhanh hơn, thắng lợi

giòn già hơn, ta bớt thương vong, tổn thất hơn. Chỉ trong 3 ngày đầu (9 – 11-4) ta chưa đập vỡ được hệ thống phòng ngự của địch ở thị xã mà đã thương vong 1.400 đồng chí (Su đoàn 7: 300, Su đoàn 341: 1.100). Khi địch tháo chạy, nếu nắm và báo cáo được biểu hiện của địch sớm, rõ hơn, cấp phân đội hành động khẩn trương hơn chắc sẽ tiêu diệt, bắt sống được nhiều địch, thu được nhiều xe pháo, tạo cho các trận đánh kế tiếp thắng lợi lớn hơn.

T.X.B

XUÂN LỘC – LONG KHÁNH CUỘC CHIẾN ĐẤU ĐẦY GAY GO QUYẾT LIỆT Ở CỬA NGÕ PHÍA ĐÔNG SÀI GÒN

Đại tá ThS. NGUYỄN NGỌC TRUNG*

Trận tiến công giải phóng Xuân Lộc đã qua đi tròn 28 năm. Những cán bộ, chiến sĩ đã từng tham gia trận chiến đấu ấy giờ đây người còn, người mất. Nhưng những kỷ niệm về trận chiến đấu kéo dài 13 ngày đêm diễn ra đầy gay go, quyết liệt ấy không bao giờ phai mờ trong tâm trí tôi.

Thời ấy bản thân tôi là một cán bộ trẻ được trưởng thành từ chiến đấu, kinh nghiệm chỉ huy còn non nớt, từ một đơn vị bộ đội địa phương tỉnh về đứng chân trong đội hình Sư đoàn 341 – Quân khu 4. Qua huấn luyện thời gian ngắn lại được lệnh khẩn trương cơ động từ Quân khu 4 vào chiến trường miền Đông để bổ sung cho Quân đoàn 4, một binh đoàn chủ lực của Nam bộ, có Sư đoàn bộ binh 7, Sư đoàn bộ binh 9 dày dặn kinh nghiệm trận mạc giúp đỡ, dìu dắt. Từ trận thực tập học hỏi Trung đoàn bộ binh 209 đánh Núi Tròn, cầu La Ngà để làm quen chiến trường, đánh tập trung cấp trung đoàn, càng ngày Trung đoàn 270 càng trưởng thành và khi ở trong đội hình Sư đoàn đảm nhiệm hướng thứ yếu của Quân đoàn tiến công thị xã Long Khánh, trình độ kỹ, chiến thuật của bộ đội, năng lực chỉ huy của cán bộ các cấp đã được nâng lên rõ rệt làm cơ sở cùng Quân đoàn và các binh đoàn chủ lực của Bộ tiến vào Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Với phương châm chỉ đạo “khẩn trương, táo bạo” nhận nhiệm vụ và tiến hành công tác tổ chức chuẩn bị trong thời gian gấp, chiến trường hoàn toàn mới lạ nhưng được sự giúp đỡ của cấp trên, bạn và địa phương, trong trận này khi đi trinh sát thực địa Sư đoàn đã được các đồng chí trong Tỉnh ủy, đồng chí Tư Lặc, Tỉnh đội trưởng và đồng chí Năm Thắng, Bí thư Thị ủy Long Khánh trao đổi tường tận về tình hình các mặt đã tạo thuận lợi rất lớn cho Sư đoàn trong suốt quá trình chiến đấu.

Tuy nhiên, tiến công vào Xuân Lộc, nơi cửa ngõ án ngữ về phía đông Sài Gòn là một mục tiêu kiên cố gồm tiểu khu Long Khánh liên hoàn với căn cứ Sư đoàn 18 ngụy, Xuân Lộc trở thành trọng điểm trong tuyến phòng thủ mới của địch kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo Quốc lộ 1 đánh vào Biên Hòa, Sài Gòn.

Với vị trí quan trọng của Xuân Lộc như vậy, tướng Uýen, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ đã từng cảnh báo với Nguyễn Văn Thiệu và các tướng ngụy rằng: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”.

Xuân Lộc, trận đọ sức của một bên là: quyết định, quyết thắng bằng mọi giá phải mở toang cánh cửa phía đông tạo thuận lợi tiến quân vào Sài Gòn.

(*) Nguyên Trung đoàn phó Trung đoàn 270, Sư đoàn bộ binh 341.

Và một bên: quyết giữ đến cùng như tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngày đã từng thề thốt rằng: “Việt cộng muốn qua Long Khánh thì phải bước qua xác của Đảo này”.

Từ phút đầu, giờ đầu và ngày đầu thực hành tiến công, chúng ta đã áp đảo quân địch.

5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 đã đồng loạt nổ súng tiến công. Pháo binh của Quân đoàn, của Sư đoàn đánh đòn phủ đầu mãnh liệt. Ngay từ những giờ phút ấy, bản thân là người trong cuộc hết sức phấn khởi, tự tin vào kết quả của chiến thắng sẽ sớm đến. Xuân Lộc sẽ được giải phóng.

Tại Sở chỉ huy Sư đoàn 314 ở phía đông ấp Bình Lộc liên tục nhận được tin vui từ Sở chỉ huy phía trước của Sư đoàn do đồng chí Vũ Cao (nguyên là Sư đoàn phó) và các Trung đoàn trưởng Trung đoàn pháo binh 55, Trung đoàn bộ binh 266, Trung đoàn bộ binh 270 báo cáo về.

Đúng giờ quy định, trên hướng Sư đoàn bộ binh 341, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Đại tá Sư đoàn trưởng Trần Văn Trân và Đại tá Chính ủy Trần Nguyên Độ (cả hai đồng chí nay đã mất). Nhân dịp hội thảo, được ôn lại truyền thống của Sư đoàn, chúng tôi lại bồi hồi nhớ đến hai anh với tình cảm biết ơn, khâm phục. Chúng tôi nguyện phát huy truyền thống tốt đẹp của Sư đoàn, của Quân đoàn 4 mãi mãi xứng danh đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Do kết quả hỏa lực chuẩn bị tốt, các mục tiêu trên các cửa mở được cơ bản dọn sạch, tạo điều kiện rất thuận lợi cho hai trung đoàn vượt qua cửa mở, nhanh chóng tổ chức thọc sâu đánh chiếm khu trung tâm.

Sau 3 giờ thực hành tiến công, tại Sở chỉ huy Sư đoàn nhận được tin vui từ trung tâm thị xã báo về: một bộ phận của Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 266 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 270 tiến vào dinh tỉnh trưởng Long Khánh.

Tin đó là thật (do đồng chí Bút, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 270 báo cáo về qua máy vô tuyến điện AN/PRC-25 thu được của địch) nhưng do ta đánh nhanh quá nên Sư đoàn trưởng vẫn lệnh cho Sở chỉ huy phía trước kiểm tra lại, Chủ nhiệm trinh sát Sư đoàn tổ chức một tổ vào tận nơi nắm chắc lại tình hình đồng thời lệnh cho các đơn vị tiếp tục phát triển đánh bại các lực lượng địch phản kích, cho một lực lượng tiến vào cắm cờ Quyết Thắng lên dinh tỉnh trưởng Long Khánh.

Cùng phối hợp với các đơn vị chiến đấu trong trung tâm thị xã, Trung đoàn 270 của Sư đoàn 341 đã thực hành tiến công đánh bại Tiểu đoàn 2 Chiến đoàn 43 từ Núi Thị vào cứu viện cho trung tâm thị xã.

Từ sự phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng, trong ngày 9 tháng 4 năm 1975, đã đem đến kết quả rất khả quan. Chúng ta đã chiếm được những mục tiêu rất quan trọng trong thị xã, buộc Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngày phải bỏ sở chỉ huy chạy ra ngã ba Tân Phong và Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng Long Khánh phải luôn rùng chạy ra Núi Thị.

Ngày 10 tháng 4, cuộc chiến đấu diễn ra gay go hơn, ác liệt hơn. Sau một ngày bị đòn phủ đầu, địch đã tổ chức đưa các lực lượng liên tục phản kích đánh

chiếm lại các mục tiêu đã mất, đẩy các lực lượng ta ra khỏi thị xã. Sư đoàn trưởng Sư đoàn 341 quyết định đưa thêm Tiểu đoàn 6 – Trung đoàn bộ binh 270 cùng Trung đoàn 266 đánh địch phản kích. Tổ chức một lực lượng của Tiểu đoàn 5 – Trung đoàn bộ binh 270 và Tiểu đoàn 7 – Trung đoàn bộ binh 266 đánh chiếm sân bay, 4 lần xung phong đều bị địch đánh bật trở lại. Các mũi tiến công vào trại Lê Lợi, căn cứ Chiến đoàn 43 diễn ra quyết liệt. Ta và địch giằng co, giành giật để chiếm và giữ từng công sự, góc phố. Các lực lượng của ta trong thị xã bị địch chia cắt, có bộ phận bị bao vây cô lập nhưng tinh thần chiến đấu vẫn được giữ vững, nhiều gương chiến đấu dũng cảm được phát huy.

Ngày 11 tháng 4, chiến sự tiếp tục diễn ra giằng co ác liệt ở cả bên trong và ngoại vi thị xã. Địch tăng cường thêm lực lượng để quyết giữ Xuân Lộc.

Đến thời điểm này, nếu tính cả Sư đoàn 18 và các đơn vị đã bố trí từ trước ở Xuân Lộc, địch đã tập trung ở đây gần 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 nguy và lực lượng tổng dự bị tương đương 1 sư đoàn. Không quân từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động với mức độ cao để trực tiếp chi viện cho các lực lượng (cả bộ binh, xe tăng) thực hành phản kích. Có ngày địch đã sử dụng 125 lần máy bay đánh vào đội hình ta. Và như hằng tin Anh đã đưa tin: “Trận đánh hai tuần nay để chiếm Quốc lộ 1 đã trở thành trận độ sức gay go, ác liệt nhất... mất đường này sẽ mở đường cho một cuộc tiến công trực tiếp vào căn cứ không quân Biên Hòa chỉ cách Sài Gòn 29 km về phía đông bắc”. Bằng mọi phương sách để quyết giữ Xuân Lộc, địch đã sử dụng cả bom CBU có sức hủy diệt lớn đánh vào vành đai vòng ngoài của Xuân Lộc nhằm sát thương lớn lực lượng ta, trấn an cho các lực lượng của chúng đang ở trung tâm thị xã.

Qua 3 ngày chiến đấu, Sư đoàn bộ binh 341 đã có 1100 đồng chí bị thương vong, vũ khí trang bị bị mất mát, hư hỏng nhiều, đạn dược bổ sung không kịp thời. Trong lúc chiến sự ở Xuân Lộc ngày càng diễn biến phức tạp, Quân đoàn đã quyết định chuyển thể trận và cách đánh. Ngừng tiến công các vị trí địch ở trong thị xã, để lại một bộ phận giữ vững những bàn đạp đã chiếm, duy trì áp lực thường xuyên lên quân địch trong thị xã, thực hiện các biện pháp nghi binh làm cho địch tin rằng ta đang chuẩn bị lực lượng để đánh tiếp. Nhưng thực chất chúng ta đã chuyển sang lập thể trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa...

* * *

Trận Xuân Lộc kéo dài 13 ngày đêm, có nhiều lực lượng cùng tham gia. Ưu khuyết điểm của trận đánh có nhiều tài liệu đã trình bày. Qua trận chiến đấu đầy gay go, ác liệt này cũng đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm kể cả thành công và khuyết điểm để học tập, rút kinh nghiệm vận dụng cho chiến tranh trong tương lai. Song, để góp một phần nhỏ bé trong suy nghĩ của mình nhìn lại 28 năm về trước, với cương vị là một cán bộ cũ của Sư đoàn bộ binh 341 từng đứng trong đội hình hướng thứ yếu của Quân đoàn 4 trong trận Xuân Lộc, tôi xin mạnh dạn tự nhìn nhận ở góc độ đơn vị mình về những ưu khuyết điểm và một số bài học được rút ra từ trận đánh này.

Về ưu điểm: trận tiến công vào thị xã Long Khánh, Sư đoàn bộ binh 341 đã thể hiện quyết tâm chiến đấu cao, chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ trên giao, tiến hành công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu khẩn trương. Từ công tác tổ chức nắm địch đến xác định quyết tâm, sử dụng lực lượng, tổ chức chỉ huy, biện pháp bảo đảm sát hợp, đáp ứng tình hình thực tiễn của Sư đoàn. Sư đoàn đã chủ động phối hợp với bạn, địa phương; hiệp đồng chiến đấu giữa bộ binh, pháo binh, nhất là pháo đi cùng phát huy có hiệu quả. Vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu, kết hợp giữa tiến công và kịp thời tổ chức ngăn chặn địch ứng cứu, liên tục đánh bại địch phản kích, tổ chức đánh địch co cụm nhanh chóng có hiệu quả. Trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp đã được nâng lên. Kết hợp tốt giữa đánh địch trong thị xã với tích cực đánh địch vòng ngoài. Chủ động bao vây, chia cắt, bẻ gãy các đợt phản kích, tăng viện của địch, từng bước cô lập địch trong thị xã.

Về khuyết điểm: một số ít đơn vị nhận thức về nhiệm vụ, ý nghĩa của trận đánh chưa sâu sắc, quán triệt tư tưởng tích cực, liên tục tiến công tiêu diệt địch chưa cao, tổ chức, chỉ huy, quản lý bộ đội của cán bộ phân đội còn hạn chế, lúng túng trong xử lý tình huống, nhất là khi đánh địch phản kích. Tiến công vào trung tâm thị xã còn đánh lướt, chưa thực hiện được tiêu diệt triệt để quân địch ở từng mục tiêu đã đánh chiếm, chưa dự kiến hết các tình huống, khi địch đổ bộ đường không ở tây nam thị xã, xử trí lúng túng. Cán bộ các cấp quản lý bộ đội chưa chặt, chưa tiết kiệm đạn nên mới đánh được một ngày có đơn vị hết đạn; mất mát vũ khí, trang bị, tổn thất, thương vong lớn.

Mấy bài học kinh nghiệm:

– Tiến công vào thị xã, công tác tổ chức chuẩn bị phải thật chu đáo.

Về tổ chức nắm địch và trinh sát thực địa: Sư đoàn nhận nhiệm vụ trong điều kiện gấp, nhưng đã khẩn trương tổ chức nắm địch, có biện pháp phối hợp chặt chẽ với địa phương, được Tỉnh đội Long Khánh và Thị ủy Long Khánh giúp đỡ, vào tận trung tâm nắm chắc tổ chức bố trí của địch. Trinh sát thực địa chu đáo; Cán bộ từ Sư đoàn trưởng, chủ trì các cơ quan và chỉ huy các trung đoàn, chỉ huy trực tiếp trên các hướng đều được vào tận từng vị trí bố trí, triển khai của bộ binh và hỏa lực. Sư đoàn trưởng đã trực tiếp vào bên trong hàng rào để chỉ đạo các hướng vào sâu trong trung tâm nghiên cứu.

Về chuẩn bị phương án quyết tâm, trên cơ sở dự kiến ban đầu với tình hình thực tiễn về địch và ta lúc bấy giờ; trong đội hình Sư đoàn còn 2 trung đoàn bộ binh. Vừa phải có đủ lực lượng đánh vào trung tâm thị xã, đồng thời phải có một lực lượng thích hợp đánh địch tăng viện từ bên ngoài vào và xử trí các tình huống. Sư đoàn xác định 2 hướng tiến công và hướng vu hồi ở phía nam đồng thời sử dụng lực lượng trên từng hướng trong quyết tâm là hợp với tình hình cụ thể của Sư đoàn lúc bấy giờ. Tuy nhiên, để tập trung sức mạnh vào nhiệm vụ chủ yếu là đánh vào trung tâm thị xã, cũng với lực lượng như vậy, nhưng ngay từ đầu đưa Tiểu đoàn bộ binh 6 nằm trong đội hình Trung đoàn bộ binh 270 trên hướng thứ yếu vừa tập trung được lực lượng đánh địch bên trong, kịp thời đánh bại địch từ Núi Thị vào sẽ có đủ sức mạnh giải quyết nhanh các mục tiêu bên trong, phá được ý định phản kích và co cụm của địch.

– Đánh vào thị xã ở địa hình rừng bằng, Sư đoàn 341 đã vận dụng cách đánh linh hoạt.

Địch phòng ngự ở thị xã Long Khánh gồm nhiều thành phần lực lượng, tổ chức bố trí phòng ngự tương đối liên hoàn tạo thành thế tương đối vững chắc. Ở vòng ngoài gồm các điểm cao có giá trị từ đông sang tây như Núi Tung, điểm cao 202, 262 (Núi Thị), 233 và phía nam là Núi Dô đều có lực lượng địch chốt giữ. Đột phá đánh chiếm được các mục tiêu trên sẽ tạo thuận lợi cho Sư đoàn nhanh chóng phát triển vào trung tâm thị xã. Sư đoàn đã phân tích, đánh giá tình hình các mặt, tổ chức hành quân chiếm lĩnh trận địa xuất phát tiến công, hình thành thế bao vây áp sát địch, tổ chức hỏa lực chuẩn bị mãnh liệt, áp đảo địch ngay từ đầu. Trên các hướng, các mũi nắm đúng thời cơ, đột phá mạnh, tiến công kiên quyết, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu có giá trị chiến thuật ở vòng ngoài. Sau gần 3 giờ tiến công (từ 5 giờ 40 phút đến 9 giờ 30 phút) có bộ phận đã đánh vào dinh tỉnh trưởng Long Khánh. Trên từng hướng tiến công đã vận dụng linh hoạt giữa đột phá với mạnh dạn thọc sâu, như mũi thọc sâu do đồng chí Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn bộ binh 5, sau khi đánh chiếm được điểm cao 233 đã nhanh chóng thọc vào dinh tỉnh trưởng phối hợp với Tiểu đoàn bộ binh 7 làm rối loạn chỉ huy của địch. Ngoài lực lượng vu hồi của Sư đoàn, quá trình tiến công trên từng mũi đã sử dụng các lực lượng nhỏ đánh qua từng lối nhỏ trong thị xã, kết hợp lực lượng du kích vòng vào bên sườn, phía sau đánh từ trong ra làm cho địch lúng túng. Đã kết hợp giữa tiến công đánh chiếm các mục tiêu và chủ động đánh bại phản kích của địch kể cả trong thị xã và từ bên ngoài vào. Đồng thời trên từng hướng đã có biện pháp kịp thời ngăn chặn không cho địch co cụm lớn.

Trong ngày 9 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn đã liên tục tổ chức cho Tiểu đoàn bộ binh 6 và Tiểu đoàn bộ binh 4 đánh bại được Tiểu đoàn 2 địch từ Núi Thị phản kích, vào Tiểu đoàn 233 và Tiểu đoàn 2 thuộc Chiến đoàn 52 từ Gia Tân đánh xuống phía sau đội hình của Sư đoàn, phá tan ý định phản kích của địch, tạo thuận lợi cho các đơn vị ở trong thị xã nhanh chóng đánh chiếm được mục tiêu chủ yếu và một số các mục tiêu quan trọng khác.

– Tiến công đánh vào thị xã có cấu trúc phức tạp, nhiều mục tiêu cần phải đánh chắc và liên tục phát triển, tránh đánh lướt, bỏ sót mục tiêu.

Tiến công của Sư đoàn 341 trong 2 ngày đầu tốt đã làm cho đội hình bố trí của địch bị xáo trộn, chỉ huy Sư đoàn 18 và Tỉnh trưởng Long Khánh phải bỏ sở chỉ huy chạy về phía sau, địch phải điều chỉnh lại lực lượng phòng ngự tại thị xã; buộc địch phải điều cả lực lượng dự bị từ phía sau lên bằng cả đường bộ và đường không.

Tuy nhiên, một số mục tiêu quan trọng khác trong thị xã như khu trung tâm thông tin, khu cố vấn Mỹ bị địch phản kích đánh chiếm lại. Sự phối hợp, hỗ trợ giữa các hướng trong quá trình phát triển thiếu chặt chẽ. Cả Tiểu đoàn bộ binh 7 và Tiểu đoàn bộ binh 5 đều tập trung đánh vào dinh tỉnh trưởng, còn một số mục tiêu quan trọng khác, lực lượng tiến công không đủ khả năng dứt điểm như khu cố vấn, khu CIA. Có những mục tiêu chưa đánh chiếm như lực lượng bố trí của các tiểu đoàn bảo an ở trung tâm.

Mặt khác, khi đánh chiếm được dinh tỉnh trưởng và khu vực nhà thờ đã sử dụng quá nhiều lực lượng vào chốt giữ, chưa tập trung đúng mức vào nhiệm vụ phát triển đánh chiếm các mục tiêu còn lại. Bộ đội chưa có kinh nghiệm lòng sục, chưa tận dụng được kiến trúc trong thị xã (các nhà cao tầng) để quan sát phát hiện địch, chưa tận dụng hết khả năng hỏa lực đi cùng trong quá trình phát triển, còn dựa dẫm chờ hỏa lực của trên chi viện.

Có bộ phận còn đánh lướt, bỏ sót mục tiêu, địch có điều kiện quay lại đánh vào bên sườn đội hình ta đang tiến công, làm tốc độ tiến công vào các ngày sau bị chậm lại.

Tận dụng lúc ta gặp khó khăn, các hướng tiến công phát triển không đều, có một số hết đạn, một số bỏ chạy, địch đã kịp thời tổ chức lại lực lượng (cả ở trong và ngoài thị xã), liên tục phản kích gây nhiều khó khăn cho Sư đoàn.

Trong trường hợp này, nếu sau khi đánh chiếm được khu nhà thờ và dinh tỉnh trưởng, Sư đoàn nhanh chóng chỉ đạo các đơn vị tổ chức lại lực lượng, tăng cường chỉ huy trực tiếp trên các hướng, tổ chức lại hiệp đồng giữa các bộ phận và chỉ sử dụng một lực lượng thích hợp để lòng sục, chốt giữ mục tiêu đã chiếm. Kịp thời động viên bộ đội phát huy tinh thần, khí thế chiến đấu và những gương chiến đấu dũng cảm để tập trung đại bộ phận lực lượng, liên tục phát triển đánh chiếm các mục tiêu còn lại theo nhiệm vụ được giao thì khả năng trong ngày 9 và 10 tháng 4, ta sẽ đánh chiếm và làm chủ hầu hết các mục tiêu, phá được ý định phản kích của địch, tạo thuận lợi cho các ngày tiếp sau, góp phần quan trọng cùng hướng chủ yếu của Quân đoàn nhanh chóng đánh chiếm thị xã Long Khánh và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

– Vai trò của chỉ huy các cấp có tác động trực tiếp đến trận đánh.

Thực tiễn diễn biến trận đánh, ở những thời điểm khó khăn, phức tạp, gay go, ác liệt nhất đã có cán bộ chỉ huy, cơ quan Sư đoàn, chỉ huy trung đoàn, tiểu đoàn đã củng cố lòng tin, xây dựng quyết tâm cho cán bộ, chiến sĩ cấp dưới. Tám gương của đồng chí Chủ nhiệm trinh sát Sư đoàn vượt qua bom, đạn ác liệt để tổ chức các lực lượng trinh sát liên tục bám sát địch, cung cấp kịp thời cho chỉ huy Sư đoàn xử trí tình huống sát hợp. Đồng chí Phó sư đoàn trưởng và Chủ nhiệm chính trị Sư đoàn đến tận đơn vị đang gặp khó khăn để động viên bộ đội.

Trung đoàn trưởng Trung đoàn bộ binh 266 trực tiếp cùng chỉ huy Tiểu đoàn bộ binh 7 chỉ huy đơn vị đánh địch phản kích...

Những tám gương ấy thực sự góp phần quan trọng cho cán bộ các cấp noi theo, củng cố lòng tin, tạo thêm sức mạnh vượt qua gian khó quyết chiến đấu giành thắng lợi.

Tuy nhiên, điểm yếu còn bộc lộ ở một số cán bộ từ đại đội trở xuống, nhất là cán bộ trung đội, tiểu đội chưa phát huy được khả năng chiến đấu của phân đội nhỏ để tổ chức cho từng tổ 3 người, từng tiểu đội tận dụng từng góc phố, các ngõ ngách, những ngã ba, ngã tư, kể cả các đường hào, cống rãnh trong thị xã để bám sát địch.

Trình độ tổ chức, nắm năm đơn vị còn yếu, quản lý quân số, trang bị thiếu

chặt chẽ. Mới chiến đấu trong 3 ngày (từ ngày 9 đến 22 tháng 4) Trung đoàn bộ binh 266 đã để mất gần 50% trang bị các loại, một số chiến sĩ đánh mất hết đạn, bỏ cả vũ khí chạy về phía sau. Các phân đội chưa chịu phối hợp, hiệp đồng chiến đấu trong đội hình Sư đoàn, nhưng khi phát triển chiến đấu các hướng, mũi chưa hỗ trợ cho nhau, từng mũi tự độc lập chiến đấu dẫn tới bị cô lập. Tốc độ tiến công càng về sau càng chậm, tổn thất, thương vong càng lớn. Từ thực tiễn trên cho thấy vai trò rất quan trọng của cán bộ các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ cần chú trọng toàn diện nhất là đội ngũ cán bộ từ đại đội trở xuống, chính bộ phận cán bộ này mới là những người trực tiếp gần gũi đi sát từng chiến sĩ và là người chỉ huy trực tiếp giáp mặt với kẻ thù. Điểm yếu được rút ra ở đây là chưa đầu tư thích đáng trong xây dựng cán bộ cấp phân đội, còn dễ xảy ra nhiều sai sót, phần nào ảnh hưởng đến hiệu suất chiến đấu, dẫn đến tổn thất thương vong còn lớn, vũ khí, trang bị mất mát nhiều; một số chiến sĩ còn thoái thác nhiệm vụ chạy về phía sau.

Tiến công vào thị xã Long Khánh, đảm nhiệm hướng thứ yếu, chiến đấu trong đội hình Quân đoàn, là trận đánh tập trung ở cấp sư đoàn lần đầu của Sư đoàn bộ binh 341. Tuy chưa có nhiều kinh nghiệm trong đánh vào một thị xã ở địa hình đồng bằng với đối tượng địch phòng thủ có quân đông, được chi viện hỏa lực mạnh, Sư đoàn bộ binh 341 đã chủ động chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị lực lượng. Cán bộ, chiến sĩ trong Sư đoàn có quyết tâm cao, chiến đấu trong điều kiện gay go, ác liệt, Sư đoàn đã có những biện pháp tích cực để khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong giai đoạn một từ ngày 9 đến 14 tháng 4 năm 1975, làm cơ sở cho hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trận đánh đã để lại nhiều bài học (kể cả thành công và chưa thành công) trong đó vì thời gian trận đánh kéo dài, ta bị tổn thất thương vong lớn dẫn đến hiệu suất chiến đấu chưa cao là vấn đề cần phải nhận rõ, thấy hết mọi nguyên nhân để khắc phục.

Những bài học được rút ra có thể nghiên cứu, tham khảo vận dụng cho cấp sư đoàn khi tiến công vào đô thị trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai.

N.N.T

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU 7 TRONG TIẾN CÔNG TUYẾN PHÒNG THỦ XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (Từ 9-4 đến 21-4-1975)

Thiếu tướng NGUYỄN VĂN CHIA*

Chiến dịch tiến công Xuân Lộc – Long Khánh tuyến phòng thủ cửa ngõ đông bắc Sài Gòn diễn ra trong thể cách mạng miền Nam đã đạt được những thắng lợi về quân sự, có tính chiến lược quan trọng. Sau chiến dịch Tây Nguyên, các binh đoàn chủ lực của ta tiếp tục phát triển tiến công xuống vùng đồng bằng Khu 5, hình thành thế chia cắt chiến lược tiêu diệt địch ở chiến trường Trị Thiên – Huế – Đà Nẵng và uy hiếp tuyến phòng thủ Phan Rang – Ninh Thuận. Cùng với những thắng lợi ở Tây Nguyên, Khu 5, tại chiến trường Nam bộ tính đến cuối tháng 3 năm 1975, lực lượng vũ trang cách mạng cũng đã giành những thắng lợi to lớn. Sau hai đợt hoạt động mùa khô 1974 – 1975, ta đã đánh bại cơ bản kế hoạch bình định của địch ở đồng bằng sông Cửu Long, giải phóng Bến Cầu, Long Khốt, Đức Huệ, mở thông tuyến hành lang chiến lược từ Đông Nam bộ xuống Khu 8. Lực lượng chủ lực của Miền có sự tham gia của lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân khu 6 đã mở các mặt trận ở Tây Ninh – Dầu Tiếng, Quốc lộ 13 – Bình Long và Định Quán, Di Linh, Đà Lạt. Ngày 13 tháng 3, ta giải phóng toàn bộ chi khu Dầu Tiếng, cắt đứt tỉnh lộ 26, mở rộng vùng giải phóng phía đông nam tỉnh Tây Ninh. Ngày 23 tháng 3, ta thực hành vây ép An Lộc, buộc địch phải rút chạy khỏi An Lộc, Chơn Thành và Bàu Bàng, làm chủ một địa bàn rộng lớn từ thị xã An Lộc đến thị trấn Chơn Thành, uy hiếp địch co cụm tại Lai Khê. Hướng mặt trận Di Linh – Lâm Đồng và Bình Tuy – Long Khánh, ta tiến công liên tục các vị trí địch chốt giữ trên Quốc lộ 20 giải phóng từ La Ngà đến Phương Lâm, Di Linh và phát triển tiến công địch ở Đà Lạt. Ngày 4 tháng 4, địch bỏ Đà Lạt chạy về Phan Rang, toàn bộ địa bàn dọc Quốc lộ 20 từ Định Quán đến Đà Lạt được giải phóng. Hướng hoạt động của Bình Tuy – Long Khánh, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã tiến công làm chủ nhiều xã dọc Quốc lộ 1. Vùng căn cứ hậu phương của ta được nối thông từ đông Quốc lộ 20 xuống khu vực lộ 2 – Bà Rịa. Tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch hướng đông bắc Sài Gòn bị phá vỡ từng mảng lớn.

Để cứu vãn tình thế của chính quyền tay sai trước sự khủng hoảng, tan rã, ngày 28 tháng 3 năm 1975, đích thân Uýen, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ và phái đoàn quân sự đến Sài Gòn chỉ đạo lập tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh hòng ngăn chặn thế tiến công của ta từ hướng đông Sài Gòn. Các chuyên gia quân sự Mỹ cho rằng, Xuân Lộc là cụm “chốt thép cuối cùng để bảo vệ Sài Gòn... mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Từ nhận định đánh giá này, địch đã sử dụng toàn bộ Sư đoàn 18 và tăng cường Thiết đoàn 22 (hơn 100 xe tăng, xe thiết giáp), 2 tiểu đoàn pháo (42 khẩu có 2 pháo 175 mm), 5 tiểu đoàn bảo an, 3 đại đội biệt động, thiết lập một tuyến phòng thủ theo vòng cung từ Bàu Cá – Hưng Nghĩa đến Túc Trưng, ngã ba Ông Đồn, thị xã Long Khánh, Suối Râm và Tân Phong, trong

(*) Tư lệnh Quân khu 7.

đó Xuân Lộc là trung tâm.

Ngày 30 tháng 3 năm 1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 nhận mệnh lệnh tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh, tiêu diệt Sư đoàn 18 và lực lượng địch co cụm phòng ngự tại phòng tuyến, giải phóng thị xã Long Khánh, phá thế phòng ngự của địch trên hướng đông Sài Gòn, tạo điều kiện để các binh đoàn chủ lực cơ động áp sát tuyến phòng thủ Biên Hòa, Long Thành, thực hành bao vây cô lập và tiến công vào thành phố Sài Gòn. Thời gian chuẩn bị chiến dịch chỉ gói gọn trong 7 ngày.

Quán triệt chỉ thị về “thời cơ chiến lược” của Bộ Chính trị và Nghị quyết 15 của Trung ương Cục miền Nam (3-1975): “... *tập trung mọi sức mạnh tinh thần và lực lượng, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của 3 mũi giáp công ba thứ quân, ba vùng chiến lược, nhanh chóng đánh sụp toàn bộ nguy quân, nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo*”, ngay sau khi nhận mệnh lệnh chiến đấu, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Quân đoàn 4 đã huy động mọi nỗ lực khả năng để bảo đảm cho chiến dịch giành thắng lợi. Trực tiếp đồng chí Bí thư Khu ủy đảm nhiệm cương vị Chính ủy chiến dịch, Quân khu đã chỉ thị Sư đoàn 6 và các Tỉnh đội Long Khánh – Bà Rịa, Biên Hòa, Bình Dương, thực hiện phối hợp tác chiến với Quân đoàn 4, nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị là:

- Sư đoàn 6 cơ động từ phía đông Long Khánh về tây Xuân Lộc tiến công tiêu diệt các chốt của địch từ Hưng Lộc đến đèo Mẹ Bồng Con, làm chủ địa bàn dọc theo trục Quốc lộ 1, chặn cắt Quốc lộ 1, đánh địch tăng viện, địch phản kích, tạo điều kiện cho các đơn vị bạn đánh chiếm Xuân Lộc, tiêu diệt địch rút chạy theo Quốc lộ 1 về Biên Hòa.

- Lực lượng vũ trang Long Khánh đảm nhiệm nhiệm vụ trinh sát nắm địch, dẫn đường cho bộ binh và xe tăng của Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 đánh chiếm các mục tiêu bên trong thị xã, vận động nhân dân ủng hộ vật chất, lương thực và tham gia phục vụ bộ đội chiến đấu, tiến hành công tác địch vận, tiếp quản xây dựng chính quyền vùng giải phóng và quản lý tù hàng binh.

- Lực lượng vũ trang Bà Rịa, Biên Hòa, Bình Dương tổ chức các trận đánh phối hợp kìm chân và căng kéo lực lượng Quân đoàn 3 nguy Sài Gòn, tạo thời cơ để quần chúng nhân dân nổi dậy giành chính quyền theo tinh thần nghị quyết của Khu ủy miền Đông các địa phương đứng lên tự giải phóng: “huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã”. Do được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ từ Khu ủy đến các địa phương, đơn vị nên mọi công tác chuẩn bị chiến đấu của Quân khu đã hoàn thành trước ngày 8 tháng 4.

5 giờ 30 ngày 9 tháng 4, Chiến dịch tiến công Xuân Lộc – Long Khánh bắt đầu. Ngay từ khi ta nổ súng đã có hàng trăm đội viên du kích, thanh niên xung phong của thị xã Long Khánh và các xã vùng ven bám sát các đơn vị bộ đội tiếp đạn, tải thương. Đội biệt động thị xã chia thành nhiều tổ trực tiếp dẫn bộ binh và xe tăng của Trung đoàn 3, Sư đoàn 341 đánh chiếm ty cảnh sát, dinh tỉnh trưởng, nhà làm việc của cố vấn Mỹ. 7 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4, Trung đoàn 3, Sư đoàn 341 chiếm khu hành chính và khu chợ của thị xã Long Khánh. Trong lửa đạn bom pháo

ác liệt, các đội viên du kích mật của thị xã Long Khánh vừa tổ chức tiến hành truy bắt tù binh, vừa tổ chức cứu thương, giúp đỡ đồng bào bị hoạn nạn. Cùng thời gian này, hướng tiến công phía tây Xuân Lộc, Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 của Sư đoàn 6 đã đồng loạt tiến công các điểm chốt ở ấp Hưng Lộc, Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ Bồng Con, ta diệt, bắt sống nhiều tên địch, thu hơn 100 súng các loại, có 2 pháo 105 mm, giải phóng Hưng Lộc, Bàu Hàm, cắt chặn đoạn Quốc lộ 1 từ Dầu Giây đến Trảng Bom. Tại hướng phối hợp trên tỉnh lộ 2, Tiểu đoàn 445, Đại đội 207, Đại đội 34 và Đại đội 4, dưới sự chỉ huy của Tỉnh đội Bà Rịa – Long Khánh cũng đồng loạt tiến công địch ở Thới Giao, Cẩm Đường, Đồn điền Ông Quế... ngay trong ngày, Tỉnh ủy chỉ đạo huyện Châu Đức rút cán bộ nhân viên các cơ quan huyện thành lập đại đội bộ đội huyện mang phiên hiệu C41 để tăng cường lực lượng phục vụ chiến dịch và sẵn sàng giải phóng địa phương.

Thực hiện nhiệm vụ căng kéo, kìm chân địch, chia lửa với mặt trận chính ở Xuân Lộc, các địa phương trên địa bàn Đông Nam bộ cùng đồng loạt tiến công nhiều vị trí địch. Ngày 8 tháng 4, Thị ủy Biên Hòa họp ra nghị quyết và hạ quyết tâm giải phóng thành phố Biên Hòa và chỉ thị lực lượng vũ trang thành phố tiến công địch phối hợp với mặt trận Long Khánh. Ngày 9 tháng 4, Thị ủy Vũng Tàu họp hạ quyết tâm tập trung mọi nỗ lực của địa phương giải phóng thành phố Vũng Tàu, trước mắt là đẩy mạnh hoạt động tác chiến phối hợp với Xuân Lộc. Cũng trong đêm 9 tháng 4, lực lượng vũ trang tỉnh Long An phối hợp với Sư đoàn 5 tiến công vào thị xã Tân An, sau đó trụ lại ở vành đai phía tây thị xã đánh địch phản kích. Sư đoàn 9 áp sát phía Đức Hòa, Sư đoàn 3 phía Hậu Nghĩa. Như vậy, ngay khi trận đánh Xuân Lộc – Long Khánh bắt đầu, thì các đơn vị vũ trang của Đoàn 332, Quân khu 7 và các địa phương ở Đông Nam bộ đã kịp thời phối hợp tác chiến ở nhiều địa bàn buộc địch phải đối phó, tạo điều kiện cho hướng mặt trận chính tiến công địch.

Trong những ngày từ 10 đến 14 tháng 4, địch tăng cường một lữ đoàn kỵ binh, 1 lữ đoàn dù, 1 trung đoàn bộ binh và 1 chiến đoàn thủy quân lục chiến có sự chi viện tối đa của không quân thực hiện phản kích nhằm cố giữ phòng tuyến Xuân Lộc. Cuộc chiến đấu trở nên vô cùng ác liệt, các đơn vị của Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 liên tục đột phá nhưng không dứt điểm được mục tiêu. Chính trong những ngày khó khăn này, hoạt động của lực lượng vũ trang Quân khu 7 và các địa phương Đông Nam bộ có tác dụng hỗ trợ, chia lửa rất có hiệu quả. Đêm 14 tháng 4, đơn vị vũ trang Biên Hòa phối hợp với lực lượng pháo binh Miền pháo kích sân bay Biên Hòa, tập kích trường huấn luyện Nước Trong và một số mục tiêu của Quân đoàn 3 địch. Từ ngày 15 tháng 4 đến 18 tháng 4, lực lượng vũ trang Long An phối hợp với Trung đoàn 88, 24 thực hiện đột hoạt động mở mang tạo bàn đạp giải phóng 12 xã thuộc huyện Châu Thành, Cần Đức, Tân Trụ. Một bộ phận của Sư đoàn 5 kết hợp với lực lượng vũ trang Bến Lức, Thủ Thừa mở tuyến hành lang từ Ba Thu về bắc lộ 4, tạo thế chia cắt Quốc lộ 4 cô lập Sài Gòn. Sư đoàn 9, Sư đoàn 3 và lực lượng vũ trang Hậu Nghĩa tiến công nhiều vị trí ở Đức Hòa đưa lực lượng áp sát phía tây Sài Gòn. Những đòn tiến công đều khắp của các địa phương đã gây cho địch nhiều thiệt hại. Trong khi đó, ngày 14 và 15, Sư đoàn 6 và Trung đoàn

95B đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 52 của Sư đoàn 18 và lực lượng của Lữ đoàn 2 dù của địch tại Hưng Nghĩa, Dầu Giây, ta chuyển sang bao vây cô lập thị xã Long Khánh. Ngày 16 tháng 4, Quân khu 6 phối hợp với Quân đoàn 2 giải phóng Phan Rang, ngày 19 tháng 4, giải phóng thị xã Phan Thiết. Trong thế bị bao vây cô lập hoàn toàn, ngày 20 tháng 4 địch buộc phải rút chạy khỏi Xuân Lộc bằng đường không và đường tỉnh lộ 2 về Bà Rịa – Biên Hòa, tuyến phòng thủ Xuân Lộc của địch bị phá vỡ. Ngày 21 tháng 4, ta hoàn toàn làm chủ Long Khánh, thực hiện truy đuổi địch và đưa lực lượng tiến về Biên Hòa. Cuộc tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh kết thúc thắng lợi, ta diệt và bắt 4.839 tên địch (có Đại tá Tỉnh trưởng), bắn cháy 16 xe quân sự, 42 xe tăng, xe thiết giáp, 3 máy bay.

Thắng lợi Xuân Lộc – Long Khánh có ý nghĩa vô cùng quan trọng, ta đã diệt, làm thiệt hại nặng lực lượng nòng cốt của Quân đoàn 3, phá vỡ tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch ở cửa ngõ phía đông Sài Gòn, tạo thế, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực triển khai binh hỏa lực tiến công phá vỡ tuyến phòng thủ cuối cùng Long Thành, Long Bình, Biên Hòa và Tổng tiến công giải phóng thành phố Sài Gòn. Thắng lợi này có sự đóng góp to lớn của lực lượng vũ trang Quân khu 7 và các địa phương Đông Nam bộ. Với những nỗ lực cố gắng cao nhất phát huy sức mạnh của 3 thứ quân, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã kết hợp chặt chẽ với Quân đoàn 4 tiến công tiêu diệt địch tại tuyến phòng thủ, phối hợp căng kéo địch và truy kích đánh địch rút chạy, đồng thời giải phóng được phần lớn tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, thành lập chính quyền cách mạng.

Chiến dịch Xuân Lộc là niềm tự hào, là một minh chứng về ý chí quyết tâm chiến đấu kiên cường và sự chủ động linh hoạt, sáng tạo, nắm bắt thời cơ kịp thời để thực hiện tiến công địch, tự giải phóng quê hương của cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4, Quân khu 7, quân và dân tỉnh Đồng Nai. Thắng lợi Xuân Lộc đã thể hiện sự lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ của Bộ Chỉ huy Chiến dịch trong việc kết hợp giữa tiến công tiêu diệt sinh lực địch của lực lượng chủ lực làm đòn xeo để lực lượng vũ trang địa phương phối hợp tác chiến tổ chức nổi dậy giải phóng địa bàn, xây dựng chính quyền cách mạng. Trước các tình huống khó khăn của quá trình thực hành chiến dịch, Bộ Chỉ huy Chiến dịch nhận định đánh giá chính xác, kịp thời chuyển phương án chiến đấu và cách đánh từ tiến công đột phá địch phòng ngự trong thị xã sang thực hành bao vây cô lập chia cắt địch trong thị xã, tiêu diệt lực lượng ứng cứu, giải tỏa, ép địch phải bỏ chạy khỏi phòng tuyến.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh là kết quả của sự hy sinh to lớn về tính mạng, tài sản, sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ của lực lượng vũ trang Quân đoàn 4, Quân khu 7 và Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Đồng Nai. Những kinh nghiệm về hoạt động lãnh đạo, công tác tổ chức chỉ huy chiến đấu trong Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh có giá trị lớn để cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang Quân khu 7 nghiên cứu học tập áp dụng vào nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu đối phó với các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Hiện nay, trong điều kiện cách mạng mới, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang Quân khu 7 tiếp tục nghiên cứu những kinh nghiệm về lãnh đạo, tổ chức chỉ huy 3 thứ

quân chiến đấu trong tiến công địch phòng ngự để vận dụng vào nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ và tác chiến trong khu vực phòng thủ tỉnh thành, quân khu. Do vậy, những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ huy thực hành chiến đấu tiến công phòng tuyến Xuân Lộc có giá trị thực tiễn cao trong nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu đối với lực lượng vũ trang Quân khu nhằm để đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, khả năng tác chiến của 3 thứ quân trong thế trận của khu vực phòng thủ, đánh bại mọi cuộc tiến công của kẻ thù xâm lược.

N.V.C

VÀI NÉT VỀ SƯ ĐOÀN 6 MỘT TRONG BA SƯ ĐOÀN THAM GIA CHIẾN ĐẤU TẠI XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (tháng 4-1975)

Thiếu tá TS. TRẦN THỊ NHUNG*

Sư đoàn 6 là sư đoàn chủ lực của Quân khu 7. Đầu tháng 4 năm 1975, Sư đoàn được tăng cường về Quân đoàn 4 cùng tham gia trận đánh Xuân Lộc bên cạnh các Sư đoàn 7, Sư đoàn 341. Đây là một sư đoàn đã có những đóng góp đáng kể trên chiến trường miền Đông Nam bộ trong những năm tháng cuối của cuộc chiến tranh, góp phần vào những chiến thắng thần tốc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Nhưng có thể do thời gian tồn tại khá ngắn ngủi, nên cho đến nay, Sư đoàn vẫn là một đơn vị ít được quan tâm nghiên cứu và ít được biết đến.

Năm 1974, thực hiện ý định chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam của Trung ương Đảng, Bộ Tư lệnh Miền lần lượt thành lập nhiều đơn vị tập trung mạnh ở B2⁽¹⁾, nhằm tạo những quả đấm quyết định cuối cùng. Cùng với sự ra đời của Quân đoàn 4, Sư đoàn 3, Lữ 316, Sư đoàn 4 (Quân khu 9), Sư đoàn 8 (Quân khu 8), Sư đoàn 6 (Quân khu 7) được thành lập tháng 11 năm 1974. Sư đoàn trưởng đầu tiên: Đặng Ngọc Sĩ; Chính ủy: Nguyễn Đăng Mai. Quân số lúc mới thành lập: 3.747 người, gồm Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, ba tiểu đoàn đặc công, bốn tiểu đoàn trợ chiến (pháo binh, công binh, thông tin và trinh sát)⁽²⁾. Sự ra đời của Sư đoàn 6 đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang Quân khu 7: lần đầu tiên sau nhiều năm chống Pháp và chống Mỹ, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã có sư đoàn chủ lực tập trung đầu tiên của mình, cho phép Quân khu 7 có thể chủ động mở những chiến dịch riêng hoặc tham gia vào các chiến dịch lớn của Miền (B2).

Mặc dù mới được thành lập vào thời điểm cuối của cuộc chiến tranh, Sư đoàn 6 vẫn là một đơn vị có bề dày truyền thống chiến đấu và xây dựng, do được kế thừa từ các đơn vị hợp thành: Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 và các tiểu đoàn đặc công, pháo binh, công binh Quân khu 7.

Trung đoàn 4, còn gọi là Trung đoàn Đồng Nai, được thành lập ngày 2 tháng 3 năm 1965, dựa trên các tiểu đoàn chủ lực của Quân khu, gồm: Tiểu đoàn 500, Tiểu đoàn 308 và Tiểu đoàn 3 (lực lượng đưa từ Quân khu 8 lên). Trải qua thời kỳ đánh bại “chiến lược chiến tranh đặc biệt” của Mỹ-ngụy trên chiến trường miền Đông, các tiểu đoàn chủ lực Quân khu đã từng bước trưởng thành, nổi bật qua các chiến thắng: Phước Thành (9-1961), lộ 16 – Bình Mỹ (Tân Uyên, Thủ Dầu Một, tháng 2-1962), bầu Cá Trê (Tân Uyên, tháng 5-1964), Hiếu Liêm (Biên Hòa, tháng 9-1964), Nhà Đỏ (tháng 2-1965)... Sự ra đời của Trung đoàn 4 là kết quả tất yếu

(*) Bảo tàng Lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ.

(1) B2: mặt danh chỉ chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung bộ.

(2) Thực lực Quân khu 7 tháng 11 năm 1974. Tài liệu lưu trữ Phân viện lịch sử quân sự cũ.

của sự trưởng thành của các tiểu đoàn chủ lực Quân khu 7 từ năm 1961 đến năm 1965.

Ngay sau khi ra đời, Trung đoàn 4 đã tham gia phối hợp với Chiến dịch Đồng Xoài của chủ lực Miền, thực hiện thắng lợi nhiều trận đánh giao thông trên Quốc lộ 20, Quốc lộ 1, Quốc lộ 15 và đường xe lửa, được Mặt trận Dân tộc giải phóng tặng thưởng Huân chương Quân công. Năm 1965, trước yêu cầu cuộc chiến gia tăng nhảy vọt do sự tham chiến của quân Mỹ vào miền Nam, Bộ Chỉ huy Miền thành lập các sư đoàn chủ lực Miền đầu tiên. Tháng 11 năm 1965, Trung đoàn 4, Quân khu 7 được điều động về thành lập Sư đoàn 5. Tiếp tục truyền thống chiến đấu trong đơn vị mới, Trung đoàn lập thêm nhiều chiến công trên địa bàn Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa: với các trận Vạn Kiếp, Kim Long Bộ, Suối Râm, Đồng Hộ An, sân bay Biên Hòa và tổng kho Long Bình. Tháng 4 năm 1968, Trung đoàn 4 tách khỏi đội hình Sư đoàn 5, hoạt động độc lập ở Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa, trực thuộc T7 (bộ phận chỉ huy tiền phương của Bộ Tư lệnh Miền phụ trách phía đông nam Sài Gòn).

Khác với Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 chủ lực Quân khu 7 là một đơn vị nằm trong đội hình Sư đoàn 1 được Bộ Tổng Tham mưu tăng cường từ miền Bắc vào Nam bộ năm 1968. Trong hai năm 1968 – 1969, Trung đoàn 33 chiến đấu trong đội hình Sư đoàn 5 chủ lực Miền, cùng với các Trung đoàn 88, Trung đoàn 5 thực hiện những trận đánh quyết liệt trong đợt 3 Mậu Thân ở Tây Ninh, sân bay và thị xã Biên Hòa, tổng kho Long Bình (Tết 1969)...

Xuân hè năm 1969, trong khi các chiến trường hoạt động yếu dần, Sư đoàn 5, trong đó có sự góp sức của Trung đoàn 33, đã có nhiều trận phục kích thắng lợi trên Quốc lộ 20. Đặc biệt, trong chiến dịch Long Khánh, đã tiêu diệt toàn bộ Trung đoàn 52, đánh quỵ Sư đoàn 18 ngụy, ngăn chặn kế hoạch bình định của địch ở hướng đông Sài Gòn. Tháng 3 năm 1970, Trung đoàn 33 được điều về hoạt động trên địa bàn Hoài Đức, Tánh Linh và khu vực nam Bình Thuận, sau đó tách khỏi đội hình Sư đoàn 5, trực thuộc Quân khu 6.

Trong những năm 1969 – 1971, Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 cùng với các Trung đoàn 16, 88, 268, Quyết Thắng và 320 bám trụ ở bắc, tây bắc, đông bắc và tây nam Sài Gòn hỗ trợ các địa phương chống bình định. Đó là những tháng ngày gian khổ nhất. Để bảo tồn lực lượng, Trung đoàn 33 thường xuyên phải di chuyển căn cứ trên vùng tam giác suối Bà Giêng, Rừng Lá, Gia Huynh. Trung đoàn 4 đứng chân qua lại trên các xã Hưng Nghĩa, Hưng Lộc, Bình Lộc. Cán bộ chiến sĩ hai trung đoàn ngày ẩn mình trong các hầm bí mật, đêm mới bung ra hoạt động: diệt địch, gây dựng lại cơ sở trong các ấp chiến lược, thu mua lương thực, mò cua bắt cá cải thiện... Trong những năm này, hai trung đoàn đã chịu nhiều hy sinh tổn thất, nhưng là chỗ dựa quan trọng giúp các địa phương từng bước ngăn chặn và đẩy lùi bình định của địch.

Sau khi Quân khu 7 được tái lập vào giữa năm 1972, Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 được điều về trực thuộc Quân khu 7. Góp sức vào cuộc tiến công chiến lược năm 1972, phối hợp với Chiến dịch Nguyễn Huệ, hai trung đoàn hoạt động mạnh ở Bà Rịa, Biên Hòa, đóng vai trò nòng cốt cùng lực lượng vũ trang địa

phương mở ra vùng giải phóng rộng lớn ở đông tây lộ 2, các lổm giải phóng quan trọng trên Quốc lộ 15, Quốc lộ 1, khôi phục về cơ bản hình thái chiến trường như trước Mậu Thân 1968 trên hướng đông nam Sài Gòn.

Tháng 11 năm 1974, Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 trở thành những đơn vị nòng cốt trong đội hình Sư đoàn 6 (Quân khu 7). Ra đời nhằm đáp ứng chiến cuộc mùa khô 1974 – 1975, Sư đoàn 6 bước ngay vào các chiến dịch lớn liên tiếp ở miền Đông Nam bộ.

Tháng 12 năm 1974, Sư đoàn 6 cùng với Trung đoàn 812 (Quân khu 6) và các đơn vị bộ đội địa phương thực hiện Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh, mục tiêu phối hợp với Chiến dịch đường 14 – Phước Long, chia cắt Quân khu 2 và Quân khu 3 của ngụy. Lần đầu tiên ra quân trong đội hình Sư đoàn, trong điều kiện vừa mới thành lập, quân số thiếu, trang bị chưa đầy đủ, cơ quan chỉ huy vừa mới tập hợp lại, tuy vậy, Sư đoàn vẫn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trước ngày nổ súng, kế hoạch bị lộ, Bộ Chỉ huy Chiến dịch phải thay đổi thứ tự các mục tiêu tiến công. Cuộc chiến đấu diễn ra giằng co ác liệt. Các trung đoàn của Sư đoàn 6 chịu đựng khá nhiều tổn thất, nhưng đã thực hiện tốt việc chặn viện binh định trên lộ 33, hỗ trợ cho Trung đoàn 812 dứt điểm chi khu Tánh Linh, tiến lên vây ép chi khu Hoài Đức. Kết quả đợt một chiến dịch, mặt trận Hoài Đức – Tánh Linh đã kèm chân toàn bộ Sư đoàn 18 ngụy, thu hút rất nhiều máy bay địch đến cứu nguy giải tỏa cho hai chi khu, tạo thuận lợi để Quân đoàn 4 thực hiện thắng lợi chiến dịch có ý nghĩa chiến lược trên đường 14 – Phước Long. Lực lượng vũ trang hai quân khu đã giải phóng toàn bộ huyện Tánh Linh và 4 xã huyện Hoài Đức, nối liền vùng giải phóng Bà Rịa – Long Khánh với Quân khu 6 và Miền.

Sau đợt 1 chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh, tháng 3 năm 1975, phối hợp với Sư đoàn 7 giải phóng Quốc lộ 20 lên Lâm Đồng, Sư đoàn 6 giải phóng hoàn toàn lộ 3 từ Hoài Đức đến Gia Ray, ngã ba Ông Đồn, đồi 52, tiêu diệt và bức rút 10 căn cứ địch dọc Quốc lộ 1, đoạn Bình Tuy – Long Khánh, mở rộng chia cắt Quân khu 2 và 3 của địch, đồng thời tạo thế bao vây áp sát thị xã Long Khánh từ hướng bắc.

Đầu tháng 4 năm 1975, trên tinh thần chỉ thị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Thần tốc toàn thắng”, không chờ đợi lực lượng của trên vào đầy đủ mới bắt đầu tiến công vào Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Miền điều động Sư đoàn 6 Quân khu 7 về đội hình Quân đoàn 4, tham gia tiến công giải phóng Xuân Lộc, thực hành chia cắt và bao vây Sài Gòn từ hướng đông.

Vào đầu tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc trở thành khu vực phòng thủ chủ yếu và then chốt, đóng vai trò quyết định bậc nhất trong toàn bộ chiến lược phòng thủ của ngụy. Quân ngụy tập trung về đây binh lực mạnh nhất: ban đầu gồm Sư đoàn 18 và Thiết đoàn 5. Sau khi bị tiến công được tăng cường thêm, đưa lực lượng phản kích lên 9 chiến đoàn, gồm cả bộ binh, dù, xe tăng, thiết giáp, tương đương lực lượng một quân đoàn. Vì vậy, Quân đoàn 4 chọn hướng tiến công thẳng vào sở chỉ huy tiểu khu và sở chỉ huy Sư đoàn 18, nhằm nhanh chóng đè bẹp địch, giải phóng thị xã Long Khánh, đã vấp phải sự chống trả điên cuồng của địch. Sau 5 ngày chiến đấu hết sức quyết liệt, không dứt điểm được và bị tổn thất, Quân đoàn 4 thay đổi cách đánh, chuyển sang đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, và Núi Thị, uy hiếp

sở chỉ huy Quân đoàn 3 nguy ở Trảng Bom, đánh địch từ Biên Hòa, Trảng Bom nổ ra phản kích, đồng thời pháo kích mạnh chế áp sân bay Biên Hòa, làm cho Xuân Lộc bị cô lập, còn Biên Hòa trở nên lơ lửng, thiếu lực lượng bảo vệ. Việc thay đổi cách đánh, cộng với việc Bộ Tư lệnh Miền tăng cường đặc công và pháo binh hỗ trợ, việc Quân đoàn 2 phá vỡ tuyến phòng thủ Phan Rang, đã buộc quân nguy phải rút bỏ Xuân Lộc chạy về Trảng Bom, Biên Hòa. Phòng tuyến lớn cuối cùng của quân nguy sụp đổ.

Trong trận Xuân Lộc ác liệt trước cửa ngõ Sài Gòn, Sư đoàn 6 Quân khu 7 một lần nữa đối mặt với địch thủ cũ: Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18 nguy). Trong ngày đầu trận đánh, Sư đoàn 6 diệt liền 5 chốt trên đoạn đường từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, buộc Chiến đoàn 52 phải bỏ Túc Trưng rút về Dầu Giây. Ngày 15 tháng 4, tiếp tục đối mặt với Chiến đoàn 52 tại Dầu Giây, Sư đoàn đã tiêu diệt gọn chiến đoàn này cùng một chi đoàn thiết giáp, giải phóng ngã ba Dầu Giây và đoạn còn lại trên Quốc lộ 20, lập tuyến phòng thủ vững chắc đánh bật nhiều đợt phản kích của địch từ Trảng Bom ra, khiến địch không thể cứu được Xuân Lộc, góp sức cùng với Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 buộc địch phải rút khỏi Long Khánh.

5 ngày sau trận Xuân Lộc, Sư đoàn 6 vinh dự bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh trong đội hình Quân đoàn 4, trên hướng tiến công quan trọng phía đông Sài Gòn. Đây là hướng cả ta và địch đều tập trung lực lượng mạnh nhất. Nhiệm vụ của Sư đoàn 6 trong chiến dịch là cùng với Sư đoàn 341 mở đường cho Quân đoàn tiến vào Sài Gòn, tạo điều kiện cho Sư đoàn 7 nhanh chóng thọc sâu vào nội đô, đánh chiếm dinh Độc Lập và các mục tiêu khác trong Quận 1.

Ngày 27 và 28 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 6 được tăng cường thêm Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) thực hiện mũi vu hồi, chia cắt phía sau căn cứ Sư đoàn 18 nguy ở Trảng Bom, đã đập tan khu vực phòng thủ Suối Ông Hùng. Ngày 29 tháng 4, Sư đoàn tiêu diệt và làm tan rã Trung đoàn 5 thiết giáp địch ở ngã ba Yên Thế, sau đó cùng với Sư đoàn 341 tiếp tục đánh chiếm Hồ Nai để tiến về Biên Hòa. Tại Hồ Nai, quân nguy trà trộn trong dân, lấy dân làm lá chắn, dựa vào hệ thống trận địa phòng thủ đã thiết lập từ trước ra sức ngăn chặn quân giải phóng. Cuộc chiến đấu diễn ra phức tạp, Sư đoàn 6 và Sư đoàn 341 vừa đánh, vừa phải tách địch ra khỏi dân, để chiếm từng mục tiêu. Chiều 19 tháng 4, theo lệnh của Bộ Tư lệnh Quân đoàn, Sư đoàn 6 đánh chiếm sở chỉ huy Quân đoàn 3, phối hợp với Sư đoàn 341 chiếm Bộ tư lệnh Sư đoàn 3 không quân và sân bay Biên Hòa. Ngày 30 tháng 4, Sư đoàn 6 tiếp tục truy quét tàn quân địch, chiếm các mục tiêu còn lại, sau đó ở lại làm nhiệm vụ quân quản thị xã Biên Hòa.

Tháng 1 năm 1976, Ủy ban Quân quản Thành phố Sài Gòn – Gia Định và các tỉnh kết thúc tốt đẹp nhiệm vụ của mình. Giữa năm 1976, Bộ Tư lệnh Miền giải thể, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy và các đơn vị chủ lực Miền được tăng cường kiện toàn cho hai Quân khu 7 và 9.

Sư đoàn 6 giải thể. Trung đoàn 4 về lại Sư đoàn 5, lúc này đã trở thành sư đoàn chủ lực của Quân khu 7. Trung đoàn 33 được điều về Quân khu 8.

Tính từ tháng 11 năm 1974 đến tháng 4 năm 1975, thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh, Sư đoàn 6 chỉ tồn tại 5 tháng, nhưng như đã kể trên, bề dày lịch sử

truyền thống của Sư đoàn lại xuyên suốt cả cuộc kháng chiến chống Mỹ. Vì vậy, mặc dù mới thành lập, Sư đoàn có đủ kinh nghiệm và sự kiên cường vượt qua những trận đánh ác liệt nhất trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh, xứng đáng là một trong những đơn vị đại diện cho lực lượng vũ trang Quân khu 7 đóng góp vào thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói riêng và cuộc kháng chiến chống Mỹ nói chung.

T.T.N

TIỂU ĐOÀN 445 TRONG TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

XUÂN THANH*

Đầu tháng 4 năm 1975, Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh cùng với Ban Quân sự Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông họp bàn phương án phối hợp với lực lượng chủ lực gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 của Quân đoàn 4 và Sư đoàn 6 của Quân khu 7 phối thuộc tiến công giải phóng Long Khánh – Xuân Lộc, mở cửa ngõ hướng đông bắc tiến vào Sài Gòn, từ đó tiến công giải phóng Bà Rịa – Vũng Tàu, chặn đứng con đường rút chạy bằng đường biển của địch. Tiểu đoàn 445 đã đóng góp vào chiến dịch này với nhiều thành tích mà kết quả của nó góp một phần không nhỏ vào thắng lợi chung.

Ngay từ đầu năm, Tiểu đoàn 445 đã tiến công, tiêu diệt đồn Bờ Đập (Hội Mỹ); đánh chiếm đồn Phước Hải làm chủ ấp Hải Lạc, Hải Trung. Hoảng sợ trước những đòn tiến công của Tiểu đoàn, địch rút bỏ nhiều đồn bót trên lộ 23 và lộ 52. Khi chuẩn bị đánh Xuân Lộc, để tăng cường lực lượng cho địa bàn trọng điểm của Quân khu cũng là của Miền, Tiểu đoàn 445 được tỉnh điều động rời khỏi địa bàn Long Đất lên mặt trận nam Xuân Lộc.

Phối hợp với chiến dịch của toàn Quân khu, chỉ mấy ngày sau khi được điều động, Tiểu đoàn 445 đã mở hàng loạt cuộc tiến công dọc theo lộ 2, giải phóng ấp Bảo Bình 1, ấp Bảo Bình 2, diệt địch ở núi Lò Than và đánh sang Quốc lộ 1 giải phóng ấp Bảo Hòa, đánh thất bại nặng 2 tiểu đoàn bảo an tại Bình Phú, Bảo Toàn, cắt đứt Quốc lộ 1 đoạn dài khoảng 2km, cô lập thị xã Long Khánh (Xuân Lộc). Giữa lúc này, trận tiến công đập tan “cánh cửa thép Xuân Lộc” được hình thành. Tiểu đoàn 445 cùng với K8 Xuân Lộc, Đại đội 34 và Đại đội 41 (Châu Đức), Đại đội 207 (huyện Cao Su) tổ chức thành cánh quân tương đương một trung đoàn bộ binh của tỉnh do đồng chí Phạm Văn Cồn, Tham mưu phó Tỉnh đội, trực tiếp chỉ huy bước vào trận tiến công giải phóng Xuân Lộc ở mũi hướng nam.

Nhiệm vụ chủ yếu của Tiểu đoàn 445 chịu trách nhiệm án ngữ Quốc lộ 1 và tỉnh lộ 2 cách thị xã Long Khánh 3km, chặn đứng cánh quân địch từ Suối Cát (Quốc lộ 1) và Suối Râm (lộ 2), không cho chúng tiếp viện cho Xuân Lộc.

Năm giờ sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, các hướng chủ yếu của ta bắt đầu tiến công Xuân Lộc, hướng bắc và hướng tây ta giành thắng lợi lớn. Ta chiếm lĩnh hầu hết các căn cứ của địch như trại biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ, tòa hành chính và tỉnh đoàn bảo an. Tuy nhiên ở hướng đông, địch phản kích quyết liệt với hỏa lực chi viện tối đa của không quân và Lữ đoàn 1 quân nhảy dù. Lực lượng ta rút ra ngoài để củng cố, tạo thế bao vây địch trong thị xã, tiếp tục làm chủ khu vực ven và các đoạn Quốc lộ 1 và 20. Từ ngày 15 đến ngày 16, địch điên cuồng tăng lực lượng chi viện lên Xuân Lộc (như Chiến đoàn 8 của Sư đoàn 5, Liên đoàn 7 biệt động quân, các thiết đoàn 315, 318, 322), đồng thời đưa bộ chỉ huy Quân

(*) Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

đoàn 3 nguy từ Biên Hòa lên Trảng Bom để chỉ huy phản kích nhưng đều bị lực lượng của ta chặn đứng và bẻ gãy. Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1 bị cắt đứt, địch ở thị xã Long Khánh hoàn toàn bị cô lập, các nỗ lực của địch nhằm giải tỏa Xuân Lộc đều bị thất bại.

Tại hướng nam, Tiểu đoàn 445 đánh tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn địch (Tiểu đoàn 3, Sư đoàn 18 và Tiểu đoàn 234 bảo an) trên đường từ Suối Cát về giải tỏa thị xã Long Khánh, đồng thời chiếm ấp Bảo Toàn, hình thành thế bao vây phía nam Xuân Lộc.

Sau 4 ngày tiến công Xuân Lộc, tại hướng nam, Tiểu đoàn 445 tiếp tục chốt giữ ấp Bảo Hòa, Bảo Toàn, đồng thời tiến công Bảo Thọ, Bảo Liệt, cầu Gia Lưu... Tại những địa điểm này, ta đã bắt 117 tên, thu 43 máy thông tin liên lạc của địch, hoàn thành tốt nhiệm vụ tìm chân địch để lực lượng của ta trên hướng chính chủ động tác chiến, đánh tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc.

Chiều 19 tháng 4, trời mưa rất to, nước chảy như thác, trong tiếng mưa gió thét gào có lẫn cả tiếng pháo địch nổ đì đùng liên hồi ở hướng tây Xuân Lộc, Bộ Chỉ huy cánh quân địa phương (nam Xuân Lộc) nhận định có thể địch bắn pháo nghi binh nhằm chuẩn bị cho cuộc tháo chạy khỏi Xuân Lộc. Tại Sở chỉ huy, đồng chí Phạm Văn Cồn, Tham mưu phó Tỉnh đội hội ý chớp nhoáng với các đồng chí cán bộ chủ chốt của Tiểu đoàn 445 về kế hoạch bố trí đội hình chặn địch tháo chạy.

Ngay trong đêm 19 tháng 4 năm 1975, Đại đội 2 được lệnh cơ động từ Bảo Bình về cua chữ S lộ 2. Đại đội 3 và Đại đội 1 cơ động từ Bảo Hòa (Quốc lộ 1) về núi Con Rắn (Cẩm Mỹ, lộ 2). Phát huy truyền thống chân đồng gan sắt được tôi luyện hàng chục năm trong gian khổ, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 445 dồn sức lực của mình chạy bộ hàng chục cây số để kịp chặn đánh địch. Trận mưa chiều hôm ấy đã gây nhiều trở ngại, tăng thêm phần gian khổ cho cuộc hành quân. Trời tối mịt mù, đường trơn trượt, bùn đất đỏ bám chặt vào giày, dép nhưng không ngăn nổi các chiến sĩ Tiểu đoàn 445 trong cuộc chạy đua với đoàn xe cơ giới của địch.

Sáng ngày 20 tháng 4, Đại đội 2 đã có mặt tại cua chữ S và cua chữ C (lộ 2, khu vực sở Hoàng Quân). Ngay buổi chiều ngày hôm đó, ta đánh tan 2 chốt bảo an ở đây và triển khai đội hình chặn đánh địch rút chạy. Tiểu đoàn phán đoán chắc chắn địch chưa kịp chạy qua đây.

Đại đội 1, Đại đội 3 và Đại đội 4 cũng đã đến Cẩm Mỹ. Đại đội 1 triển khai đội hình đánh tan 1 trung đội địch trên núi Con Rắn. Đại đội 3 tiêu diệt 83 tên địch, thu 2 khẩu pháo 105 mm, tại ngã ba Cẩm Mỹ. Sở Chỉ huy của Tiểu đoàn vừa ổn định trên núi Con Rắn thì một máy bay lên thẳng từ hướng Biên Hòa bay tới, định hạ xuống núi Con Rắn, nhưng khi vừa sà xuống và thấy cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng, nó vội vã chuồn thẳng.

Chiều 20 tháng 4, Tiểu đoàn 445 và một số đại đội địa phương huyện đã triển khai xong đội hình chiến đấu trên lộ 2, từ khu vực sở Hoàng Quân đến sở Quang Minh dài gần 10km. Đúng như ta dự đoán, khoảng 22 giờ, hơn 220 xe cơ giới địch bắt đầu rút khỏi Xuân Lộc, chạy theo liên tỉnh lộ số 2 về Bà Rịa. Hai giờ sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, đoàn xe địch rầm rập tháo chạy qua lộ 2. Tiểu

đoàn 445 và các đại đội địa phương đón đầu chặn đánh. Một số xe chở lính bị cháy, lính trên xe nhón nháo nhảy xuống chạy dạt sang hai bên đường cua chữ S và Cẩm Mỹ. Ta bắt nhiều tên, thu nhiều vũ khí. Đoàn xe địch có xe tăng dẫn đầu tháo chạy thực mạng về Đức Thạnh, vừa chạy vừa bắn như vãi đạn. Sau đó một tiếng đoàn xe thứ hai gồm hơn 60 chiếc của địch lại tháo chạy qua lộ 2. Đại đội 41 huyện Châu Đức là đơn vị chặn đầu đội hình (nam sở Quang Minh) đã bắn cháy 2 xe tăng địch, bắt một số tên, trong đó có tên Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh. Tàn quân địch quăng cả vũ khí, tan tác chạy về Bà Rịa, Long Hải, Vũng Tàu. Như vậy, trong trận tiền công 12 ngày đêm vào “cánh cửa thép” Xuân Lộc, Tiểu đoàn 445 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đây là một thắng lợi lớn mà Tiểu đoàn 445 đã đóng góp cùng các lực lượng vũ trang ta, có ý nghĩa đối với cục diện chung, mở ra khả năng cùng với quân dân toàn miền Nam tấn công giải phóng thành phố Sài Gòn – Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

X.T

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ VAI TRÒ LỰC LƯỢNG TẠI CHỖ QUA CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC VÀ NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM VỀ “ĐỊA PHƯƠNG TỰ GIẢI PHÓNG” TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN 1975

Đại tá TRẦN PHẦN CHẤN*

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, hai ngày sau khi Chiến dịch Huế – Đà Nẵng kết thúc, Bộ Chính trị đã ra quyết định lịch sử về trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam với nội dung: *“Tổng công kích – tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, không thể chậm”*.

Cũng chính vào thời điểm ấy, trong vòng mấy ngày trước và sau quyết định lịch sử của Bộ Chính trị, trên chiến trường Nam bộ – cục Nam Trung bộ (B2), Trung ương Cục và Quân ủy Miền đề xuất hai chủ trương lớn: Nghị quyết đặc biệt số 15 (ngày 29 tháng 3) với tinh thần *“Với khí thế tấn công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình, toàn miền Nam”*; quyết định thứ hai nói về chiến dịch tạo thế giải phóng Sài Gòn bằng lực lượng B2 là chủ yếu, được bàn thảo nhiều phương án (kể cả phương án đánh vào Sài Gòn) nhưng phương án cuối cùng là Chiến dịch Xuân Lộc (sau khi giải phóng Dầu Tiếng, Chơn Thành, An Lộc).

Để nghiên cứu những chủ trương trên của Trung ương Cục và Quân ủy Miền cũng như vai trò lực lượng tại chỗ, ở đây chúng tôi xin mở rộng khái niệm “tại chỗ”: về không gian, gồm toàn chiến trường B2 (bộ phận trong tổng thể chiến trường miền Nam và cả nước). Về lực lượng, bao gồm cả Quân đoàn 4 tuy là thành phần cơ động chiến dịch, nhưng đã sinh ra, lớn lên và hoạt động trong phạm vi chiến trường B2 (như một số tham luận đã sử dụng cụm từ “binh đoàn chủ lực tại chỗ”). Với khái niệm “tại chỗ” như vậy, chúng tôi cho rằng những chủ trương trên của Trung ương Cục và Quân ủy Miền tuy là hai nhưng cùng giải quyết những vấn đề “tại chỗ” bức thiết nhất nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị. Điều hiển rõ ở đây là tính tích cực, chủ động của đầu não B2 nhằm phát huy vai trò của lực lượng tại chỗ trong quá trình tạo thế, tạo lực và tranh thủ thời cơ, không chỉ trong tháng 3 lịch sử mà từ “đòn trinh sát chiến lược” Phước Long cho đến trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Tuy nhiên, vẫn còn có ý kiến khác về vấn đề thời điểm và một phần về phương thức. Về chỉ thị địa phương tự giải phóng, theo ý kiến này thì tốt hơn là chờ ta mở chiến dịch đánh chiếm Sài Gòn, khi đó nguy quân, nguy quyền ở các tỉnh sẽ suy sụp, tan rã, địa phương “chỉ nên dùng chính trị, địch vận và đánh tiêu hao địch”, như vậy sẽ đỡ tốn xương máu hơn... Về Chiến dịch Xuân Lộc, cũng để đỡ tốn xương máu hơn, ý kiến đó cho rằng: “vội gì mà phải đánh lúc ấy”, “khi hình thành xong thế chiến dịch đánh vào

(*) Ban Lịch sử quân sự Cục Chính trị Quân khu 7

Sài Gòn đã, rồi sẽ cùng đánh luôn có hơn không”. Vấn đề đặt ra rất lớn. Lịch sử đã diễn ra, chúng tôi đưa ra ý kiến này không có ý để bàn đến chữ “nếu”, mà chỉ để gợi thêm một khía cạnh trong suy nghĩ về vai trò của lực lượng tại chỗ trên cơ sở những gì đã diễn ra. Cùng ý định như vậy, không thể không nhìn qua về tình hình địch lúc bấy giờ trên chiến trường miền Đông, nơi sẽ diễn ra trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Trước khi ta tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trên chiến trường này (gồm cả thành phố Sài Gòn) quân địch còn 98 vạn tên, gồm 15 vạn quân chủ lực, 8 vạn bảo an, gần 2 vạn dân vệ và 53 vạn phòng vệ dân sự,... toàn bộ lực lượng này chủ yếu được sử dụng vào hệ thống phòng thủ Sài Gòn bằng nhiều tuyến ngăn chặn ta từ xa. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng của ta thực tế đã phá vỡ kế hoạch co cụm chiến lược của địch, nhưng chưa phải đã loại trừ âm mưu của chúng về kế hoạch này, cụ thể trước mắt, chúng đã thiết lập hệ thống phòng thủ “vòng tròn” xung quanh Sài Gòn với các mắt xích Tây Ninh, Xuân Lộc, Phan Rang, Long An – Bến Lức. Đặc biệt phòng tuyến Xuân Lộc – Phan Rang đã trở thành mắt xích lớn nhất, được xây dựng với tinh thần “mắt Xuân Lộc là mắt Sài Gòn” và mang tên tác giả của nó là Uâyên, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ. Còn phải kể địch trên toàn B2 còn nguyên 2 quân đoàn (3 và 4). Tất nhiên, đánh giá về địch lúc bấy giờ không chỉ dựa vào số lượng mà phải đặt nó trong bối cảnh chiến trường sau những chiến dịch Phước Long, Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng và sự phối hợp tiến công nổi dậy của quân dân ta trên toàn Miền. Cái “chí tử” của địch lúc bấy giờ chính là về tinh thần. Mặc dù vậy cũng không thể coi thường số lượng địch và cái “phao” có thể coi là cuối cùng, chất chứa sự cay cú, tử thủ của địch, đó là phòng tuyến Xuân Lộc.

Với cách nhìn như vậy, theo chúng tôi, mặc dù về phía ta có 3 quân đoàn đang hành tiến, gần 2 quân đoàn “tại chỗ” và với yêu cầu táo bạo – thần tốc – chắc thắng, “ngay trong tháng 4”... nhiệm vụ của lực lượng tại chỗ rất nặng nề.

Về Chiến dịch Xuân Lộc, nếu đã có câu hỏi về thời điểm và cần hay không cần thì cũng có thể đặt ra giả định “nếu không có chiến dịch đó”. Đồng chí Bùi Cát Vũ, nguyên Phó tư lệnh Quân đoàn 4 trong một bài nghiên cứu về vấn đề này nêu ý “Không lẽ địch dốc sức lập tuyến phòng thủ Xuân Lộc hòng chặn đối phương cấp quân đoàn để rồi bỏ chạy khi tuyến phòng thủ Phan Rang bị phá vỡ, trong lúc lực lượng Quân đoàn 3, Quân đoàn 4 của chúng còn nguyên?”. Tự câu hỏi đã gần như câu trả lời. Chúng tôi chỉ phụ thêm ý: “Cánh cửa thép” phía đông là “cái phao”, là chỗ mạnh cuối cùng của địch, nếu không được phá toang trước Chiến dịch Hồ Chí Minh thì dù kết quả giải phóng Sài Gòn vẫn không thể đảo ngược, nhưng tình hình mũi phía đông khi ấy khó có thể “như thế”, và điều đó chắc chắn có ảnh hưởng đến toàn mặt trận. Ở đây không nêu những giả định để tìm câu trả lời trên giả định, cũng không bàn về cách đánh, trong khi lịch sử đã nói điều cốt yếu nhất: dù thời điểm của Chiến dịch Xuân Lộc có hợp hay không hợp, nhưng rõ ràng nó đã mở toang “cánh cửa tử thủ” của kẻ thù trong cơn giãy chết. Điều tốt đẹp đã diễn ra là, chính Quân đoàn 2 – đơn vị đã vượt qua “cánh cửa tử thủ” này là những đơn vị đầu tiên cùng các chiến sĩ biệt động chiếm dinh Độc Lập trưa ngày 30-4-1975.

Đối với lực lượng tại chỗ theo nghĩa từng địa phương, phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân là tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, bằng ba mũi giáp công, bằng lực lượng chính trị kết hợp một phần lực lượng quân sự. Phương thức đó nằm trong hình thái vận động chung trong cuộc chiến tranh cách mạng là tác chiến của các binh đoàn chủ lực kết hợp với chiến tranh nhân dân địa phương, với đấu tranh chính trị và các hình thức đấu tranh khác. Có thể diễn giải phương thức đó là “quả đấm” chủ lực kết hợp hoạt động của lực lượng tại chỗ, nói một cách hoàn chỉnh hơn là tiến công của bộ đội chủ lực kết hợp tiến công và nổi dậy của lực lượng tại chỗ. Để thực hiện được điều đó, yêu cầu đặt ra đối với lực lượng tại chỗ là luôn sẵn sàng, có nghĩa là có tích lũy, chuẩn bị. Nhìn lại trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, chỉ thị địa phương tự giải phóng tuy có bàn đến việc tạm ngưng triển khai nhưng nó đã thấm sâu trước “ngày N”, gây một khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ ở các địa phương. Mặc dù vậy, để chớp thời cơ lịch sử, không thể không cần đến một thời gian nhất định để tích lũy, chuẩn bị. Trên thực tế từ một số trường hợp tự giải phóng “trước N” (đặc biệt như ở một số địa phương cực Nam Trung bộ sau Chiến dịch Huế – Đà Nẵng), còn lại là “sau N”. Nhìn toàn cục, mặc dù địch đã có bàn đến phương án “tử thủ” miền Tây, nhưng khi ta đã giải phóng Sài Gòn, trung tâm đầu não của địch thì nếu có nơi chậm hơn là do địa phương tự giải quyết địch “tử thủ” ở địa phương. Có trường hợp lực lượng tử thủ của địch đông tới gần một vạn rưỡi tên, như ở chùa Tây An Cổ Tự (An Giang). Phải chăng đó là kết quả của việc “phát lệnh” sớm?, nhưng thực tế là phù hợp về thời điểm, thời cơ. Điều này không chỉ tạo ra khí thế cho địa phương, mà còn dành cho địa phương một thời gian cần thiết để chuẩn bị sẵn sàng hành động khi thời cơ đến, tránh trường hợp địch đã sẵn nhưng không thấy ta “tiếp thu” nên chúng quay lại như đã xảy ra ở một số địa phương cực Nam Trung bộ ngay sau Chiến dịch Huế – Đà Nẵng. Nhìn thành phố Sài Gòn được giải phóng nguyên vẹn dễ liên tưởng đến thành phố Béclin giải phóng ba mươi năm trước trong đồ nát, giải thích cho sự khác nhau ở đây chính là việc có hay không có lực lượng tại chỗ.

Có thể đặt ra những giả định để nhìn lại và phát hiện những bài học lịch sử. Nhìn lại Chiến dịch Xuân Lộc và Nghị quyết 15 về địa phương tự giải phóng đã cho một bài học thành công, mặc dù có thể đặt ra một thời điểm giả định phù hợp hơn để qua đó hình dung một kết quả toàn vẹn hơn và, đó cũng chỉ là kết quả giả định. Với những chủ trương trên, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã phát huy mạnh mẽ tiềm lực, sức mạnh tổng hợp tại chỗ bao gồm “quân đoàn tại chỗ” cùng quân dân Nam bộ – cực Nam Trung bộ. Lực lượng tại chỗ đã hoàn thành nhiệm vụ trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Thực tế lịch sử và bài học kinh nghiệm cho thấy: trước một kẻ thù hùng mạnh, để đạt được điều đó, lực lượng tại chỗ đã được ta xây dựng, “lót ổ”, tạo thế, tạo lực tại chỗ không chỉ trước và trong trận quyết chiến chiến lược này mà còn cho cả quá trình mười, hai mươi năm, hay lâu hơn nữa.

T.P.C

TỈNH ỦY BÀ RỊA – LONG KHÁNH VỚI CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

PHẠM VĂN HY*

Xuân Lộc – Long Khánh sau Cách mạng tháng Tám 1945 thuộc tỉnh Biên Hòa, năm 1951 chuyển về Bà Rịa, năm 1954 về lại Biên Hòa, từ năm 1960 trực thuộc Tỉnh ủy Bà Rịa. Năm 1962, thành lập Ban Cán sự Long Khánh, năm 1963 Long Khánh thuộc Bà Biên, từ năm 1966 thành tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, rồi Phân khu Bà Rịa (1971), trở lại tỉnh Bà Rịa – Long Khánh (1972) cho đến ngày giải phóng. Mặc dù có nhiều lần tách nhập song về cơ bản, Xuân Lộc – Long Khánh là một thể thống nhất trên chiến trường Bà Rịa – Long Khánh. Đảng bộ Bà Rịa – Long Khánh đã trực tiếp chỉ đạo và tăng cường nhiều cán bộ chiến sĩ về chiến trường này, nhất là trong những thời kỳ đặc biệt khó khăn, xây dựng và phát triển lực lượng, chuẩn bị cho thời điểm quyết định giành toàn thắng.

Là người trực tiếp công tác tại chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh nhiều năm, tôi xin góp một vài ý kiến về những nỗ lực chỉ đạo của Đảng bộ Bà Rịa (Bà Rịa – Long Khánh) trong việc xây dựng thực lực cách mạng trên chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh, một nhân tố không nhỏ góp phần vào chiến công chung để đi đến Chiến thắng Xuân Lộc trong trận quyết chiến cuối cùng.

Xuân Lộc có một vị trí chiến lược quan trọng trên chiến trường Bà Rịa – Long Khánh, nơi đầu mối giao lưu của các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 và đường xe lửa ra miền Trung, có nhiều ngọn núi cao, rừng già che phủ, là mảnh đất hiểm yếu về quân sự, tiến có thể công, thoái có thể thủ. Bọn tư bản thực dân Pháp đã đầu tư nhiều vốn vào các đồn điền để khai thác nguồn lợi từ cây cao su và các loại cây công nghiệp với nguồn nhân công đủ mạnh để làm giàu. Chúng cũng xây dựng một hệ thống đồn bót phòng thủ để bảo vệ tuyến giao thông huyết mạch và bảo vệ nguồn lợi của bọn tư bản Pháp.

Nhân dân Xuân Lộc mà một bộ phận lớn là đồng bào dân tộc và công nhân cao su vốn có tinh thần yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng. Xuân Lộc từng là căn cứ địa của nghĩa quân chống Pháp từ thuở người anh hùng Trương Định dựng cờ Bình Tây. Thời kỳ địch khủng bố trắng sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, các đồn điền cao su An Lộc, Cuộc-tonay... là nơi che chở cho nhiều cán bộ đảng viên và nuôi dưỡng phong trào cách mạng. Núi Chứa Chan, khu Rừng Lá là căn cứ trong kháng chiến chống Pháp. Đồng bào dân tộc và công nhân cao su hăng hái thoát ly, làm nòng cốt cho nhiều chi đội, trung đoàn của Biên Hòa, Bà Rịa – những đơn vị được mệnh danh là “bộ đội cao su”. Nhiều trận đánh nổi tiếng đã diễn ra trên địa bàn Xuân Lộc như trận La Ngà, trận diệt đồn Ông Quế và nhiều trận đánh giao thông, đánh xe lửa đoạn Gia Huynh – Trảng Táo...

(*) Nguyên Bí thư Ban Cán sự Long Khánh (1964), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh (1969 – 5-1971; 9-1972 – 1975)

Từ năm 1948, khi Quốc lộ 15 từ Sài Gòn về Bà Rịa – Vũng Tàu bị cắt đứt, thực dân Pháp phải sử dụng lộ 2 để vận chuyển, tiếp tế cho Bà Rịa và Vũng Tàu thì chiến trường lộ 2 càng trở nên ác liệt. Địch mở hàng loạt cuộc càn quét, đốt phá nhà cửa, ruộng rẫy của đồng bào, tăng cường kềm kẹp công nhân cao su, xây dựng hàng loạt tháp canh Đờ Latua và dồn dân vào các khu tập trung – một kiểu áp chiến lược thời Pháp. Thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến”, bất hợp tác với địch, nhiều gia đình ở Xuân Lộc đã chuyển về chiến khu Xuyên Phước Cơ xây dựng căn cứ kháng chiến. Có lúc ác liệt, Huyện ủy Xuân Lộc cũng phải dời về chiến khu Xuyên Phước Cơ. Trước tình hình đó, Phân Liên khu ủy miền Đông đã giao huyện Xuân Lộc về tỉnh Bà Chợ. Tỉnh ủy Bà Chợ đã lập lại Huyện ủy Xuân Lộc do đồng chí Nguyễn Minh Chiêu làm Bí thư.

Tháng 10 năm 1954, Xứ ủy thành lập lại các tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, chuyển giao huyện Xuân Lộc về lại Biên Hòa. Từ sau Hiệp định Giơnevơ (Genève) (1954), phong trào công nhân cao su dọc lộ 2, từ Bình Ba đến Xuân Lộc phát triển rất mạnh. Hàng loạt cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với dân sinh dân chủ và đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ đã liên tiếp nổ ra với sự tham gia đông đảo của hàng ngàn công nhân, có sự phối hợp giữa các đồn điền và đồng bào nông dân các xã. Năm 1956, địch mở chiến dịch Trương Tấn Bửu khủng bố phong trào cách mạng ở miền Đông Nam bộ, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tổ cộng diệt cộng, đánh phá cơ sở Đảng. Tỉnh ủy Biên Hòa phân công đồng chí Ngô Tiến, Tỉnh ủy viên về làm Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc, đến tháng 9-1960 thì đồng chí bị bắt cùng với một số cán bộ đảng viên.

Qua các chiến dịch tổ cộng, diệt cộng, Đảng bộ huyện Xuân Lộc của tỉnh Biên Hòa bị tổn thất nặng, cán bộ lãnh đạo huyện và cán bộ đảng viên ở cơ sở lớp bị bắt, lớp tan rã, những đảng viên còn lại không liên lạc được với Tỉnh ủy Biên Hòa. Trong tình hình đó, Liên Tỉnh ủy miền Đông giao cho Tỉnh ủy Bà Rịa nhiệm vụ xây dựng lại Đảng bộ huyện Xuân Lộc. Tháng 4-1961, Tỉnh ủy Bà Rịa cử đồng chí Lê Văn Thâm (Chín Sanh) là Tỉnh ủy viên đưa hai tiểu đội vũ trang lên Xuân Lộc để khôi phục lại phong trào cách mạng.

Trước đó, từ tháng 6 năm 1959, Tỉnh ủy Bà Rịa đã chỉ đạo phát triển cơ sở về hướng Xuân Lộc nhằm mở đường dây bí mật, liên lạc với Liên Tỉnh ủy. Một đội công tác do đồng chí Phạm Thành Phụ (Tám Phụ) làm đội trưởng được giao nhiệm vụ phát triển cơ sở dọc lộ 2, mở hành lang chiến lược về Chiến khu Đ. Đội công tác đã phát triển được nhiều cơ sở trong đồng bào dân tộc và một số đồn điền cao su. Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ cũng cử một đội vũ trang tuyên truyền về hoạt động ở Rừng Lá hỗ trợ cho việc xây dựng cơ sở từ lộ 2, qua Xuân Lộc về Chiến khu Đ.

Tháng 12 năm 1961, Khu ủy cử đồng chí Phạm Lạc (Tur Lạc), một cán bộ từng gắn bó với phong trào cách mạng Xuân Lộc trong kháng chiến chống Pháp về bổ sung vào Ban Cán sự, giữ quyền Bí thư Ban Cán sự kiêm phụ trách quân sự¹. Trong thời kỳ này, tỉnh Bà Rịa đã mở Trường Quân sự tỉnh huấn luyện tân binh và

⁽¹⁾ Ủy viên còn có đồng chí Hai Dân, Sáu Vinh.

đào tạo cán bộ tiểu đội. Trường Quân sự tỉnh Bà Rịa đã huấn luyện nhiều lớp tân binh và cán bộ tiểu đội bổ sung cho lực lượng vũ trang Long Khánh.

Đầu năm 1964, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh Long Khánh. Đồng chí Phạm Văn Hy, nguyên quyền Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa được cử về làm Bí thư. Tỉnh ủy thành lập các H thay cho tên gọi các Huyện ủy. H1: huyện Xuân Lộc; H2: huyện Định Quán; H3: khu vực Rừng Lá, Gia Ray, ngã ba Ông Đền; H4: vùng Cao Su¹.

Tỉnh ủy chỉ đạo diệt ác phá kềm, phá áp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, mở tuyến giao thông chiến lược để vận chuyển vũ khí chi viện của Trung ương từ bến Lộc An về Chiến khu Đ. Từ cuối năm 1964 đầu năm 1965, lực lượng vũ trang Long Khánh kết hợp với các lực lượng trên giải phóng Quốc lộ 1 đoạn từ ấp Đá Mài (Bình Tuy) tới Rừng Lá – Gia Ray, Suối Cát; giải phóng lộ 3 gồm Trà Tân 1, Trà Tân 2, Bảo Bình, Bảo Chánh, Bình Lộc; giải phóng hoàn toàn khu vực đông nam, đông bắc Xuân Lộc ra tới Bình Tuy. Từ giữa năm 1965, từ Bàu Lâm, Phước Bửu lên tới Xà Bang giáp tới Cẩm Mỹ lên đến Xuân Lộc là một vùng giải phóng rộng lớn. Vũ khí chi viện của Trung ương từ bến Lộc An về tới Khu có lúc vận chuyển bằng xe ô tô. Xuân Lộc trở thành căn cứ địa quan trọng của tỉnh, của khu và là địa bàn hoạt động của bộ đội chủ lực Miền.

Từ năm 1966, quân Úc nhảy vào đóng ở Núi Đất (Bà Rịa). Chiến đoàn thiết giáp Mỹ số 11 mang tên “kỵ binh bay” về đóng ở Suối Râm (Xuân Lộc). Quân Mỹ mở trận càn “5 mũi tên” (tháng 5-1966) vào Bà Rịa, Long Khánh, chủ yếu đánh vào vùng căn cứ, nơi đóng quân của lực lượng chủ lực và các cơ quan lãnh đạo của ta. Chiến trường Long Khánh lại bước vào một thời kỳ khó khăn và ác liệt. Hàng loạt trận đánh Mỹ, đánh xe tăng Mỹ nổi tiếng đã diễn ra trên địa bàn Xuân Lộc – Long Khánh.

Năm 1966, Long Khánh được sáp nhập với Bà Rịa và Biên Hòa thành Long Bà Biên và sau đó là Bà Rịa – Long Khánh. Đây cũng là thời kỳ chuẩn bị bước vào đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 mà Bà Rịa, thị xã Cáp (Vũng Tàu) và thị trấn Xuân Lộc là những trọng điểm chỉ đạo. Tỉnh ủy đã điều Tiểu đoàn 440 (Tiểu đoàn 2), một trong 2 tiểu đoàn của tỉnh về chiến trường Xuân Lộc; cử đồng chí Phạm Lạc, người cán bộ quân sự thông thạo chiến trường về chỉ đạo địa bàn này. Tiểu đoàn 440 đã chiến đấu vô cùng anh dũng trên chiến trường Xuân Lộc, và sau đó trở thành nòng cốt xây dựng bộ đội địa phương huyện Xuân Lộc (K8-K9).

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh vô cùng ác liệt với hàng loạt trận càn quét của Lữ đoàn 173, Lữ đoàn 199 Mỹ, Chiến đoàn “kỵ binh bay” số 11 Mỹ và Sư đoàn 18 ngụy phục vụ chương trình bình định cấp tốc. Đây cũng là thời kỳ nhiều đơn vị lực lượng Miền tăng cường về địa bàn này hỗ trợ cho phong trào chống phá bình định cấp tốc ở địa phương như Sư đoàn 5 chủ lực Miền, Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 chủ lực

⁽¹⁾ H4 sau tách ra thành lập 2 Ban Cán sự: Ban Cán sự vùng 1 gồm các sở Ông Quế, Hàng Gòn; Ban Cán sự vùng 2 gồm các sở Dầu Giây, An Lộc, Suối Tre, Sờ 97.

Miền...

Địa bàn Xuân Lộc trở thành căn cứ địa cách mạng của huyện, của tỉnh và của Miền. Ban Cán sự T7 (khu miền Đông) đóng tại đồi Mặt Trăng, núi Mây Tàu. Sư đoàn 5 chủ lực Miền được xây dựng ngay tại Bảo Bình, Mây Tàu. Xuân Lộc cũng là địa bàn đóng quân và tác chiến của lực lượng vũ trang Quân khu như Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 và Sư đoàn 5 chủ lực Miền.

Trong điều kiện chiến sự diễn ra hết sức ác liệt, Đảng bộ, quân và dân Xuân Lộc vẫn hết sức chú trọng xây dựng thực lực cách mạng, từ lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, biệt động, an ninh, cơ sở đô thị, cơ sở binh vận, hậu cần... Qua phong trào quần chúng đã hạn chế, vô hiệu hóa được một số đồn bót, móc nối được binh sĩ, sĩ quan nguy ở nhiều đơn vị, mở ra các cửa khẩu quan trọng tại Suối Cát, Căn cứ 4, ngã ba Ông Đồn, Tà Lú cung cấp lương thực thực phẩm, thuốc men cho cách mạng, đảm bảo sức chiến đấu cho lực lượng của tỉnh và của khu. Lực lượng vũ trang Xuân Lộc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo, chủ động tiến công địch, lập nên những chiến công xuất sắc.

Từ năm 1974, được sự chỉ đạo của Khu ủy và Quân khu miền Đông, được sự hỗ trợ của lực lượng chủ lực Miền, phong trào ba mũi giáp công ở Xuân Lộc – Long Khánh phát triển mạnh mẽ, liên tục tiến công địch, diệt ác phá kềm, phá áp chiến lược, giải phóng xã ấp, điển hình là Chiến dịch lộ 2 (tháng 3-1974) tiêu diệt nhiều sinh lực địch, thu hồi vùng giải phóng lộ 2. Tiếp đó là các đợt hoạt động cao điểm cùng bộ đội chủ lực tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Quốc lộ 1, giải phóng căn cứ 2, căn cứ 3, Tà Lú, giải phóng ấp 2 và ấp 3 xã Bảo Bình (tháng 5-1974), giải phóng hoàn toàn xã Bảo Chánh (tháng 12-1974), tăng thêm thế và lực của cách mạng, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch.

Bước vào những tháng đầu năm 1975, sau khi ta giải phóng Phước Long, tiếp đó là Chiến thắng Buôn Ma Thuột, chấp hành sự chỉ đạo của trên, quân và dân Xuân Lộc – Long Khánh đã đẩy mạnh diệt ác phá kềm, phá áp chiến lược, thực hiện quyết tâm “ấp giải phóng ấp, xã giải phóng xã”, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng trên dứt điểm tỉnh lỵ Long Khánh.

Bước vào Chiến dịch, quân và dân Xuân Lộc – Long Khánh đã tham gia cùng với lực lượng vũ trang tỉnh và bộ đội chủ lực đánh địch ở ngoại vi, chặn viện, mở ra thế tiến công trên diện rộng, giải phóng hoàn toàn xã ấp, góp phần vào chiến công chung giải phóng hoàn toàn địa bàn Long Khánh, Bà Rịa và Vũng Tàu, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam trong mùa Xuân đại thắng 1975.

Để kết thúc ý kiến phát biểu, chúng tôi xin nhấn mạnh một số điểm sau:

1. Xuân Lộc – Long Khánh là địa bàn quan trọng án ngữ cửa ngõ phía bắc Sài Gòn, án ngữ giao điểm của những tuyến giao thông quan trọng: Quốc lộ 1 – lộ 2 – đường xe lửa Bắc – Nam, là đầu cầu quan trọng liên lạc của ta từ Bà Rịa về Chiến khu Đ và ngược lại. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã xây dựng tại đây những căn cứ quân sự và hệ thống đồn bót án ngữ vị trí chiến lược về quân sự, đồng thời bảo vệ nguồn lợi kinh tế từ các đồn điền cao su và các loại cây công nghiệp.

2. Xuân Lộc – Long Khánh là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Hầu như các thủ đoạn đánh phá phong trào cách mạng của địch đều diễn ra tại chiến trường này, từ hệ thống tháp canh Đờ Latua, những khu đồn dân thời Pháp đến quốc sách tổ cộng diệt cộng, áp chiến lược của Mỹ – ngụy cùng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận trong chiến tranh cục bộ và sau này là Việt Nam hóa chiến tranh. Nhưng với truyền thống cách mạng kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Xuân Lộc – Long Khánh đã cùng cả nước làm phá sản các âm mưu thủ đoạn của địch.

3. Trong gian khổ, ác liệt, Xuân Lộc luôn có sự quan tâm chỉ đạo của Đảng từ Liên Tỉnh ủy, Khu ủy, đến Xứ ủy và Trung ương Cục, đặc biệt là sự chỉ đạo của Tỉnh ủy 2 tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa – Long Khánh. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng bộ Bà Rịa, Bà Rịa – Long Khánh đã chú trọng đầu tư cán bộ, xây dựng cơ sở Đảng, phát triển cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang, chỉ đạo trọng điểm địa bàn này, xây dựng Xuân Lộc – Long Khánh thành một căn cứ địa cách mạng của tỉnh và của Miền, xây dựng cơ sở hậu cần và địa bàn đứng chân cho các lực lượng cách mạng, góp phần quan trọng vào những chiến công của quân và dân miền Đông Nam bộ.

4. Những nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ, quân và dân Xuân Lộc – Long Khánh trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ đã góp phần to lớn vào chiến công chung của hai tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa – Long Khánh, đồng thời tạo tiền đề quan trọng cho trận đánh quyết định tại Xuân Lộc tháng 4-1975 mà các tham luận trong hội thảo đã trình bày. Nhà nước ta đã tặng nhiều huân chương và phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho quân và dân Xuân Lộc và nhiều xã, nhiều đồn điền cao su và các cá nhân.

P.V.H

GIẢI PHÓNG BIÊN HÒA TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

PHAN VĂN TRANG*

Xuân Lộc trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc tỉnh Biên Hòa. Trong từng giai đoạn cách mạng Xuân Lộc được Đảng quyết định tách ra về Bà Chợ 1951 và sau Hiệp định Giơnevơ (Genève) 1954, Xuân Lộc trở lại đội hình tỉnh Biên Hòa và khi Mỹ gây chiến tranh đặc biệt 1960, Đảng quyết định tách Xuân Lộc về tỉnh Bà Rịa. Xuân Lộc có vị trí quan trọng tiếp giáp Chiến khu Đ và nối liền căn cứ rừng núi cực Nam Trung bộ, Xuân Lộc cặp Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1. Để đương đầu với ta, Mỹ – ngụy quyết định thành lập tỉnh Long Khánh 1957 (Xuân Lộc nằm gọn tỉnh Long Khánh). Thị trấn Xuân Lộc là tỉnh lỵ Long Khánh. Về phía ta, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh Long Khánh nâng vị thế Xuân Lộc lên tầm cỡ một tỉnh mang tính chiến lược quan trọng suốt từ thời kỳ chiến tranh đặc biệt đến chiến tranh cục bộ.

Xuân Lộc mặc dù tách khỏi tỉnh Biên Hòa, nhưng địa lý Xuân Lộc – Biên Hòa nối liền nhau như là một (Biên Hòa cách Sài Gòn 30 km, nói Biên Hòa là nói Xuân Lộc). Khi nâng Xuân Lộc lên thành tỉnh Long Khánh, giữa ta và địch tranh chấp quyết liệt. Địch tăng cường lực lượng và không ngừng càn quét đánh phá phong trào cách mạng Xuân Lộc gây cho Xuân Lộc nhiều thiệt hại. Về phía ta, tỉnh chỉ đạo 3 mũi giáp công chính trị, quân sự, binh vận tấn công địch liên tục, đặc biệt lực lượng biệt động thị xã Long Khánh, du kích mật, an ninh mật kết hợp trong ngoài đánh nhiều trận và diệt địch từ trong nội thị và vùng ven, phong trào du kích chiến tranh của Xuân Lộc – Long Khánh rất mạnh. Suốt cả quá trình đấu tranh cách mạng từ sau Hiệp định Giơnevơ 1954 đến 30-4-1975 Xuân Lộc – Long Khánh là địa bàn tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Trung ương Cục, Quân ủy Bộ Tư lệnh miền Nam, Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông quyết định mở Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc rất đúng lúc. Chiến dịch Xuân Lộc (từ 9-4 đến 21-4-1975) diễn ra trong bối cảnh chiến dịch mùa khô 1974 – 1975 ở miền Nam đã giành thắng lợi to lớn. Quân và dân ta đã tấn công giải phóng Tây Nguyên và tuyến Duyên Hải miền Trung Trung bộ. Toàn bộ ngụy quân ngụy quyền ở Quân khu 1, Quân khu 2 bị ta tấn công quét sạch. Trước nguy cơ mất chế độ Sài Gòn, Mỹ – ngụy dồn sức tập trung tăng cường phòng thủ Xuân Lộc, lấy Xuân Lộc làm tuyến phòng thủ cuối cùng ở phía đông Sài Gòn để ngăn chặn bước tiến công như vũ bão của lực lượng cách mạng hòng giữ cho được chế độ tay sai Sài Gòn. Chính vì thế địch đã tăng cường quân chủ lực và phương tiện chiến tranh còn lại ở Quân đoàn 3 Quân khu 3 nhằm tử thủ Xuân Lộc, do đó, tại Chiến dịch Xuân Lộc địch phản kích rất quyết liệt, bom pháo dữ dội hủy diệt trận địa ta. Bằng quyết tâm cao, quân dân ta quyết tiêu diệt địch giải phóng Xuân

(*) Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (U1), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

Lộc. Ngót 12 ngày đêm, ta đã chiến thắng và hoàn toàn giải phóng Xuân Lộc, mặc dù lực lượng ta thương vong khá nặng nhưng cái được của ta là đã tiêu diệt phần lớn quân tinh nhuệ của địch, bọn còn sống sót bung ra tháo chạy. Ta đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch, mở đường cho đại quân tiến về giải phóng Biên Hòa, giải phóng Sài Gòn.

Chiến dịch Xuân Lộc biểu hiện rõ tư tưởng quyết chiến và quyết thắng của toàn quân ta. Sự thống nhất và kiên quyết, sáng suốt linh hoạt vận dụng chiến thuật rất tài tình của chỉ đạo, chỉ huy. Với sự kết hợp rất chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân mang tính chiến dịch tổng hợp rất cao, rất mạnh giành thắng lợi trọn vẹn.

Chiến dịch Xuân Lộc mở ra cũng là thời điểm Khu ủy, Bộ Tư lệnh miền Đông phổ biến Chỉ thị Trung ương, Trung ương Cục giải phóng miền Nam cho Thường vụ Thành ủy Biên Hòa. Đêm 9-4-1975, nội dung Chỉ thị Trung ương giải phóng miền Nam và kế hoạch giải phóng Biên Hòa đã được phổ biến cho Phân ban Thành ủy trong nội thành Biên Hòa. Vấn đề trước nhất là phát huy thắng lợi dồn dập của quân và dân ta ở miền Trung, Buôn Ma Thuột và Chiến dịch Bình Long, Phước Long. Phát huy thắng lợi Chiến dịch Xuân Lộc (Long Khánh). Tiếng súng tấn công của quân và dân ta tấn công địch ở Xuân Lộc tác động rất mạnh về thành phố Biên Hòa, Sài Gòn. Tôi đã chứng kiến dân chúng thành phố Biên Hòa ở thời điểm này bàn tán rất sôi nổi "quân giải phóng đánh thắng Buôn Ma Thuột, quân giải phóng bao vây đánh địch ở tỉnh lỵ Long Khánh"... Binh lính ngụy tại chỗ và các nơi chạy dồn về thành phố Biên Hòa đông nghẹt, tâm trạng hoang mang lo sợ. Một thành phố Biên Hòa như vậy mà lực lượng Quân đoàn 3, Nha cảnh sát miền Đông, tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa, trung tâm chiêu hồi, ty cảnh sát, tinh đoàn bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự, xe tăng thiết giáp, pháo binh... đông nghẹt. Lực lượng cách mạng tại chỗ lúc này có nhiệm vụ tuyên truyền vận động, tác động tinh thần, tư tưởng binh sĩ ngụy bỏ ngũ. Lính ngụy rã ngũ trốn hàng loạt, số còn lại cũng chẳng xét bắt ai, tất cả đều hoang mang sợ chết. Có thể nói, những ngày quân ta đánh Xuân Lộc là những ngày thành phố Biên Hòa rất sôi động, bàn tán khắp nẻo đường về tin thắng lợi của ta, thất thủ của địch, quân chúng chẳng còn tỏ ra sợ địch vì nhìn thấy binh lính địch hoang mang sợ chết. Chiến dịch Xuân Lộc và Chiến thắng Tây Nguyên, chiến thắng khắp nơi ảnh hưởng rất lớn đến thành phố Biên Hòa, thành phố Sài Gòn, tạo thời cơ thuận lợi cho cuộc tiến công của ta giải phóng Biên Hòa, giải phóng Sài Gòn. Kẻ thù hoang mang run sợ, các tầng lớp nhân dân sôi nổi vui mừng, lực lượng cách mạng có tổ chức ở nội thành nhân lên gấp bội. Ủy ban khởi nghĩa đã được thành lập ở các phường, xã trong toàn thành và Khu công nghiệp Biên Hòa. Lực lượng vũ trang, lực lượng quần chúng có tổ chức chờ lệnh cướp chính quyền, cờ, khẩu hiệu, lời kêu gọi của Ủy ban khởi nghĩa đã ghi âm, 10 điều kêu gọi binh sĩ ngụy bỏ súng về với nhân dân, rải dán khắp nơi trong thành, tất cả mọi mặt đã chuẩn bị sẵn sàng.

Khi Xuân Lộc – Long Khánh giải phóng hoàn toàn thì ở thành phố Biên Hòa đã tổ chức hoàn tất các kế hoạch bố trí lực lượng cướp chính quyền tỉnh, quận, xã, phường. Kế hoạch giải phóng trại tù Tân Hiệp... chờ lệnh kết hợp lực lượng Quân

đoàn 4 đánh vào những điểm then chốt, lực lượng tại chỗ nhanh chóng cướp chính quyền.

Sau 28 năm giải phóng Xuân Lộc - Long Khánh, hôm nay Tỉnh ủy Đồng Nai, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 tổ chức hội thảo về Chiến dịch Xuân Lộc, nhận thức của tôi, tôi rất tán thành và chắc chắn các thế hệ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Long Khánh – Đồng Nai rất phấn khởi và tán thành; vì đây là sự kiện có ý nghĩa rất lớn khiến ta nhớ lại một giai đoạn lịch sử hào hùng, những chiến công tô đậm cho lịch sử của Đảng bộ, quân dân Xuân Lộc – Đồng Nai anh hùng trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc giành độc lập tự do thống nhất Tổ quốc. Chiến dịch Xuân Lộc đánh dấu mốc lịch sử góp sức cho toàn cuộc đánh bại kẻ thù, kết thúc chiến tranh 30 năm chống xâm lược, đánh bại 2 đế quốc to Pháp và Mỹ. Chiến dịch Xuân Lộc gắn liền Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Chiến thắng kỳ diệu của nhân dân ta đã làm chế độ tay sai Mỹ ở Sài Gòn sụp đổ, “Tổng thống” Nguyễn Văn Thiệu, tên tay sai bán nước hung ác nhục nhã bỏ cuộc chạy trước, một đám tàn quân bại trận giờ tay đồng loạt đầu hàng.

Tham luận nhiều anh phát biểu rất sâu, rất tốt, ý nghĩa và bài học về tư tưởng chiến lược, chiến thuật của Chiến dịch Xuân Lộc để lại di sản vô giá cho các thế hệ nối tiếp với bài học chiến đấu chống xâm lược, giải phóng dân tộc giành độc lập vô cùng khó khăn, gian khổ và sự hy sinh to lớn của một dân tộc. Hòa bình lập lại, nhiệm vụ của giai đoạn mới đã giao cho chúng ta "Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", giữ vững thành quả cách mạng lại càng khó hơn. Đảng bộ và nhân dân quyết tâm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.

P.V.T

QUÂN VÀ DÂN ĐỊA BÀN NÔNG THÔN TỈNH BIÊN HÒA NỔI DẬY TIẾN CÔNG ĐỊCH, TẠO THỂ LỰC MỚI PHỐI HỢP VỚI CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

NGUYỄN VĂN THÔNG*

Tỉnh Biên Hòa nông thôn gồm 5 huyện và Đảng ủy Cao Su. Tỉnh nằm về hướng đông, đông bắc, đông nam Sài Gòn – Chợ Lớn và giáp với Xuân Lộc về hướng đông.

Những tháng cuối năm 1974 và 3 tháng đầu năm 1975, được sự chỉ đạo của Thường vụ Trung ương Cục, Quân ủy Miền và trực tiếp của Thường vụ Khu ủy miền Đông, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trên địa bàn tỉnh Biên Hòa nông thôn đã liên tục mở những đợt tiến công nhằm tiêu hao, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận lực lượng bình định của địch, tạo thêm thể mới, lực mới tại địa bàn ấp xã, và các thị trấn chi khu...

Trước khi thể tiến công địch bùng bùng trên toàn Miền và sự chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, ngày 31 tháng 3 năm 1975, Tỉnh ủy Biên Hòa họp và quyết định:

“... Tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng toàn tỉnh. Vì thời cơ chiến lược xuất hiện. Toàn Đảng bộ khẩn trương triển khai tổ chức mọi mặt với tinh thần: “Một ngày bằng 20 năm dồn lại. Đó là ngày giải phóng quê hương” phục vụ phong trào công kích và khởi nghĩa ở từng địa bàn xã, huyện đồng thời đảm bảo khi “chủ lực” tiến công một số mục tiêu “chủ yếu”, thì địa phương lập tức huy động lực lượng ba mũi tại chỗ bao vây bức hàng đồn bót... quét sạch nguy quân, nguy quyền, giải phóng ấp, xã... giải phóng huyện...”.

Trong khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức, bố trí các tiểu đoàn như: Tiểu đoàn 240, Tiểu đoàn 6... và các lực lượng tập trung các huyện vào các trọng điểm tấn công và điều động bố trí hàng trăm cán bộ cấp tỉnh và huyện nhằm trực tiếp tổ chức chỉ đạo phong trào ba mũi tấn công địch ở trọng điểm từng huyện và trọng điểm của tỉnh là hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch, thì Đảng bộ chúng tôi được tin và nghe tiếng súng “Chiến dịch Xuân Lộc” nổ ra sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975. Tiếng súng vang rền như giục giã toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Biên Hòa nông thôn xông lên tấn công địch.

Tại trọng điểm Nhơn Trạch từ các xã: Phước Thiện, Phước Kiển, Phước Lai, Phước Thọ... các lực lượng tỉnh, huyện, xã cùng lực lượng quần chúng tại chỗ đã chiến đấu quyết liệt với 2 chiến đoàn 48, 52 và 8 đại đội bảo an suốt thời gian 1 tuần lễ, loại khỏi vòng chiến đấu trên 300 tên địch.

Cùng thời gian đó, lực lượng huyện Thống Nhất, đội du kích Hưng Lộc cùng Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đánh tan nhiều đợt phản kích của Thiết đoàn 315. Ta

(*) Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (nông thôn).

đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, thu gần 100 súng và bắn cháy nhiều xe tăng địch.

Cùng thời gian trên, ở các huyện Long Thành, Vĩnh Cửu, Bình Sơn, Nhơn Trạch... chi bộ Đảng phát động phong trào ba mũi của nhân dân bao vây đồn bót địch, bắn tỉa, phát loa kêu gọi binh sĩ bỏ súng trở về gia đình... hàng chục đội phòng vệ dân sự bị giải tán, ta thu nhiều súng, nhiều tên ác ôn bình định bị trừng trị, hàng chục ấp được giải phóng... Đồng bào đâu đâu cũng phấn khởi tham gia tấn công địch và giúp đỡ các đơn vị bộ đội chăm sóc thương binh.

Trước tình hình đó, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo huy động nhiều lượt xe ủi và hàng trăm lượt công nhân Bình Sơn sửa chữa khôi phục đường 10 từ sở Bình Sơn đến sở Ông Quế để chuẩn bị cho chủ lực ta mở hướng “tiên công mới”...

Nhìn chung, toàn chiến trường Biên Hòa nông thôn đến ngày 21 tháng 4 năm 1975, các lực lượng địa phương đã đồng loạt tiến công địch, phối hợp nhịp nhàng với Chiến dịch Xuân Lộc, giải phóng Long Khánh, đập tan “cánh cửa thép” của địch, tạo điều kiện thuận lợi to lớn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

N.V.T

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH BIÊN HÒA TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC (4-1975)

Đại tá NGUYỄN TẤN DANH*

Trước năm 1975, do yêu cầu chiến trường, địa bàn Đồng Nai gồm 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh và Tân Phú. Tỉnh Biên Hòa có các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Cao Su và thị xã Biên Hòa.

Biên Hòa là địa bàn có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự của miền Đông Nam bộ, ngày nay cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu thành khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam. Tỉnh Biên Hòa có hệ thống giao thông đường bộ: Quốc lộ 1, Quốc lộ 15 (nay là Quốc lộ 51), Quốc lộ 20, đường sắt Bắc – Nam, đường sông Đồng Nai, sông Lòng Tàu nối thông Sài Gòn, Nhà Bè ra biển Đông..., rất thuận lợi cho việc xây dựng bến cảng, kho tàng kinh tế, quân sự. Đặc biệt, tỉnh Biên Hòa có địa thế ba vùng: rừng núi, đồng bằng nông thôn và đô thị, rất thuận lợi trong việc xây dựng căn cứ địa cách mạng; xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân; là chiến trường tiêu diệt sinh lực địch, các phương tiện chiến tranh, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường chung và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng địa phương.

Trong hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đều chọn Biên Hòa làm trung tâm chỉ huy ở miền Đông Nam bộ, là vành đai phía đông để bảo vệ thủ phủ nguy quyền ở Sài Gòn. Chúng khẳng định để mất Biên Hòa là mất Sài Gòn, nên ưu tiên bố trí lực lượng lớn quân nguy, quân viễn chinh Mỹ và các loại quân chư hầu bao gồm: Bộ tư lệnh Quân đoàn 3, Nha cảnh sát miền Đông, Bộ tư lệnh Dã chiến 2, Bộ tư lệnh Hậu cần số 1 của Mỹ, tổng kho liên hợp Long Bình, kho Thành Tuy Hạ, các căn cứ quân sự Nước Trong, Hóc Bà Thúc, sân bay quân sự Biên Hòa...

Với truyền thống bất khuất, kiên trung, son sắt với Đảng, với dân, với nước, trải qua 30 năm kháng chiến, lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đoàn kết quân dân, chính, Đảng, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm chiến đấu kiên cường, bất khuất lập nên những chiến công tiêu biểu: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá, La Ngà (trong chống Pháp), sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ, Xuân Lộc (trong chống Mỹ) và cùng cả nước đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân đế quốc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, quân giải phóng tiếp tục tấn công thần tốc giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, phát triển tiến công xuống miền Trung, ven biển. Quân đoàn 1, Quân khu 1, Quân đoàn 2, Quân khu 2 của địch tan rã. Chế độ tay sai Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Đó là thời cơ lớn để các lực lượng vũ trang

(*) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.

Biên Hòa đẩy mạnh tiến công địch, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 28 tháng 3 năm 1975, Mỹ cử một phái đoàn quân sự do tướng Uayen cầm đầu đến Sài Gòn thị sát chiến trường miền Đông, tìm giải pháp hòng cứu nguy cho chế độ Sài Gòn, xây dựng tuyến phòng thủ kéo dài từ Phan Rang tới Xuân Lộc, lấy Xuân Lộc làm điểm phòng ngự chính. Bởi vì, theo nhận định của chúng: “Xuân Lộc là “chiếc xoáy ốc cuối cùng” quyết định số phận của thành phố Sài Gòn và mất Xuân Lộc, Việt Cộng sẽ thiết lập được một vòng cung vững chắc cách Sài Gòn 80km. Như vậy, Sài Gòn sẽ bị thắt chặt trong một cái thòng lọng khổng lồ bằng sắt vô cùng nguy hiểm”.

Lực lượng địch tập trung giữ tuyến phòng thủ Xuân Lộc gồm: Sư đoàn 18 bộ binh (có 3 Chiến đoàn 43, 48 ở thị xã Long Khánh, Chiến đoàn 52 ở Kiệm Tân, Dầu Giây) do tướng Lê Minh Đảo chỉ huy; Trung đoàn 5 thiết giáp, 2 tiểu đoàn pháo binh, Tiểu đoàn 82 biệt động quân, 7 tiểu đoàn bảo an, 5 đại đội cảnh sát, quân cảnh, 2 đại đội biệt lập. Khi chiến dịch nổ ra, địch tăng cường thêm Lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp, Lữ đoàn dù 1, 3 tiểu đoàn biệt động quân và Chiến đoàn 8 Sư đoàn 5. Trên địa bàn Biên Hòa, Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 nguy lập một phòng tuyến phòng thủ ngăn chặn từ xa cách trung tâm 15 đến 20 km về hướng đông bắc và đông nam Biên Hòa. Chúng bố trí Lữ đoàn 285 thủy quân lục chiến gồm 3 tiểu đoàn (tiểu đoàn bộ Tiểu đoàn 4 ở Tam Hiệp, 2 đại đội và 1 pháo đội ở Đường Kiểm và Bùng Binh (Thiện Tân), Tiểu đoàn 6 có 3 đại đội ở Hồ Nai và Đồng Lách); Lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến ở Cô nhi viện, ngã ba Thái Lan, đường 15b. Với lực lượng bố trí lên đến 3 sư đoàn, địch tin vào tuyến phòng thủ Xuân Lộc có đủ lực để chặn đứng quân giải phóng, hy vọng tìm ra một giải pháp chính trị duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến nhanh chóng tình hình trên chiến trường, ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam¹ quyết tâm: *“nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích – tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4-1975, không thể để chậm”*. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền chủ trương mở Chiến dịch Xuân Lộc với các lực lượng tham gia chính gồm: Quân đoàn 4, Quân khu 7 và lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Mục tiêu là đập tan tuyến phòng ngự của địch ở Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh, tạo điều kiện cho hướng tiến công về Biên Hòa, Sài Gòn. Cùng ngày 31-3, Ban Chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định “lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân khẩn trương tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng toàn tỉnh. Thời cơ chiến lược đã xuất hiện, các Đảng bộ nhanh chóng triển khai tổ chức lực lượng mọi mặt với tinh thần “Một ngày bằng 20 năm” quyết tâm giải phóng quê hương. Kết hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang chủ lực, tấn công ba mũi chính trị, vũ trang, binh vận, bức hàng đồn bót địch, quét sạch nguy quân, nguy quyền, giải phóng

⁽¹⁾ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội từ 14-12 đến 20-12-1976 quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

toàn bộ xã, ấp, thị trấn”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang cùng nhân dân khẩn trương, náo nức bước vào chuẩn bị chiến đấu. Tỉnh đội Biên Hòa, Tiểu đoàn 6, Tiểu đoàn 240 và các huyện đội đều mở lớp tập huấn quân sự cho cán bộ, chiến sĩ để nâng cao sức chiến đấu cho các lực lượng vũ trang. Sau đợt bổ sung, huấn luyện quân số tăng lên rõ rệt: lực lượng vũ trang các huyện từ 337 cán bộ, chiến sĩ nay tăng lên 791; lực lượng vũ trang tỉnh từ 227 cán bộ, chiến sĩ tăng lên 320; khí thế, tinh thần và quyết tâm chiến đấu của lực lượng vũ trang được củng cố, nâng cao, tích cực đẩy mạnh hoạt động tác chiến đánh địch, tạo thế, xây dựng bàn đạp, mở rộng vùng giải phóng. Đầu tháng 4-1975, lực lượng vũ trang tỉnh nhận được chỉ thị tiến công địch trên khắp chiến trường nhằm kìm chân địch tại chỗ, tạo điều kiện cho chủ lực của trên tiến hành Chiến dịch Xuân Lộc theo kế hoạch.

5 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, pháo ta bắn cấp tập vào các mục tiêu quan trọng của địch trong thị xã Long Khánh, mở màn Chiến dịch Xuân Lộc. 6 giờ 40 phút, xe tăng, bộ binh ở các mũi đồng loạt tiến công địch. Sư đoàn 7 thực hiện nhiệm vụ tiến công hướng chủ yếu từ hướng bắc đánh chiếm hậu cứ Sư đoàn 18; Sư đoàn bộ binh 341 đảm nhiệm hướng thứ yếu từ hướng bắc đánh chiếm các mục tiêu trung tâm trong thị xã; Sư đoàn 6 (Quân khu miền Đông) đảm nhiệm tiến công hướng tây tiêu diệt các chốt địch từ Hưng Lộc đến đèo Mẹ Bông Con, chặn các lực lượng giải toả của Quân đoàn 3 ngụy lên chi viện cho Xuân Lộc bằng đường bộ.

Thực hiện chủ trương của Bộ Tư lệnh Miền và hỗ trợ mặt trận Xuân Lộc, Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo: xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện. Lực lượng vũ trang tỉnh bao gồm: Tiểu đoàn 6, Tiểu đoàn 240, bộ đội địa phương các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Vĩnh Cửu thực hành phối hợp chiến đấu cùng các đơn vị chủ lực trên các hướng, tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, Quốc lộ 15, tỉnh lộ 17, 19 nhằm khống chế, ngăn chặn tiếp viện của địch từ Biên Hòa cho Xuân Lộc. Phối hợp với Sư đoàn 6 đánh địch ở ngã ba Dầu Giây, bộ đội địa phương huyện Định Quán độc lập đánh làm chủ xã Túc Trưng, cắt Quốc lộ 20. Ngày 1-4, bộ đội và du kích huyện Thống Nhất phối hợp với Trung đoàn 4 và Trung đoàn 95B diệt gọn 2 tiểu đoàn địch thuộc Chiến đoàn 52, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn xe bọc thép, bắt hàng trăm tên địch, bao vây chi khu Kiệm Tân, kiểm soát Quốc lộ 20 và cắt đứt Quốc lộ 1 đoạn Trảng Bom. Đêm 15-4, bọn tàn quân từ Định Quán, Túc Trưng kéo về Kiệm Tân làm bọn địch trong chi khu vô cùng hoảng loạn, suy sụp tinh thần bỏ chạy theo hướng Sóc Lu về Bàu Hàm. Lực lượng vũ trang huyện và du kích Bàu Hàm chặn đánh tại đồi Chuối, diệt và bắt tại chỗ trên 100 tên địch.

Ngày 17 tháng 4, Sư đoàn 6, Trung đoàn độc lập 95B cùng bộ đội địa phương huyện Thống Nhất, du kích xã Hưng Lộc xây dựng trận địa trên tuyến Quốc lộ 1 chốt chặn, đẩy lùi nhiều đợt phản kích của Thiết đoàn 315 và Chiến đoàn 8 Sư đoàn 5 ngụy, tiêu diệt 2 tiểu đoàn và hàng chục xe tăng địch. Ở hướng bắc thành phố Biên Hòa, ngày 20-4, bộ đội huyện, du kích, lực lượng chính trị tấn công Đại An, Tân Định, chi khu Công Thanh phối hợp với Đoàn đặc công 113 tấn

công chiếm giữ căn cứ Hóc Bà Thước. Lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu (Đại đội 26) nhanh chóng hành quân về kết hợp cùng du kích các xã dọc lộ 24 Tân Phú, Lợi Hòa, Bình Thạnh, Bình Phước, Tân Triều, Bình Ý, Bình Hòa, cùng quần chúng nhân dân tấn công vũ trang kết hợp binh vận kêu gọi bọn địch buông súng đầu hàng, làm cho toàn bộ bộ máy ngụy quyền gồm 2087 tên hoàn toàn tan rã. Song song với hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương, phong trào quần chúng ngày một dâng cao ở nhiều nơi trong tỉnh, nhân dân và du kích phối hợp tiến công đồng loạt, làm tan rã bộ máy tề ngụy ở sở cao su Bình Sơn, Bàu Hàm, Thanh Sơn, Gia Kiệm. Trên hướng Quốc lộ 15 (Long Thành) Đại đội 1, Đại đội 27 bộ đội địa phương và du kích liên tục chống địch càn quét, đồng thời huy động lực lượng ba mũi tại chỗ bao vây bức hàng đồn bót, tiến hành vũ trang tuyên truyền ở Phước Nguyên, An Lợi, thị trấn. Ở huyện Nhơn Trạch, Đại đội 240 huyện và du kích tiếp tục bao bót địch ở Phú Hội, đập mô, gài trái, phục kích đánh địch chia cắt từng đoạn trên tỉnh lộ 17, 19. Khi địch ở Xuân Lộc tháo chạy về hướng Cẩm Đường, Bình Sơn, lực lượng vũ trang tỉnh, tự vệ các cơ quan, du kích xã Bình Sơn bao vây, bắn tỉa, kêu gọi và bắt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí.

Các lực lượng vũ trang tỉnh trong Chiến dịch Xuân Lộc thực hành chia cắt ngăn chặn sự chi viện của địch từ các hướng Quốc lộ 20, Quốc lộ 1, Quốc lộ 15, tỉnh lộ 17, 19, góp phần căng kéo địch ở hướng Biên Hòa, bao vây cô lập địch ở Xuân Lộc, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực tiêu diệt và đập tan tuyến phòng thủ của chúng ở Xuân Lộc – Long Khánh, mở ra cục diện mới cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Biên Hòa, giải phóng Sài Gòn – Gia Định.

Hoạt động phối hợp chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh trong Chiến dịch Xuân Lộc là sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc bằng sự kết hợp hai lực lượng và hai hình thức đấu tranh: quân sự và chính trị; kết hợp tác chiến của ba thứ quân với các cuộc nổi dậy của quần chúng cách mạng; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp các hình thức tác chiến du kích của bộ đội địa phương, dân quân du kích, tự vệ với các hình thức tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng; đánh căn cứ hậu cần địch, đánh giao thông, đánh trong đô thị, đánh địch cả trong và ngoài công sự, buộc quân địch luôn bị phân tán lực lượng, bị bao vây, chia cắt, phải bị động đối phó với ta.

Hoạt động của lực lượng vũ trang Biên Hòa trong thời gian diễn ra Chiến dịch Xuân Lộc có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, không chỉ góp phần đắc lực trong việc chia cắt, kìm chân quân địch tại chỗ, tạo điều kiện cho các lực lượng thực hành chiến dịch thắng lợi; mà còn tạo ra một thế trận tiến công mới tại các địa phương, chuẩn bị mọi mặt, tranh thủ thời cơ mới được mở ra sau thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc, tiến lên thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy đập tan hệ thống kìm kẹp của ngụy quân, ngụy quyền, giành quyền làm chủ, giải phóng quê hương. Có thể nói, đợt hoạt động phối hợp với Chiến dịch Xuân Lộc của các lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa chính là cuộc tiến công tổng hợp cả về quân sự và chính trị trước khi bước vào tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Biên Hòa, giải phóng Sài Gòn – Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

N.T.D

BẮT ĐẠI TÁ TỈNH TRƯỞNG NGUYỄN PHẠM VĂN PHÚC

MAI THANH XUÂN*

Vừa thành lập trước đó 2 tuần, vừa huấn luyện vừa tham gia chiến đấu, Đại đội 41 bộ đội địa phương huyện Châu Đức đã lập công xuất sắc, đánh tan đội hình hàng ngàn tên tàn quân của tiểu khu Long Khánh, bắt Đại tá Tỉnh trưởng ngụy Phạm Văn Phúc.

Ngay trong lúc mặt trận Xuân Lộc – Long Khánh đang chuẩn bị nổ súng, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bà Rịa – Long Khánh chỉ thị Huyện đội Châu Đức phải gấp rút tuyển tân binh, bổ sung cán bộ thành lập Đại đội 41. Ngày 6-4-1975, Đại đội 41 bộ đội địa phương huyện Châu Đức được thành lập tại căn cứ Hắc Dịch. Chuẩn úy Lương Văn Cao (Bảy Cao) được chỉ định là Đại đội trưởng, Thiếu úy Đoàn Minh Châu (Tur Châu – Châu Kền) là Chính trị viên. Thiếu úy Lê Đức Sỏi là Chính trị viên phó, Chuẩn úy Huỳnh Tấn Công là Đại đội phó.

Đơn vị mới thành lập, chỉ có hơn 19 cán bộ chiến sĩ, biên chế thành 3 trung đội. Đồng chí Nguyễn Sơn Hà, Trung đội trưởng Trung đội 1; đồng chí Võ Văn Ny (Côn) Trung đội trưởng Trung đội 2; đồng chí Trần Văn Ngọc là Trung đội trưởng Trung đội 3. Đơn vị được trang bị các loại vũ khí AK, đại liên, B40, B41, lựu đạn, thủ pháo, tất cả đều mới hoàn toàn, súng xanh ánh thép. Ngoài số cán bộ khung đại đội và trung đội, tất cả còn lại đều là chiến sĩ vừa nhập ngũ, chưa từng chiến đấu trận nào. Đó là một khó khăn lớn. Tuy nhiên, khí thế chiến thắng thần tốc của quân và dân ta trên các chiến trường đã động viên tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ đơn vị rất nhiều. Đội ngũ cán bộ khung là những cán bộ đã trưởng thành trong nhiều năm chiến đấu ở địa phương.

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, đơn vị được lệnh cấp tốc chuyển quân về khu vực Suối Mây, một nhánh đầu nguồn của suối Tầm Bó, vừa huấn luyện, vừa đánh địch tại mặt trận phía nam Xuân Lộc, phối thuộc với Tiểu đoàn 445 trong đội hình của bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa – Long Khánh¹. Đơn vị đứng chân tại nam lộ số 2, khu vực Cầu Xéo sở Quang Minh (cách lộ 2 chừng 1 cây số), gần Sở chỉ huy tiền phương của mặt trận phía nam². Vào thời điểm đó, đồng chí Lương Văn Cao còn đang công tác tại Đại đội 34 bộ đội huyện Châu Đức chưa về kịp, Huyện đội giao cho đồng chí Đoàn Minh Châu (nguyên là cán bộ đại đội của Tiểu đoàn 445) phụ trách cả chính trị và quân sự, chỉ huy đơn vị. Huyện đội trưởng Phạm Hoàng Vũ cử đồng chí Lê Dũng (Tur Dũng) Chính trị viên phó Huyện đội đi cùng đơn vị, phụ trách chung. Tình hình rất khẩn trương, đơn vị tổ chức cho chiến sĩ mới học tập,

(*) Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(1) Lực lượng tương đương trung đoàn, gồm: Tiểu đoàn 445 bộ đội tỉnh, Đại đội 207 bộ đội huyện Cao Su, K8 bộ đội huyện Xuân Lộc và Đại đội 34, Đại đội 41 huyện Châu Đức dưới sự chỉ huy của đồng chí Phạm Văn Côn, Tham mưu trưởng Tỉnh đội.

(2) Sở chỉ huy mặt trận phía nam đóng tại Cẩm Mỹ, đồng chí Nguyễn Minh Ninh, Tỉnh đội trưởng là Chỉ huy trưởng.

ngày tập quân sự, tối học chính trị, chuẩn bị phương án đánh địch.

Chiều 19 tháng 4 năm 1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch nhận định địch có khả năng rút chạy. Tiểu đoàn 445 và Đại đội 41 được lệnh triển khai đội hình chặn đánh địch rút chạy trên lộ 2 về Bà Rịa. Đại đội 41 triển khai đội hình ra bám lộ ở khu vực Cầu Xéo phía tây – nam lộ 2 (khu vực sở Quang Minh) làm nhiệm vụ khóa đầu. Tiểu đoàn 445 cơ động từ Bảo Bình về cửa Chữ S (khu vực sở Hoàng Quân) làm nhiệm vụ khóa đuôi. Chính trị viên phó Tiểu đội Nguyễn Minh Ninh và Tham mưu phó Phạm Văn Còn trực tiếp chỉ huy trận đánh.

Đêm 20 rạng ngày 21-4-1975, Đại đội 41 và Tiểu đoàn 445 đã triển khai xong đội hình chặn đánh địch từ địa phận sở Quang Minh đến sở Hoàng Quân, trên một tuyến dài 10 cây số. Trận địa của Đại đội 41 bố trí cách lộ 2 chừng 25-30 mét, lợi dụng địa hình các gốc cây, gò mồi, các trung đội đã triển khai đào công sự, bố trí hỏa lực. Nhiệm vụ của đơn vị là chặn đầu đám tàn quân địch rút lui, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, không cho chúng co cụm về Bà Rịa – Vũng Tàu, tạo điều kiện cho Tiểu đoàn 445 và các đơn vị bạn tiêu diệt địch.

Đại đội trưởng Lương Văn Cao giao cho Trung đội 1 là đơn vị chủ công làm nhiệm vụ khóa đầu; Trung đội 2 khóa đuôi; Trung đội 3 đánh tạt sườn (khúc giữa). Trung đội 1 do Nguyễn Sơn Hà chỉ huy có 9 tay súng. Hỏa lực được trang bị khá mạnh; 1 đại liên, 1 M60, 2 B40, còn lại là AK, thủ pháo với cơ số đạn đầy đủ. Trung đội 2 do Võ Văn Ny chỉ huy có 8 tay súng. Đại đội trưởng Lương Văn Cao cùng đi mũi khóa đuôi.

Khoảng 2 giờ sáng, đoàn xe đầu tiên của tàn quân địch có xe tăng, xe bọc thép mở đường, tắt đèn, lặng lẽ rút chạy qua khu vực trận địa. Đội hình địch thành một đoàn dài dằng dặc, có xe pháo hộ tống, quân đông như kiến. Lâu lâu mới giãn cách một tốp. Địch quá đông, lực lượng ta quá mỏng, tại mũi chủ công chặn đầu, Trung đội trưởng Trung đội 1 Nguyễn Sơn Hà dự kiến phát lệnh nổ súng đánh tốp xe đi cuối, nhưng anh em chiến sĩ trẻ luống cuống bỏ lỡ cơ hội, để đoàn xe đầu vượt mất. Đơn vị nhanh chóng chấn chỉnh lại tư tưởng, quán triệt nhiệm vụ và xây dựng quyết tâm đánh địch cho cán bộ, chiến sĩ.

Đoàn xe thứ 2 lọt vào trận địa vào lúc 4 giờ sáng. Trời đã hửng sáng, có thể nhìn thấy quân địch ngòi lỗ nhỏ trên tháp xe tăng. Phía sau tốp xe tăng là cả đoàn xe quân sự và xe bọc thép, tiếp đó là lính bộ binh đi lẫn với dân, gia đình binh sĩ. Đơn vị đã được quán triệt không được để xảy ra thương vong cho dân thường.

Khi phần lớn đội hình xe địch đi qua, Trung đội trưởng Trung đội 1 Nguyễn Sơn Hà chọn tốp xe bọc thép đi cuối ra lệnh nổ súng.

Mũi tạt sườn do Trung đội trưởng Trung đội 3 Trần Văn Ngọc chỉ huy và mũi khóa đuôi do Trung đội trưởng Trung đội 2 Võ Văn Ny chỉ huy cũng nổ súng đánh tới. Khẩu đại liên do hai xạ thủ Sơn và Sáng bắn vô mặt, đạn cày đổ mặt lộ. Đội hình địch chững lại, tốp chạy trước bỏ chạy tháo thân, không tên nào bắn lại, tốp sau vỡ ra, chạy dạt vào bìa rừng, nhằm hướng Bà Rịa chạy thực mạng.

Đồng chí Thô, Tiểu đội trưởng Tiểu đội 1, Trung đội 2 (mũi khóa đuôi) sử dụng B41 bắn cháy một chiếc xe bánh xích chở nhiên liệu của địch. Ngọn lửa bùng

lên soi rõ hai chiếc xe Jeep chở một tốp sĩ quan đang định tháo lui. Trên chiếc xe đi đầu, một tên sĩ quan truyền tin đang sử dụng máy PRC.25 liên lạc bị bắn gãy tay. Chiếc xe đi sau luống cuống lui lại, bị lật nhào xuống mương thoát nước ven đường.

Toàn bộ đội hình Đại đội 41 xung phong. Địch đã hạ vũ khí, cởi áo, mũ có quân hàm, quân hiệu ném đi, giơ tay xin hàng. Bộ đội ta nhanh chóng bắt tù binh, thu vũ khí. Một chiến sĩ của Trung đội 2 phát hiện một chiếc áo mang quân hàm đại tá ngụy, có bảng hiệu mang tên Đại tá Phạm Văn Phúc, bèn khai thác khẩu cung ngay tại chỗ. Một tên lính sợ chết đã chỉ mặt tên Đại tá Tỉnh trưởng đang lồm cồm chui lên từ dưới cống, trên người còn mặc chiếc áo thun. Tất cả đều được giải về Sở Chỉ huy. Đồng chí Võ Văn Ny đoạt luôn chiếc xe Jeep, tự tay lái xe cùng một chiến sĩ áp giải tù binh về Sở Chỉ huy. Khai thác khẩu cung sơ bộ, ta biết được trong số đó có Trung tá Lê Quang Đình trong ban liên hiệp quân sự hai bên của ngụy quyền và Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng Long Khánh cùng các sĩ quan tùy tùng của hắn¹. Sau khi tiếp nhận tù binh, cán bộ ta quán triệt chính sách tù hàng binh thì Phạm Văn Phúc đã thành khẩn nói rằng: *“Tôi đội ơn cách mạng. Nằm trong tay các ông là tôi giữ được mạng sống rồi. Bây giờ các ông có thả tôi cũng không chạy nữa. Xuân Lộc tan thì Sài Gòn sụp đổ. Chỉ vài giờ nữa thôi...”*

Chiến sự trên lộ 2 diễn ra đến sáng. Tiểu đoàn 445 từ phía của Chũ S cũng vận động đánh tới. Địch tan rã hoàn toàn. Hầu như chúng không còn chút tinh thần nào để chống cự. Tất cả đều bỏ súng, bỏ lon chạy tháo thân, hoặc đường cùng là đưa tay xin hàng. Đó cũng là thời điểm Tổng thống ngụy Nguyễn Văn Thiệu thảo bài diễn văn từ chức...

Tại căn cứ của đơn vị, chính trị viên Đại đội 41 Đoàn Minh Châu đã làm thủ tục chuyển giao tù binh cho Bộ Chỉ huy tiền phương. Ngay trận đầu ra quân, Đại đội 41 đã lập công xuất sắc, diệt hàng chục tên địch, bắt 7 tên, trong đó có Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh Phạm Văn Phúc, bắn cháy 2 xe bọc thép, thu 2 xe Jeep cùng nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh. Tàn quân địch tan vỡ hoàn toàn. Đơn vị hy sinh một đồng chí².

Sau trận đánh, đơn vị tập kết về Long Tân, bổ sung vũ khí, trang bị và tham gia giải phóng quận lỵ Long Điền trong đêm 26, rạng ngày 27-4-1975, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử³.

M.T.X

(1) Trung tá ngụy Lê Quang Đình bị thương, sau đó tử trận.

(2) Đồng chí Xuân bị đạn lạc.

(3) Tổng hợp qua tư liệu cung cấp của các đồng chí Lê Đức Sỏi, Nguyễn Sơn Hà, Đoàn Minh Châu và tư liệu lưu trữ của Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu.

LỰC LƯỢNG AN NINH BÀ RỊA – LONG KHÁNH TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

Đại tá HUỖNH VĂN HOÀNG*

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó chẳng những mở toang cánh cửa “tử thủ” của địch ở phía đông bắc, để đại quân ta tiến vào dinh lũy cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn, mà còn mở đầu cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đi đến thắng lợi hoàn toàn, kết thúc cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc của dân tộc Việt Nam, kéo dài suốt 30 năm.

Là một lực lượng vũ trang của Đảng, được sinh ra từ những ngày cả nước vùng lên cướp chính quyền, lại được nhân dân nuôi dưỡng, lực lượng Công an Đồng Nai ngày nay, cũng như lực lượng An ninh các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã không tiếc máu xương để góp phần giải phóng quê hương. Ngày nay, nhìn từ góc độ an ninh, tuy chưa thật đầy đủ, nhưng chúng tôi có đủ cứ liệu lịch sử để khẳng định rằng, lực lượng An ninh Bà Rịa – Long Khánh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong Chiến dịch Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh.

I. Ý ĐỒ XÂY DỰNG PHÒNG TUYẾN XUÂN LỘC – LONG KHÁNH CỦA ĐỊCH CÓ TỪ BAO GIỜ?

Bước vào mùa khô 1974 – 1975, chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh diễn ra hết sức quyết liệt. Cả ta và địch đều xác định thị xã Long Khánh là quyết chiến điểm trên mọi bình diện, nên từ tháng 12-1974, địch đã tăng cường phòng thủ từ xa; phòng thủ theo chiều sâu nhằm giữ thế chủ động.

Về quân sự, sau khi thành lập và tổ chức trong hệ thống phân chi khu quân sự ở cấp xã; cho phép các phân chi khu quân sự được xây trại giam, đặt ngay cạnh trụ sở tề xã để đàn áp quần chúng. Từ tháng 12 năm 1974, ngụy quyền Long Khánh tiến hành các biện pháp như đồn quân, tổ chức mới 1 liên đoàn bảo an để kết hợp cùng Tiểu đoàn 21, Liên đoàn 7 biệt động quân vừa được tăng cường về Long Khánh, tiến hành phản kích, giải tỏa... mỗi khi bị ta tấn công.

Về an ninh lãnh thổ, ngụy quyền Long Khánh ra lệnh giải tán tất cả các tổ chức quần chúng hợp pháp trong nội ô thị xã Long Khánh như: “Phong trào cứu đói”; “Phong trào đòi thi hành Hiệp định Pari”; “Phong trào cứu trợ nạn nhân chiến tranh”... Địch âm mưu bóp nghẹt các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của quần chúng, qua đó đánh phá cơ sở cách mạng của ta.

Song song, địch ban hành lệnh giới nghiêm từ 9 giờ tối đến 5 giờ sáng; điều một đại đội cảnh sát dã chiến và một trung đội quân cảnh từ Vùng 3 chiến thuật về án ngữ, chốt chặn các điểm xung yếu; chiếm lĩnh các điểm cao, các nút giao thông;

(*) Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai.

bịt kín các cửa ngõ ra vào thị xã, kết hợp tổ chức các cuộc hành quân hỗn hợp để lùng sục, truy bắt cơ sở cách mạng của ta.

Tại các ấp vùng ven, nguy quyền Long Khánh lập mới một đại đội biệt kích Lôi Hồ, đưa về Núi Thị huấn luyện cấp tốc, kết hợp với 2 đại đội biệt kích của tiểu khu 33 chiến thuật và của Sư đoàn 18, án ngữ, lùng sục các khu vực vành đai thị xã. Như vậy, trên cơ sở xác định vị trí quan trọng của thị xã Long Khánh từ đầu tháng 12 năm 1974, địch đã có ý đồ xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh.

II. LỰC LƯỢNG AN NINH BÀ RỊA – LONG KHÁNH VỚI NHIỆM VỤ ĐẬP TAN PHÒNG TUYẾN XUÂN LỘC – LONG KHÁNH CỦA ĐỊCH.

Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh mùa Xuân năm 1975, với quân dân cả nước, đặc biệt với các quân, binh chủng hợp thành, được đánh dấu bằng mốc son 12 ngày đêm (từ 9-4-1975 đến 21-4-1975) đập tan cánh cửa thép của địch. Để chuẩn bị và tạo điều kiện cho chiến dịch, các lực lượng vũ trang, trong đó có lực lượng an ninh các huyện Xuân Lộc, Cao Su, thị xã Long Khánh, đã thực hiện nhiệm vụ bám sát địa bàn đảm bảo bí mật theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban An ninh tỉnh Bà Rịa – Long Khánh.

Về chiến dịch mùa khô 1974 – 1975, với nhiệm vụ “Căng kéo, kim chân địch trong đô thị, thị xã, thị trấn, hỗ trợ cho ba mũi tấn công, vây ép địch và giải phóng các ấp vùng ven”.

Thực hiện nhiệm vụ này, Ban Chỉ huy An ninh Bà Rịa – Long Khánh chỉ đạo cho các lực lượng trinh sát vũ trang mật, trinh sát vũ trang lộ, trinh sát bảo vệ chính trị, tấn công vào các điểm trụ của bọn tình báo, cảnh sát Mỹ – nguy, bắt, diệt những đối tượng thuộc diện chỉ định; lột những màn lưới điệp ngầm mà ta đang đấu tranh. Ngay đêm 6 rạng ngày 7 tháng 12 năm 1974, trinh sát vũ trang mật, đội trinh sát vũ trang an ninh thị xã Long Khánh đã dùng mìn hẹn giờ, tấn công vào điểm trụ của bọn lính biệt kích – thám sát Trung đoàn 52 nguy tại quán Song Nga, tiêu diệt và làm bị thương 33 tên; 12 tiếng đồng hồ sau, đêm 7 tháng 12 năm 1974, trinh sát vũ trang mật an ninh thị xã Long Khánh dùng lựu đạn, tập kích vào chốt lính thám sát tiểu khu đang án ngữ khu vực vành đai thị xã, diệt 7 tên; hai ngày sau, đêm 9 tháng 12 năm 1974, trinh sát vũ trang mật an ninh thị xã Long Khánh lại dùng lựu đạn, tập kích một toán lính biệt kích – thám sát khác của tiểu khu Long Khánh đang chốt chặn tại vành đai thị xã, trận này ta không nắm được số lượng địch bị diệt. 11 giờ 30 phút ngày 12 tháng 12 năm 1974, trinh sát vũ trang mật Đinh Văn Đ (Đ lế) đã dùng mìn hẹn giờ, đánh bọn ác ôn đang ăn nhậu tại nhà hàng Viễn Đông, 27 tên địch trong đó có 17 cảnh sát đặc biệt, 1 đại úy, 1 trung úy tiểu khu 33 chiến thuật, 1 thiếu tá biệt động quân chết tại chỗ; 30 tên khác, đa phần là bọn cảnh sát đặc biệt bị thương nặng, nhiều tên đã chết trên đường đi cấp cứu, địch phải báo động toàn thị xã. Như vậy, trong vòng một tuần, chỉ riêng trinh sát vũ trang mật an ninh thị xã Long Khánh đã đánh 4 trận vào điểm trụ của bọn tình báo, biệt kích, ác ôn, loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên địch.

Giữa tháng 3 năm 1975, tổng kết 3 tháng thực hiện cao điểm N, báo cáo số

14/BC ngày 13 tháng 3 năm 1975 của An ninh tỉnh Bà Rịa – Long Khánh ghi nhận:

“Từ ngày N nổ ra đến nay (10-3-1975) trên địa bàn Xuân Lộc – Long Khánh, lực lượng trinh sát vũ trang mật an ninh thị xã Long Khánh đã đánh 5 trận vào điểm trụ của bọn tình báo, biệt kích, ác ôn và đối tượng thuộc diện chỉ định, diệt 56 tên trong đó có 20 tên biệt kích – thám sát; 18 tên cảnh sát đặc biệt, 2 tên tình báo tiểu khu, 6 tên tình báo Phủ đặc ủy trung ương tình báo nguy, 2 tên binh định, chiêu hồi... làm bị thương 54 tên khác, trong đó có 13 tên biệt kích – thám sát, 32 tên cảnh sát đặc biệt, 9 tên tình báo Phủ đặc ủy trung ương tình báo nguy. Lực lượng trinh sát vũ trang lộ an ninh thị xã Long Khánh đánh 8 trận, diệt 87 tên, trong đó có 10 tên biệt kích – thám sát tiểu khu, 32 tên biệt kích đồ đen (biệt kích Lôí Hổ); 31 tên lính thiết giáp; 6 lính pháo binh, 8 nhân viên kỹ thuật và gác lái; phá hủy 1 máy bay HU1A, làm hư nặng 2 máy bay L19, 2 pháo tự hành 105 và 155 mm; bắt 2 cảnh sát đặc biệt xã hội hóa, bắn bị thương 1 cảnh sát đặc biệt, loại khỏi vòng chiến đấu 1 ban chỉ huy đại đội biệt kích – thám sát. An ninh huyện Cao Su phối hợp với du kích đánh 3 trận, diệt 1 đại úy cảnh sát tài nguyên, 1 cảnh sát đặc biệt, 2 dân vệ; bắn bị thương 1 cảnh sát, 2 dân vệ. An ninh huyện Xuân Lộc phối hợp đánh nhiều trận và độc lập tác chiến 3 trận, diệt 1 trung úy trưởng ban 2 tiểu khu, 2 biệt kích – thám sát tiểu khu, 2 biệt kích – thám sát Sư đoàn 18, 1 đại úy trưởng phân chi khu; đột nhập vào 2 ấp Lều Xanh và Đồng Tâm bắt 3 tên ấp, 3 phòng vệ xung kích, trong đó có 1 toán trưởng có nhiều tội ác với nhân dân, thu toàn bộ tài liệu và súng đạn của chúng, giải chúng về căn cứ để giam giữ và xét hỏi. An ninh các xã, ấp đã phối hợp làm rã 12 đội phòng vệ dân sự; làm xộc xệch 1 ban tề xã, 3 ban tề ấp và 2 đội phòng vệ dân sự khác, khiến bọn tề xã, tề ấp ở các xã Tân Lập, Bảo Vinh, Bình Lộc... khiếp sợ phải chạy đi lưu vong”.

Như vậy, từ ngày 7 tháng 12 năm 1974 đến ngày 10 tháng 3 năm 1975, chỉ riêng tuyến trước, thực hiện mệnh lệnh “Căng kéo, kìm chân địch trong nội ô...”, An ninh các huyện Xuân Lộc, Cao su và thị xã Long Khánh đã loại khỏi vòng chiến đấu 226 tên địch, phá hủy 1 máy bay HU1A, làm hư hại nặng 2 máy bay L19, 2 pháo tự hành loại 105 và 155 mm; vô hiệu hóa, làm rã, làm xộc xệch, làm tê liệt hệ thống kìm kẹp của địch ở xã, ấp. Vẫn theo báo cáo số 14/BC ngày 13 tháng 3 năm 1975 của An ninh tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, các chiến sĩ tiểu ban B2 (Trinh sát bảo vệ chính trị) ở tuyến sau đã làm rã và vô hiệu hóa 33 tên mật báo viên của địch, trong đó có 17 tên được địch cài cắm tại các xã, ấp khu vực vành đai thị xã Long Khánh. Ta cũng đã lột, bắt và vô hiệu hóa 3 lưới gián điệp của địch, đó là các lưới gián điệp của tên Điều Văn Đặng hoạt động tại khu vực Gia Ray, có cố vấn Mỹ núp dưới vỏ bọc mục sư đạo Tin lành chỉ đạo; lưới gián điệp của bọn an ninh quân đội nguy do tên Đinh Văn Ngợi cầm đầu và lưới gián điệp do bọn tình báo Phụng Hoàng xây dựng và chỉ đạo do tên Nguyễn Thị Nhung tức Thuận làm tổ trưởng.

* * *

Trung tuần tháng 3 năm 1975, bị tác động mạnh bởi chiến trường Tây Nguyên và Nam Trung bộ, đặc biệt là bị tác động bởi đợt dôn quân lên giải tỏa yếu

khu Bảo Chánh không thành, địch đã đoán biết được một phần ý đồ của ta, tại nội ô thị xã Long Khánh, địch gia tăng các hoạt động tuần tra, kiểm soát; tổ chức lại các tuyến phòng thủ, các ổ đề kháng và liên tục báo động để lên dây cót tinh thần cho binh sĩ.

Ở vào thời khắc quan trọng này, các chiến sĩ điệp báo của An ninh Bà Rịa – Long Khánh nằm trong lòng địch được lệnh bám sát mọi biến động của địch; tác động làm tan rã về tư tưởng, làm nhụt nhuệ khí chiến đấu của binh lính và sĩ quan ngụy. Bằng nhiều nguồn, ngày 14 tháng 3 năm 1975, An ninh Bà Rịa – Long Khánh nắm được nguồn tin: “Tinh thần binh lính, tề, vệ của địch ở thị xã Long Khánh rất hoang mang dao động”, mặc dù Thiệu đang hô hào “tử thủ”.

Ngày 19 tháng 3 năm 1975, ta giải phóng chỉ khu lưu vong Lộc Ninh (lộ 3) và chỉ khu Bình Khánh (Quốc lộ 1), An ninh Bà Rịa – Long Khánh lại nắm được nguồn tin “Tinh thần lính ngụy đã ở ngưỡng sẵn sàng rút chạy; ty cảnh sát Long Khánh ra lệnh cho mỗi tên cảnh sát phải chuẩn bị 2 lít xăng, sẵn sàng đốt bỏ tài liệu khi có lệnh”. Địch ở tiểu khu Long Khánh quy định cho binh sĩ: “Nếu có lệnh rút bỏ Long Khánh, tất cả tập trung về ga xe lửa”. Hậu cứ Sư đoàn 18 ngụy bắt đầu di tản chiến thuật, địch dùng trực thăng dời toàn bộ bộ phận quân y Sư đoàn 18 về tổng kho Long Bình”.

Cuối tháng 3 năm 1975, sĩ quan, binh lính ngụy đóng tại Long Khánh mất hết nhuệ khí chiến đấu và đang trong cơn tuyệt vọng. Tuy vậy, sau chuyến thị sát chiến trường của tướng Mỹ Uyên, và được lên dây cót tinh thần, địch như con thú bị dồn vào bước đường cùng. Ngày 29 tháng 3 năm 1975, An ninh Bà Rịa – Long Khánh nắm được nguồn tin “Bọn chỉ huy Vùng 3 chiến thuật, Sư đoàn 18 ngụy và bọn tiểu khu Long Khánh đã triệu tập tất cả binh sĩ ngụy có cấp hàm từ trung sĩ trở lên về họp cấp tốc và hạ quyết tâm: “Tử thủ đến viên đạn cuối cùng”. Ngay sau cuộc họp, địch tuyển chọn 180 tên, phiên chế số này thành một tiểu đoàn biệt kích – thám sát mới, bung số này ra vùng ven để dò la tin tức, dò tìm vị trí đóng quân của ta”. Những tin tức tình báo do An ninh tỉnh Bà Rịa – Long Khánh cung cấp, góp thêm thực tiễn để các cấp lãnh đạo có chỉ đạo đúng và kịp thời trong bước tiếp theo.

Từ 11 tháng 3 năm 1975 đến 15 tháng 4 năm 1975, theo chỉ đạo của Ban An ninh Bà Rịa – Long Khánh, an ninh các xã, huyện của các huyện Xuân Lộc, Cao Su và thị xã Long Khánh đã diệt 72 tên địch, trong đó có 32 tên biệt kích – thám sát, 2 cảnh sát đặc biệt, 2 cảnh sát dã chiến, 1 tình báo tiểu khu, 3 trưởng, phó cuộc cảnh sát xã; bắn bị thương 20 tên khác; bắt khai thác 13 tên tề, điệp ngầm, phá rã 172 tên phòng vệ dân sự, thu trên 100 súng các loại; làm xộc xệch và tan rã hầu hết bọn tề ấp, tề xã ở các ấp ven thị xã Long Khánh, huyện Cao Su và một số xã ven Quốc lộ 1; trong đó riêng An ninh thị xã Long Khánh vừa bắt, vừa diệt 37 tên, bắn bị thương 5 tên.

Ngày 21 tháng 4 năm 1975, chiến dịch giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh thắng lợi hoàn toàn. Ròng rã gần 5 tháng trời, An ninh Bà Rịa – Long Khánh nói chung, An ninh thị xã Long Khánh, An ninh huyện Xuân Lộc và huyện Cao Su nói riêng, với những hoạt động tiến công địch, cung cấp thông tin tình báo kịp thời đã

góp phần giải phóng vùng ven thị xã Long Khánh, làm trong sạch địa bàn chiến dịch, chuẩn bị các điều kiện cần thiết đảm bảo giữ bí mật chiến dịch đến ngày mở màn, huy động nguồn nhân vật lực bên trong phục vụ chiến dịch thắng lợi. Trong cuộc chiến đấu này, nhiều chiến sĩ của An ninh Bà Rịa – Long Khánh đã ngã xuống hoặc hy sinh một phần thân thể để giải phóng quê hương. Tiêu biểu cho sự hy sinh đó là liệt sĩ Anh hùng Hồ Thị Hương và chiến sĩ trinh sát vũ trang mật Phùng Thị Thận. Hương đã cống hiến trọn đời cho Tổ quốc khi chị vừa qua tuổi 20. Thận đã hy sinh một phần thân thể khi cùng Hương đi đánh điểm trụ của bọn an ninh quân đội ngụy tại một quán ăn nằm trên đường Hoàng Diệu vào đêm 31 tháng 1 năm 1975.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh mùa Xuân 1975 đi vào lịch sử đã 28 năm. Nổi tiếp truyền thống hào hùng của lực lượng An ninh trong chiến đấu, 28 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công an hai huyện Xuân Lộc và Long Khánh đã góp phần bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng. Ngày nay, ôn lại quá khứ, cán bộ, chiến sĩ công an hai huyện nói riêng, cán bộ chiến sĩ công an Đồng Nai nói chung càng tự hào về truyền thống, càng ra sức khắc phục mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của quê hương.

H.V.H

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC VÀ NHỮNG BÀI HỌC DÂN VẬN

BÙI NGỌC THANH*

Chiến thắng Xuân Lộc của quân và dân ta ngày 21 tháng 4 năm 1975 là một chiến thắng mang ý nghĩa lịch sử không chỉ đối với nhân dân Đồng Nai mà còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với toàn bộ Chiến dịch mùa Xuân 1975 của dân tộc. Tầm vóc Chiến thắng Xuân Lộc thậm chí vượt ra ngoài biên giới lãnh thổ, vì ngay như đối với Mỹ, đúng vào ngày hôm ấy, Tổng thống Giêrôn Pho đã phải tuyên bố: *Cuộc chiến ở Việt Nam đã kết thúc đối với Mỹ*.

Hai mươi tám năm trôi qua, mỗi người Việt Nam đều hiểu rằng: chiến thắng vẻ vang ấy không phải là chiến công của mỗi một cá nhân, đơn vị nào đó mà là sức mạnh tổng hợp của quân và dân ta, bắt nguồn từ đường lối chính trị, quân sự đúng đắn do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng, lãnh đạo. Đường lối ấy, ngay từ buổi ban đầu của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chỉ rõ, là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Trước họa xâm lược của giặc Pháp, Bác kêu gọi: *Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp xâm lược*¹. Không một chiến công nào, dù lớn hay nhỏ, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như chống đế quốc Mỹ vừa qua của nhân dân ta lại không bắt nguồn từ cội rễ to lớn ấy. Bởi vậy, đứng ở góc độ dân vận, Chiến thắng Xuân Lộc đã để lại cho chúng ta không ít bài học lịch sử và những giá trị mang tính thời sự trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

1. Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc vào ngày 21 tháng 4 năm 1975. Trước đó, ngày 9 tháng 4 năm 1975, khi các cánh quân chủ lực của ta bắt đầu tiến công bằng các đợt pháo cấp tập vào thị xã Long Khánh, được xem là thời điểm mở màn của Chiến dịch. Thế nhưng, để có ngày mở màn 9 tháng 4 và kết thúc 21-4-1975 là cả một *quá trình đấu tranh chính trị, vũ trang*. Lịch sử ghi lại, từ mùa khô 1974 đến tháng 2 năm 1975, quân và dân huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đã giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa. Chẳng hạn, các đêm 9 và 12 tháng 12 năm 1974, các đội biệt động và trinh sát vũ trang đã đánh sâu vào những căn cứ, cơ quan đầu não của địch, diệt và làm bị thương 111 tên sĩ quan. Đến đêm 11, rạng sáng ngày 12 tháng 12 năm ấy, quân và dân ta đã diệt đồn Bảo Chánh, vành đai của thị xã Long Khánh. Chính trên cơ sở của những chiến công này, Khu ủy miền Đông đã nhận định: *thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình*. Nhận định này hoàn toàn phù hợp với nhận định của Trung ương về vai

(*) Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.

(¹) Trích: *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 19-12-1946.

trò cửa ngõ của Xuân Lộc trong Chiến dịch Hồ Chí Minh sau đó. Đương nhiên, lịch sử không hề có giả thiết. Song, cứ giả thiết rằng, không có từng chiến công từ nhỏ đến lớn của quân và dân địa phương cho đến ngày kết thúc chiến dịch (21-4-1975), không có nhận định và sự chuẩn bị từ rất sớm của Đảng bộ miền Đông mà chỉ bằng bộ đội chủ lực, mặc dù rất hùng mạnh, chúng ta có đập tan được “cánh cửa thép” không? Chúng tôi chưa từng nghe và cũng không tin sau này có ai đủ can đảm để nói rằng “có”.

2. C. Mác nói: *Chỉ có thể đánh bại một lực lượng vật chất bằng sức mạnh vật chất*. Nhưng Người cũng đã nói rằng, lực lượng tinh thần vẫn có thể chuyển hóa thành lực lượng vật chất. Thực tế ở Xuân Lộc năm 1975 đã chứng minh. Trong tháng 3 năm 1975, bằng tinh thần tự lực, tự cường, quân và dân địa phương đã đánh hàng loạt các đồn bót, giải phóng hoàn toàn 4 ấp ven thị xã Long Khánh là Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn và Bình Lộc. Ý nghĩa của các chiến thắng này là đã tạo ra một hành lang siết chặt thị xã Long Khánh, tạo điều kiện cho quân chủ lực tiêu diệt mục tiêu. Thế nhưng, nhìn lại các chiến công này, ta thấy quân ta tốn rất ít súng đạn, thậm chí có nơi địch tự tháo chạy, vì hoảng sợ. *Đó chính là hiệu quả của công tác binh vận rất kịp thời và khéo léo của quân và dân ta.*

Nhìn rộng ra, công tác binh vận đã được quân và dân ta *thực hiện thường xuyên và liên tục* trong suốt cuộc kháng chiến vừa qua. Nhờ đó, chúng ta không chỉ vận động được nhiều ngụy quân, ngụy quyền rời bỏ hàng ngũ địch, tránh bớt những tổn thất, hy sinh cho đồng chí, đồng bào bị bắt bớ, giam cầm mà qua đó, tình hình địch cũng được ta nắm rất kỹ. Có thể lấy ví dụ, từ đầu năm 1973, không ít sĩ quan ngụy đã được vận động ra vùng giải phóng, có người là sĩ quan cấp tá, ở binh chủng không quân, con cưng của chế độ Sài Gòn.

3. Quyết tâm cố thủ cho bằng được ở Xuân Lộc, từ tháng 3 năm 1975, địch đã điều về đây lực lượng khá hùng hậu, gồm quân chủ lực của Quân đoàn 3 và Sư đoàn 18. Khi Chiến dịch nổ ra, chúng còn tập trung về nhiều lữ đoàn dù, thiết giáp, liên đoàn biệt động. Ở thời điểm ấy, số quân ngụy đã đông hơn số dân hiện có tại Xuân Lộc. Nhưng chừng ấy con người cùng với các trang thiết bị hiện đại đã phải thất bại trước quả đấm thép của chúng ta là Quân đoàn 4 kết hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *Du kích là một lực lượng cực kỳ to lớn trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Sức du kích thật mạnh thì chiến tranh giải phóng nhất định thắng lợi. Tổ chức chặt chẽ và rộng khắp, trong vùng địch và xung quanh vùng địch. Làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ “thiên la địa võng” mà địch không gì thoát ra được. Địch đi đến đâu cũng bị chặn đánh. Địch làm gì cũng bị phá hoại. Du kích làm cho địch có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, có chân cũng như què. Một bộ phận địch bị du kích tía dần, tía mòn. Bộ phận địch còn sống sót, thì ăn không yên, ở không yên, nghe gió thổi chim kêu cũng hoảng sợ, rồi cũng bị tiêu diệt nốt¹*. Chắc chắn cần phải có những tổng kết, đánh giá hết sức toàn diện và sâu sắc về sức mạnh của lực lượng du kích ở Chiến dịch Xuân Lộc nói riêng và cả miền Đông của chúng ta trong cuộc chiến

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1995, tr.335.

tranh vừa qua. Nhưng điều cần nhấn mạnh là sức mạnh của du kích là sức mạnh của toàn dân. Những chiến sĩ ấy ở trong dân, được dân đùm bọc, nuôi nấng, chở che. Trước mắt địch, đó là những nông dân, những công nhân cao su, nhưng khi cần là những chiến sĩ gan dạ, tấn công chúng mọi nơi, mọi lúc. Có thể hình dung, vào những ngày cuối của Chiến dịch, thị xã Long Khánh là chiếc thòng lọng khổng lồ đối với địch mà người “thắt” chính là cả ba thứ quân của ta, trong đó có lực lượng du kích, từ những năm tháng trước đó.

Không từ nhân dân mà ra, không ở trong dân và không được dân đùm bọc thì không thể có lực lượng “cực kỳ to lớn” đó!

4. Một hình ảnh cảm động của thị xã Long Khánh ngày giải phóng là hàng ngàn lá cờ cách mạng được cắm lên. Điều đáng nói là tất cả các lá cờ ấy đã được nhân dân bên trong thị xã may dù bị địch kìm kẹp hết sức chặt chẽ. Cũng theo thống kê của ngành lịch sử, đến đầu năm 1975, riêng tại vùng Xuân Lộc, từ thị xã đã chuyển vào kho an toàn của Quân giải phóng 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng.... Còn ngay tại vùng căn cứ, đồng bào các dân tộc Châu ro, Châu Mạ, S'tiêng đã đóng góp lúa gạo, bắp đậu, các phương tiện xe bò, xe kéo. Vì thế, khi quân ta mở Chiến dịch Xuân Lộc, thì đó là *đội quân tổng lực, có sự hậu thuẫn vững vàng về nhiều mặt, từ vùng giải phóng đến ngay giữa lòng địch*.

Cũng cần nói thêm, sau 2 năm, kể từ khi Hiệp định Pari được ký kết, Đảng bộ và lực lượng vũ trang Xuân Lộc đã không ngừng lớn mạnh. Đến đầu năm 1975, tại đây đã có gần 1.000 cơ sở mật. Vùng giải phóng hình thành ở thế cài răng lược. Tại đó, quân và dân ta không chỉ lo phản công, chống địch càn quét, lấn chiếm mà còn tổ chức xây dựng vùng căn cứ vững chắc, thực thi những ưu việt của chế độ mới. Chẳng hạn, vào đầu mùa mưa 1974, chính quyền cách mạng đã cấp 200 mẫu ruộng cho 130 gia đình ở 4 khu vực phía nam Quốc lộ 1, trong đó có 62 gia đình dân tộc Chăm từ Quảng Ngãi di cư vào; tạo điều kiện cho hàng trăm gia đình ở Cẩm Mỹ, Ông Đồn, Bảo Vinh ra vùng giải phóng làm ăn. Đặc biệt, tại vùng giải phóng, đã dựng lên các trường học, không chỉ đưa các em đến trường mà còn là sự chuẩn bị cho một thế hệ trẻ mới. Sự quan tâm, tạo điều kiện cho nhân dân làm ăn, tạo nên niềm tin, sự trung thành với cách mạng, dốc sức kháng chiến, dù phải hy sinh của đồng bào.

Trên đây chỉ là một ví dụ về hiệu quả công tác dân vận của chúng ta trong kháng chiến. Kẻ thù có nhiều tiền của hơn chúng ta. Nhưng tiền bạc không thể thay thế chính nghĩa, không làm lu mờ được lý tưởng, và nhất là không thể thay thế được công tác dân vận vì độc lập, tự do của dân tộc.

Chiến thắng Xuân Lộc mãi mãi là chiến công oai hùng của quân và dân ta. Dù thời gian đi qua, niềm tự hào về chiến thắng ấy sẽ không mất trong lòng dân tộc. Và những bài học lịch sử của nó, trong đó có những bài học về dân vận, vẫn luôn có ý nghĩa thời sự với chúng ta.

B.N.T

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC GIẢI PHÓNG THỊ XÃ LONG KHÁNH

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH ĐỒNG NAI

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu với trận đột phá Buôn Ma Thuật, mở đầu cho cuộc Tổng tiến công chiến lược giải phóng miền Nam. Tiếp theo đó là Chiến dịch Thừa Thiên – Huế – Đà Nẵng. Chưa đầy một tháng, với sức tiến công mãnh liệt, quân giải phóng đã quét sạch lực lượng địch từ Quảng Trị đến Phan Rang. Vùng giải phóng của ta mở rộng từ Tây Nguyên đến suốt duyên hải miền Trung, đẩy chính quyền tay sai Sài Gòn đến nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Trước tình hình đó, Nhà Trắng đã cử một phái đoàn quân sự qua Sài Gòn nghiên cứu hòng cứu nguy cho chế độ Sài Gòn. Địch thiết lập tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn và lấy Xuân Lộc làm trung tâm với hy vọng có thể cản được bước tiến của Quân giải phóng để tìm một giải pháp chính trị duy trì chế độ thực dân mới ở miền Nam. Báo chí phương Tây lúc bấy giờ đã từng nhận định về tuyến phòng thủ Xuân Lộc như “chiếc ốc xoáy cuối cùng” để bảo vệ Sài Gòn. Nếu để mất Xuân Lộc thì “Việt cộng” sẽ thiết lập một vòng cung vững chắc từ Tây Ninh đến Vũng Tàu; “thủ phủ Sài Gòn sẽ bị thắt chặt trong một cái thông lọng khổng lồ bằng sắt vô cùng nguy hiểm”. Và đúng như thế! Cái thông lọng nguy hiểm đó đã đến với chế độ Sài Gòn chỉ 12 ngày đêm từ ngày 9 tháng 4 đến ngày 21 tháng 4 năm 1975. Quân giải phóng với sức tấn công vũ bão đã đập tan tuyến phòng thủ của quân đội ngụy, từng được chúng mệnh danh là “cánh cửa thép phía đông”, tiến quân về Sài Gòn, kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc có sự đóng góp quan trọng và quyết định của lực lượng quân chủ lực (chủ yếu là Quân đoàn 4), quân dân Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, huyện Xuân Lộc, thị xã Long Khánh. Trong những đóng góp chung ấy có vai trò to lớn của lực lượng phụ nữ địa phương Long Khánh, tham gia trên các mặt trận gián tiếp hay trực tiếp phục vụ chiến đấu, tấn công địch. Sự tham gia của lực lượng phụ nữ trong Chiến dịch Xuân Lộc đã được nhiều tư liệu sử ghi chép. Trong phạm vi của bản tham luận này, chúng tôi chỉ lược nêu một số tư liệu điển hình minh họa trong bối cảnh chung của chiến dịch.

Thực hiện nhiệm vụ tác chiến phối hợp, Huyện ủy Cao Su do nữ đồng chí Nguyễn Thị Phương (Bí thư), đồng chí Nguyễn Thị Lan (Phó bí thư) phụ trách, chỉ đạo các lực lượng của huyện, chia làm hai bộ phận phía nam và bắc Quốc lộ 1 tham gia chiến dịch. Nhiều nữ biệt động của thị xã Long Khánh làm nhiệm vụ trinh sát nắm tình hình địch, dẫn đường cho các đơn vị quân chủ lực tham gia Chiến dịch tấn công vào các mục tiêu trong thị xã hỗ trợ quân chúng nổi dậy. Hội phụ nữ Giải phóng thị xã Long Khánh lúc bấy giờ có 5 chị, đa số là đảng viên do chị Nguyễn Thị Lý làm Hội trưởng với Hội phụ nữ các xã, ấp tổ chức cho các má, các

chị tham gia cùng với quân và dân thị xã Long Khánh tấn công chính trị binh vận phá lỏng, phá rã, bức rút, bức hàng, giải phóng vùng ven thị xã. Cơ sở cách mạng bí mật của Thị ủy Long Khánh trong đó đa số là các mẹ, các chị đã may hàng trăm lá cờ giải phóng, chuẩn bị sẵn sàng để nổi dậy giành quyền làm chủ, rải hàng ngàn truyền đơn, kêu gọi binh sĩ buông súng; chuẩn bị dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước uống để phục vụ Chiến dịch.

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh bắt đầu. Chiến sự nổ ra ác liệt, giằng co giữa ta và địch. Trong điều kiện đó, bất chấp hiểm nguy, hy sinh, hàng trăm nữ thanh niên thị xã, sau công tác sơ tán dân chúng ra các vùng ven đã tình nguyện trụ lại tham gia chiến đấu.

Tại mặt trận phía nam thị xã Long Khánh, ngay từ khi Lữ đoàn dù số 2 của nguy đổ xuống sân bay, đội nữ pháo binh Xuân Lộc do đồng chí Hiệp (Đội trưởng), đồng chí Gái (Đội phó) cùng các chị Đỗ Thị Thận, chị Đồng tổ chức thành hai bộ phận liên tục bám sát tấn công địch. Các chị vừa là chỉ huy, vừa là pháo thủ, vừa làm y tá... thường xuyên trong tư thế chiến đấu trước hỏa lực phản công mạnh của địch.

Một bộ phận phụ nữ đông đảo làm công tác cứu thương ngay sát các trận địa. Các mẹ, các chị vượt qua lửa đạn tải cán bộ, chiến sĩ bị thương về tuyến sau an toàn. Từ tuyến sau, các chị, các mẹ lại tham gia vào nhiệm vụ tải đạn, chuyển lương, tiếp tế ra trận tuyến cho bộ đội chiến đấu.

Trong quá trình của Chiến dịch, một bộ phận phụ nữ đã làm tốt công tác binh vận, tuyên truyền, kêu gọi binh lính địch quay về với nhân dân, với chính nghĩa cách mạng. Mặt trận không tiếng súng này đã tác động lớn đến một bộ phận binh lính, góp phần làm giảm sút sức chiến đấu, kháng cự của địch.

Tại các đồn điền cao su, vùng ven thị xã Long Khánh, nữ công nhân đã phối hợp với lực lượng du kích tiến công địch, giải phóng đồn điền, xã ấp. Tiêu biểu, tại Đồn điền Cẩm Mỹ, các tổ binh vận do các mẹ, các chị dẫn đầu đã vào tận đồn địch, tuyên truyền làm rã ngũ cả một trung đội dân vệ. Đội du kích các đồn điền có rất nhiều chị em phụ nữ vừa làm công tác liên lạc, tiếp tế và trực tiếp “chia lửa” với các đơn vị vũ trang tham gia chiến dịch trên địa bàn.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng, thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng. Từ thị xã Long Khánh đến các làng thôn, xóm ấp, lực lượng nữ du kích, các cơ sở cách mạng cùng quần chúng thực hiện việc giành giữ chính quyền, tiếp quản công sở, ổn định đời sống, sản xuất của người dân. Các má, các chị trong Hội phụ nữ còn tham gia kêu gọi binh lính đầu hàng, trình diện với chính quyền cách mạng.

Ở đây, cũng cần phải đề cập sự đóng góp to lớn của lực lượng phụ nữ trước Chiến dịch giải phóng Long Khánh. Cùng với nỗ lực chung của quân dân, phụ nữ đã tham gia ba mũi giáp công, trên khắp các mặt trận vào mùa khô 1974 – 1975, tạo nên những tiền đề thuận lợi cho các đơn vị vũ trang tấn công địch. Vùng ven thị xã Long Khánh được giải phóng từ tháng 3 năm 1975, đã trở thành một bàn đạp tập kết lực lượng vũ trang, bàn đạp tấn công và một tuyến sau đảm bảo hậu cần,

điều trị thương binh trong Chiến dịch.

Vì thế, chính quyền Sài Gòn đã tập trung mọi nỗ lực để xây dựng một “tuyến phòng thủ thép” với toàn bộ lực lượng, thiết bị chiến tranh của Quân đoàn 3, nhưng đó là tuyến phòng thủ không có nền móng vững chắc bởi “không có lòng dân”. Thế trận ấy đã thuộc về chính nghĩa, thuộc về cách mạng, mà lực lượng phụ nữ trong nhiều thời kỳ đã góp phần xây dựng. Trong suốt cuộc kháng chiến, trên quê hương Xuân Lộc biết bao phụ nữ đã nêu cao phẩm chất cách mạng, sẵn sàng xả thân vì cách mạng. Nhiều mẹ, nhiều chị mà cuộc đời chiến đấu và hy sinh, trở thành những tấm gương sáng ngời chủ nghĩa Anh hùng cách mạng, mà má Tư Nhân là một điển hình. Má dũng cảm một mình tay không chặn 13 xe tăng địch để cứu tiểu đoàn bộ đội. Chị Hồ Thị Hương, đội viên trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh dũng cảm mưu trí trong diệt địch, trở thành Anh hùng liệt sĩ, tiêu biểu cho truyền thống anh hùng dũng cảm của phụ nữ Việt Nam. Nhiều phụ nữ không chỉ tham gia chiến đấu, hoạt động cách mạng mà còn động viên chồng con mình cống hiến vẹn toàn cho sự nghiệp giải phóng quê hương. Những bà mẹ ở Long Khánh nói riêng, Đồng Nai nói chung được Nhà nước truy tặng, phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, mãi mãi là niềm tự hào và là tấm gương cho con cháu noi theo. Chúng ta có thể khẳng định rằng, trong thế trận để làm nên chiến thắng của Chiến dịch Xuân Lộc nói riêng, của cuộc trường kỳ kháng chiến chống kẻ thù xâm lược trên địa bàn Long Khánh nói chung có sự đóng góp to lớn của lực lượng phụ nữ. Và, cũng chính truyền thống cách mạng ấy là động lực quan trọng cho lực lượng phụ nữ Đồng Nai, Long Khánh tiếp bước trên con đường xây dựng đất nước trong kỷ nguyên độc lập, tự do của dân tộc.

Hội LHPN
tỉnh Đồng Nai

ĐẢNG BỘ, QUÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC THỰC HÀNH TIỀN CÔNG VÀ NỔI DẬY MỞ VÙNG GIẢI PHÓNG, TẠO ĐIỀU KIỆN CHO CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC GIẢI PHÓNG THỊ XÃ LONG KHÁNH THẮNG LỢI

HỒ VĂN GIANG*

I. Xuân Lộc là chiến trường có vị trí chiến lược quan trọng

Xuân Lộc là huyện trung du tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 80 km về phía Đông. Huyện Xuân Lộc giáp với thị xã Long Khánh, huyện Châu Đức (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), huyện Long Thành và huyện Hàm Tân (tỉnh Bình Thuận). Xuân Lộc có nhiều đường giao thông quan trọng: Quốc lộ 1 nối liền Sài Gòn ra miền Trung, lộ 3 từ Gia Ray đi Bình Thuận, liên tỉnh lộ 2 nối liền Bà Rịa ra Vũng Tàu và đường sắt Bắc-Nam đi qua, là cửa ngõ đông bắc của tỉnh ra khu 6, miền Trung. Xuân Lộc trước đây với rừng già bao phủ, có nhiều ngọn núi cao, có thể hiểm yếu về quân sự. Xuân Lộc là huyện có nhiều dân tộc cùng chung sống, nhiều tôn giáo, nhân dân đa số là người lao động, sống với nghề làm ruộng và rẫy.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất, Rừng Lá, Giao Loan (Long Giao) từng là căn cứ nghĩa quân Trương Định. Thời kỳ 9 năm chống thực dân Pháp, núi Gia Lào là căn cứ của huyện Xuân Lộc. Dựa vào căn cứ này, Đảng bộ và nhân dân huyện Xuân Lộc đã tạo điều kiện cho Chi đội 10 Biên Hòa mở hàng loạt trận đánh giao thông đường sắt thắng lợi như Bảo Chánh, Gia Huynh, Trảng Táo...

Trong kháng chiến chống Mỹ, năm 1957, ngụy quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Long Khánh gồm hai huyện Xuân Lộc và Định Quán. Với ta năm 1964, tỉnh Long Khánh được thành lập. Đến tháng 10-1966, huyện Xuân Lộc thuộc tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, đến 5-1971, huyện Xuân Lộc bao gồm cả huyện Định Quán, tháng 10-1972, Xuân Lộc thuộc tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Phong trào cách mạng của huyện trải qua nhiều chặng đường rất gian khổ, tổn thất không ít, nhưng từ năm 1960, bắt đầu phát triển vững vàng.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân dân huyện Xuân Lộc chiến đấu trực tiếp không chỉ với quân ngụy, mà cả quân viễn chinh Mỹ và chư hầu Úc. Sông Ray, Rừng Lá, đồi Mặt Trăng, núi Mây Tàu của Xuân Lộc là những địa bàn căn cứ quan trọng của tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, nơi đứng chân thường xuyên của các cơ quan đơn vị cách mạng huyện, tỉnh, Quân khu 7 như Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, và chủ lực Miền (Sư 5). Suối Cát, căn cứ 4, ngã ba Ông Đồn, Tà Lú từng là các cửa khẩu hậu cần quan trọng của cách mạng.

(*) Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc.

Đối với thực dân, đế quốc, giữ được Xuân Lộc tức là giữ được hệ thống giao thông huyết mạch (Quốc lộ 1, lộ 3, đường 2, đường sắt) ra miền Trung, Tây Nguyên và xuống khu vực ven biển Vũng Tàu. Do đó cuộc chiến giành dân, giành đất ở Xuân Lộc giữa ta và địch diễn ra hết sức ác liệt và kéo dài. Từ sau năm 1969, Mỹ ngụy tiến hành ủi phá rừng Quốc lộ 1, lộ 3, xúc tát hàng chục ngàn đồng bào từ miền Trung (Quảng Nam, Quảng Ngãi...) vào Xuân Lộc. Sau khi bọn Lonol thực hiện đảo chánh Sihanouk, chính quyền Sài Gòn bố trí hàng chục ngàn đồng bào Việt kiều ở Campuchia về khu vực ấp Việt Kiều, Suốt Cát căn cứ 3, căn cứ 4. Vào thời điểm sau năm 1972, Mỹ ngụy càng tăng cường ủi phá địa hình khu vực Quốc lộ 1, gom tạt dân từ Bình Long, Phước Long xây dựng hai chi khu lưu vong Bình Khánh (căn cứ 4) và Lộc Ninh ở lộ 3 và thành lập 6 khu đồn dân gắn liền với 10 căn cứ quân sự từ ngã ba Ông Đồn đến Hàm Tân, Bình Thuận, dựng lên bộ máy chính quyền ác ôn, mỗi khu đồn có 1 trung đội dân vệ, 1 trung đội phòng vệ dân sự có trang bị vũ khí. Nhiều nhà thờ, xứ đạo được xây dựng. Âm mưu của địch là vừa phá bàn đạp căn cứ của ta, chia cắt Nam Bắc Quốc lộ 1, lộ 3, Quốc lộ 20 với Chiến khu Đ; đồng thời thiết lập một hệ thống căn cứ quân sự liên hoàn, giữ giao thông huyết mạch trên Quốc lộ 1, lộ 3, án ngữ cửa ngõ đông bắc Sài Gòn. Quân số của địch ở đây gồm 9 đại đội bảo an, 1 đại đội công binh, 10 trung đội dân vệ, 83 cảnh sát và 807 phòng vệ dân sự với 18 đồn bót, 2 chi khu quân sự, 4 phân chi khu, 4 cuộc canh sát, 2 trận địa pháo ở Ông Đồn và chi khu Bình Khánh.

Trước âm mưu cấy dân lập căn cứ của địch, trong Chiến dịch Nguyễn Huệ 1972, trên khu vực Quốc lộ 1 và lộ 3, Sư đoàn 6 cùng bộ đội địa phương tỉnh, huyện Xuân Lộc thực hành tiến công địch quyết liệt, nhưng thiệt hại cũng không ít, bởi ta chưa nắm chắc địch, chưa có cơ sở ở vùng này. Trước tình hình đó, Khu ủy miền Đông Nam bộ quyết định thành lập Đội Công tác di dân¹ trực thuộc Khu ủy. Đến tháng 4-1974, do yêu cầu nhiệm vụ mới, Khu ủy miền Đông quyết định thành lập Ban Cán sự di dân, do đồng chí Hồ Văn Giang làm Bí thư, trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Long Khánh; đồng thời tăng cường cán bộ, chiến sĩ từ Khu, tỉnh, huyện về thành lập 6 đội công tác (thuộc Ban Cán sự di dân) với trên 100 cán bộ, chiến sĩ, với nhiệm vụ: Vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở bên trong các khu đồn dân, vận động nhân dân ủng hộ tham gia kháng chiến; xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị góp phần đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm của địch. Với phương châm bám dân, bám đất, vượt qua nhiều khó khăn, đến cuối năm 1974, Ban Cán sự di dân Xuân Lộc đã củng cố mạnh 6 đội công tác phối hợp chặt chẽ với Đại đội K8 huyện Xuân Lộc, Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Sư đoàn 6 Quân khu 7 đánh địch mở mang mở vùng, giữ vững hành lang chiến lược, mở rộng bàn đạp, tạo điều kiện cho chủ lực Miền tác chiến thắng lợi.

⁽¹⁾ Đội Công tác di dân ban đầu gồm 10 cán bộ chiến sĩ, do đồng chí Hồ Văn Giang làm đội trưởng.

II. Tham gia Chiến dịch Đông xuân 1974-1975, mở vùng giải phóng, tạo bàn đạp cho chủ lực tiền công thị xã Long Khánh.

Cuối năm 1974, cục diện chiến trường chung có nhiều thuận lợi, Trung ương Cục miền Nam, Quân ủy, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở Chiến dịch mùa khô 1974-1975, trọng điểm là đường 14-Phước Long. Chiến trường Bà Rịa – Long Khánh, trong đó có Xuân Lộc, Khu ủy miền Đông quyết định mở Chiến dịch lộ 3, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, thu hút Sư đoàn 18 nguy để phối hợp chiến trường chính, cắt đứt Quốc lộ 1, lộ 2, lộ 3, mở rộng vùng giải phóng, mở hành lang chiến lược nối thông khu giải phóng Bàu Lâm (huyện Xuyên Mộc), Thừa Đức, với Tân Linh (Khu 6), Khu ủy miền Đông xây dựng bàn đạp, xây dựng hậu cần dự trữ cho các chiến dịch lớn hơn.

Tại Xuân Lộc, Huyện ủy đã quyết định động viên sự nỗ lực cao của Đảng bộ và quân dân huyện tập trung lực lượng giải phóng vùng ven rộng lớn phía bắc và đông nam thị xã, tạo thế giúp lực lượng của trên đứng chân, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất theo yêu cầu của trên.

Lực lượng K8 cùng Tiểu đoàn 445, các đội vũ trang của Ban Cán sự di dân liên tục đánh tiêu hao sinh lực địch ở khu vực Suối Cát, Bảo Chánh, Bình Phú... Tiểu đội súng cối nữ cơ động pháo kích phá hủy phương tiện chiến tranh, kho tàng địch ở sân bay Long Khánh, cầu Gia Liêu, Bình Phú... Đặc biệt đêm 10, rạng 11-12-1974, du kích và nhân dân Bảo Chánh cùng lực lượng huyện K8 bằng ba mũi tiến công đồn Bảo Chánh. Tiểu đội nữ súng cối pháo kích uy hiếp. Ban Binh vận huyện cùng chi bộ Đảng huy động quần chúng, trong đó có nhiều gia đình binh sĩ đến phát loa kêu gọi con em buông súng đầu hàng. Bọn địch trong đồn Bảo Chánh hoang mang lo sợ, đề nghị cho thương thuyết. Ta dùng kế dụ tên đồn trưởng ra khỏi đồn, phục kích, bắt sống, tiếp tục tiến công binh vận, trung đội bảo an đồn Bảo Chánh đã ra hàng. Bảo Chánh là xã đầu tiên của tỉnh Bà Rịa – Long Khánh bị bức hàng, mở đầu cho phong trào địa phương tự lực giải phóng xã ấp. Bài học dùng ba mũi tại chỗ bức hàng đồn Bảo Chánh được Khu ủy phổ biến rộng toàn Khu.

Các đội công tác thuộc Ban Cán sự di dân đẩy mạnh công tác vận động quần chúng; đặc biệt chú trọng cả công tác binh vận, tôn giáo vận, vận động các chức sắc tôn giáo cùng giáo dân bám trụ tăng gia sản xuất, vận động gia đình binh lính nguy bán gạo cho cách mạng. Có ngày đồng bào mang gạo vào căn cứ 20, 30 tấn. Đồng thời, Ban Cán sự còn giáo dục, tập hợp hàng trăm thanh niên tiến bộ gia nhập lực lượng vũ trang, kết hợp hai chân ba mũi liên tục tiến công và nổi dậy diệt ác ôn, tiêu hao làm tan rã các trung đội dân vệ và phòng vệ dân sự, bắt và giải tán bộ máy kìm kẹp của địch, giải phóng các khu đồn dân ở Lều Xanh, Suối Cát, Đồng Tâm 1, 2, 4, 5 với trên 20.000 dân; cắt đứt Quốc lộ 1 với thị xã Long Khánh.

Đêm 9, rạng sáng 10-12-1974, Trung đoàn 812 và Tiểu đoàn 200 đặc công Quân khu 6 tiến công diệt cao điểm Lò Ô-Núi Giang, bao vây chi khu Tánh Linh. Cuộc chiến diễn ra hết sức ác liệt, đến ngày 25-12, lực lượng ta hoàn toàn làm chủ chi khu Tánh Linh, giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh. Cùng thời gian, tiểu đoàn 18 và 20 đặc công Quân khu 7 tiến công chi khu Hoài Đức, diệt một số cứ điểm xung quanh nhưng không dứt điểm được phải chuyển sang thế bao vây chi khu.

Trung đoàn 4 và 33 Quân khu 7 liên tục chặn đánh các lực lượng địch như Chiến đoàn 48, Liên đoàn 7 biệt động quân, Trung đoàn 5 thiết giáp, mở thêm một số khu vực trên lộ 3 từ Trà Tân đến cầu Gia Huỳnh. Để cứu nguy cho Võ Đắc, địch điều Chiến đoàn 43 của Sư 18 lên Quốc lộ 20 để phản kích, chi viện cho Võ Đắc. Lực lượng ta gặp nhiều khó khăn về tiếp tế nên phải chuyển sang thế bao vây và từng bước chuyển hướng tiến công về phía Quốc lộ 1.

Trên mặt trận Tánh Linh - Hoài Đức, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.300 tên địch, diệt 1 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội, hạ 48 đồn bót, có 1 chi khu, giải phóng huyện Tánh Linh và 4 xã huyện Hoài Đức với trên 40.000 dân, kìm chân được Sư 18 nguy ở phía đông, hỗ trợ mặt trận đường 14.

Trong lúc Chiến dịch mùa khô 1974 – 1975 đang giành thắng lợi thì từ ngày 31-12-1974 đến 7-1-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp về vấn đề giải phóng miền Nam. Bộ Chính trị nhận định: Chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn, cần phải mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bộ Chính trị đã xác định kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976, và dự kiến nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức tập trung lực lượng để giải phóng miền Nam trong năm 1975. Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định chọn hướng tiến công chính là nam Tây Nguyên là mục tiêu chủ yếu, trận mở đầu là đánh chiếm Buôn Ma Thuột¹.

Ngày 27-1-1975, Thường vụ Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền mở hội nghị quán triệt quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị. Kế hoạch đợt 2 ở miền Đông được vạch ra là khối chủ lực ở miền Đông (Khu 7) cùng quân chủ lực của Khu 6 phải tiêu diệt lớn sinh lực địch, mở hành lang xuống phía đông Sài Gòn, tạo bàn đạp áp sát lộ 26, Đồng Dù, Củ Chi. Quân đoàn 4 cùng với các lực lượng vũ trang địa phương tổ chức cùng lúc hai hướng tiến công ở Dầu Tiếng và Quốc lộ 20. Quân khu 6 và 7 tiếp tục hoàn thành việc mở Võ Đắc, phát triển về hướng Quốc lộ

⁽¹⁾ Trong lúc đó, Nguyễn Văn Thiệu trong cuộc họp với tư lệnh các quân đoàn nguy, vẫn phán đoán trong năm 1975 ta có thể đánh với quy mô lớn hơn năm 1974, nhưng không thể đánh với quy mô lớn như năm 1968, hoặc như 1972. Chúng vẫn nhận định hướng tiến công chính của ta là Tây Ninh để chiếm lấy làm thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Về thời gian, địch nhận định ta có thể đánh trước hoặc sau tết 1975. Về bố trí lực lượng, Thiệu duy trì theo thế bố trí mạnh ở hai đầu (Vùng 1 và Vùng 3 chiến thuật). Ở miền Đông Nam bộ, địch bố trí 4 sư đoàn chủ lực, 7 liên đoàn biệt động quân, 14 tiểu đoàn bảo an, một số đại đội pháo gồm 375 khẩu, 7 thiết đoàn và 15 chi đoàn xe tăng thiết giáp gồm 655 xe, hai sư đoàn không quân với trên 250 máy bay chiến đấu. Lực lượng này được triển khai theo hình vòng cung từ tây bắc sang đông bắc bảo vệ thủ phủ Sài Gòn từ xa trên 50km.

1 xuống Long Thành, sau đó Quân khu 6 phát triển lên hướng Di Linh.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, kế hoạch của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, từ ngày 31-1-1975 đến 8-2-1975, Khu ủy miền Đông mở hội nghị để nhận định đánh giá tình hình trong toàn khu và vạch kế hoạch hoạt động trong thời gian tới. Hội nghị khẳng định tính chất, vị trí quan trọng của miền Đông, đặc biệt khi địch thất bại từ các nơi, chúng sẽ co cụm về phòng thủ Xuân Lộc: *"Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình"*. Khu ủy chỉ rõ: *"Ta có khả năng phát động quần chúng nhân dân khởi nghĩa với tinh thần áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu, tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân"*⁽¹⁾. Khu ủy chỉ đạo cho các tỉnh chủ động phối hợp với chiến trường chính để tiến công tiêu diệt địch trên từng địa bàn tỉnh. Đồng thời phát động quần chúng nhân dân nổi dậy đấu tranh chính trị, binh vận, phá vỡ toàn bộ ấp chiến lược còn lại, đưa dân ra vùng giải phóng, ổn định đời sống cho dân.

Sau một thời gian chuẩn bị chiến trường, 1 giờ 35 phút ngày 10-3-1975, trận đột phá vào thị xã Buôn Ma Thuột mở đầu cho Chiến dịch Tây Nguyên giành thắng lợi. Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên; 1 giờ 30 ngày 17-3-1975, lực lượng Khu 7 cùng bộ đội địa phương Bà Rịa – Long Khánh mở Chiến dịch lộ 3⁽²⁾ tấn công 3 mục tiêu chính là đồi 52, ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan. Cùng thời gian trên, các đội công tác thuộc Ban Cán sự di dân tiến công giải phóng căn cứ Đồng Tâm 1 và Đồng Tâm 2, đánh vỡ toàn bộ các đội dân vệ, phòng vệ dân sự của địch ở Suối Cát, ấp Việt Kiều, Tà Lú, ấp 5 (Chăm), mở hành lang nam bắc Quốc lộ 1, lộ 3. Đến 5 giờ 30 sáng 17-3, ta làm chủ đồi 52. Bộ đội huyện Xuân Lộc K8 cùng du kích tiến công giải phóng Suối Cát, sau đó kết hợp với Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 4 bẻ gãy các mũi phản kích của địch, diệt gọn một đại đội của Tiểu đoàn 324 bảo an. Ngày 20-3, K8 cùng Tiểu đoàn 3 lại tiêu diệt 2 đại đội của Tiểu đoàn 322 bảo an từ Bình Phú lên tiếp viện cho ngã ba Ông Đồn.

Đêm 20, rạng sáng 21-3-1975, ta đồng loạt tiến công quét sạch địch giải phóng ngã ba Ông Đồn và khu vực núi Chứa Chan, giải phóng lộ 3, từ Ông Đồn đến Trà Tân 2.

Ngày 21-3, du kích Bảo Bình, cùng với 50 quần chúng bức rút một chốt địch ở ấp Nam Hà. Du kích Bảo Định cùng 40 quần chúng vừa tiến công vừa hù dọa bức rút địch ở Mai Thọ Bích, tua Mã Tráng. Từ ngày 21-3 đến 2-4, Ban Cán sự di dân phát động quần chúng phối hợp với các đội vũ trang tuyên truyền tiến công nổi dậy phá đồn bót, hoàn toàn làm chủ lộ 1 từ ngã ba Ông Đồn đến căn cứ 5, giải

⁽¹⁾ Trích Nghị quyết Hội nghị Khu ủy miền Đông từ 30-1 đến 8-2-1975. Tài liệu lưu Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

⁽²⁾ Tư lệnh chiến dịch: Đồng chí Đặng Ngọc Sĩ, Sư trưởng Sư 6; Phó Tư lệnh: Đồng chí Phạm Lạc, Tỉnh đội trưởng Bà Rịa – Long Khánh; Chính ủy: Đồng chí Nguyễn Văn Trung, Thường vụ Khu ủy; Phó chính ủy: Đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh.

phóng toàn bộ các xã ấp.

Như vậy, với tinh thần tự lực tự cường, kết hợp chặt chẽ với lực lượng ở trên, quân dân Xuân Lộc đã giải phóng tất cả các xã dọc lộ 3, Quốc lộ 1 trước ngày Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra. Thắng lợi của quân dân Xuân Lộc đã mở ra một vùng giải phóng rộng lớn ở phía bắc thị xã Long Khánh với trên 100.000 dân, tạo ra thế đứng chân vững chắc cho chủ lực Quân đoàn 4 tiến công thị xã Long Khánh, tạo hành lang chiến lược cho Quân đoàn 2 sau khi giải phóng Phan Rang tiến vào Xuân Lộc một cách thuận lợi; đồng thời, trong suốt tháng 3 và 4-1975, ta liên tục chặn đánh các lực lượng địch từ Tây Nguyên, các tỉnh duyên hải miền Trung ở khu vực Rừng Lá, không cho chúng co cụm tại thị xã Long Khánh. Đảng bộ Xuân Lộc đã huy động và dự trữ trên 500 tấn gạo, nhiều thuốc men sẵn sàng cung cấp cho các đơn vị trong Chiến dịch.

Khi Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra, từ ngày 9-4 đến 13-4-1975, bộ đội huyện Xuân Lộc K8 kết hợp cùng Tiểu đoàn 445 và Đại đội 41 tỉnh Bà Rịa – Long Khánh tiến công giải phóng Bảo Hòa, Bảo Toàn, Bảo Thị, chiếm cầu Gia Liêu... Ta bắt sống 117 tù binh, thu nhiều quân trang quân dụng; đồng thời dùng cối 82 và 12 ly 7 bắn không chế địch ở căn cứ Suối Râm.

2 giờ sáng ngày 21-4-1975, bọn địch ở thị xã Long Khánh rút chạy theo liên tỉnh lộ 2. Bộ đội huyện Xuân Lộc K8 cùng Tiểu đoàn 445 chặn đánh địch tại cửa chữ S, chữ C bắt sống trên 160 tù binh.

Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh toàn thắng. Thắng lợi đó thể hiện được sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Trong chiến thắng đó, Đảng bộ và quân dân huyện Xuân Lộc đã góp phần quan trọng: Phát huy tinh thần tự lực tự cường; kiên trì bám trụ, sử dụng bạo lực cách mạng bằng hai lực lượng vũ trang, chính trị, kết hợp giữa đấu tranh chính trị, vũ trang với tấn công binh vận, kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng của trên (tỉnh, Khu) mở vùng giải phóng; xây dựng bàn đạp và hành lang chiến lược chuẩn bị hậu cần cho các binh đoàn chủ lực hoàn thành nhiệm vụ.

H.V.G.

QUÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH KẾT HỢP BA MŨI TIỀN CÔNG GIẢI PHÓNG VÙNG VEN, TẠO THỂ ĐỨNG CHO LỰC LƯỢNG CHỦ LỰC MỞ CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

NGUYỄN VĂN THẮNG*

Từ năm 1975, địch mở rộng huyện Xuân Lộc thành lập tỉnh Long Khánh gồm hai quận Xuân Lộc và Định Quán với thị xã Long Khánh là trung tâm tỉnh lỵ. Năm 1966, khi quân Mỹ vào, chúng mở rộng thị xã Long Khánh thành một khu quân sự lớn. Tại đây có các căn cứ Trung đoàn thiết giáp 111 Mỹ ở Suối Râm (lộ 2), căn cứ pháo binh Hoàng Diệu, hậu cứ Sư đoàn 18 bộ binh ngự và các trung đoàn trực thuộc (43, 48, 52), bộ chỉ huy Khu 33 chiến thuật, sân bay, cơ quan cố vấn Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo CIA... dồn sức đánh phá, đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng rất ác liệt. Để cơ động phòng thủ, chúng xây dựng đường hành lang trải nhựa chạy quanh thị xã tiếp giáp các ấp ở vùng ven.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Pari về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết. Đây là một thắng lợi lớn của cách mạng miền Nam sau 18 năm đấu tranh anh dũng. Theo Hiệp định, Mỹ cam kết chấm dứt mọi dính líu quân sự ở miền Nam Việt Nam, không can thiệp vào nội bộ nước ta, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam và rút quân về nước.

Với bản chất ngoan cố, đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ dã tâm xâm lược miền Nam, chúng tiếp tục thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh, tăng viện trợ, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho chính quyền Thiệu trước khi triệt thoái. Ba tháng trước khi ký kết Hiệp định, Mỹ đã gấp rút tăng cường cho ngự quân 300 máy bay các loại, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép, nhiều tàu chiến và trên 2 triệu tấn thiết bị chiến tranh các loại.

Tại thị xã Long Khánh, ngay sau khi có Hiệp định, địch tập trung Sư đoàn 18 (Chiến đoàn 43 ở Quốc lộ 1), Trung đoàn 22 thiết giáp ở Quốc lộ 20 và một bộ phận của Thiết đoàn 5 kết hợp phi pháo cùng lực lượng bảo an, dân vệ thuộc tiểu khu Long Khánh, mở các cuộc lấn chiếm các vùng xung yếu do ta làm chủ, giữ các trục lộ giao thông trọng yếu như Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, lộ 2, lộ 3 và hỗ trợ cho bọn ngự quyền cơ sở đẩy mạnh việc bình định.

Đi đôi với việc bình định lấn chiếm để xóa thế “da beo”, địch tung thám báo vào các vùng giải phóng để phát hiện ta; di dân vào các khu lộ 2 như Suối Râm, Suối Nghệ (mỗi nơi 2000 người), đưa 450 gia đình vào Suối Cát (Quốc lộ 1) phá rừng làm rẫy, cắm cờ lấn đất, chuyển 500 gia đình ở Túc Trung về căn cứ 1, Gia Ray... Ở các xã tạm chiếm, địch đưa bọn sĩ quan cảnh sát từ cấp trung úy đến đại úy về làm phân chi khu trưởng kiêm xã trưởng, đồng thời tăng cường lực lượng bảo an, dân vệ, củng cố mạng lưới tề điệp, thám báo, vừa kiểm soát dân, vừa mở chiến dịch vơ vét lúa gạo, hoa màu, không để lương thực ra vùng cách mạng;

(*) Bí thư Huyện ủy Long Khánh.

chúng không chế từng gia đình, kiểm tra khám xét từng người, thu từng lon gạo, từng gô cơm của đồng bào mang đi rẫy.

Tính đến tháng 12 năm 1973, trên địa bàn Biên Hòa và Bà Rịa – Long Khánh, địch mở 27 cuộc hành quân càn quét cấp tiểu đoàn, trung đoàn và 319 cuộc hành quân giải tỏa khai thông các quốc lộ, trắng trợn vi phạm Hiệp định Pari.

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông và Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh, Thị ủy Long Khánh chủ trương: Dựa vào pháp lý của Hiệp định, nắm vững chính sách của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ đảng viên, chiến sĩ và nhân dân, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari, nhưng không mơ hồ ảo tưởng, kiên quyết trừng trị địch vi phạm Hiệp định lấn chiếm vùng giải phóng. Kết hợp ba mũi giáp công, ba lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị trên cơ sở pháp lý của Hiệp định, buộc địch phải thi hành. Lực lượng vũ trang hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị, sẵn sàng đánh địch để giữ vững vùng giải phóng.

Kiên quyết đánh địch lấn chiếm, Thị ủy Long Khánh chỉ đạo các lực lượng chống càn bảo vệ vùng làm chủ. Tại Bảo Vinh A, du kích xã Bảo Vinh cùng với đội biệt động và đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bám trụ kiên cường, đánh trả 2 đại đội bảo an và 1 tiểu đoàn biệt động của địch từ 28 tháng 1 năm 1973 đến 15 tháng 2 năm 1973. Chiến sự diễn ra quyết liệt, hơn một nửa số nhà của đồng bào bị tàn phá, trong 3 ngày đầu (từ 28 đến 30 tháng 1 năm 1973) ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 150 tên địch và sau hơn nửa tháng chiến đấu kiên cường, ta vẫn làm chủ được Bảo Vinh A.

Tại Bình Lộc, chưa đầy 1 tháng, đội du kích đã đánh 15 trận, diệt 81 tên, làm tiêu hao nặng Đại đội bảo an 872 và 1 trung đội cảnh sát, ta thu nhiều vũ khí, khí tài và phương tiện chiến tranh của địch. Du kích Bình Lộc, Bảo Vinh kết hợp đột áp giữa ban ngày, phát động quần chúng làm công tác binh vận khiến bọn lính co cụm lại không dám bung ra, ta phá banh hàng ngàn mét hàng rào áp chiến lược, diệt 1 trưởng ấp cùng 2 lính bảo an, làm bị thương 5 tên khác, thu 1 súng M79, 2AR 15, 200 viên đạn và nhiều đồ dùng quân sự.

Nhằm ổn định đời sống nhân dân, đối phó với âm mưu di dân của địch, Thị ủy chủ trương áp dụng nhiều chính sách khuyến khích nhân dân bung về ruộng vườn cũ làm ăn. Bộ đội giúp dân cất nhà, ổn định cuộc sống ở Cẩm Mỹ, Bảo Vinh, Bình Lộc... Chính quyền cách mạng cấp đất cho dân, nhờ đó đồng bào bung ra vùng giải phóng làm ăn ngày càng đông.

Tháng 6 năm 1973, địch tăng cường Tiểu đoàn 64 biệt động quân và tiểu đoàn bảo an từ Bình Dương lên khôi phục đường sắt đoạn Dầu Giây- Gia Ray- Trảng Táo; trong 2 tháng, đại đội công binh tỉnh phối hợp với đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, bộ đội K8 Xuân Lộc và du kích xã Bảo Vinh đánh 22 trận, diệt 176 tên, bắn cháy 5 đầu máy, 12 toa xe lửa, phá tan kế hoạch khôi phục đường sắt, lấn chiếm của địch.

Thị ủy Long Khánh chỉ đạo các chi bộ mật bên trong lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào lao động, thanh niên học sinh tổ giác và vạch trần âm mưu

kéo dài chiến tranh của Mỹ – nguy, đẩy mạnh công tác binh vận làm tan rã nhiều đội phòng vệ dân sự trong thị xã.

Từ ngày 18 tháng 10 đến 28 tháng 10 năm 1974, Khu ủy miền Đông mở hội nghị quán triệt Chỉ thị 08 của Trung ương Cục, đồng thời đề ra nhiệm vụ mùa khô 1974 – 1975 phối hợp với chiến trường trọng điểm đường 14 Phước Long. Ngày 8 tháng 11 năm 1974, Thường vụ Khu ủy quyết định thành lập Đảng ủy và Ban chỉ huy chiến dịch tổng hợp, phạm vi của chiến dịch theo chỉ đạo là huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc.

Căn cứ chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu và Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh, Huyện ủy Xuân Lộc và Thị ủy Long Khánh quyết định động viên mọi nỗ lực của Đảng bộ và quân dân địa phương, tập trung lực lượng giải phóng vùng ven rộng lớn phía bắc, và đông nam thị xã, tạo thế đứng chân cho lực lượng của trên; chuẩn bị tốt cơ sở vật chất hậu cần theo yêu cầu của chiến dịch; phối hợp chặt với lực lượng chủ lực, phục vụ chiến đấu và chiến đấu trong đội hình các đơn vị bạn.

Quyết tâm của Huyện ủy Xuân Lộc và Thị ủy Long Khánh được quán triệt đến từng đảng viên, cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang, cơ sở quần chúng.

Từ tháng 9 đến tháng 11 năm 1974, bộ đội K8 huyện Xuân Lộc liên tục đánh tiêu hao sinh lực địch ở khu vực Suối Cát, Bảo Chánh, Bình Phú. Tiểu đội nữ súng cối Xuân Lộc thường xuyên cơ động pháo kích phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, kho tàng địch ở sân bay, cầu Gia Liêu, Bình Phú...

Ngày 24 tháng 12 năm 1974, Chiến dịch lộ 3 của Quân khu bắt đầu. Hai trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 6 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công làm chủ 2 chi khu Hoài Đức và Tánh Linh, ta chặt đứt một “mắt xích” quan trọng trong hệ thống phòng thủ phía bắc Xuân Lộc, uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng bắc. Phối hợp với Chiến dịch lộ 3, đội biệt động và đội trinh sát vũ trang thị xã liên tiếp đánh địch trong nội ô thị xã và vùng ven Bình Lộc, Bảo Vinh. Được đồng bào che chở và giúp đỡ, các chiến sĩ biệt động và trinh sát vũ trang luồn sâu vào các cơ quan đầu não của địch, đánh thắng lớn nhiều trận. Đêm 9 và 12 tháng 12 năm 1974, ta đánh vào các mục tiêu trong hậu cứ Sư đoàn 18, ty cảnh sát, quán ăn của bọn sĩ quan trong thị xã, diệt và làm bị thương 111 sĩ quan nguy. Đặc biệt, đêm 11 rạng ngày 12 tháng 12 năm 1974, bằng 3 mũi tiến công ta bức hàng đồn Bảo Chánh, tạo khí thế cách mạng mới, góp nhiều kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về mặt tổ chức trong việc vận dụng phương thức này.

Trên cơ sở những thắng lợi đó, Hội nghị Khu ủy miền Đông từ 31 tháng 1 đến 8 tháng 2 năm 1975 đã khẳng định tính chất chiến lược của thị xã Long Khánh: *“Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”*.

Ngày 4 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Khu ủy miền Đông ra nghị quyết nhân mạnh: *“Khu ta có khả năng phát động quần chúng khởi nghĩa với tinh thần áp giải phóng áp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu, tỉnh giải*

phóng thị xã, tiểu khu, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo trên, Thị ủy Long Khánh hạ quyết tâm: *dùng lực lượng tại chỗ kết hợp ba mũi: vũ trang, chính trị, binh vận bức rút, bức hàng địch ở các xã vùng ven thị xã, tạo địa bàn cho đại quân ta tiến công đập tan tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn của địch tại Long Khánh.*

Mục tiêu chọn đầu tiên là đồn Bảo Vinh B do một trung đội dân vệ đóng giữ, nằm cách đồn Hoàng Diệu của địch chỉ hơn 50 mét. Ta sử dụng 3 khẩu pháo 105 mm bắn vào đồn, cùng lúc kêu gọi địch buông súng đầu hàng. Địch không dám bắn trả nhưng vẫn ngoan cố cố thủ trong đồn chờ viện binh, nhưng khắp nơi trong huyện đều bị đồng loạt tiến công, bọn trong đồn vẫn bị cô lập.

Trời mờ sáng, ta bắn pháo vào đồn làm sập một số lô cốt. Quân ta dùng B40 mở rào xung quanh. Bọn dân vệ hoảng sợ vứt súng rút chạy về Bảo Vinh A. Quân ta chiếm lĩnh đồn, giải phóng hoàn toàn Bảo Vinh B.

Trên đà thắng lợi, quân và dân ta tiếp tục vây lấn địch tại đồn Bảo Vinh A. Ta đào công sự bắn tỉa và kêu gọi địch đầu hàng.

Tại Suối Chồn, cơ sở binh vận của ta kịp thời loan tin chiến thắng ở Bảo Vinh A và B làm bọn dân vệ rất hoang mang. Sợ quân ta tập kích ban đêm, chúng lén bung ra khỏi đồn. Mờ sáng, bọn chúng vừa về tới đồn thì cùng lúc ba lô cốt bị đặt mìn đã nổ tung. Thoát chết, bọn chúng kéo nhau vào trường học ăn mừng. Mười giờ trưa cùng ngày, trường học lại cũng bị nổ tung vì mìn định giờ, 14 tên bị tan xác. Quân ta cùng nhân dân vào đồn thu dọn chiến trường, ấp Suối Chồn hoàn toàn được giải phóng.

Bình Lộc có số dân trên 1000 người, trong đó có 700 người là dân tộc Hoa Nùng, là ấp có truyền thống đấu tranh kiên cường, cũng là nơi tranh chấp mạnh giữa ta và địch sau Hiệp định Pari 1973. Tại đây, ta có 3 chi bộ gồm 19 đảng viên hoạt động vừa công khai, vừa bí mật với 212 cơ sở cách mạng. Nhưng hỏa lực của ta chỉ có 3 bệ phóng 105 mm và vài khẩu B40. Trước tình hình đó, ta chủ trương dùng chính trị và binh vận làm mũi đột phá tiến công. Ta dùng máy cày giả làm xe tăng để hù dọa địch, đồng thời phát loa gọi địch trong đồn buông súng. Để địch tưởng lầm chủ lực ta đã về chuẩn bị công đồn, ban đêm ta cho người vác những thân chuối to có nghi trang đi qua lại trước đồn; ban ngày ta còn cho từng tốp cơ sở mật từ trong rẫy sâu vác đồ đạc trở ra để “di tản ngược”, loan tin quân giải phóng về đánh đồn.

Bọn địch trong đồn xôn xao bàn tán nên rút chạy, “có thủ” hay đầu hàng? Nhìn tình hình, ta cho 3 bệ phóng nã đạn vào đồn, diệt ngay một ổ đại liên và 10 tên bảo an. Bọn địch bị vây chặt trong đồn, tinh thần càng hoang mang, căng thẳng. Không còn hy vọng chờ tiếp viện, đêm thứ hai, toàn bộ 2 đại đội bảo an lén lút rút chạy. Ta phát động nhân dân dùng bộc phá, cuộc xéng bang phá các lô cốt. Bình Lộc hoàn toàn được giải phóng.

Như vậy là đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, bằng tinh thần tự lực, tự cường mưu trí sáng tạo, quân và dân thị xã Long Khánh đã giải phóng và làm chủ hoàn toàn 4 ấp ven là Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Cửa ngõ phía bắc

thị xã Long Khánh đã mở, tuyến phòng thủ ven thị xã bị đập tan. Cùng với thắng lợi của quân ta ở Quốc lộ 1, lộ 3, giải phóng vùng ven đã tạo được một hành lang siết chặt thị xã Long Khánh, tạo điều kiện cho quân chủ lực ta áp sát thị xã, đánh chiếm và giải phóng Long Khánh từ ngày 9 đến 21 tháng 4 năm 1975.

Sau hơn 2 năm, kể từ khi Hiệp định Pari được ký kết, Đảng bộ, lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đã trưởng thành và phát triển lớn mạnh, xây dựng gần 1000 cơ sở mật trong nhân dân. Hầu hết các xã có chi bộ, tổ Đảng lãnh đạo. Bộ đội huyện Xuân Lộc, huyện Cao Su và đội biệt động, trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh có sức chiến đấu cao. Lực lượng du kích phát triển mạnh ở khắp các xã, ấp. Vùng giải phóng Quốc lộ 1, lộ 2, lộ 3 ngày càng mở rộng, kết hợp với việc giải phóng vùng ven thị xã Long Khánh, hình thành thế trận bao vây địch. Các cửa ngõ phía đông, phía bắc, phía nam thị xã Long Khánh đã mở là điều kiện thuận lợi để bộ đội của ta tiến về thực hành Chiến dịch Xuân Lộc, đập tan cánh cửa thép phía đông Sài Gòn, hoàn thành thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

N.V.T.

KẾT HỢP BA MŨI GIÁP CÔNG GIẢI PHÓNG ĐỒN ĐIỀN ÔNG QUẾ, GÓP PHẦN TẠO ĐỊA BÀN ĐÚNG CHÂN CHO CHỦ LỰC TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

NGUYỄN THÀNH CHÂU*

Đồng Nai là tỉnh có diện tích cao su khá lớn ở miền Đông Nam bộ (trên 38.000 hecta). Đội ngũ công nhân cao su Đồng Nai ra đời từ những năm đầu thế kỷ 20 khi tư bản thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa với việc trồng và khai thác cây cao su.

Đội ngũ công nhân cao su ở Đồng Nai vốn xuất thân từ những người nông dân ở miền Trung, miền Bắc bị địa chủ phong kiến bóc lột nặng nề, vào làm phu đồn điền theo chế độ công tra. Đội ngũ công nhân ở Đồng Nai là một bộ phận của dân tộc, có truyền thống yêu nước và đấu tranh kiên cường. Cao su là nguồn lợi kinh tế lớn của tư bản, thực dân, đế quốc để thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Do vậy, các đồn điền cao su địch bố trí lực lượng lớn và tiến hành kìm kẹp chặt công nhân, không chỉ nhằm bảo vệ nguồn lợi kinh tế, mà còn để đánh vào phong trào công nhân, một trong những nguồn cung ứng nhân lực, vật lực cho cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, công nhân cao su Đồng Nai phát huy truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, giành được nhiều thắng lợi trong cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Mùa khô 1974 – 1975, phong trào công nhân cao su ở Bà Rịa – Long Khánh phát triển mạnh, đã xuất hiện những vùng làm chủ và giải phóng trong các đồn điền cao su. Từ ngày 31 tháng 1 năm 1975 đến 8 tháng 2 năm 1975, Khu ủy miền Đông mở Hội nghị đánh giá tình hình toàn Khu và vạch kế hoạch hoạt động trong thời gian tới. Hội nghị khẳng định tính chất, vị trí quan trọng của miền Đông, đặc biệt khi địch thất bại từ các nơi, chúng sẽ co cụm về phòng thủ Xuân Lộc: *“Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”*. Khu ủy chỉ rõ: *“Ta có khả năng phát động quần chúng nhân dân khởi nghĩa với tinh thần áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu, tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”*¹.

Thực hiện nhiệm vụ này, Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh chỉ đạo cho Huyện ủy Cao Su lấy Đồn điền Ông Quế làm điểm thực hiện kết hợp ba mũi đấu tranh: vũ trang, chính trị, binh vận cô lập, bức rút, bức hàng đồn bót địch, giải phóng đồn điền để cùng với thị xã Long Khánh mở vùng ven, xây dựng bàn đạp và chuẩn bị

(*) Giám đốc Công ty Cao su Đồng Nai.

(1) Trích Nghị quyết Hội nghị Khu ủy miền Đông từ 30-1 đến 8-2-1975. Tài liệu lưu trữ Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

mọi mặt cho cuộc tiến công vào thị xã Long Khánh.

Huyện ủy Cao Su đã rút lực lượng du kích các đồn điền xây dựng thêm 1 đại đội 80 chiến sĩ tăng cường cho vùng điểm, đồng thời thành lập Ban Chỉ huy kết hợp ba mũi tấn công địch ở Ông Quế do một đồng chí Thường vụ Huyện ủy làm trưởng ban.

Đêm 21 tháng 2 năm 1975, cuộc tiến công bắt đầu. Ban Chỉ huy cho phát loa vào đồn kêu gọi địch buông súng đầu hàng, đồng thời bố trí bộ đội huyện, du kích xây công sự hầm hào chốt chặn bao vây đồn Ông Quế, bắn tỉa không cho địch ra khỏi đồn, cô lập nguồn nước, nguồn lương thực của địch, đánh diệt viện binh địch từ tiểu khu Long Khánh vào. Thiếu lương thực, thiếu nước uống, lại bị tấn công chính trị, binh vận, tinh thần binh lính hoàn toàn rệu rã. Ngày 25-3-1975, toàn bộ lính trong đồn rút chạy. Ta vận động công nhân nổi dậy bang phá đồn bót, giải phóng toàn bộ Đồn điền Ông Quế. Giải phóng Ông Quế, ta mở rộng vùng làm chủ nối liền với Láng Lớn, mở thông đường vận chuyển, xây dựng một bàn đạp tập kết cho lực lượng chủ lực, xây dựng kho tàng, chuẩn bị hậu cần đảm bảo cho chủ lực tác chiến dài ngày.

Giải phóng Đồn điền Ông Quế là một thực tiễn để Huyện ủy Cao Su chỉ đạo các chi bộ nắm thời cơ phối hợp cùng chủ lực để phát động ba mũi tấn công địch giải phóng đồn điền.

Khi Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra, thì ngày 12 tháng 4 năm 1975, bộ đội huyện, du kích Đồn điền được một bộ phận Sư đoàn 6 chủ lực hỗ trợ tiến công và nổi dậy giải phóng Đồn điền Dầu Giây, bảo vệ nguyên vẹn tài sản thiết bị, máy móc của đồn điền. Việc giải phóng Dầu Giây tạo điều kiện quan trọng về địa bàn, hậu cần để ngày 15 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 6 tiêu diệt hoàn toàn Chiến đoàn 52 Sư đoàn 18 ngự ở ngã ba Dầu Giây, cắt đứt hoàn toàn Quốc lộ 20, Quốc lộ 1 góp phần quan trọng bao vây cô lập địch trong thị xã Long Khánh, ngăn chặn viện binh địch từ Quân đoàn 3 lên mặt trận Xuân Lộc.

Trong quá trình Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra quyết liệt, Huyện ủy Cao Su đã hình thành hai Ban Chỉ huy ở nam Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 và bắc Quốc lộ 1, huy động toàn bộ lực lượng du kích, công nhân các đồn điền nắm thời cơ phối hợp với chiến trường Xuân Lộc thực hành tiến công và nổi dậy giải phóng các đồn điền. Đến trước khi Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng (sáng 21-4-1975), du kích và công nhân đã kết hợp tiến công và nổi dậy, làm chủ hoàn toàn các đồn điền ở nam, bắc Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20.

Như vậy, trước khi vào chiến dịch, lực lượng vũ trang cao su và công nhân đồn điền ở Bà Rịa – Long Khánh với việc giải phóng Đồn điền Ông Quế, đã góp phần tạo ra một bàn đạp ngay sát thị xã Long Khánh, phục vụ hậu cần, đảm bảo một hướng đứng chân quan trọng cho chủ lực khi tiến công vào thị xã. Trong quá trình chiến dịch diễn ra, lực lượng vũ trang và công nhân cao su lại giải phóng Đồn điền Dầu Giây, tạo bàn đạp và điều kiện cho Sư đoàn 6 diệt Chiến đoàn 52 Sư đoàn 18 ngự, góp phần quan trọng cô lập địch trong thị xã Long Khánh.

Phối hợp với Chiến dịch và cùng với Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng, công

nhân cao su Đồng Nai góp phần đập tan “cánh cửa thép” của địch ở phía đông Sài Gòn, mở đường thắng lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

N.T.C

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

Đại tá TS. NGUYỄN TRỌNG THUỜNG*

Thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên khắp các chiến trường vào đầu Xuân 1975 với những mốc son lịch sử: trưa 11 tháng 3 giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, ngày 26 tháng 3 giải phóng Thừa Thiên – Huế, ngày 29 tháng 3 giải phóng thành phố Đà Nẵng và đến ngày 3 tháng 4 giải phóng thị xã Cam Ranh đã đẩy quân địch vào thế khó bề chống đỡ, tất bị thất bại nhanh.

Sự kiện tiến công của Quân giải phóng miền Nam vào Xuân Lộc – khu vực phòng thủ trọng yếu trong tuyến phòng thủ cơ bản cuối cùng (Biên Hòa – Xuân Lộc – Bà Rịa – Vũng Tàu) của quân ngụy Sài Gòn nhằm: tiêu diệt lực lượng địch phòng ngự phía đông Sài Gòn, tạo thế và tạo lập thế trận thuận lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến hành (từ 26 đến 30 tháng 4 năm 1975).

Xuân Lộc là một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai, cách Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh) 80 km về phía đông, có nhiều đường giao thông quan trọng như: Quốc lộ 1 nối liền Sài Gòn ra miền Trung, Quốc lộ 20 nối liền tỉnh Lâm Đồng lên Tây Nguyên, đường sắt nối liền miền Trung cũng chạy ngang qua Xuân Lộc. Ngoài ra, còn các đường liên tỉnh lộ như tỉnh lộ 2 nối thông với Bà Rịa, Vũng Tàu; tỉnh lộ 3 từ Gia Ray đi Bình Thuận, hệ thống giao thông này rất thuận lợi cho việc cơ động quân sự và vận chuyển.

Nội ô thị xã Long Khánh gồm 6 ấp, 1 khu gia đình binh sĩ chiếm hơn 28.000 dân, đa số là người miền Trung, miền Bắc di cư, số này được địch bố trí ngay ở những vùng ven làm một vành đai ngăn chặn từ xa sự xâm nhập của cách mạng.

Từ năm 1957, địch mở rộng huyện Xuân Lộc, thành lập tỉnh Long Khánh gồm 2 quận Xuân Lộc và Định Quán với thị xã Long Khánh làm trung tâm tỉnh lỵ. Từng bước, nhất là từ năm 1966, khi quân Mỹ vào miền Nam, chúng mở rộng thị xã Long Khánh thành một khu quân sự lớn. Tại đây có các căn cứ Trung đoàn thiết giáp 11 Mỹ ở Suối Râm, căn cứ pháo binh Hoàng Diệu, hậu cứ Sư đoàn 18 bộ binh ngụy và các chiến đoàn trực thuộc (43, 52, 48), bộ chỉ huy Khu 33 chiến thuật, sân bay, cơ quan cố vấn Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo CIA... Để cơ động phòng thủ, địch xây dựng đường hành lang trải nhựa chạy quanh thị xã tiếp giáp các ấp ở vùng ven.

Trong đợt hoạt động mùa khô từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975, quân và dân huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đã giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa to lớn. Đêm mùng 9 và ngày 12 tháng 12 năm 1974, các đội biệt động và trinh sát vũ trang đánh sâu vào các căn cứ, cơ quan đầu não của địch, diệt và làm bị thương 111 sĩ quan ngụy. Đặc biệt, đêm 11 rạng 12 tháng 12 năm 1974,

(*) Khoa Nghệ thuật chiến dịch, Học viện Quốc phòng.

bằng ba mũi giáp công ta bức hàng đồn Bảo Chánh tạo một khí thế cách mạng mới, góp nhiều kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức trong việc vận dụng phương thức này.

Trên cơ sở những thắng lợi đó, hội nghị Khu ủy miền Đông (từ ngày 31 tháng 1 đến 8 tháng 2 năm 1975) đã khẳng định tính chất chiến lược của thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo trên, Thị ủy Long Khánh hạ quyết tâm: dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp lực lượng mật bức rút, bức hàng địch ở các xã ven thị xã, tạo địa bàn cho đại quân ta tiến công đập tan tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn của địch tại Long Khánh.

Do nhận định phía đông Sài Gòn là một trong những hướng tiến công chủ yếu của quân ta, nên ngoài lực lượng địch bố trí ở Xuân Lộc như: Sư đoàn bộ binh 18 (Quân đoàn 3), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an, được chi viện hỏa lực mạnh pháo binh – máy bay; trong quá trình tác chiến chúng còn được tăng viện Lữ đoàn dù 1, Trung đoàn bộ binh 8 (Sư đoàn 5), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp.

Về phía ta, lực lượng gồm: Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9), Sư đoàn bộ binh 6 (Quân khu 7), 1 trung đoàn tăng – thiết giáp, 1 trung đoàn pháo binh. Đến cuối chiến dịch được tăng cường Trung đoàn 95B (Sư đoàn bộ binh 325), 1 đại đội xe tăng và lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, huyện Xuân Lộc, thị xã Long Khánh.

Có thể khái quát diễn biến chiến dịch như sau:

5 giờ 30 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975 Chiến dịch mở màn, quân ta đồng loạt đột phá Xuân Lộc và tiểu khu Long Khánh. Ở ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 tập kích chiếm 5 chốt của địch và làm chủ một đoạn Quốc lộ 1 (đoạn Hưng Nghĩa – đèo Mẹ Bồng Con).

Sáng 10 tháng 4, ta tiếp tục đột phá Xuân Lộc, chiếm sân bay, đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn 43 (Sư đoàn 18), đánh Lữ đoàn dù 1 vừa đổ xuống Tân Phong. Địch phải điều thêm 1 liên đoàn biệt động quân, Trung đoàn 8 (Sư đoàn bộ binh 5)... tăng viện cho Xuân Lộc.

Chính vì thế ta thay đổi cách đánh: “bao vây Xuân Lộc, đánh viện”.

Sáng 15 tháng 4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tập kích tiêu diệt Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18) ở ngã ba Dầu Giây. Sáng 16, 17 tháng 4, ta đã phản kích đẩy lùi Trung đoàn thiết giáp 3 và Trung đoàn 8 của quân địch từ Biên Hòa lên.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, đêm 20 tháng 4, địch ở Xuân Lộc rút chạy theo hướng tỉnh lộ 2 về Bà Rịa. Ngày 21 tháng 4, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng.

Kết quả: ta đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, loại khỏi chiến đấu Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18), uy hiếp tuyến Biên Hòa – Hồ Nai.

Từ Chiến thắng Xuân Lộc, có thể rút ra được một số kinh nghiệm bổ ích vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai:

1. Chủ động chiến đấu tạo thế

Chiến đấu tạo thế thực chất là các hoạt động tổ chức lập thế ta, phá thế địch... được tiến hành bằng sử dụng một số lực lượng thích hợp tích cực chiến đấu buộc quân địch phải triển khai ở thế bất lợi, tạo điều kiện cho các lực lượng chủ lực ta cơ động triển khai tiến công tiêu diệt quân địch.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, việc chủ động chiến đấu tạo thế đã diễn ra: Quân đoàn 4 từ ngày 10 tháng 3 đã giải phóng nhiều địa bàn ở phía bắc Sài Gòn, đầu tháng 4 năm 1975 đã giải phóng Lâm Đồng, Di Linh và tiến công vào Xuân Lộc. Ngày 20, 21 tháng 4 năm 1975, giải phóng Xuân Lộc. Có thể nói thành công của cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc chính là kết quả thắng lợi của cả đợt (chiến dịch) tạo thế, chính nó là tiền đề đã tạo điều kiện thuận lợi cho các Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 và Quân khu 5 triển khai áp sát tiến công Sài Gòn từ phía đông.

2. Vận dụng thay đổi cách đánh đầy sáng tạo

Ngay từ lúc mở màn (5 giờ 30 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975), Quân đoàn 4 đã tập trung lực lượng đánh lớn vào Sư đoàn 18 quân ngụy ở thị xã Long Khánh. Song, trận đánh ngay từ đầu đã diễn ra gay go, ác liệt. Các đơn vị đã tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã nhưng không thành công. Có thể nói rằng, kế hoạch tiến công Xuân Lộc của ta chưa dự tính hết được sự phát triển phức tạp của tình huống, chưa đánh giá hết tính chất ngoan cố và khả năng chống đỡ của địch. Do vậy, ta phải thay đổi cách đánh cho phù hợp với tình hình địch:

Đó là chuyển sang bao vây thị xã, đánh các đơn vị địch đến phản kích vòng ngoài, dùng pháo binh tầm xa bắn phá và khống chế chặt chẽ sân bay Biên Hòa. Chính thực hiện cách đánh này ta đã tiêu diệt được Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18), đánh bại Lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp từ Biên Hòa ra tăng viện, làm cho Xuân Lộc bị chia cắt với Sài Gòn. Quân đoàn 4 tiếp tục dùng pháo binh chế áp và tiêu diệt dần các cụm pháo binh địch, tiêu diệt từng bộ phận Sư đoàn 18 và Lữ đoàn dù 1 ngụy mới ra tăng viện.

3. Kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, tiến công mạnh về quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Chiến thắng Xuân Lộc là niềm tự hào, là điểm son trong lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Đông Nam bộ nói chung, của quân và dân Đồng Nai nói riêng, nó đã góp phần quan trọng vào Đại thắng mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Như trong tổng kết *Miền Đông chiến công* đã chỉ rõ: “*Nhờ đòn xeo của chủ lực địa phương, phát huy sức mạnh của ba thứ quân, ba mũi gõ nhiều đòn bót giặc, đặc biệt là xung quanh thị xã Long Khánh, siết chặt vòng vây tiểu khu này trên các hướng đông tây nam bắc, góp phần quan trọng cho Quân đoàn 4 bức rút địch khỏi tiểu khu Long Khánh*”.

Đây chính là phương pháp tạo nên thế và lực mạnh, là của cả một quá trình

kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng và kết hợp tác chiến của cả 3 thứ quân, trong đó tác chiến của quả đấm chủ lực làm nòng cốt.

Đó còn là sự kết hợp giữa lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị, giữa bộ đội chủ lực với bộ đội địa phương và du kích tự vệ trong chiến dịch, tạo nên một hệ thống cấu trúc vừa lớn vừa mạnh của chiến tranh nhân dân trên không gian chiến dịch.

Có thể nói đây chính là một thành công quan trọng về phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam, và đó cũng là một nét tiêu biểu độc đáo về sự phát triển cao và mới của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam.

N.T.T

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TÁC CHIẾN TRONG TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Đại tá PHẠM VĂN GIỚI*

Thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Miền giao, từ ngày 9 đến 20 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh đã tiến hành trận tiến công giải phóng Xuân Lộc. Để giải phóng Xuân Lộc, Quân đoàn 4 không phải chỉ đánh có một trận mà đã tiến hành một đợt đánh lớn, gồm nhiều trận liên kết với nhau trong một không gian nhất định, vì thế có ý kiến cho rằng đây là một chiến dịch tạo thế trực tiếp cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Vào thời điểm đầu tháng 4 năm 1975, sau khi thất thủ Đà Nẵng, quân nguy đã lập tuyến phòng thủ mới để ngăn chặn ta từ xa, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc được xác định là trọng điểm phải giữ vì “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Xuân Lộc là “lá chắn” phía đông của Sài Gòn nên địch cố giữ để ngăn chặn các lực lượng của ta tiến theo Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 vào Sài Gòn; mặt khác, nếu giữ được Xuân Lộc thì Biên Hòa và trục Quốc lộ 15 chưa bị uy hiếp trực tiếp, địch còn có thể nhận được viện trợ của Mỹ theo đường biển vào Vũng Tàu. Vì vậy, để giữ Xuân Lộc, địch đã sử dụng toàn bộ Sư đoàn 18 còn đủ 3 chiến đoàn, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân sự. Lực lượng ứng cứu trực tiếp cho Xuân Lộc có Lữ đoàn 3 thiết giáp ở Biên Hòa, Lữ đoàn 1 dù ở Sài Gòn, ngoài ra còn có các đơn vị bộ binh, pháo binh, không quân của Quân khu 3, Quân khu 4 và lực lượng tổng dự bị của quân nguy.

Trận đánh Xuân Lộc ngay từ những ngày đầu đã diễn ra gay go, ác liệt, ta và địch giằng co quyết liệt từng mục tiêu. Trận đánh kéo dài sang ngày thứ 4, địch tăng thêm lực lượng quyết giữ Xuân Lộc; lực lượng ta bị thương vong, tổn thất khá lớn. Trước tình hình đó, xét thấy trận đánh Xuân Lộc khó dứt điểm, được sự đồng ý của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Miền, Quân đoàn 4 đã quyết định ngừng tiến công địch trong thị xã, chỉ để một bộ phận giữ những khu vực đã chiếm và kiểm chế nghi binh, còn đại bộ phận lực lượng được chuyển ra đánh địch ở vòng ngoài. Trước áp lực của ta ở khu vực Xuân Lộc ngày càng tăng, lực lượng địch cả ở trong và ngoài thị xã bị tổn thất nặng và do lực lượng đi đầu của Quân đoàn 2 đã tiến đến Rừng Lát, để tránh bị tiêu diệt, đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4, địch đã rút chạy khỏi Xuân Lộc. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu liên tục với nhiều trận đánh ác liệt, Quân đoàn 4 và các lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh đã làm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận lực lượng quan trọng của Quân đoàn 3, Quân khu 3 và lực lượng tổng dự bị của quân nguy; đập tan khu vực phòng ngự quan trọng nhất trong tuyến phòng thủ từ

(*) Học viện Quốc phòng.

xa của địch; mở được “cánh cửa” phía đông, giải phóng một địa bàn quan trọng để Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 vào triển khai lực lượng, tạo ra thế trận có lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh. Chiến thắng Xuân Lộc không những làm đổ vỡ tuyến phòng thủ phía đông mà còn làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của quân ngụy ở xung quanh Sài Gòn, đẩy nhanh quá trình tan vỡ của quân ngụy và sự sụp đổ hoàn toàn của ngụy quyền Sài Gòn. Chiến thắng Xuân Lộc đã góp phần cổ vũ tinh thần chiến đấu, củng cố lòng tin và quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn của các lực lượng vũ trang và nhân dân ta.

Trận đánh Xuân Lộc đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Nghiên cứu về trận đánh này, tôi xin nêu lên một số suy nghĩ của mình xung quanh việc vận dụng nghệ thuật tác chiến.

Một là, lựa chọn thời điểm tiến công phải phù hợp với tình hình thực tế trên chiến trường và yêu cầu của chiến lược.

Nếu như sau khi giải phóng Định Quán, Quân đoàn 4 được Bộ Tư lệnh Miền đồng ý cho điều Sư đoàn 9 sang phía đông sông Đồng Nai để tổ chức tiến công Xuân Lộc ngay thì trận đánh có thể sẽ giành được thắng lợi nhanh hơn, bởi vì tình thế chiến lược đang phát triển thuận lợi, ta đã giải phóng Huế, Đà Nẵng và đang phát triển tiến công các tỉnh miền Trung; địch đang phải tập trung đối phó với cuộc tiến công này, địch ở Xuân Lộc chưa có những biến động đáng kể. Nhưng mãi đến ngày 9 tháng 4 ta mới tiến công Xuân Lộc, lúc này địch đã tăng cường thêm lực lượng và việc bố phòng đã được củng cố vững chắc hơn, trong khi đó sức ta đã bị suy giảm sau một thời gian tiến công giải phóng Lâm Đồng. Do đó tính bất ngờ của Chiến dịch không còn, trận đánh thị xã lúc đầu đã gặp khó khăn, ta phải thay đổi cách đánh mới giành được thắng lợi. Xét ở phạm vi chiến dịch, chiến đấu thì thời điểm tiến hành trận đánh Xuân Lộc chưa phù hợp; còn ở phạm vi chiến lược, thì tuy thời điểm tiến công Xuân Lộc chậm nhưng Quân đoàn 4 đã thực hiện được nhiệm vụ giải phóng Lâm Đồng để mở rộng địa bàn, bảo đảm hành lang cho tiến công Sài Gòn, đồng thời phối hợp với chiến trường miền Trung, thực hiện chia cắt giữa Quân khu 2 với Quân khu 3 ngụy, tạo thế cho chiến lược phát triển.

Như vậy, trong chiến tranh, việc lựa chọn thời điểm để tiến hành các hoạt động tác chiến (mở các chiến dịch, các trận đánh lớn) có vị trí rất quan trọng, nó liên quan trực tiếp đến thắng lợi của các hoạt động đó. Chọn thời điểm để tiến hành các hoạt động tác chiến phải căn cứ vào tình hình mọi mặt đang diễn ra trên chiến trường, đồng thời phải phục vụ cho yêu cầu chung của chiến lược. Ở trận Xuân Lộc, mặc dù biết rằng thời gian tiến công chậm lại sẽ gặp khó khăn nhưng Quân đoàn 4 vẫn chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh giải phóng Lâm Đồng, sau đó mới quay lại tiến công giải phóng Xuân Lộc.

Hai là, đã kịp thời thay đổi cách đánh trong quá trình tác chiến.

Để giải phóng Xuân Lộc, lúc đầu Bộ Tư lệnh hạ quyết tâm “lấy tiêu diệt địch bên ngoài là chính, tạo thế bao vây cô lập Xuân Lộc rồi dứt điểm sau”. Nhưng trước tình hình địch đang hoang mang dao động, Bộ Tư lệnh Chiến dịch thay đổi quyết tâm tiến công thị xã Long Khánh trước. Diễn biến chiến đấu trong ba ngày đầu cho thấy việc đánh thị xã trước là chưa phù hợp, ta không những không giải

phóng được thị xã Long Khánh mà còn bị thương vong, tổn thất lớn. Nguyên nhân của tình hình này là do địch đã tăng thêm lực lượng, củng cố lại việc bố phòng trong thị xã; ta sử dụng lực lượng tiến công chưa phù hợp, chưa thực hiện bao vây, chia cắt cô lập thị xã, chưa đánh giá hết tính chất ngoan cố và khả năng chống trả của kẻ địch ở vào thế cùng đường. Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo của cấp trên, Bộ Tư lệnh đã kịp thời thay đổi cách đánh: ngừng tiến công thị xã Long Khánh, chỉ để một bộ phận giữ các khu vực đã chiếm và kiềm chế nghi binh địch, còn toàn bộ lực lượng được chuyển ra đánh địch ở vòng ngoài.

Với cách đánh mới này, ta đã nhanh chóng tiêu diệt Chiến đoàn 52 nguy, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây; tiếp đó ta đã đánh bại các đợt phản kích của địch từ Trảng Bom, Biên Hòa lên, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến đấu của chúng. Đồng thời ta cũng đã đánh chiếm ngã ba Tân Phong, cắt đứt đường số 2; tiêu diệt và bức rút nhiều đồn bót của địch ở xung quanh thị xã. Trước tình hình thị xã Long Khánh bị bao vây cô lập, lực lượng bị tổn thất nặng nề, đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4, địch đã rút khỏi thị xã, để tránh bị tiêu diệt hoàn toàn.

Chiến thắng Xuân Lộc đã cho thấy sự nhạy bén và linh hoạt trong chỉ đạo thực hiện cách đánh của Bộ Tư lệnh và cơ quan các cấp (Quân đoàn, Miền). Khi thấy thời cơ tiến công địch phòng ngự trong thị xã không còn đã kịp thời chuyển lực lượng, tập trung đánh ở những nơi địch phòng ngự mỏng yếu, những đơn vị địch đến phản kích, lực lượng bộc lộ ngoài công sự và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ nên đã giành được thắng lợi lớn, tạo điều kiện nhanh chóng giải phóng Xuân Lộc.

Ba là, chọn mục tiêu tiến công phù hợp.

Chọn mục tiêu tiến công, nhất là mục tiêu tiến công đầu tiên có vị trí hết sức quan trọng, thường chọn đánh vào nơi địch yếu liên quan đến nơi hiểm yếu để khi giành thắng lợi sẽ tạo ra phản ứng dây chuyền thúc đẩy chiến dịch (các hoạt động tác chiến) phát triển thuận lợi. Ở Xuân Lộc, khi tiến công vào thị xã Long Khánh, ta đã đánh vào nhiều mục tiêu cùng một lúc, lực lượng bị phân tán, không tạo được ưu thế cần thiết nên không dứt điểm. Khi thay đổi cách đánh, ta đã chọn mục tiêu tiến công là ngã ba Dầu Giây. Sở dĩ chọn ngã ba Dầu Giây là vì xuất phát từ nhận định “Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối với Biên Hòa”, nếu ta chiếm được Dầu Giây sẽ cắt đứt Quốc lộ 1, “làm mất tụ điểm và sức sống của Long Khánh”, chia cắt giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, đẩy Xuân Lộc vào thế bị cô lập. Thực tế diễn biến chiến đấu cho thấy, sau khi ta chiếm được Dầu Giây, đánh bại các đợt phản kích của địch, đồng thời đánh chiếm ngã ba Tân Phong đã đưa Xuân Lộc vào thế hoàn toàn bị cô lập, phải chịu sức ép ngày càng tăng từ mọi phía, buộc địch phải tháo chạy để tránh bị tiêu diệt.

Chọn ngã ba Dầu Giây là sự vận dụng sáng tạo nghệ thuật xác định mục tiêu tiến công, đã đánh vào chỗ hiểm, nhanh chóng phá vỡ thế trận phòng thủ của địch, buộc địch phải đưa lực lượng đến ứng cứu để ta diệt chúng ngoài công sự.

* * *

Nhân dịp kỷ niệm 28 năm ngày Chiến thắng Xuân Lộc, với sự hiểu biết còn nhiều hạn chế, tôi xin nêu lên những suy nghĩ của mình về một vài vấn đề thuộc lĩnh vực nghệ thuật tác chiến để góp phần vào việc nghiên cứu, rút ra những bài

học kinh nghiệm của chiến thắng này.

P.V.G

BÀN VỀ THỂ TRẬN XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

PHÚ VĂN HẸN*

Đầu năm 1975, trong không khí hào hùng hòa nhịp với khí thế chung của quân dân cả nước bước vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng với Mỹ – ngụy và do vị trí đặc thù trong bối cảnh đặc biệt, trên địa bàn Xuân Lộc, Long Khánh đã diễn ra cuộc chiến đấu vô cùng quyết liệt giữa ta và địch. Quân ta đã dũng cảm vượt qua nhiều hy sinh, gian khổ để kiên cường đánh địch và chiến thắng vẻ vang. Chiến thắng Xuân Lộc (21 tháng 4 năm 1975) đã ghi vào trang sử chiến tranh giải phóng một nét son chói lọi, để lại cho đương thời và hậu thế những dấu ấn khó phai. Tuy nhiên, vẫn cần phải dày công nghiên cứu hơn nữa mới có thể thấy hết những nét đặc sắc và phong phú của thể trận Chiến dịch này, góp thêm tri thức vào kho tàng khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Với cách đặt vấn đề như vậy, tham luận này góp thêm ý kiến vào việc tìm hiểu thể trận Xuân Lộc trong Đại thắng mùa Xuân 1975.

Xuân Lộc cách Sài Gòn 80 km về phía đông, án ngữ nhiều tuyến giao thông quan trọng như: Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, liên tỉnh lộ số 2, liên tỉnh lộ số 3... Mỹ – ngụy sớm chú ý đến vị trí chiến lược của Xuân Lộc, nên đã có biện pháp “cây dân” sau năm 1954 và từng bước xây dựng thị xã Long Khánh theo mô hình của một đô thị – cứ điểm quân sự. Đầu năm 1975, trên địa bàn này có sân bay, có căn cứ pháo binh (Hoàng Diệu), có căn cứ bộ chỉ huy chiến thuật cấp khu (Khu 33), có hậu cứ sư đoàn bộ binh (Sư đoàn 18), có cơ quan cố vấn quân sự Mỹ và căn cứ tình báo Mỹ... lực lượng quân ngụy đóng tại khu vực này có 1 sư đoàn (Sư đoàn 18), 1 trung đoàn thiết giáp (Trung đoàn 5), 9 tiểu đoàn bảo an, nhiều đơn vị cảnh sát...

Cuối tháng 3 năm 1975, quân địch đang trong tình thế nguy kịch¹. Sau cuộc họp ngày 19 tháng 3, Bộ Chính trị tiếp tục họp vào ngày 25 tháng 3 năm 1975, nhận định về giai đoạn phát triển nhảy vọt của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam, từ đó xác định: *thời cơ chiến lược đã xuất hiện, ta cần nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt...* Và Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975...

Lúc này, Trung ương Cục đang thực hiện Nghị quyết 15 về Tổng công kích – tổng khởi nghĩa mùa Xuân 1975, khẩn trương triển khai phương án thực hiện quyết tâm chiến lược giải phóng Sài Gòn – Gia Định.

(*) Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Sau khi mất Phước Long vào đầu tháng 1 năm 1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lớn tiếng tuyên bố: “Không để lọt vào tay Cộng sản một tấc đất nào của Việt Nam Cộng hòa”, nhưng kể đó, tiếp tục đại bại ở Buôn Ma Thuật, Huế và Đà Nẵng, mất cả Tây Nguyên và duyên hải miền Trung vào tháng 3, đầu tháng 4 năm 1975...

Cùng lúc này, địch cấp tốc lập “phòng tuyến Uyên” gồm ba tuyến phòng thủ trọng yếu¹, trong đó tuyến phòng thủ Xuân Lộc có vị trí then chốt, được mệnh danh là “bức tường thép”. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu giao nhiệm vụ cho Chuẩn tướng Lê Minh Đảo (Tur lệnh Sư đoàn 18) và Đại tá Phạm Văn Phúc (Trưởng Long Khánh) phải “tử thủ Xuân Lộc”... và gấp rút tăng cường lực lượng cho Xuân Lộc. Đội hình triển khai tại đây có: 1 chi đoàn xe bọc thép, 2 trung đội pháo binh, 1 thiết đoàn kỵ binh, 1 tiểu đoàn biệt động quân, 3 chiến đoàn bộ binh, các đơn vị bảo an, dân vệ, cảnh sát, biệt kích, phòng vệ dân sự.... Lực lượng ở vùng phụ cận sẵn sàng tăng viện khi cần thiết, có: các sân bay, các đơn vị pháo binh...

Tình hình nêu trên cho thấy: địch hò hét “tử thủ”, quyết tâm chốt giữ Xuân Lộc để bảo vệ Sài Gòn, bảo vệ đầu não của chính quyền ngụy, bảo vệ chế độ thực dân mới mà Mỹ – ngụy đã áp đặt và ra sức bảo vệ hơn 20 năm qua. Ta quyết tâm giải phóng Xuân Lộc để mở đường cho đại quân cùng những phương tiện hiện đại tiến vào Sài Gòn, đập tan chế độ ngụy và kết thúc chiến tranh. Ở đây, trên một ý nghĩa tương đối, có thể nói: cái “một mất một còn” của chính quyền tay sai Mỹ, hiện thân của chủ nghĩa thực dân mới, mắt xích trọng yếu trong chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ đã hóa thân vào số phận của “phòng tuyến Xuân Lộc”. Như vậy là, Xuân Lộc trở thành đỉnh điểm của những nỗ lực quân sự của ta và địch vào những ngày cuối của cuộc chiến tranh.

Chiến dịch Xuân Lộc được mở màn vào sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975 và kết thúc vào sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975.

Thế trận ở phòng tuyến Xuân Lộc cho thấy: địch phối hợp nhiều binh chủng, tập trung một lực lượng lớn gấp nhiều lần lực lượng của ta; chúng dựa vào khối lượng vũ khí khổng lồ, cơ động tác chiến trên một địa bàn quen thuộc, nhưng ở vào thế bị động, như bị dồn ép vào chân tường, nên mức độ phản kích điên cuồng cũng lên tới tột đỉnh. Sau khi lực lượng tại chỗ không chịu đựng nổi sức tấn công của ta, quân địch phải co cụm và cố thủ trong hệ thống lô cốt, công sự kiên cố trong phòng thủ và điều quân từ Sài Gòn, Biên Hòa, Lai Khê, Bàu Cá... tới chi viện (Lữ đoàn dù số 1 cũng được đưa vào trận tuyến này); đồng thời có hàng chục trận địa pháo từ các khu vực phụ cận liên tục trút đạn xuống Xuân Lộc; nhiều tốp máy bay thay phiên nhau quần đảo trên trời, tìm kiếm đội hình quân ta ở Xuân Lộc cũng như vùng ngoại vi để oanh tạc; chúng đã trút xuống Xuân Lộc nhiều loại bom pháo, trong đó có CBU-55 (bom hơi ngạt)...

Lực lượng bộ đội chủ lực của ta tiến công phòng tuyến Xuân Lộc lúc đầu có

⁽¹⁾ Phòng tuyến này mang tên tác giả của nó là tướng Uyên (Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ). Từ tháng 3 năm 1975, quân ta với sức tiến công mãnh liệt tại Chiến dịch Tây Nguyên rồi Chiến dịch Huế – Đà Nẵng... quét sạch quân thù từ Quảng Trị đến Phan Rang, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu hoảng hốt ra lệnh: “Tử thủ từ Phan Rang trở vào”, tướng Uyên từ Mỹ cấp tốc sang Việt Nam để cùng tướng của Thiệu là Cao Văn Viên gấp rút tiến hành xây dựng một tuyến phòng thủ lớn có 3 cứ điểm quan trọng gồm Phan Rang, Xuân Lộc và Tây Ninh, gọi tên là “Tuyến phòng thủ Uyên”. Cũng trong thời gian này, ở chiến trường miền Đông Nam bộ, quân ta đã mở các chiến dịch: Dầu Tiếng, Quốc lộ 20, tuyến lộ 26 (Bến Cui, Suối Ông Hùng, Cầu Khởi, Ngã ba Đất Sét), Định Quán, Võ Đắc, lộ 3, Quốc lộ 1 (Long Khánh – Rừng Lát), uy hiếp Xuân Lộc....

2 sư đoàn của Quân đoàn 4 (Sư đoàn 7, Sư đoàn 341), sau tăng cường 1 sư đoàn của Quân khu 7 (Sư đoàn 6). Phối hợp tác chiến với lực lượng này có các đơn vị bộ đội địa phương (huyện, tỉnh) và lực lượng dân quân du kích của Bà Rịa – Long Khánh. Bộ Chỉ huy mặt trận Xuân Lộc được thành lập với sự tham gia của Tư lệnh Quân đoàn 4, Tư lệnh Sư đoàn 6, Bí thư Tỉnh ủy và Tỉnh đội trưởng Bà Rịa – Long Khánh.

Vào chiến dịch, Sở Chỉ huy cơ bản của Quân đoàn 4 đặt tại bờ bắc sông La Ngà; Sở Chỉ huy mặt trận Xuân Lộc đặt tại ấp Bảo Vinh. Quân ta quyết tâm giải phóng Xuân Lộc bằng thể trận của chiến tranh nhân dân, phối hợp nhịp nhàng 3 thứ quân. Ta đã có sự chuẩn bị tốt để đập tan phòng tuyến Xuân Lộc của địch bằng khí thế chủ động tiến công và quyết tâm chiến thắng¹. Khi ta nổ súng tiến công phòng tuyến Xuân Lộc, địch lập tức phản kích điên cuồng và mức độ phản kích điên cuồng ngày càng lên tới tột đỉnh, mặt trận trở nên rất khốc liệt và đẫm máu... Chỉ trong mấy ngày, hơn một ngàn cán bộ, chiến sĩ ta đã bị thương vong tại mặt trận Xuân Lộc. Quân ta không hề nao núng vì thể trận lòng dân, hậu cần nhân dân, có lực lượng chi viện hùng hậu tại chỗ, từ hậu phương gần và hậu phương xa... Quân ta đã dội bom pháo địch và bằng mình qua lửa đạn bao vây và đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18 bộ binh nguy và Lữ đoàn 1 lính dù đến chi viện. Các đơn vị của ta đã chia cắt địa bàn phía tây nam Xuân Lộc (ngã ba Dầu Giây), tiêu diệt Chiến đoàn 52 của địch, nhanh chóng giải phóng Túc Trưng – Kiệm Tân – Dầu Giây, kịp thời chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa để toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc bị cô lập hoàn toàn...

Quân ta quyết thắng và chắc thắng. Sau 5 ngày diễn biến của mặt trận Xuân Lộc, vào ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua quyết tâm và kế hoạch giải phóng Sài Gòn – Gia Định, đồng thời chuẩn y đề nghị từ chiến trường để Chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn – Gia Định được mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Hòa nhịp và phối hợp với mặt trận Xuân Lộc, ngày 16 tháng 4 năm 1975, quân ta giải phóng Phan Rang, ngày 19 tháng 4 năm 1975, giải phóng Phan Thiết... tuyến phòng thủ từ xa của địch đã bị đập tan.

Tại mặt trận Xuân Lộc, đêm 20 rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, quân địch lợi dụng trời mưa, đêm tối rút chạy khỏi Long Khánh theo hướng lộ 2 đi Bà Rịa. Quân ta lập tức truy đuổi. Các chiến sĩ Đại đội 41 phối thuộc Tiểu đoàn 445 đã diệt và bắt nhiều tên trong đó có Đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc. Đến 8 giờ sáng thì tuyến phòng thủ này – tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở đông Sài Gòn bị thất thủ. Quân ta giải phóng Xuân Lộc, giải phóng Long Khánh, mở toang cửa

⁽¹⁾ Theo đà phát triển của chiến trường, trên địa bàn Long Khánh, ngày 17 tháng 3 năm 1975, quân ta tấn công giải phóng chi khu Định Quán, cắt đứt tuyến Quốc lộ 20 đồng thời đánh chiếm ngã ba Ông Đồn, núi Chúa Chan, đồi 52 ở Xuân Lộc. Ngày 18 tháng 3 năm 1975, quân ta đánh chiếm cứ điểm Gia Ray và giải phóng các ấp phụ cận. Ngày 20 tháng 3 năm 1975, giải phóng Trà Tân, ngã ba Ông Đồn và cắt đứt tuyến Quốc lộ 1 ở phía đông Xuân Lộc.... Có thể nói, đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, quân và dân ta đã phá tan tuyến phòng thủ của địch ở ven thị xã Long Khánh, giải phóng các ấp vùng ven, tạo hành lang cho quân chủ lực tiến vào đánh chiếm nội thị... Vào ngày 6 và 7 tháng 4 năm 1975, tiếp tục đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn bảo an địch ở Bình Phú, Bảo Toàn và làm chủ ấp Bảo Hòa, tạo thể hình thành trận địa bố trí đội hình không chế địch cơ động trên tuyến Quốc lộ 1 – thị xã Long Khánh.

ngõ phía đông Sài Gòn cho đại quân của ta tiến công vào tận sào huyệt cuối cùng của quân thù, kết thúc thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

P.V.H

NGHỆ THUẬT TỔ CHỨC VÀ THỰC HÀNH TÁC CHIẾN TRONG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TUYẾN PHÒNG THỦ XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Trung tá NGUYỄN VĂN HÙNG*

Thắng lợi to lớn của Chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng đã góp phần quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng về mặt chiến lược, tạo ra sự nhảy vọt về cục diện chiến tranh hoàn toàn có lợi cho ta. Kế hoạch cơ bản chiến lược giữ vùng đồng bằng, đô thị, dọc duyên hải miền Trung của địch bị đập tan. Điều kiện, thời cơ cho các binh đoàn chủ lực của ta tập trung thực hiện cuộc Tổng tiến công chiến lược vào Sài Gòn đã xuất hiện. Để ngăn chặn tình thế sụp đổ và mong tìm giải pháp chính trị cho nguy quyền tay sai, từ cuối tháng 3 năm 1975, chính quyền Mỹ lập cầu hàng không để viện trợ quân sự khẩn cấp cho nguy quyền Sài Gòn, chỉ đạo quân nguy gấp rút chấn chỉnh khôi phục lại một số đơn vị bị đánh tan ở Tây Nguyên, Đà Nẵng... đồng thời điều chỉnh, bố trí phòng ngự nhằm giữ các địa bàn còn lại ở cực Nam Trung bộ và Nam bộ. Lấy thành phố Sài Gòn là trung tâm, địch lập tuyến phòng thủ từ xa là Phan Rang, Ninh Thuận, tiếp đến là tuyến phòng thủ cửa ngõ phía đông Xuân Lộc – Long Khánh và tuyến trong Long Bình – Biên Hòa. Chúng cho rằng tuyến phòng thủ Xuân Lộc là quan trọng nhất, bởi đây là nút chặn cuối cùng, nếu tuyến phòng thủ Xuân Lộc bị phá vỡ thì các binh đoàn chủ lực quân giải phóng sẽ phát triển tiến công theo hai trục Quốc lộ 1 và tỉnh lộ 2 Quốc lộ 15, hình thành gọng kìm bao vây cô lập sân bay Biên Hòa, tổng kho cung cấp hậu cần Long Bình, Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 nguy, trực tiếp uy hiếp phía đông – đông nam Sài Gòn. Do đó, lực lượng phòng thủ Xuân Lộc giao cho Sư đoàn 18, đơn vị còn tương đối đủ quân, thông thuộc địa bàn, cùng Thiết đoàn 2 (với hơn 100 xe tăng, xe thiết giáp), 2 tiểu đoàn pháo (có 42 khẩu), lực lượng này kết hợp với 5 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn biệt động, 3 đại đội độc lập và cảnh sát của tiểu khu Long Khánh lập ra nhiều cụm chốt vững chắc. Lấy sở chỉ huy Sư đoàn 18 làm trung tâm, địch lập tuyến phòng thủ theo vòng cung trên chính diện 40 km từ Bàu Hàm – Hưng Nghĩa đến Túc Trưng, Dầu Giây qua phía đông bắc – đông thị xã đến ngã ba Tân Phong, Suối Râm. Về tổ chức phòng thủ, địch phân chia từng trung đoàn đảm trách từng khu vực, dựa vào hệ thống công sự, lô cốt, ấp dân sinh có từ trước và tăng cường thêm công sự, vật cản, hình thành trận địa nhiều tầng xung quanh và bên trong thị xã. Ở phía ngoài địch không chế các điểm cao dọc tuyến lộ giao thông, xây dựng các chốt vững chắc có hỏa lực mạnh để ngăn chặn ta tiến công. Toàn bộ lực lượng phòng thủ tại Xuân Lộc tương đương 2 sư đoàn, trong quá trình tác chiến được sự chi viện tối đa của không quân và lực lượng tổng trừ bị.

Ngày 1 tháng 4, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 7 nhận mệnh lệnh tổ chức lực lượng tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc, tiêu diệt Sư đoàn 18 và địch

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

chốt giữ tại phòng tuyến, giải phóng thị xã Long Khánh, phá thế phòng ngự của địch ở hướng đông Sài Gòn, tạo điều kiện để các binh đoàn chủ lực cơ động theo trục Quốc lộ 1, tỉnh lộ 2 tiến công giải phóng Bà Rịa, áp sát tuyến phòng thủ Long Bình – Biên Hòa và thực hành tiến công vào thành phố Sài Gòn. Đây là chiến dịch then chốt của đợt hoạt động tác chiến, tạo thế chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn – Gia Định. Theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Miền, chiến dịch diễn ra khi thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã xuất hiện, Bộ Chỉ huy Chiến dịch phải quán triệt tư tưởng “thần tốc, táo bạo, chắc thắng”, tổ chức lực lượng, thực hành tiến công địch giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất. Đây là nhiệm vụ hàng đầu của Chiến dịch, do vậy việc xây dựng phương châm, phương thức tác chiến, ý định tác chiến của Bộ Chỉ huy phải bám vào yêu cầu chung của toàn chiến trường, không để lỡ thời cơ chiến lược.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch do đồng chí Hoàng Cầm làm Tư lệnh, chủ trì cuộc họp xây dựng quyết tâm chiến đấu. Bộ Chỉ huy nhận định về so sánh lực lượng giữa ta và địch, ta không hơn địch về quân số (Sư đoàn 7 có 3 trung đoàn, nhưng liên tục chiến đấu quân số không đủ theo biên chế, Sư đoàn 341 có 2 trung đoàn, Sư đoàn 6 Quân khu 7 có 2 trung đoàn); lực lượng pháo binh trong chiến dịch có 40 pháo mặt đất, 2 giàn ĐKB và 35 pháo cao xạ; lực lượng xe tăng có 12 xe T59, so với số pháo binh và xe tăng của địch tại Xuân Lộc thì ta ít hơn. Tuy nhiên, ta lại có thuận lợi mang ý nghĩa quyết định – đó là, thế áp đảo về tương quan chiến lược chung trên toàn chiến trường; địch ở Xuân Lộc – Long Khánh buộc phải tổ chức phòng thủ trong tình thế ở Nam Trung bộ, tuyến phòng thủ Phan Rang – Ninh Thuận đang bị bao vây tiến công; ở Đông Nam bộ, ta đã làm chủ vùng địa bàn phía bắc và đông bắc Xuân Lộc và Quốc lộ 20 từ cầu La Ngà đến Đà Lạt; hướng chiến trường Tây Ninh ta đang phát triển uy hiếp Sài Gòn. Địch trong thế hoang mang dao động đến đỉnh điểm. Chiến đoàn 43, Tiểu đoàn biệt động quân 82 và lực lượng bảo an đã bị đánh thiệt hại nặng trên Quốc lộ 20, Phước Long mới được củng cố, nhưng sức chiến đấu kém. Phát huy điều kiện thuận lợi trên, tận dụng yếu tố bí mật, táo bạo, bất ngờ trong cách đánh ta sẽ giải quyết được vấn đề khó khăn về lực lượng và binh hỏa lực trong quá trình tiến công. Từ nhận định này, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã đề ra quyết tâm:

- Nắm vững quyền chủ động, tận dụng thời cơ khẩn trương cơ động lực lượng tạo thế tiến công địch trong thời gian nhanh nhất.

- Thực hành bao vây, đột kích thọc sâu chia cắt địch, đánh chắc, tiến chắc, giải quyết nhanh mục tiêu (thời gian từ 1 đến 3 ngày).

- Tổ chức đánh địch tăng viện, phản kích, truy kích tiêu diệt địch rút chạy, không cho địch co cụm về Biên Hòa, Bà Rịa.

Để thực hiện quyết tâm trên, phương án tác chiến cụ thể của ta là: sử dụng Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 và tiểu đoàn tăng tiến công tiêu diệt sở chỉ huy Sư đoàn 18, tiểu khu Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh và đoạn Quốc lộ 1 từ núi Chứa Chan đến ngã ba Dầu Giây. Sử dụng Sư đoàn 6 bao vây chia cắt địch ở hướng Gia Kiệm – Túc Trưng, tạo thế tiêu diệt địch từ Gia Kiệm về giải tỏa thị xã và giải phóng chi khu Gia Kiệm, Dầu Giây, diệt địch từ Biên Hòa lên giải tỏa. Đây

là phương án rất táo bạo, triệt để tận dụng thời cơ chung của chiến trường, thực tế diễn biến của giai đoạn đầu Chiến dịch cho thấy địch hoàn toàn bị bất ngờ khi ta tiến công Xuân Lộc, vì chúng cho rằng ta chỉ có khả năng tiến công Túc Trưng, phát triển theo Quốc lộ 20 tiến công Đà Lạt, hoặc tiến công chỉ khu Tân Phong ở hướng nam thị xã, bởi việc cơ động lực lượng cấp sư đoàn bằng hành quân bộ hơn 100 km và vận chuyển lương thực, vũ khí, triển khai binh khí kỹ thuật đánh vào Xuân Lộc không thể là 5-7 ngày. Trong khi đó, ngày 31 tháng 3, gián điệp, thám báo địch vẫn báo cáo “Việt cộng” đang chuẩn bị tiến công Đà Lạt, Tân Phong, địch phải bỏ Đà Lạt bí mật rút chạy về Phan Rang đêm 1 tháng 4.

Về phía ta, sau khi thực hiện đòn nghi binh thắng lợi, Sư đoàn 7, Sư đoàn 6 đã tổ chức các đơn vị cơ động “thần tốc” theo nhiều đường về các điểm quy định quanh Xuân Lộc. Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã chỉ thị các đơn vị liên hệ chặt chẽ với chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương, huy động mọi khả năng của chính quyền và nhân dân địa phương tham gia vào nhiệm vụ làm đường giao thông, vận chuyển lương thực, vũ khí, trang bị. Phương thức kết hợp giữa hậu cần đơn vị và hậu cần nhân dân để đảm bảo cho Chiến dịch đã đem lại hiệu quả rất lớn, ta đã giải quyết được khó khăn thiếu xe chở đạn, xe kéo pháo và huy động nhân dân ủng hộ hơn 40 tấn gạo, hàng trăm phi và thùng đựng nước cho bộ đội. Các tuyến đường hành quân, đường đưa pháo vào trận địa đã được công binh và dân công làm hoàn thành trước ngày 8 tháng 4.

5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4, chiến dịch tiến công Xuân Lộc bắt đầu. Địch hoàn toàn bất ngờ và bị tê liệt sau 45 phút bị ta pháo hỏa chính xác vào các mục tiêu sở chỉ huy Sư đoàn 18, sở chỉ huy tiểu khu Long Khánh. 7 giờ, các mũi tiến công của Sư đoàn 341, Sư đoàn 7 đột kích vào thị xã, được sự dẫn đường của lực lượng tự vệ thị xã, bộ binh và xe tăng thọc thẳng vào đánh chiếm dinh tỉnh trưởng, khu hành chính tỉnh, nhà cổ văn Mỹ và trại bảo an, ty cảnh sát. 10 giờ ngày 9 tháng 4, ta chiếm các mục tiêu trên và phân phía tây thị xã. Hướng chặn viện do Sư đoàn 6 đảm nhiệm, ta đã tiêu diệt 5 điểm chốt ở ấp Hưng Lộc, Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ Bồng Con; diệt, bắt nhiều tên địch, thu hơn 100 súng các loại, có 2 pháo 105 mm. Hướng chặn viện tỉnh lộ 2, lực lượng địa phương Bà Rịa cũng đã phối hợp đánh nhiều mục tiêu dọc theo lộ 2, chặn địch tại Suối Cát.

Sau khi bị mất một số vị trí trong thị xã, từ chiều ngày 9 tháng 4, địch tăng cường phòng thủ khu vực sở chỉ huy Sư đoàn 18 và tổ chức lực lượng phản kích ở hướng đông nam và trung tâm thị xã. Như vậy, tận dụng yếu tố bí mật bất ngờ, sử dụng binh lực mạnh đột kích vào thị xã và thực hiện bao vây cô lập địch, trong ngày đầu, ta đã chiếm được một phần hai thị xã Long Khánh (3 tiểu đoàn của ta chốt trong thị xã) tạo thế áp sát để phát triển tiến công địch. Ngày 10 tháng 4, ta phát huy kết quả thắng lợi tiếp tục thực hành tiến công vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 và sân bay. Nhưng lúc này yếu tố bất ngờ không còn, địch co cụm cố thủ và tổ chức phản kích từ hướng nam, đông và tây thị xã. Kết quả ngày 10 tháng 4, Sư đoàn 6 chặn đánh đẩy lùi 4 cuộc phản kích tại Dầu Giây, Sư đoàn 341 chặn đánh địch phản kích tại Cua Heo, phát triển xuống phía nam sân bay, địch bị mất thêm một số vị trí. Trước tình thế nguy ngập, địch phải điều Trung đoàn 8, Sư đoàn 5 và

Lữ đoàn dù 2 tăng viện cho Xuân Lộc. Ngày 11 và 12 tháng 4, địch dùng không quân đánh phá quyết liệt vào các vị trí của ta tại Xuân Lộc và thực hiện phản kích giải tỏa theo trục Quốc lộ 1. Các đơn vị của ta đánh phản kích, tiếp tục bao vây cô lập địch trong thị xã.

Sau 3 ngày thực hành tiến công, ta chưa giải phóng được thị xã Long Khánh. Đêm 12 tháng 4, Bộ Chỉ huy Chiến dịch họp và nhận định: địch đã tăng cường lực lượng tương đương 1 sư đoàn để giải tỏa Xuân Lộc, đồng thời sử dụng tối đa không quân đánh phá hủy diệt vùng bị chiếm, chứng tỏ địch chưa bỏ Xuân Lộc. Về phía ta, chưa dự kiến hết tình huống phản ứng và khả năng phòng thủ của địch, chọn hướng tiến công chủ yếu chưa hợp lý, vì hướng đông thị xã là hướng địch phòng thủ mạnh nhất, địa hình lại không có lợi cho ta triển khai đội hình tiến công. Lực lượng ta sau 3 ngày chiến đấu, sức chiến đấu đã giảm, đạn pháo chưa vận chuyển kịp, yếu tố bí mật, bất ngờ không còn, do vậy khả năng tiến công dứt điểm Xuân Lộc khó khăn. Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định chuyển sang phương án bao vây cô lập Xuân Lộc, sử dụng một bộ phận của Chiến dịch (Sư đoàn 6, Trung đoàn 95B mới được tăng cường và pháo binh Chiến dịch) tiêu diệt Chiến đoàn 52, cắt Quốc lộ 1, đánh địch phản kích. Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 củng cố bổ sung quân số, trang bị sử dụng một bộ phận chiếm giữ các vị trí quan trọng để không chế cô lập địch trong thị xã, sẵn sàng đánh địch rút chạy theo hướng tỉnh lộ 2. Việc nhận định lại tình hình và linh hoạt chuyển cách đánh, phương án chiến đấu của Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã tạo ra bước phát triển mới thuận lợi cho chiến dịch.

Ngày 15 tháng 4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiến công Chiến đoàn 52, sau 2 giờ chiến đấu ta tiêu diệt toàn bộ chiến đoàn này, diệt và bắt hàng trăm tên địch, thu 12 pháo (105 và 155 mm), bắn cháy 4 xe tăng, giải phóng chi khu Gia Kiệm. Mất Chiến đoàn 52, địch ở Xuân Lộc càng hoang mang, suy sụp hơn khi ta hoàn toàn làm chủ ngã ba Dầu Giây.

Ngày 16 và 17, Sư đoàn 6 đánh tiêu diệt lực lượng của Trung đoàn 8 và Lữ đoàn dù 2 từ Trảng Bom lên giải tỏa ngã ba Dầu Giây. Ngày 18 và 19, Sư đoàn 7 đánh lực lượng dù phản kích giải tỏa Tân Phong. Tính đến ngày 19 tháng 4, địch bị tiêu diệt một chiến đoàn, thiệt hại nặng 5 tiểu đoàn. Cùng trong thời gian đó, lực lượng Quân đoàn 2 và Quân khu 6 của ta đã tiến công phá vỡ tuyến phòng thủ Phan Rang – Tháp Chàm (16-4), tiến công giải phóng thị xã Phan Thiết (19-4). Trước sức ép mạnh từ hướng bắc, bị cắt tuyến Quốc lộ 1 về Biên Hòa, đêm 20 rạng sáng 21 tháng 4, địch bỏ Xuân Lộc rút chạy về Bà Rịa và Long Bình. Bộ Chỉ huy Chiến dịch lệnh cho Sư đoàn 341 tổ chức truy kích, ta diệt được một bộ phận phía sau đội hình tháo chạy của địch, bắt tên Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh. Chiến dịch tiến công phòng tuyến Xuân Lộc – Long Khánh kết thúc sau 12 ngày đêm. Ta đã tiêu diệt và bắt 4.839 tên địch, bắn cháy 19 xe quân sự, 42 xe tăng thiết giáp, bắn rơi 3 máy bay, thu 48 xe ô tô, 1.499 súng, có 14 pháo, giải phóng Xuân Lộc, phá vỡ tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch ở phía đông Sài Gòn, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực cơ động triển khai lực lượng tiến công tuyến phòng thủ cuối cùng Long Bình – Biên Hòa và tổng tiến công giải phóng Sài Gòn.

Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh đã thể hiện sự phát triển mới về nghệ

thuật nghi binh, lừa địch, tạo thế và sử dụng lực lượng vũ trang địa phương phối hợp tác chiến tiến công cụm phòng ngự vững chắc của địch trong thành phố. Do vận dụng tốt các thủ đoạn nghi binh và sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ lực của Quân đoàn và lực lượng địa phương, nên giai đoạn đầu của chiến dịch ta hoàn toàn nắm quyền chủ động, tạo được yếu tố bất ngờ trên các hướng tiến công và giành thắng lợi. Lực lượng vũ trang địa phương đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trinh sát, dẫn đường để các mũi đột kích đánh chính xác các mục tiêu, đồng thời đã thực hiện tốt nhiệm vụ tự giải phóng làm chủ các khóm phố, ấp, xã, vận động quần chúng ủng hộ giúp đỡ bộ đội tiến công địch.

Về nghệ thuật tổ chức chỉ huy, thực hành tác chiến cũng có những điểm phát triển sáng tạo, thích ứng với tiến trình chiến dịch, đó là: khi thời cơ đột phá đánh chiếm Xuân Lộc không còn, địch tăng cường lực lượng phòng thủ, Bộ Chỉ huy đã nhận định: “Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối thông với Biên Hòa”, từ đó ta chuyển phương án từ tiến công đột phá địch phòng ngự trong thị xã Long Khánh sang bao vây cô lập Xuân Lộc, tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 52 tại Gia Kiệm cắt chặn Quốc lộ 1, tiêu diệt địch tăng viện giải tỏa cho Xuân Lộc, mở ra hành lang mới để từ Quốc lộ 20 tiến về áp sát Biên Hòa, vô hiệu hóa “cánh cửa thép”, buộc Quân đoàn 3 nguy phải ra lệnh rút quân khỏi Xuân Lộc, co về giữ phòng tuyến Biên Hòa.

Từ quyết định trên, ta đã tổ chức tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 52, giải phóng Định Quán, tiêu diệt lực lượng giải tỏa, tăng viện của địch, tạo ra bước phát triển mới của chiến dịch để đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

N.V.H

VỀ VẤN ĐỀ CHỌN HƯỚNG TIẾN CÔNG TRONG TRẬN XUÂN LỘC

TRẦN VIỆT ANH*

Ngày 20 tháng 4 năm 1975, Hãng thông tấn Roitor (Reuters – Anh) phát đi một bản tin gây xôn xao dư luận: “Trận đánh hai tuần nay để chiếm Quốc lộ 1 đã trở thành trận độ sức gay go và ác liệt nhất... Mất đường này sẽ mở đường cho một cuộc tiến công trực tiếp vào căn cứ không quân Biên Hòa chỉ cách Sài Gòn 29 km về phía đông bắc”. Sự kiện gây chấn động đó chính là trận Xuân Lộc – một trận đánh lớn và dài ngày diễn ra trước cửa ngõ Sài Gòn trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Trong trận đánh đó, qua 12 ngày đêm chiến đấu căng thẳng và quyết liệt, Quân đoàn 4 cùng các lực lượng vũ trang địa phương đã đập tan một trong những khu vực phòng thủ mạnh nhất trên tuyến phòng thủ chiến lược Sài Gòn của địch; tiêu diệt một lực lượng lớn quân chủ lực thuộc các đơn vị “át chủ bài” của Thiệu như Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp... “Cánh cửa thép” Xuân Lộc bị đập tan đồng nghĩa với việc cửa ngõ vào Sài Gòn từ phía đông bắc đã được khai thông; và hơn thế là một hệ thống phòng thủ chiến lược bảo vệ Sài Gòn mà cả Thiệu lẫn Uýen đã dày công xây dựng, đặt nhiều kỳ vọng vào đấy, phút chốc trở nên rung chuyển và suy yếu. Sau “sự kiện Xuân Lộc”, tinh thần binh lính ngụy vốn đã suy sụp càng thêm suy sụp nhanh hơn.

Tác động của trận Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là rất lớn. Điều này đã được lịch sử ghi nhận. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, tổng kết về cuộc kháng chiến chống Mỹ nói chung, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 nói riêng, khi đề cập đến “sự kiện Xuân Lộc” vẫn còn có ý kiến cho rằng: “đánh Xuân Lộc lúc ấy là chưa cần thiết” và “việc phòng tuyến Phan Rang bị Quân đoàn 2 cùng lực lượng vũ trang các Quân khu 5, 6 phá vỡ đã buộc Sư đoàn 18 ngụy hoảng loạn rút bỏ Xuân Lộc”¹. Bài viết này xin được làm rõ quyết định đánh Xuân Lộc là đúng, là cần thiết qua cái nhìn chọn hướng tiến công.

1. Sau chiến thắng Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng... tình hình phát triển rất mau lẹ. Ngày 1 tháng 4 năm 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Quốc phòng đã gửi công điện số 957 cho Bộ Chỉ huy ở mặt trận Sài Gòn yêu cầu: *“cần hành động thật táo bạo, một mặt cơ động lực lượng thật khẩn trương; mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng thật đông đủ mới làm ăn”*.

Thực hiện chỉ thị này, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định giao cho Quân đoàn 4 phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương mở cuộc tiến công giải phóng Xuân

(*) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

(1) Đồng chí Lê Đức Thọ trả lời phỏng vấn Tạp chí Lịch sử quân sự về một số vấn đề tổng kết chiến tranh, biên soạn Lịch sử quân sự, Hà Nội, tháng 12-1988.

Lộc nhằm tiêu diệt Sư đoàn 18 nguy, phá thế phòng ngự Sài Gòn từ xa; từng bước bao vây cô lập, tạo thế có lợi để mở đường cho đại quân ta tiến công Sài Gòn.

Thực ra vấn đề tiến công Xuân Lộc đã được đặt ra trước đó hơn chục ngày. Sau khi hoàn thành việc đánh chiếm chi khu Định Quán (19-3-1975), Bộ Tư lệnh Quân đoàn đã điện báo lên Bộ Tư lệnh Miền xin được tiến công Xuân Lộc, nhưng căn cứ vào tình hình chung lúc bấy giờ và nhất là xuất phát từ yêu cầu mở rộng địa bàn bảo đảm vững chắc cho hành lang tiến công Sài Gòn trên hướng đông – bắc; từ yêu cầu chia cắt chiến lược giữa Quân đoàn 2 và Quân khu 3 nguy... nên Bộ Tư lệnh Miền đã không đồng ý cho Quân đoàn 4 đánh Xuân Lộc ngay mà phải tiếp tục phát triển theo hướng Quốc lộ 20 lên giải phóng Lâm Đồng.

Lần này (9-4-1975), Quân đoàn 4 tiến công Xuân Lộc trong điều kiện địch đã củng cố, xây dựng nơi đây trở thành một cứ điểm mạnh và trọng yếu trên tuyến phòng thủ vòng ngoài của Sài Gòn kéo dài từ Phan Rang lên Tây Ninh. Sau khi Đà Nẵng và một loạt cứ điểm ở miền Trung thất thủ, Xuân Lộc đã được Nguyễn Văn Thiệu và Uýen củng cố trên mọi phương diện. Tại đây, địch bố trí Sư đoàn bộ binh 18 thiện chiến (đủ 3 chiến đoàn); Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân... Ngoài ra còn có Lữ đoàn 3 thiết giáp, Lữ đoàn dù 1 làm nhiệm vụ ứng cứu trực tiếp và sự chi viện tối đa của pháo binh, không quân cùng lực lượng của các Quân khu 3 và Quân khu 4.

Cả Thiệu lẫn Uýen đều không giấu ý đồ tăng cường phòng thủ Xuân Lộc là để ngăn chặn cấp quân đoàn của ta từ Bắc tiến vào, và cả hai cũng nhận thấy “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. So sánh tương quan lực lượng tại chỗ lúc bấy giờ rõ ràng là ta kém hơn địch nhưng không phải vì thế mà chưa nên đánh Xuân Lộc, bởi vì Xuân Lộc còn thì các cánh quân phía Bắc dù có chọc thủng Phan Rang không dễ gì vượt qua được “cánh cửa thép” này để có thể kịp thời hội quân trong Chiến dịch Hồ Chí Minh khi mà khoảng cách vào Sài Gòn còn hơn 200 km. Hơn nữa, quyết định đánh Xuân Lộc không những để giải quyết vấn đề quân sự đơn thuần mà còn là đòn cân não đánh vào ý chí và tinh thần của binh lính nguy lúc này vốn đang hoang mang sa sút.

Để tiến công Xuân Lộc, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 đã đưa ra hai phương án: phương án 1 được xây dựng trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm của các trận trước đó như Sông Chúp, Snun, An Lộc... Tức là lấy tiêu diệt địch bên ngoài là chính, tạo thế bao vây cô lập Xuân Lộc rồi dứt điểm sau. Phương án 2 là tập trung bộ binh, xe tăng cùng toàn bộ hỏa lực ngay từ đầu đồng loạt tiến công vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 nguy và tiểu khu, nếu địch tan vỡ thì ta giải quyết sớm.

Trong cuộc họp tại Sở Chỉ huy Chiến dịch ngày 3 tháng 4, Đảng ủy Quân đoàn đã thông qua quyết tâm tiến công Xuân Lộc theo phương án 1, nhưng rạng sáng ngày 9 tháng 4, Quân đoàn lại nổ súng mở màn trận đánh theo phương án 2. Một sự thay đổi hướng tiến công cực kỳ táo bạo mà theo chúng tôi có lẽ Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã căn cứ vào sự cân nhắc, lựa chọn sau khi phân tích kỹ yếu tố chính trị, tinh thần của binh lính nguy trong thời điểm đó. Cuộc chiến ở Xuân Lộc diễn ra vô cùng ác liệt. 3 ngày đầu (9, 10, 11-4) tuy rằng ta đã chiếm được một số mục tiêu trong thị xã; tiêu diệt được một số sinh lực địch và chiếm giữ được một số

bàn đạp quan trọng nhưng bộ đội bị thương vong quá nhiều (Sư đoàn 7: 300; Sư đoàn 341 gần 1.200; 6 xe tăng bị địch bắn hỏng, hầu hết các trận địa pháo của ta đều bị “dính” bom đạn). Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Miền đã kịp thời chỉ đạo Quân đoàn 4 rút kinh nghiệm về chọn hướng tiến công và cách đánh. Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã nhận ra rằng *“Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối với Biên Hòa”*, do vậy mà quyết định thay đổi hướng tiến công – một sự thay đổi kịp thời và chính xác. Ta chỉ để lại một bộ phận tiếp tục đánh thị xã để kiềm chế nghi binh; còn tập trung phần lớn lực lượng đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, Tân Phong; cắt Quốc lộ 1 từ Trảng Bom lên; cắt đường số 2 đi Bà Rịa nhằm cô lập và cắt rời Xuân Lộc khỏi Biên Hòa. Có thể nói đây là một quyết định sáng suốt; sự thay đổi hướng tiến công vừa hạn chế bớt thương vong cho ta vừa khai thông sự bế tắc cho trận đánh lúc bấy giờ.

2. Phải chăng việc phòng tuyến Phan Rang bị chọc thủng đã buộc Sư đoàn 18 nguy phải rút bỏ Xuân Lộc như có ý kiến mà trong phần đầu bài viết đã đề cập?

Khi thời cơ đánh chiếm thị xã Long Khánh và tiêu diệt căn cứ Sư đoàn 18 nguy đã trôi qua thì đối tượng tác chiến chủ yếu của Quân đoàn 4 có sự điều chỉnh từ chỗ đánh địch trong công sự vững chắc chuyển sang tập trung đánh địch ngoài công sự. Sự chuyển hướng này đã làm địch hí hửng tưởng rằng ta đã bó tay bỏ Xuân Lộc. Đây chính là thời điểm mà Nguyễn Văn Thiệu tận dụng để trấn an tinh thần cho binh lính; còn Tư lệnh Sư đoàn 18, tướng Lê Minh Đảo thì huênh hoang: *“Việt cộng dù có thêm mấy sư đoàn nữa cũng không chiếm được Long Khánh... Muốn vào Long Khánh phải bước qua xác của Đảo này”*.

Cho đến ngày 15 tháng 4, khi mà Chiến đoàn 52 ở ngã ba Dầu Giây bị tiêu diệt, đoạn Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc đến Bàu Cá bị cắt, Quốc lộ 20 đoạn từ Túc Trưng đến Dầu Giây do quân giải phóng kiểm soát thì địch mới nhận ra nguy cơ bị mất Xuân Lộc. Chúng phản kích điên cuồng bằng cách tung Lữ đoàn 3 thiết giáp (200 xe), Chiến đoàn 8 Sư đoàn 5 và huy động tất cả các trận địa pháo hiện có trong vùng cùng không quân hòng tiêu diệt chủ lực ta, lập lại thế trận đã mất.

Lữ đoàn 3 thiết giáp nguy bị đánh thiệt hại nặng ở Trảng Bom. Quân đoàn 3 đã phải ngừng phản kích, rút lữ đoàn này về để tránh nguy cơ bị tiêu diệt. Cùng thời điểm đó, 2 Chiến đoàn 43 và 48 của Sư đoàn 18 cũng bị các lực lượng vũ trang địa phương đánh thiệt hại nặng.

Ngày 18 tháng 4, Lê Minh Đảo đề nghị xin rút bỏ Long Khánh vì theo y: *“Mất Dầu Giây là mất Long Khánh”*. Chiều tối ngày 20 tháng 4, quân địch bắt đầu tháo chạy.

Như vậy, qua thực tế lịch sử cũng như qua lời thú nhận của địch thì việc chúng quyết định rút bỏ Xuân Lộc không phải hoàn toàn do phòng tuyến Phan Rang bị chọc thủng mà vì chính là do bị đánh thiệt hại nặng ở Xuân Lộc cũng như ở ngã ba Dầu Giây, Trảng Bom. Có lẽ nào chúng dốc sức lập tuyến phòng thủ ở Xuân Lộc nhằm mục đích chính là để chặn đối phương cấp quân đoàn tiến từ Bắc vào để rồi lại bỏ chạy khi mà phòng tuyến Phan Rang bị chọc thủng, trong lúc lực lượng của các Quân đoàn 3 và 4 của chúng dường như vẫn còn nguyên?

Khách quan mà xem xét, theo chúng tôi, dịch rút bỏ Xuân Lộc trước hết là do bị đánh thiệt hại nặng và rơi vào tình thế bị cô lập. Ngoài ra, một phần còn do áp lực từ cánh quân của ta từ Bắc tiến vào khi mà ở thời điểm đó, lực lượng đi đầu của Quân đoàn 2 sau khi giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân đã tiến vào đến Rừng Lát. Một nhận xét như vậy sẽ thỏa đáng và tôn trọng sự thật lịch sử hơn.

T.V.A

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ BỐ TRÍ HỎA LỰC PHÁO BÌNH TRONG TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Thượng tá DƯƠNG VĂN TOÀN*

Sau khi giải phóng Tây Nguyên, lực lượng ta tiếp tục tiến công mạnh và lần lượt giải phóng các tỉnh ven biển Trung bộ, tuyến phòng thủ từ xa tại Phan Rang đang bị đe dọa. Chi khu Định Quán trên tuyến Quốc lộ 20 đã được giải phóng. Để kịp thời ngăn chặn các mũi tiến công của ta, Mỹ – ngụy đã nhanh chóng củng cố tuyến phòng thủ Xuân Lộc làm lá chắn bảo vệ khu liên hợp Sài Gòn – Biên Hòa. Sư đoàn 18 là lực lượng mạnh của địch được đảm trách tuyến phòng thủ Xuân Lộc. Ngoài Sư đoàn 18, địch còn tăng cường gần một sư đoàn địa phương quân cùng nhiều đơn vị cơ động tại các căn cứ Biên Hòa – Sài Gòn sẵn sàng chi viện.

Tranh thủ thời cơ địch mới củng cố, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho các đơn vị của Quân đoàn 4 là Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 cùng với Sư đoàn 6 (Quân khu 7) nhanh chóng tập trung tiêu diệt Sư đoàn 18, giải phóng thị xã Long Khánh và tỉnh Long Khánh, thực hiện tiến công từ hướng đông vào giải phóng Sài Gòn. Triển khai kế hoạch tác chiến, pháo binh có nhiệm vụ chi viện cho bộ binh, xe tăng tiến công tiêu diệt địch ở thị xã, kiềm chế và tiêu diệt các trận địa pháo của địch, tập kích hỏa lực vào các mục tiêu bộ binh, đánh địch tăng viện, phản kích, rút chạy, không chế tiếp tế đổ bộ đường không.

Xét về địch, tuyến phòng ngự Xuân Lộc dài trên 30 km, được bố trí phòng ngự theo hình chữ Z theo dọc trục Quốc lộ 1, khống chế hai giao lộ quan trọng là ngã ba Dầu Giây, ngã ba Tân Phong, nên mỗi sư đoàn được Quân đoàn phân công đảm nhiệm một khu vực khác nhau. Sư đoàn 7 có nhiều kinh nghiệm được phân công hướng chủ yếu, có nhiệm vụ tiến công vào hướng đông thị xã đánh chiếm hậu cứ Thiết đoàn 5, hậu cứ Chiến đoàn 43, sở chỉ huy Sư đoàn 18 và tiêu diệt địch ở phía đông thị xã. Để thực hiện nhiệm vụ trên, Sư đoàn 7 được tăng cường 12 xe tăng T59, 2 pháo 85 mm, 2 cối 160 mm, tiểu đoàn cao xạ hỗn hợp 10 khẩu 37 mm và 57 mm. Đồng thời được pháo Quân đoàn chi viện. Sư đoàn 341 được phân công hướng thứ yếu, có nhiệm vụ tiến công từ hướng bắc xuống đánh chiếm ty cảnh sát, khu cổ vấn Mỹ, dinh tỉnh trưởng và cùng Sư đoàn 7 phát triển xuống phía nam. Sư đoàn 6, tiểu đoàn địa phương Bà Rịa và các tiểu đoàn địa phương Khu 7 được pháo Quân đoàn chi viện, đảm nhiệm hướng tây thị xã, quét sạch các chốt từ ấp Hưng Lộc đến đèo Mẹ Bồng Con (Quốc lộ 1), đánh diệt viện, chặn địch phản kích và tháo chạy.

Căn cứ vào nhiệm vụ của các đơn vị, Quân đoàn dự kiến tổ chức bố trí các cụm pháo chung của Quân đoàn và các cụm pháo riêng của từng sư đoàn hình thành hệ thống hỏa lực xung quanh khu vực mục tiêu chi viện cho các hướng đánh chiếm mục tiêu. Cụm pháo 6 khẩu 130 mm của Quân đoàn 4 được phân thành hai

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

trận địa nằm ở khu vực phía bắc sông La Ngà. Trận địa thứ nhất gồm 3 khẩu pháo ở khu vực tọa độ (17, 55). Trận địa thứ hai cũng gồm 3 khẩu pháo ở khu vực tọa độ (18,55).

Cụm pháo Sư đoàn 7 gồm có hơn 10 khẩu pháo các loại bố trí thành 5 trận địa nằm ở khu vực phía đông bắc thị xã. Trận địa thứ nhất gồm 2 khẩu 105 mm bố trí tại khu vực tọa độ (10,51). Trận địa thứ hai gồm 3 khẩu 122 mm bố trí ở khu vực tọa độ (10,52). Hai vị trí này cách thị xã khoảng 8km. Trận địa thứ ba gồm hai khẩu cối 160 mm bố trí ở khu vực tọa độ (08,50). Trận địa thứ tư gồm 3 khẩu cối 120 mm bố trí gần tọa độ (09,49) và trận địa thứ năm gồm 2 khẩu pháo 85 mm bố trí cơ động.

Cụm pháo Sư đoàn 341 gồm có 16 khẩu pháo các loại được phân thành 4 trận địa nằm ở khu vực phía bắc cách thị xã khoảng 5 km. Trận địa thứ nhất và thứ hai gồm 9 khẩu 122 mm bố trí ở tọa độ (13,47) và (12,47). Trận địa thứ ba gồm 3 khẩu cối 120 mm bố trí ở tọa độ (11,45) và trận địa thứ tư gồm 4 khẩu 85 mm bố trí ở tọa độ (14,46).

Cụm pháo của Sư đoàn 6 có 7 khẩu pháo các loại được phân thành ba trận địa nằm về phía tây cách thị xã khoảng 10 km. Trận địa thứ nhất gồm có 2 khẩu DKB dùng để kèm pháo địch. Trận địa thứ hai gồm 3 khẩu pháo 105 mm bố trí ở tọa độ (07,36) và trận địa thứ ba gồm 2 khẩu cối 120 mm bố trí ở tọa độ (07,34).

Thực hiện công tác chuẩn bị chiến dịch, ở các đơn vị bộ binh và binh chủng đều đã tổ chức trinh sát nắm tình hình địch bên trong thị xã, xác định các mục tiêu quan trọng như sở chỉ huy Sư đoàn 18, căn cứ tiểu khu, các trận địa pháo, các hậu cứ, tiểu khu của địch...

Triển khai bước hiệp đồng chiến đấu, Quân đoàn quy định phát lệnh tiến công bằng 3 phát đạn pháo 130 mm. Từng sư đoàn có ký tín hiệu riêng. Sau đó, các trận địa pháo của từng đơn vị theo kế hoạch đồng loạt bắn vào các mục tiêu được phân công. Lợi dụng tiếng pháo, xe tăng dùng pháo chi viện cho bộ binh và công binh tiến hành mở cửa. Khi pháo ngừng bắn thì bộ binh, xe tăng xung phong. Pháo đi cùng và pháo xe tăng trực tiếp chi viện cho bộ binh đánh chiếm các khu vực mục tiêu. Theo diễn biến trận đánh, hàng ngày sau khi rút kinh nghiệm sẽ có kế hoạch bổ sung hiệp đồng pháo bắn chuẩn bị cụ thể.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, theo kế hoạch tác chiến, các đơn vị đều đến vị trí tập kết. Riêng các đơn vị pháo binh vào chiếm lĩnh trận địa xong và làm công tác chuẩn bị bắn.

Đúng 5 giờ 30 phút ngày 9 tháng 4, pháo ta bắt đầu bắn thử, nhưng do sương mù, các đài quan sát chưa thấy mục tiêu. Vào 5 giờ 40 phút, các trận địa pháo ta bắn dồn dập vào các mục tiêu được phân công nhằm chi viện cho bộ binh triển khai lực lượng và nổ súng tiến công. Một quả đạn 85 mm phá tan cụm ăng ten khu trung tâm thông tin trong thị xã, đồng thời một quả đạn 122 mm khác của ta đã bẻ gãy cột ăng ten trên Núi Thị. Một giờ sau đó, pháo ta tập trung chế áp pháo địch ở Núi Thị, tạo điều kiện cho bộ binh các hướng đột phá tiến công vào chiều sâu phòng ngự địch. Ở hướng bắc thị xã, Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) phát triển khá

thuận lợi, ta đã tiến vào thị xã, đánh chiếm được một số mục tiêu quan trọng nhưng do thiếu đạn và bị địch tập trung lực lượng phản kích, phải tạm ngưng tiến công để củng cố công sự và bổ sung đạn. Ở hướng đông, Sư đoàn 7 đã tiến đến cách công sự đoàn 18 nguy 200 mét, nhưng buộc phải dừng lại vì địch tập trung hỏa lực chống trả quyết liệt. Ta liên tục đánh trả nhưng chỉ chiếm được một phần hậu cứ Chiến đoàn 52 nguy. Riêng Sư đoàn 6 phát triển khá tốt, ta đã đánh và chiếm 5 chốt địch từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, buộc Chiến đoàn 52 nguy phải rời bỏ Túc Trưng để về giữ ngã ba Dầu Giây. Ở vòng ngoài, Trung đoàn 270 (Sư đoàn 341) và Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đã đánh bại 2 tiểu đoàn, diệt được 7 xe tăng của Chiến đoàn 43 và 48 nguy từ Tân Phong và Núi Thị chạy vào tiếp viện.

Ngày 10 tháng 4, khoảng 5 giờ 30 phút, pháo ta lại đồng loạt bắn chế áp vào các mục tiêu được phân công. Riêng pháo chiến dịch tập trung 300 viên đạn tiếp tục bắn phá hoại vào hậu cứ Chiến đoàn 43 và Sư đoàn bộ 18 nguy. Lúc này, Sư đoàn 7 đưa lực lượng dự bị là Trung đoàn 141 cùng Tiểu đoàn cao xạ 37 mm và 57 mm vào đột phá từ hướng bắc xuống phối hợp với Trung đoàn 165 hợp lực tiến công vào căn cứ Sư đoàn 18 nguy. Song, các mũi xung phong của hai trung đoàn chỉ tiến đến phía đông của hậu cứ Chiến đoàn 52 nguy và đông nam sân bay thì bị hỏa lực của địch tập trung chặn lại. Sư đoàn 341 đưa thêm Trung đoàn 270 vào thị xã cùng với Trung đoàn 266 đánh địch phản kích giữ các mục tiêu đã chiếm được. Riêng các mũi tiến công của Trung đoàn 266 vào sân bay cả bốn lần đều bị bật trở lại. Các mũi tiến công khác vào trại Lê Lợi, căn cứ Chiến đoàn 43, diễn ra trong thế giằng co quyết liệt. Đại đội 6 (Trung đoàn 266) phải quyết định tìm mọi cách đưa pháo 85 mm vào gần hơn để có thể bắn thẳng vào hỏa khí của địch, kịp thời chi viện cho bộ binh đánh chiếm mục tiêu. Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đang tiến sâu vào phía nam thị xã, đánh thiệt hại một phần cụm phòng ngự của Chiến đoàn 43 nguy, nhưng đến khi gặp tuyến phòng thủ ở nam sân bay thì buộc phải dừng lại cũng vì hỏa lực địch tập trung ngăn chặn. Sư đoàn 6 vẫn phát triển thuận lợi. Bước đầu ta đã hình thành thế bao vây chia cắt cụm địch ở ngã ba Dầu Giây.

Bước sang ngày tiến công thứ ba (ngày 11 tháng 4), từ 7 giờ đến 8 giờ 10 phút, pháo ta bắn dồn dập vào sở chỉ huy Sư đoàn 18, hậu cứ Chiến đoàn 43 và 52, sân bay; đồng thời, bắn kiểm chế trận địa pháo địch ở Núi Thị. Tuy thế, các hướng của Sư đoàn 7 vẫn bị địch ngăn chặn chưa phát triển được. Trên hướng tiến công của Sư đoàn 341, khi chuyển sang tiến công cũng đều bị pháo, xe tăng và bộ binh địch ngăn chặn. Lúc này, địch sử dụng cả không quân ném bom đánh phá ác liệt vào đội hình của bộ binh và các trận địa pháo, gây thiệt hại lớn cho ta cả về người và trang bị. Ở hướng Sư đoàn 6, vào lúc 15 giờ, pháo binh của sư đoàn bắn cấp tập vào khu vực của Tiểu đoàn 1 (Chiến đoàn 52) nguy. Sau 30 phút bắn chế áp, các mũi bao vây đồng loạt tiến công, chia cắt đội hình của địch, buộc địch bỏ chạy về hướng bắc, chờ pháo chi viện. Từ 12 giờ đến 17 giờ, địch phải điều động ngay Lữ đoàn dù số 1 và 6 khẩu pháo từ Sài Gòn đổ xuống ngã ba Tân Phong ứng cứu.

Trong các ngày 12, 13 và 14 tháng 4, Tiểu đoàn 7 của Sư đoàn 341 liên tục bị địch phản kích. Bộ Chỉ huy Chiến dịch lệnh Sư đoàn 341 phải tổ chức chi viện để Tiểu đoàn 7 rút ra ngoài thị xã. Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325, Quân đoàn 2)

mới từ Tây Nguyên xuống được bổ sung tăng cường kịp thời cho Quân đoàn 4.

Vì sự sống còn của Sài Gòn, địch huy động thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh (Sư đoàn 5), 8 tiểu đoàn pháo binh, 2 chi đoàn thiết giáp đưa tổng số xe thiết giáp tuyến phục vụ phòng thủ Xuân Lộc lên tới 300 chiếc. Chưa kể địch còn dùng cả bom CBU có sức hủy diệt lớn nhằm gây thương vong hàng loạt cho đối phương.

Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định tổ chức lại thế trận và thay đổi cách đánh nhằm cô lập, cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa và tạm ngừng tiến công địch bên trong thị xã. Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) và Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) thực hành củng cố công sự giữ vững những bàn đạp đã chiếm, thực hiện nghi binh chuẩn bị đột tiến công mới. Sư đoàn 6 cùng Trung đoàn 95B đánh chiếm Dầu Giây và Núi Thị. Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) chặn đánh Lữ đoàn dù số 1. Các trung đoàn còn lại làm lực lượng dự bị.

Rạng sáng ngày 15 tháng 4, pháo 130 mm của ta bắt đầu bắn chế áp sân bay Biên Hòa. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B với năm trận vận động tập kích có hỏa lực pháo binh, sau một giờ chiến đấu, đã tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngự ở ngã ba Dầu Giây, thu 12 khẩu pháo và toàn bộ xe tăng của Chi đoàn 3 thiết giáp. Vào thời điểm này, địch chỉ còn có khả năng tiếp tế cho Xuân Lộc bằng đường hàng không.

Trong hai ngày 16 và 17, sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn 3 ngự ở Trảng Bom tổ chức phản kích với lực lượng Trung đoàn 8 (Sư đoàn 5) và Lữ đoàn 3 thiết giáp có 200 xe tăng, xe bọc thép được sự yểm trợ của hơn 100 khẩu pháo từ các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thước, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay chiến đấu chi viện hỏa lực mỗi ngày. Trận chiến đấu một mất, một còn giằng co quyết liệt giữa ta và địch xảy ra tại Hưng Nghĩa và cao điểm 122. Kết quả, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đã diệt gọn 1 tiểu đoàn ngự, bắt hơn 100 tên, đẩy lùi địch xuống tận Bàu Cá.

Lúc này, Quân đoàn 2 đã đập tan phòng tuyến của Quân đoàn 3 ngự ở Phan Rang và đang tiến quân thần tốc dọc theo Quốc lộ 1 vào Xuân Lộc.

Ngày 18 tháng 4, Bộ Chỉ huy Chiến dịch giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 7 bao vây, tiến công Lữ đoàn dù số 1 của địch, giải phóng Tân Phong, thực hiện ý định đánh địch ngoài thị xã. Sư đoàn 341 sử dụng một trung đoàn đánh các chốt địch trên cao điểm 396 và 245 nhằm tạo thế để đánh địch ở khu vực Núi Thị. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch quyết định rút bỏ Xuân Lộc.

Để tháo chạy, địch tập trung pháo bắn nghi binh vào các hướng bao vây của ta. 17 giờ ngày 20 tháng 4, lợi dụng trời mưa tầm tã, pháo địch bắn dồn dập hơn, đồng thời có nhiều tiếng động cơ xe khác thường. Ta dự báo địch có thể rút chạy và chuyển sang phương án đánh địch rút chạy. 18 giờ, pháo ta bắn cấp tập 300 viên đạn 130 mm vào Tân Phong và trong thị xã. Sư đoàn 341 tổ chức đánh chiếm Núi Thị và các mục tiêu còn lại rồi phát triển xuống Đồn điền Cao su Ông Quế hợp sức với Sư đoàn 6, nhưng không kịp. Sư đoàn 6 đã tổ chức chặn địch ở Đồn điền Cao su Ông Quế. Nhưng do phát hiện chậm và tổ chức chốt chưa tốt, nên chỉ bám được bộ phận cuối cùng, diệt được hơn 100 tên và bắt được 100 tên trong đó có tên Đại

tả Tỉnh trưởng Long Khánh.

Ngày 21 tháng 4, thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh được hoàn toàn giải phóng.

Trong chiến dịch giải phóng Xuân Lộc, ưu điểm chính của lực lượng pháo binh là:

Tích cực tổ chức trinh sát nắm địch và địa hình, đặc biệt là Sư đoàn 341. Chính vì vậy mà chỉ trong ngày đầu tiên công địch, Sư đoàn đã nhanh chóng phát triển đánh chiếm được phần lớn các mục tiêu được phân công. Tuy thiếu xe kéo pháo, nhưng đã hoàn thành công tác chiếm lĩnh trận địa đúng thời gian quy định, bảo đảm yếu tố bí mật. Các trận địa pháo bố trí gần đường nên thuận tiện cho việc cơ động pháo. Pháo bắn chuẩn bị tốt, kịp thời chi viện cho bộ binh, xe tăng mở cửa đánh chiếm các mục tiêu phân công. Công tác hiệp đồng chiến đấu được bổ sung thường xuyên liên tục. Do làm tốt công tác bảo vệ trận địa nên khi kết thúc trận đánh lượng pháo xe kéo của các trận địa bắn gián tiếp được bảo toàn.

Tuy nhiên, do thời gian chuẩn bị chiến đấu ngắn (có 5 ngày) nên ta chưa đủ điều kiện nghiên cứu kỹ lưỡng. Số lượng pháo ta ít hơn số pháo địch, không đồng nhất chất lượng và có nhiều chủng loại khác nhau. Đạn pháo nhiều loại khác nhau, hậu cần chiến dịch chưa cung ứng đủ đạn pháo lớn theo yêu cầu trận đánh. Xe kéo không đủ, làm hạn chế khả năng cơ động, ảnh hưởng không tốt đến việc tổ chức đội hình pháo binh và không bảo đảm an toàn khi xảy ra tình huống trận địa bị không kích. Do những thiếu sót trong việc bố trí đội hình pháo binh nên việc cơ động hỏa lực tập trung vào các mục tiêu quan trọng cũng rất khó khăn. Cụm trận địa pháo xe kéo của Sư đoàn 7, do bố trí khá xa mục tiêu nên khi bắn, độ tản mát của điểm nổ sẽ rộng làm cho hiệu quả hỏa lực thấp. Lượng đạn pháo ít nên các trận địa pháo cấp sư đoàn chưa đủ sức để kiểm chế các trận địa pháo binh của địch, cũng như tiến hành bắn phá hoại sở chỉ huy, công sự vật cản và kho tàng trong hậu cứ, tạo điều kiện cho bộ binh và xe tăng đánh chiếm và chốt giữ các mục tiêu được phân công. Pháo 85 mm được trang bị cho Sư đoàn 7 để đánh hướng chủ yếu chưa phát huy được hỏa lực bắn thẳng như hướng của Sư đoàn 341 mà còn bị địch đánh hỏng nên hỏa lực chỉ viện hạn chế. Các điểm cao quanh bìa thị xã bị địch khống chế nên các đài quan sát khó thấy mục tiêu và xác định chính xác vị trí điểm nổ để chỉnh phần tử bắn kịp thời cho trận địa phía sau.

Trận đánh Xuân Lộc diễn ra cách đây đã 28 năm, nhưng các bài học xương máu để lại vẫn còn giá trị không riêng cho binh chủng pháo binh mà còn cho nhiều đơn vị lực lượng vũ trang. Cụ thể:

1. Chú trọng công tác trinh sát nắm địch.

Trinh sát tỉ mỉ chắc chắn sẽ giúp cho người chỉ huy có thông tin đầy đủ chính xác làm cơ sở xây dựng quyết tâm chiến đấu chính xác, ngược lại, nếu trinh sát không tỉ mỉ thận trọng sẽ dẫn tới sai lầm nghiêm trọng trong chiến đấu, làm cho hiệu quả chi viện hỏa lực thấp, gây tổn thất bộ binh, xe tăng và hạn chế tới kết quả trận đánh. Với cấp sư đoàn, cần trinh sát thật đầy đủ nhằm phát hiện các điểm mạnh, yếu của mục tiêu được phân công để tìm ra cách đánh thích hợp phù hợp với

khả năng của đơn vị mình.

Sau khi đi trinh sát về cần tranh thủ trao đổi bàn bạc dân chủ, để tìm ra phương án tốt nhất. Ở Sư đoàn 341, các mũi tiến công bước đầu phát triển khá thuận lợi là do trước trận đánh, đoàn cán bộ trinh sát Sư đoàn đã tranh thủ trao đổi tường tận với các đồng chí Tỉnh ủy và Tỉnh đội Bà Rịa – Long Khánh. Sau đó, tổ chức ba tổ trinh sát do Lê Anh Thiện chỉ huy và các tổ trinh sát Trung đoàn 266 do Nguyễn Bá Nức chỉ huy đã vào trong thị xã, trực tiếp điều tra, vẽ sơ đồ các mục tiêu của địch.

Ở hướng Sư đoàn 7, do thời gian chuẩn bị gấp, chính diện tiến công rộng, lực lượng ở hướng chủ yếu chỉ có một trung đoàn, công tác trinh sát tiến hành chưa đầy đủ, việc chọn hướng và cách đánh chưa được thảo luận kỹ nên thời gian pháo bắn chuẩn bị chung cho các hướng chưa đủ thời gian cho bộ binh chạy ngược từ sườn đồi đánh lên, mở 9 lớp rào, vượt qua hệ thống tường ủi đánh vào các mục tiêu được phân công nằm trong thị xã. Do nắm không chắc mục tiêu nên Tiểu đoàn 6 (Trung đoàn 165) mới tiến đến khu gia binh đã tường là hậu cứ của Chiến đoàn 52, bị địch tập trung phi pháo đánh vào đội hình buộc Tiểu đoàn phải dừng lại. Tương tự, Tiểu đoàn 5 của Trung đoàn khi pháo ngưng bắn, bộ binh mới tiến đến tường ủi của Thiết đoàn 5 ngay cũng bị địch phát hiện có xe tăng nên chúng tập trung hỏa lực ngăn chặn không cho phát triển.

2. Mưu trí sáng tạo, bí mật bất ngờ.

Mưu trí sáng tạo là yêu cầu cần thiết nhằm thay đổi cách đánh cho phù hợp. Mưu trí là dựa trên cơ sở nghiên cứu diễn biến trận đánh, đánh giá khả năng của địch và cách đánh của ta, nhận định tình hình để đề ra cách đối phó linh hoạt. Còn sáng tạo là không máy móc rập khuôn, luôn tổ chức lại lực lượng và thay đổi cách đánh cho phù hợp với tình hình mới. Mưu trí sáng tạo kết hợp với yếu tố bí mật bất ngờ là nghi binh làm cho địch không phán đoán được ý định và hành động cụ thể của ta. Tùy theo tình hình và điều kiện cụ thể, ta chuyển hướng tiến công chủ yếu vào chỗ hiểm yếu nhất trong thời điểm gây bất ngờ, làm cho địch từ thế chủ động chuyển sang thế bị động theo cách đánh mới của ta.

Mưu trí sáng tạo, bí mật bất ngờ cũng là cách đánh địch trong điều kiện không cân sức. Khu vực phòng ngự Xuân Lộc của địch bố trí trên một diện rộng, có nhiều mục tiêu quan trọng, quân số đông, binh khí kỹ thuật mạnh, công sự vững chắc, vật cản hết sức phức tạp lại được sự chi viện tiếp ứng từ phía sau. Trong khi đó, trước sự hồi thúc của tình hình, ta chưa thể lường trước mọi khó khăn phức tạp. Lực lượng ta tiến công chưa đủ mạnh, các đơn vị của ta chưa có điều kiện bổ sung quân số và trang bị, thời gian chuẩn bị ngắn nên việc chọn hướng và cách đánh chưa phù hợp. Xuất phát từ hai nhận định cơ bản là đối với toàn tuyến phòng thủ Sài Gòn của địch, Xuân Lộc chỉ có giá trị khi nối liền với Biên Hòa và bên trong, địch đang hoang mang dao động, Bộ Chỉ huy Chiến dịch chủ trương lập thế trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách chiếm ngã ba Dầu Giây, chặn địch phản kích từ Trảng Bom và chiếm ngã ba Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa. Bao vây, cô lập và dùng “thế” để giải phóng Xuân Lộc.

Để thực hiện ý đồ trên, các hướng tiến công của ta luôn gây áp lực, nghi

binh chuẩn bị đánh tiếp làm cho địch chủ quan. Sau đó, ba ngày liên tiếp từ 15 đến 17 tháng 4, bị ta chặn đánh và bao vây, địch bắt đầu dao động và lập kế hoạch rút chạy khỏi Xuân Lộc.

3. Tập trung cơ động hỏa lực.

Kinh nghiệm cho thấy là trong điều kiện ta chưa tạo được ưu thế về số lượng thì cần phải tập trung hỏa lực đủ mạnh đánh những trận then chốt để thắng địch từng trận. Với lực lượng pháo binh hiện có như trận Xuân Lộc, nếu biết tập trung hỏa lực vào mục tiêu trọng yếu, đúng thời cơ, lại có kế hoạch hiệp đồng hỏa lực chặt chẽ thì có khả năng diệt gọn từng đơn vị của địch. Nắm được quy luật này, Sư đoàn 6 trước mỗi trận đánh đều có kế hoạch hỏa lực chặt chẽ, biết khai thác khả năng pháo của Sư đoàn kết hợp với pháo của Quân đoàn và sư đoàn bạn để chia cắt và đánh chiếm dứt điểm từng cụm phòng ngự, chiếm các điểm cao có lợi để ngăn chặn địch phản kích. Trong các hướng trọng yếu rắn chắc của địch, việc cơ động hỏa lực rất có ý nghĩa. Do ta chưa thấy hết điều này, nên hết thời gian bắn chuẩn bị, bộ binh xe tăng chưa tiếp cận vị trí quy định, ta không linh hoạt cơ động chuyển dần hỏa lực vào trong nên bị địch phát hiện và tập trung ngăn chặn. Muốn thực hiện cơ động rộng rãi về tầm và hướng bắn thì việc bố trí trận địa pháo cần phải cân nhắc kỹ lưỡng nhằm tạo ra các vòng cung hỏa lực trùm kín khu vực mục tiêu và đan xen nhau tại các mục tiêu chủ yếu. Nếu bố trí trận địa xa khu vực mục tiêu thì hiệu quả bắn không cao, còn nếu bố trí các trận địa dày khít nhau thì việc cơ động hỏa lực về hướng sẽ hạn chế không bảo đảm chế áp và phá hoại mục tiêu trong và ngoài kế hoạch.

Trong điều kiện pháo của từng hướng đánh chưa đủ khả năng chi viện kịp thời cho bộ binh, nếu biết tổ chức đội hình pháo binh của các đơn vị tham gia một cách hợp lý, ta sẽ có điều kiện cơ động hỏa lực từ nhiều trận địa của các đơn vị tập trung vào các mục tiêu cần thiết.

Việc cơ động hỏa lực tốt còn là biện pháp tình thế cho việc cơ động pháo khi phát triển tiến công, khi một trận địa nào đang bị uy hiếp hoặc ngăn chặn địch rút chạy, đặc biệt là rút chạy bằng cơ giới.

Gần ba mươi năm trôi qua, Chiến thắng Xuân Lộc vẫn là niềm tự hào cho các đơn vị được tham gia chiến đấu, đồng thời cũng là niềm tự hào của nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai. Hội thảo lần này, chúng ta lại có dịp ôn lại truyền thống hào hùng năm xưa, nghiên cứu và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho lực lượng vũ trang trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện tại và tương lai.

D.V.T

Các tài liệu tham khảo:

1. *Báo cáo trận tấn công giải phóng thị xã Long Khánh và tỉnh Long Khánh* của Quân đoàn 4 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 1975.
2. *Binh đoàn Cửu Long*. Tập 1 - Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1989.

3. *Tổng kết Chiến thuật tiến công địch phòng ngự trong công sự vững chắc* của Quân đoàn 3.
4. *Giáo trình chiến thuật* của Trường Sĩ quan pháo binh.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ VIỆC THAY ĐỔI CÁCH ĐÁNH TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

Trung tướng TS. NGUYỄN THỜI BƯNG*

Tìm hiểu về cục diện chiến trường miền Nam vào thời kỳ cuối cuộc chiến tranh cho thấy: kể từ khi quân Mỹ và chư hầu rút hết, quân ngụy đã điều chỉnh lại thể bố trí chiến lược, tập trung giữ vững hai đầu là Quân khu 1 (Trị – Thiên – Huế, Quảng Nam – Đà Nẵng) và Nam bộ. Ở miền Đông Nam bộ, địch bố trí 3 sư đoàn và nhiều đơn vị binh chủng cấp trung – lữ đoàn. Với hình thái bố trí chiến lược đó, địch chỉ có khả năng giữ hai đầu chiến trường và chúng đã coi trọng tổ chức xây dựng các phòng tuyến, các khu vực phòng ngự.

Thực tế ở miền Đông Nam bộ địch luôn phải đương đầu với nguy cơ bị tiến công không chỉ bằng các đơn vị chủ lực mà bằng cả lực lượng vũ trang 3 thứ quân, đánh từ nhiều hướng tới, trên vùng giáp ranh cũng như ở sâu trong lòng địch. Do đó, cách thức phòng ngự của địch là: *“Dựa vào phòng ngự diện rộng khắp của địa phương quân, bán vũ trang và chủ lực để tiến hành phòng ngự khu vực trên các hướng trọng điểm; bố trí binh lực hình thành nhiều tầng, nhiều lớp từ ngoài vào trong, nhưng càng vào trong lực lượng càng mỏng, càng yếu và có nhiều sơ hở”*.

Xuân Lộc là một *“cánh cửa thép”* án ngữ ở hướng đông; đứng ở Xuân Lộc, địch không chế nhiều trục đường quan trọng để tiến về Sài Gòn trong đó có Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Là một khu vực phòng ngự quan trọng trong tuyến phòng ngự Xuân Lộc – Biên Hòa – Bà Rịa – Vũng Tàu nên địch tập trung lực lượng và tổ chức phòng ngự cả hai hình thức *“Phòng ngự diện địa”* và *“Phòng ngự khu vực”*, kiểu phòng ngự vững chắc bằng các cụm trận địa và có chiều sâu.

Với thể phòng thủ đã được chuẩn bị hàng chục năm, Xuân Lộc được tổ chức thành 3 tuyến phòng ngự:

Tuyến ngoài, có nhiệm vụ tác chiến ngăn chặn ta áp sát Sài Gòn, vừa thu thập thông tin tình báo, thăm dò quy mô và hướng tiến công của ta, đồng thời là vỏ bọc lợi hại khi tác chiến xảy ra. Ở tuyến này, địch có 9 tiểu đoàn bảo an và lực lượng dân vệ đông đảo xen kẽ trong các cụm dân cư và các giáo xứ.

Tuyến trung gian, tập trung lực lượng mạnh nhất, có nhiệm vụ đánh tiêu diệt ta bằng những trận quyết chiến.

Tuyến trong mỏng hơn, chủ yếu là lực lượng dự bị chiến dịch và lực lượng chính quy bảo vệ các mục tiêu quan trọng.

Với ý đồ ngăn chặn quân ta, chờ đợi mùa mưa để phản công chiếm lại vùng lãnh thổ đã mất (Tây Nguyên và Vùng 1 chiến thuật) Mỹ – ngụy tập trung xây dựng *“Phòng tuyến Uâyên”* kéo dài từ Phan Rang đến Tây Ninh. Uâyên, Tham

(*) Nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

mưu trưởng lực quân Mỹ, giao trọng trách cho chính quyền Sài Gòn: “*Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”. Với trách nhiệm nặng nề ấy, địch đã tập trung tới 9 trung đoàn bộ binh, 300 chiếc tăng – thiết giáp, 60% lực lượng pháo binh, cùng lực lượng tổng dự bị tương đương 1 sư đoàn; được không quân chi viện tối đa và được lực lượng dân vệ và cảnh sát hỗ trợ đặc lực.

Lực lượng ta tham gia Chiến dịch tiến công giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh gồm: Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 của Quân đoàn 4, Sư đoàn 6 của Quân khu 7, một số đơn vị bộ đội địa phương của Khu 6, giữa Chiến dịch được tăng cường Trung đoàn 95B của Quân đoàn 2. So sánh tương quan lực lượng, ta chỉ ngang bằng địch về bộ binh, nhưng về pháo binh ta ít hơn địch nhiều lần, còn xe tăng ta chỉ có 1 đại đội vền vền 9 chiếc. Do ta mất ưu thế nên trong tiến công đã không thực hiện dứt điểm, lại thương vong nhiều trong mấy ngày đầu chiến dịch.

Bằng những kinh nghiệm tích lũy ở Suông, Chúp, Snoul, An Lộc (Mùa khô 1971 – 1972), Quân đoàn 4 đã xác định: đối với tuyến phòng thủ mạnh như Xuân Lộc phải lấy diệt viện bên ngoài là chính, tạo thế bao vây, cô lập, khi xuất hiện thời cơ sẽ tiến công diệt cứ điểm. Trên cơ sở phân tích đó, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đề ra phương châm chỉ đạo tác chiến là: “*Đánh chắc, tiến chắc*”. Nhưng trước tình hình chiến trường chuyển biến mau lẹ, địch hoang mang cao độ, ta lại đang rất cần (khẩn trương, táo bạo), ngày 9 tháng 4 năm 1975, ta nổ súng tiến công vào sở chỉ huy tiểu khu Long Khánh và Sư đoàn 18 địch, mở màn Chiến dịch Xuân Lộc.

Trong ngày chiến đấu đầu tiên ở mặt trận Xuân Lộc, ta đã chiếm được một nửa thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu, đã đưa được ba tiểu đoàn vào chốt trong thị xã và thực hiện chia cắt Quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đến đèo Mẹ Bồng Con. Riêng hướng Sư đoàn bộ binh 7 chưa đột phá được mà lực lượng lại bị tiêu hao. Địch tuy có thay đổi thế bố trí trong thị xã, nhưng chưa tăng thêm lực lượng vì đang bị phân tán để chống đỡ ở các hướng. Do đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch quyết định tiếp tục tiến công, diệt Sư đoàn 18 và giải phóng Xuân Lộc. Chiến sự diễn ra mỗi ngày thêm quyết liệt cả trong và ngoài thị xã từ ngày 10 đến 12 tháng 4. Qua ba ngày thực hành tiến công, ta đã chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ một số bàn đạp quan trọng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này ta vẫn chưa diệt gọn được một tiểu đoàn nào. Mức thương vong ở các đơn vị tham chiến rất cao: Sư đoàn bộ binh 7 thương vong 300 cán bộ, chiến sĩ. Sư đoàn 341 (Sư đoàn bộ binh 1 của Miền) bị thương vong 1.200 cán bộ, chiến sĩ. Chỉ riêng hai trái bom chân không CBU-55 Mỹ – ngụy ném xuống Xuân Lộc, đã làm cho 811 cán bộ, chiến sĩ thương vong. Về binh khí chiến thuật thì có 6 trên 9 xe tăng sử dụng vào trận đánh đã bị bắn cháy hoặc hỏng. Pháo 85 mm và 75 mm đã hỏng gần hết vì bom đạn pháo kích của địch. Đạn pháo ở phía sau chưa được đưa lên tuyến trước kịp thời... vì lẽ đó, chiến sự diễn biến ngày càng phức tạp. Cơ hội để tiến công dứt điểm Xuân Lộc không còn nữa.

Xét về góc độ chiến lược, tại thời điểm này, địch ở Xuân Lộc đang trong tình trạng hoang mang, rối loạn. Nhưng do vị trí quan trọng của Xuân Lộc và lợi thế của địch là có công sự vững chắc làm chỗ dựa, cộng thêm được tăng viện, lực lượng tác chiến vượt trội ta cả về số lượng và trang bị, nên tạm thời đã ngăn chặn

đáng kể sức tiến công của ta, vừa gây cho ta không ít tổn thất.

Ngược lại, trước sự hồi thúc và biến chuyển nhanh chóng của chiến trường, ta chưa dự kiến được hết các khả năng (tình huống), nhất là mức độ phản ứng của địch tại phòng tuyến Xuân Lộc – Long Khánh, một khu vực có vị trí sống còn đối với Sài Gòn. Mặt khác, lực lượng tham gia tiến công chưa được tập trung đủ mạnh. Hầu hết các đơn vị chưa kịp bổ sung quân số, vũ khí sau một thời gian dài phải chiến đấu liên tục, vừa chưa có sự chuẩn bị kỹ càng cho Chiến dịch.

Một nguyên nhân nữa là thời gian chuẩn bị quá ngắn (chỉ có 5 ngày), nên công tác nghiên cứu từ địa hình đến cách bố phòng của địch chưa kỹ, chưa chính xác và càng chưa đủ cho một chiến dịch quá phức tạp và gay go như Xuân Lộc. Sự lựa chọn cách đánh địch trong một khu vực rộng, nhiều mục tiêu, quân số đông, được trang bị binh khí kỹ thuật mạnh, hiện đại, có công sự vững chắc... chưa được nghiên cứu đầy đủ ở các đơn vị tham chiến. Đặc biệt, việc lựa chọn cách đánh và hướng đánh chưa phù hợp, chưa chuẩn xác. Cụ thể, hướng tây nam Long Khánh, địch phòng ngự rất sơ hở, nhưng ta không tổ chức bố trí mũi tiến công. Trong lúc hướng đông và đông bắc, địch bố trí địa hình của Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp nguy phòng ngự, là hướng phòng thủ rắn nhất của địch, lúc cao điểm lên đến 300 xe tăng – thiết giáp. Mở màn Chiến dịch, ta chọn hướng này là hướng tiến công chủ yếu, vì cho rằng có thể nhanh chóng đột phá vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 nguy, tạo ra chính diện tiến công rộng cho việc phát huy ưu thế của binh khí kỹ thuật. Thực tế địa hình hướng này phải tiến công từ dưới cánh đồng thấp, trũng, ngược sườn đồi đánh lên. Chưa kể phải mở gần 10 lớp rào kẽm gai, vượt tường ủi, cùng các vị trí vòng ngoài của địch, mới có thể vào trung tâm thị xã được.

Trong lúc đó, lực lượng Sư đoàn 7, (chỉ có Trung đoàn 165), tổ chức đột phá, mở cửa chưa tốt; mỗi tiểu đoàn đột phá một mục tiêu, trên một hướng khác nhau. Lực lượng pháo binh là chủ lực tiến công địch co cụm trong cứ điểm vừa quá ít so với địch, vừa thiếu đạn, đánh không trúng, lại thiệt hại vì bom, pháo địch, nên giảm sức đột phá của bộ binh, xe tăng. Trong tình huống bất lợi đó, ta lại chưa kiên quyết, kịp thời trong điều chỉnh, chuyển hướng tiến công. Đây là bài học đắt giá mà Chiến dịch Xuân Lộc để lại.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của Chiến dịch, Thượng tướng Trần Văn Trà, trên cương vị Phó tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã vượt sông Đồng Nai xuống thẳng Bộ Chỉ huy Chiến dịch Xuân Lộc nghiên cứu tổ chức lại lực lượng và thay đổi cách đánh. Xuất phát từ sự đánh giá lại về địch cho thấy tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh chỉ có giá trị tồn tại làm lá chắn cho Sài Gòn, một khi nằm trong thế liên hoàn, nối liền với Biên Hòa. Nhưng khi địch bị cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách tiến công chiếm ngã ba Dầu Giây cắt Quốc lộ 1, ngăn chặn địch từ Biên Hòa xuống ứng cứu và từ Trảng Bom phản kích lên; đánh chiếm Tân Phong, cắt lộ 2 triệt đường địch chạy về Bà Rịa, địch sẽ rơi vào tình thế hoang mang, dao động, ta không nhất thiết phải tập trung lực lượng lớn để đánh vào khu vực phòng ngự mạnh, mà có thể dùng “*thế*” để giải phóng Xuân Lộc.

Sau khi lắng nghe tất cả ý kiến, Thượng tướng Trần Văn Trà đã phân tích và

kết luận: “Xuân Lộc là điểm then chốt hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự của địch, nên chúng đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không có lợi.

Ta có được con Quốc lộ 20 cho đến Túc Trưng là rất có thể. Địch từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây (ngã ba Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1) không mạnh. Ta phải tận dụng lợi thế này của Quốc lộ 20 và sơ hở này của địch ở khu vực quanh Dầu Giây.

Nếu ta chiếm ngã ba Dầu Giây và giữ vững luôn – điều này ta làm được, vì địch ở đây yếu và bị bất ngờ – thì Xuân Lộc tự nhiên mất hết tác dụng của một cứ điểm then chốt, vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi. Còn Biên Hòa thì lập tức bị uy hiếp. Khi chiếm giữ được Dầu Giây rồi thì địch ở Xuân Lộc sẽ bối rối, hỗn loạn vì bị cắt đứt với hậu phương, bị bao vây cô lập. Quân đoàn 3 sẽ hoảng sợ vì kẹt lực lượng lớn bên ngoài tuyến – bởi trong tuyến yếu. Vậy chúng sẽ có 2 hành động: Một là, tập trung sức đánh vào Dầu Giây từ 2 phía Xuân Lộc và Trảng Bom. Hai là, rút chạy khỏi Xuân Lộc về Bà Rịa – Biên Hòa. Vì vậy ta không để rơi lỏng đối với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ và diệt khi chúng phản kích hay rối loạn rút chạy”.

Trên cơ sở những phân tích trên, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định: ngừng tiến công các vị trí địch trong thị xã. Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7), Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) giữ vững bàn đạp đã chiếm được, duy trì áp lực thường xuyên trong thị xã, thực hiện các biện pháp nghi binh, để địch tin rằng ta đang chuẩn bị mở đợt tiến công mới. Sư đoàn 6 (Quân khu 7) và Trung đoàn 95B (của Sư đoàn 325 – Quân đoàn 2) được giao nhiệm vụ đánh chiếm Dầu Giây và Núi Thị, giải phóng thêm một đoạn Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1, thực hiện chốt chặn chiến dịch, diệt địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích. Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) triển khai lực lượng trên dải vòng cung đông bắc chi khu Tân Phong, chặn đánh Lữ đoàn dù 1, không để địch vượt qua cầu Gia Liêu, hòng bắt liên lạc với Chiến đoàn 43 ở trong thị xã; Trung đoàn 141 (Sư đoàn 7) và 2 trung đoàn còn lại (của Sư đoàn) củng cố tại chỗ làm lực lượng dự bị.

Khi ta điều chỉnh chuyển thế và thay đổi cách đánh, địch hí hửng tưởng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Lê Minh Đảo – Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy huênh hoang tuyên bố và dương dương tự đắc: “Việt cộng dù có thêm mấy sư đoàn nữa cũng không chiếm được Long Khánh... Việt cộng muốn qua Long Khánh phải bước qua xác Đảo này”.

Rạng sáng ngày 15 tháng 4, pháo 130 mm của ta bắt đầu bắn phá sân bay Biên Hòa, trong lúc Sư đoàn 6 (Quân khu 7) và Trung đoàn 95B cùng lúc mở 5 trận vận động tập kích tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngụy ở ngã ba Dầu Giây. Quốc lộ 1 (từ Xuân Lộc đến Bầu Cá) bị cắt, Quốc lộ 20 (đoạn từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây) do ta làm chủ. Trong hai ngày 16 và 17, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đánh trận Hưng Nghĩa và cao điểm 122, diệt gọn một tiểu đoàn, bắt 100 tên.

Cùng thời điểm đó, ở Xuân Lộc, hai Sư đoàn 7 và 341 liên tục quần nhau với địch, đánh tan tác hai Chiến đoàn 43 và 48 (của Sư đoàn 18 ngụy) cùng một bộ

phận quân dù. Bộ đội địa phương và du kích Xuân Lộc do đồng chí Tám Còn chỉ huy diệt và bức rút nhiều đồn bốt địch trên các trục giao thông và ngoại vi thị xã. Cộng thêm ngày 16 tháng 4, tuyến phòng thủ xa ở Phan Rang bị Quân đoàn 2 ta đập tan. Trước nguy cơ bị tiêu diệt và Xuân Lộc chẳng còn giá trị phòng thủ, nên ngày 18 tháng 4, Lê Minh Đảo đề nghị rút bỏ Xuân Lộc, vì theo y, “*mất Dầu Giây là mất tụ điểm sức sống*” của phòng tuyến Long Khánh. Tối 20 tháng 4, địch ở Xuân Lộc rút chạy dưới trời mưa tầm tã. Trên đường rút chạy chúng bị tiêu diệt một bộ phận (cuối cùng) và bị bắt, trong đó có Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh Phạm Văn Phúc. Ngày 21 tháng 4, Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng – “*bức tường thép*” ở cửa ngõ phía đông bắc Sài Gòn bị đập tan, tạo thế thuận lợi chung cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn – giải phóng miền Nam.

Nghiên cứu cách đánh trong Chiến dịch Xuân Lộc để rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, nghiên cứu kỹ về địch để so sánh được tương quan lực lượng, từ đó thực hiện nguyên tắc tập trung lực lượng tạo ra ưu thế hơn địch trong những chiến dịch quan trọng, hướng và mục tiêu chủ yếu trong suốt chiến dịch và trong chiến đấu.

Hai là, nắm vững nguyên tắc tập trung, thống nhất, kiên quyết linh hoạt về lãnh đạo và chỉ huy nhằm thực hiện đến cùng mục đích của chiến dịch.

Có sự chuẩn bị trước nhiều cách đánh chiến dịch; linh hoạt chuyển đổi cách đánh khi thấy cách đánh hiện hữu không tác dụng.

Ba là, tìm hiểu cái mạnh, cái ưu thế của địch để phá thế địch. Ở Xuân Lộc, địch rất mạnh về hỏa lực và hệ thống công sự, có niềm tin vào sự chi viện lẫn nhau giữa các tuyến phòng ngự và các trận địa. Khi ta dùng pháo tầm xa và hỏa lực cận chiến không chế sân bay Biên Hòa, bắn chế áp các trận địa pháo địch; đồng thời thực hiện bao vây, chia cắt các tuyến, cô lập Xuân Lộc và các trận địa, ghìm giữ địch trong các căn cứ thì sức mạnh của địch không còn nữa.

Bốn là, công tác bảo đảm cho Chiến dịch càng về sau càng hiệu quả. Xăng dầu được bổ sung đầy đủ, nhất là đạn pháo các loại đã được tăng cường thêm nhiều (ta có 22 khẩu pháo 130 mm và 122 mm, được bảo đảm cho mỗi khẩu 200 quả đạn trong suốt Chiến dịch). Cách đánh pháo binh của ta cũng rất hiệu quả, góp phần khóa pháo địch, hạn chế thương vong cho bộ đội ta.

Nhìn lại bài học trong Chiến dịch Xuân Lộc, nghĩ về khả năng phòng chống, đánh trả chiến tranh trong tương lai (nếu đế quốc và các thế lực thù địch phản động gây ra) để xâm lược nước ta, đương nhiên kẻ thù phải tìm mọi cách để phá cho được thế trận xen kẽ ngay từ đầu của chiến tranh nhân dân Việt Nam, để có thể tự do vận dụng cách đánh sở trường của chúng trong tiến công và phòng ngự, dựa vào trang bị, kỹ thuật hiện đại. Đặc biệt, kẻ thù sử dụng chiến thuật tiến công bất ngờ bằng đồ bộ đường không kết hợp với “*Diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ, sử dụng vũ khí công nghệ cao để xâm lấn các nước. Thực tế trong Chiến dịch Xuân Lộc, Mỹ – ngụy đã sử dụng các vũ khí công nghệ cao là bom chân không CBU-55

với sức tàn phá lớn, gây tổn thất cho đối phương về binh lực, hỏa lực và tâm lý, hòng buộc đối phương phải tác chiến theo thể trận mà chúng đã bày sẵn.

Đó là bài học chúng ta cần nghiên cứu, đánh giá, dự báo chính xác để có thể xây dựng được thể trận và ngăn chặn vừa phòng tránh chiến tranh trong tương lai, phòng thủ đất nước một cách chủ động có hiệu quả.

N.T.B

THẢO LUẬN CÁC PHƯƠNG ÁN TÁC CHIẾN ĐỂ GIẢI PHÓNG XUÂN LỘC, LONG KHÁNH

Trung tướng HOÀNG NGHĨA KHÁNH*

Quân đoàn 4 được thành lập ở Nam bộ (20-4-1974), ra quân trong chiến dịch đầu tiên giải phóng thị xã Phước Long (6-1-1975), một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược rất lớn như là “*trận trình sát chiến lược*” để Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đánh giá khả năng của ta, đẩy nhanh kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam Việt Nam từ hai năm còn một năm.

Đến Chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh, Quân đoàn 4 đã giải phóng thị xã Long Khánh (tỉnh lỵ tỉnh Long Khánh), một khu vực phòng thủ rất mạnh mà nguy quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ coi như một “*Điện Biên Phủ thứ hai*”. Với các trận chiến đấu ác liệt của một chiến dịch có ý nghĩa chiến lược này, đã mở toang “cửa ngõ” đông bắc Sài Gòn, tạo điều kiện cho hai quân đoàn (Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4) trong Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến nhanh vào chiếm dinh Độc Lập, buộc Tổng thống nguy quyền phải đầu hàng vô điều kiện, và cùng 3 quân đoàn bạn giải phóng “thủ đô nguy quyền”.

Sau khi một bộ phận lực lượng giải phóng từ An Lộc – Chơn Thành đến Thủ Dầu Một (Quốc lộ 13), một bộ phận khác tiến công giải phóng Định Quán – Lâm Đồng, Tuyên Đức (Quốc lộ 20), mở rộng địa bàn căn cứ phía bắc Sài Gòn, Quân đoàn 4 được lệnh mở Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh từ 30-3-1975.

Sau một thời gian ngắn làm công tác chuẩn bị, 5 giờ 30 ngày 9-4-1975 bắt đầu nổ súng tiến công, đến 8 giờ ngày 21-4-1975 kết thúc chiến dịch. Dưới sự phản kích của bộ binh, xe tăng thiết giáp có yểm trợ mãnh liệt của phi cơ, pháo binh địch, trong 13 ngày đêm chiến đấu liên tục ác liệt, Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh hình thành 2 đợt:

Đợt 1 Chiến dịch.

Lúc đầu, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 đề ra 2 phương án:

Phương án 1: tập trung 2 sư đoàn (thiếu) của ta tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18 của địch để giải phóng thị xã Long Khánh, chi khu Xuân Lộc.

Phương án 2: đánh địch vòng ngoài, giải phóng 2 chi khu Tân Phong và Gia Kiệm, bao vây chia cắt đánh địch tăng viện từ Trảng Bom lên, tiến tới tấn công dứt điểm thị xã Long Khánh.

Bộ Tư lệnh hạ quyết tâm thực hiện phương án 1: tiến công thị xã Long Khánh¹. Đợt 1 Chiến dịch này thực hiện phương án 1, bắt đầu phát hỏa từ 5 giờ 40 đến 6 giờ 40 ngày 9-4-1975 và tới 17 giờ ngày 11-4-1975 chấm dứt. Qua 3 ngày

(*) Nguyên Tham mưu trưởng Quân đoàn 4.

(¹) Xem *Bản tổng kết* của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, số TL797, trang 11.

đêm chiến đấu liên tục, ta chưa tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn của địch và chưa chiếm được thị xã Long Khánh, tổn thất ta tương đối lớn¹ (thương vong 2 sư đoàn của ta đến 1400 đồng chí, hỏng 6 xe tăng). *Thực hiện phương án 1*, tập trung lực lượng tấn công thị xã Long Khánh để giải phóng tỉnh Long Khánh trong một thời gian ngắn, lúc địch chưa tăng cường lực lượng tổng dự bị lớn và thế bố trí của địch chưa được củng cố vững chắc. Nhưng do nắm địch không chắc, so sánh tương quan lực lượng của ta chưa thật ưu thế, mở đầu Chiến dịch đánh ngay vào chỗ mạnh nhất trong hệ thống phòng thủ của địch ở Long Khánh, vào một khu vực có cấu trúc nhà cửa phức tạp, nên đợt 1 của Chiến dịch Quân đoàn không thành công, mà bị thương vong tương đối lớn. Trong bản đánh giá kết quả Chiến dịch của Bộ Tư lệnh Quân đoàn về khuyết điểm có nêu lên 6 điểm. Nhưng đó là những khuyết điểm về vận dụng chiến thuật, về chỉ huy và hiệp đồng.

Đợt 2 Chiến dịch.

Đến 11-4-1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch họp đánh giá đợt 1 Chiến dịch và chuẩn bị chuyển quyết tâm chiến dịch. Dừng tấn công thị xã Long Khánh, chuyển sang bao vây, chuẩn bị kế hoạch tiến công Chiến đoàn 52, cắt Quốc lộ 1. Tối 12-4-1975, Đảng ủy Bộ Tư lệnh Chiến dịch tổ chức hội nghị nghiên cứu hạ quyết tâm chiến dịch mới – Có nêu ra hai phương án:

Phương án 1: Tiếp tục chuẩn bị lực lượng, bổ sung đạn dược, tấn công thị xã Long Khánh.

Phương án 2: Đảng ủy mặt trận nhất trí diệt Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 thiếu, cắt Quốc lộ 1. Thị xã Long Khánh hoàn toàn bị cô lập, tạo điều kiện cho ta tấn công thị xã tốt hơn².

Quân đoàn tổ chức thực hiện phương án 2 này. Chiều ngày hôm trước, đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó tư lệnh của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh đến Quân đoàn bộ để tham dự hội nghị Đảng ủy Quân đoàn. Đồng chí có đến thăm các lán làm việc của Bộ Tham mưu Quân đoàn và có trao đổi ý kiến trước. Có đồng chí đề xuất một phương án khác để giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh. Phương án đó là: “Bỏ khu vực Xuân Lộc, chuyển lực lượng đánh vào Trảng Bom, chặn quân địch từ Xuân Lộc rút về chi viện Trảng Bom, và một bộ phận chặn quân địch từ Xuân Lộc rút về Bà Rịa”. “Diệt địch ở Trảng Bom đồng thời cho một bộ phận có xe tăng cơ giới thọc vào thị xã Biên Hòa, chiếm bản doanh Quân đoàn 3 nguy. Lúc này chỉ có bộ phận nhỏ canh gác sở chỉ huy, vì tất cả lực lượng chiến đấu Quân đoàn 3 đã tăng cường ra mặt trận Xuân Lộc – Long Khánh. Cho một đơn vị ra chiếm giữ cầu Đồng Nai bảo đảm cho Quân đoàn tham gia tấn công vào nội ô Sài Gòn sau này”.

Vì sao lúc đó lại đề xuất phương án trên?

1- Hình thái bố trí lực lượng trên tuyến phòng thủ của Quân đoàn 3 nguy ở Xuân Lộc, Long Khánh đến Biên Hòa (tháng 4-1975) tương đối giống với hệ thống bố trí lực lượng của quân đội Pháp ở tuyến biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng đến

⁽¹⁾ Xem *Bản tổng kết* của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, số TL797, trang 26.

⁽²⁾ Xem *Bản tổng kết* của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, số TL797, trang 27.

Lạng Sơn năm 1950.

Trong Chiến dịch Biên giới 1950, địch trên tuyến đường 4 Cao Bằng–Lạng Sơn, thì Cao Bằng là một thị xã hình thành một tập đoàn cứ điểm do binh đoàn Sác tông chiếm giữ. Ở Lạng Sơn có binh đoàn Lopagior. Dọc tuyến đường 4 có bố trí các cứ điểm ở Đông Khê, Thất Khê, và một số chốt trên đường giao thông và cầu cống. Lúc đầu có ý kiến tấn công vào Cao Bằng để mở toang biên giới liên lạc với vùng giải phóng của Trung Quốc ở Vân Nam. Nhưng sau quyết định không tấn công lớn vào Cao Bằng mà chuyển hướng tấn công vào Đông Khê¹ (lực lượng chỉ hơn 1 tiểu đoàn), buộc binh đoàn Lopagior ở Lạng Sơn phải lên chi viện và đón binh đoàn Sác tông ở Cao Bằng rút về. Bộ đội ta phục kích tiêu diệt phần lớn cả 2 binh đoàn, bắt sống nhiều tù binh Âu Phi, trong đó có hai đại tá chỉ huy 2 binh đoàn đó. *Thế là ta đột phá vào một cụm điểm tương đối yếu bẻ gãy cả tuyến bố trí biên giới Bắc Việt Nam và tiêu diệt 2 binh đoàn lính lê dương của Pháp.*

Quân đội ngụy ở miền Nam Việt Nam sau khi bị đánh bại ở Buôn Ma Thuột – Tây Nguyên, từ Huế, Đà Nẵng đến Phan Rang được giải phóng, chúng tăng cường cho Quân đoàn 3 và một bộ phận tổng dự bị ra bố trí thành khu vực co cụm lớn phòng thủ rất mạnh ở Xuân Lộc – Long Khánh² để án ngữ phía đông bắc Sài Gòn, ngăn chặn Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 và các lực lượng vũ trang của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn. Trên Quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đến Biên Hòa lực lượng chốt giữ đường không lớn, đặc biệt ở thị xã Biên Hòa lực lượng bảo vệ hậu cứ Quân đoàn 3 của địch rất yếu.

Ta tấn công đột phá vào thị xã Long Khánh là đánh vào chỗ mạnh của địch (theo phương án 1 của đợt thứ nhất) không thành công, mà tổn thất của ta lại lớn. Sang đợt 2 Chiến dịch, ta không tấn công vào thị xã mà chuyển ra tấn công vào khu vực Núi Thị, ấp Nguyễn Thái Học (sở chỉ huy Chiến đoàn 52). Tuy ta tiêu diệt được Chiến đoàn 52, giải phóng hoàn toàn chi khu Gia Kiệm đến ngã ba Dầu Giây, địch ở thị xã Long Khánh phải rút chạy về Bà Rịa, nhưng tác chiến trên đoạn đường này là nằm trong hệ thống phòng thủ vòng ngoài liên hoàn của cụm lực lượng địch ở Xuân Lộc, bị lực lượng địch nhiều lần phản kích, đặc biệt bị hỏa lực pháo của địch chế áp mạnh (tổng cộng có 50-60 khẩu pháo, riêng Chiến đoàn 52 có 12 khẩu pháo; ở Núi Thị có 10 khẩu 105 mm). Trong đợt 2 ta đã kết thúc thắng lợi Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc, nhưng ta cũng bị tổn thất lớn (thương vong gần 700 đồng chí, tuy có ít hơn đợt 1 khi tấn công vào thị xã)³.

Nếu ta thực hiện phương án đánh vào Trảng Bom: Lúc này địch chỉ có 2 tiểu đoàn công binh, công sự đã chiến, bố trí trong rừng cao su, xa các đơn vị cơ

⁽¹⁾ Đánh Đông Khê do đơn vị chủ công Tiểu đoàn 130, Trung đoàn 209 do đồng chí Hoàng Cầm làm Tiểu đoàn trưởng và đồng chí Tạ Đình Hiền làm Chính trị viên.

⁽²⁾ Xem *Bản tổng kết* của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, số TL797, trang 28: Địch tập trung ở Xuân Lộc – Long Khánh: 3 chiến đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn dù, 1 thiết đoàn xe tăng, lữ đoàn kỵ binh 3 (3 thiết đoàn 315, 316, 321), Trung đoàn 8 Sư đoàn 5, Liên đoàn biệt động 31 và có tất cả 50 – 60 khẩu pháo.

⁽³⁾ Xem *Bản tổng kết* của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, số TL797, trang 34: hy sinh 460 đồng chí, bị thương 1530 đồng chí, mất tích 109 đồng chí, súng mất và hỏng các loại 497 khẩu. Riêng đợt 1 chiến dịch 2 sư đoàn (7 và 341) thương vong 140 đồng chí, chưa tính Sư đoàn 6 bị hỏng 6 xe tăng (tr 26, TL797).

động phản kích của cụm Xuân Lộc, xa các trận địa pháo chi viện, thì có thể giải phóng ngã ba Dầu Giây và Trảng Bom, thọc vào Biên Hòa chiếm hậu cứ Quân đoàn 3 (lực lượng còn rất yếu), có thể chiếm giữ cầu Đồng Nai, tạo điều kiện thuận lợi cho 2 quân đoàn (2 và 4) của ta sau này vượt sông Sài Gòn thọc sâu vào nội ô Sài Gòn. Về phía ta có thêm thuận lợi là thời gian này, ở Hiếu Liêm phía tây bắc Biên Hòa khoảng 7-8 km có một trận địa pháo 4 khẩu 130 mm của Miền (Trung đoàn 14?) có thể bắn vào sở chỉ huy Quân đoàn 3 ở Biên Hòa, chi viện cho bộ đội ta khi tiến công vào hậu cứ Quân đoàn 3 và chiếm cầu Đồng Nai.

Chuyển lực lượng từ hướng Xuân Lộc sang hướng Trảng Bom tuy có mất thời gian hơn, nhưng trong thời tiết lúc đó chưa mưa, theo đồng chí Sáu Thịnh¹ phụ trách binh trạm ở sông Bé, vận chuyển vật chất bảo đảm hậu cần trôi xuôi dòng sông Bé còn thuận lợi hơn vận chuyển vật chất bằng ô tô theo Quốc lộ 20 xuống bảo đảm cho Quân đoàn 4.

2- Bài học kinh nghiệm trong Chiến dịch Trị – Thiên năm 1972 có thể vận dụng vào Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh.

Trong Chiến dịch Trị – Thiên năm 1972, sau khi ta giải phóng phía bắc tỉnh Quảng Trị (bắc sông Thạch Hãn), tướng Ngô Quang Trưởng dồn lực lượng Quân khu 1 nguy ra phòng thủ La Vang và thành cổ Quảng Trị. Hậu cứ Quân đoàn 1 ở Thừa Thiên – Huế chỉ còn lực lượng địa phương và gần giống như ở Biên Hòa trong Chiến dịch Xuân Lộc (1975). Lĩnh nguy ở Huế cũng đã tranh cướp và bắn nhau ở chợ Đông Ba, như đã xảy ra trường hợp lính ở hậu cứ Quân đoàn 3 ở Biên Hòa cũng đã có vụ bắn nhau tranh giành của cải trong lúc tất cả chỉ huy và lực lượng chủ lực quân đoàn và tổng dự bị dồn ra Xuân Lộc – Long Khánh.

Nếu ta có chuẩn bị và xây dựng đường 12 như kế hoạch chiến lược Đông Xuân 1972, thì lúc đó ta sử dụng một lực lượng vu hồi đánh vào phía tây Thừa Thiên–Huế, buộc Sư đoàn 1 và các đơn vị Quân đoàn 1 nguy phải rút về đối phó, ta có thể tiêu diệt cả quân nguy ở La Vang, thành cổ Quảng Trị rút về, và có thể giải phóng cả Thừa Thiên–Huế (như đã tổng kết Chiến dịch Quảng Trị – Thừa Thiên năm 1972).

Bộ Tư lệnh Chiến dịch Thừa Thiên buộc phải sử dụng các sư đoàn chủ lực (Sư đoàn 304, Sư đoàn 308, Sư đoàn 320) vượt sông Thạch Hãn tấn công chính diện vào La Vang, thành cổ Quảng Trị. Lúc đầu có thể đẩy lui địch đến nam sông Mỹ Chánh, nhưng sau địch dùng lực lượng dự bị của Quân đoàn 1, Quân khu 1, sư đoàn dự bị chiến lược được sự chi viện của hỏa lực pháo hạm Mỹ ở biển bắn vào, quân ta phải rút lui về bắc sông Thạch Hãn, và một cuộc chiến đấu phòng thủ 81 ngày đêm để cố thủ thành cổ, đã bị tổn thất nặng nề.

Đó cũng là bài học kinh nghiệm vì không chuẩn bị và chỉ đạo chiến dịch tập trung lực lượng đột phá vào bên sườn hay sau lưng địch mà đột phá vào chính diện, vào cụm phòng thủ mạnh của địch, nên không thành công.

Tóm lại, trong Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh (tháng 4-1975) nếu ta không tập trung chủ lực trong đợt 1 đột phá thẳng vào cụm địch mạnh

⁽¹⁾ Đồng chí Sáu Thịnh sau này là Thiếu tướng Phó tư lệnh, Cục trưởng Hậu cần của Quân khu 7.

phòng thủ ở thị xã Long Khánh, hoặc trong đợt 2 Chiến dịch tiếp tục tiến công vào khu vực có cụm lực lượng mạnh của địch ở chi khu Kiêm Tân, Núi Thị (trong hệ thống phòng thủ mạnh của địch ở Xuân Lộc – Long Khánh), mà đánh vào bên sườn (trên Quốc lộ 1 Xuân Lộc – Biên Hòa) vào khu vực tương đối yếu hơn (như Trảng Bom) chẳng hạn thì ta có thể bẻ gãy tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Biên Hòa của địch, tiêu diệt địch ở Xuân Lộc về chi viện cho Trảng Bom hoặc quân địch ở Xuân Lộc rút lui về Bà Rịa.

Vì vậy đến lúc thực hành Chiến dịch Hồ Chí Minh (26-4 đến 30-4-1975), khi Sư đoàn 7 tiến công vào Biên Hòa đã vấp phải sức đề kháng mạnh của địch (do quân nguy ở Xuân Lộc rút về Bà Rịa và quay trở về tăng cường phòng thủ ở Biên Hòa). Mặt khác, ta chiếm được cầu Đồng Nai trước thì bảo đảm cho Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4 vượt sông tiến vào nội ô Sài Gòn được thuận lợi.

Nếu không có các đơn vị biệt động và đặc công của Miền chiếm giữ cầu Đồng Nai trước, để địch phá hoại được cầu thì không những Quân đoàn 4 mà cả Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 phải mất thời gian sửa chữa cầu, hoặc vượt sông bằng phương tiện công binh, thì không thể tiến nhanh vào dinh Độc Lập được.

Trong bài tham luận này, tôi chỉ nêu lại một phương án để nghiên cứu. Thực tiễn trên chiến trường lúc đó, Quân đoàn 4 thực hiện phương án 2 đợt 2 của Chiến dịch đã giành thắng lợi lớn có ý nghĩa chiến lược giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh, mở cửa ngõ cho hai quân đoàn (4 và 2) phối hợp với 3 quân đoàn bạn tiến vào giải phóng Sài Gòn, giành thắng lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đưa đến thắng lợi trọn vẹn, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

H.N.K.

VÌ SAO PHẢI CHUYỂN ĐỔI CÁCH ĐÁNH TRONG CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC?

Thượng tá - TS. HỒ SƠN ĐÀI*

Chiến dịch Xuân Lộc (từ ngày 9 đến 21-4-1975) là trận đột phá đầu tiên của các lực lượng vũ trang Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào khu vực phòng thủ trọng yếu trong tuyến phòng thủ trực tiếp của địch bảo vệ mạn đông Sài Gòn từ Biên Hòa – Xuân Lộc đến Bà Rịa – Vũng Tàu. Thắng lợi của Chiến dịch đã mở toang “cánh cửa thép” phía đông Sài Gòn, tạo điều kiện để quân và dân ta bước vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Do tính chất quan trọng của Chiến dịch, nên diễn biến chiến đấu diễn ra vô cùng gay go quyết liệt, buộc ta phải điều chỉnh cách đánh so với phương án tác chiến đề ra ban đầu. Bài viết này tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến sự điều chỉnh cách đánh nêu trên, sự điều chỉnh làm cho diễn biến chiến dịch diễn ra thuận lợi đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

1– Về đại thể, có thể chia quá trình thực tế diễn biến Chiến dịch Xuân Lộc thành 2 giai đoạn: giai đoạn tập trung đột phá thị xã Long Khánh (từ 9 đến 11 tháng 4) và giai đoạn chuyển sang bao vây cô lập Xuân Lộc, đánh viện binh (từ 12 đến 21 tháng 4). Hai giai đoạn trên diễn ra trong quá trình chuyển hóa thể trận của chiến dịch, nằm ở hai phương án trong ý định chiến đấu ban đầu của lực lượng thực hiện Chiến dịch Xuân Lộc.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Miền về việc tiến công đập tan khu vực phòng thủ Xuân Lộc của địch, đầu tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 nhận nhiệm vụ: được phối thuộc Sư đoàn bộ binh 6 (Quân khu 7), 2 tiểu đoàn địa phương, 2 tiểu đoàn xe tăng, tập trung lực lượng tiêu diệt Sư đoàn 18 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh và tiêu diệt một phần lực lượng phản kích của Quân đoàn 3 ngụy từ Trảng Bom – Biên Hòa lên, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, chia cắt địch.

Từ nhiệm vụ trên, Đảng ủy Quân đoàn 4 đề ra nhiệm vụ trước mắt là: tập trung lực lượng nhanh chóng đột phá tiêu diệt quân địch trong thị xã Long Khánh, sau đó diệt địch ở khu vực xung quanh, giải phóng 2 chi khu Tân Phong và Kiệm Tân; diệt địch, giải phóng khu vực từ đèo Mẹ Bồng Con đến ngã ba Dầu Giây, đánh bại quân địch phản kích từ hướng Trảng Bom lên. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ nêu trên, Quân đoàn tiếp tục phát triển tiến công trên 2 hướng: đánh chiếm Trảng Bom và Biên Hòa, đánh chiếm Bà Rịa, Long Khánh, chia cắt Quốc lộ 15. Để thực hiện nhiệm vụ trên, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đề ra kế hoạch tác chiến: tập trung 2 sư đoàn bộ binh (7, 341) tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18 ngụy, giải

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

phóng thị xã Long Khánh, chi khu Xuân Lộc, đoạn đường từ ngã ba Dầu Giây đến núi Chứa Chan; sử dụng 1 sư đoàn (6) bao vây chia cắt địch ở hướng Gia Kiệm, Túc Trưng, diệt địch từ thị xã Biên Hòa lên hoặc từ Gia Kiệm về, giải phóng Quốc lộ 20 từ Dầu Giây đến Gia Kiệm; đánh diệt viện từ thị xã Biên Hòa, Trảng Bom lên, tạo điều kiện phát triển tiến công giải phóng thị xã.

Tuy nhiên, sau 3 ngày chiến đấu, lực lượng tiến công mặc dù đã đánh chiếm được một số mục tiêu nhưng chưa diệt gọn từng tiểu đoàn địch và giải phóng thị xã Long Khánh. Trong khi đó, quân ta bị tổn thất khá nặng về người và trang bị vũ khí kỹ thuật. Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Miền, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã quyết định thay đổi kế hoạch chiến đấu: không tập trung lực lượng đánh vào nội ô thị xã Long Khánh mà chuyển sang bao vây cô lập, cắt rời Xuân Lộc ra khỏi các hành lang giao thông Biên Hòa – Phan Thiết, Biên Hòa – Đà Lạt và Xuân Lộc – Bà Rịa – Phan Thiết, Biên Hòa – Đà Lạt và Xuân Lộc – Bà Rịa, tổ chức đánh viện binh địch. Theo đó, lực lượng tiến hành chiến dịch để lại một bộ phận chốt giữ kiểm chế quân địch trong thị xã; sử dụng một trung đoàn tiến công, tiêu diệt Chiến đoàn 52 nguy ở ngã ba Dầu Giây đánh chiếm Núi Thi; chặn đánh địch từ Trảng Bom lên, từ Gia Kiệm về và từ Xuân Lộc theo đường 2 về Bà Rịa. Bằng cách đánh mới, lực lượng tiến hành chiến dịch đã buộc quân địch sau hơn một tuần cầm cự và điên cuồng phản kích phải bỏ Xuân Lộc tháo chạy và tan rã. Chiến dịch giành được thắng lợi hoàn toàn.

2– Nguyên nhân nào dẫn đến sự chuyển đổi cách đánh nêu trên?

2.1 – *Do hành động tập trung cố thủ và phản kích điên cuồng của địch.*

Chúng ta biết rằng, đến cuối tháng 3 năm 1975, trên toàn chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đập tan các tập đoàn cứ điểm của địch tại Quân khu 1 và Quân khu 2, buộc chúng phải thực hiện “chiến lược di tản” khắp nơi. Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, sau khi giải phóng Phước Long, Quân giải phóng miền Nam đẩy mạnh tiến công mở thêm một số vùng giải phóng rộng lớn nối liền với các căn cứ giải phóng cũ trên địa bàn Tây Ninh – Dầu Tiếng – An Lộc – Chơn Thành (phía tây bắc Sài Gòn) và Định Quán – Gia Ray – Hoài Đức – Lâm Đồng (phía đông bắc Sài Gòn). Nha Trang thất thủ và phòng tuyến Phan Rang bị uy hiếp nghiêm trọng. Thủ phủ Sài Gòn đứng trước nguy cơ bị tấn công từ nhiều phía. Tình thế buộc Nguyễn Văn Thiệu phải khẩn trương thiết lập một hệ thống phòng thủ trực tiếp tạo thành vành đai thép bao quanh Sài Gòn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Mỹ, Thiệu và bộ tham mưu của y đã tập trung xây dựng một vòng cung phòng thủ bắt đầu từ Tây Ninh vòng xuống Vũng Tàu, trong đó khu vực Xuân Lộc giữ vị trí một mắt xích then yếu, một “*chiếc ốc xoáy cuối cùng*”, với tư tưởng chỉ đạo “*phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*” (Uâyên). Để giữ được “*cánh cửa thép*” này, địch tập trung ở đây một lực lượng rất lớn, bao gồm 1 sư đoàn chủ lực tăng cường (Sư đoàn 18: 9 tiểu đoàn bộ binh, 1 trung đoàn thiết giáp, 2 tiểu đoàn pháo binh); lực lượng địa phương tương đương 1 sư đoàn (9 tiểu đoàn bảo an và nhiều đơn vị khác). Tất cả bố trí trên một dải phòng ngự: Túc Trưng – Dầu Giây – thị xã Long Khánh – ngã ba Tân

Phong – Suối Râm – núi Con Rắn. Riêng trong thị xã Long Khánh, nơi tập trung nhiều sở chỉ huy và hậu cứ quân địch có công sự tương đối vững chắc, kiên cố, binh hỏa lực mạnh. Khi Chiến dịch diễn ra, địch còn tăng viện thêm Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 3 (Sư đoàn 5), Liên đoàn 7 biệt động quân và các trung đoàn thiết giáp 315, 318, 320. Trong hành động tuyệt vọng, chúng còn sử dụng đến bom CBU-55, loại bom thả từng chùm và có công năng hủy diệt mọi sự sống trong phạm vi tàn phá.

Do vị trí phòng thủ đặc biệt của Xuân Lộc, do tính chất của cuộc giao tranh trước tình thế một mất một còn, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã tập trung mọi lực lượng ngoan cố phòng thủ và phản kích bằng mọi giá. Và đây là một trong những lý do làm cho cuộc chiến đấu trở nên hết sức quyết liệt, lực lượng tiến hành chiến dịch ban đầu chưa đánh giá chính xác về địch, nên sau ba ngày chiến đấu phải điều chỉnh cách đánh nhằm giành thắng lợi cuối cùng.

2.2. Do công tác chuẩn bị về tổ chức lực lượng, chọn hướng tấn công và phương châm tác chiến trong giai đoạn đầu của chiến dịch chưa thật phù hợp với thực tiễn.

Trước hết, tương quan đôi bên tham chiến ở Xuân Lộc cho thấy lực lượng ta tấn công chưa có quân số và trang bị mạnh hơn, áp đảo quân địch. Lực lượng Quân đoàn 4 chỉ có Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 và một số đơn vị trợ chiến (Sư đoàn 9 được tách ra chiến đấu trên cánh quân hướng tây nam Sài Gòn). Sư đoàn 7 đang từ Bảo Lộc chiến đấu phát triển lên Di Linh, khi nhận nhiệm vụ chuyển hướng hành quân về tấn công Xuân Lộc, thời gian quá gấp, chưa kịp củng cố bổ sung quân số, trang bị. Sư đoàn 6 thuộc Quân khu 7 mới được thành lập tháng 11 năm 1974, mặc dù trên cơ sở hợp nhất các đơn vị từng dày dạn kinh nghiệm trên chiến trường Đông Nam bộ (Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, các tiểu đoàn đặc công 18, 19, 20 và các tiểu đoàn trợ chiến pháo binh, công binh, thông tin, trinh sát), thiếu thực tiễn hợp luyện chiến đấu trong đội hình chung. Cả ba sư đoàn nói trên trang bị vũ khí thiếu, công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật không theo kịp yêu cầu chiến đấu và chưa từng phối hợp tác chiến qui mô cấp quân đoàn.

Thứ hai, trong kế hoạch tác chiến ban đầu, chúng ta đã chọn hướng tấn công chủ yếu chưa đánh trúng hướng phòng ngự sơ hở và điểm yếu của địch. Hướng tấn công chủ yếu trong Chiến dịch được xác định là hướng đông bắc thị xã Long Khánh. Đây là hướng mà trên thực tế, địch bố trí rất nhiều cứ điểm với nhiều tiểu đoàn chiến đấu cực mạnh (trong lúc trên hướng tây nam thị xã, lực lượng địch gần như không đáng kể). Vì vậy, sau 3 ngày chiến đấu quyết liệt, mặc dù quân ta đã chiếm được một số mục tiêu, giữ được một số bàn đạp và tiêu diệt một số sinh lực địch nhưng chưa tiêu diệt dứt điểm từng tiểu đoàn của chúng. Trong lúc đó, bộ đội ta bị tổn thất quá nhiều cả về sinh lực và trang bị vũ khí kỹ thuật. Cần phải xác định lại hướng tấn công chủ yếu trên cơ sở quan niệm giá trị phòng thủ của Xuân Lộc chỉ thực sự có ý nghĩa trong mối liên kết không thể tách rời với thị xã Biên Hòa. Và đây là cơ sở tư duy để Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định thay đổi hướng tấn công: tập trung lực lượng tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngay, đánh chiếm ngã ba Dầu

Giây và Tân Phong, cô lập hoàn toàn Xuân Lộc.

Thứ ba, phương châm tác chiến không cho phép lực lượng tấn công phát huy hết tính ưu việt của nó trong điều kiện thời cơ không còn thuận lợi. Có thể nói quãng thời gian đầu tháng 4 năm 1975 là thời điểm “*guồng dậy*” của chế độ Sài Gòn. Sau khi thất thủ hàng loạt cứ điểm quân sự trọng yếu ở mặt trận Nha Trang và chiến trường Đông Nam bộ, quân địch tập trung lực lượng để xây dựng phòng tuyến cố thủ xung quanh Sài Gòn như đã trình bày ở phần trên với mọi ưu tiên tối đa về binh hỏa lực. Phương châm tác chiến chiến dịch của ta được xác định là: “*nắm vững quyền chủ động, nhanh chóng tranh thủ yếu tố bí mật bất ngờ, thực hiện nghi binh, căng kéo địch về hướng chiến dịch để tạo ưu thế đánh nhanh diệt gọn. Khẩn trương, táo bạo, chia cắt thọc sâu, đánh chắc, tiến chắc, giải quyết nhanh trong ngày, đánh liên tục đồng thời sẵn sàng đánh từ 3 đến 5 ngày bằng nhiều hình thức chiến thuật...*”. Thời cơ đánh Xuân Lộc không còn thuận lợi. Trong lúc đó, sau cơn choáng váng bị ta tấn công, quân địch tập trung lực lượng kháng cự và phản kích quyết liệt. Sau 3 ngày nổ súng, yếu tố thần tốc, táo bạo, bất ngờ không thể tiếp tục thực hiện một cách có hiệu quả. Đây cũng là một lý do quan trọng nữa dẫn đến quyết định chuyển đổi cách đánh của Bộ Chỉ huy Chiến dịch tiến công Xuân Lộc.

* * *

Thực tế diễn biến của Chiến dịch Xuân Lộc đã để lại cho chúng ta nhiều bài học lịch sử quý giá. Kẻ thù, trong cơn giãy chết cuối cùng, đã hành động phản kích một cách điên cuồng. Chúng huy động lực lượng ở mức cố gắng cao nhất và không từ một thủ đoạn ác hiểm nào, kể cả sử dụng bom hủy diệt CBU-55 để tử thủ. Mọi chiến thắng của chúng ta trong chiến tranh đều không dễ dàng, đều phải trải qua những khó khăn ác liệt, những mất mát hy sinh. Đó là quá trình trên cơ sở quán triệt đường lối chiến tranh cách mạng và nghệ thuật quân sự của Đảng ta để vận dụng vào điều kiện lịch sử cụ thể; *quá trình hoàn thiện nhận thức*, luôn luôn năng động, sáng tạo tìm ra cách đánh một cách đúng đắn và có hiệu quả nhất. Sự nhạy bén, quyết đoán của Bộ Chỉ huy Chiến dịch trong việc chuyển đổi cách đánh là một trong những nguyên nhân quan trọng, cùng với các nguyên nhân khác dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của Chiến dịch Xuân Lộc – chiến dịch cuối cùng trước khi quân và dân ta bước vào trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam!

H.S.Đ

Tài liệu tham khảo:

- Quân đoàn 4: *Báo cáo trận tấn công giải phóng thị xã Long Khánh và tỉnh Long Khánh chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh (9 – 21-4-1975)* – Lưu trữ Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân đoàn 4, TL.797.
- Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4: *Binh đoàn Cửu Long, tập 1* – Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1989.

- Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7: *Miền Đông Nam bộ kháng chiến, tập 2* (1954 – 1975) – Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993.
- Hồ Sơn Đài (chủ biên): *Miền Đông chiến công* – Nxb. Đồng Nai, 1990.

THAY ĐỔI CÁCH ĐÁNH ĐI ĐẾN GIÀNH THẮNG LỢI

Đại tá NGUYỄN VIỆT TÁ*

Ý nghĩa thắng lợi vang dội của Chiến thắng Xuân Lộc đã có nhiều bản tham luận phân tích sâu sắc và căn kẽ. Trong bản tham luận này, xin nêu một vấn đề về: *thay đổi cách đánh đi đến giành thắng lợi trọn vẹn*.

Sau khi rút chạy hỗn loạn khỏi Tây Nguyên, Trung bộ, Mỹ – ngụy điều quân về xây dựng tuyến phòng thủ Sài Gòn, hàng ổ đầu não của chúng, lấy Xuân Lộc làm vị trí then chốt quan trọng nhất trong tuyến phòng thủ. Tại Xuân Lộc, lúc đầu địch đã bố trí Sư đoàn chủ lực ngụy số 18, một trung đoàn xe tăng và thiết giáp, một lữ đoàn biệt động và lực lượng bảo an tại chỗ.

Quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị: hiện nay “*thời gian là lực lượng, thời gian là sức mạnh*”, Bộ Tư lệnh B2 đã ra lệnh toàn Miền bước vào tấn công và nổi dậy đợt II mùa khô 1974 – 1975, lấy việc tiến công đánh chiếm Xuân Lộc làm hướng chính.

Đêm 9 rạng ngày 10 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 chủ lực Miền gồm 2 sư đoàn 7 và 1 (341 cũ vừa được điều từ ngoài vào) và Sư đoàn 6 thiếu (thuộc Quân khu 7) tiến công Long Khánh, thị xã của tỉnh Long Khánh. Ngay trong đêm 9 rạng sáng ngày 10 tháng 4 năm 1975, quân ta đã chọc thủng tuyến phòng thủ, phát triển vào trung tâm, chiếm ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, khu tình báo CIA., căn cứ biệt động, nhà ga xe lửa... Địch còn giữ dinh tỉnh trưởng và tổ chức phản kích quyết liệt. Nhằm “cố thủ” vị trí then chốt trong tuyến phòng ngự bảo vệ Sài Gòn, ngay ngày 10 tháng 4 năm 1975, địch đã lần lượt tăng cường cho Xuân Lộc nhiều đơn vị thuộc lực lượng tổng trừ bị chiến lược của chúng: 1 lữ đoàn dù, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thuộc Sư đoàn 5 chủ lực ngụy, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng thiết giáp ngụy. Ngoài việc tập trung phi pháo, địch dùng cả bom sát thương lớn (CBU).

Tại Sở Chỉ huy cơ bản của Miền, theo dõi chiến sự ở Xuân Lộc lúc đầu có nhiều thuận lợi, nhưng trước việc địch tăng lực lượng mạnh, ồ ạt, cuộc chiến trong thị xã Long Khánh giằng co ác liệt, có ý kiến lo ngại quân ta sẽ bị thương vong nhiều, gợi ý cho các đơn vị rút ra khỏi thị xã và diệt quân địch bên ngoài, tập trung tiêu diệt từng bộ phận địch. Qua họp bàn, Bộ Chỉ huy Chiến dịch nhất trí đề nghị và cử đồng chí Trần Văn Trà, Tư lệnh Miền, Tư lệnh phó Chiến dịch trực tiếp xuống chiến trường nắm tình hình cụ thể tại chỗ, cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn nghiên cứu cách đánh giành thắng lợi.

Xuân Lộc nằm trên giao điểm nhiều đường giao thông chiến lược quan trọng. Quốc lộ 1 và đường xe lửa nối Sài Gòn với các tỉnh miền Trung, Quốc lộ 20 nối Quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây lên Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, liên tỉnh

(*) Tổng biên tập báo *Cựu Chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*.

lộ số 2 nối Xuân Lộc với Bà Rịa. Xuân Lộc nối liền với hậu cứ Quân đoàn 3 ngay ở thành phố Biên Hòa trên trục Quốc lộ 1 cách Biên Hòa 50 km, cách ngã ba Dầu Giây 10 km, Trảng Bom 25 km. Ngoài việc tập trung lực lượng lớn của Sư đoàn 18, các đơn vị tăng viện ở trung tâm và ngoại vi thị xã, địch bố trí Chiến đoàn 52 ngay ở ngã ba Dầu Giây nhằm án ngữ Quốc lộ 20 và đảm bảo nối liền với hậu cứ Quân đoàn 3 ở Biên Hòa.

Sau khi nghe báo cáo tình hình diễn biến trận đánh trong mấy ngày qua, quan sát thực địa trên một số hướng, theo dõi hoạt động của bộ binh, không quân và pháo binh địch, nắm chắc thực lực ta, đồng chí Trần Văn Trà cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn họp bàn quyết tâm mới.

Có ý kiến: bỏ Long Khánh (Xuân Lộc), toàn bộ lực lượng ta diệt Trảng Bom tiến chiếm luôn Biên Hòa (sở chỉ huy của Quân đoàn 3 ngay).

Tư lệnh Quân đoàn Hoàng Cầm đề nghị: tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngay ở ngã ba Dầu Giây và Núi Thị. Sau đó đánh chiếm Xuân Lộc. Còn đánh Biên Hòa là khi hợp đồng chung với các hướng.

Tư lệnh Miền phân tích thêm tình hình: Xuân Lộc là một điểm then chốt rất quan trọng trong tuyến phòng thủ Sài Gòn của địch nên địch đã tăng cường nhiều lực lượng để cố giữ. Hiện lực lượng địch tại thị xã đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Tiếp tục đánh Xuân Lộc là không có lợi. Ta chiếm được Quốc lộ 20 cho đến Túc Trưng là rất có thể. Địch từ ngã ba Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây không mạnh. Ta phải lợi dụng ưu thế trên và sơ hở của địch ở khu vực này. Nếu ta chiếm được ngã ba Dầu Giây và giữ luôn – điều này có thể làm được – thì Xuân Lộc bị cô lập, mất hết tác dụng vì nó nằm ngoài tuyến phòng ngự Sài Gòn của chúng. Còn Biên Hòa lập tức bị uy hiếp. Địch sẽ có 2 hành động: tập trung lực lượng đánh chiếm lại ngã ba Dầu Giây từ hai phía Trảng Bom và Xuân Lộc, hoặc phải rút chạy khỏi Xuân Lộc.

Căn cứ những phân tích trên, Tư lệnh Miền quyết định:

Trước tiên dùng 1 trung đoàn tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngay ở ngã ba Dầu Giây và Núi Thị, điểm cao không chế trong vùng. Giải phóng rộng và giữ cho được Dầu Giây. Chặn, diệt cho được bọn địch từ Trảng Bom phản kích ra.

Lực lượng Quân đoàn 4 kèm chặt và diệt từng bộ phận địch ở Xuân Lộc, chủ yếu là hướng giữa Xuân Lộc và ngã ba Dầu Giây, ngăn chặn địch phản kích vào ngã ba Dầu Giây.

Bố trí một lực lượng phục kích sẵn sàng khóa đường liên tỉnh số 2 diệt địch rút chạy theo đường độc đạo này về Bà Rịa.

Pháo binh bố trí không chế sân bay Biên Hòa.

Thực hiện quyết định trên, đêm 13 rạng 14 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 33 thuộc Sư đoàn 6 Quân khu 7 cùng du kích địa phương tấn công tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn của Chiến đoàn 52 ngay và 1 chi đoàn xe bọc thép tại ngã ba Dầu Giây, sau đó phát triển chiếm Núi Thị. Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 4 thuộc Sư đoàn 6 và một bộ phận Trung đoàn 33 cùng Trung đoàn 95B (từ ngoài vào vừa được tăng cường cho Quân đoàn 4) và du kích địa phương tiếp tục tấn công tiêu

diệt gọn hai tiểu đoàn còn lại của Chiến đoàn 52 nguy, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn thiết giáp, thu 12 khẩu pháo, bắt hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiêm Tân. Chiến đoàn 52 cùng lực lượng pháo binh, thiết giáp được tăng cường đã bị tiêu diệt và tan rã hoàn toàn. Trong lúc đó ở thị xã, các đơn vị của Quân đoàn 4 tiếp tục tấn công quân địch, đánh thiệt hại nặng Lữ đoàn dù số 1.

Trước tình hình đó, địch phải điều Chiến đoàn 8 Sư đoàn 5, Liên đoàn 7 biệt động quân, 3 thiết đoàn thiết giáp từ Biên Hòa lên Trảng Bom, đưa bộ phận chỉ huy nhẹ của Quân đoàn 3 nguy trực tiếp chỉ huy mở nhiều đợt phản kích hòng chiếm lại ngã ba Dầu Giây. Sư đoàn 6, Trung đoàn 95B cùng bộ đội địa phương huyện Thống Nhất và du kích tiếp tục tiêu diệt 2 tiểu đoàn địch, bẻ gãy tất cả các đợt phản kích của địch.

Ở hướng Xuân Lộc, ta mở nhiều đợt tấn công buộc địch phải bỏ nhiều chốt phòng ngự bên ngoài rút vào cố thủ bên trong thị xã. Phối hợp với bộ binh đánh chiếm từng căn nhà, góc phố, pháo binh bắn phá nhiều công sự địch đẩy địch vào thế bị động.

Dù địch đã tổ chức lực lượng mạnh phản kích điên cuồng từ hai hướng Xuân Lộc và Trảng Bom, dùng cả bom hạng nặng CBU, nhưng đều bị quân ta đánh lui không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây. Xuân Lộc bị cắt đứt với hậu phương Biên Hòa còn tiếp tục bị vây hãm, nhiều vị trí bị pháo kích dữ dội và bị bộ binh ta đánh chiếm. Trước tình thế đó, Tư lệnh Quân đoàn 3 nguy buộc phải ra lệnh cho đồng bọn rút chạy khỏi Xuân Lộc. Một bộ phận rút bằng máy bay lên thẳng về tăng cường phòng thủ Biên Hòa ngày 18 tháng 4 năm 1975, số quân còn lại bí mật rút chạy đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4 năm 1975 khỏi Xuân Lộc theo đường số 2 về Bà Rịa.

Như vậy, qua hơn 10 ngày chiến đấu quyết liệt, nhất là trước sự chuyển đổi cách đánh có hiệu quả, Xuân Lộc – một khu vực phòng thủ chủ yếu và then chốt nhất đóng vai trò quyết định trong chiến lược phòng thủ Sài Gòn của địch đã bị tan vỡ. Tối ngày 21 tháng 4 năm 1975, trước sức ép của quan thầy Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu buộc phải tuyên bố từ chức, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ nguy Sài Gòn.

Chiến thắng Xuân Lộc bổ sung những kinh nghiệm thực tiễn cho nền khoa học quân sự Việt Nam, trong quá trình diễn biến trận đánh cần nắm chắc và phân tích sát đúng tình hình địch, tình hình ta, tìm ra cách đánh phù hợp tạo điều kiện giành thắng lợi trọn vẹn.

N.V.T

THAY ĐỔI CÁCH ĐÁNH LÀ MỘT QUYẾT ĐỊNH ĐÚNG, KỊP THỜI CỦA BỘ TƯ LỆNH CHIẾN DỊCH TRONG CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Thượng tá NGUYỄN TRUNG THÀNH*

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Xuân Lộc là trận đánh ác liệt nhất và khó khăn nhất của cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4. Giải phóng Xuân Lộc – khu vực phòng ngự then chốt của tuyến phòng ngự ở hướng đông của địch (từ Phan Rang vào Sài Gòn), Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương đã tạo ra một thế trận mới rất có lợi cho ta, mở rộng cánh cửa phía đông cho một lực lượng lớn quân chủ lực của ta nhanh chóng cơ động vào khu tập kết, chuẩn bị trực tiếp cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn, kết thúc trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

Thị xã Long Khánh, tỉnh Long Khánh (nay là thị trấn Xuân Lộc, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) nằm trên Quốc lộ 1, cách Sài Gòn 80 km về phía đông bắc, là một cụm cứ điểm kiên cố gồm tiểu khu Long Khánh và căn cứ Sư đoàn 18 ngụy, bố trí liên hoàn hỗ trợ cho nhau. Sau khi các tỉnh Trị – Thiên, Đà Nẵng được ta giải phóng (tháng 3 năm 1975), Mỹ – ngụy tập trung quân chủ lực về phòng thủ Sài Gòn bằng một hệ thống trận địa phòng ngự cấp trung đoàn, sư đoàn trên nhiều hướng, chủ yếu là hướng đông Sài Gòn. Trên hướng này, địch gấp rút tổ chức tuyến phòng ngự với chiều sâu lớn suốt từ Phan Rang vào đến Sài Gòn, trong đó lấy Phan Rang là tiền đồn, Xuân Lộc là khu vực then chốt. Địch xác định “*mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*” nên đã tập trung ở đây: Sư đoàn 18 – đơn vị mạnh nhất của Quân đoàn 3, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân sự đóng giữ. Khi bị tiến công, Xuân Lộc sẽ được chi viện mạnh về hỏa lực pháo binh và không quân, được lực lượng mạnh trực tiếp chi viện, ứng cứu là Lữ đoàn 3 thiết giáp ở Biên Hòa và Lữ đoàn dù số 1 ở Sài Gòn...

Chấp hành chủ trương của Trung ương Cục và nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Miền, từ ngày 3 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn bộ binh 9) được tăng cường Sư đoàn bộ binh 6 (Quân khu 7), Trung đoàn 95B (mới từ chiến trường Tây Nguyên vào được tăng cường giữa chiến dịch) cùng lực lượng vũ trang địa phương gấp rút chuẩn bị Chiến dịch tiến công giải phóng Xuân Lộc¹.

Qua nghiên cứu tình hình địa hình, địch, ta và kinh nghiệm đánh thành phố, thị xã của Quân đoàn, Bộ Chỉ huy Chiến dịch xác định đối với điểm phòng thủ mạnh như Xuân Lộc phải lấy diệt địch ở bên ngoài là chính, tạo thế bao vây cô lập, khi có thời cơ sẽ tiến công dứt điểm cứ điểm. Với phương châm “*đánh chắc, tiến*

(*) Hội Cựu Chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Thực tế từ khi nhận nhiệm vụ của Quân đoàn, các đơn vị trong Quân đoàn do thời gian gấp, tình hình khẩn trương chỉ có 5 ngày làm công tác tổ chức ra chuẩn bị chiến đấu.

chắc”, nhưng trước tình hình diễn biến của chiến trường ta đã giải phóng nhiều tỉnh thành, địch đang hoang mang dao động mạnh, Quân đoàn tiến công phải “*khẩn trương, táo bạo*”, dùng lực lượng mạnh bộ binh, tập trung toàn bộ lực lượng xe tăng, pháo binh, nhanh chóng đánh vào sở chỉ huy tiểu khu và Sư đoàn 18 ngụy. Nếu địch tan vỡ thì nhanh chóng phát triển đánh chiếm hoàn toàn Xuân Lộc.

Về sử dụng lực lượng: Sư đoàn 7 tiến công từ hướng đông, đảm nhiệm hướng chủ yếu; Sư đoàn 341 tiến công từ hướng bắc, đảm nhiệm hướng thứ yếu; Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B làm nhiệm vụ diệt các chốt địch trên Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 phía tây, tây bắc Xuân Lộc ở khu vực ngã ba Dầu Giây, kiên quyết ngăn chặn quân địch ứng cứu từ hướng Biên Hòa – Trảng Bom và phía bắc Quốc lộ 20. Lực lượng vũ trang địa phương tập trung hoạt động xung quanh Xuân Lộc, chủ yếu ở phía nam trên đường số 2.

Sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, ta nổ súng tấn công Xuân Lộc mở màn chiến dịch. Ngay ngày đầu tiên, Quân đoàn đã chiếm được một phần hai thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu, đã có 3 tiểu đoàn vào chốt trong thị xã và thực hiện được nhiệm vụ chia cắt chiến dịch, cắt Quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đến đèo Mẹ Bồng Con. Riêng hướng Sư đoàn 7, ta vẫn chưa đột phá được vì địch lợi dụng công sự – vật cản chống cự mạnh, lực lượng ta bị tiêu hao. Nhìn chung, kết quả chiến đấu ngày đầu Chiến dịch là tốt. Bộ Tư lệnh Quân đoàn họp và quyết định tiếp tục tiến công, diệt Sư đoàn 18 và giải phóng thị xã.

Liên tiếp trong hai ngày 10 và 11 tháng 4, các sư đoàn tăng cường mức độ tiến công, Sư đoàn 7 đưa lực lượng dự bị là Trung đoàn 141 và một tiểu đoàn cao xạ đột phá từ hướng bắc xuống, cùng với Trung đoàn 165 đánh chiếm căn cứ Sư đoàn 18, nhưng địch dùng bộ binh, xe tăng – thiết giáp phản kích quyết liệt, có tiểu đoàn của ta không mở được cửa mở, phát triển chiến đấu gặp rất nhiều khó khăn, ta chỉ chiếm được khu gia binh và tiến tới sân bay, đánh thiệt hại một phần lực lượng Chiến đoàn 43 ngụy.

Trên hướng Sư đoàn 341, Sư đoàn đưa thêm Trung đoàn 270 vào thị xã cùng Trung đoàn 266 đánh địch phản kích, giữ vững các mục tiêu đã chiếm. Trung đoàn 266 sử dụng 2 tiểu đoàn đột phá tiến công đánh chiếm sân bay nhiều lần nhưng bị địch chống cự mãnh liệt, bị đánh bật trở lại. Các mũi tiến công khác ta chiến đấu xen kẽ, giằng co với địch dưới tầm hỏa lực bom pháo của địch, đặc biệt ở khu vực trại Lê Lợi và căn cứ Chiến đoàn 43.

Ngày 12 tháng 4, để tăng cường lực lượng cố thủ Xuân Lộc, địch dùng máy bay đổ Lữ đoàn dù số 1 từ Sài Gòn xuống ngã ba Tân Phong (nam Xuân Lộc gần 5 km). Ba ngày sau (15 tháng 4), chúng tăng cường thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 lữ đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 5 và 8 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn xe tăng, đưa tổng số xe tăng – thiết giáp ở Xuân Lộc lên 300 xe. Đến lúc này, địch đã tập trung ở Xuân Lộc 50 phần trăm lực lượng bộ binh, 60 phần trăm lực lượng pháo binh và hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng trừ bị của địch. Huy động lực lượng không quân bắn phá, ném bom chi viện trực tiếp cho địch phòng ngự và phản kích với mức độ cao từ 80 đến 125 lần chiếc/ngày, đánh mạnh vào đội hình tiến công của ta và các trận địa pháo binh...

Chúng ném cả loại bom CBU (7 tấn) có sức hủy diệt lớn, làm thương vong nhiều cán bộ, chiến sĩ, gây khó khăn lớn cho nhiệm vụ trụ bám và phát triển đánh chiếm các mục tiêu của các đơn vị trong và ngoại vi thị xã Long Khánh.

Qua ba ngày chiến đấu, Quân đoàn đã chiếm được một số mục tiêu trong thị xã và một số điểm chốt của địch trên Quốc lộ 1, diệt và đánh tiêu hao một bộ phận sinh lực và binh khí kỹ thuật của địch, giữ được một số địa bàn quan trọng nhưng ta vẫn chưa tiêu diệt gọn được một tiểu đoàn nào của địch. Chỉ tính số lượng của hai sư đoàn (7 và 341), ta đã bị thương vong 1.500 đồng chí; 6 trên 9 xe tăng bị bắn cháy và hư hỏng; pháo 85 và 57 bị hư hỏng gần hết vì bom pháo địch bắn trúng, việc tiếp tế đạn từ phía sau lên trận địa gặp khó khăn, không lên kịp...

Trước tình hình diễn biến phức tạp của mặt trận Xuân Lộc: địch thì tăng cường lực lượng mạnh, dựa vào hệ thống công sự vật cản, được sự chi viện tối đa của hỏa lực pháo binh và không quân ngoan cố “tử thủ” để bảo vệ Sài Gòn và tự bảo vệ sinh mạng mình khi không còn đường lui; về ta: lực lượng tiến công chưa đủ mạnh, so sánh lực lượng giữa ta – địch không có chênh lệch, có hướng ta còn kém địch. Các đơn vị của Quân đoàn lại chiến đấu liên tục, dài ngày, chưa được bổ sung quân số, vũ khí, thời gian chuẩn bị cho chiến dịch ngắn nhưng lại đánh tiêu diệt địch phòng ngự trong công sự vững chắc nên gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, thực tế diễn biến chiến dịch đã thể hiện việc chọn hướng và cách đánh chiến dịch chưa phù hợp: hướng tây nam, địa hình thuận lợi, địch có nhiều sơ hở nhưng ta không có lực lượng tiến công. Hướng đông và đông bắc là khu vực phòng ngự mạnh nhất của địch do Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp ngự đóng giữ, ta lại tập trung lực lượng và binh khí kỹ thuật đột phá, là hướng tiến công chủ yếu. Do đó ta phải gặp khó khăn nhiều, tuy rằng hướng tiến công chủ yếu này có chính diện rộng, phát huy được binh khí kỹ thuật, nhanh chóng đánh chiếm được sở chỉ huy Sư đoàn 18 nếu ta gặp thuận lợi.

Một điểm nữa cũng được đặt ra: hướng tiến công chủ yếu – hướng đông (Sư đoàn 7) gặp khó khăn, không phát triển được, trong khi đó tại hướng bắc – hướng thứ yếu của Sư đoàn 341 đã mở được cửa mở, đưa được lực lượng vào thị xã, đánh chiếm được một số mục tiêu... ta đã không linh hoạt kịp thời và kiên quyết thay đổi hướng tiến công, điều chỉnh lực lượng chuyển hướng tiến công chủ yếu sang hướng bắc – hướng của Sư đoàn 341. Nếu ta chuyển hướng kịp thời chắc chắn rằng diễn biến chiến đấu sẽ thuận lợi cho ta rất nhiều.

Trận tiến công phòng tuyến Xuân Lộc của Quân đoàn 4 gặp khó khăn. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Chiến dịch cử đồng chí Trần Văn Trà, Phó tư lệnh Chiến dịch xuống mặt trận Xuân Lộc để chỉ đạo, cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn nghiên cứu diễn biến trận đánh, quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh:

Dùng Sư đoàn 6 (Quân khu 7) tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngự ở Dầu Giây và Núi Thị, tạo thành điểm cao không chế ở đây, giải phóng một khu vực rộng, chốt giữ cho được ngã ba Dầu Giây, kiên quyết ngăn chặn, diệt địch từ hướng Trảng Bom theo Quốc lộ 1 ra phản kích, cô lập Xuân Lộc từ hướng tây.

Sử dụng lực lượng mạnh của Quân đoàn 4 kìm chặt và diệt từng bộ phận quân địch ở Xuân Lộc – chủ yếu là hướng giữa Xuân Lộc và ngã ba Dầu Giây để

hỗ trợ cho chốt Dầu Giây. Tổ chức lực lượng chặn đánh Lữ đoàn dù số 1 ở Tân Phong không cho chúng vượt qua cầu Gia Liêu để hợp điểm với Chiến đoàn 43 ở thị xã.

Bố trí một lực lượng phục kích trên đường số 2, sẵn sàng khóa đường, diệt địch rút chạy theo đường này về Bà Rịa.

Bố trí hợp lý lực lượng phòng không, pháo binh ở Hiếu Liêm, cùng với Đoàn 113 phải không chế có hiệu lực sân bay Biên Hòa.

Như vậy, với quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh, ta đã xác định rõ là đối với toàn tuyến phòng thủ Sài Gòn của địch, Xuân Lộc chỉ có giá trị khi nối liền với Biên Hòa. Đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa là ta đã lập một thế trận mới, cô lập Xuân Lộc, cắt đường tiếp tế chi viện của địch, làm quân địch hoang mang dao động, nhiệm vụ giải phóng Xuân Lộc sẽ chắc chắn và nhanh hơn, giảm thiệt hại hơn.

Thực tế chiến đấu và kết quả sau khi thực hiện quyết tâm mới, từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đã tiêu diệt Chiến đoàn 52 nguy ở khu vực ngã ba Dầu Giây, thu 12 khẩu pháo và toàn bộ xe tăng của địch tại sở chỉ huy đã chiến của Chiến đoàn 52 tại căn cứ Nguyễn Thái Học. Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc tới Bàu Cá bị cắt. Ta làm chủ đoạn đường còn lại trên Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây. Đồng thời tổ chức xây dựng trận địa chốt chặn, đánh địch phản kích ở khu vực Hưng Nghĩa và cao điểm 122, ngăn chặn có hiệu quả lực lượng cứu viện của địch, diệt gọn 1 tiểu đoàn địch, bắt hơn 100 tên, đẩy lùi địch xuống khu vực Bàu Cá.

Ở khu vực Xuân Lộc, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 liên tục tiến công quân địch theo kế hoạch, đánh thiệt hại nặng 2 chiến đoàn còn lại (Chiến đoàn 43 và Chiến đoàn 48) và tiêu diệt một bộ phận lực lượng lữ đoàn dù của địch. Bộ đội địa phương và du kích Xuân Lộc đã tiến công, bức rút và làm chủ nhiều đồn bót địch trên các trục đường giao thông và vùng ven thị xã.

Ngày 18 tháng 4, trước nguy cơ bị tiêu diệt, Quân đoàn 3 nguy dùng trực thăng vớt và bốc một số lực lượng của Sư đoàn 18 và lữ đoàn dù từ Xuân Lộc về Biên Hòa, Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới. Đêm 20 rạng 21 tháng 4 năm 1975, tàn quân địch còn lại ở Xuân Lộc bí mật tháo chạy theo đường số 2 về Bà Rịa. Do ta tổ chức khóa đường số 2 không chặt nên không diệt được nhiều địch, phần lớn địch chạy thoát.

Thị xã Long Khánh và một vùng rộng lớn trên Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1 được giải phóng, ta đã mở toang cửa ngõ tiến về Sài Gòn từ hướng đông, tạo điều kiện thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực cơ động của ta trên hướng này nhanh chóng tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch, giải phóng Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước oanh liệt của dân tộc ta.

Chiến dịch Xuân Lộc diễn ra trong thời gian 13 ngày đêm đã toàn thắng. Cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn và lực lượng vũ trang địa phương đã dũng cảm chiến đấu, chịu đựng mọi gian khổ, ác liệt, hy sinh để giành thắng lợi. Trận Xuân Lộc, ta

đã tiêu diệt 2.056 tên, bắt 2.785 tên (kể cả số trình diện). Diệt và đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe bọc thép, một số đơn vị pháo binh, biệt động, quân dù của địch. Thu 48 ô tô, 1.499 súng các loại (có 14 pháo 105 và 155 mm), trên 10.000 viên đạn các loại, phá hủy 16 ô tô, 42 xe tăng, xe bọc thép. Chỉ tính riêng Quân đoàn 4 có 460 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 1.530 đồng chí bị thương.

Chiến dịch Xuân Lộc giành thắng lợi nhưng đã để lại cho Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương nhiều bài học quý báu về công tác chính trị trong chiến đấu, về tác chiến của binh đoàn chủ lực tại chỗ kết hợp với chiến tranh nhân dân địa phương, về nghệ thuật chiến dịch tiến công hợp đồng binh chủng... Nhưng một bài học cụ thể, trực tiếp nhất, sâu sắc nhất quyết định đến thắng lợi của chiến dịch là, trong quá trình chiến đấu gay go, ác liệt, ta gặp nhiều khó khăn nhưng Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng điểm mạnh, yếu của ta và của địch, kịp thời chuyển hướng tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh từ tập trung lực lượng lớn đánh vào một khu vực lực lượng đông và mạnh của địch sang đánh bao vây và diệt quân viện ở bên ngoài. Đó là một quyết định đúng, kịp thời để các đơn vị tham gia Chiến dịch nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ, tiêu diệt và tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng Xuân Lộc, tạo bàn đạp và thế tiến công thuận lợi trên một hướng quan trọng trong Chiến dịch tiến công giải phóng thành phố Sài Gòn – Gia Định.

N.T.T

MÁY VẤN ĐỀ

RÚT RA TỪ CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Trung tướng VŨ CAO*

Long Khánh, địa đầu lãnh thổ Quân khu 3 ngụy cách Sài Gòn 80 km, một căn cứ cố thủ trên tuyến phòng thủ đông bắc Sài Gòn. Địa hình ở đây so với Nam bộ rất đặc biệt – có lợi cho lực lượng phòng thủ: gần trung tâm thị xã Long Khánh cao, có những cụm cao điểm đột xuất lớn như núi Chứa Chan, đèo Mẹ Bông Con, Núi Thị; các căn cứ đóng quân của Chiến đoàn 43, 48, 52 của Sư đoàn 18 ngụy đều có công sự kiên cố và 2 cụm pháo binh tầm xa trực tiếp chi viện (cụm pháo Núi Thị và Tân Phong). Xuân Lộc là tuyến phòng thủ kiên cố nhất để ngăn chặn ta tiến theo hướng Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 để tiến công về Biên Hòa – Sài Gòn. Nguyễn Văn Thiệu và các tướng ngụy hò nhau: “*Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”. Từ nhận định như vậy quân ngụy đã tập trung một lực lượng lớn cho Xuân Lộc, gồm toàn bộ Sư đoàn 18, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân, hàng ngàn cảnh sát, phòng vệ dân sự; 2 tiểu đoàn pháo binh, 181 + 182 lúc cao nhất lên đến 9 chiến đoàn bộ binh, lính dù, lính thủy đánh bộ; 3 sư đoàn không quân trực tiếp chi viện (Tân Sơn Nhất – Biên Hòa – Cần Thơ), tướng Uýen – Tổng tham mưu trưởng lực lượng Mỹ tích cực đôn đốc phòng thủ...

Ngày 2 tháng 4 năm 1975, Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 triển khai lực lượng trên 2 hướng đông và tây nam Sài Gòn. Sư đoàn 9 tạm cắt khỏi Quân đoàn hoạt động trên hướng tây nam. Trên hướng đông, Quân đoàn được phối thuộc Sư đoàn 6 (Quân khu 7). Lúc này Sư đoàn 7 đang hoạt động trên hướng Bảo Lộc, Tuy Đức, được lệnh cơ động về chuẩn bị đánh Xuân Lộc. Sư đoàn 341, Trung đoàn 273 đang phối hợp với Sư đoàn 9 chiến đấu trên Quốc lộ 13 Chơn Thành; Trung đoàn 270 hoạt động chặn địch ở Túc Trưng, Gia Kiệm trên Quốc lộ 20, Trung đoàn 266 đang hành quân vào sau cùng, đứng chân ở tây bắc thị xã Long Khánh.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 quán triệt nhiệm vụ trên và bàn phương án đánh Xuân Lộc. Đảng ủy – Bộ Tư lệnh nhận định: 1. Đây là khu vực phòng thủ mạnh của địch ở cửa ngõ Sài Gòn. – Lực lượng tham chiến của ta ít hơn địch, đặc biệt là binh chủng. 2. Đặc điểm địa hình đánh các mục tiêu trong thị xã, ta bị hạn chế pháo bắn thẳng chi viện cho bộ binh. 3. Kinh nghiệm của Quân đoàn (các trận Sông, Chúp, Snoul, An Lộc (1971-1972), đối với điểm phòng thủ mạnh như Xuân Lộc phải lấy “*diệt địch bên ngoài là chính*”, tạo thế bao vây cô lập, khi có thời cơ sẽ tiến công cứ điểm. Từ đó đề ra phương châm: “*Đánh chắc, tiến chắc*”, nhưng trước tình hình địch đang hoang mang dao động cần phải “*khẩn trương, táo bạo*”. Nhiệm vụ các đơn vị được giao như sau: Sư đoàn

(*) Nguyên Sư đoàn phó Sư đoàn 341.

bộ binh 7 tiến công trên hướng chủ yếu, từ phía đông đánh chiếm căn cứ Sư đoàn 18. Sư đoàn 341 đảm nhiệm hướng thứ yếu từ phía bắc đánh xuống chiếm tiểu khu Long Khánh và các mục tiêu trong thị xã.

5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn hạ lệnh nổ súng tiến công Xuân Lộc; từ 5 giờ đến 10 giờ, được hỏa lực và xe tăng chi viện, các hướng phát triển thuận lợi.

Trên hướng Sư đoàn 7, Trung đoàn 165 mở cửa đột phá gặp khó khăn, còn cách cổng căn cứ Sư đoàn 18 khoảng 200m và bị bắn hỏng 3 chiếc xe tăng. Trên hướng Sư đoàn 341, Trung đoàn 266 sau hỏa lực chuẩn bị, được hỏa lực đi cùng chi viện, các mũi phát triển thuận lợi: 7 giờ 30 phút đánh chiếm khu thông tin, khu cổ vấn Mỹ, khu cảnh sát, phát triển đến dinh tỉnh trưởng thì bị lực lượng địch ra phản kích phải dừng lại ở bên ngoài sở chỉ huy tiểu khu Long Khánh. Sau khi nắm tình hình, đến 9 giờ, ta tổ chức tấn công tiếp. 9 giờ 30 chiếm khu tỉnh trưởng. Ở vòng ngoài, Trung đoàn 270 Sư đoàn 341, Trung đoàn 209 Sư đoàn 7 phát triển thuận lợi đánh bại 2 tiểu đoàn, diệt 7 xe tăng của Chiến đoàn 43 và 48 từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện. Ta giải phóng ấp Bảo Toàn trên Quốc lộ 1. Ở khu ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn bộ binh 6 tiêu diệt 5 chốt địch trên Quốc lộ 1, từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, thu 2 khẩu pháo 105, buộc Chiến đoàn 52 nguy phải bỏ Túc Trưng kéo về giữ ngã ba Dầu Giây. Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 bỏ sở chỉ huy chạy về ngã ba Tân Phong; Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng Long Khánh bỏ chạy ra Núi Thị.

Ngày 10 tháng 4 năm 1975, trên hướng Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 chuyển hướng đột phá từ hướng đông bắc xuống, đưa lực lượng dự bị sư đoàn là Trung đoàn 141 và tăng cường tiểu đoàn cao xạ hỗn hợp 37 mm và 57 mm, cùng với lực lượng của Trung đoàn 165 tấn công căn cứ Sư đoàn 18 nguy. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Trên hướng Trung đoàn 141, Chiến đoàn 48 và Trung đoàn 5 thiết giáp phản kích quyết liệt, Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 141 không mở được cửa đột phá. Tiểu đoàn 1 của Trung đoàn bước vào chiến đấu đánh chiếm được ngã tư ở đông nam hậu cứ Chiến đoàn 52. Trung đoàn 165 chiếm được khu gia binh và tiến đến gần sân bay; Trung đoàn 209 tiến công vào thị xã từ hướng nam, đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn 43, thì bị lực lượng phòng thủ của địch chặn lại ở nam sân bay. Trên hướng Sư đoàn 341, Sư đoàn cũng đưa Trung đoàn 270 vào thị xã chiến đấu giữ các khu vực đã chiếm. Sáng sớm 10 tháng 4, 2 tiểu đoàn bộ binh của Chiến đoàn 48 và Chiến đoàn xe tăng 181 được không quân chi viện đã tiến hành phản kích, nhưng đã bị ta đánh lui. Trung đoàn 266 vẫn giữ được vị trí đã chiếm. Ngày 10 tháng 4, Trung đoàn 266 mở 4 đợt tấn công vào sân bay đều bị đánh bật trở lại. Cuối ngày 10 tháng 4, cục diện trận đánh giữa ta và địch vẫn ở thế giằng co.

Ngày 11 tháng 4, chiến sự Xuân Lộc liên tục diễn ra cả ngày và đêm giằng co, ác liệt cả trong và ngoài thị xã Long Khánh, các hãng tin phương Tây liên tiếp đưa tin về các trận đánh ác liệt ở Xuân Lộc, cửa ngõ Sài Gòn – Gia Định. Nguyễn Văn Thiệu cùng cố vấn Mỹ tăng cường lực lượng để lấy lại các điểm đã bị ta chiếm và quyết giữ Xuân Lộc.

Qua 3 ngày chiến đấu gay go, quyết liệt, giằng co, địch bị ta đánh tiêu hao,

tiêu diệt và ta cũng thương vong lớn: Sư đoàn 7 thương vong hơn 340 cán bộ, chiến sĩ. Sư đoàn 341 thương vong 1.200 cán bộ, chiến sĩ, 9 xe tăng bị bắn cháy, 6 chiếc bị hỏng (15 chiếc), pháo 85 mm và pháo 57 mm hư hỏng hết vì bom và pháo địch...

Trong tình huống không thuận, tiếp tục trụ tại thị xã đánh giằng co với địch và tấn công tiếp vào những căn cứ địch đã chuẩn bị kiên cố sẽ không có lợi và gây thương vong cao... Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã đến Sở Chỉ huy Quân đoàn 4, cùng Bộ Chỉ huy Chiến dịch Xuân Lộc nghiên cứu diễn biến trận đánh, trao đổi và quyết định:

Toàn cục, địch đang hoang mang dao động về chiến lược.

Xuân Lộc là cửa ngõ của Biên Hòa, Gia Định – Sài Gòn, Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa.

Tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh.

Lập thế trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa.

Đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1 chặn và tiêu diệt lực lượng chi viện tiếp tế từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích, tiếp tế.

Đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa.

Giữ vững bàn đạp bao vây căn cứ các chiến đoàn 43, 52 làm áp lực với địch.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo trên, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã:

Lệnh cho Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 giữ vững các bàn đạp, củng cố công sự, nắm chắc địch, hỏa lực của sư đoàn chi viện cho bàn đạp tiêu diệt các lực lượng địch đến tiến công. Sử dụng hỏa lực tiêu diệt quân địch tăng viện đến Xuân Lộc.

Dùng pháo tầm xa (130 mm) tiến công sân bay Biên Hòa, tiêu diệt máy bay chiến đấu và thường xuyên khống chế sân bay địch.

Ngày 15 tháng 4, nắm thời cơ Chiến đoàn 52 nguy từ Túc Trưng rút về ngã ba Dầu Giây lập trận địa ngăn chặn mới, đứng chân chưa vững, công sự sơ sài, hiệp đồng trước sau chưa chặt chẽ, đêm 15 tháng 4, Sư đoàn bộ binh 6 của Quân khu 7 và Trung đoàn 95B tấn công tiêu diệt Chiến đoàn 52 ở khu vực Dầu Giây, thu 12 khẩu pháo, toàn bộ xe tăng của Chi đoàn 3 thiết giáp...

Ta chiếm Dầu Giây, đoạn Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc tới Bàu Cá, Biên Hòa bị cắt đứt; đoạn từ Túc Trưng đến Dầu Giây do ta hoàn toàn làm chủ; Xuân Lộc hoàn toàn bị cô lập.

Diễn biến tình hình ở khu vực Xuân Lộc, Long Khánh và thế chiến lược chung trên các hướng chiến trường đang khép vòng vây quanh Sài Gòn – Gia Định và các quân khu của nguy. Đêm 20 rạng sáng 21 tháng 4 năm 1975, lực lượng còn lại ở Xuân Lộc – Long Khánh tháo chạy qua Đồn điền Ông Quế về hướng lộ 2 đi Bà Rịa, bỏ lại toàn bộ xe, pháo, đạn dược, quân dụng...

Được tin, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 ra lệnh cho các đơn vị truy kích diệt địch; Sư đoàn 341 truy kích chiếm Núi Thị, và lực lượng địch trong thị xã, truy kích địch đến Đồn điền Cao su Ông Quế. Sư đoàn 6 chặn địch ở phía tây Đồn điền Cao su Ông Quế. Sư đoàn 7 đánh chiếm nam Tân Phong và truy kích địch trên đường số

2. Các điểm chặn của ta chưa tốt và lợi dụng trời mưa to, đêm tối, địch luồn lách theo đường cao su, chạy về Bình Sơn, Long Thành. Ta kịp vây được bộ phận chạy sau, bắt hơn 157 tên trong đó có tên Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng Long Khánh... Ngày 21 tháng 4 năm 1975, thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng.

Sau hơn 10 ngày chiến đấu, Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang Quân khu 7 và địa phương tiêu diệt, đập tan một trong những khu vực phòng thủ mạnh nhất trên tuyến phòng thủ Gia Định – Sài Gòn của địch, tiêu hao và tiêu diệt một lực lượng lớn, gồm những đơn vị mạnh nhất của quân ngụy (Sư đoàn 18, Lữ đoàn 5, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Lữ đoàn dù, diệt 2.056 tên, bắt 2.785 tên, thu 48 ô tô; 1.493 súng có 14 pháo, phá hủy 42 xe tăng, xe bọc thép...). Ta, hy sinh 460 cán bộ chiến sĩ, 1.530 đồng chí bị thương.

MẤY BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. *Nắm thời cơ – phát triển thời cơ*: đánh Xuân Lộc là đúng, nhưng thời cơ đánh Xuân Lộc là chưa đúng. Xuân Lộc là cửa tử của Sài Gòn, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn. Xét chung lực lượng của địch còn mạnh – Quân khu 3 ngụy còn nguyên, lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động còn mạnh, được 3 trung đoàn không quân ở Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và trung đoàn không quân Cần Thơ chi viện. Sự chi viện của Quân khu 3 ngụy và lực lượng dự bị chiến lược của tổng hành dinh (cả không quân) cho Xuân Lộc rất kịp thời, với cự ly trên dưới 80 km. Quân khu 3 ngụy chi viện cho Xuân Lộc ở cự ly chiến dịch khoảng 50 km.

Về thể chiến lược và thời cơ chiến lược chung toàn chiến trường lớn nhưng với Xuân Lộc chưa đúng, nên không lợi dụng được thời cơ chung và phát triển thời cơ.

Về cách đánh cũng không phù hợp với thời cơ chiến lược đã tạo ra cho chiến dịch và chiến thuật; tạo thời cơ, trước hết là kéo địch ra ngoài công sự để tiến công tiêu diệt địch. So sánh lực lượng ta – địch ở Xuân Lộc cho thấy, ta cũng không hơn địch, nhưng ta lại đánh “*thành*” và đánh địch ở công sự vững chắc, bằng kinh nghiệm truyền thống của ta, phổ biến là dùng chiến thuật “*vây điểm*” hay “*diệt điểm*” để đánh viện. Theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định chuyển cách đánh, vây Long Khánh, tiến công ngã ba Dầu Giây, dùng hỏa lực chia cắt địch giữa phía trước với hậu cứ, đẩy địch rơi vào tình trạng bị bao vây cô lập. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, Sư đoàn 18 và lực lượng địch ở Long Khánh buộc phải phá vây tháo chạy.

2. *Chuẩn bị chu đáo để đánh thắng*: đó là bài học mà quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta từ đánh Pháp đến đánh Mỹ đã trở thành bài học xương máu, nhưng đến giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh ta vẫn mắc phải. Tiến công vào khu vực phòng thủ mạnh nhất trên tuyến phòng thủ Sài Gòn – Gia Định, sào huyệt cuối cùng của kẻ thù xâm lược và tay sai; với lực lượng bộ binh và binh chủng mạnh gồm Sư đoàn 18 cộng 8 chiến đoàn, bằng 50% lực lượng bộ binh còn lại, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng thiết giáp của Quân khu 3; 80 đến 125 lần chiếc máy bay/ngày sẵn sàng chi viện cho tuyến phòng thủ Xuân Lộc. Trước một đối thủ tổ chức phòng thủ, thành cụm cứ điểm lớn, như vậy nhất thiết ta

phải chuẩn bị chu đáo.

Về phía ta, công tác chuẩn bị chưa chu đáo. Quyết định tiến công một tuyến phòng thủ mạnh của địch mà chỉ được 5 ngày chuẩn bị; trinh sát nghiên cứu địa hình mới ở cấp trung đoàn, sư đoàn, trên hướng chủ yếu đến cấp tiểu đoàn; Sư đoàn 341 mới ở Quảng Trị vào, quân số chưa kịp bổ sung, cán bộ chưa quen chiến trường. Ta tổ chức nắm địch chưa chắc; mới nắm địch qua cơ sở báo cáo lại. Tổ chức hiệp đồng giữa các hướng của Quân đoàn mới trên bản đồ, nên khi chiến đấu xác định mục tiêu hiệp đồng không chính xác, các phân đội chưa được tổ chức hiệp đồng. Các đơn vị Sư đoàn 7 liên tục chiến đấu, quân số vật chất chưa được bổ sung. Đánh địch ở trong công sự vững chắc, trong thị xã, nếu so sánh lực lượng trong trận này ta ít hơn địch cả về bộ binh, pháo binh, xe tăng, thiết giáp (Về ta, bộ binh có 2 sư đoàn thiếu, xe tăng 9 chiếc; pháo 130 mm 4 khẩu, 105 – 122 – 85 mm có 18 khẩu). Trong khi đó, lực lượng địch có 8 chiến đoàn và 1 sư đoàn, 42 xe tăng thiết giáp; 24 pháo 105 cộng 8 khẩu pháo 155 mm)

Tóm lại, công tác chuẩn bị trong chiến dịch này chưa tốt, có cả sự nôn nóng; nếu chuẩn bị kỹ hơn, tận dụng được lợi thế của sự kết hợp với sự phát triển tiến công địch trên các hướng chiến dịch, chiến lược của toàn chiến trường thì có lẽ thắng lợi giành được ở Xuân Lộc bớt đổ máu xương hơn.

3. Chọn hướng tiến công chủ yếu, đột phá chính xác, quyết định thắng lợi:

Theo kinh nghiệm chiến đấu của quân đội ta, hướng đột phá chủ yếu, thường chọn nơi địch tương đối yếu, gần nơi hiểm yếu, đồng thời là nơi có điều kiện để triển khai binh hỏa lực, nhất là các hỏa lực bắn thẳng để diệt các hỏa điểm, lô cốt và kiềm chế các loại hỏa lực của địch. Thế nhưng, khi mở cửa xung phong, cho đến chọn hướng chủ yếu, thường gặp mâu thuẫn nhau, vì nơi ta tiện triển khai binh lực, hỏa lực lại thường là nơi địch mạnh. Vì vậy, khi chọn hướng chủ yếu cần cân nhắc kỹ, khắc phục những bất lợi của địa hình để triển khai được lực lượng tiến công vào hướng địch phòng ngự chủ yếu, nơi địch ít đề phòng, dễ tạo được bất ngờ lớn buộc địch phải đối phó lúng túng.

Tiến công địch phòng ngự trong công sự vững chắc ở địa hình thị xã muốn giành thắng lợi, phải tổ chức tiến công địch trên nhiều hướng, nhiều mũi đột kích, trên từng hướng phải tăng cường hỏa lực ngắm bắn trực tiếp.

Trận Xuân Lộc, việc chọn hướng đột phá lại vào nơi địch rất mạnh, nơi địch tổ chức phòng ngự chủ yếu ngăn chặn trên hai trục đường Quốc lộ 1 và đường sắt để tiến công vào Chiến đoàn 43, Lữ đoàn dù số 1, sở chỉ huy Sư đoàn 18, Chiến đoàn 48... Sư đoàn 7 tiến công trên hướng phải mở tới 9 lớp hàng rào dây thép gai cộng hỏa lực mạnh của địch ở căn cứ Chiến đoàn 43, Lữ đoàn dù, lực lượng phản kích của Chiến đoàn 48 từ phía nam lên, đánh vào hướng tiến công chủ yếu của ta, 6 trên 9 chiếc xe tăng bị bắn hỏng, thương vong lớn. Mũi tiến công của ta trên hướng chủ yếu lại trên địa hình bất lợi, phải đánh từ thấp lên cao, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của xe tăng và bộ binh, hạn chế hiệu quả của các loại hỏa lực. Tổ chức lực lượng tiến công trên hai hướng đông và đông nam, hướng tây địch sơ hở lại không tổ chức mũi tiến công phối hợp, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó, tạo điều kiện cho hướng chủ yếu phát triển. Sau ngày 9 tháng 4 năm 1975, ta

tiến công không thành. Ngày 10 tháng 4, tiếp tục tiến công bằng cách chuyển hướng tiến công về hướng tây, buộc địch phải lúng túng chuyển hướng đối phó, tạo điều kiện cho hướng đông, đông nam phát triển tiến công tiêu diệt địch ở căn cứ Chiến đoàn 43, 48, sở chỉ huy Sư đoàn 18 và Lữ đoàn dù 1, có khả năng làm thay đổi cục diện trận đánh.

V.C

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (4-1975)

TỪ LỜI DẠY CỦA BÁC HỒ

ThS. PHAN VĂN HOÀNG*

Vào cuối tháng 3 năm 1975, sau nửa tháng tiến công, quân và dân ta giành nhiều thắng lợi giòn giã, giải phóng phần lớn Quân khu 1 và Quân khu 2 nguy.

Không phải ngẫu nhiên mà trong cùng một ngày 25 tháng 3 năm 1975, ở hai nơi cách xa nhau đến nửa vòng trái đất, lại có hai cuộc họp hết sức quan trọng giữa một bên là Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam¹, còn bên kia là Nhà Trắng Mỹ.

Tại Oasinhton, Tổng thống Giêrôn Pho triệu tập cố vấn Henri Kitsinhgio, tướng Uâyen (Tham mưu trưởng lục quân Mỹ), G. Martin (đại sứ Mỹ tại Sài Gòn) đến để bàn chuyện đối phó với nguy cơ sụp đổ của chế độ Nguyễn Văn Thiệu. Pho quyết định cử Uâyen sang Sài Gòn giúp Thiệu tìm cách cố thủ phần đất còn lại.

Ngày 28 tháng 3 năm 1975, viên tướng bốn sao này đặt chân xuống sân bay Tân Sơn Nhất, nơi mà hai năm trước (29 tháng 3 năm 1973), với tư cách là Tư lệnh cuối cùng của đạo quân viễn chinh Mỹ tại miền Nam Việt Nam, ông ta làm lễ cuốn cờ Mỹ trước khi lên máy bay về nước theo điều khoản của Hiệp định Pari. Sau khi nghe đám các tướng nguy báo cáo tình hình quân sự ở miền Nam, Uâyen đề ra kế hoạch lập các “*tuyến phòng ngự từ xa*” để bảo vệ Sài Gòn – hang ổ của nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu: cấm Sư đoàn 22 ở Long An để giữ hướng tây nam, các Sư đoàn 5 và 25 ở các căn cứ Lai Khê (Bình Dương) và Đồng Dù (Củ Chi) để bảo vệ hướng bắc và tây bắc, riêng hướng đông bắc phải lập ba chốt Phan Rang, Xuân Lộc và Biên Hòa nhằm chặn đứng đà tiến công của đối phương trên Quốc lộ 1 dẫn vào Sài Gòn. Theo tính toán của viên tướng Mỹ, các “*tuyến phòng ngự từ xa*” này có thể cầm chân các binh đoàn chủ lực của đối phương càng lâu càng tốt cho đến khi mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 dương lịch, lúc đó thời tiết sẽ gây khó khăn cho đối phương mở các trận đánh lớn. Điều đó còn giải tỏa được tâm lý thất bại đang lan rộng trong nguy quân, nguy quyền, tạo “*niềm tin*” để các nghị sĩ Quốc hội Mỹ rót thêm viện trợ cho chế độ Thiệu, giúp Mỹ có thời gian tìm cách thương lượng một giải pháp chính trị nhằm tránh một thất bại hoàn toàn.

Uâyen đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của phòng tuyến Xuân Lộc: “*Phải bằng mọi giá cố thủ Xuân Lộc, vì mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”². Do đó, Mỹ – Thiệu bố trí ở đây một lực lượng mạnh gồm Sư đoàn 18 bộ binh, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội dân vệ, 1 tiểu đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thiết giáp và 42 khẩu pháo (trong đó có 2 pháo 175 mm có tầm bắn trên 20 cây số)³. Từ căn cứ

(*) Khoa lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV họp tại Hà Nội quyết định đổi tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

(2) Thượng tướng Trần Văn Trà, *Gửi người đang sống*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1996, tr.191.

(3) Thượng tướng Hoàng Cầm: *Chặng đường mười nghìn ngày* - Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.453.

không quân Biên Hòa, máy bay các loại sẵn sàng chi viện cho Xuân Lộc bất cứ lúc nào. Đẩy lên dây cót tinh thần cho quân nguy, Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 kiêm chỉ huy mặt trận Xuân Lộc, tuyên bố: *“Việt cộng muốn chiếm Xuân Lộc phải bước qua xác của tôi”*.

Trong cuộc họp ngày 25 tháng 3 tại Hà Nội, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trước khi mùa mưa bắt đầu bằng một cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn. Trong bức điện gửi Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ: *“Hướng phía đông (...) trước hết là diệt Sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát sân bay Biên Hòa càng sớm càng tốt”*¹.

Chấp hành chỉ thị nói trên, ngày 31 tháng 3, Thượng tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, xuống ngay Sở Chỉ huy Chiến dịch đóng ở Vĩnh An bên bờ sông Đồng Nai. Ngày 2 tháng 4, Thượng tướng Trần Văn Trà chính thức giao nhiệm vụ giải phóng Xuân Lộc cho Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 (Sư đoàn 1) của Miền và Sư đoàn 6 của Quân khu 7, cả ba sư đoàn đặt dưới sự chỉ huy của Bộ Chỉ huy Chiến dịch.

GIẢNG COÁC LIỆT

Rạng sáng ngày 9 tháng 4, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công Xuân Lộc. Thượng tướng Hoàng Cầm thuật lại:

5 giờ 40 phút, sau khi các trận địa pháo Quân đoàn đồng loạt bắn chế áp các mục tiêu địch kéo dài trong một tiếng đồng hồ, các hướng, các mũi bộ binh tiến công vào các mục tiêu được giao.

Từ phía đông, Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) có 8 xe tăng dẫn đầu, tiến công vào hướng chủ yếu, còn cách căn cứ sư đoàn 18 (ngụy) khoảng 200 mét thì bị địch chống trả, ba trong số tám xe tăng bị hỏng, nên chỉ chiếm được một phần hậu cứ của chiến đoàn 52 (sư đoàn 18).

Nhưng trên hướng thứ yếu, từ phía bắc, Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) đã đánh vào thị xã, nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm khu trung tâm thông tin, khu cảnh sát, khu cố vấn Mỹ. Bị địch phản kích, ta phải dừng lại bên ngoài sở chỉ huy tiểu khu².

Ngày 10 tháng 4, Sư đoàn 7 đã đưa lực lượng dự bị (Trung đoàn 141) và một tiểu đoàn cao xạ 37 mm, một tiểu đoàn 57 mm vào chiến đấu, liên tiếp đột phá từ hướng bắc xuống, phối hợp cùng Trung đoàn 165 từ hướng đông đánh vào căn cứ sư đoàn 18 (ngụy), nhưng đều bị phản kích quyết liệt, kể cả các khu vực thị xã, những mục tiêu Sư đoàn 341 đã chiếm ngày 9 tháng 4³.

Sợ *“mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”*, địch chống trả ác liệt. Máy bay địch ném bom, kể cả loại bom có độ sát thương cao CBU-55 xuống đội hình quân ta và

⁽¹⁾ Thượng tướng Trần Văn Trà: *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* - Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 1982, tr. 236.

⁽²⁾ Thượng tướng Hoàng Cầm, sdd, tr.450

⁽³⁾ Thượng tướng Hoàng Cầm, sdd, tr.451.

những mục tiêu của chúng bị ta chiếm. Mỹ – Thiệu vội vã tăng viện cho Xuân Lộc 1 trung đoàn bộ binh (Trung đoàn 8 Sư đoàn 5), 1 lữ đoàn dù, 1 liên đoàn biệt động quân, 3 trung đoàn thiết giáp, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến¹. “*Như vậy là chúng đã tập trung sử dụng vào đây đến 50% chủ lực, cỡ 60% pháo, gần hết tăng thiết giáp của Quân đoàn 3 và tương đương 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị dù và thủy quân lục chiến*”².

Tồn thất của ta sau ba ngày đầu chiến đấu khá cao: 641 cán bộ và chiến sĩ thương vong, 6 xe tăng (trong số 9 chiếc đưa vào chiến đấu) bị bắn cháy và hỏng, hầu hết pháo 85 mm và 57 mm bị hỏng³.

LÀM THEO LỜI BÁC

Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định, sau lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh (thành lập ngày 8 tháng 4 năm 1975) theo dõi tình hình giằng co ác liệt ở Xuân Lộc với mối quan tâm sâu sắc, đã cử Thượng tướng Trần Văn Trà (Phó tư lệnh Chiến dịch) xuống Sở Chỉ huy Chiến dịch (ngày 13 tháng 4) để cùng các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Chiến dịch tìm cách giải quyết.

Mọi người ôn lại lời dạy của Bác Hồ 31 năm trước: “*Phải hiểu rõ tình hình quân thù. Chỗ quân thù mạnh, mình không đại gì tiến đánh; chỉ nhằm chỗ yếu của nó mà đánh. Lúc nhằm đánh vào chỗ nào, mình phải lừa quân thù không chú ý phòng bị chỗ ấy mà lại phòng bị chỗ khác*”⁴. Nhớ lại Chiến dịch Biên giới hồi thu – đông 1950, chúng ta làm theo lời Bác dạy, không đánh vào Cao Bằng (vì nơi ấy quân địch khá mạnh) mà chọn đánh Đông Khê (là nơi địch yếu hơn), làm rung chuyển cả đường số 4.

Mấy ngày qua, ta đánh Xuân Lộc là nơi Mỹ – Thiệu tập trung một lực lượng lớn, “*có thể nói là quân nguy đã dùng đến mọi thứ có thể có, mọi sức mạnh có thể tập hợp được để cố giữ cho được Xuân Lộc*”⁵, do đó, nếu cứ tiếp tục đánh vào đó thì sẽ bất lợi. Phải tìm chỗ yếu, chỗ địch không chú ý phòng bị mà đánh: đó là ngã ba Dầu Giây (nằm giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, nơi Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 gặp nhau), ở đó địch chỉ có một trung đoàn bộ binh và một chi đoàn thiết giáp. Trong lúc địch tập trung lực lượng lo cố thủ Xuân Lộc, ta bắt ngờ tiến công Dầu Giây và chốt giữ ngã ba quan trọng này thì chắc chắn địch phải rút khỏi Xuân Lộc, như 25 năm trước quân Pháp phải bỏ Cao Bằng mà chạy.

Buổi họp nhanh chóng đi đến quyết định:

1. Giải phóng và chốt giữ ngã ba Dầu Giây.
2. Chặn và diệt quân địch phản kích hòng chiếm lại Dầu Giây.

(1) Thượng tướng Hoàng Cầm, sđd, tr.454

(2) Thượng tướng Trần Văn Trà, sđd, tr.253.

(3) Thượng tướng Hoàng Cầm, sđd, tr.452.

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập III, tr. 474.

(5) Thượng tướng Trần Văn Trà, sđd, tr.253.

3. Bố trí hỏa lực phòng không để tiêu diệt máy bay địch.
4. Phục kích trên đường số 2, sẵn sàng diệt địch rút chạy từ Xuân Lộc về Bà Rịa.
5. Dùng pháo binh khống chế sân bay Biên Hòa.

Đêm 13 rạng 14 tháng 4, Sư đoàn 6 (của Quân khu 7) được tăng cường Trung đoàn 95B nòng súng tiến công vào Chiến đoàn 52 (thuộc Sư đoàn 18) và một chi đoàn thiết giáp nguy, giải phóng ngã ba Dầu Giây. Ngày hôm sau, quân ta chiếm Núi Thị và đoạn cuối Quốc lộ 20 (từ Dầu Giây lên Túc Trưng). Sau đó, quân ta chặn đứng các đợt phản kích của địch từ Trảng Bom (phía tây Dầu Giây) đánh ra và từ Xuân Lộc (phía đông Dầu Giây) đánh vào, đẩy lui quân địch xuống tận Bàu Cá, uy hiếp Trảng Bom.

Trong khi đó, Quân đoàn 2 sau khi giải phóng Phan Rang (16-4), Phan Thiết (19-4), đã tiến đến Rừng Lá (gần Xuân Lộc) vào sáng 20 tháng 4.

Đúng như dự kiến của ta, khi thấy Xuân Lộc đã mất đi tác dụng của một tuyến phòng ngự (vì quân ta đã có mặt ở phía sau Xuân Lộc rồi), bị cắt đứt với hậu phương (Biên Hòa), bị uy hiếp từ phía tây bởi Quân đoàn 4 và từ phía đông bởi Quân đoàn 2, ngày 18 tháng 4 Nguyễn Văn Thiệu cho trực thăng bốc một phần quân địch từ Xuân Lộc về Biên Hòa và đến đêm 20 rạng sáng 21 tháng 4 thì cho toàn bộ số quân còn lại ở đây rút chạy theo đường liên tỉnh số 2 vòng qua Bà Rịa để co cụm lại ở Biên Hòa, lập phòng tuyến mới. Tướng ngự Lê Minh Đảo hồi đầu tháng 4 còn kêu gào “*tử thủ Xuân Lộc*”, nay đã leo lên máy bay chạy trốn.

Được tin “*cánh cửa thép*” Xuân Lộc đã bị phá tan, tướng Uýen than thở: “*Tình hình quân sự (của chế độ Nguyễn Văn Thiệu) là tuyệt vọng*¹ (21-4-1975), còn Tổng thống Pho thừa nhận: “*Không thể giúp đỡ người Việt Nam (tức nguy quân nguy quyền) được nữa*”² (23-4-1975).

Chính phủ Mỹ bắt đầu triển khai kế hoạch di tản toàn bộ người Mỹ – quân sự lẫn dân sự – ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Chỉ một tuần trước, ngày 14 tháng 4, Nguyễn Văn Thiệu còn lớn tiếng đòi “*đánh thắng hoàn toàn Cộng sản bằng việc chuẩn bị một cuộc phản công thu hồi đất đai đã mất*”³, thì nay đã vội từ chức Tổng thống nguy quyền (21-4) để sửa soạn khăn gói chuồn ra nước ngoài.

Trong khi đó, theo đánh giá của ta, “*Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần của quân nguy càng thêm suy sụp*” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp)⁴, “*cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở sẵn đón lực lượng của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 và Sư đoàn*

⁽¹⁾ Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân* - Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tr.247.

⁽²⁾ Đại tướng Văn Tiến Dũng, sđd, tr.247.

⁽³⁾ Dẫn trong *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* - Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr. 710-711.

⁽⁴⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* - Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.291.

3 Quân khu 5 vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng”¹.

P.V.H

⁽¹⁾ Đại tướng Văn Tiến Dũng, sđd, tr. 206.

NHÌN LẠI CÔNG TÁC BẢO ĐẢM HẬU CẦN KỸ THUẬT CHO CUỘC TIẾN CÔNG GIẢI PHÓNG XUÂN LỘC

Đại tá LÊ HOÀNG*

I. Những khó khăn lớn về mặt bảo đảm hậu cần kỹ thuật trong cuộc chiến đấu giải phóng Xuân Lộc

Kể từ ngày thành lập (20 tháng 7 năm 1974) và suốt cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Xuân Lộc là trận đánh ác liệt nhất, cũng là một trong những thử thách lớn nhất của Quân đoàn 4, trong đó có ngành hậu cần kỹ thuật Quân đoàn. Đây là một khu vực phòng thủ mạnh của địch ở cửa ngõ Sài Gòn, khác hẳn các mục tiêu mà Quân đoàn 4 đã đánh chiếm trước đó. Lực lượng tham chiến của ta lại ít hơn địch. Đặc biệt là các đơn vị binh chủng. Đạn pháo rất ít. Những ngày đầu, binh quân mỗi khẩu pháo các loại chỉ có 200 viên...

Thị xã Long Khánh (tỉnh lỵ của Long Khánh) nằm trên Quốc lộ 1, cách Sài Gòn 80 km về phía đông bắc, là một mục tiêu kiên cố, gồm tiểu khu Long Khánh liên hoàn với căn cứ Sư đoàn 18 ngụy, lại được tổ chức thành tuyến phòng thủ mới, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh. Trong đó Xuân Lộc là điểm trọng tâm, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 đánh vào Biên Hòa và Sài Gòn. Địch cũng đã xác định: mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn...

Từ những nhận định trên, quân ngụy đã tập trung một lực lượng lớn phòng thủ Xuân Lộc. Nếu tính cả Sư đoàn 18 và các đơn vị đã bố trí ở Xuân Lộc trước ngày ta nổ súng, địch đã tập trung ở đây 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị, tương đương một sư đoàn. Không quân từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động với mức cao, trực tiếp chi viện cho các mũi phản kích của bộ binh, xe tăng và đánh vào đội hình tiến công của ta, trung bình 80 chiếc máy bay ném bom một ngày. Cao nhất là 125 chiếc/ngày. Chúng ném cả bom CBU-55 có sức hủy diệt lớn, gây nhiều khó khăn cho các đơn vị cũng như công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật.

Quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta: *“Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu... cần động viên cao độ và nhanh chóng lực lượng của cả nước giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm”*.

Quân ủy Trung ương chỉ thị: *“Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ. Quán triệt đầy đủ tư tưởng chỉ đạo “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Cần hành động thật táo bạo, cơ động lực lượng khẩn trương. Bất ngờ hiện nay không còn ở phương hướng lớn nữa. Bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc. Mặt khác, sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động. Không chờ đợi tập trung lực lượng đông*

(*) Nguyên Cục phó Cục Hậu cần Quân đoàn 4.

đủ mới làm ăn”.

Chấp hành chỉ thị của trên, Tổng cục Hậu cần, kỹ thuật, Đoàn 559 huy động toàn bộ lực lượng và phương tiện cơ động bộ đội và vật chất vào chiến trường. Cả nước sôi nổi không khí ra trận. Các con đường tiến về Sài Gòn nườm nượp xe chở bộ đội, xe kéo pháo, xe chở đạn, chở gạo... Miền Đông Nam bộ trở thành tụ điểm của các cánh quân, địa bàn tập kết lực lượng và vật chất hậu cần, kỹ thuật của chiến dịch. Được nhân dân các địa phương tham gia, giúp đỡ, bộ đội công binh, bộ đội hậu cần Miền gấp rút mở đường, sửa đường, làm cầu phao, làm ngầm vượt sông Bé, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông, sông La Ngà... lập thêm kho bãi tiếp nhận, vận tải vật chất hậu cần, kỹ thuật từ các căn cứ xuống trung tuyến, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trên các hướng, trong đó có hướng Xuân Lộc (Long Khánh). Lúc này Hậu cần Miền (B2) đã có căn cứ hậu cần chiến dịch được phát triển với 8 đoàn hậu cần khu vực bố trí các hướng chiến dịch. Tổng khối lượng hàng vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men... vận tải từ hậu phương lớn miền Bắc vào các chiến trường trong mùa khô 1971, 1972 đã có khoảng 16 vạn tấn. Từ 11 tháng 3 năm 1975 đến 1 tháng 4 năm 1975 đã dự trữ gần 2.000 tấn vật chất hậu cần, kỹ thuật các loại, hướng tiến công giải phóng Xuân Lộc (Long Khánh) trên 1.200 tấn. Bộ Chỉ huy Chiến dịch tăng cường cho Quân đoàn 4 cả 50 xe ô tô.

Các căn cứ hậu cần Quân đoàn 4 nối liền với các tuyến hậu cần của Miền, của các quân khu và tuyến vận tải chiến lược hình thành thể trận hậu cần liên hoàn, vững chắc, tạo dự trữ vật chất tương đối lớn cho chiến dịch. Chính vì có thể trận hậu cần liên hoàn vững chắc, có đoàn Hậu cần Miền lót sẵn vật chất kỹ thuật tại chỗ, lại được nhân dân ủng hộ, không có gì nhanh bằng tại chỗ, không có gì mạnh bằng được lòng dân, đã tạo điều kiện thuận lợi, khắc phục được nhiều khó khăn tưởng như không vượt nổi, cho hậu cần Quân đoàn 4 bảo đảm kịp thời đầy đủ vật chất, kỹ thuật, giải quyết thương binh, liệt sĩ cho các hướng, các mũi, cơ động khẩn trương lực lượng lớn hoàn thành nhiệm vụ quân sự tiến công giải phóng Xuân Lộc (Long Khánh) trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975. Cụ thể: bảo đảm cơ động thần tốc toàn bộ Sư đoàn 9 qua hướng tây nam Sài Gòn trong đội hình Đoàn 232B, bảo đảm cho Sư đoàn 6 (Quân khu 7) phối thuộc cho Quân đoàn 4; mau chóng cơ động Sư đoàn 7 đang phát triển lên hướng Bảo Lộc (Lâm Đồng), Tuy Đức (Đà Lạt) kịp trở về đội hình Quân đoàn theo Quốc lộ 20, chuẩn bị đánh chiếm Xuân Lộc. Bảo đảm vật chất hậu cần kỹ thuật cho Sư đoàn 341 mới cơ động ở hậu phương lớn miền Bắc vào (tháng 3-1975), tham gia Chiến dịch Dầu Tiếng – Chơn Thành, khẩn trương bước vào tiến công Xuân Lộc (Long Khánh). Bảo đảm cho Trung đoàn 95B Sư đoàn 325 (Quân đoàn 2) mới cơ động từ Tây Nguyên vào tăng cường cho Quân đoàn 4. Bảo đảm cho Lữ đoàn Công binh 25 làm đường cơ động binh khí kỹ thuật và vật chất hậu cần trên 3 tuyến: (Phan Rang qua bến Cây Gáo đến Trảng Bom, Bà Hào qua bến Vĩnh An, đến ngã ba Dầu Giây, Tà Lài qua km 125 Quốc lộ 20 xuống Quốc lộ 1 tây núi Chứa Chan)... Các đơn vị trên chưa được bổ sung quân số, vũ khí, đạn dược, sức khỏe giảm sút sau nhiều tháng chiến đấu liên tục, thời gian chuẩn bị lại ngắn (chỉ có 5 ngày).

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 nổ súng tiến công Xuân Lộc. Lực

lượng gồm 3 sư đoàn: Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6, Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325 của Quân đoàn 2), xe tăng, pháo các loại và lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, các đơn vị phối thuộc...

Qua 3 ngày chiến đấu, ta đã chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ một số bàn đạp quan trọng. Nhưng ta chưa diệt gọn được một tiểu đoàn nào. Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 đã bị thương vong cao, xe tăng, pháo 85, 57 mm hỏng gần hết vì bom, pháo địch. Đạn lớn ở phía sau chưa đưa lên kịp. Chiến sự ở mặt trận Xuân Lộc diễn biến phức tạp, trở thành một trận địa vô cùng ác liệt. Quân địch có công sự vững chắc, được tăng cường lực lượng, chúng đã chống trả quyết liệt, gây cho ta tổn thất và tạm thời ngăn được sức tiến công của ta – vì Xuân Lộc có vị trí sống còn đối với chúng.

Qua nghiên cứu diễn biến trận đánh, Bộ Chỉ huy Chiến dịch cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh: “*Cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa*”. Sử dụng lực lượng: Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7), Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) giữ vững bàn đạp đã chiếm. Sư đoàn 6 (Quân khu 7) và Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325 của Quân đoàn 2) đánh chiếm Dầu Giây, Núi Thị, giải phóng thêm một đoạn Quốc lộ 1 và đoạn Quốc lộ 20 còn lại. Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) và 2 trung đoàn còn lại của Sư đoàn 341 củng cố tại chỗ làm lực lượng dự bị cơ động.

Rạng sáng 15 tháng 4 năm 1975, pháo 130 mm của ta bắt đầu bắn phá sân bay Biên Hòa. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B diệt Chiến đoàn 52 ở ngã ba Dầu Giây, Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 bị cắt. Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 liên tục quần nhau với địch, đánh tan tác 2 chiến đoàn còn lại (43 và 48) của Sư đoàn 18 và diệt một bộ phận quân dù. Bộ đội địa phương và du kích Xuân Lộc diệt, bức rút nhiều đồn bót địch trên các trục đường giao thông và vùng ven thị xã.

Cùng thời gian, Quân đoàn 2 tiến quân thần tốc theo Quốc lộ 1 đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân. Ngày 18 tháng 4 năm 1975, đã tiến tới Rừng Lát... Mất Dầu Giây là mất Long Khánh và trước nguy cơ bị tiêu diệt, đêm 20 rạng 21 tháng 4, lực lượng còn lại của địch ở Xuân Lộc tháo chạy. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng.

Trong trận này, ta đã tiêu diệt 2056 tên, bắt 2785 tên, diệt và đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe bọc thép, một số đơn vị pháo binh, biệt động, quân dù, bắt tên Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh... thu 48 ô tô, 1499 súng (có 14 pháo 105 và 155 mm), 100.000 viên đạn các loại. Phá hủy 16 ô tô, 42 xe tăng, xe bọc thép.

Ta bị thương 6,64%, hy sinh 1,17%.

Bảo đảm quân số chiến đấu 96,5%

Tổ chức chỉ huy hậu cần theo một hướng có sở chỉ huy cơ bản và tiền phương.

Cùng với lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương Nam bộ và cực Nam Trung bộ, Quân đoàn 4, lực lượng vũ trang và nhân dân Quân khu 7, tỉnh Bà

Rịa – Long Khánh đã góp phần tạo được một thể chung rất thuận lợi cho trận đánh cuối cùng: “*Chiến dịch Hồ Chí Minh*” lịch sử. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “... vì độc lập, vì tự do. Đánh cho Mỹ cút. Đánh cho ngụy nhào. Tiến lên chiến sĩ, đồng bào, Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn”.

II. Công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật cho cuộc tiến công Xuân Lộc

1. *Sự quan tâm của lãnh đạo và chỉ huy các cấp và sự tham gia tích cực của cán bộ, chiến sĩ đối với công tác hậu cần kỹ thuật.*

Sư đoàn 9 khẩn trương cơ động qua hướng tây nam Sài Gòn, Sư đoàn 341 từ miền Bắc, Sư đoàn 7 từ Lâm Đồng, Trung đoàn 95B từ Tây Nguyên thần tốc cơ động về tham gia chiến đấu giải phóng Xuân Lộc. Sau nhiều tháng chiến đấu liên tục trong các chiến dịch trước, sức khỏe cán bộ, chiến sĩ giảm sút, vũ khí, đạn dược chưa được bổ sung, thời gian chuẩn bị đánh Xuân Lộc có 5 ngày. Chiến sự ở Xuân Lộc lại diễn biến vô cùng phức tạp, một trận địa vô cùng ác liệt, nhiều cán bộ chiến sĩ đã nhường nhau từng miếng cơm, hớp nước. Thương vong cao, lại phải bảo đảm cho các đơn vị chuyển nhiệm vụ theo chủ trương thay đổi cách đánh... nhưng lãnh đạo và chỉ huy các cấp đã coi việc bảo đảm hậu cần kỹ thuật là yếu tố tạo ra sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của đơn vị. Tạo nên sức mạnh thúc đẩy mọi sáng tạo, tìm mọi cách giải quyết, khắc phục khó khăn về hậu cần kỹ thuật trong Chiến thắng Xuân Lộc. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ cách đây 52 năm, Bác nhắc nhở chỉ huy các cấp phải quan tâm săn sóc đời sống chiến sĩ. Người nói: “... *Từ tiểu đội trưởng trở lên, từ Tổng tư lệnh trở xuống, phải săn sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội viên, phải xem đội viên ăn uống như thế nào, phải hiểu nguyện vọng và thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói. Bộ đội chưa đủ áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt...*”.

2. *Lấy của địch đánh địch và thực hành tiết kiệm.*

Trong Chiến thắng Xuân Lộc, ta đã thu: 48 ô tô quân sự, gần 1500 súng, pháo các loại, trên 100.000 đạn các loại... kịp thời bổ sung cho đơn vị. Ở khu vực ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 thu 2 khẩu pháo 105 mm, có tiểu đoàn đánh hết đạn mang theo đã lấy súng đạn địch diệt địch; có chiến sĩ bắn hết đạn đã cướp vũ khí của địch diệt địch. Điển hình như chiến sĩ Phạm Văn Lái – Đại đội 9 (Trung đoàn 266) một mình nằm giữa vòng vây địch, đồng chí đã lấy được một khẩu AR 15 và hai quả lựu đạn Mỹ, dựa vào công sự, cùng ba chiến sĩ du kích đánh lui hàng chục đợt phản kích của địch, diệt 31 tên. Đồng chí đã được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ. Hoặc như Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngụy thu 12 khẩu pháo và toàn bộ xe tăng của Chi đoàn 3 thiết giáp ở căn cứ Nguyễn Thái Học. Nhiều gương điển hình khác trong thực hành tiết kiệm, thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “*Lương thực, vũ khí là mồ hôi, nước mắt của đồng bào, là xương máu của bộ đội. Vì vậy phải quý trọng nó. Phải tiết kiệm, ngăn nắp. Phải sử dụng hợp lý.. chiến lợi phẩm không phải tự nhiên địch biếu không. Đó cũng là mồ hôi, nước mắt của đồng bào và xương máu của bộ đội mới giành được*”.

Ngoài trận địa, ngoài nhiệm vụ chiến đấu, các đơn vị đã tận dụng thời gian củng cố, nuôi quân phòng bệnh, cải thiện nâng cao đời sống, đảm bảo sức khỏe chiến đấu lâu dài. Sau hậu cứ, ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chỉ viện kịp thời cho phía trước cũng tổ chức sản xuất, tổ chức sửa chữa các vật chất hư hỏng, thu gom chiến lợi phẩm, sử dụng tiết kiệm. Hoàn cảnh nào và ở đâu các đơn vị cũng nêu cao quan điểm cần kiệm, tự lực khắc phục khó khăn, bảo đảm chiến đấu và chiến thắng – như Chiến thắng Xuân Lộc (Long Khánh) đã chứng minh.

3. *Cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần các cấp đã nêu cao tình thương và trách nhiệm chăm lo đời sống chiến sĩ trên trận địa Xuân Lộc (Long Khánh).*

Đã nuôi quân phòng bệnh tốt. Chú trọng cải thiện đời sống, mức ăn của bộ đội, nhờ thu mua thêm thực phẩm ở vùng mới giải phóng dọc Quốc lộ 20... nên đã đảm bảo quân số chiến đấu trên 96% trên nguyên tắc bảo đảm Chiến thắng Xuân Lộc là chủ yếu, bám đơn vị phục vụ làm mục đích. Với tinh thần đó, những người làm công tác hậu cần, kỹ thuật đã vượt qua bom rơi, đạn nổ, liên tục ngày đêm tiếp tế cơm nước, thuốc men, súng đạn cho bộ đội chiến đấu phía trước. Thật cảm động khi bao chiến sĩ đang cầm súng chiến đấu phía trước mỗi khi nhận được những gì mà người anh nuôi từ phía sau đã vượt qua bom đạn tiếp thêm sức sống cho mình. Không những chỉ bảo đảm việc nuôi quân chiến đấu phía trước, mà hậu cần còn lo bảo đảm tốt việc nuôi dưỡng để chóng hồi phục sức khỏe cho bộ đội khi về phía sau nghỉ ngơi củng cố. Hậu cần đơn vị đã thực hiện việc nuôi quân theo phương châm “*Chiến đấu củng cố, chiến đấu*”, đúng theo quan điểm hậu cần của Đảng. Thực hiện lời Bác Hồ dạy cách đây 51 năm: “*Nhiệm vụ chính của cán bộ cung cấp phải phụ trách trước bộ đội, trước nhân dân, trước Đảng, trước Chính phủ. Nhân dân thì đưa đóng góp cho Chính phủ. Chính phủ lo ngày, lo đêm giao cho các chủ cung cấp cho bộ đội. Bộ đội mong chờ các chủ. Các chủ phải có tinh thần trách nhiệm vượt mọi khó khăn, làm cho bộ đội no ấm, đủ súng đạn, đủ sức khỏe để đánh giặc... Các chủ phải làm thế nào một bát gạo, một đồng tiền, một viên đạn, một viên thuốc, một tác vải phải đi thẳng đến chiến sĩ. Đó là bốn phận của các chủ*”.

4. *Công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật trong cuộc chiến đấu giải phóng Xuân Lộc (Long Khánh) Xuân 1975*, đã có phương pháp, phương thức bảo đảm hậu cần kỹ thuật phù hợp với điều kiện, chiến trường, với cách đánh chiến dịch. Đã kết hợp được hậu cần tại chỗ, hậu cần chiến dịch, chiến lược, hình thành thể trận hậu cần vững chắc, phát huy được hiệu suất cao nhất trong bảo đảm hậu cần kỹ thuật cho tác chiến thắng lợi.

Trước đó, từ mùa khô 1971 – 1972, tổng khối lượng vật chất hậu cần kỹ thuật từ hậu phương lớn miền Bắc vận tải vào các chiến trường đã có khoảng 16 vạn tấn, từ 11 tháng 3 đến 1 tháng 4 năm 1975 đã có dự trữ gần 2.000 tấn, hướng Xuân Lộc có trên 1.200 tấn... Hậu cần Miền (B2) đã có hệ thống căn cứ hậu cần chiến dịch với 8 đoàn hậu cần khu vực bố trí các hướng chiến dịch áp sát Sài Gòn. Trong đó có các hướng bảo đảm cho cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc – Biên Hòa. Ta đã gắn liền được hậu cần chiến dịch với hậu cần chiến lược. Nối liền hậu phương lớn miền Bắc với các chiến trường miền Nam. Kết hợp chặt chẽ với hậu

cần địa phương, hậu cần nhân dân tại chỗ. Biết tận dụng được các nguồn: trên cấp, tự tăng gia khai thác, lấy của địch, đồng bào ủng hộ và thu mua gom góp từ các địa bàn kẻ càn chuyển đến, hình thành một thể trận hậu cần kỹ thuật phù hợp với thể trận tiến công trên các hướng vững chắc, liên hoàn với nhau. Phát huy được sức mạnh tổng hợp về hậu cần kỹ thuật. Nên khi tiến công phát triển, hoặc chuyển đổi cách đánh, chuyển hóa chiến dịch thì thể trận hậu cần kỹ thuật cũng chuyển đổi kịp thời. Thực hiện khẩu hiệu: *“nơi nào có chiến đấu là ở đó có hậu cần kỹ thuật bảo đảm chiến đấu thắng lợi”*.

5. Về tổ chức và xây dựng ngành Hậu cần kỹ thuật quân đội.

Trong mấy chục năm qua, ta đã xây dựng nên một đội ngũ cán bộ hậu cần kỹ thuật đông đảo, đã phục vụ đắc lực cho lực lượng vũ trang xây dựng và tác chiến. Trước yêu cầu phát triển của chiến tranh, và yêu cầu mới về xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam, công tác đào tạo đội ngũ cán bộ hậu cần kỹ thuật cần hết sức coi trọng việc bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng có chất lượng cao, cần kiệm liêm chính chí công vô tư, sâu sát chiến sĩ, gần gũi nhân dân. Nhất là những quan điểm của Đảng trong công tác hậu cần kỹ thuật, bồi dưỡng kiến thức về quân sự, nâng cao trình độ nghiệp vụ, đủ sức đáp ứng yêu cầu cho công cuộc củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu của quân đội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

L.H

BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHO CUỘC TIẾN CÔNG GIẢI PHÓNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Trung tá TS. ĐINH THU XUÂN*

Nằm cách bờ biển 40 km theo đường chim bay và cách Sài Gòn 80 km, Xuân Lộc là cánh cửa án ngữ phía đông – đông bắc của chiến trường miền Đông Nam bộ. Mỹ – ngụy coi Xuân Lộc là “*bức tường thép*” để án ngữ hướng đông bắc Sài Gòn. Theo đó, tuyến phòng thủ Xuân Lộc được thiết lập từ ngày 7 tháng 4 năm 1975, với vị trí là một khu vực phòng thủ chủ yếu và then chốt nhất, đóng vai trò quyết định bậc nhất trong toàn bộ chiến lược phòng ngự chiến đấu của Mỹ – ngụy trong chiến cuộc mùa khô 1974–1975. Uyên là tác giả của tuyến phòng thủ này, nên Xuân Lộc mang tên “*Phòng tuyến Uyên*”, được bố trí binh lực mạnh, tương đương cấp quân đoàn. Tại thời điểm thiết lập (ngày 7 tháng 4 năm 1975), tuyến phòng thủ Xuân Lộc do Sư đoàn bộ binh 18 và Thiết đoàn 5 ngụy phòng giữ. Từ ngày 10 đến ngày 16 tháng 4, được tăng cường thêm Lữ đoàn dù 1, Liên đoàn biệt động quân số 33, Trung đoàn 8 (của Sư đoàn bộ binh 5), cùng hai thiết đoàn số 15 và 22, đưa tổng quân số phòng thủ ở Xuân Lộc lên tới 9 chiến đoàn bộ binh, dù và tăng thiết giáp cùng quân tại chỗ là 8 tiểu đoàn bảo an¹. Với vị trí quan trọng trên, Nguyễn Văn Thiệu và Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên đã giao cho Tỉnh trưởng Long Khánh là Phạm Văn Phúc và Chuân tướng Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy Lê Minh Đảo mệnh lệnh tối quan trọng: “*Giữ Long Khánh bằng bất cứ giá nào*”.

Sau thắng lợi Chiến dịch Huế – Đà Nẵng đầy ý nghĩa chiến lược, nối tiếp Chiến dịch Tây Nguyên, đẩy địch vào thế tuyệt vọng, tạo điều kiện trực tiếp cho lực lượng cách mạng miền Nam áp đảo địch, cách mạng miền Nam phát triển với nhịp độ “*một ngày bằng 20 năm*”. Sau chiến thắng miền Trung, ta tiến lên nhằm mục tiêu cuối cùng: *Giải phóng Sài Gòn, hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*.

Nhằm áp sát mũi tiến công về hướng đông bắc Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4, Quân khu 7, phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh và huyện Xuân Lộc đánh tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc. Lực lượng tham chiến của ta trên tuyến phòng thủ Xuân Lộc gồm Sư đoàn bộ binh 7 (Quân đoàn 4), được tăng cường 12 xe tăng T59, ba khẩu pháo mặt đất, 10 khẩu pháo cao xạ; cùng Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 (Quân khu 7); Tiểu đoàn 445 (bộ đội địa phương Bà Rịa – Long Khánh); Đại đội 41 và K8 (huyện Xuân Lộc); Đội biệt động vũ trang Long Khánh, cùng tự vệ du kích các xã.

Công tác bảo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang ba thứ quân tham gia tiến công phòng tuyến Xuân Lộc được triển khai theo phương thức: *kết hợp chặt chẽ*

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

(1) Tư liệu của Ban tổng kết chiến tranh B2 – *Quá trình cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và quy luật hoạt động của Mỹ – ngụy trên chiến trường B2* (tháng 10 năm 1984), tr. 253.

giữa hậu cần Miền (Đoàn hậu cần 814), với hậu cần khu vực (Quân khu 7) và hậu cần tại chỗ (hậu cần nhân dân của huyện Xuân Lộc).

Thực hiện phương châm hành động của Huyện ủy Xuân Lộc: “*Tiến công phía trước, xây dựng củng cố phía sau*”, các đơn vị bộ đội địa phương, các cơ quan dân chính Đảng của huyện đều tích cực tăng gia, sản xuất ở các căn cứ, vùng giải phóng (ở tuyến sau) đều tự túc lương thực được từ ba đến sáu tháng. Nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế cho công cuộc kháng chiến, năm 1974, chính quyền cách mạng ở Long Khánh đã cấp 200 mẫu ruộng cho 10 hộ nông dân ở nam Quốc lộ 1. Chưa kể hàng trăm gia đình nông dân ở Cẩm Mỹ, Ông Đền, Bảo Vinh đã di dời ra vùng giải phóng để làm ăn, sinh sống. Riêng nhân dân thị xã Long Khánh đã quyên góp ủng hộ chính quyền cách mạng trên ba triệu đồng (tiền chính quyền Sài Gòn). Bước vào mùa khô 1974 – 1975, Huyện ủy Xuân Lộc chỉ đạo tập trung lực lượng giải phóng vùng ven phía bắc và đông nam thị xã Long Khánh, chuẩn bị cơ sở vật chất bảo đảm hậu cần theo yêu cầu chiến đấu. Lực lượng cán bộ phong trào cơ sở, các chiến sĩ kinh tài ở Xuân Lộc ngày đêm bám sát các gia đình cơ sở để vận động đồng bào ủng hộ lương thực, thuốc men. Đồng bào các dân tộc Châu Ro, Stiêng tích cực đóng góp lúa gạo, thực phẩm, thuốc men phục vụ cho lực lượng vũ trang chiến đấu. Các loại phương tiện thô sơ như xe bò, xe kéo và cả sức người đều được huy động để vận chuyển lương thực. Các kho hậu cần của Đoàn hậu cần 814, của Quân khu 7, của huyện Xuân Lộc ở khu vực Suối Tre, ở nam sông La Ngà, đông Cẩm Mỹ đều được tích trữ đủ lương thực. Tại thời điểm đầu năm 1975, tại Xuân Lộc, ta đã dự trữ được 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4 tấn bột ngọt và hàng chục triệu đồng.

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, các lực lượng vũ trang ta bắt đầu cuộc tiến công tạo thế, tạo lực trong ngoài trên khắp chiến trường: khối chủ lực Miền mở cuộc tiến công, kết hợp với nổi dậy, bao vây, chia cắt thành phố Sài Gòn trên hai hướng, vừa tiến công đánh chiếm Xuân Lộc ở hướng đông bắc, vừa tiến công địch ở Thủ Thừa, Bến Lức ở hướng đông nam nhằm cắt Quốc lộ 4, mở các hành lang xuống miền Tây Nam bộ, vừa ngăn địch co cụm về miền Đông.

Tại Xuân Lộc, đúng 5 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, những khẩu pháo 130 mm ở tọa độ 17 – 5507 của ta đã gầm vang, báo hiệu trận tiến công tuyên phòng thủ Xuân Lộc bắt đầu. Tại mũi tiến công hướng bắc và đông bắc thị xã Long Khánh, chiến sự đã diễn ra vô cùng ác liệt. Mỹ – ngụy đã sử dụng hai quả bom CBU-55 ném xuống Xuân Lộc. CBU-55 là loại bom chân không, còn gọi là bom chùm hàng không dạng cát xet. Mỗi trái bom có chiều dài tới 2,3 mét, đường kính 0,36 mét, sải cánh đuôi 0,72 mét, có khối lượng 235 kg; chứa ba trái bom con BLU-73. Mỗi trái bom con có trọng lượng 45 kg, nạp 32,6 kg ôxít êtylen lỏng, bán kính sát thương là 50 mét. Bom CBU-55 được thiết kế cho máy bay có tốc độ dưới âm (như A-37, OV-10 và máy bay trực thăng UH-1 ở độ cao bay 600 mét, tốc độ bay 120 km/giờ). Đây là loại bom trang bị cho không quân của lính thủy đánh bộ và không quân trong chiến tranh xâm lược Việt Nam lần đầu tiên sử dụng ở Quảng Trị (năm 1972), nhằm mục đích diệt sinh lực, dọn bãi cho máy bay trực thăng đổ

bộ¹.

Với loại vũ khí khủng khiếp này, Mỹ – ngụy đã sát thương hàng trăm cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta. Các đội sơ phẫu ngành quân y của hậu cần Miền, Quân khu và tỉnh Long Khánh đã bố trí ngay trong các gia đình cơ sở trong thị xã. Nhờ đó, 811 thương binh được khẩn trương sơ cứu, sau đó lực lượng du kích, tự vệ, thanh niên cõng đỡ chuyển về tuyến sau. Từ tuyến sau, đạn dược, lương thực, thực phẩm lại được thanh niên tự vệ Xuân Lộc chuyển ra trận địa tiếp tế cho bộ đội.

Sau 12 ngày đêm liên tục chiến đấu quyết liệt, đến 8 giờ sáng ngày 21 tháng 4, trước tình cảnh Xuân Lộc bị cô lập hoàn toàn, địch buộc phải rút tàn quân chạy về Bà Rịa và tan rã. Xuân Lộc được hoàn toàn giải phóng, “*cánh cửa thép*” phía đông Sài Gòn bị nghiền nát.

Ngày 23 tháng 4, tức hai ngày sau khi “*phòng tuyến Uâyên*” sụp đổ, Tổng thống Pho đã phải tuyên bố: “*Cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ*” và công khai thừa nhận một sự bỏ cuộc hoàn toàn của Mỹ đối với cuộc chiến tranh, ngay sau khi Xuân Lộc - tia hy vọng cuối cùng của Mỹ – ngụy bị sụp đổ hoàn toàn. Còn Nguyễn Văn Thiệu đã phải từ chức, giao quyền lại cho Trần Văn Hương, cùng gia đình chạy trốn ra nước ngoài.

Trong chiến thắng đập tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh, tạo thế, tạo lực, ngành Hậu cần B2 đã vận dụng thành công *phương thức bảo đảm kết hợp ba cấp: Miền, khu vực và hậu cần tại chỗ*. Đó là một trong những bài học thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Đ.T.X

⁽¹⁾ *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 1996, tr81-82.

TƯƠNG TÁC GIỮA CHIẾN TRƯỜNG KHU 6 VỚI CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG CHIẾN CUỘC MÙA KHÔ 1974 – 1975

Trung tá NGUYỄN ĐỨC TẤN*

1– Chiến trường Khu 6 buộc Khu trách nhiệm chiến thuật 33, Quân đoàn 3 – Quân khu 3 mà nòng cốt là Sư đoàn 18 địch ở Xuân Lộc phải tung quân đối phó.

Sau những thắng lợi to lớn trên chiến trường miền Nam, tháng 10 năm 1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đánh giá tình hình và hạ quyết tâm chiến lược: năm 1975 tranh thủ bất ngờ ta tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện đầy đủ để sang năm 1976 thực hành Tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trên tinh thần đó, dưới sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tham mưu nghiên cứu và xây dựng kế hoạch tác chiến gồm 3 đợt:

Đợt 1: đẩy mạnh hoạt động ở chiến trường Nam bộ và Khu 6.

Đợt 2: đợt chủ yếu của toàn miền Nam, lấy Tây Nguyên làm chiến trường chính.

Đợt 3: tiếp tục phát huy thắng lợi.

Chấp hành mệnh lệnh của Trung ương; Trung ương Cục, Quân ủy – Bộ Tư lệnh Miền mở chiến cuộc mùa khô 1974 – 1975 trên chiến trường B2 với quyết tâm:

Đợt 1: đánh phá bình định ở đồng bằng sông Cửu Long, chủ yếu là vùng ruột sông Hậu; mở chiến dịch của chủ lực Miền giải phóng đường 14, giải phóng tỉnh Phước Long nối liền với địa bàn Tây Ninh; giải phóng vùng Hoài Đức – Tánh Linh tỉnh Bình Tuy¹, để tạo được một khu vực tập kết cho bộ đội và tạo dự trữ lương thực đạn dược cho hướng tấn công phía đông vào sở chỉ huy Quân đoàn 3 – Quân khu 3 rồi vào Sài Gòn; giải phóng làm chủ phần lớn vùng nông thôn đồng bằng và miền rừng núi Khu 6 nối liền đến đường 14 – Phước Long làm hoàn chỉnh căn cứ ở miền Đông Nam bộ, tạo bàn đạp uy hiếp trực tiếp Sài Gòn từ hướng bắc – đông bắc.

Thực hiện ý định của Miền, Khu ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 6 chỉ thị cho các tỉnh, đơn vị trong Khu triển khai kế hoạch mùa khô 1974 – 1975. Toàn Khu 6 được chia làm ba khu vực hoạt động, trong đó xác định khu vực 1 gồm: các tỉnh Bình Tuy, Lâm Đồng, Bình Thuận là trọng điểm, với nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng hai

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

(¹) Tỉnh Bình Tuy về phía ta thuộc Khu 6 (Khu 6 gồm các tỉnh Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Bình Tuy, Bình Thuận và Ninh Thuận), còn về phía địch thì thuộc Khu trách nhiệm chiến thuật 33/Quân đoàn 3 – Quân khu 3 địch do Sư đoàn bộ binh 18 làm nòng cốt. Tư lệnh Sư đoàn bộ binh 18 kiêm Tư lệnh Khu trách nhiệm chiến thuật 33 đóng ở thị xã Long Khánh, (Khu trách nhiệm chiến thuật 33 gồm: Long Khánh (Xuân Lộc), Bình Tuy, Phước Tuy và Biên Hòa).

huyện Hoài Đức, Tánh Linh mở rộng vùng giải phóng nối liền với miền Đông Nam bộ, nâng lên tranh chấp và làm lỏng rãi dần đến xóa trắng các ấp còn lại.

Bộ Tư lệnh Miền cử đồng chí Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà) Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Miền chủ trì họp hai Bộ Tư lệnh Quân khu 6 và Quân khu 7 để bàn kế hoạch, phương án tác chiến và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh nhằm thực hiện quyết tâm chiến lược của Miền, mà trực tiếp là kéo căng, đánh đau Sư đoàn 18, Liên đoàn 7 biệt động quân thu hút hỏa lực: phi, pháo, tăng của Quân đoàn 3 – Quân khu 3 dịch về hướng này, tạo điều kiện thuận lợi để chủ lực Miền – Quân đoàn 4 mở Chiến dịch đường 14 – Phước Long.

Lực lượng tham gia Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh về phía Quân khu 7 có Sư đoàn 6 (thiếu): Trung đoàn 33, Trung đoàn 4; các Tiểu đoàn 18, 19, 20 đặc công; 1 đại đội pháo 85 mm và các đơn vị trực thuộc khác. Được tăng cường Tiểu đoàn 186 – Trung đoàn 812 – Quân khu 6 đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu Hoài Đức. Về phía Quân khu 6 có Trung đoàn 812 (thiếu): Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 15, Tiểu đoàn 130 pháo; Tiểu đoàn 200c đặc công; Đại đội 88 Bình Tuy, đảm nhiệm hướng tiến công thứ yếu Tánh Linh.

Đúng 2 giờ sáng ngày 10 tháng 12 năm 1974, Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh mở màn đã buộc khu trách nhiệm chiến thuật 33 ở Xuân Lộc tung Sư đoàn 18, Liên đoàn 7 biệt động quân và hỏa lực ứng cứu bị ta đánh thiệt hại khá nặng.

Đến 7 giờ sáng ngày 26 tháng 12 năm 1974, Tánh Linh hoàn toàn giải phóng. Nhưng ở Hoài Đức, quân ta không dứt điểm được chi khu, chỉ giải phóng các xã xung quanh, nên đến 4 tháng 1 năm 1975, cấp trên cho ngừng tiến công và điều chỉnh lực lượng tiếp tục vây lấn địch.

Như vậy Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh trên chiến trường Khu 6, tuy chưa dứt điểm được chi khu Hoài Đức, nhưng ta đã giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh, nhiều xã của huyện Hoài Đức sát nách Xuân Lộc và duy trì hoạt động mạnh ở vùng này đã buộc địch tập trung hỏa lực và lực lượng chủ lực: Sư đoàn 18, Liên đoàn 7 biệt động quân ứng cứu giải tỏa, bị đánh đau thiệt hại, làm suy yếu một bước lực lượng nòng cốt, tạo áp lực nặng nề lên Khu trách nhiệm chiến thuật 33, Quân đoàn 3 – Quân khu 3 dịch ở Xuân Lộc, phối hợp tốt với Chiến dịch đường 14 – Phước Long, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, tạo ra cục diện chiến lược thuận lợi mới trên chiến trường toàn miền Nam.

2– Chiến trường Khu 6 góp phần hình thành một mảng căn cứ, hành lang chiến lược liên hoàn, bàn đạp tiến công tạo áp lực uy hiếp nặng nề lên Khu trách nhiệm chiến thuật 33, Quân đoàn 3 – Quân khu 3 dịch ở Xuân Lộc – cửa ngõ phía đông – đông bắc Sài Gòn.

Tình hình miền Nam sau khi giải phóng Phước Long chuyển biến rất nhanh chóng. Ngày 8 tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị họp mở rộng, sau khi xem xét tình hình các mặt nhất là tác động to lớn của chiến thắng Phước Long, đã hạ quyết tâm tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, ngụy quyền từ trung ương đến địa phương giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam bằng kế hoạch chiến lược hai năm 1975 – 1976. Tuy

nhiên, Bộ Chính trị dự kiến: nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975 và quyết định chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu chủ yếu của Chiến dịch Tây Nguyên.

Căn cứ vào quyết tâm của Bộ Chính trị, phát huy thắng lợi trong đợt 1, Quân ủy – Bộ Tư lệnh Miền đề ra kế hoạch cho đợt 2 và dự kiến nếu hướng Tây Nguyên thắng lợi, tình hình chung có đột biến, B2 sẽ thực hiện đón thời cơ chiến lược.

Trong đợt 2: Bộ Tư lệnh Miền giao cho Quân khu 6, Quân khu 7 và Quân đoàn 4 (chủ lực Miền) ra sức tiêu diệt sinh lực địch, hoàn chỉnh khu giải phóng, mở thông hành lang xuống phía đông Sài Gòn, tạo bàn đạp áp sát đường 26, Đồng Dù, Củ Chi. Quân đoàn 4 cùng lực lượng địa phương tổ chức chiến dịch bình chủng hợp thành trên hai hướng Dầu Tiếng và Quốc lộ 20 từ Long Khánh đến Lâm Đồng (Khu 6). Quân đoàn 4 (thiếu) trên Quốc lộ 20 có nhiệm vụ tiêu diệt chi khu Định Quán, giải phóng Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Phương Lâm, phát triển đánh chiếm tỉnh Lâm Đồng. Sư đoàn 6, Quân khu 7 hợp đồng đánh địch trên đường 3 từ Gia Huỳnh đến Quốc lộ 1, phát triển đánh chiếm ngã ba Ông Đồn đến căn cứ 4 trên Quốc lộ 1. Quân khu 6 dùng Trung đoàn 812 và lực lượng địa phương tiếp tục đánh giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Đức, phát triển lên Quốc lộ 20 – Di Linh, Lâm Đồng để phối hợp với Quân đoàn 4 từ Bảo Lộc đánh lên.

Ở Khu 6, tối 19 tháng 3, quân ta tiến công chi khu Hoài Đức, đến ngày 22 huyện Hoài Đức (Bình Tuy) hoàn toàn giải phóng. Ở hướng Quốc lộ 20, đêm 18 tháng 3, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 đánh diệt chi khu Định Quán và sau đó phối hợp với lực lượng Long Khánh quét sạch hệ thống đồn bót từ Túc Trưng đến Phương Lâm, Quốc lộ 20 từ Long Khánh lên Đà Lạt bị cắt đứt. Và ở hướng Quốc lộ 1, Sư đoàn 6, Quân khu 7 cùng địa phương diệt yếu khu Gia Ray, làm chủ từ ngã ba Ông Đồn ra hướng Bình Tuy.

Ngày 23 tháng 3 năm 1975, sau khi tham gia giải phóng Buôn Ma Thuột (11-3), Trung đoàn 271 chủ lực Bộ đã cùng lực lượng địa phương giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Đức (Khu 6).

Sau khi Buôn Ma Thuột được giải phóng, Bộ Chính trị họp (từ 18-3 đến 25-3) hạ quyết tâm: *“nắm vững thời cơ, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt và quyết tâm giành thắng lợi trong tháng 4 năm 1975, không thể để chậm”*¹.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, sau khi ta giải phóng Hoài Đức và làm chủ đoạn Quốc lộ 20, Bộ Tư lệnh Miền chủ trương nhanh chóng đánh giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng, nếu thuận lợi thì phát triển lên tỉnh Tuyên Đức để thực hiện chia cắt chiến lược giữa Quân đoàn 2 – Quân khu 2 và Quân đoàn 3 – Quân khu 3 địch, đảm bảo mở rộng hành lang và bàn đạp chiến lược tiến công Sài Gòn trên hướng đông bắc. Chiều ngày 27 tháng 3, toàn bộ Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 phối

⁽¹⁾ Trang 59 *Báo cáo tổng kết về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung bộ* – Bộ Tư lệnh Miền – 1976.

hợp với địa phương chia làm hai cánh bắt đầu tiến công, đến 9 giờ sáng ngày 28 tháng 3 năm 1975 chiếm tiểu khu, giải phóng hoàn toàn thị xã Bảo Lộc.

Lúc này tình hình trên chiến trường toàn miền Nam diễn biến rất thuận lợi và căn cứ vào tình hình thực tế của chiến trường B2, từ ngày 27 tháng 3 năm 1975, Quân ủy – Bộ Tư lệnh Miền chuẩn bị phương án đánh vào Sài Gòn bằng lực lượng của B2 là chủ yếu có sự tăng cường từ hai sư đoàn đến một quân đoàn của Bộ (lúc này Sư đoàn 316 và Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) của Bộ đã vào tới chiến trường B2): *“Trước hết là thực hành chia cắt chiến lược: cắt Quốc lộ 4, Quốc lộ 15, sông Lòng Tàu, giải phóng Xuân Lộc, uy hiếp Biên Hòa, đi đôi với đánh phá kho tàng, sân bay hậu cứ tạo ra tình hình biến động lớn trong Sài Gòn. Khi tạo ra được đột biến thì với lực lượng như trên sẽ thực hành tấn công 5 hướng vào Sài Gòn, kết hợp lực lượng đặc công, biệt động với phát động quần chúng nổi dậy trong đánh ra, ngoài đánh vào... thực hành tổng công kích tổng khởi nghĩa giải phóng Sài Gòn”*¹.

Đi đôi với kế hoạch tác chiến trên, ngày 29 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Trung ương Cục ra Nghị quyết đặc biệt 15 chỉ đạo: *“động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung cao độ sức mạnh tổng hợp ba mũi giáp công, 3 thứ quân, ba vùng, vùng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa nhanh chóng đánh sụp toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Với khí thế tấn công quyết liệt thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam”*².

Để thực hiện phương án trên, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 sau khi giải phóng Bảo Lộc do yêu cầu nhiệm vụ mới chuẩn bị đánh Xuân Lộc nên chỉ để lại 3 xe tăng phối hợp với lực lượng vũ trang Khu 6 giải phóng Di Linh. Ngày 31 tháng 3 năm 1975, lực lượng Quân khu 6 cùng một bộ phận của Sư đoàn 7 làm chủ chi khu Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hoàn toàn giải phóng. Đêm 1 tháng 4, địch ở Đà Lạt và tỉnh Tuyên Đức hoảng hốt rút chạy theo đường 11 về hướng Phan Rang. Bộ phận Sư đoàn 7 quay lại chiến trường Xuân Lộc. Đêm 2 tháng 4, Trung đoàn 812 tiếp tục phát triển theo Quốc lộ 20 về hướng Tuyên Đức. Ngày 3 tháng 4 năm 1975, tỉnh Tuyên Đức hoàn toàn giải phóng.

Trung đoàn 812 (thiếu), Quân khu 6 sau khi chiếm thành phố Đà Lạt – Tuyên Đức đã nhanh chóng tập trung chuyển về Bình Thuận phối hợp với địa phương tiến công địch trên đường số 8, Quốc lộ 1 và vây ép thị xã Phan Thiết.

Ở Ninh Thuận, đến ngày 7 tháng 4 năm 1975, quân và dân Ninh Thuận đã tranh thủ thời cơ tự mình giải phóng huyện K'rong Pha (đường 11) và 14 xã, làm chủ gần hết vùng nông thôn.

Như vậy tới thời điểm này một địa bàn và hành lang chiến lược rộng lớn nối liền vùng rừng núi Khu 6 (Quảng Đức; Tuyên Đức; Lâm Đồng; Krong Pha của Ninh Thuận; Hoài Đức, Tánh Linh của Bình Tuy) với miền Đông Nam bộ, chia cắt hoàn toàn Quân đoàn 2, Quân khu 2 và Quân đoàn 3, Quân khu 3 địch, tạo áp lực

⁽¹⁾ Trang 60 Báo cáo tổng kết đã dẫn.

⁽²⁾ Trang 62 Báo cáo tổng kết đã dẫn.

nặng nề, uy hiếp trực tiếp lên Khu trách nhiệm chiến thuật 33 chủ yếu là Sư đoàn 18 địch ở Xuân Lộc bảo vệ cửa ngõ phía đông và đông bắc Sài Gòn. Tạo thuận lợi cho quân ta tiến công Xuân Lộc.

3– Sự tương tác giữa Chiến dịch Xuân Lộc với lá chắn phòng thủ Sài Gòn từ xa (Phan Rang – Tháp Chàm) ở chiến trường Khu 6.

Trong lúc Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang Quân khu 7 đang chuẩn bị tiến công Xuân Lộc để tạo thế giải phóng Sài Gòn bằng lực lượng chủ yếu của B2 thì ngày 8 tháng 4 năm 1975, Hội nghị Trung ương Cục và Quân ủy Miền có sự tham gia của các đồng chí Bộ Chính trị như: Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng đang có mặt tại B2. Hội nghị đã quán triệt ý định của Bộ Chính trị cần tập trung lực lượng áp đảo địch, tập trung chỉ đạo hơn nữa để bảo đảm chắc thắng và thành lập Bộ Tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định với quyết tâm:

+ Tổ chức chiến dịch quy mô lớn, tập trung lực lượng 15 sư đoàn tạo ưu thế áp đảo địch đánh thẳng vào Sài Gòn, tiêu diệt, bắt và làm tan rã toàn bộ quân địch, sau đó nếu đồng bằng sông Cửu Long chưa giải quyết xong sẽ có bộ phận phát triển về đồng bằng cùng với lực lượng tại chỗ quét sạch quân địch còn lại, giải phóng toàn bộ đất nước, cố gắng tiến hành trong tháng 4 càng sớm càng tốt.

Trong khi chuẩn bị cho quyết tâm trên, hội nghị nhất trí phương án thời cơ trên cơ sở kế hoạch tác chiến của B2: *“để tranh thủ thời gian tạo ra và lợi dụng được những đột biến mới, tạo ra những thời cơ mới, đồng ý sử dụng lực lượng của B2 tiến hành mở chiến dịch nhằm chia cắt chiến lược triệt để bao vây cô lập Sài Gòn, nếu địch có hiện tượng tan rã lớn đột ngột thì không nhất thiết phải đợi lực lượng ở ngoài vào đủ, cũng có thể nhanh chóng tảo bạo bằng lực lượng của B2 và Sư đoàn 316 + Trung đoàn 95 thọc thẳng vào Sài Gòn kết hợp với đặc công, biệt động và quần chúng nổi dậy từ bên trong để đánh chiếm Sài Gòn. Nếu không đạt được toàn bộ ý định thì ít nhất cũng tạo ra được thế có lợi cho trận quyết chiến chiến lược đánh vào Sài Gòn”¹.*

Quân đoàn 4 (thiếu) chủ lực B2 được tăng cường Sư đoàn 6, Quân khu 7 có nhiệm vụ: mở chiến dịch thực hành chia cắt và bao vây Sài Gòn ở hướng đông, tiêu diệt Sư đoàn 18 địch giải phóng Xuân Lộc, phát triển về Biên Hòa, một bộ phận phát triển xuống đánh thẳng vào Vũng Tàu cắt Quốc lộ 15 và sông Lòng Tàu, đưa pháo bắn vào các mục tiêu quan trọng trong Sài Gòn, thời gian quy định nổ súng là đêm 9 tháng 4 năm 1975.

Đến đầu tháng 4 năm 1975, khi ta chuẩn bị đánh Xuân Lộc, tình hình trên toàn miền Nam, ta đã giành thắng lợi to lớn dồn dập giải phóng Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, toàn bộ Quân đoàn 1 – Quân khu 1 và gần hết Quân đoàn 2 – Quân khu 2 địch bị tiêu diệt hoặc tan rã.

Lúc này, ở chiến trường Khu 6, tình hình chuyển biến rất sôi động. Khi địch ở Đà Lạt, Tuyên Đức rút chạy về Phan Rang và tàn quân địch ở các tỉnh miền Trung cũng rút chạy theo Quốc lộ 1 về Sài Gòn đã khiến bọn nguy quân, nguy

⁽¹⁾ Trang 60 Báo cáo tổng kết đã dẫn.

quyền ở Ninh Thuận, Bình Thuận hoảng hốt bỏ chạy theo. Ngày 2 và ngày 3 tháng 4, thị xã Phan Rang, Phan Thiết bị bỏ ngỏ. Đến ngày 4 và 5, địch phát hiện chủ lực ta chưa đến; đồng thời để ngăn chặn cuộc tiến quân của ta từ phía bắc vào, theo kế hoạch của tên tướng Mỹ Uâyen, địch cho nhập hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận còn lại của Quân đoàn 2 – Quân khu 2 vào Quân đoàn 3 – Quân khu 3 và lập tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn từ xa lấy Tây Ninh làm căn cứ phòng thủ phía tây. Ở hướng đông từ Ninh Thuận đến Xuân Lộc, lấy Phan Rang – Tháp Chàm làm lá chắn tiền tiêu mạnh “để chặn đường bộ và đường biển của cộng sản” và Xuân Lộc làm căn cứ phòng thủ hiểm yếu “phải giữ cho bằng được Xuân Lộc vì mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Thành lập Bộ tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 – Quân khu 3 đóng tại sân bay Thành Sơn do tên Trung tướng Nguyễn Vinh Nghi làm Tư lệnh. Chúng tăng cường cho tuyến phòng thủ này rất mạnh:

- + Ở lá chắn Phan Rang – Tháp Chàm (Khu 6) ngoài lực lượng có sẵn chúng tăng cường thêm Lữ đoàn 2 dù, Trung đoàn 4, Sư đoàn 2 mới khôi phục; Liên đoàn 31 biệt động quân; Sư đoàn 6 không quân (có khoảng 100 máy bay các loại; một tiểu đoàn pháo; ngoài biển có các chiến hạm sẵn sàng yểm trợ hải pháo tối đa cho đất liền.

- + Ở Phan Thiết (Khu 6) gồm lực lượng có sẵn tại chỗ, chúng tăng cường Liên đoàn 24 biệt động quân, Trung đoàn 3, Sư đoàn 2, Tiểu đoàn 330 địa phương quân và 1 tiểu đoàn pháo binh.

- + Ở Hàm Tân – La Gi, Bình Tuy (Khu 6) ngoài lực lượng địa phương, chúng tăng cường Sư đoàn 23 mới khôi phục.

- + Và ở Xuân Lộc, ngoài lực lượng địa phương tại chỗ với 5 tiểu đoàn địa phương quân, nhiều đại đội biệt lập, 4 trung đội pháo binh diện địa và nhiều lực lượng kèm kẹp khác; địch tập trung lực lượng chủ lực của Khu trách nhiệm chiến thuật 33 nòng cốt là Sư đoàn 18, các đơn vị tăng phái của Quân đoàn 3 – Quân khu 3: trung đoàn tăng – thiết giáp trên 100 xe, 2 tiểu đoàn pháo binh (42 khẩu), lực lượng tổng trừ bị của địch như Lữ đoàn dù số 1 và không quân ở sân bay Biên Hòa.

Về phía ta, theo như kế hoạch thời cơ đã định, ngày 9 tháng 4 năm 1975, quân ta bắt đầu mở chiến dịch tiêu diệt địch ở vòng ngoài Sài Gòn, phá âm mưu phòng thủ từ xa, phá thế co cụm và củng cố tuyến phòng thủ của địch, hình thành bao vây chia cắt Sài Gòn, đồng thời hoàn thành mọi công tác chuẩn bị cho Chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn (đến 14-4 Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được Bộ Chính trị đặt tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh) với hai hướng:

- Hướng chủ yếu: Quân đoàn 4 gồm Sư đoàn 7; Sư đoàn 1 (Sư đoàn 341 cũ) (thiếu) có 2 trung đoàn bộ binh; các đơn vị binh chủng như tăng, pháo binh, phòng không, công binh, thông tin... của Quân đoàn, có Sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7 và 2 tiểu đoàn địa phương phối thuộc tập trung chủ yếu vào khu vực Xuân Lộc nhằm tiêu diệt Sư đoàn 18 địch, giải phóng Xuân Lộc, áp sát tuyến phòng thủ Biên Hòa, có điều kiện thì đánh chiếm Bà Rịa Vũng Tàu, cắt Quốc lộ 15, sông Lòng Tàu và tùy tình hình mà phát triển.

- Hướng thứ yếu phối hợp: Đoàn 232 cắt Quốc lộ 4 đoạn Bến Lức – Tân An

và các quân khu khác trong toàn B2 đều có kế hoạch căng kéo địch.

Bắt đầu từ 9 tháng 4, Sư đoàn 7 và một bộ phận Sư đoàn 1 tổ chức tiến công vào thị xã Long Khánh (Xuân Lộc) *“cuộc tấn công dũng mãnh đã chọc thủng tuyến phòng thủ thị xã bằng nhiều mũi nhanh chóng phát triển vào trung tâm. Đến 7 giờ ngày 10 tháng 4, ta đã cắm cờ trên dinh tỉnh trưởng và làm chủ một loạt các căn cứ vị trí khác như ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, khu tình báo CIA, trại biệt động, nhà ga xe lửa...”*¹ nhưng do địch phản kích quyết liệt nên quân ta không dứt điểm được thị xã phải chuyển sang bao vây, đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18 + lữ đoàn dù ở ngoài; Sư đoàn 6, Quân khu 7 và Trung đoàn 95B (mới được tăng cường) thực hành chặn viện và chia cắt phía tây Xuân Lộc.

Tuy nhiên, trong Chiến dịch Xuân Lộc, do ta nắm địch không chắc, đánh giá địch chưa đúng, chuẩn bị vật chất chưa đầy đủ (nhất là đạn pháo) nên vận dụng cách đánh chưa phù hợp, do đó không thực hiện được ý định ban đầu.

Và lại, Xuân Lộc lúc này trở thành điểm then chốt hết sức quan trọng trên tuyến phòng ngự của địch nên địch càng tập trung nhiều lực lượng cố giữ *“đến ngày 15 tháng 4, chúng đã điều về đây 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn của Sư đoàn 5, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng thiết giáp. Như vậy là chúng đã tập trung sử dụng vào đây đến 50% chủ lực, cỡ 60% pháo, gần hết tăng thiết giáp của Quân đoàn 3 và tương đương 1 sư đoàn tổng trừ bị dù và thủy quân lục chiến chỉ trong mấy ngày đầu chiến sự. Chúng cũng sử dụng không quân với mật độ cao chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích của bộ binh và thiết giáp của chúng, đồng thời oanh tạc những nơi ta đã chiếm, đánh vào đội hình quân ta cũng như tuyến tiếp tế phía sau của ta”*². *“Hiện nay lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không có lợi”*³. *“Vì vậy ta không được để rơi lỏng đối với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ và diệt chúng khi chúng phản kích hay rối loạn rút chạy”*⁴.

Trong lúc quân ta đánh địch ở Xuân Lộc thì ngày 12 tháng 4 năm 1975, cách Phan Rang 40 cây số về phía đông bắc, Bộ Tư lệnh cánh quân duyên hải họp cùng các đồng chí đại diện Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Quân khu 6, Quân đoàn 2, Sư đoàn 3, Quân khu 5... do đồng chí Lê Trọng Tấn chủ trì bàn kế hoạch tiến công đập tan lá chắn Phan Rang – Tháp Chàm. Sau khi nghe đại diện Bộ Tư lệnh Quân khu 6 báo cáo tình hình và đề đạt ý kiến, đồng chí Lê Trọng Tấn quyết định sử dụng Sư đoàn 3, Trung đoàn 25 Tây Nguyên cùng lực lượng địa phương hình thành 3 mũi đánh vào Phan Rang, sân bay Thành Sơn và cảng Ninh Chữ. Cùng lúc với mặt trận Phan Rang – Tháp Chàm, đêm 13 rạng 14 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 và Sư đoàn 6, Quân khu 7 mở đợt tiến công mới lần lượt tiêu diệt các bộ phận địch ở Xuân Lộc.

⁽¹⁾ Thượng tướng Trần Văn Trà, *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* – tập 5, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, trang 252, 255.

⁽²⁾ Thượng tướng Trần Văn Trà, *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*. Sdd; trang 252, 255.

⁽³⁾ Như trên.

⁽⁴⁾ Như trên.

Đến ngày 15 tháng 4, ta đã tiêu diệt Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 giải phóng Túc Trưng, Kiệm Tân, Dầu Giây đã khiến Xuân Lộc bị cô lập; tuyến phòng thủ Biên Hòa – Hồ Nai bị uy hiếp mạnh; đồng thời tuyến phòng thủ Sài Gòn từ xa: lá chắn Phan Rang – Tháp Chàm, Phan Thiết, Bình Tuy khi bị ta đánh mạnh ở Xuân Lộc – Một mắt xích quan trọng phía sau tuyến phòng thủ này bị thối động mạnh làm chia cắt, khó chỉ viện giữa sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 3 – Quân khu 3 ở Biên Hòa với tiền phương ở Phan Rang – Tháp Chàm nên trong đà suy sụp chung, địch ở tuyến phòng thủ Sài Gòn từ xa: từ Phan Rang – Tháp Chàm đến Bình Tuy càng hoang mang dao động hơn. Đó là điều kiện thuận lợi để Khu 6 và cánh quân duyên hải của Bộ nhanh chóng đập tan tuyến phòng thủ quan trọng này, giải phóng các tỉnh ven biển còn lại của Khu.

Rạng sáng ngày 14 tháng 4 năm 1975, quân ta bắt đầu tiến công lá chắn Phan Rang – Tháp Chàm, địch dùng phi pháo và lực lượng bộ binh phản kích quyết liệt, nên sau 2 ngày tiến công quyết liệt, quân ta chỉ chiếm được một số mục tiêu ở ngoại vi.

Để tạo đòn bất ngờ và chắc thắng, Sư đoàn 325, Quân đoàn 2 được tăng cường cho trận đánh. Ngày 16 tháng 4 năm 1975, trời vừa hừng sáng, những đòn đòn đập sấm sét của pháo binh và lối đánh thọc sâu, táo bạo của các đơn vị tăng thiết giáp, lực lượng bộ binh cơ giới của Quân đoàn 2 có lực lượng trinh sát Quân khu 6 dẫn đường kết hợp với Sư đoàn 3, Trung đoàn 25 và địa phương đồng loạt tiến công địch. Đến 8 giờ, ta chiếm được Phan Rang, cảng Ninh Chữ. Đến 10 giờ, làm chủ hoàn toàn sân bay Thành Sơn, bắt tên Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang. Đến 15 giờ ngày 16 tháng 4 năm 1975, tỉnh Ninh Thuận hoàn toàn giải phóng. Chủ lực Bộ tiếp tục cơ động vào Bình Thuận; Trung đoàn 812, Quân khu 6, cùng lực lượng địa phương phối hợp đánh địch. Đến 20 giờ ngày 18 tháng 4 năm 1975, quân ta chia thành 3 mũi có xe tăng của Quân đoàn 2 dẫn đầu tiến công và làm chủ thị xã Phan Thiết. Ngày 19 tháng 4 năm 1975, tỉnh Bình Thuận hoàn toàn giải phóng.

Trong những ngày ta tiến công giải phóng Ninh Thuận, Bình Thuận thì ở Bình Tuy, các lực lượng địa phương cũng liên tục tấn công địch. Sau khi giải phóng Phan Thiết, Trung đoàn 812 (thiếu) và Tiểu đoàn 200c đặc công Quân khu 6 phối hợp cùng với 1 đại đội bộ binh cơ giới có xe bọc thép và pháo binh của Quân đoàn 2 yểm trợ chia thành 2 mũi đánh thẳng vào thị xã La Gi. Đến 23 giờ ngày 20 tháng 4 năm 1975, ta chiếm được thị xã. Ngày 23 tháng 4 năm 1975, tỉnh Bình Tuy hoàn toàn giải phóng.

Lá chắn mạnh phòng thủ Sài Gòn từ xa Phan Rang – Tháp Chàm bị đập tan, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy lần lượt được giải phóng, cánh quân duyên hải của Bộ ngày đêm rầm rập tiến về phía Sài Gòn. Bị quân ta đánh mạnh ở Xuân Lộc, trước sức ép nặng nề đó, ngày 20 tháng 4 năm 1975, địch buộc phải rút chạy khỏi Xuân Lộc về Biên Hòa – Bà Rịa. Như vậy, cánh cửa thép Xuân Lộc đã bị mở toang, tạo ra thế trận lợi hại ở hướng đông để cùng các hướng khác của Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

N.D.T

TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY GIẢI PHÓNG BÌNH THUẬN, PHỐI HỢP CHẶT CHẼ VỚI CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH MÙA KHÔ 1974 – 1975

Đại tá NGUYỄN THÀNH TRUNG*

Bình Thuận là một dải đất cuối cùng của miền cực Nam Trung bộ, một địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng trong suốt cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Bình Thuận có vùng rừng núi hiểm trở, rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Đông Nam bộ, mà trực tiếp là huyện Xuân Lộc (Long Khánh).

Bình Thuận còn là nơi tiếp giáp giữa 2 vùng chiến thuật 2 và 3 của địch, nơi đây nếu ta thực hiện chia cắt chiến lược thì đây là khu vực hiểm yếu của đối phương trong chiến tranh. Điều đó đã được đúc kết và chứng minh trong suốt các quá trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Mỗi khi Bình Thuận vào đợt hoạt động, mở chiến dịch, mà đặc biệt ở các huyện Hoài Đức, Tánh Linh, La Gi, Hàm Tân (thuộc tỉnh Bình Tuy cũ), thì lập tức không những có tác dụng căng kéo ngay quân địch tại chiến trường Xuân Lộc (Long Khánh) mà căng kéo lực lượng địch của cả Vùng 3 chiến thuật nguy.

Chính vì có vị trí đặc biệt quan trọng đó mà ngay trong ý định tác chiến mùa khô 1974 – 1975 của Bộ Tư lệnh Miền đã xác định rõ: *“Đối với chiến trường miền Đông Nam bộ và Quân khu 6 là: mở hoàn chỉnh khu căn cứ miền Đông, giải phóng lộ 14, giải phóng tỉnh Phước Long nối liền với Tây Ninh, tạo bàn đạp bao vây Sài Gòn từ hướng bắc, giải phóng Quốc lộ 20, huyện Hoài Đức, huyện Tánh Linh thuộc tỉnh Bình Tuy, chia cắt Quân khu 2 và Quân khu 3 của địch, nếu thuận lợi sẽ giải phóng Xuân Lộc tạo bàn đạp bao vây Sài Gòn từ hướng đông...”*. Từ ý định của Bộ Tư lệnh Miền, Quân khu 6 căn cứ vào tình hình thực tiễn của Quân khu lúc bấy giờ đã chọn chiến trường Bình Thuận là chiến trường trọng điểm để mở chiến dịch. Kế hoạch của Quân khu được Bộ Tư lệnh Miền thông qua tháng 11 năm 1974, chia thành 2 đợt như sau:

- Đợt 1: từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975.
- Đợt 2: từ tháng 3 năm 1975 đến 30 tháng 4 năm 1975.

Vào đợt 1, về ta, trên chiến trường trọng điểm Hoài Đức, Tánh Linh gồm có: Trung đoàn 812, Tiểu đoàn 200c, 1 tiểu đoàn pháo 130, 1 đại đội công binh, 1 đại đội trinh sát của Quân khu 6, Đại đội 88 bộ binh, Đại đội 81 đặc công của tỉnh Bình Tuy và các đơn vị bộ đội địa phương của Hoài Đức, Tánh Linh.

- Lực lượng trên tăng cường gồm Sư đoàn 6, Quân khu 7, ngoài ra còn có lực lượng quân du kích, các đội công tác vũ trang và các cơ quan cùng tham gia.
- Về địch: tại đây và chi viện từ nơi khác đến gồm phần lớn lực lượng của

(*) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận.

Sư đoàn 18 bộ binh ngụy. Trung đoàn 5 thiết giáp, Liên đoàn 7 biệt động quân, Tiểu đoàn bảo an 335, 2 đại đội bảo an 710, 720, 1 đại đội viễn thám 513, 1 đại đội pháo 105 (2K) 18 trung đội dân vệ, ngoài ra mỗi xã còn có 1 toán phòng vệ dân sự và cảnh sát, bộ máy kèm kẹp. Như vậy qua so sánh về quân số, trang bị kỹ thuật đã phần nào thấy sự khó khăn, quyết liệt của chiến dịch.

Đúng 0 giờ ngày 10 tháng 12 năm 1974, Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh đã đồng loạt nổ súng. Trận đánh kéo dài liên tục 15 ngày đêm gay go và ác liệt. Đến trưa ngày 25 tháng 12 năm 1974, ta mới giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh, và phần lớn vùng nông thôn phụ cận của huyện Hoài Đức, bao vây cô lập chi khu Hoài Đức, thị trấn Võ Đắc.

Tại huyện Tánh Linh, trong 15 ngày đêm chiến đấu, ta đã diệt và bắt trên 1.000 tên địch, trong đó diệt gọn 1 tiểu đoàn và 3 đại đội bộ binh, 1 trung đội pháo 105 mm, 8 trung đội dân vệ và giải tán 12 toán phòng vệ dân sự, toàn bộ lực lượng kèm kẹp của địch tại Tánh Linh.

Thừa thắng, ngày 31 tháng 12 năm 1974, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định tập trung toàn bộ lực lượng gồm Sư đoàn 6, Quân khu 7, Trung đoàn 812, Tiểu đoàn 200c, Quân khu 6 và lực lượng địa phương Bình Tuy tiến công tiêu diệt chi khu Hoài Đức, thị trấn Võ Đắc. Dự kiến trận đánh chỉ trong 3 ngày đêm, nhưng do địch lúc bấy giờ đã chi viện đến đây 1 lực lượng khá mạnh gồm: Chiến đoàn 43, Sư đoàn 18, 1 đại đội viễn thám của tiểu khu Bình Tuy. Đồng thời chúng đã mở được hướng giải tỏa mới theo Quốc lộ 20 qua sông La Ngà vào hướng tây Võ Đắc, lập cứ điểm pháo binh Trà Cổ để chi viện tối đa cho Hoài Đức. Do tính chất ác liệt ấy mà trận đánh kéo dài liên tục 10 ngày đêm, ta vẫn không dứt điểm được chi khu Hoài Đức và thị trấn Võ Đắc. Đến đêm 9 tháng 1 năm 1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch cho giãn lực lượng ra để củng cố và làm chủ vững chắc các vùng phụ cận, đánh địch phản kích đồng thời Bộ Tư lệnh Miền cũng cho kết thúc đợt 1 Chiến dịch.

Trong suốt tháng 2 năm 1975, Trung đoàn 812, Quân khu 6 chốt giữ Tánh Linh liên tục đánh địch phản kích, dùng một bộ phận trinh sát, Quân khu 6 chốt giữ Núi Dinh, một địa điểm cực kỳ quan trọng để theo dõi, làm bàn đạp tiến công chi khu Hoài Đức, Trung đoàn 33, Sư đoàn 6 tiếp tục chốt giữ đường số 3 và củng cố lực lượng chuẩn bị cho đợt 2.

Trong 1 tháng, các đơn vị liên tục chiến đấu và đánh lui hàng trăm đợt phản kích lớn nhỏ của địch, diệt và làm bị thương hàng ngàn tên địch, bảo vệ vững chắc vùng mới giải phóng, đưa hơn 20.000 dân của huyện Hoài Đức, Tánh Linh về lại vùng đất cũ làm ăn, mở ra vùng giải phóng rộng lớn và liên hoàn, tạo thành gọng kèm ngày càng siết chặt vào mục tiêu cuối cùng là Sài Gòn.

Bước vào đợt 2 mùa khô 1974–1975, cũng tại chiến trường này, qua quá trình tiến công thắng lợi và giữ vững thế chiến lược của ta trong đợt 1, cùng với khí thế tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường, đặc biệt là Buôn Ma Thuột, Tây Nguyên và Khu 5, đã gây cho địch sự sụp đổ nhanh chóng và toàn diện. Bị mất Quân khu 1 và gần hết Quân khu 2, trong thế tuyệt vọng, địch đã sáp nhập phần còn lại của Quân khu 2 vào Quân khu 3 và xây dựng phòng tuyến lá chắn ở

Phan Rang nhằm ngăn chặn lực lượng ta từ xa. Nhưng chúng đã không cứu vãn được tình thế.

Tinh thần sĩ quan và binh lính nguy dao động đến cực độ, mặc dù vũ khí và phương tiện chiến tranh còn khá đầy đủ và hiện đại.

Về ta: sau chiến thắng Phước Long, giải phóng Tánh Linh và hầu hết vùng nông thôn phụ cận của Hoài Đức, Hàm Tân, Hàm Thuận... tạo thành một vùng liên hoàn rộng lớn, trong và ngoài tỉnh, thế và lực lượng của ta mạnh hơn lúc nào hết.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn chiến trường Quân khu 6 nói chung và Bình Thuận nói riêng, được Bộ Tư lệnh Miền xác định nhiệm vụ như sau: “Đối với miền Đông, Khu 6 và khối chủ lực Miền, nhiệm vụ Miền giao trong đợt 2 là: *phải tiêu diệt sinh lực địch, hoàn chỉnh khu giải phóng, nối thông hành lang xuống phía đông Sài Gòn. Quân đoàn 4 cùng với lực lượng địa phương tổ chức chiến dịch binh chủng hợp thành trên 2 hướng Dầu Tiếng và Quốc lộ 20. Riêng đối với Khu 6 và Quân khu 7 phải hoàn thành mở Võ Đắc, phát triển mở Quốc lộ 1 (tây bắc Long Khánh). Quân khu 6 sau đó phát triển về hướng Di Linh.*”

Như vậy, trong quá trình giao nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Miền đã đánh giá một cách nhất quán tính liên hoàn của chiến trường cần phải hiệp đồng một cách chặt chẽ ăn ý để tạo ra một sức mạnh tổng hợp chiến thắng đối phương trong mọi tình huống. Chính vì vậy, mọi thắng lợi trên chiến trường Quân khu 6 nói chung và Bình Thuận nói riêng đều có tác dụng trực tiếp hỗ trợ, chia lửa cùng với cả chiến trường miền Đông Nam bộ và Xuân Lộc (Long Khánh).

Như vậy, trong đợt 2, theo hiệp đồng thống nhất giữa các lực lượng của Miền, Quân khu 6, Quân khu 7 và lực lượng vũ trang địa phương như sau:

Đúng 23 giờ ngày 16 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 6 (thiếu) tiến công địch trên Quốc lộ 1 (đoạn Gia Ray), lực lượng Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 tiến công địch tại chi khu Định Quán trên Quốc lộ 20, Trung đoàn 812, Tiểu đoàn 200 của Quân khu 6 và lực lượng vũ trang địa phương Bình Tuy tiến công địch tại chi khu Hoài Đức và thị trấn Võ Đắc.

Sau khi ta tiến công đợt 1, địch tại đây rút kinh nghiệm, điều chỉnh và tăng cường binh hỏa lực phòng ngự vững chắc hơn, chi viện cho nhau hiệu quả hơn, nên ta phải đánh theo lối bóc vỏ từ ngoài vào. Từ đêm 16 đến 18 tháng 3 năm 1975, các lực lượng vũ trang của Quân khu 6 cùng với lực lượng của tỉnh Bình Tuy lần lượt đánh chiếm các mục tiêu ở ngoại vi và đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, chặn đứng được quân viện trên đường số 3, kềm chế, chia cắt các tiểu đoàn bảo an từ các ấp về chi viện cho chi khu, giữ vững các mục tiêu vừa chiếm. Đến 6 giờ 40 phút ngày 20 tháng 3, ta mới dứt điểm được chi khu Hoài Đức, tiến hành tảo trừ, truy quét tàn quân địch, thừa thắng đánh chiếm và giải phóng một số ấp, xã còn lại. Đến cuối ngày 23 tháng 3 năm 1975, huyện Hoài Đức đã được giải phóng hoàn toàn.

Hoài Đức được giải phóng nối liền với huyện Tánh Linh và căn cứ Nam Sơn giáp với Quốc lộ 20 Định Quán, Quốc lộ 1 mở ra một vùng giải phóng rộng lớn liên hoàn tạo thành bàn đạp cực kỳ quan trọng cho quân chủ lực trong Chiến dịch

Hồ Chí Minh.

Sau khi giải phóng Hoài Đức, Trung đoàn 812 Quân khu 6 “lật cánh” phối hợp cùng Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 giải phóng Bảo Lộc, Di Linh và hành quân thần tốc về giải phóng thành phố Đà Lạt (Tuyên Đức), lực lượng địa phương của Bình Thuận, Bình Tuy tiếp tục củng cố vùng giải phóng và lần lượt làm chủ đoạn Quốc lộ 1 từ km 30 đến căn cứ 5 giáp ranh với huyện Xuân Lộc.

Có thể nói trong thời gian này lực lượng vũ trang Bình Thuận được Quân khu 6 chi viện trực tiếp, hầu như đã làm chủ các vùng nông thôn rộng lớn, cô lập và uy hiếp thị xã Phan Thiết, thị xã La Gi, tỉnh lỵ Bình Tuy, thế và lực của ta mạnh hơn lúc nào hết.

Ngày 16 tháng 4 năm 1975, một lá chắn thép, một mắt xích thứ nhất tại thị xã Phan Rang đã bị đập tan, tỉnh Ninh Thuận đã được hoàn toàn giải phóng.

Ngày 19 tháng 4 năm 1975, trên đường thần tốc của cánh quân duyên hải (Quân đoàn 2) cùng với lực lượng vũ trang địa phương đã giải phóng thị xã Phan Thiết, tỉnh lỵ của tỉnh Bình Thuận, mở ra một vùng rộng lớn liên hoàn từ miền Trung, Tây Nguyên đến giáp cánh cửa thép của địch ở Xuân Lộc.

Kẻ địch cũng biết rằng, phòng tuyến Phan Rang bị thất thủ, Xuân Lộc sẽ bị mất, là đồng nghĩa với Sài Gòn mất, chính vì thế mà chúng cũng ra sức hò hét, hà hơi tiếp sức, cố bầu víu những gì còn bầu víu được trong cơn hấp hối. Điên cuồng hơn, chúng đã ném hàng ngàn tấn bom trong đó có cả bom ngạt CBU xuống Xuân Lộc. Có thể nói đây là quả bom chiến lược cuối cùng của chế độ ngụy Sài Gòn trước giờ giã tay chết.

Đến 21 tháng 4 năm 1975, lá chắn thép, phòng tuyến lửa và cũng là một mắt xích cuối cùng là Xuân Lộc đã bị đập tan. Chiếc thông lọng đã siết chặt hơn vào cổ của chế độ Sài Gòn, tạo thuận lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh ở giai đoạn cuối “táo bạo hơn” “thần tốc hơn” và giành thắng lợi cuối cùng vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử.

Qua nghiên cứu Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc cho chúng ta thấy nổi lên những bài học sâu sắc sau đây:

Một là, ta đã sử dụng lực lượng sẵn có tại chỗ của Quân đoàn 4, Quân khu 7 và lực lượng vũ trang địa phương, chưa sử dụng đến cánh quân duyên hải (Quân đoàn 2) như phòng tuyến Phan Rang, tạo thuận lợi cho cánh quân này đủ sức thần tốc hơn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Hai là, kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba mũi giáp công, ba lực lượng, trên cả ba vùng, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hành giải phóng quê hương. Đây là một bài học quý giá trong suốt cả quá trình kháng chiến đến giai đoạn cuối.

Chính nhờ phát huy tối đa sức mạnh đòn xeo của quân chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương kết hợp chặt chẽ với mũi binh vận tiến hành đánh nhỏ, đánh sâu, đánh hiểm, bức hàng, bức rút, bóc gỡ hàng loạt đồn bót nhỏ lẻ ở ngoại vi thị xã, tạo thuận lợi cho quân chủ lực tiến hành những quả đấm mạnh quyết định giành thắng lợi cuối cùng.

Ba là, tuy lực lượng địa phương không nhiều, nhưng thật bền bỉ, dẻo dai, bám trụ kiên cường, thông minh và sáng tạo, sử dụng nhiều lối đánh thích hợp, táo bạo làm cho kẻ thù đã hoang mang dao động lại càng hoang mang dao động đến cực độ. Đó là các đội du kích, các đội vũ trang tuyên truyền, Đại đội 9, Đại đội 203, K8, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 33, đội Đặc công trinh sát, đại đội Công binh, đại đội Cối nữ và đội Biệt động thị xã... lớp trước ngã, lớp sau kế tiếp dũng cảm quên mình lập chiến công vang dội.

Bốn là, chấp hành nghiêm mệnh lệnh chiến đấu, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết trên dưới một lòng, tận dụng tối đa thuận lợi cơ bản trên chiến trường toàn Miền, đặc biệt là chiến trường giáp ranh như: Bình Thuận, Bình Tuy, Lâm Đồng, Phước Long..., đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ để giành thắng lợi.

Qua nghiên cứu cục diện chung của toàn chiến trường miền Nam trong tháng 4 năm 1975 lịch sử, Bình Thuận là vùng đất nối liền máu thịt với miền Đông Nam bộ nói chung và Xuân Lộc (Long Khánh) nói riêng, trong suốt cả cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Vì vậy, giải phóng Bình Thuận có ý nghĩa sâu sắc đến Chiến thắng Xuân Lộc (Long Khánh), đặc biệt là ở giai đoạn cuối 1974 đầu năm 1975, Bình Thuận – Quân khu 6 đã giải phóng 2 huyện giáp ranh là Hoài Đức, Tánh Linh, làm chủ phần lớn Quốc lộ 1 ở trong tỉnh và Quốc lộ 20 (Định Quán).

Bình Thuận đã đánh tiêu diệt và gây thiệt hại nặng cho một số đơn vị quân ngụy mà sau này những đơn vị ấy cũng tham chiến ở Xuân Lộc như: Sư đoàn 18 bộ binh, Liên đoàn 7 biệt động quân và các đơn vị thiết xa vận...

Trên phương diện đó, Bình Thuận cũng rất tự hào đã đóng góp tích cực công sức, xương máu của mình cùng với quân và dân cả nước nói chung, Xuân Lộc (Long Khánh) nói riêng giành thắng lợi cuối cùng ngày 30 tháng 4 năm 1975.

N.T.T

ĐẬP TAN LÁ CHẴN PHAN RANG, MỞ TOANG CÁNH CỬA THÉP XUÂN LỘC, TẠO THUẬN LỢI CHO CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Trung tá PHẠM VĂN ĐƯỢC*

Chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng giành được những thắng lợi to lớn. Lần đầu tiên ta đã tiêu diệt và làm tan rã trên 35% lực lượng địch gồm 2 quân khu, 2 quân đoàn với chừng 40% binh khí kỹ thuật hiện đại, thu và phá hủy trên 40% cơ sở vật chất hậu cần. Giải phóng 12 tỉnh, đưa tổng số dân vùng giải phóng lên trên 8 triệu người.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị họp quyết định: *“Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Từ giờ phút này trận quyết chiến, chiến lược cuối cùng của quân ta đã bắt đầu”*. Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, quyết tâm lớn thực hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm.

Sau khi giải phóng Tánh Linh, Hoài Đức và diệt chi khu Định Quán để phối hợp chiến trường, thực hiện chia cắt chiến lược giữa Quân khu 2 và Quân khu 3 của địch đảm bảo và mở rộng hành lang chiến lược tiến công Sài Gòn trên hướng đông bắc, Bộ Tư lệnh Miền chủ trương nhanh chóng đánh giải phóng tỉnh Lâm Đồng và nếu thuận lợi thì phát triển giải phóng luôn Tuyên Đức.

Ngày 28 tháng 3 năm 1975, từ vị trí xuất phát, dưới sự yểm trợ của xe tăng, pháo binh, toàn bộ Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 chia thành 2 cánh tiến đánh thị xã Bảo Lộc. Trước sức tiến công mạnh mẽ của quân ta, địch lớp bị diệt, lớp tháo chạy tán loạn về hướng Di Linh. 9 giờ sáng ngày 28 tháng 3, ta giải phóng thị xã Bảo Lộc. Ngày 29 tháng 3, địch đổ quân phản kích, định chiếm lại Di Linh đã bị Trung đoàn 812 Quân khu 6 bám đánh quyết liệt và truy đuổi, chặn đường tháo chạy của chúng ở Đồng Lạc, thu 5 khẩu pháo, 3 xe chở vũ khí đạn dược. Đến 15 giờ ngày 31 tháng 3, tỉnh Lâm Đồng hoàn toàn giải phóng. Quốc lộ 20 từ Lâm Đồng đến Túc Trưng hoàn toàn do ta làm chủ, hành lang chiến lược để cơ động lực lượng và binh khí kỹ thuật vào chiến trường trọng điểm đã mở, tạo thêm một bàn đạp tiến công Sài Gòn trên hướng đông bắc.

Tình hình trên chiến trường phát triển hết sức nhanh chóng, bọn địch ở Đà Lạt hoang mang rút chạy. Trung đoàn 812 và lực lượng địa phương nhanh chóng vào tiếp quản Đà Lạt. Bọn đầu sỏ nguy quân nguy quyền ở Ninh Thuận, Bình Thuận cũng hốt hoảng kéo nhau chạy ra biển, bỏ ngổ thị xã Phan Rang, Phan Thiết trong các ngày 2 và 3 tháng 4 năm 1975. Đến ngày 4, 5 thấy lực lượng ta chưa đến và bọn trên thúc ép, chúng quay trở lại.

(*) Hội Cựu Chiến binh tỉnh Bình Thuận.

Để ngăn chặn cuộc tiến công của ta, cứu vãn tình hình nguy ngập của chế độ Sài Gòn, theo kế hoạch của Uýen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, bọn ngụy quyền cho lập tuyến phòng thủ từ xa, lấy Phan Rang – Tháp Chàm làm vị trí tiền tiêu nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh làm chốt phía tây. Bọn địch hô hào phải tử thủ Phan Rang, phải giữ cho được Xuân Lộc.

Địch nhập 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận của Quân khu 2 vào Quân khu 3, thành lập Bộ tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 do Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang cầm đầu đóng tại căn cứ không quân chiến lược Thành Sơn. Chúng tập trung một lực lượng lớn gồm Lữ đoàn dù số 2, Liên đoàn 31 biệt động quân, Sư đoàn không quân số 6 có khoảng 100 máy bay các loại, 1 tiểu đoàn pháo. Ở Phan Thiết có Liên đoàn 24 biệt động quân, Trung đoàn 3 thuộc Sư đoàn 2, Tiểu đoàn 330 bảo an, 1 tiểu đoàn pháo và hàng ngàn cảnh sát, phòng vệ dân sự địa phương.

Ở Xuân Lộc có Sư đoàn 18 đủ 3 chiến đoàn, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân. Lực lượng cơ động ứng cứu có Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Liên đoàn 7 biệt động quân và các trung đoàn bộ binh, các đơn vị binh chủng của hai quân khu 3 và 4.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, Đảng ủy Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 họp bàn phương án đánh chiếm Xuân Lộc và xem đây là một khu vực phòng thủ mạnh của địch có tính chất sống còn với chế độ Sài Gòn, có lực lượng cơ động ứng cứu nhanh. Do đó, Quân đoàn đề ra phương châm chỉ đạo tác chiến là “Đánh chắc, tiến chắc” nhưng trước tình hình quân địch đang hoang mang dao động cần phải khẩn trương và táo bạo.

5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 nổ súng tiến công Xuân Lộc, các trận địa pháo của ta đồng loạt nhả đạn. Sau 1 giờ chiến đấu, quân ta chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA của địch. Các chiến sĩ Phạm Lê Canh, Nguyễn Văn Trọng của Tiểu đoàn 5 Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Minh Đức của Tiểu đoàn 7 cùng đồng đội mang lá cờ quyết thắng tiến vào dinh tỉnh trưởng Long Khánh. Lực lượng tự vệ mật thị xã dũng cảm leo lên cắm cờ trên các mục tiêu đã chiếm. Tướng Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 bỏ sở chỉ huy chạy ra ngã ba Tân Phong, Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng Long Khánh cũng bỏ chạy ra Núi Thi.

Sau ngày chiến đấu đầu tiên, ta đã chiếm một phần hai thị xã gồm toàn bộ khu hành chánh và tiểu khu. Bộ Tư lệnh Quân đoàn quyết định tiếp tục tiến công tiêu diệt Sư đoàn 18, giải phóng thị xã. Ngày 10 tháng 4, Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 tăng cường lực lượng đánh phản kích, kiên quyết giữ các mục tiêu đã chiếm. Ngày 11 tháng 4, chiến sự diễn ra quyết liệt ở bên trong và ngoại vi thị xã Long Khánh. Ngày 12 tháng 4 và những ngày tiếp theo, địch tăng cường lực lượng lớn gồm 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng, thiết giáp của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng trừ bị tương đương cấp sư đoàn và lực lượng không quân từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động với mức độ cao từ 80 lần đến 125 lần chiếc/ngày trực tiếp chi viện cho các mũi phản kích.

Qua 3 ngày chiến đấu, ta vẫn giữ được một số mục tiêu quan trọng nhưng ta thương vong lớn, Sư đoàn 7 thương vong gần 300, Sư đoàn 341 thương vong gần

1200 cán bộ, chiến sĩ; xe tăng và pháo cũng bị hư hỏng nhiều và đạn được từ phía sau cũng không đưa lên kịp. Trước tình hình trên, đồng chí Trần Văn Trà, Phó tư lệnh Chiến dịch cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 quyết định tổ chức lại lực lượng và thay đổi cách đánh, ngừng tiến công các vị trí địch trong thị xã, tổ chức chiếm giữ các bàn đạp đã chiếm, cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa Vũng Tàu.

Trong khi ta chuyển thể trận và cách đánh, địch lại tưởng rằng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu tuyên truyền rùm beng về chiến thắng Xuân Lộc, tạo một thắng lợi tâm lý và chính trị để hy vọng Mỹ còn tin tưởng và viện trợ hòng củng cố lại tinh thần cho quân ngụy đang rệu rã. Mỹ thì cũng mong có được một thắng lợi để mặc cả với ta trong một cuộc đàm phán nếu có. Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 thì huênh hoang tuyên bố: *“Việt cộng dù có thêm mấy sư đoàn nữa cũng không chiếm được Long Khánh... Việt cộng muốn qua Long Khánh thì phải bước qua xác của Đảo này...”*

Ngày 12 tháng 4, Bộ Tư lệnh cánh quân Duyên Hải họp cùng đại diện của Quân khu 5, Quân khu 6 và Quân đoàn 2 do đồng chí Lê Trọng Tấn chủ trì bàn kế hoạch tấn công giải phóng Phan Rang, Phan Thiết. Ngày 14 tháng 4, thể theo nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ trên toàn chiến trường, Bộ Chính trị nhất trí đặt tên Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Giờ đây, tên Bác gắn với một sự kiện lịch sử trọng đại sắp diễn ra, cho thấy tầm vóc to lớn của chiến dịch, tính triệt để và tất thắng của nó. Các chiến sĩ vinh dự có mặt trong chiến dịch lịch sử mang tên Người sẽ dũng mãnh xóc tới, đập tan sào huyệt cuối cùng của địch, giành thắng lợi lớn nhất, nhanh nhất.

Như vậy có thể nói Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu từ cuộc tiến công vào tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang – Tháp Chàm. Ngày 14 tháng 4, Sư đoàn 3, Trung đoàn 25 có bộ đội địa phương và nhân dân Bác Ái phối hợp tiến công các cụm tiền tiêu của địch ở Du Long. Tối 14 tháng 4, Trung đoàn 2, Sư đoàn 3 đập nát tuyến phòng thủ của Liên đoàn 31 biệt động quân tại Du Long. Trung đoàn 25 đánh chiếm một số điểm ngoại vi sân bay Thành Sơn. Ngày 15 tháng 4, ta đánh chiếm tuyến phòng thủ thứ hai ở Kiền Kiền và tấn công vào cảng Ninh Chữ. Trước những đòn tấn công sấm sét của pháo binh và lối đánh thọc sâu táo bạo của các đơn vị xe tăng, thiết giáp, bọn địch phần lớn bị tiêu diệt và bỏ chạy. 8 giờ ngày 16 tháng 4, lực lượng ta xuất hiện trước tiểu khu, tòa hành chính, xe tăng ngược đường 11 tiến về sân bay phối hợp với Trung đoàn 25 đánh chiếm sân bay Thành Sơn. Bọn địch hoảng loạn bỏ chạy không kịp ra máy bay, tướng tá lủi trốn trong các xóm nhà dân. 10 giờ ngày 16 tháng 4 năm 1975, ta kiểm soát và làm chủ toàn bộ sân bay Thành Sơn và thị xã Phan Rang Tháp Chàm. Nhân dân và bộ đội lòng bắt được 2 tên tướng ngụy là Nguyễn Vĩnh Nghi, Phạm Ngọc Sang và một số sĩ quan tùy tùng.

Trong khi cánh quân Duyên Hải đập nát lá chắn Phan Rang giải phóng hoàn toàn tỉnh Ninh Thuận ngày 16 tháng 4 và nhanh chóng tiến vào giải phóng Phan Thiết thì ngay trong đêm 14, rạng sáng 15 tháng 4, pháo 130 mm của ta cũng bắn

cấp tập vào sân bay Biên Hòa, Sư đoàn 6, Trung đoàn 95B tiến công mãnh liệt, tiêu diệt Chiến đoàn 52 nguy ở khu vực ngã ba Dầu Giây, thu 12 khẩu pháo và toàn bộ xe tăng, thiết giáp của Chi đoàn 13. Hai ngày 16, 17 tháng 4, địch tổ chức phản kích với một lực lượng lớn có trên 200 xe tăng, thiết giáp, 100 khẩu pháo ở các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thước, Long Bình, Đại An và trên 100 lần chiếc máy bay chiến đấu chi viện mỗi ngày. Trận chiến đấu diễn ra ác liệt ở Hưng Nghĩa, cao điểm 122. Sư đoàn 6, Trung đoàn 95B chiến đấu kiên cường, đẩy lùi quân địch, diệt gọn từng tiểu đoàn địch, bắt trên 100 tù binh, đẩy lùi chúng xuống Bàu Cá. Ở khu vực Xuân Lộc, Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 liên tục tấn công địch, đánh tan tác 2 chiến đoàn 43 và 48 thuộc Sư đoàn 18, diệt một bộ phận quân dù. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, tướng Lê Minh Đảo đề nghị rút bỏ Xuân Lộc. Bộ Tổng tham mưu nguy không còn con đường nào khác, nhất là khi biết được tám lá chắn Phan Rang đã bị đập nát, quân chủ lực của ta đang rầm rập tiến về phía nam, phải đồng ý và chỉ thị cho Đảo phải giữ bí mật kế hoạch rút chạy tránh bị tiêu diệt.

Tối ngày 20 tháng 4, bọn địch ở Xuân Lộc rút chạy, toàn bộ bộ binh, cơ giới trên 220 xe tranh nhau tháo chạy khỏi thị xã, báo hiệu sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn. Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Quốc phòng nguy phải kêu lên: *“Quốc gia đang trong tình trạng nguy ngập thật sự, sự sống còn chỉ tính từng tuần, từng ngày, không thể tính từng tháng...”*. Tối ngày 21 tháng 4, Tổng thống nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức. Tổng thống Hoa Kỳ cũng đã công khai thừa nhận: *“Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc đối với Mỹ”*.

Đập tan tám lá chắn Phan Rang – Tháp Chàm niềm hy vọng của nguy quân nguy quyền sụp đổ, giờ đây tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc, cánh cửa thép bảo vệ Sài Gòn từ hướng đông đã mở. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng, thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn, làm suy sụp thêm tinh thần đang hoang mang dao động của quân nguy. Đặc biệt đã tạo ra một thế trận mới, một hậu phương rộng lớn có nhiều thuận lợi cho nhiều binh đoàn chủ lực từ phía bắc, phía đông và đông nam bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn.

Chiến thắng Phan Rang – Tháp Chàm mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh, Chiến thắng Xuân Lộc báo hiệu sự sụp đổ của chế độ tay sai Sài Gòn là điểm khởi đầu của chiến dịch, mang tính tất yếu của lịch sử, là niềm tự hào, là điểm son trong Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau 28 năm, kể từ ngày Chiến thắng Xuân Lộc, chúng ta tạm có đủ thời gian suy nghĩ để nhìn lại trận Xuân Lộc, một trận thắng xuất sắc trong Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Chúng ta có thể khẳng định đây là một điểm son trong lịch sử đấu tranh cách mạng của quân dân Đồng Nai, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả dân tộc.

Kỷ niệm Chiến thắng Xuân Lộc không phải chỉ có nhắc lại những chiến tích đã qua mà phải thiết thực hơn và quan trọng hơn là phải vận dụng một cách sáng tạo những bài học lịch sử vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Phải chăng đó là bài học về: *“Nắm vững quan điểm thực tiễn và quan điểm phát*

triển một cách sáng tạo, nắm vững đường lối chính sách của Đảng, kiên quyết, chủ động, tích cực vận dụng vào điều kiện đang trên đà đổi mới của Đồng Nai để tạo nên những bước nhảy vọt mới, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

P.V.Đ

TRẬN ĐÁNH CẦU RẠCH CHIẾC – MỘT TRONG NHỮNG NÚT CHẠY CUỐI CÙNG CỦA ĐỊCH SAU KHI QUÂN TA ĐẬP TAN “CÁNH CỬA THÉP” XUÂN LỘC

Thượng tá HỒ SĨ THÀNH*

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, mặt trận Xuân Lộc mở ra đã thực sự làm cho chiến trường ở vùng phụ cận và Sài Gòn – Gia Định chuyển động với cấp độ gia tăng từng ngày. Các lực lượng vũ trang của cấp trên và địa phương đã xuống sâu áp sát nội đô, hình thành các điểm nóng bảo vệ hành lang chiến dịch và chuẩn bị đánh chiếm, giữ “cửa mở” cho các cánh quân lớn của Bộ và của Miền vào “quyết chiến điểm” Sài Gòn – trung tâm đầu não bộ máy chiến tranh của Mỹ – ngụy.

Ở phía đông bắc Sài Gòn, tác động của mặt trận Xuân Lộc khiến địch hốt hoảng tập trung phòng thủ, đặc biệt dọc theo Quốc lộ 1, hướng xung yếu nhất của địch nhằm bảo vệ “thủ đô” của chúng không rơi vào tay Cộng sản.

Ngày 21 tháng 4 năm 1975, sau khi “cánh cửa thép” Xuân Lộc, phòng tuyến sống chết của quân ngụy (cách Sài Gòn 80 km), bị đập tan, quân chủ lực ta như con lốc tiến về sào huyệt cuối cùng của địch. Thời cơ giải phóng Sài Gòn đã nằm trong tầm tay.

Trước đây, khi khởi đầu Chiến dịch mùa Xuân 1975, các lực lượng vũ trang địa phương có nhiệm vụ dần mỏng lực lượng địch, đồng thời phá hoại giao thông cầu cống, cản trở, chia cắt và cầm chân chúng, thì giờ đây việc tối quan trọng là phải bảo vệ được cầu, trong đó có các cây cầu quan trọng trên tuyến đường huyết mạch dẫn vào Sài Gòn như cầu Đồng Nai, cầu Rạch Chiếc, cầu Tân Cảng, cầu Bình Triệu, cầu Bông... Bởi nếu địch chiếm giữ hoặc phá bỏ các cầu này sẽ gây trở ngại cho xe tăng của các quân đoàn chủ lực đột phá đánh chiếm các mục tiêu trên đường tiến quân và dĩ nhiên cái đích cuối là Sài Gòn. Trong lúc này tốc độ hành tiến chậm hoặc đội hình ùn tắc, ta sẽ gặp nhiều bất lợi, dẫn đến không đảm bảo kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trước mùa mưa 1975. Điều đó cho thấy việc đánh chiếm và giữ các cầu quan trọng cho “quả đấm chủ lực” cấp trên, có vai trò hết sức quan trọng.

Ngày 26 tháng 4, khi vành đai thép của quân ta siết chặt xung quanh sào huyệt địch, các đơn vị khẩn trương bước vào giai đoạn quyết định của Chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong lòng địch, các lực lượng chính trị và quần chúng cách mạng đã sẵn sàng nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang, đập tan bộ máy ngụy quyền, ngụy quân.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Chiến dịch “bằng mọi giá phải bảo vệ cho được cầu Rạch Chiếc và cầu Sài Gòn”, Lữ đoàn 316 đặc công và một đại đội

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

của Trung đoàn 116, thực hành tấn công vào bọn địch cố thủ ở 2 đầu cầu Rạch Chiềc. Bộ đội địa phương huyện Thủ Đức có nhiệm vụ đánh chiếm và giữ cầu Sài Gòn. Đây là hai cây cầu quan trọng bậc nhất trên hướng tiến công của Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2, có lực lượng địch phòng thủ mạnh, cách Sài Gòn ở cự ly rất gần chỉ từ 10 đến 15 km. Riêng cầu Rạch Chiềc, địch đóng hai bót ở 2 đầu cầu với lực lượng tử thủ khoảng 2 trung đội, nay được tăng cường gấp đôi, gấp ba so với trước đây. Các địa phương ở gần cầu có nhiều đồn bót và lực lượng địch chi viện, ứng cứu khi cầu Rạch Chiềc bị tấn công.

Các đơn vị nhận lệnh đánh địch ở cầu Rạch Chiềc và cầu Tân Cảng đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu với khí thế và quyết tâm rất cao nhằm thực hiện cho được mục tiêu của cấp trên. Trong thời gian chờ đợi tấn công, cán bộ chiến sĩ phải trú ẩn giữa đồng trống, dưới bùng, chịu đựng cái nắng như thiêu đốt suốt ngày và nhin khát vì thiếu nước ngọt. Nếu không được bà con cô bác trong các ấp chiến lược tiếp tế lương thực, nước uống thì việc trụ bám, giữ bí mật đội hình và chiến đấu sẽ gặp khó khăn hơn nhiều.

Đêm 27 rạng 28 tháng 4, khoảng 3 giờ sáng, khi Tiểu đoàn 4 Thủ Đức tiến đến chân cầu Sài Gòn thì Lữ đoàn 316 nổ súng mãnh liệt tấn công bọn lính trên cầu Rạch Chiềc. Địch phản ứng quyết liệt bằng hỏa lực đại liên, trung liên, súng bộ binh... Pháo cối ở một số bót xung quanh cũng cấp tập bắn vào trận địa, chi viện, ứng cứu đồng bọn. Trên cây cầu không dài lắm và khu vực liên quan bị bao trùm khói lửa. Mặc dù vậy, với lối đánh sở trường, thọc sâu, chia cắt, các chiến sĩ đặc công đã áp sát quân địch. Trong vòng hơn một giờ, lực lượng ta đã tiêu diệt, bắt tù binh và đánh tan rã bọn lính chốt cầu, làm chủ trận địa.

Cùng lúc đó, ở cầu Sài Gòn, sau 5 phút nổ súng, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức đã chiếm được cầu và triển khai đánh địch phản kích ác liệt trong suốt ngày 28 tháng 4.

Phối hợp với các chiến sĩ đặc công biệt động, lực lượng vũ trang địa phương đã cùng với nhân dân nổi dậy diệt nhiều đồn bót địch, giải phóng một số xã ấp xung quanh khu vực cầu Rạch Chiềc và cầu Tân Cảng (cầu Sài Gòn).

Mờ sáng ngày 28 tháng 4, được máy bay, tàu chiến và xe tăng yểm trợ, quân nguy tổ chức tái chiếm cầu Rạch Chiềc từ 3 hướng. Chiến sự diễn ra rất khốc liệt. Ở phía bắc cầu, Z22 và Z23 đánh lui nhiều đợt phản kích của xe tăng và bộ binh địch. Nhưng nhờ vào sự tăng viện của Liên trường Thủ Đức, lại có xe tăng yểm trợ, địch phản kích rất mạnh hòng chiếm lại trận địa. Thiếu súng đạn, chiến sĩ ta phải dùng đại liên thu được của địch để chiến đấu. Nhiều chiến sĩ bị thương vì súng hết đạn. Trước áp lực nặng nề của địch, một mũi của ta tạm phải rút lui. Khi vượt qua bãi trống và băng sông dưới hỏa lực của địch, hàng chục cán bộ, chiến sĩ hy sinh.

Tại chân cầu Rạch Chiềc, một bộ phận của Tiểu đoàn 81 làm nhiệm vụ giữ cầu phải đương đầu với nhiều đợt phản kích của địch bằng xe tăng, bộ binh, tàu chiến. Nhiều toán địch cố vượt qua điểm chốt chặn của Z22 và Z23 lao lên mặt

cầu. Dưới sông, ca nô ngụy bắn yểm trợ cho bộ binh hùng chiếm lại lô cốt ở chân cầu. Trận chiến tại đây giằng co ác liệt. Nhiều chiến sĩ ta leo lên lô cốt dùng lựu đạn, thủ pháo đánh trả địch và đánh xáp lá cà với chúng. Xe tăng địch không chế mạnh các hỏa điểm của ta cho bộ binh chúng lên cầu, nhưng đều bị đánh bật trở lại.

Đến trưa 28 tháng 4, đơn vị giữ cầu buộc phải rút lui dưới tầm hỏa lực của địch, nhưng vẫn cố gắng đưa súng đạn và thương binh ra khỏi khu vực cầu. Bộ phận chốt chặn ở ngã ba Cát Lái cũng phải rút về rạch Ruột Ngựa để củng cố. Mặc dù đã có hơn 40 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, hàng chục người khác bị thương, vũ khí hao hụt, nhưng tinh thần anh em vẫn giữ vững, quyết tâm góp phần vào thắng lợi hoàn toàn đang đến gần.

Sau khi rút kinh nghiệm và thực hiện quyết tâm chiến đấu của trên, đêm 28 tháng 4, hơn 100 cán bộ, chiến sĩ còn lại tổ chức tiến công chiếm lại cầu Rạch Chiếc. Ta dùng B40, B41 và thủ pháo đánh bật xe tăng và lính ngụy khỏi mặt cầu. Địch hoảng loạn bỏ chạy về phía bắc cầu. Đơn vị nhanh chóng làm chủ toàn bộ trận địa cầu Rạch Chiếc; chốt giữ bám trụ đánh lui 7 đợt phản kích của địch.

Lúc này tàn quân địch ở Xuân Lộc, Biên Hòa, Bà Rịa tháo chạy về Sài Gòn đều bị chặn đứng lại ở phía bắc cầu Rạch Chiếc.

Sáng 30 tháng 4, địch cố gắng phản kích lần cuối hòng tìm lối thoát một cách tuyệt vọng trước sức chiến đấu kiên cường của các chiến sĩ cảm tử của ta. Chúng vứt toàn bộ súng đạn, quân trang tháo chạy tán loạn.

Ở phía nam cầu, Tiểu đoàn 81 đánh bật nhiều đợt phản kích của địch từ Cầu Đen lên và từ Giang đoàn 306 vào, giữ vững trận địa đến cùng.

Sau gần 3 ngày đêm chiến đấu vô cùng quả cảm, các đơn vị chiến đấu bảo vệ cầu Rạch Chiếc và cầu Tân Cảng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giữ nguyên vẹn 2 cây cầu lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho cánh quân phía đông bắc (chủ yếu là Quân đoàn 4) tiến công giải phóng thành phố Sài Gòn – Gia Định, kết thúc toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào trưa 30 tháng 4 năm 1975.

Trận cầu Rạch Chiếc không phải là trận “quyết chiến chiến lược” như có tài liệu đã nêu, nhưng nó là hệ quả của trận Xuân Lộc, như một mắt xích dây chuyền của địch cố kìm giữ sự đổ vỡ hoàn toàn trước sức tấn công bão táp của quân ta. Nhưng với sự chỉ đạo linh hoạt và quyết đoán của Bộ Chỉ huy Chiến dịch, quân và dân ta trên mặt trận cánh đông và đông bắc Sài Gòn đã phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp, chớp thời cơ giành thắng lợi từng trận đánh. Trong đó đã phát huy khí thế Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, đập tan từng cứ điểm cố thủ, tạo “cửa mở” để nhanh chóng thực hiện trận quyết chiến chiến lược tại Sài Gòn. Trong đó trận cầu Rạch Chiếc được coi như một cú giáng sau cùng làm tiêu tan hy vọng của chế độ ngụy Sài Gòn, tay sai đế quốc Mỹ.

Từ Xuân Lộc đến cầu Rạch Chiếc, một khoảng cách sau cùng của cuộc chiến tranh giải phóng dài 30 năm, đã để lại những dấu ấn lịch sử không thể phai

mờ. Ở đây ta đã rút ra được nhiều bài học quý về chỉ đạo và thực hành chiến đấu, giải quyết những trận đánh then chốt về chiến dịch và chiến thuật, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn trong thời khắc lịch sử chín mươi, không thể trễ hơn.

H.S.T

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH ĐÃ CỔ VŨ, THÚC ĐẨY MẠNH MẼ QUÂN VÀ DÂN SÀI GÒN – GIA ĐỊNH BƯỚC VÀO CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Thượng tá PHẠM CÔNG CHỮNG*

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Để đi đến thắng lợi vẻ vang đó – trên lĩnh vực quân sự, ta đã mở một số chiến dịch lớn qui mô và lực lượng khác nhau, đã tiêu diệt và làm tan rã nhiều sư đoàn, quân đoàn địch. Chiến dịch Xuân Lộc (từ ngày 9 đến ngày 21 tháng 4 năm 1975) là một chiến dịch ta gặp khó khăn nhất, có những trận đánh ác liệt nhất trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975. Giải phóng Xuân Lộc, Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ đã tạo ra một thế trận mới rất có lợi, mở rộng cánh cửa phía đông cho lực lượng Quân đoàn, cho các đơn vị bạn nhanh chóng tiến vào khu vực tập kết, chuẩn bị trực tiếp cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn, đập tan hang ổ cơ quan đầu não cuối cùng của Mỹ – ngụy, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đối với Sài Gòn – Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), Chiến thắng Xuân Lộc đã cổ vũ thúc đẩy mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Sài Gòn – Gia Định làm tốt công tác chuẩn bị bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Thời điểm diễn ra Chiến dịch Xuân Lộc là vào cuối mùa khô năm 1974 – 1975, khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 đã giành được thắng lợi to lớn, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột (10-3-1975), giải phóng Tây Nguyên và một loạt tỉnh từ Trị Thiên đến Khu 5. Ở chiến trường miền Đông Nam bộ ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975) và nhiều địa bàn quan trọng, bảo đảm hành lang thông suốt, hoàn chỉnh vùng giải phóng. Cũng trong thời gian này Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ đạo chiến trường miền Đông và Sài Gòn một mặt phải tiếp tục tiêu diệt những đơn vị lớn của địch, mặt khác phải hết sức khẩn trương tạo thế cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng đánh vào Sài Gòn.

Chiến dịch Xuân Lộc và những hoạt động chiến đấu, chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất... của quân và dân Sài Gòn – Gia Định trong thời gian này là thực hiện ý định chỉ đạo đó.

* * *

Theo kế hoạch chung của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền, đợt một của

(*) Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

chiến trường B2 mở ra từ ngày 5 tháng 12 năm 1974 đến cuối tháng 2 năm 1975, đợt hai từ ngày 9 tháng 3 năm 1975. Trong đợt một, lực lượng vũ trang thành phố Sài Gòn – Gia Định đã đẩy mạnh hoạt động về mọi mặt, giành được thắng lợi lớn; trong ba tháng đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ dự kiến cho cả năm 1975. Chỉ tính riêng vùng nông thôn, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 4.281 tên địch, bắn rơi 14 máy bay, bắn chìm 13 tàu chiến, phá hủy và phá hỏng 78 xe quân sự, chiếm 84 đồn bót và 5 kho, giải phóng hoàn toàn thêm 3 xã và giải phóng cơ bản thêm 4 xã, 37 ấp với 17.000 dân.

Sang đợt hai, quân và dân Sài Gòn – Gia Định lại đẩy mạnh hoạt động lên một bước mới; phá hủy 5 xe tăng địch tại Phú Hòa Đông, diệt 7 bót địch ở Tân Thạnh Tây, Thái Mỹ, Xuân Thới Sơn. Ngày 20 tháng 3, Tiểu đoàn Quyết Thắng phối hợp với bộ đội địa phương và du kích diệt đoàn xe cơ giới của địch trên Quốc lộ 1 (đoạn Bàu Tra – Cây Trôm) ở Củ Chi, diệt và bắt đoàn xe chở đạn gồm 51 chiếc và 2 xe hộ tống của địch, diệt một trung đội, đánh tiêu hao nặng hai đại đội bảo an đến giải vây. Giao thông địch trên Quốc lộ 1 bị gián đoạn nhiều ngày... Lực lượng vũ trang thành phố còn tiến công địch ở sân bay Đồng Dù, kho xăng Vũng Bè (Gò Vấp), diệt địch ở Tân Túc... tạo thế đứng chân sát vào thành phố.

Trước tình hình diễn biến của chiến trường thuận lớn lớn cho ta, ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị quyết định: *“Năm vững hơn nữa thời cơ chiến lược, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất; tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm”*.

Cũng trong thời gian này, ngày 29 tháng 3, Trung ương Cục họp Hội nghị lần thứ 15 và ra Nghị quyết đặc biệt, đánh giá tình hình chung toàn miền Nam, thắng lợi của ta, thất bại của địch và đề ra nhiệm vụ của Đảng bộ *“Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung cao nhất mọi sức mạnh tinh thần và lực lượng của mình, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng, vùng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ nguy quân, nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam”*.

Chấp hành quyết tâm chiến lược của Trung ương, ngày 8 tháng 4 năm 1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (sau này mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh) được thành lập do đồng chí Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh và đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy.

Ngày 12 tháng 4 năm 1975, Trung ương Cục đã làm việc với Thường vụ Thành ủy và Thành ủy đã ra chỉ thị hướng dẫn: *“Những việc cần làm ngay trong các giai đoạn trước, trong và sau khi thành phố được giải phóng”*. Chỉ thị xác định: *“Hiện nay, chúng ta đang ở vào thời kỳ trực tiếp cách mạng để giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành giai đoạn chót của cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”* về chỉ đạo, Thường vụ Thành ủy đã kịp thời điều chỉnh lại

hai cánh A và B¹. Cánh B phụ trách các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp, Tân Bình, Thủ Đức và thị xã Gia Định.

Trước nhiệm vụ nặng nề và gấp rút của Thành phố, Trung ương Cục đã nhanh chóng điều động cán bộ bổ sung tăng cường cho Thành phố, Thành ủy nhanh chóng phổ biến nhiệm vụ cho các cánh. Cánh A về bám địa bàn Vườn Thơm. Cánh B ở phía nam Củ Chi. Những cán bộ được giao nhiệm vụ về nội thành trước lập tức lên đường, còn phần lớn thực hiện áp sát thành phố trên những hướng phân công theo nhiệm vụ. Tính đến trước ngày Chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn ở nội thành đã có trên 700 cán bộ, ở vùng ven có trên 1.000 cán bộ. Ngoài ra có trên 1.300 cán bộ đã tiếp cận chỉ cách từ 13 đến 15 km, sẵn sàng vào thành phố. Trong nội thành và vùng ven ta có 1.290 đảng viên (Nội thành có 735 đảng viên) với hơn 10.000 quần chúng nòng cốt. Thành phố có 40 lõm chính trị với 7.000 quần chúng đã giành được quyền làm chủ với những mức độ khác nhau; có 400 tổ chức công khai và bí mật với gần 25.000 người do ta nắm.

Về phát triển lực lượng vũ trang, theo chủ trương của Thành ủy, Bộ Tư lệnh thành đã thực hiện rút từ du kích tăng cường cho bộ đội địa phương và rút từ bộ đội địa phương tăng cường cho các đơn vị tập trung của thành; thành lập thêm Trung đoàn Gia Định 2 (14-4-1975) lấy tên là Trung đoàn Đất Thép. Tổng cộng đến trước Chiến dịch, bộ đội tập trung của Thành phố có 2 trung đoàn và 5 tiểu đoàn. Mỗi huyện có từ 1 đến 2 đại đội. Có 3.345 du kích, 233 tự vệ mật. Có 6 trung đoàn đặc công của trên đã ém ở thành phố và vùng ven. Lực lượng biệt động có 1 lữ đoàn.

Ngoài ra, thành phố đã chuẩn bị được 7 nhà in để in tài liệu cách mạng và hàng trăm xe phóng thanh. Trong các lõm chính trị, các cơ sở nội thành đã chuẩn bị vải may cờ. Các đội tuyên truyền xung phong được gấp rút thành lập. Các đội an ninh vũ trang đã triển khai xuống vùng ven đô. Là lực lượng quân sự địa phương tại chỗ, các đơn vị của thành phố ở bên trong cũng như bên ngoài có nhiệm vụ làm lực lượng nòng cốt phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền cơ sở, diệt ác phá kềm, tiêu diệt bọn địch ngoan cố, làm tan rã đại bộ phận nguy quân, nguy quyền, đánh chiếm các khu vực, các mục tiêu trọng yếu, cấp địa phương và đầu não địch, bảo vệ và giữ vững trật tự và hoạt động bình thường các công trình công cộng lớn có giá trị .v.v..

Mặt khác, các đơn vị được phái đi trước, luồn sâu hoặc ém sẵn ở nội đô có nhiệm vụ dẫn đường, mở đường cho các đơn vị chủ lực cấp trên đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu, giữ vững các đầu cầu, các ngã tư và các khu vực quan trọng góp phần đập tan sức đề kháng của địch trên các hướng tiến quân của các binh đoàn chủ lực của ta.

Về cơ bản, đội hình chiến đấu của lực lượng vũ trang thành phố đến thời

⁽¹⁾ Tháng 9 năm 1974, Hội nghị Thành ủy Sài Gòn – Gia Định đã quyết định lãnh đạo thành phố chia ra hai cánh: Cánh A phụ trách đô thị, cánh B phụ trách nông thôn.

điểm trước khi Chiến dịch Hồ Chí Minh nổ ra đã triển khai xong vị trí đứng chân và khẩn trương bước vào nhiệm vụ đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ chiến dịch: cơ quan tiền phương của Thành đội đã hành quân cấp tốc về đứng chân ở phía nam Thành phố; Trung đoàn 1 Gia Định cắt qua Quốc lộ 1 xuống phía tây Sài Gòn, ém quân ở khu vực Vườn Thơm (Đức Hòa, Long An)...

Sau 12 ngày chiến đấu ác liệt, ngày 21 tháng 4 năm 1975 Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc thắng lợi vẻ vang. Thị xã Long Khánh và tỉnh Long Khánh hoàn toàn giải phóng. Quân đoàn 4 cùng các lực lượng vũ trang địa phương đã đập tan một trong những khu vực phòng thủ mạnh nhất trên tuyến phòng thủ Sài Gòn của địch. Tiêu diệt và tiêu hao một lực lượng lớn của địch gồm những đơn vị mạnh nhất, tinh nhuệ nhất của quân ngụy như Sư đoàn 18, Trung đoàn 5 và Lữ đoàn 3 thiết giáp, Lữ đoàn dù số 1. Tiêu diệt 2.056 tên, bắt 2.785 tên, diệt và đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe bọc thép... thu 48 ô tô, 1.499 súng, phá hủy 16 ô tô, 42 xe tăng. “Cánh cửa thép” Xuân Lộc ở cửa ngõ Sài Gòn bị đập tan đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn, tinh thần chiến đấu của quân ngụy suy sụp hơn bao giờ hết.

Quá trình diễn biến và thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc có quan hệ mật thiết, có ảnh hưởng lớn tác động và hỗ trợ cho quân và dân Sài Gòn – Gia Định hoạt động chiến đấu, làm công tác chuẩn bị về mọi mặt theo nhiệm vụ của mình cho Chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi:

Chiến dịch Xuân Lộc đã thu hút phần lớn lực lượng chủ yếu của quân địch, sự chú ý của cơ quan đầu não ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang thành phố đẩy mạnh hoạt động, tích cực, khẩn trương làm tốt công tác chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, với kết quả tiêu diệt được nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch trong Chiến dịch Xuân Lộc không những đã tạo một thế trận mới có lợi cho ta, mở rộng cánh cửa phía đông cho các lực lượng của ta để trong thời gian ngắn nhất cùng lực lượng vũ trang Thành phố đánh chiếm Sài Gòn mà còn làm giảm đáng kể một lực lượng lớn những đơn vị mạnh của quân ngụy sẵn sàng ứng cứu cho chiến trường Sài Gòn – Gia Định. Đặc biệt, Chiến thắng Xuân Lộc đã cổ vũ tinh thần mạnh mẽ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Thành phố Sài Gòn – Gia Định tin tưởng vào ngày thắng lợi của cách mạng đã đến gần, đẩy nhanh, đẩy mạnh công tác chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

P.C.C

CHIẾN TRƯỜNG TÂY NINH PHỐI HỢP VỚI CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975 LỊCH SỬ

Đại tá NGUYỄN BÁ TÙNG*

Thực hiện Nghị quyết ngày 4 tháng 3 năm 1975 của Thường vụ Khu ủy miền Đông Nam bộ, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân và dân tỉnh Long Khánh bằng kết hợp ba mũi giáp công đã mở nhiều đợt tiến công địch trên toàn bộ hai huyện Xuân Lộc và Định Quán, tiêu diệt, bức hàng, bức rút nhiều đồn bót địch trong đó có những cứ điểm mà địch cho là trọng yếu nhất như: Bảo Chánh, Bảo Vinh, Suối Chồn, Bình Lộc, ngục quyền tỉnh Long Khánh lâm vào khủng hoảng, ngục quân hoang mang cực độ. Tranh thủ thời cơ, quân và dân Long Khánh bao vây siết chặt thị xã Long Khánh, tạo ra thế và lực mới cho lực lượng vũ trang Quân khu 7 và chủ lực Miền mở chiến dịch phá tan phòng tuyến Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Vị trí của phòng tuyến Xuân Lộc đối với chế độ Sài Gòn quả đúng như báo chí phương Tây đã nhận định: *“Xuân Lộc là chiếc ốc xoáy cuối cùng; mất Xuân Lộc coi như mất Sài Gòn”* bởi trước đó vào những ngày cuối tháng 3 năm 1975, hàng loạt tập đoàn cứ điểm ở Vùng I, Vùng II chiến thuật ngục đã bị quân và dân ta phá vỡ.

Mặc cho những lời tuyên bố huênh hoang “Tử thủ Xuân Lộc” của Lê Minh Đảo, viên tướng ngục, Tư lệnh Sư đoàn 18 bộ binh ngục – một trong những viên tướng được mệnh danh là “trẻ” và “có tài năng” nhất của quân đội “Việt Nam Cộng hòa”, Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống của nền “đệ nhị cộng hòa” ấy đã phải tuyên bố từ chức vào tối ngày 21 tháng 4 năm 1975, ngay sau khi được tin Xuân Lộc thất thủ.

Ý nghĩa trọng đại có tầm vóc chiến lược của Chiến thắng Xuân Lộc sẽ được các vị lãnh đạo, các cán bộ chỉ huy Quân giải phóng, các nhà khoa học và quý vị đại biểu đề cập rõ hơn trong ngày hội thảo. Ở phạm vi bài tham luận này, chúng tôi xin được đề cập đến một hướng chiến trường lúc bấy giờ được cấp trên giao nhiệm vụ: chia lửa, phối hợp, cầm chân địch, tạo thế cho Chiến dịch Xuân Lộc giành thắng lợi. Đó là chiến trường Tây Ninh, nơi được Mỹ – ngục xác định là tuyến phòng thủ phía tây bắc Sài Gòn. Phòng tuyến đó được Bộ chỉ huy quân lực Mỹ ở Sài Gòn xác định: *“là một tuyến phòng thủ bắt đầu từ thị xã Phan Rang với Xuân Lộc là trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây có nhiệm vụ bảo vệ Sài Gòn trong vòng cung 80km”*¹.

Tây Ninh, một vị trí của chiến trường này, đối với miền Đông và cả B2 là

(*) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tây Ninh.

(1) Cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 1975 giữa đại sứ Matin, tướng Mỹ Uyên và Bộ chỉ huy quân ngục Sài Gòn. Nguồn tư liệu kho NK4bqp, Ban Lịch sử quân sự Tây Ninh sưu tầm tháng 8 năm 1985.

địa bàn căn cứ địa cách mạng, Trung ương Cục miền Nam và các cơ quan khác của Trung ương Cục đều đứng chân ở đây trong suốt hai cuộc kháng chiến, Quân ủy – Bộ Chỉ huy Miền phần lớn thời gian đứng chân ở Tây Ninh là một trong những địa phương mở đầu “Đồng Khởi võ trang” của Nam bộ thành đồng với Chiến thắng Tua Hai rực rỡ (26 tháng 1 năm 1960). Tây Ninh cũng chính là nơi mở đầu chiến trường B2 có “vành đai diệt Mỹ” Trảng Lớn; nơi mở đầu cho cả nước nổ súng đánh địch trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam. Do vị trí “địa quân sự” và “địa chính trị” đó nên cả Mỹ lẫn ngụy đều xác định chiến trường Tây Ninh là “nơi quyết giữ bằng bất cứ giá nào”, nơi các lực lượng Mỹ và đồng minh được quyền “tự do oanh kích”.

Chúng tôi xin được trích dẫn sau đây một đoạn tư liệu của địch nói về Tây Ninh, tại một cuộc họp cấp cao “hội đồng tướng lĩnh” có Tư lệnh các lực lượng viễn chinh Mỹ ở Nam Việt Nam – Tướng Oétmôlen dự, Nguyễn Văn Thiệu với tư cách là Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn đã tuyên bố với các tướng lĩnh thuộc quyền: *“...Các ông phải nhớ rằng trong toàn bộ Vùng III chiến thuật, vùng ngoại vi thủ đô (ý nói Sài Gòn – Gia Định) nơi mà tôi quan tâm là Tây Ninh – chiến trường này ở vào giai đoạn nào cũng quyết liệt. Phía sau biên giới là Cambốt thánh đường của Việt cộng, nơi lý tưởng cho Bắc Việt tuồn người, tuồn súng đạn, lương thực vào xâm nhập, nơi chính quyền Bắc Việt mặc cả được với ông Xihanúc, rừng rậm phía bắc và tây bắc tỉnh này là chiến khu của Việt cộng. Chúng ta không thể chấp nhận để Việt cộng đóng đô ở một nơi chỉ cách chúng ta không đầy 100 cây số. Không chấp nhận tức là chúng ta phải đánh, đánh bằng mọi hỏa khí chúng ta có, đánh bằng quân lực Việt Nam Cộng hòa và bằng lực lượng đồng minh. Tôi cũng tái khẳng định với các ông rằng: đây là chiến trường ta phải đánh và giữ cho đến khi toàn thắng Cộng sản ở miền Nam”*¹. Đoạn văn trên chúng tôi ghi lại được trong một biên bản cuộc họp “hội đồng tướng lĩnh” Sài Gòn tại sở chỉ huy Bộ Tổng tham mưu liên quân Việt – Mỹ ngày 2 tháng 1 năm 1966, trong thời gian chúng tôi đi sưu tầm tư liệu tại kho Nk4bqp tại Tân Sơn Nhất.

Ai đã từng sống và chiến đấu trên chiến trường Tây Ninh những năm gian khổ và khắc nghiệt đó, hôm nay xem lại đoạn văn này do chính Nguyễn Văn Thiệu, một tên Việt gian khét tiếng ngoan cố, làm tay sai ngoại bang nói ra để hiểu vì sao chiến trường Tây Ninh là hội tụ một không gian thu hẹp của cuộc đụng đầu quyết liệt nhất giữa một bên là cuộc chiến tranh xâm lược tổng lực bằng tất cả sức mạnh của một siêu cường do đế quốc Mỹ tiến hành với một bên là cuộc chiến tranh chống xâm lược với sức mạnh tổng lực của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam và thua keo này Mỹ - ngụy lại bày keo khác, hoạt động quân sự này bị thất bại chúng lại mở các hoạt động quân sự khác với quy mô lớn hơn, tập trung binh hỏa lực cao hơn, đánh phá ác liệt hơn... một tỉnh đất không rộng, người không đông như Tây Ninh lại phải hứng chịu các cuộc càn quét đại qui mô như:

⁽¹⁾ Trích “*Biên bản cuộc họp hội đồng tướng lĩnh và huấn thị của Tổng thống (ngụy)*”. Tài liệu lưu trữ tại Bộ Quốc phòng, hiện lưu tại Ban Khoa học lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh.

Áctonboro (Attelboro) với 30.000 quân Mỹ, cuộc càn Xêđaphôn (Cedarfall) với 25.000 quân Mỹ và cuộc càn Gianxonxity (Junction-city) thuộc vào loại lớn nhất của Mỹ kể từ sau chiến tranh xâm lược Triều Tiên và chiến tranh xâm lược Việt Nam với 45.000 quân, chà đi sát lại trên một địa bàn hẹp – bắc Tây Ninh. Đó là các hành động cào nhà, xúc dân, dùng bom đạn và chất độc hóa học buộc dân lành phải rời bỏ ruộng vườn vào sống trong các trại tập trung. Đạp lên oán thù, gây vô vàn tội ác, Mỹ – nguy quyết thực hiện cho bằng được ý đồ triệt hạ căn cứ địa cách mạng Tây Ninh. Cho đến khi đại quân ta chuẩn bị tiến công vào dinh lũy cuối cùng của Mỹ – nguy – khi Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh “tùy nghi di tản” rút chạy khỏi Tây Nguyên, Bộ Tổng tham mưu nguy đã đề xuất “rút Sư đoàn 25 và toàn bộ lực lượng quân chủ lực có mặt ở Tây Ninh”¹ về chi viện cho tướng Lê Minh Đảo với Sư đoàn 18 của y đang khốn đốn ở chiến trường Long Khánh – Xuân Lộc thì Nguyễn Văn Thiệu đã kịch liệt phản đối; y nói với thuộc cấp: “Nếu Việt cộng chiếm tỉnh lỵ Tây Ninh làm thủ đô của họ thì các ông tính sao”² và do vậy, chúng đã phải giữ nguyên lực lượng quân nguy ở Tây Ninh gồm Sư đoàn 25, Liên đoàn biệt động quân số 33, biệt kích dù 81 và toàn bộ các sắc lính địa phương tổng cộng trên 3 vạn tên (chính xác là 30.0503 tên).

Nhắc lại sự kiện trên là để nhắc lại một giai đoạn thử thách khó khăn của Đảng bộ, quân và dân Tây Ninh, khi được trên giao nhiệm vụ là một hướng phối hợp với chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh lúc bấy giờ.

Đầu tháng 3 năm 1975, Tây Ninh được Thường vụ Trung ương Cục và Quân ủy – Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ:

Một là, phải tổ chức lực lượng liên tục chiến đấu, kiềm chế và khóa chặt rút lui của Sư đoàn bộ binh nguy số 25, Liên đoàn biệt động quân số 33 và biệt kích dù 81 cùng toàn bộ lực lượng nguy ở địa phương không cho chúng rút về Sài Gòn để chi viện cho chiến trường Long Khánh – Xuân Lộc và các nơi khác đang bị quân ta bao vây tiến công.

Hai là, tự lực giải phóng tỉnh.

Ba là, đồng chí Phạm Hùng – Bí thư Trung ương Cục trực tiếp chỉ thị: “Các đồng chí Tây Ninh đánh như thế nào mà đồng bào có đạo Cao Đài đứng về phía các đồng chí. Đánh như thế nào mà giữ nguyên vẹn được Tòa thánh Cao Đài, một công trình văn hóa do nhân dân ta xây đắp nên”.

Chấp hành chỉ thị đó, Tỉnh ủy đã đề ra nhiệm vụ cụ thể là: *“Huyện, thị giải phóng huyện, xã tự giải phóng xã, quyết không để lực lượng địch ở địa bàn này sang cố thủ ở địa bàn khác, nhanh chóng vận động nhân dân đưa con em vào xây dựng lực lượng”.*

Chỉ trong vòng 20 ngày trong nửa đầu tháng 3 năm 1975, nhân dân Tây Ninh đã hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận tỉnh, đưa lên hơn 3.000 thanh

⁽¹⁾ Trích “*Biên bản họp hội đồng tướng lĩnh Sài Gòn ngày 24 tháng 3 năm 1975*”. Tài liệu đã dẫn.

⁽²⁾ Như trên.

niên tham gia lực lượng, tính từ 3 tiểu đoàn, 3 đại đội độc lập đã phát triển lên 13 tiểu đoàn, 15 đại đội với quân số khoảng hơn 10.000 quân. Ở vào giai đoạn này nếu so sánh tương quan lực lượng thì địch 3 ta chỉ có 1 nhưng sức mạnh tinh thần của quân và dân Tây Ninh là sức mạnh áp đảo, hơn 3 vạn quân nguy không chỉ đương đầu với 1 vạn cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang mà còn bị bao vây tứ phía với sức mạnh vùng lên “Đồng Khởi” của nhân dân Tây Ninh với hơn 60 vạn người.

Bước đầu hoạt động đợt 2 từ nửa đầu tháng 3 năm 1975, thực hiện chủ trương của Bộ Tư lệnh Miền và Nghị quyết của Tỉnh ủy, quân và dân Tây Ninh đã phối hợp với Trung đoàn 28B thuộc Đoàn 232 chủ lực Miền mở đợt tiến công đánh địch ở phía tây sông Vàm Cỏ Đông để chặn đứng đường rút lui của địch ở Tây Ninh và khai thông tuyến hành lang Tây Ninh – Long An – Kiến Tường tạo bàn đạp cho trên đưa chủ lực Quân giải phóng tiến xuống đồng bằng sông Cửu Long. Đợt hoạt động này, quân và dân ta đã quét sạch toàn bộ hệ thống đồn bót địch ở yếu khu Bến Cầu và 3 xã phía tây huyện Trảng Bàng, giải phóng hơn 20.000 dân.

Nửa cuối tháng 3 năm 1975, quân và dân Tây Ninh tiếp tục tấn công san bằng các cứ điểm Mỏ Công, Suối Ông Đình phía bắc tỉnh, giải phóng hơn 10.000 dân, toàn bộ huyện căn cứ Tân Biên không còn bóng quân giặc.

Trước đó, tháng 2 năm 1975, cùng với các đơn vị chủ lực Miền, lực lượng vũ trang Tây Ninh đã phối hợp bao vây đỉnh núi Bà Đen, cắt đứt mọi đường tiếp tế bằng không quân của địch xuống trung tâm truyền tin của chúng. Địch huy động không quân, bộ binh phản kích quyết liệt nhiều ngày liền với khối lượng bom đạn, chất độc hóa học chưa từng có ném xuống chung quanh núi Bà Đen nhưng chúng không cách nào đánh bật lực lượng ta đang siết chặt vòng vây, đến sáng ngày 7 tháng 1 năm 1975, quân ta đồng loạt tiến công đánh chiếm và làm chủ hoàn toàn trung tâm truyền tin của địch. Đây là một trong những trung tâm thông tin liên lạc được Mỹ – nguy xác định lớn nhất Nam bộ. Nhiều năm chúng chiếm đóng trên đỉnh núi Bà Đen, ta nhiều lần tiến công tiêu diệt nhưng sau đó đều bị địch phản kích chiếm lại.

Tướng Cao Văn Viên – Tổng tham mưu trưởng quân nguy Sài Gòn lúc bấy giờ đã khẩn cấp đề nghị Nguyễn Văn Thiệu: “*Điều thêm lực lượng, phòng thủ hướng tây bắc thủ đô*”¹. Địch lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: trước đó muốn điều bớt lực lượng quân nguy ở Tây Ninh đi chi viện cho hướng khác, nay lại muốn tăng cường thêm lực lượng vì sợ mất Tây Ninh, Sài Gòn sẽ bị uy hiếp.

Trước sức ép nặng nề của ta, nguy quyền Tây Ninh hoảng sợ, Bùi Đức Tài, Đại tá – Tỉnh trưởng hô hoán lên rằng: “*Việt cộng sẽ đánh lấy Tây Ninh để làm thủ đô cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*”. Từ việc vẽ “con ngáo ộp” để hù dọa lẫn nhau đã buộc chính quyền nguy Sài Gòn phải giữ nguyên lực lượng quân chủ lực trước đó đã tăng cường cho Tây Ninh mà theo ý

⁽¹⁾ Phúc trình của tướng Cao Văn Viên lên Nguyễn Văn Thiệu ngày 30 tháng 1 năm 1975.

định của chúng phải rút về Sài Gòn để cơ động chi viện cho mặt trận Long Khánh – Xuân Lộc theo lời cầu cứu của tướng Lê Minh Đảo – Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy.

Trên chiến trường chung, tình hình phát triển một cách nhảy vọt, tạo ra một thời cơ vô cùng thuận lợi “một ngày bằng 20 năm”. Đặc biệt, chiến trường Long Khánh – Xuân Lộc, nơi ngụy quyền Sài Gòn “bằng mọi giá phải quyết giữ” đã bị quân và dân ta ngày một siết chặt vòng vây, quân ngụy tại thị xã Long Khánh đang thoi thóp từng ngày.

Tại Tây Ninh, thực hiện chỉ thị của Quân ủy – Bộ Tư lệnh Miền, nhằm khóa chặt mọi đường rút lui của địch, đầu tháng 4 năm 1975, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Trảng Bàng bằng sức mạnh ba mũi giáp công đã tiêu diệt, bức hàng, bức rút hàng chục đồn bót địch, giải phóng một vùng rộng lớn ven Quốc lộ 22 và sau đó đánh chiếm quận lỵ, quân ta làm chủ chi khu Trảng Bàng, lực lượng dân quân du kích cùng nhân dân đã ngày đêm chốt chặn trên những tuyến đường xung yếu ở các xã giáp ranh với địa giới huyện Củ Chi (Sài Gòn – Gia Định) quyết không cho quân địch tìm đường tháo chạy.

Tiếp đó, trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 tháng 4 năm 1975, lực lượng vũ trang Tây Ninh đã đồng loạt tiến công hệ thống đồn bót địch dọc theo Quốc lộ 22, làm chủ hoàn toàn một đoạn giao thông xung yếu nhất, địch muốn rút chạy buộc phải vượt qua (đó là đoạn từ Trâm Vàng – Bàu Nâu, nằm trên Quốc lộ 22, thuộc huyện Gò Dầu). Địch ra sức phản kích mở đường nhưng quân và dân ta đã kiên cường chốt giữ, đẩy lui hàng chục đợt “mở đường máu” của địch, tiêu diệt hàng trăm tên địch. Toàn bộ lực lượng ngụy quân đã hoàn toàn bị khóa chặt mọi đường rút lui, đến 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì tan rã tại chỗ.

Như vậy, đến trước ngày 20 tháng 4 năm 1975, một trong ba nhiệm vụ trọng yếu mà Trung ương Cục – Quân ủy Bộ Tư lệnh Miền đã giao, đến ngày 18 tháng 4 năm 1975, quân và dân Tây Ninh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: *“Hơn 30.000 quân ngụy bao gồm 19.500 quân chủ lực, hơn 9.500 các sắc lính địa phương đã bị giam chân tại chỗ, địch không thực hiện được ý đồ điều quân chủ lực ngụy ra chi viện cho mặt trận Xuân Lộc”*.

Trước sức mạnh áp đảo bằng ba mũi giáp công của quân và dân Long Khánh – Xuân Lộc, rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng đã tạo thế và lực cho quân và dân ta, dồn sức mạnh tiến công trên nhiều hướng khác, phòng tuyến Xuân Lộc “ốc xoáy cuối cùng” trên tuyến phòng thủ vòng cung mà Tây Ninh là chốt phía tây kéo dài đến Bà Rịa – Vũng Tàu của địch đã bị quân và dân ta đánh cho tan vỡ.

Ý nghĩa lịch sử to lớn của Chiến thắng Xuân Lộc đã góp phần mở ra thời cơ mới tạo đà, tạo thế cho quân và dân ta mà nòng cốt là các binh đoàn chủ lực từ hướng tây, hướng bắc và đông bắc, hướng đông và đông nam, hướng tây và tây bắc tiến vào dinh lũy cuối cùng của Mỹ – ngụy ở Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trong chiến công vang dội của Chiến dịch Xuân Lộc có một phần đóng góp của quân và dân Tây Ninh từ mặt trận phối hợp phía tây nam Tổ quốc.

N.B.T

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỐI HỢP TIẾN CÔNG CÙNG CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Thượng tá NGUYỄN VIỆT THẮNG* Thiếu tá NGUYỄN MINH PHỤNG*

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam được mở đầu từ Chiến dịch Tây Nguyên, bằng trận đột phá chiến lược thắng lợi ở Buôn Ma Thuột ngày 10 tháng 3 năm 1975. Trước thắng lợi to lớn của Chiến dịch Tây Nguyên, ta nhanh chóng phát triển tiến công Huế, Đà Nẵng. Sau đó tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 ngụy, giải phóng hoàn toàn các tỉnh miền Trung.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ, đầu tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 và lực lượng địa phương tiến công vào tuyến phòng thủ then chốt của địch trên hướng đông Sài Gòn là Xuân Lộc – Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với địch, Xuân Lộc được xem là “phòng tuyến thép”. Địch quyết giữ cho được Xuân Lộc vì chúng xác định: “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Ngày 9 tháng 4 năm 1975, các lực lượng ta đồng loạt nổ súng tiến công Xuân Lộc.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, từ tháng 3 năm 1975, các lực lượng vũ trang đã đẩy mạnh hoạt động tiến công để phối hợp với chiến trường chính. Ngày 11 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 8 (Quân khu 8) tiến công tiêu diệt căn cứ Ngã Sáu (Cái Bè), diệt Tiểu đoàn bảo an 450 và đánh viện tại kênh Bằng Lăng, tiêu diệt gọn Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 10 Sư đoàn 7 ngụy đến phản kích và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn thứ 3. Địch đưa 4 đại đội bảo an đến tái chiếm yếu khu Ngã Sáu bị ta diệt, buộc địch phải bỏ căn cứ Ngã Sáu. Đây là trận then chốt mở toang cửa ngõ cho khối chủ lực Quân khu tiến xuống áp sát thành phố Mỹ Tho. Sư đoàn 4 (Quân khu 9) hoạt động mạnh ở vùng ruột Hậu Giang, tiến công tuyến phòng thủ Vị Thanh, Cần Thơ, áp sát thành phố Cần Thơ. Trung đoàn 3 ở chiến trường Vĩnh – Trà (Vĩnh Long, Trà Vinh là tiền phương của Quân khu 9) tiêu diệt yếu khu Thầy Phó (ngày 17 tháng 3 năm 1975) giải phóng các xã lân cận, tạo điều kiện thuận lợi mở rộng tuyến sông Măng Thít.

Trước khi các lực lượng ta nổ súng tiến công ở chiến trường Xuân Lộc, ngày 6 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 nhận được điện chỉ thị của Miền: phải tập trung lực lượng Sư đoàn 4 và Trung đoàn 101 tiến công sân bay Trà Nóc, phát lệnh Miền quy định ngày cụ thể để Quân khu 9 cùng phối hợp với chiến dịch tiến công Xuân Lộc. Để tiến công được sân bay Trà Nóc và thành phố Cần Thơ (nơi có cơ quan đầu não của Quân đoàn 4 – Quân khu 4 ngụy), các lực lượng ta phải vượt qua lộ Vòng Cung. Trung đoàn 10 và Trung đoàn 2 (Sư đoàn 4) cùng 2 Tiểu đoàn Tây Đô (tỉnh Cần Thơ) vượt qua lộ Vòng Cung, chuẩn bị đánh vào sân bay Trà

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 9.

Nóc vào ngày 12 tháng 4. Nhưng do ở chiến trường chính ta chưa giải quyết dứt điểm được Xuân Lộc, nên chiều ngày 10 tháng 4, Bộ Tư lệnh Miền điện cho Quân khu 9 tạm hoãn lại ngày tiến công sân bay Trà Nóc và thành phố Cần Thơ, Bộ Tư lệnh Quân khu lệnh cho Sư đoàn 4 rút ra khỏi lộ Vòng Cung để chờ phối hợp với chiến trường chung. Việc rút ra khỏi lộ Vòng Cung cũng gặp nhiều khó khăn. Đêm 12 tháng 4, Trung đoàn 20 ra được bên ngoài còn Trung đoàn 10 và Trung đoàn 2 phải quần nhau với địch mấy ngày, mới ra khỏi lộ Vòng Cung. Địch truy kích quyết liệt, càn quét liên tục trong và ngoài lộ Vòng Cung để tiêu diệt lực lượng của thành phố và tỉnh Cần Thơ còn bám trụ.

Trong khi đó, ở chiến trường Vĩnh – Trà (tiền phương Quân khu 9) do không nhận được điện thay đổi thời gian của Quân khu cơ bản nên đêm 11 rạng 12 tháng 4 năm 1975, các đơn vị vẫn nổ súng theo kế hoạch. Trung đoàn 1 đánh thiệt hại nặng chi khu Ba Càng. Trung đoàn 3 đánh thiệt hại nặng chi khu Bình Minh. Ngày 12 tháng 4, tiền phương Quân khu sử dụng pháo 105 mm (thu được trong trận Thầy Phồ ngày 17 tháng 3 năm 1975) bắn 70 quả vào chi khu Bình Minh, trường huấn luyện Cái Vồn và 72 quả vào sở chỉ huy Quân đoàn 4 – Quân khu 4 ngụy và nhà riêng của tướng ngụy Nguyễn Khoa Nam ở Cần Thơ. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, đây là lần đầu tiên ở Quân khu 9, ta dùng pháo 105 mm của địch đánh địch có hiệu quả, gây tác động lớn đến tinh thần binh lính địch, nhất là ta đánh vào cơ quan đầu não sở chỉ huy Quân đoàn 4 – Quân khu 4 ngụy trong thời điểm lịch sử. Địch phản ứng mạnh, chúng đưa Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 16 Sư đoàn 9 và chi đoàn xe M113 từ thị xã Vĩnh Long xuống giải tỏa. Ngày 14 tháng 4, địch điều Trung đoàn 31 Sư đoàn 21 từ Cần Thơ đổ quân bằng trực thăng xuống đông nam chi khu Bình Minh, giải tỏa cho chi khu và tìm diệt trận địa pháo của ta. Chiều 13-4, địch đổ tiếp lực lượng của Trung đoàn 16 Sư đoàn 9, Trung đoàn 32 Sư đoàn 21, 4 tiểu đoàn bảo an và 2 chi đoàn xe M113. Với lực lượng đông, địch lùng sục khắp cánh đồng An Hòa, Ngãi Tứ với hy vọng tìm được khẩu pháo và ngăn chặn ta bắn qua sở chỉ huy Quân đoàn 4 – Quân khu 4. Ngày 14 tháng 4, tiền phương Quân khu 9 nhận được điện của Miền, tạm lui tiến công, tích cực chuẩn bị đánh tiếp khi có lệnh.

Lúc này, ở Xuân Lộc, lực lượng ta chuyển sang thế trận mới: cô lập bọn địch trong thị xã ở cả 2 hướng: hướng Quốc lộ 1: Xuân Lộc – Biên Hòa; hướng đường số 2: Xuân Lộc – Tân Phong – Bà Rịa. Các đơn vị chủ lực chỉ để lại một bộ phận chốt giữ các mục tiêu đã chiếm trong thị xã, đại bộ phận rút ra ngoài thị xã triển khai thế trận mới. Ngày 14 tháng 4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiêu diệt Chiến đoàn 52, rồi theo trục Quốc lộ 20 tiến xuống ngã ba Dầu Giây, chốt đoạn Quốc lộ 1 từ ấp Trần Hưng Đạo đến ngã ba Dầu Giây. Các lực lượng địch đến ứng cứu đều bị ta chặn đánh, tiêu diệt. Sau một tuần chuyển phương thức tác chiến, thế trận Xuân Lộc đã hoàn toàn có lợi cho ta. Địch không còn khả năng tiếp viện cho Xuân Lộc.

Phối hợp với chiến trường Xuân Lộc, 2 quân khu (8, 9) đồng bằng sông Cửu Long đẩy mạnh hoạt động tiến công theo nhiệm vụ chiến lược được Bộ Tư lệnh

Miền giao. Từ tháng 4 năm 1975, Miền đã giao cho quân dân đồng bằng sông Cửu Long phải thực hiện các nhiệm vụ chiến lược trong Tổng tiến công và nổi dậy là: chia cắt chiến lược, cắt đứt hoàn toàn Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo; khống chế sân bay Trà Nóc, mở một mũi tiến công vào nam Sài Gòn, đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát nguy và tự giải phóng toàn khu.

Nhiệm vụ cắt đứt Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo nhằm thực hiện chia cắt chiến lược, ngăn chặn không cho địch từ miền Tây về cứu nguy cho Sài Gòn, đồng thời không cho địch thực hiện cơ cụm chiến lược về miền Tây. Trong lúc các lực lượng ta tiến công bao vây cô lập Xuân Lộc, uy hiếp mạnh Sài Gòn, thì ở Quân khu 8, Sư đoàn 8 đánh mạnh trên mặt trận Quốc lộ 4, áp sát thành phố Mỹ Tho. Địch buộc phải điều lực lượng đến đối phó, rút bỏ tuyến biên giới, bỏ trống các vùng nông thôn, cơ lực lượng về phòng thủ Quốc lộ 4. Chúng đưa Sư đoàn 22 (rút chạy từ Khu chiến thuật 22 của nguy) về phòng thủ từ Bến Lức đến Tân An; Sư đoàn 9 (thiếu 1 trung đoàn), Liên đoàn 6 biệt động quân bố trí từ Tân An đến Trung Lương; Sư đoàn 7 (thiếu Trung đoàn 11) từ Trung Lương đến phà Mỹ Thuận. Quân đoàn 4 – Quân khu 4 nguy có đề phòng ta tiến công vào thành phố, thị xã nên đã rút các đơn vị chủ lực về giữ các thành phố quan trọng. Toàn bộ Sư đoàn 21 và Trung đoàn 11 Sư đoàn 7 cùng 6 tiểu đoàn bảo an, Thiết đoàn 9 (xe M113) và 2 giang đoàn hải quân cơ về phòng thủ thành phố Cần Thơ. Trung đoàn 16 Sư đoàn 9 và Thiết đoàn 6 chốt giữ Quốc lộ 4 từ thị xã Vĩnh Long đến phà Cần Thơ.

Trên kênh Chợ Gạo, tuyến vận tải nội địa nối liền đồng bằng sông Cửu Long về Sài Gòn, là tuyến vận tải đường thủy quan trọng. Từ ngày 15 tháng 4, 2 Tiểu đoàn 514 và 2009 (tỉnh Mỹ Tho) cùng 2 đại đội binh chủng đã đánh thiệt hại nặng 2 phân chi khu Quơn Long và Bình Phục Nhất, bức rút 9 đồn và 2 đồn khác ở Tân Thuận Bình, bắn cháy 12 tàu địch và làm chủ một đoạn dài gần 10 km trên kênh Chợ Gạo. Bộ đội tỉnh Mỹ Tho và bộ đội huyện, du kích và hàng ngàn quần chúng huyện Chợ Gạo đã tham gia làm vật cản căng dây cáp ngang kênh, cắt đứt lưu thông và áp sát thị trấn Chợ Gạo, đánh thiệt hại 2 tiểu đội trinh sát của tiểu khu, làm tan rã tiểu đoàn bảo an, 1 chi đoàn xe M113 đến giải tỏa.

Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quan trọng: thực hiện chia cắt chiến lược, đánh chiếm, cắt đứt và làm chủ nhiều đoạn trên Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo, tạo thuận lợi cho việc cắt địch, không cho địch từ đồng bằng sông Cửu Long lên cứu nguy cho Sài Gòn, đồng thời không cho địch từ Sài Gòn cơ cụm về đồng bằng sông Cửu Long.

Tại hầu hết các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, từ tỉnh, huyện đến xã, lực lượng vũ trang phát triển mạnh, số lượng đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích xã tăng nhanh, phong trào nổi dậy của quần chúng diễn ra sôi nổi và rầm rộ, hàng loạt đồn bót địch bị bức hàng bức rút, ta đã giải phóng được nhiều vùng rộng lớn. Lực lượng bảo an địch tại các tỉnh không đủ sức đối phó với lực lượng địa phương của ta. Chủ lực địch phải phòng thủ tại các thành phố quan trọng không thể giải tỏa ứng cứu cho các địa phương. Vào thời điểm này,

ở đồng bằng sông Cửu Long, lực lượng ta đã áp sát hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn của địch.

Đến ngày 18 tháng 4, ở Xuân Lộc, các lực lượng ta tiến công mạnh trên các hướng. “Tuyến phòng thủ thép” của địch ở Xuân Lộc đang trong cơn hấp hối. Đêm 20 tháng 4, trước sức tiến công mãnh liệt của quân ta, toàn bộ bộ binh, cơ giới của địch trên 220 chiếc chen nhau rút chạy khỏi thị xã theo hướng đường 2 về Bà Rịa. Sáng 21 tháng 4, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Chiến thắng Xuân Lộc đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần của quân, ngụy quyền càng thêm suy sụp. Đó là điều kiện thuận lợi để ta phát triển tiến công thực hành Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đánh chiếm Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam trong ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã phối hợp tiến công mạnh mẽ và đều khắp, thực hiện kèm chân các sư đoàn chủ lực của quân ngụy ở Quân đoàn 4 – Quân khu 4, cắt đứt Quốc lộ 4, áp sát, uy hiếp các thành phố, thị xã, thị trấn của địch, góp phần cùng chiến trường chung giành thắng lợi. Ở thời điểm ta tiến công mạnh, phòng tuyến Xuân Lộc của địch có nguy cơ thất thủ, tại Quân đoàn 4 – Quân khu 4 ngụy lực lượng chủ lực vẫn còn đủ 3 sư đoàn bộ binh (7, 9, 2) và nhiều đơn vị binh chủng. Nhưng trước sức tiến công mạnh mẽ và đều khắp của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long, địch phải thường xuyên đổi phó. Địch không thể rút lực lượng của vùng chiến thuật đi tăng viện cho mặt trận Xuân Lộc.

Sau Chiến thắng Xuân Lộc, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chiến lược đã được trên giao. Quân khu 8 tổ chức một cánh quân (gồm Trung đoàn 24, Trung đoàn 88 và 2 tiểu đoàn tỉnh Long An) tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, tiến công vào nam Sài Gòn, đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát ngụy. Quân khu 9 không chế hoàn toàn sân bay Trà Nóc. Cả hai quân khu duy trì thế tiến công, làm chủ Quốc lộ 4, tiếp tục thực hiện chia cắt chiến lược. Đồng thời bằng lực lượng của chính mình tự lực giải phóng hoàn toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long, góp phần cùng cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kéo dài trong 21 năm.

N.V.T – N.M.P

CHIẾN TRƯỜNG KHU 8 (TRUNG NAM BỘ) PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH VÀ ĐÔNG NAM BỘ TRONG THÁNG 4-1975

Đại tá CAO MINH*

Khu 8 – Trung Nam bộ có vị trí chiến lược quan trọng về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế... nằm giữa miền Đông và miền Tây Nam bộ, và ở về phía tây nam thành phố Sài Gòn; có hai đường vận chuyển chiến lược quan trọng là Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo, nối miền Tây với Sài Gòn và ngược lại.

Ngay từ khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) ở Nam bộ, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định thành lập Chiến khu 8, cùng với Chiến khu 7 và Chiến khu 9. Từ năm 1951, toàn Nam bộ tổ chức thành hai Phân Liên khu miền Đông và miền Tây. Tháng 7 năm 1954, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Khu 8 được hình thành trở lại, cùng với Khu 7 và 9, tồn tại và chiến đấu cho đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam (ngày 30 tháng 4 năm 1975).

Chiến trường Khu 8 trong kháng chiến chống Mỹ có một số điều chỉnh như: để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công chiến lược vào Sài Gòn Tết Mậu Thân, từ năm 1967, tỉnh Long An được giao về Miền và tổ chức thành hai Phân khu 2 và Phân khu 3 để tiến công vào Sài Gòn, cho đến cuối năm 1973, Long An mới thực sự trở lại chiến trường Khu 8.

Chiến trường Khu 8 là chiến trường đông dân, nhiều cửa, có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất, chống lại mọi kẻ thù xâm lược. Đó là những cuộc chiến đấu phá tan quân Xiêm ở Rạch Gầm – Xoài Mút của anh hùng Nguyễn Huệ, cuộc chiến đấu kiên cường của nghĩa quân Trương Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân và Nguyễn Trung Trực...

Từ khi có Đảng, nhân dân Khu 8 đã vùng lên tiến hành cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vô cùng anh dũng, làm cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, tiếp đến đã kiên cường kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với những chiến công oanh liệt, xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười, làm địa bàn đứng chân cho các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của Nam bộ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân lớn mạnh, phát động chiến tranh du kích rộng khắp, và đã có những chiến thắng vang dội như những trận Cổ Cò, Giồng Dứa, Mộc Hóa, Sa Đéc, La Bang, kênh Bui... và các chiến dịch Bến Tre, Cầu Kè, Trà Vinh...

Phát huy truyền thống và kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ và quân dân Khu 8 bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với

(*) Hội Cựu Chiến binh tỉnh An Giang.

truyền thống anh hùng cách mạng được phát huy đến trình độ cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đóng góp nhiều kinh nghiệm sáng tạo trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới và giành được nhiều thắng lợi vẻ vang: đã vùng lên làm cuộc Đồng Khởi nổi tiếng, sáng tạo lập nên đội quân tóc dài làm nòng cốt, nhân dân đã tiến công địch bằng ba mũi tiến công và giáp công, từ đó đã hình thành và phát triển phương châm đấu tranh hai chân (chính trị, vũ trang) ba mũi (chính trị, binh vận, vũ trang). Chiến thắng Ấp Bắc lịch sử đã mở ra bước ngoặt, làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ – ngụy. Phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích, kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, tiếp tục phát triển thế tiến công trực tiếp chiến đấu với bộ phận quan trọng của quân Mỹ ở đồng bằng sông Cửu Long trong “chiến tranh cục bộ”; phối hợp chặt chẽ với Sài Gòn và toàn Miền đã tiến công và nổi dậy giành thắng lợi to lớn trong Xuân Mậu Thân (1968). Kiên cường bám đất, bám dân, đánh bại các âm mưu, bình định lấn chiếm của địch, phối hợp với bộ đội chủ lực Miền, tiến hành Chiến dịch tiến công tổng hợp đánh phá bình định năm 1972, làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn, tạo được thế mới, lực mới mạnh mẽ. Trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975, quân và dân Khu 8 đã hoàn thành xuất sắc ba nhiệm vụ chiến lược cấp trên giao cho là: chia cắt chiến lược, đánh chiếm và làm chủ Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo; tiến công đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát – một trong năm mục tiêu phải đánh chiếm ở Sài Gòn và phát huy thời cơ thắng lợi, giải phóng toàn Khu.

Trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chiến trường Khu 8 có lúc, có nơi không tránh khỏi những khuyết điểm lâm vào thế cực kỳ khó khăn trong những năm sau Xuân 1968 (1968 – 1969 – 1970) và một thời gian ngắn sau Hiệp định Pari được ký kết, nhưng đã kịp thời chấn chỉnh chuyển thế tiến công và phản công địch, tạo thêm thế mới, lực mới để giành thắng lợi trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chiến trường Khu 8 luôn luôn kết hợp và phối hợp chặt chẽ với chiến trường Sài Gòn – Gia Định và chiến trường Khu 7, trong đấu tranh chính trị và trong chiến đấu, chiến dịch tiến công quân sự. Do Sài Gòn là thủ phủ, là cơ quan đầu não của ngụy quân, ngụy quyền, nơi sẽ diễn ra quyết chiến chiến lược để kết thúc chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, vì vậy, chiến trường Khu 8 – Trung Nam bộ là vành đai án ngữ phía tây và phía nam thành phố Sài Gòn, là chiến trường vùng ven, là địa bàn đứng chân và bàn đạp tiến công vào Sài Gòn, là căn cứ của cơ quan lãnh đạo, chỉ huy và căn cứ hậu cần của Khu Sài Gòn – Gia Định, là hướng vu hồi, thọc sâu hiểm yếu trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Do đó, mọi cuộc đấu tranh chính trị, quân sự của Khu Sài Gòn – Gia Định và cuộc tiến công và nổi dậy ở chiến trường Khu 8 đều có tác dụng phối hợp, hỗ trợ, thúc đẩy, tạo điều kiện cho nhau để phát triển, và giành thắng lợi.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Khu 8 được Miền và Bộ Chỉ huy Chiến dịch giao cho ba nhiệm vụ:

– Chia cắt chiến lược, cắt đứt hoàn toàn Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo, cắt đứt

hắn giao thông thủy bộ nối liền Sài Gòn với miền Tây (Khu 9) và ngược lại.

– Mở một mũi tiến công từ hướng đông nam đánh vào Sài Gòn, chiếm Tổng nha Cảnh sát ngục và khu vực cảng Nhà Bè, là một trong năm nhiệm vụ then chốt phải đánh chiếm của chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

– Tự giải phóng hoàn toàn Khu.

Ngày 10 tháng 4 năm 1975, Khu ủy và Quân khu ủy 8 đã họp quán triệt nhiệm vụ của Trung ương Cục, Quân ủy Miền và Bộ Chỉ huy Chiến dịch giao, bàn tổ chức lực lượng, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy và bảo đảm hậu cần để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Từ đêm 9 rạng ngày 10 tháng 4 năm 1975, toàn chiến trường B2 mở đợt tiến công đầu tiên nhằm bao vây chặt Sài Gòn từ các hướng, để tạo điều kiện đánh thẳng vào trung tâm theo kế hoạch 5 mũi, cùng một lúc chiếm lĩnh 5 mục tiêu quan trọng nhất được qui định.

Quân đoàn 4 có nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc, một vị trí then chốt trong tuyến phòng ngự Sài Gòn, cắt đứt Sài Gòn với Vùng 2 chiến thuật. Dịch quyết giữ cho được Xuân Lộc với quyết tâm là “cố thủ Xuân Lộc” vì “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”.

Cùng thời điểm trên, Sư đoàn 5 cùng lực lượng Khu 8 và 9 cắt đứt từng đoạn Quốc lộ 4, cắt đứt Sài Gòn với Vùng 4 chiến thuật, Đoàn 10 đặc công khóa sông Lòng Tàu, cùng địa phương cắt Quốc lộ 15, cắt đứt đường thông ra biển Đông.

Chiến trường Khu 8, ở hướng tiến công vào nam Sài Gòn, đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát ngục, Quân khu sử dụng lực lượng tương đương sư đoàn (sư đoàn nhẹ) gồm các trung đoàn 1, 24, 271, nhưng do Trung đoàn 1, Trung đoàn 271 không về kịp nên theo đề nghị của Quân khu được Bộ Tư lệnh Miền chấp thuận đưa Trung đoàn 88 và 2 tiểu đoàn của Long An thay. Khó khăn lớn nhất của lực lượng Quân khu 8 ở hướng này là phải hành quân từ xa qua các vùng địch chiếm đóng lâu ngày, đồn bót dày đặc, dân cư đông đúc, có nhiều gia đình binh sĩ, ngục quyền, đường hành quân phải đi bộ, đi ban đêm qua nhiều địa bàn phức tạp, phải vượt qua hai con sông lớn là Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, và phải xuyên qua các huyện Châu Thành, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc, Bình Chánh... để đánh vào phía nam Sài Gòn. Do đó, chỉ huy phải tính toán làm sao bảo đảm kịp thời nổ súng đánh chiếm mục tiêu Tổng nha Cảnh sát cùng một lúc với 4 mục tiêu khác. Để bảo đảm yêu cầu trên, từ ngày 13 tháng 4 năm 1975, hai trung đoàn 24, 88 và 2 tiểu đoàn tinh Long An đã bắt đầu nổ súng tiến công địch ở Tân Trụ và liên tiếp vừa hành quân vừa đánh địch, ta đã diệt 40 đồn bót địch, giải phóng 20 xã, tiến thẳng vào hướng trung tâm thành phố (ngày 25 tháng 4 năm 1975) đã đến khu vực ven đô Bình Chánh.

(Trong khi đó, ở mặt trận Xuân Lộc, đêm 20 rạng ngày 21 tháng 4 năm 1975, lực lượng địch đã rút chạy hoàn toàn – tuyến phòng thủ cửa ngõ của chính phủ Thiệu tại Xuân Lộc đã sụp đổ. Cánh cửa thép Xuân Lộc đã bị quân ta phá

tung).

Đêm ngày 29 tháng 4 năm 1975, lực lượng Quân khu 8 đã đánh chiếm cầu chữ Y (Quận 8) giữ vững đầu cầu để làm bàn đạp xuất phát tấn công. 8 giờ sáng ngày 30 tháng 4, Trung đoàn 24 tiến công về hướng Tổng nha Cảnh sát đến 10 giờ 30 phút đánh chiếm mục tiêu Tổng nha Cảnh sát ngay và chiếm giữ nguyên vẹn toàn bộ các kho tài liệu, hồ sơ, văn kiện, tài liệu đang làm việc trên bàn giấy.

Trong khi đó, Trung đoàn 88, cùng 2 tiểu đoàn của Long An đánh chiếm khu kho Tân Thuận, tổng kho xăng dầu, cảng Nhà Bè, chiếm giữ trên 100 tàu các loại.

Trên hướng Quốc lộ 4, Sư đoàn 8 bộ binh cùng lực lượng địa phương và công binh, từ đầu tháng 4 đã triển khai lực lượng tiến công địch, cắt đứt từng đoạn và đêm 25 rạng 26 tháng 4, Sư đoàn 8 và toàn bộ lực lượng đã đánh chiếm, làm chủ và cắt đứt hoàn toàn Quốc lộ 4. Ở kênh Chợ Gạo, từ ngày 15 tháng 4, hai tiểu đoàn 514 và 2009 của tỉnh Mỹ Tho đã liên tục tiến công địch, làm vật cản, làm chủ và cắt đứt hoàn toàn kênh Chợ Gạo.

Như vậy, lực lượng vũ trang Quân khu 8 đã phối hợp chặt chẽ với mặt trận Xuân Lộc để mở đường tiến quân đánh chiếm trung tâm thành phố Sài Gòn, và hoàn thành tốt nhiệm vụ đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát, kho xăng Nhà Bè, cắt đứt hoàn toàn Quốc lộ 4 và kênh Chợ Gạo... góp phần giành thắng lợi hoàn toàn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

C.M

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH SAU 28 NĂM NHÌN LẠI

Đại tá ThS. TRẦN TIẾN HOẠT*

Vào những ngày đầu tháng 4 năm 1975, sau một tháng liên tục tổng tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, toàn diện, rộng khắp, quân và dân ta đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn ở ba vùng chiến lược trên chiến trường miền Nam. Trên dải đất rộng lớn gần 20 tỉnh và thành phố từ Kon Tum tới Đà Lạt, từ Trị Thiên tới Nha Trang, cùng hàng chục quận lỵ, chi khu, yếu khu quân sự ở miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long, vùng giải phóng đã mở rộng tới 3 phần 4 đất đai và hơn 1 phần 2 số dân ở miền Nam đã giành được quyền làm chủ. Chuyển biến cục diện chiến tranh đã hoàn toàn có lợi cho ta. Quân và dân ta đã giành được quyền chủ động chiến lược. Trong quá trình chỉ đạo tác chiến, các cấp lãnh đạo từ Trung ương tới các mặt trận rút được nhiều kinh nghiệm mới về tổ chức thực hiện những chiến dịch tiến công quy mô lớn trong điều kiện có thời gian chuẩn bị cũng như trong tình huống gấp rút tập trung thời cơ tiêu diệt gọn và làm tan rã từng quân đoàn, quân khu địch. Còn thế và lực của địch bị suy yếu trầm trọng, hệ thống phòng ngự chiến lược bị tan rã từng mảng lớn, tâm lý chiến bại lan tràn tới tận hàng ngũ cầm quyền chớp bu địch.

Trong tình thế vô cùng khôn ngoan đó, bộ chỉ huy Mỹ nguy ở Sài Gòn ráo riết thu gom tàn quân, chấn chỉnh lực lượng tại chỗ, gấp rút khôi phục một số đơn vị đã bị đánh tan, điều chỉnh bố trí phòng ngự, cố giữ các địa bàn còn lại của hai vùng chiến thuật (3, 4) nhằm trì hoãn cuộc tiến công của ta đến mùa mưa, phục vụ cho ý đồ chính trị nham hiểm của chúng. Đế quốc Mỹ cũng lập cầu hàng không khẩn cấp tăng viện vũ khí trang bị cho quân nguy và trực tiếp chỉ đạo đội quân này lập tuyến phòng ngự Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc (Long Khánh) được coi là vị trí đặc biệt quan trọng. Tướng Uýen, Tham mưu trưởng lực lượng Mỹ, tuyên bố với Nguyễn Văn Thiệu và các tướng tá của y rằng: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Do đó, chỉ trong tuần đầu tháng 4 năm 1975, địch đã tập trung toàn bộ Sư đoàn 18 bộ binh, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân, hàng nghìn cảnh sát, phòng vệ dân sự, lập tuyến phòng thủ Xuân Lộc. Lực lượng ứng cứu trực tiếp có Lữ đoàn 3 thiết giáp ở Biên Hòa, Lữ đoàn 1 dù ở Sài Gòn. Hỏa lực pháo binh và không quân ở hậu tuyến có khả năng chi viện rất mạnh. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 sau khi kiểm tra toàn bộ tình hình đã huênh hoang tuyên bố “sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết”...

Đối với ta, sau khi quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị về việc: “Tập trung mạnh nhất lực lượng binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Sài Gòn trước

(*) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

mùa mưa”, Bộ Tư lệnh Miền họp bàn chỉ rõ: muốn tạo thế và lực tốt hơn nữa cho Chiến dịch Hồ Chí Minh (đặc biệt là hướng đông Sài Gòn), đầu tiên chúng ta phải tiêu diệt một số cụm cứ điểm trọng yếu trong hệ thống phòng thủ vòng ngoài của địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ. Căn cứ tình hình thực tế trên chiến trường, Bộ Tư lệnh Miền quyết định sử dụng Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9) – quân đoàn chủ lực có nhiều kinh nghiệm tác chiến ở miền Đông Nam bộ, vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng một loạt quận lỵ, chi khu: Dầu Tiếng, An Lộc, Chơn Thành, Bảo Lộc, Di Linh... tiến công cụm cứ điểm Xuân Lộc. Trước trọng trách được giao, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 đã nghiêm túc họp bàn (ngày 3 tháng 4 năm 1975) đưa ra hai phương án tác chiến. Một là, với cụm cứ điểm phòng thủ mạnh của địch ở cửa ngõ Sài Gòn, ta phải lấy diệt địch bên ngoài là chính, tạo thế bao vây cô lập, khi có thời cơ sẽ tiến công dứt điểm. Hai là, trong tình hình địch đang hoang mang dao động, ta cần phải khẩn trương, táo bạo dùng lực lượng lớn bộ binh, xe tăng, pháo binh, đánh thẳng vào sở chỉ huy tiểu khu và Sư đoàn 18, nhanh chóng chiếm Xuân Lộc tạo thế và lực cho hướng tiến công chủ yếu của ta ở hướng đông áp sát Biên Hòa, Bà Rịa – Vũng Tàu, chuẩn bị cùng đại quân mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Với ý chí và quyết tâm cao độ, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 quyết định chọn phương án hai và giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 7 tiến công hướng chủ yếu, từ hướng đông đánh chiếm căn cứ Sư đoàn 18 nguy, Sư đoàn 341 đảm nhiệm hướng thứ yếu, từ phía bắc đánh xuống, chiếm tiểu khu Long Khánh và các mục tiêu trong thị xã.

Và như chúng ta đã biết, sau một thời gian ngắn (4 ngày) chạy đua làm công tác chuẩn bị từ trình sát mục tiêu, điều động lực lượng đến xây dựng phương án tác chiến và quán triệt nhiệm vụ chính trị trận đánh, sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 trên các hướng đã đồng loạt tiến công vào phòng tuyến Xuân Lộc. Trải qua ba ngày (từ ngày 9 tháng 4 đến 11 tháng 4) đột phá liên tục, bộ đội ta (nhất là Sư đoàn 341) chiến đấu hết sức dũng cảm, chiếm được nhiều mục tiêu quan trọng như khu cố vấn, khu thông tin, ty cảnh sát, đánh bại hầu hết các đợt phản kích của các chiến đoàn địch. Nhưng những ngày sau đó, do vị trí đặc biệt quan trọng quyết định tới sự sống còn của chế độ Sài Gòn, địch đã tăng cường ồ ạt các lực lượng ứng cứu và phòng thủ nhằm đánh bại các đợt tiến công của ta. Chỉ trong bốn ngày (từ ngày 11 tháng 4 đến 14 tháng 4) Mỹ-ngụy đã tăng cường thêm ba lữ đoàn (2 lữ đoàn lính thủy, 1 lữ đoàn dù), 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn pháo binh, 2 chi đoàn xe tăng vào “mặt trận Xuân Lộc”. Nếu tính cả Sư đoàn 18 và các đơn vị bố trí ở Xuân Lộc ngày ta nổ súng, thì địch đã tập trung ở đây 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng thiết giáp Quân đoàn 3 (300 chiếc) và lực lượng tổng dự bị chiến lược tương đương một sư đoàn. Ngoài ra, chúng còn huy động quân từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, trung bình 80 lần chiếc máy bay ném bom một ngày (trong đó có cả bom

CBU có sức hủy diệt lớn) gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất¹.

Trước tình hình địch co cụm lớn về Xuân Lộc quyết tâm “tử thủ” bảo vệ Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Miền nhận định: Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa. Theo đó, Bộ Tư lệnh Miền quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi hình thức tác chiến bằng cách cho Quân đoàn 4 đưa lực lượng về đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, cô lập Xuân Lộc khỏi Biên Hòa, cắt đường số 2 đi Bà Rịa. Phương thức tác chiến mới này phù hợp với tình hình địch hoang mang, dao động về chiến lược, ta không nhất thiết phải tập trung lực lượng đánh vào khu vực địch đông, mạnh mà vẫn có thể dùng “thế tổng lực” để giải phóng Xuân Lộc. Quả nhiên, sau bốn ngày chiến đấu đợt 2 (từ ngày 15 tháng 4 đến 18 tháng 4 năm 1975), Sư đoàn 6 Quân khu 7 (phối thuộc với Quân đoàn 4), Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) được sự chi viện mạnh mẽ của hỏa lực Quân đoàn đã tiến công giải phóng ngã ba Dầu Giây, cắt đứt Quốc lộ 1 từ Trảng Bom đi Xuân Lộc. Quân đoàn 3 nguy ở Biên Hòa huy động Lữ đoàn 3 thiết giáp (gần 100 xe), Chiến đoàn 8 (Sư đoàn 5) được hơn 100 khẩu pháo các loại ở căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thước, Long Bình, Đại An phản kích đánh chiếm ngã ba Dầu Giây hòng nối thông Quốc lộ 1. Nhưng mọi nỗ lực của địch đều bị đánh tan. Ngày 20 tháng 4, trước nguy cơ bị tiêu diệt, Lê Minh Đảo cùng các lực lượng còn lại ở Xuân Lộc theo đường số 2 tháo chạy khỏi thị xã. Sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, thị xã Long Khánh được hoàn toàn giải phóng. Ta diệt và bắt 5000 tên, đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn thiết giáp, thu và phá hủy rất nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Điểm lại những diễn biến chủ yếu của trận đánh Xuân Lộc tháng 4 năm 1975 sau độ lùi thời gian gần 30 năm, chúng tôi thấy phải nghiêm túc rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, cần nhận định đánh giá đúng tầm vóc, ý nghĩa trận đánh Xuân Lộc trong tổng thể diễn trình phát triển của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, từ đó đề ra những phương thức tác chiến đúng, tránh chủ quan thiên lệch về ý chí dẫn đến những tổn thất khó lường, ảnh hưởng đến thế trận toàn cục. Thực tế lịch sử đã chỉ rõ, ngay từ đầu khi được giao nhiệm vụ đánh chiếm Xuân Lộc tạo lập bàn đạp cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, các cấp lãnh đạo, chỉ huy Quân đoàn 4 đã biết địch ở phòng tuyến này có hệ thống công sự vững chắc, được chỉ huy địch đồn đốc phòng thủ kỹ lưỡng, được tăng cường lực lượng khá lớn trong tình thế bị dồn ép, chúng sẽ sống chết phản ứng quyết liệt. Tuy nhiên, trong tình thế cách mạng toàn Miền phát triển nhảy vọt, nhất là sau thất bại to lớn toàn diện của địch ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, ta cho rằng tinh thần địch đã bị suy yếu nghiêm trọng, đang trên đà trượt dốc mà không một phép màu nhiệm nào có thể đảo ngược.

Trong chuẩn bị cho trận đánh phá phòng tuyến Xuân Lộc, mặc dù lực lượng tiến công của ta chưa tập trung đủ mạnh, các đơn vị chưa bổ sung đầy đủ quân số,

⁽¹⁾ Đợt tác chiến 1 (ngày 9 tháng 4 đến ngày 11 tháng 4), Sư đoàn 7 thương vong hơn 300 cán bộ, chiến sĩ; Sư đoàn 341 bị thương vong 1200 đồng chí, 6 xe tăng bị phá hủy, pháo 85 và 57 bị hư gần hết vì bom pháo địch.

vũ khí trang bị sau nhiều tháng chiến đấu liên tục chưa được tu sửa kỹ càng. Nhưng ta vẫn cho đây là thời cơ tốt phải khẩn trương, táo bạo tiến công địch giành chiến thắng. Khi trận chiến đấu ở Xuân Lộc diễn ra quyết liệt, phức tạp, các đơn vị Quân đoàn 4 phải tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã nhưng không thành công đã đâm ra lúng túng. Điều đó cho thấy kế hoạch tiến công Xuân Lộc của ta chưa dự tính hết sự phát triển phức tạp của tình huống, chưa đánh giá hết tính chất ngoan cố và khả năng chống đỡ của một kẻ địch ở thế cùng đường nhưng còn sức.

Qua ba ngày chiến đấu liên tục (từ ngày 9 tháng 4 đến 11 tháng 4) quân ta trên hướng chủ yếu (hướng đông) đã không những không đánh chiếm được mục tiêu được giao, không tiêu diệt gọn được một tiểu đoàn nào của địch, mà nhiều đơn vị cấp đại đội, tiểu đoàn của ta còn bị tổn thất nghiêm trọng. Trong tình huống tác chiến không thuận lợi như vậy, nhưng lãnh đạo, chỉ huy Quân đoàn 4 đã không kiên quyết nhanh chóng chuyển hướng tiến công chủ yếu sang hướng Sư đoàn 341, hoặc cho dừng lại chuyển phương thức tác chiến mới cho phù hợp với tình hình (như giai đoạn 2 ta đã thực hiện). Đây là bài học đắt giá trong giai đoạn đầu quân ta tiến công vào phòng tuyến Xuân Lộc.

Hai là, ta xác định các hướng tiến công chủ yếu, thứ yếu chưa chuẩn xác, xử lý các tình huống chưa kịp thời nên đã xảy ra nhiều bất lợi trong chiến đấu. Thiếu sót này thể hiện ở chỗ, khi trinh sát địa hình nghiên cứu cách đánh, mặc dù biết rõ phòng tuyến Xuân Lộc được địch bố phòng nhiều tầng, có hệ thống công sự vững chắc nhiều chỗ liên hoàn, chiến sự xảy ra có thể ứng cứu cho nhau, nhưng do nóng vội ta đã chọn hướng tiến công và cách đánh không phù hợp. Ở hướng đông do Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp – lực lượng mạnh nhất của Sư đoàn 18 phòng ngự, xung quanh có hào giao thông với 9 lớp rào kẽm gai các loại ken cài rộng tới gần 100 mét ngăn cách, địa hình trống trải có thể quan sát được từ 300 mét đến 500 mét, khi đội hình chiến đấu phát triển phải ngược lên đồi cao rất bất lợi thì ta lại chọn làm hướng chủ yếu.

Ở hướng bắc có thể tiến công từ cao xuống thấp, địa hình khá bằng phẳng tiện lợi cho xe tăng thiết giáp yểm trợ cho bộ binh, trực tiếp uy hiếp các cơ sở chính trị, hành chính, kinh tế của bộ máy chiến tranh tỉnh lỵ, ta lại chọn làm hướng thứ yếu.

Ở hướng tây nam, địch có nhiều sơ hở, ta lại không bố trí lực lượng tiến công chia cắt địch. Trong khi đó, hệ thống hỏa lực bao gồm các loại pháo binh và xe tăng bắn ngắm trực tiếp các mục tiêu hỏa điểm lẻ chi viện cho hướng tiến công chủ yếu chưa nhiều và chưa đủ mạnh để có thể tiêu diệt hoặc chế áp địch, tạo điều kiện cho bộ binh xung phong. Vì vậy, hầu hết các đợt tiến công của bộ đội ta trong đợt 1 đều bị chặn đánh và bị tiêu hao nặng, buộc các cấp chỉ huy của ta phải thay đổi hình thức tác chiến, chuyển từ tiến công trực tiếp vào đội hình phòng thủ mạnh nhất của địch, sang bao vây thị xã, đánh quân cứu viện đến phản kích ở vòng ngoài, dùng pháo tầm xa bắn phá không chế chặt sân bay Biên Hòa. Thực hiện cách đánh này, ta đã tiêu diệt được Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18 ngự) đánh bật Lữ

đoàn 3 thiết giáp địch từ Biên Hòa ra tiếp viện, làm cho Xuân Lộc bị chia cắt với Sài Gòn. Hỏa lực pháo binh Quân đoàn 4 chế áp tiêu diệt các cụm pháo binh địch ở Nước Trong, Trảng Bom và trong thị xã Long Khánh, tiêu diệt, tiêu hao từng bộ phận Chiến đoàn 48 và lữ đoàn dù nguy mới ra tăng viện. Đòn đánh đúng huyết này đã nhanh chóng phá vỡ toàn bộ phòng tuyến địch, khiến cho lực lượng còn lại của Sư đoàn 18 phải tháo chạy.

Thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc tạo điều kiện rất thuận lợi cho quân và dân trên hướng đông bắc chuẩn bị lực lượng, thế trận, cùng quân và dân các hướng khác mở Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, hoàn thành vẻ vang sự nghiệp kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

T.T.H

GÓP PHẦN TÌM HIỂU BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ TẦM VỐC CỦA CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (21-4-1975)

TS. NGUYỄN TUẤN TRIẾT*

Chiến thắng Xuân Lộc diễn ra trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của miền Đông Nam bộ vào những ngày cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thực tiễn lịch sử đã cho thấy: trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), miền Đông Nam bộ gian lao mà anh dũng luôn luôn là một trong những chiến trường trọng điểm quan trọng. Ở đây, nghệ thuật “*thắng từng bước*” của ta có nhiều sáng tạo và đạt tới đỉnh cao, để không ngừng tiếp cận mục tiêu “*đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”. Trên chiến trường trọng điểm quan trọng này, mùa khô 1972 – 1973, ta giải phóng Lộc Ninh, địch không đủ sức phản kích tái chiếm mà chỉ tăng viện để mong giữ được Hớn Quản – Phước Long. Tháng 1 năm 1975, ta đánh chiếm thị xã Phước Long và giải phóng tỉnh này¹, địch mất một thị xã, một tỉnh đầu tiên mà không đủ sức phản kích tái chiếm... Thực tiễn lịch sử cũng cho thấy: những thắng lợi ở miền Đông Nam bộ đã tạo đà và phối hợp chặt chẽ với chiến trường toàn Miền, không ngừng nỗ lực để phát triển, tạo thời cơ cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng để giành lại độc lập tự do cho đất nước.

Sau Chiến thắng Phước Long, tương quan so sánh thế và lực ta – địch trên chiến trường đã thay đổi một cách cơ bản. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương quyết định mở cuộc Tổng tiến công Xuân 1975, khởi đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên. Ngày 11 tháng 3 năm 1975, ta giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, sau đó giải phóng Kon Tum, Gia Lai, toàn bộ Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải miền Trung. Tình hình chiến sự rất sôi động. Thế ta mạnh như chẻ tre. Ngụy quân vừa co cụm hoang mang, vừa hoảng loạn tháo chạy. Ngụy quyền dao động, nội bộ lục đục (ngày 23 tháng 3 năm 1975, Nguyễn Cao Kỳ và Trần Hữu Thanh lập “*Ủy ban cứu nguy dân tộc*” và đòi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chuyển giao quyền lực)...

Đây là lúc miền Đông Nam bộ tích cực chuẩn bị cho Xuân Lộc đón nhận sứ mệnh lịch sử của mình. Ngày 17 tháng 3 năm 1975, ở Định Quán, quân ta tấn công giải phóng chi khu, cắt đứt tuyến giao thông Sài Gòn – Đà Lạt trên Quốc lộ 20; ở Xuân Lộc, quân ta đánh chiếm các mục tiêu: ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan, đồi 52. Ngày 18 tháng 3 năm 1975, quân ta đánh chiếm yếu khu quân sự Gia Ray và làm chủ các ấp lân cận. Ngày 20 tháng 3 năm 1975, quân ta tấn công giải phóng khu vực Trà Tân – ngã ba Ông Đồn và cắt đứt tuyến Quốc lộ 1 ở phía đông Xuân Lộc... Đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, trên địa bàn này, quân và dân ta đã đập tan

(*) Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên chiến sĩ Quân đoàn 4.

(1) Thị xã Phước Long cách Sài Gòn 120km về phía đông – bắc. Sau nhiều đợt tấn công, quân ta làm chủ thị xã này vào lúc 19 giờ ngày 6 tháng 1 năm 1975 và toàn tỉnh Phước Long được giải phóng.

tuyến phòng thủ vành đai thị xã của địch, giải phóng các ấp vùng ven thị xã, mở hành lang chờ đón quân chủ lực tiến vào đánh chiếm tiểu khu Long Khánh.

Với sức tiến công mãnh liệt từ Chiến dịch Tây Nguyên đến Chiến dịch Huế – Đà Nẵng, quân ta quét sạch địch từ Quảng Trị đến Phan Rang, làm sụp đổ tan tành hệ thống phòng ngự kiên cố cùng bộ máy kìm kẹp theo phương cách của chủ nghĩa thực dân kiểu mới mà đế quốc Mỹ dày công xây dựng trên 20 năm. Quân thù ngoan cố, như con thú dữ trong khi giãy chết, vẫn tiếp tục tập trung cao độ những nỗ lực điên loạn cuối cùng. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh “Tử thủ từ Phan Rang trở vào” và cùng tướng Uâyen (Tham mưu trưởng lục quân Mỹ) ráo riết lập “phòng tuyến Uâyen” có 3 cứ điểm quan trọng là Phan Rang, Xuân Lộc, Tây Ninh,...

Giữa những ngày đặc biệt này của lịch sử, Xuân Lộc thực sự nổi lên là một vị trí hết sức hiểm yếu. Xuân Lộc cách Sài Gòn (đầu não của Mỹ-ngụy) chỉ có 80km về phía đông, án ngữ nhiều tuyến giao thông quan trọng, như: Quốc lộ 1 (nối Sài Gòn với Trung bộ), Quốc lộ 20 (nối duyên hải Đông Nam bộ với Tây Nguyên), liên tỉnh lộ số 2 (nối Long Khánh với Bà Rịa – Vũng Tàu), liên tỉnh lộ số 3 (nối Long Khánh với Bình Thuận)... Trước đó, Xuân Lộc được Mỹ-ngụy đầu tư xây dựng thành một cứ điểm quân sự khá hoàn chỉnh: có sân bay, có căn cứ pháo binh Hoàng Diệu và hậu cứ Sư đoàn 18 bộ binh ngụy; có bộ chỉ huy Khu 33 chiến thuật, có cơ quan cố vấn Mỹ và trung tâm tình báo Mỹ (CIA)... Đến cuối tháng 3 năm 1975, quân ngụy tại khu vực này có Sư đoàn 18 gồm ba chiến đoàn: Chiến đoàn 43 và 48 ở thị xã Long Khánh, Chiến đoàn 52 ở Kiệm Tân, Dầu Giây, Trung đoàn thiết giáp số 5 có trên 100 xe tăng và thiết giáp cùng 9 tiểu đoàn bảo an và ba đại đội độc lập của tiểu khu, cùng nhiều trung đội cảnh sát và các lực lượng đóng giữ thị xã...

Ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Uâyen từ Mỹ cấp tốc đến Sài Gòn cùng với Cao Văn Viên (Tổng tham mưu trưởng quân đội ngụy) ra Xuân Lộc, trực tiếp thị sát và gấp rút tổ chức xây dựng một tuyến phòng thủ ở đây. Địch coi phòng tuyến Xuân Lộc là tuyến phòng thủ then chốt nhất, có vai trò quyết định trong toàn bộ hệ thống gồm ba tuyến phòng thủ chủ yếu của Sài Gòn. Tuyến phòng thủ Xuân Lộc được mệnh danh là “Bức tường thép Xuân Lộc – “cánh cửa thép” phía đông Sài Gòn”. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo (Tư lệnh Sư đoàn 18) và Đại tá Phạm Văn Phúc (Tỉnh trưởng Long Khánh) được Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu giao nhiệm vụ: “Tử thủ Xuân Lộc”: phải giữ cho được Xuân Lộc, vì “mất Xuân Lộc là sẽ mất Sài Gòn”, mất Xuân Lộc là mất lợi thế tâm lý và chính trị giữa thời điểm vô cùng nguy nan và rất nhạy cảm, mất Xuân Lộc thì không thể củng cố tinh thần cho quân đội ngụy, mất Xuân Lộc thì sẽ không thể trông chờ vào viện trợ Mỹ¹ và sẽ mất lợi thế đàm phán... Lực lượng địch dành cho “phòng tuyến thép Xuân Lộc” được tăng cường gấp bội: 36 tua gác được xây dựng và củng cố trên địa bàn thị xã, có 1 chi

⁽¹⁾ Ngày 21 tháng 1 năm 1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã khẩn thiết kêu gọi Mỹ tăng cường viện trợ mà chưa được đáp lại.

đoàn xe bọc thép, 2 trung đội pháo binh và trên 1.500 tay súng thường trực tác chiến (gồm các sắc lính bảo an, dân vệ, biệt kích, phòng vệ dân sự); Thiết đoàn kỵ binh số 22 và 1 tiểu đoàn biệt động quân cơ động tác chiến trên tuyến Bàu Cá – ngã ba Dầu Giây, Chiến đoàn 43 phòng thủ Xuân Lộc và tiểu khu Long Khánh, Chiến đoàn 52 bố trí đội hình từ Kiệm Tân đến núi Sóc Lu, Chiến đoàn 48 án ngữ chi khu Tân Phong; lực lượng tăng viện có Lữ đoàn dù số 2, Lữ đoàn thiết giáp số 3, Chiến đoàn 3, Liên đoàn 7 biệt động quân, các trung đoàn thiết giáp số 315, 318, 320...

Như vậy là, quân thù đã cấp tốc thiết lập phòng tuyến Xuân Lộc trong thế bị động phòng ngự rồi gán cho nó biệt danh “Phòng tuyến thép”, “Cánh cửa thép” và hò hét “Tử thủ”....

Ta chủ động đập tan phòng tuyến Xuân Lộc của địch bằng khí thế tiến công và quyết tâm chiến thắng, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng tổng trừ bị của quân ngụy, mở hành lang cho mũi tiến công của đại quân ta áp sát Sài Gòn. Bộ Chỉ huy mặt trận Xuân Lộc được thành lập. Tham gia Bộ Chỉ huy có Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 4, Tư lệnh Sư đoàn 6 và các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng Bà Rịa – Long Khánh.... Lực lượng của ta tiến công phòng tuyến Xuân Lộc gồm 2 sư đoàn của Quân đoàn 4 (Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341), Sư đoàn 6 (của Quân khu 7), Trung đoàn 95B và các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân địa phương Bà Rịa – Long Khánh (bộ đội tỉnh, bộ đội huyện, dân quân – du kích...).

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975, lực lượng Quân đoàn 4 nổ súng mở màn tấn công vào phòng tuyến Xuân Lộc. Các trận địa pháo 130 mm từ Túc Trưng (đông bắc Bảo Vinh) trút bão lửa vào phòng tuyến Xuân Lộc, bẻ gãy các cột ăng ten của tiểu khu Long Khánh và làm nổ tung nhiều kho đạn. Các lực lượng khác đồng loạt nổ súng. Sau một ngày, các mũi tiến công của ta đã chiếm lĩnh được ty cảnh sát, dinh tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, trụ sở tình báo CIA, giải phóng thêm một số ấp ở phía nam và phía tây thị xã. Quân địch cố thủ trong hệ thống lô cốt, công sự xung quanh hậu cứ Sư đoàn 18.... Để cứu nguy, địch đưa quân từ Sài Gòn, Biên Hòa, Lai Khê, Bàu Cá.... tới chi viện. Lữ đoàn dù số 1 (con chủ bài của quân ngụy Sài Gòn) cũng được máy bay lên thẳng đưa đến, ném vào trận tuyến này. Hàng chục trận địa pháo của địch từ các nơi hướng vào Xuân Lộc mà trút đạn; gần 50 tốp máy bay địch quần đảo trên bầu trời Xuân Lộc, nhằm vào đội hình quân ta để trút bom, trong đó có bom hơi ngạt CBU-55.... Chiến sự diễn ra quyết liệt liên tục 3 ngày đêm, nhiều cán bộ, chiến sĩ ta bị thương vong... Quân ta tiếp tục tổ chức lực lượng vây ép địch ròng rã 9 ngày đêm: đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18 bộ binh và Lữ đoàn dù số 1 đến chi viện, chia cắt địa bàn phía tây nam Xuân Lộc (khu vực ngã ba Dầu Giây), tiêu diệt Chiến đoàn 52, giải phóng Túc Trưng – Kiệm Tân – Dầu Giây, cắt đứt giao thông liên lạc giữa Xuân Lộc với Biên Hòa. Quân địch ở Xuân Lộc bị cô lập hoàn toàn, tinh thần binh sĩ ngụy ở đây hoang mang cực độ, nhất là từ khi biết tin tuyến phòng thủ Phan Rang đã bị phá vỡ

từ ngày 16 tháng 4 năm 1975 (hai tướng ngụy Nguyễn Vĩnh Nghi và Phạm Ngọc Sang bị bắt làm tù binh), Phan Rang – Thành Sơn được giải phóng vào ngày 16 tháng 4 năm 1975 và Phan Thiết được giải phóng vào ngày 19 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ từ xa của địch đã bị đập tan....

Trong tình thế tuyệt vọng, đêm ngày 20 rạng 21-4-1975, địch tìm cách rút chạy từ Xuân Lộc theo hướng lộ 2 về Bà Rịa hòng củng cố tuyến phòng thủ mới. Quân ta truy đuổi, diệt và bắt nhiều tên trong đó có Đại tá Tỉnh trưởng Long Khánh – Phạm Văn Phúc. Xuân Lộc được giải phóng. Hệ thống ngụy quân, ngụy quyền tỉnh Long Khánh tan rã hoàn toàn.

Sự kiện này làm chấn động chiến trường.

Sau khi tuyến phòng thủ Xuân Lộc bị phá vỡ, địch hoảng loạn, nội bộ khủng hoảng nghiêm trọng hơn. Tướng Uýen phải thốt lên: “Thế là hết! Tình hình quân sự là tuyệt vọng...”; Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức; tướng Dương Văn Minh than thở: “Thế là mất hết cả rồi”... Tổng thống Mỹ cho rằng: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc đối với Mỹ...”

Sau khi quân ta đập tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc của địch, cục diện chiến trường thay đổi nhanh hơn. Tuyến phòng thủ Xuân Lộc của địch bị đập tan là cửa ngõ phía đông và đông – bắc Sài Gòn đã được mở toang để đại quân hùng dũng của ta tiến như vũ bão vào sào huyệt cuối cùng của quân thù, góp phần quan trọng quyết định cùng các hướng tiến quân khác, buộc địch phải đầu hàng vô điều kiện, để cho bản anh hùng ca Đại thắng mùa Xuân vang lên trên khắp mọi miền đất nước, ngân xa khắp bốn bể năm châu và âm vang mãi mãi, muôn đời sau.

N.T.T

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG THỂ TRẬN CỦA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

TS. HÀ MINH HỒNG*

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là bước phát triển ở đỉnh cao nhất của nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với 3 chiến dịch lớn diễn ra liên tiếp trong khoảng 55 ngày, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã thực hiện đan xen, nối tiếp vào nhau nhiều trận đánh có ý nghĩa chiến lược để giải quyết từng mảng chiến trường quan trọng trên khắp miền Nam. Mỗi trận đánh lớn trong Tổng tiến công và nổi dậy có vị trí và đặc điểm riêng, tùy theo vị trí chiến trường và vai trò trong từng chiến dịch. Trận đánh này tạo điều kiện và mở ra hướng phát triển chiến dịch để tiến hành trận đánh khác, nối tiếp và để lại nhiều kinh nghiệm chiến trường cho trận đánh kia. Tất cả đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của các chiến dịch và của cả mùa Xuân đại thắng.

Theo diễn biến thực tế của quá trình Tổng tiến công và nổi dậy, và theo sự chỉ đạo của Trung ương đối với hoạt động của các chiến trường, có thể chia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ra làm hai giai đoạn:

– Giai đoạn thứ nhất từ khi Chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu, Chiến dịch Huế – Đà Nẵng phối hợp, cho đến khi kết thúc thắng lợi 2 chiến dịch này và Bộ Chính trị họp ngày 31 tháng 3 năm 1975, quyết định chuyển từ kế hoạch tiến công chiến lược sang kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

– Giai đoạn thứ hai tiếp theo, từ ngày 1 tháng 4 năm 1975 bắt đầu chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, đến khi kết thúc thắng lợi hoàn toàn Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong giai đoạn thứ nhất, với nhiều trận đánh lớn của hai chiến dịch, mở đầu là trận Buôn Ma Thuột, sau đó là các trận Thuận Mẫn, Đường 7, Cùmp Sơn – Tuy Hòa, Huế, Đà Nẵng... tạo ra quá trình thắng lợi nối tiếp thắng lợi, thời cơ mở ra thời cơ, đưa các Chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng đến thắng lợi to lớn vượt ra ngoài dự kiến ban đầu; đồng thời thúc đẩy nhanh tình hình chiến tranh toàn Miền đi đến bước phát triển nhảy vọt. Thế trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã được hình thành vững chắc. Đó là thế trận của chiến tranh nhân dân với lực lượng được bố trí sẵn tại chỗ trên các chiến trường đã tạo nên thắng lợi to lớn và dồn dập của quân dân ta trên toàn Miền, giải phóng một nửa chiến trường miền Nam; lực lượng tiến công và nổi dậy được xây dựng chuẩn bị sau nhiều năm đã phát triển nhân lên nhanh chóng cả về thể và lực, cả về sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ

(*) Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

cứu nước.

Đến cuối tháng 3 năm 1975, ta đã tiêu diệt và làm tan rã 35% sinh lực địch, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hai quân đoàn địch, tiêu diệt khoảng 40% các binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hủy hơn 40% cơ sở vật chất hậu cần của địch ở miền Nam. Ta đã giải phóng 12 tỉnh với gần 8 triệu dân giành được quyền làm chủ. Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã trưởng thành vượt bậc (riêng chủ lực đã có 4 quân đoàn và Đoàn 232 tương đương quân đoàn, đứng chân trên những địa bàn chiến lược), nghệ thuật tác chiến qua các trận đánh của 2 Chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng đã đạt đến trình độ cao. Việc giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian ngắn, được xác định là một khả năng thực tế dựa trên thế và lực đã có sẵn, chứ không còn là một khả năng tiềm tàng nữa.

Đây cũng là căn cứ để Đảng ta quyết định phải: *“nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm”*.

Toàn bộ kế hoạch chiến lược cho thời kỳ nhỏ tiếp theo là *“phải hành động thần tốc, táo bạo, bất ngờ”* phải tiến công ngay lúc địch hoang mang suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc.

Phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược, kết hợp tiến công và nổi dậy, từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra. Trên từng hướng và trong từng trận, phải tập trung lực lượng áp đảo, tiêu diệt gọn, làm tan rã nhanh quân địch; tận dụng thời cơ và thuận lợi mới mà dồn dập tiến công, phát triển thắng lợi.

Trước mắt – như trước đã định, nay cần làm nhanh hơn – gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hãn Quốc lộ 4 và áp sát Sài Gòn. Đồng thời, nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây cô lập hoàn toàn Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tổ chức sẵn sàng những đơn vị chủ lực được trang bị binh khí kỹ thuật thật mạnh, để lúc thời cơ xuất hiện thì tức khắc đánh chiếm những mục tiêu quan trọng nhất ở trung tâm thành phố Sài Gòn.

Với cách bố trí ấy có thể thấy, thế trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy từ ngày 1 tháng 4 năm 1975 trở đi là thế trận của sức mạnh áp đảo, thế trận của sự tập trung lực lượng thần tốc để đánh tới tấp, đánh dồn dập, đánh tiêu diệt và làm tan rã địch nhanh chóng. Thế trận ấy diễn ra trong lúc địch đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong, Mỹ tỏ ra hoàn toàn bất lực. Đó là thế trận của cả cuộc chiến tranh cách mạng khi đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt cuối cùng để kết thúc thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến. Thế trận ấy lấy thành phố Sài Gòn – sào huyệt lớn nhất của địch ở miền Nam – làm mục tiêu quan trọng nhất, nơi sẽ diễn ra trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta trong cuộc

kháng chiến trường kỳ.

Về phía địch, đến đầu tháng 4 năm 1975, địch còn một nửa miền Nam với 2 quân khu (3 và 4), lực lượng còn khá đông với khoảng 700.000 quân gồm 7 sư đoàn chủ lực, 5 liên đoàn biệt động quân, 33 tiểu đoàn pháo, 12 trung đoàn xe tăng và xe bọc thép, 1.300 máy bay, 1.400 tàu chiến. Mặc dù đã phải chịu những thất bại to lớn cả về quân sự lẫn chính trị và nay đang phải đối phó với nguy cơ sụp đổ to lớn, toàn diện và nhanh chóng, nhưng địch vẫn rất ngoan cố. Cả Mỹ lẫn ngụy đều ra sức tìm mọi cách chống đỡ sức tiến công của các lực lượng cách mạng, áp dụng nhiều biện pháp quân sự và chính trị rất tàn bạo và nham hiểm, tập trung lực lượng lớn với quyết tâm cao để tử thủ ở các vùng chiến trường còn lại ở miền Nam. Đặc biệt là “Thủ đô Sài Gòn” của chúng đã được bao bọc bằng những lớp chiến tuyến chốt chặn khá vững chắc với nhiều lực lượng chủ lực và binh hỏa lực trên tất cả các hướng.

Để cô thủ Sài Gòn và các vùng đất còn lại ở Nam bộ, từ cuối tháng 3 – đầu tháng 4 năm 1975, Mỹ-ngụy đã lập hệ thống phòng tuyến Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh. Địch tập trung vào tuyến phòng thủ từ xa này hơn 1 vạn quân, kể cả lực lượng dự bị chiến lược, có sự chi viện của hải quân và không quân, hòng ngăn chặn và cầm chân các binh đoàn chủ lực của ta ở đây. Cả Phan Rang, Xuân Lộc, Tây Ninh đều trở thành những cánh cửa thép của phần chiến trường còn lại của miền Nam; trong đó Phan Rang là đầu chiến tuyến, đặt sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn 3 ngụy tại đây để thực hiện quyết tâm cố thủ; còn Xuân Lộc là điểm trung tâm, có ý nghĩa quyết định cho toàn tuyến phòng ngự chiến lược cuối cùng, cửa ngõ then chốt phía đông Sài Gòn, phải tử thủ. Tướng Uýen, Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ, trực tiếp thị sát tình hình, vạch kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc phòng thủ này. Uýen nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến tuyến này, rằng: phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn.

Như vậy, khi chọn mục tiêu Sài Gòn cho trận đánh cuối cùng, ta đã biết phải tập trung sức lực đầy đủ nhất để đánh thắng và việc chọc thủng hệ thống phòng thủ của địch ở Phan Rang, Xuân Lộc là rất cần thiết để mở đường cho trận tiến công lớn vào Sài Gòn. Việc giải quyết dứt điểm các vị trí chiến lược này có liên quan trực tiếp đến tiến độ của thế trận chung của cuộc Tổng tiến công.

Với thế trận và khí thế “một ngày bằng hai mươi năm” của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vào thời điểm đầu tháng 4 năm 1975, ta hoàn toàn có thể vừa hành quân vào trận cuối, vừa bứt phá các vị trí chốt chặn của địch trên hệ thống phòng thủ Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh. Đêm mùng 9 rạng ngày 10 tháng 4 năm 1975, ta đã tiến công địch ở Xuân Lộc. Địch bị mất một số vị trí quan trọng, nhưng sau đó chúng tái chiếm quyết liệt. Ngày 14 tháng 4 năm 1975, ta bắt đầu nổ súng tiến công vào phòng tuyến từ xa của địch ở Phan Rang...

Thực ra, đối với Phan Rang, ta chủ trương: *“nếu thấy đánh Phan Rang không thuận lợi, lại mất thời gian thì chỉ để một lực lượng bao vây thị xã, còn đại*

bộ phận tìm cách vòng qua... tiến nhanh vào miền Đông Nam bộ”¹ để chuẩn bị cho trận tiến công vào Sài Gòn. Nhưng các binh đoàn chủ lực của ta, trong quá trình hành tiến vào mục tiêu Sài Gòn, đã phối hợp với các lực lượng địa phương tiến công Phan Rang bằng lực lượng binh chủng hợp thành rất hiệu quả, theo tinh thần thần tốc, táo bạo, chắc thắng. Lực lượng ô hợp của địch ở đây được tập hợp từ các đám tàn quân từng bị đánh toi bời ở Quân khu 1 và Quân khu 2, đã không đủ sức chống đỡ. Ta nhanh chóng đập tan tuyến phòng thủ tiền tiêu này của địch, mở đường cho đại quân ta kéo vào bên trong giải quyết các chiến trường còn lại.

Đối với Xuân Lộc, tình hình có khác. Từ ngày 2 tháng 4 năm 1974, Quân ủy Trung ương đã điện khẩn cho Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2: *“Trong lúc chuẩn bị kế hoạch lớn, ta cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh nhân lúc địch hoang mang diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Không chế được sân bay Biên Hòa thì không quân mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to...”²*. Ngay sau đó, Quân ủy Trung ương cũng điện tiếp cho các đồng chí đang chỉ đạo chiến trường (Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà) phải tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn Sư đoàn 18, tiêu diệt Xuân Lộc.

Theo sự chỉ đạo đó, trận Xuân Lộc sẽ phải nổ ra sớm, ngay khi địch vừa hình thành phòng tuyến Phan Rang – Xuân Lộc, đánh bằng lực lượng áp đảo và kết thúc nhanh gọn. Và như thế, khi Xuân Lộc mất, địch ở Phan Rang có thể lại tiếp tục rút chạy như chúng đã từng rút chạy ở Tây Nguyên, địch ở Sài Gòn sẽ phải hoảng loạn và đối mặt ngay với áp lực của cuộc Tổng công kích của ta.

Không phải là chúng ta không thể tập trung cho trận Xuân Lộc. Nhưng nếu có cách đánh khác không cần tập trung tối đa lực lượng và binh hỏa lực mà vẫn có thể tiêu diệt Xuân Lộc, thì vẫn được lựa chọn.

Ta đã đánh trận Xuân Lộc bằng thực tế chiến trường tại chỗ. Nhưng giá như trước khi tấn công vào thị xã, ta đánh đồng loạt các vị trí có liên quan trong hệ thống cố thủ của chúng ở đây (như Trảng Bom, ngã ba Dầu Giây, Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây...), uy hiếp Biên Hòa, thì Xuân Lộc sẽ bị mất dần tính chất then chốt của nó. Việc đánh Xuân Lộc sau đó có thể sẽ dễ dàng hơn và có thể sẽ không phải chịu nhiều tổn thất.

Địch ngoan cố quyết tử thủ ở Xuân Lộc ngay từ đầu, từ khi lập phòng tuyến Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh. Sau khi Xuân Lộc bị tấn công, chúng điều về đây 50% chủ lực, 60% pháo, gần hết xe tăng và thiết giáp của Quân đoàn 3, gần 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị của nguy đề “đánh xa lảng” giữ Xuân Lộc. Địch đã tập trung quân về Xuân Lộc với so sánh lực lượng vượt trội và nhanh hơn ta. Chúng sử dụng biện pháp quyết liệt (không quân với mật độ cao, cả vũ khí hủy diệt hàng loạt như bom Daisy Cutler và CBU). Do vị trí cửa ngõ Sài Gòn, nên địch khó

⁽¹⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2000, tr.287.

⁽²⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sđd, tr.267.

có thể sớm chịu để mất Xuân Lộc, trận chiến sẽ dai dẳng, quyết liệt. Và như vậy, ta khó có thể đánh dứt điểm Xuân Lộc trong thời gian ngắn để tranh thủ thời gian chuẩn bị cho trận đánh Sài Gòn.

Việc địch tăng cường lực lượng phản kích đẩy ta ra khỏi Xuân Lộc từ ngày 14 tháng 4 đến 20 tháng 4 cho thấy rõ, địch quyết tử thủ để giữ Sài Gòn theo phán định của tướng Mỹ Uýen; nhưng thực ra Sài Gòn của địch đã được quyết định bởi 5 cánh quân của cách mạng đang tiến về từ 5 hướng trong kế hoạch đã được định sẵn. Xuân Lộc không giống Phan Rang cả về quy mô tổ chức chiến trường và vai trò vị trí của nó đối với Sài Gòn. Song, Xuân Lộc cũng là một mắt xích của hệ thống phòng thủ của địch trong quá trình sụp đổ hoàn toàn, thất bại hoàn toàn của chế độ thực dân mới ở miền Nam. Những trận đánh để tiêu diệt các ổ đề kháng trên tuyến phòng thủ của địch (như Phan Rang, Xuân Lộc) trong điều kiện đó có thuận lợi lớn là dựa hẳn vào thế chiến lược tiến công của cách mạng và thế trận của cuộc tiến công, nổi dậy đang diễn ra. Cụ thể là, có thể phối hợp một số đơn vị trong các cánh quân đang hành tiến vào Nam với các lực lượng tại chỗ tạo ra thế áp đảo, có binh hỏa lực tốt đánh thần tốc các vị trí trọng yếu của địch, buộc chúng ở phần còn lại phải đầu hàng hoặc rút chạy (trường hợp trận Phan Rang 14-4 – 16-4-1975 là một điển hình thành công). Để dứt điểm Xuân Lộc lúc này, ta vẫn cần và có thể tập trung lực lượng lớn áp đảo, đánh bao vây chia cắt địch ở Xuân Lộc.

Mặc dù yếu tố bất ngờ không còn, ngày 20 tháng 4 năm 1975, trong lúc cánh quân phía đông của ta đang hành tiến vào Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến vào giải phóng Sài Gòn thì lực lượng Quân đoàn 4 được tăng cường Trung đoàn 95B của Sư đoàn 325 trong đội hình cánh đông, đã tiếp tục tiến công các vị trí địch ở Dầu Giây, cắt toàn bộ các con đường chi viện cho Xuân Lộc, buộc địch phải rút chạy sau hơn 10 ngày tử thủ Xuân Lộc.

Trận Xuân Lộc kéo dài hơn 10 ngày từ đêm mùng 9 đến ngày 20 tháng 4. Cho đến lúc đó, chưa có trận đánh lớn nào của cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 lại kéo dài và nặng nề đến như vậy. Cũng không có trận nào cường độ chiến tranh lại ác liệt đến như vậy: địch tập trung lực lượng đông, phương tiện chiến tranh nhiều với quyết tâm tử thủ; còn ta phải chiến đấu giằng co, chấp nhận tổn thất để làm bật tung “cánh cửa thép” Xuân Lộc, mở rộng đường tiến quân cho các binh đoàn chủ lực của ta tiến vào trận cuối cùng ở Sài Gòn.

Thắng lợi ở Xuân Lộc là thắng lợi của tinh thần dũng cảm, của quyết tâm vượt qua mọi khó khăn gian khổ, của ý chí quyết thắng, tất cả cho trận cuối cùng ở Sài Gòn. Đó cũng là thắng lợi của sự chỉ đạo sát sao, sáng tạo, chính xác của Bộ Chỉ huy Chiến dịch, kịp thời điều chỉnh kế hoạch để đánh dứt điểm Xuân Lộc khi địch đã tập trung lực lượng và binh hỏa lực cao độ ở đây.

Thắng lợi ở Xuân Lộc có thể nhanh gọn hơn khi lựa chọn phương án đánh hay hơn ngay từ đầu. Ta có thể đánh nhanh thắng nhanh ở Xuân Lộc vì đây là một trong những mục tiêu quan trọng số một cần thanh toán dứt điểm của đại quân trên con đường hành tiến vào trận quyết chiến chiến lược ở Sài Gòn. Nhưng trong chiến

tranh, kể cả vào giai đoạn cuối, không phải lúc nào cũng có ngay sự lựa chọn chính xác, bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan không phải lúc nào cũng lường trước được. Cái khó của việc tổ chức một trận đánh quan trọng có ý nghĩa chiến lược trong khuôn khổ một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, là làm sao khai thác được tốt nhất sức mạnh của thể trận chung.

Cuộc chiến đấu của ta giành giệt với địch trong từng chiến hào ở Long Khánh (Xuân Lộc) từ sau ngày 10 tháng 4 đến trước ngày 20 tháng 4 đã đóng góp không nhỏ vào thắng lợi của mặt trận này. Có thể ví cuộc chiến đấu tại Xuân Lộc như cuộc chiến đấu giữ thành cổ Quảng Trị năm 1973, là biểu tượng cao đẹp về tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta, dám chấp nhận mọi gian khổ hy sinh cho thắng lợi của cách mạng, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Trận Xuân Lộc đi vào lịch sử đã gần 30 năm. Thắng lợi của nó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi về vang và toàn diện của mùa Xuân đại thắng cách đây gần 30 năm. Ngày nay, thắng lợi và những bài học của nó vẫn đang được trân trọng nghiên cứu và học tập, giữ gìn và phát huy trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

H.M.H

Tài liệu tham khảo

1. Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1985.
2. Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
3. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước – thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996.
4. Trần Văn Trà, *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
5. Nhiều tác giả, *30 tháng tư*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
6. Frank Snepp, *Cuộc tháo chạy tán loạn*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
7. Alen Dowson, *55 ngày chế độ Sài Gòn sụp đổ*, TTXVN 1985.

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH

Thiếu tướng ĐOÀN VĂN KHOAN*

Trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 có nhiều trận, đánh chiến dịch diệt địch, trong đó Chiến dịch Xuân Lộc diễn ra rất ác liệt, dài ngày và chiến thắng rất vẻ vang. Một chiến dịch có tầm vóc và ý nghĩa thắng lợi rất to lớn; một ngày, một tháng hoặc trong nhiều năm về sau ta cũng chưa thể nào hiểu hết được. Để hiểu được phần nào về ý nghĩa và giá trị to lớn đó, ta cần phải suy ngẫm trên nhiều mặt, nhất là phải hiểu thêm về địch – về ta:

Từ khi Mỹ tiến hành chiến tranh cục bộ ở miền Nam Việt Nam, chúng đã xây dựng Xuân Lộc thành một tiểu khu quân sự rất lợi hại. Đó không phải là một sự ngẫu nhiên và cũng không phải để tác chiến phòng ngự hay tiến công theo kiểu đánh thông thường mà chính nó nằm trong kế hoạch phòng thủ tác chiến – chiến lược lâu dài của Mỹ-ngụy trên tuyến vành đai phòng thủ ở phía đông Sài Gòn. Chúng cũng hiểu rằng, đối phương (Việt cộng) muốn tấn công Sài Gòn nhất thiết phải có nhiều lực lượng và tiến công trên nhiều hướng, trong đó hướng tiến công ở phía đông (Xuân Lộc) vẫn là hướng tiến công trọng yếu trên hướng tiến công chủ yếu của đối phương. Một mục tiêu tiến công có liên quan trực tiếp đến sự sống còn của chế độ Mỹ-ngụy Sài Gòn. Vì vậy bất cứ giá nào chúng cũng phải phòng thủ Xuân Lộc cho vững chắc, “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”.

Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược phòng thủ đó, Mỹ-ngụy đã bố trí lực lượng tại Xuân Lộc gồm có: hậu cứ Sư đoàn 18 ngụy với 3 chiến đoàn (Chiến đoàn 43, Chiến đoàn 48 và Chiến đoàn 52) trận địa pháo binh ở thành Hoàng Diệu, sân bay trực thăng, căn cứ Trung đoàn 11 thiết giáp ở Suối Râm (sát lộ 2 Xuân Lộc đi Bà Rịa), bộ chỉ huy Khu 33 chiến thuật, cơ quan cố vấn Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo CIA. Dựa vào địa thế cao, có nhiều đường giao thông quan trọng để xây dựng trận địa phòng thủ vững chắc. Ngoài ra còn có hệ thống đồn bót (36 đồn) và 1.522 dân vệ, bảo an kìm kẹp nhân dân. Có lực lượng quân sự đóng xung quanh Xuân Lộc, kể cả phía trước lẫn phía sau và có hệ thống phi pháo kể cả máy bay B52 sẵn sàng chi viện cho Xuân Lộc. Hằng ngày, chúng bung ra đánh phá các cơ sở cách mạng, đánh phá hậu cứ và kho tàng của ta trên chiến trường miền Đông, chủ yếu ở các tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, Long Khánh.... nhằm tạo nên thế vững chắc, an toàn cho cửa ngõ phía đông Sài Gòn (Xuân Lộc), là lực lượng mạnh rất lợi hại đối với lực lượng vũ trang trong các tỉnh và cũng là đối thủ trực tiếp chiến đấu của Sư đoàn bộ binh 5 – Bộ đội chủ lực của Miền. Từ năm 1967 cho đến ngày 9 tháng 4 năm 1975 ta nổ súng đánh Xuân Lộc, hậu cứ của địch chưa có lần nào ta đánh chiếm được. Đánh vào đó, nếu thắng thì ta cũng phải trả giá rất đắt. Trong tháng 5

(*) Nguyên Chính ủy Sư đoàn 5 Quân khu 7.

năm 1969, Sư đoàn 5 dùng 1 trung đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn đặc công có pháo binh yểm trợ, tổ chức tấn công trận địa pháo binh địch trong thành Hoàng Diệu, ta không thu được kết quả mà còn bị thương vong nặng. Cũng trong tháng 5 năm 1969, Sư đoàn 18 nguy bung ra càn quét ở khu vực suối Tầm Bung – phía đông Quốc lộ 20, ý định của chúng là bao vây diệt Trung đoàn 5 của ta, nhưng trái lại bị Trung đoàn 5 của ta bao vây lại và tấn công liên tục trong các ngày 8, 9, 10 tháng 5 năm 1969, diệt 4 tiểu đoàn của Sư đoàn 18 nguy (3 tiểu đoàn của Chiến đoàn 43, 1 tiểu đoàn của Chiến đoàn 48 và 2 đại đội của Chiến đoàn 52). Sang tháng 6, Sư đoàn 5 tiếp tục diệt 2 tiểu đoàn của Chiến đoàn 52. Trong chiến dịch Xuân Hè năm 1969, Sư đoàn 5 đã đánh quy Sư đoàn 18 nguy trên chiến trường Long Khánh. Trong lúc chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đang trên đà thất bại, Sư đoàn 18 nguy bị cú đánh này rất đau làm cho chúng càng điên đầu, nhức óc. Trong năm 1967, hậu cứ Trung đoàn 11 thiết giáp tại Suối Râm bị Trung đoàn 4 ta tập kích diệt 150 tên Mỹ, bắn cháy 140 xe quân sự (phần nhiều là xe tăng, xe bọc thép). Về sau, lẻ tẻ chúng bị ta đánh diệt từng chi đoàn xe bọc thép trên Quốc lộ 20 và lộ 2...

Gần ngày giải phóng, lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương diệt một số địch trong thị xã... Tuy địch có bị thiệt hại nhưng đã bổ sung quân số, chấn chỉnh đơn vị. Nhìn chung, lực lượng địch tại Xuân Lộc rất mạnh, mục tiêu phòng thủ vững chắc trong hệ thống phòng thủ được chuẩn bị lâu dài của địch trên phía đông.

Đến ngày 9 tháng 4 năm 1975 – ngày ta bắt đầu tiến công Xuân Lộc, tại đây địch chưa bị sút mẻ mà còn được tăng cường lực lượng. Ngoài lực lượng phía trước chạy dòn về, địch còn điều động lực lượng nơi khác về để phòng thủ Xuân Lộc, điều hơn 8 đầu đơn vị trong đó có những đơn vị có sức cơ động nhanh, đột phá mạnh như Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Trung đoàn thiết giáp số 315, 318, 320... và bố trí thêm lực lượng cho phía sau trên Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc đi Biên Hòa. Tóm lại: thời điểm này địch có mấy điểm mạnh đáng chú ý: – Binh lực đông, mạnh hơn trước. – Vũ khí được tăng cường nhiều loại kể cả vũ khí hóa học (trừ bom nguyên tử)... Tinh thần quyết “tử thủ” Xuân Lộc được hà hơi tiếp sức. Như vậy, khi ta tiến công vào Xuân Lộc rõ ràng là tiến công vào mục tiêu chiến lược phòng thủ vững chắc. Cuộc chiến đấu sẽ giằng co quyết liệt. Tuy nhiên, địch vẫn bộc lộ những điểm yếu mà ta cần khoét sâu.

Những mặt yếu đó là chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đang trên đà thất bại. Đặc biệt, trong tháng 3 năm 1975, lực lượng địch ở phía trước Xuân Lộc từ Tây Nguyên đến miền Trung kéo dài đến Nha Trang, Cam Ranh bị ta đánh toi bời, phải bỏ súng, đầu hàng, chạy tán loạn, gây mất lòng tin cho đội quân nguy và Mỹ tại Sài Gòn. Lực lượng phía trước dòn về Xuân Lộc càng đông thì sự chỉ huy càng trở nên khó khăn phức tạp. Sự liên hệ chặt chẽ giữa Xuân Lộc với Biên Hòa, Xuân Lộc với Bà Rịa là chỗ mạnh nhưng nếu ta chặt đứt được mối liên hệ này thì Xuân Lộc trở nên cô lập và chống đỡ sẽ yếu ớt...

Về ta, các lực lượng tham chiến đánh vào Xuân Lộc (Quân đoàn 4 và 2 tiểu đoàn xe tăng cùng với lực lượng Sư đoàn 6, Quân khu 7 và các đơn vị địa phương)

với nhiệm vụ đánh chiếm Xuân Lộc, tạo điều kiện phát triển về hướng Sài Gòn. Đây là nhiệm vụ nặng nề, có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng. Lực lượng của ta so với địch, ta chưa hơn địch, nhưng khí thế và lòng tin vào thắng lợi được nhân lên gấp bội, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ giải phóng Xuân Lộc.

Theo lệnh trên, đúng 5 giờ 30 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 sử dụng 2 sư đoàn bộ binh cùng một số binh chủng phối thuộc với bộ đội địa phương tiến công vào thị xã Long Khánh. Sau 3 ngày chiến đấu ác liệt, ta chỉ chiếm được một số mục tiêu bên trong thị xã trong lúc thương vong của ta khá lớn. Người chỉ huy chiến dịch thấy rằng, nếu tiếp tục chiến đấu như thế này thì ta sẽ gặp nhiều khó khăn, nên cho các đơn vị triển khai rút kinh nghiệm về ta, về địch – tìm chỗ mạnh, chỗ yếu của địch. Thế trận phòng thủ mạnh của địch là khi chúng còn nằm trong sự liên hệ chặt chẽ với Biên Hòa và đường số 2 đi Bà Rịa. Nếu ta cắt đứt được sự liên hệ này thì Xuân Lộc sẽ bị cô lập, sức đề kháng sẽ yếu đi. Người chỉ huy liền thay đổi phương án tác chiến mới: các đơn vị đã vào được bên trong thị xã cứ tiếp tục tăng cường áp lực tiến công để nghi binh lừa địch, xem như ta vẫn tiếp tục tiến công Xuân Lộc như phương án cũ. Đồng thời, tập trung lực lượng vừa được tăng cường Trung đoàn 95B bất ngờ tiến công Chiến đoàn 52 nguy ở ngã ba Dầu Giây và làm chủ đoạn Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc đi Bàu Cá. Bị bất ngờ trước nguy cơ Xuân Lộc bị cô lập, địch tập trung lực lượng phản kích hòng tái chiếm đoạn đường này nhưng bị quân ta đánh cho tan tành. Mất ngã ba Dầu Giây là mất chỗ dựa, địch trong Xuân Lộc hoang mang lo lắng, chống đỡ yếu ớt. Từ đó, sau 13 ngày chiến đấu ác liệt, đến 13 giờ ngày 21 tháng 4 năm 1975, ta làm chủ Xuân Lộc. Cánh cửa sắt trên tuyến phòng thủ phía đông của địch đã bị chọc thủng. Thời cơ giải phóng Sài Gòn đã đến. Từ ngày 26 tháng 4 năm 1975 đến 30 tháng 4 năm 1975, quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, đập tan chế độ nguy tại Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chiến thắng Xuân Lộc là dấu son trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta, là niềm tự hào lớn cho mọi người chúng ta hôm nay và mãi mãi về sau. Qua đó, tôi có mấy suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị thắng lợi của Xuân Lộc:

1. Chiến thắng Xuân Lộc có tầm vóc và ý nghĩa chiến lược rất to lớn vì nó liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn, liên quan đến sự tồn vong của chế độ Mỹ-ngụy Sài Gòn. Nói một cách khác, Chiến thắng Xuân Lộc đã mở ra những điều kiện và những thời cơ thuận lợi rất lớn cho ta, bất lợi cho địch. Một thời cơ có một không hai để ta giải phóng Sài Gòn hoàn thành mục tiêu cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam. Giả thuyết, nếu Xuân Lộc không được giải phóng thì cách mạng miền Nam vẫn thắng, nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn cũng sẽ đến nhưng có thể trong tình thế có nhiều khó khăn và phức tạp hơn... Nói thế, để thấy rõ thêm được giá trị to lớn của việc giải phóng Xuân Lộc.

2. Quyết tâm chiến thắng Xuân Lộc và quyết tâm giải phóng Sài Gòn, nói lên tài thao lược chỉ đạo chiến tranh của Trung ương Đảng, Bộ Tư lệnh Miền rất

sáng suốt, luôn bám sát thực tiễn, nắm chắc diễn biến địch, ta trên chiến trường, hạ quyết tâm chiến lược đúng đắn, chính xác, kịp thời nên đã giành thắng lợi cho cách mạng Việt Nam một cách triệt để. Nghệ thuật quân sự tài tình, độc đáo, năng động, sáng tạo, nên chiến thắng liên tục trên chiến trường. Nhất là trong Chiến dịch Xuân Lộc, những ngày đầu ta bao vây tấn công đột phá (ngày 9 – 11-4-1975) ta chỉ chiếm được một số mục tiêu bên trong thị xã, trong khi đó ta bị thương vong nặng. Nếu ta tiếp tục đánh như kiểu đánh đó sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã kịp thời rút kinh nghiệm về địch, về ta, đã nhanh chóng chuyển cách đánh mới rất phù hợp. Đã chuyển từ tấn công đột phá sang “bao vây tấn công nghi binh, lừa địch, đồng thời tập trung lực lượng đánh mạnh vào phía sau lưng địch”. Địch bị đánh bất ngờ, mất chỗ dựa ở phía sau nên hoang mang, chống đỡ yếu ớt, tạo được thuận lợi mới để ta tiếp tục tiêu diệt địch và giải phóng Xuân Lộc.

3. Chiến thắng Xuân Lộc còn nói lên tinh thần chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh, của chủ lực và của nhân dân Xuân Lộc rất anh dũng, quả cảm, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ cách mạng. Những yếu tố trên là bí quyết làm nên Chiến thắng Xuân Lộc rất vẻ vang.

4. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nghiên cứu thêm về việc đánh giá địch, ta chưa chuẩn xác, còn chủ quan nên phương án tác chiến trong 3 ngày đầu không phù hợp với đối tượng địch đang mạnh, mục tiêu tấn công quá cứng. Với kẻ địch mạnh như vậy, ngay từ đầu nếu ta xác định cách đánh cho phù hợp, có thể: bao vây tấn công nghi binh hù dọa, cắt đứt mọi đường tiếp tế – đường không, đường bộ, tạo cho địch ở thế cô lập sớm, gây cho chúng nhiều thương vong và nhiều khó khăn khác, đồng thời tập trung lực lượng vào nhiệm vụ chính là đánh mạnh vào phía sau quân địch (ngã ba Dầu Giây hoặc là thị xã Biên Hòa) gây cho địch nhiều tổn thất lớn bất ngờ làm thôi động trở lại Xuân Lộc. Từ đó, địch trong Xuân Lộc có thể hoang mang đầu hàng hoặc tháo chạy... Cuối cùng ta vẫn giải phóng được Xuân Lộc, thương vong ta ít hơn và thời gian tác chiến có thể rút ngắn hơn...

Một kinh nghiệm rất bổ ích, tháng 5 năm 1971, Sư đoàn 5 tăng cường bao vây tấn công diệt Chiến đoàn 8 (Chiến đoàn 8 tăng cường 6 tiểu đoàn bộ binh, 1 thiết đoàn xe bọc thép, 1 tiểu đoàn pháo binh) và giải phóng thị trấn Senoul. Tại đây, địch bố trí phòng thủ rất vững chắc, nếu ta tấn công bằng sức mạnh thì chưa chắc gì giải phóng được Senoul mà có khi còn bị thương vong nặng. Lúc bấy giờ, theo sự chỉ đạo của trên về cách đánh: “vây lấn, bóp lòi” diệt địch. Sư đoàn 5 dùng 1 trung đoàn bộ binh có pháo binh, có xe tăng bao vây tấn công theo cách nghi binh, hù dọa, tổ chức cắt đứt mọi đường tiếp tế – đường bộ (13), đường không làm cho địch khó khăn về lương thực, đạn dược nhất là thiếu nước, chúng rất hoang mang, kết hợp với công tác binh địch vận bằng truyền đơn, bằng phát loa kêu gọi đầu hàng... Sau đó, Sư đoàn mở đường cho chúng tháo chạy, và thực hành chốt chặn truy kích tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 8 ngoài công sự. Như vậy, ta diệt được địch, Senoul được giải phóng, ta thương vong thấp nhất.

Từ vài kinh nghiệm nhỏ của hai trận đánh nói trên, mong bổ sung về cách

đánh của ta trong chiến dịch tấn công đối với quân địch phòng ngự trong chiến tranh tương lai.

Đ.V.K

XUÂN LỘC – TRẬN ĐÁNH GÓP PHẦN QUYẾT ĐỊNH SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ SÀI GÒN TAY SAI MỸ

Đại tá NGUYỄN VĂN MINH* LÊ QUANG LẠNG*

Sau khi mất Quân khu 1 và Quân khu 2, lực lượng địch còn lại lui về Quân khu 3, lập tuyến phòng thủ Phan Rang để cùng với Xuân Lộc – Long Khánh hình thành một tuyến phòng ngự “kép” mạnh, có chiều sâu, bảo vệ Sài Gòn từ xa. Mặc dù tinh thần ý chí của địch bị sa sút, hoang mang sau khi mất cả miền Trung, nhưng Sài Gòn – Gia Định là vị trí cuối cùng, mất Sài Gòn – Gia Định là mất tất cả, cho nên Mỹ, Thiệu tìm mọi cách chống trả đến cùng bằng cách tập trung binh lực nhằm ngăn chặn và tiêu diệt quân ta trên tuyến phòng thủ Phan Rang, Xuân Lộc. Do tầm quan trọng của vị trí chiến lược Xuân Lộc, Phan Rang đối với Sài Gòn – Gia Định, nên Nguyễn Văn Thiệu chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu nguy là “bằng mọi giá phải “tử thủ” từ Ninh Thuận trở vào, nếu cần sẽ đem hết lực lượng đánh xả lạng tại đó”; còn Cao Văn Viên thì hô hào “quyết tâm giữ phần đất còn lại, cố thủ từ Phan Rang trở vào”.

Địch đã tăng cường cho tuyến phòng thủ Phan Rang thêm 1 lữ đoàn dù, 1 liên đoàn biệt động quân, một số đơn vị tăng, thiết giáp. Tuyến phòng thủ Phan Rang được tăng cường, củng cố mạnh sẽ đảm bảo cho tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh đứng vững. Thế trận phòng ngự của địch ở hướng đông lúc đó như vậy là vững chắc cả về lực, thế và ý chí quyết tâm.

Trong tình hình địch quyết sống mái với ta để bảo vệ Sài Gòn – Gia Định, vì không còn chỗ lùi, Phan Rang lại chưa bị tiến công, mà đánh Xuân Lộc là rất táo bạo và dũng cảm, nhưng cũng đầy mạo hiểm, chông gai. Bởi vậy, từ 5 giờ 30 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 sử dụng 3 sư đoàn bộ binh 6, 7, 341 với sự chi viện mạnh mẽ của pháo binh và xe tăng, tiến công vào thị xã Long Khánh (Xuân Lộc) cho đến ngày 13 tháng 4, ta vẫn chỉ chiếm được một số mục tiêu, không thực hiện được kế hoạch đã định. Sư đoàn 18 nguy là một đơn vị mạnh của quân chủ lực Sài Gòn, được không quân và pháo binh chi viện mạnh mẽ, đã tổ chức liên tiếp nhiều trận phản kích, quyết đẩy lùi quân ta ra khỏi thị xã.

Xuân Lộc – Long Khánh là tuyến phòng thủ trọng yếu của địch ở Quân khu 3 cách Sài Gòn 80km về phía đông. Đây là tuyến phòng thủ vòng ngoài rất mạnh, có nhiệm vụ ngăn chặn ta tiến quân vào Sài Gòn trên hai trục Quốc lộ 1 và 20. Giữ được tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh, địch sẽ giữ được tuyến phòng thủ Biên Hòa – Nhơn Trạch, Bà Rịa – Vũng Tàu; sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất không bị uy hiếp, không quân địch sẽ hoạt động chi viện cho bộ binh đánh ngăn chặn quân ta trên các hướng. Để mất Xuân Lộc là mất tất cả những lợi thế đó và vô

(*) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

hình trung đã “mở cửa cho cộng sản” tiến vào Sài Gòn một cách dễ dàng. Địch ý thức đầy đủ ý nghĩa và lợi thế quan trọng đó của Xuân Lộc đối với số phận của chế độ Sài Gòn tay sai Mỹ. Do đó, chúng đã tăng cường khẩn cấp cho Xuân Lộc 1 tiểu đoàn bộ binh điều từ Bình Tuy về, cùng Lữ đoàn dù số 1 và 3 thiết đoàn tăng, thiết giáp, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh thuộc Sư đoàn 25 và điều 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến về bảo vệ tổng kho Long Bình và làm lực lượng dự bị cho Xuân Lộc. Lực lượng địch được tăng cường cùng với Sư đoàn 18 phản kích dữ dội, tình hình chiến sự ở Xuân Lộc phát triển hết sức phức tạp, gay go.

Trận Xuân Lộc thắng hay thua đối với quân đội Sài Gòn đều có ý nghĩa liên quan đến sự tồn tại của chính quyền ngụy, đến việc kéo dài chiến tranh, kéo dài ngày sụp đổ của chúng để hy vọng tìm một giải pháp thương lượng với ta sao cho chúng cũng có một phần lợi. Do vậy, địch sẽ chống cự quyết liệt đến khi không còn sức chống cự được nữa mới thôi.

Qua 5 ngày giao tranh đầu tiên, ta và địch đều bị thương vong nặng nề. Không thể tiếp tục tiến công trực tiếp vào Xuân Lộc được nữa, vì như vậy, số thương vong của Quân đoàn 4 sẽ tăng cao, sức chiến đấu của cánh quân hướng đông chưa bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh đã bị giảm sút, sẽ không có lợi. Địch ở Xuân Lộc còn chống cự được, vì chúng còn tuyến phòng thủ Biên Hòa – Nhơn Trạch hỗ trợ. Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 quyết định thay đổi cách đánh: rút lực lượng ra ngoài Xuân Lộc đánh diệt lực lượng địch tăng viện phản kích đứng chưa vững chân, thiếu công sự ẩn nấp, dùng pháo tầm xa không chế sân bay Biên Hòa và các trận địa pháo binh của địch, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 Biên Hòa đi Bà Rịa, cô lập địch ở Xuân Lộc – Long Khánh. Đây là quyết định đúng đắn, sáng suốt và kịp thời của Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4.

Ngừng đột kích vào bên trong thị xã Long Khánh, Quân đoàn 4 tiếp tục cuộc tiến công ở ngoại vi, tiêu diệt chiến đoàn bộ binh 52 của Sư đoàn 18 và một số xe tăng, thiết giáp, phát triển tiến công địch ở ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1 vào Sài Gòn, đánh lui Lữ đoàn dù 3 từ Biên Hòa ra phản kích, làm chủ thế trận. Xuân Lộc bị cắt rời khỏi Sài Gòn và bị cô lập.

Trong lúc Quân đoàn 4 tiến công địch ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng Quốc lộ 20, làm chủ khu vực phía tây thị xã Long Khánh, thì cánh quân phía đông nam do Quân đoàn 2 đảm trách tiến công tuyến phòng thủ Phan Rang. Hai ngày 14 và 15 tháng 4, Sư đoàn 3 Quân khu 5 và Trung đoàn 25 Tây Nguyên tiến công tiêu diệt được một số mục tiêu địch trong tuyến phòng thủ Phan Rang. Địch chống cự quyết liệt, làm chậm bước phát triển của quân ta.

Trung tướng Lê Trọng Tấn quyết định sử dụng Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 vào chiến đấu để tăng sức đột kích. Sáng ngày 16 tháng 4, Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 cùng Sư đoàn 3 Quân khu 5, Trung đoàn 25 mặt trận Tây Nguyên và xe tăng mở đợt tiến công vào thị xã Phan Rang và sân bay Thành Sơn, diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch ở đây, bắt tên Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, giải phóng thị xã và

tỉnh Ninh Thuận. Ngày 19 tháng 4, Quân đoàn 2 giải phóng thị xã Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận, thần tốc tiến vào Long Khánh, phối hợp với Quân đoàn 4 đánh chiếm Xuân Lộc.

Tin tuyến phòng thủ Phan Rang bị đánh chiếm, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận đã giải phóng, đại quân ta đang thần tốc tiến sát Long Khánh, bộ máy chiến tranh của Thiệu ở Sài Gòn và quân địch ở Xuân Lộc vô cùng hoảng loạn. Trong tình thế tuyệt vọng, để cứu Xuân Lộc, địch điên cuồng cho máy bay ném bom vào thị xã và vùng ven, trong đó có 2 quả bom CBU-55 (vũ khí sát thương lớn), hòng tiêu diệt và ngăn chặn bước tiến của quân ta, đồng thời Lữ đoàn dù 1 và Sư đoàn 18 được lệnh di tản để bảo toàn lực lượng. Đêm 20 tháng 4, lực lượng địch còn lại ở Long Khánh rút chạy về Bà Rịa theo lộ 2. Quân ta truy kích diệt và bắt nhiều tên, thu nhiều vũ khí, khí tài, quân trang quân dụng.

Cánh cửa thép hướng đông Sài Gòn – Gia Định đã mở. Chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh toàn thắng có ý nghĩa lịch sử to lớn, góp phần rất quan trọng quyết định sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn đã từng tồn tại 21 năm.

Từ kết quả trận Xuân Lộc, chúng ta có thể rút ra những kinh nghiệm sau đây:

Một là, chọn thời cơ tiến công đúng sẽ giành thắng lợi nhanh chóng, giảm được thương vong.

Trong bài thơ *Học đánh cờ*, Hồ Chủ tịch viết:

*“Lạc nước **hai xe** đành bỏ phí,
Gặp thời **một tốt** cũng thành công”*

Thời mà Hồ Chủ tịch nói ở đây là *thời cơ*. Đó là một yếu tố vô cùng quan trọng để chuyển hóa lực yếu thành mạnh, ít thành nhiều, khó khăn thành thuận lợi. Hành động đúng thời cơ thì thế và lực của ta trong chiến dịch, chiến đấu sẽ được nhân lên gấp bội.

Thời cơ giúp ta chuyển hóa nhanh chóng về so sánh lực lượng, thúc đẩy sự nhảy vọt, đột biến về thế chiến lược, thế chiến dịch và thế chiến đấu. Thế chiến đấu là trong quá trình phát triển tiến công ta luôn luôn chủ động áp đảo địch. Hành động đúng thời cơ sẽ tạo nên yếu tố bất ngờ, tiến công áp đảo, kết thúc thắng lợi nhanh chóng chiến dịch hoặc trận chiến đấu là nghệ thuật lớn trong chiến tranh.

Trong chiến tranh cũng như trong một chiến dịch, một trận chiến đấu, bên nào tạo được thời cơ, nắm chắc thời cơ và hành động đúng thời cơ thì bên đó nắm chắc phần thắng. Đó là một trong những quy luật quan trọng giành thắng lợi trong chiến tranh. Trong chiến dịch và chiến đấu, tình huống luôn đối chọi ác liệt, phát triển, vận động không ngừng, từ thuận biến thành nghịch và ngược lại, và chỉ xảy ra nhanh chóng, có khi chớp lát. Không nắm được thời cơ và hành động không đúng thời cơ thì dù lực lượng ta có đông hơn địch cũng khó giành thắng lợi nhanh

chóng, thậm chí chịu những rủi ro, thương vong cao. Nghệ thuật tạo thời cơ, hành động đúng thời cơ chủ yếu là do nỗ lực chủ quan của cấp chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, do tài nghệ của người chỉ huy trận đánh, do quyết tâm cao và lòng dũng cảm phi thường của cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia trận đánh.

Trận đánh Xuân Lộc là một điển hình về tận dụng và nắm bắt thời cơ hành động. Giữa lúc quân địch đang tăng cường lực lượng củng cố tuyến phòng thủ Phan Rang, Xuân Lộc – Long Khánh, Biên Hòa – Nhơn Trạch, Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết ngăn chặn quân ta với quyết tâm rất cao vì sự sống còn của chế độ tay sai Mỹ ở Sài Gòn, mà ta nỗ lực đánh Xuân Lộc là hành động quá sớm, thời cơ chiến đấu chưa đến độ chín muồi. Do đó, mặc dù ta đã tung vào trận chiến 3 sư đoàn, được pháo binh, xe tăng chi viện, yểm trợ đắc lực tiến công vào Xuân Lộc suốt trong 5 ngày (từ ngày 9 đến ngày 13 tháng 4) vẫn không dứt điểm được. Địch tăng cường lực lượng, phản kích quyết liệt giành giật từng vị trí với ta. Trước sức phản kích của địch, một số đơn vị của ta vẫn bám giữ được một vài mục tiêu đã chiếm trong thị xã, nhưng nhiều đơn vị khác phải rút ra ngoài.

Thế trận giằng co. Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 quyết định thay đổi cách đánh, không trực tiếp tiến công vào thị xã, mà rút lực lượng ra ngoài đánh địch phản kích, bao vây, chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, tạo thời cơ dứt điểm Xuân Lộc. Như vậy, do nỗ lực chưa đúng thời cơ mà ta từ trạng thái tiến công, buộc phải chuyển sang bao vây, đánh địch ở vòng ngoài, dùng pháo binh đánh phá bên trong. Trận Xuân Lộc cho thấy thời cơ còn là yếu tố thuận lợi được tạo ra từ bên ngoài. Đánh trúng thời cơ có nghĩa là tận dụng được yếu tố sức mạnh bên ngoài làm cho lực lượng và sức mạnh của ta trong trận đánh tăng lên. Từ đó, với lực nhỏ, quân ít về số lượng, nhưng được chuẩn bị kỹ, ta vẫn tạo được sức mạnh áp đảo, thắng nhanh, dứt điểm nhanh, mà giảm được thương vong đến mức thấp nhất.

Hai là, chỉ huy nhạy bén, linh hoạt, kịp thời thay đổi cách đánh cho phù hợp tình huống diễn biến của chiến dịch, chiến đấu.

Người chỉ huy nói ở đây là Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Miền, Đảng ủy và chỉ huy Quân đoàn 4, trong đó Thượng tướng Trần Văn Trà là người được tổ chức phân công trực tiếp chỉ đạo thay đổi cách đánh. Nếu cứ tiếp tục cuộc tiến công vào Xuân Lộc như phương án cũ, thì có thể cuối cùng ta cũng giành được thắng lợi, vì cánh quân hướng đông nam do Quân đoàn 2 đảm trách thế nào cũng phải tiêu diệt tuyến phòng thủ Phan Rang, giải phóng các tỉnh Ninh – Bình Thuận và Hàm Tân. Lúc đó Xuân Lộc vừa bị Quân đoàn 4 đánh bên trong, vừa bị áp lực nặng nề của cánh quân hướng đông nam, chắc chắn Sư đoàn 18 nguy và lực lượng trừ bị chiến lược của Sài Gòn sẽ bỏ chạy để bảo toàn lực lượng, Xuân Lộc được giải phóng. Nhưng Quân đoàn 4 có thể sẽ mất sức chiến đấu, cánh quân “Duyên Hải” sẽ gặp khó khăn.

Trên đây là chỉ giả thiết, còn thực tế, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 là người chỉ huy Chiến dịch, theo dõi sát các tình huống và điều khiển các tình huống đó theo ý định của mình, đã kịp thời, nhanh nhạy và quyết đoán thay

đổi cách đánh. Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 biết sở dĩ địch ở Xuân Lộc còn ngoan cố chống cự là nhờ tuyến phòng thủ Biên Hòa – Nhơn Trạch hỗ trợ, tuyến phòng thủ Phan Rang che chắn. Vì vậy, chỉ cần đánh chia cắt giữa Xuân Lộc với Biên Hòa, cô lập Xuân Lộc, diệt bọn tăng viện thì Xuân Lộc sẽ không còn đủ sức chống cự nữa, lúc đó quân ta tổ chức tiến công sẽ nhanh chóng giành thắng lợi. Cho nên, việc thay đổi cách đánh trong trận tiến công Xuân Lộc là quyết định đúng đắn, kịp thời và sáng suốt của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4.

Có cách đánh phù hợp, nên ta đã tạo được thế mới, lực mới từ bên trong kết hợp với bên ngoài thành sức mạnh tổng hợp đè bẹp hoàn toàn sức kháng cự của quân địch trong một trận đồng loạt tiến công, dứt điểm nhanh, gọn, ít thương vong. Thắng lợi của trận Xuân Lộc cũng là thắng lợi của tổ chức chỉ huy chặt chẽ, linh hoạt, quyết đoán, xử trí và điều khiển các tình huống trong chiến đấu theo đúng ý định của mình.

Ba là, chấp hành mệnh lệnh chiến đấu nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao của cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 được phát huy trong suốt trận đánh.

Kỷ luật là sức mạnh của một quân đội được thể hiện trong việc chấp hành nghiêm chỉnh, triệt để mệnh lệnh của chỉ huy. Kỷ luật nghiêm minh sẽ bảo đảm tính thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động của cán bộ, chiến sĩ và đó là một trong những nhân tố tạo nên sức mạnh chiến đấu của một đơn vị. Trong trận chiến đấu Xuân Lộc, cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh cấp trên tiến công vào thị xã đồng loạt và dũng mãnh. Mặc dù không quân, pháo binh địch ném bom, bắn pháo vào đội hình tiến công của các đơn vị trong Quân đoàn, yểm trợ cho Sư đoàn 18 phản kích, nhưng cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 vẫn kiên cường đánh trả, bám giữ những mục tiêu đã chiếm. Cuộc chiến đấu trong thị xã diễn biến phức tạp và rất ác liệt, nhưng chưa có lệnh của cấp trên “thay đổi cách đánh” cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trong Quân đoàn vẫn kiên cường bám trụ trận địa, liên tiếp mở các trận tiến công, phản công đánh lùi các cuộc phản kích của địch.

Chính nhờ có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh, mà đội hình tiến công của các đơn vị trong Quân đoàn không bị đổ vỡ, rối loạn, trong khi đội hình phản công của địch xộc xệch, chắp vá và hoảng loạn, hiệp đồng tác chiến rời rạc, đã tạo điều kiện cho quân ta đánh bại các cuộc phản công của chúng, giữ vững trận địa.

Nhờ có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành mệnh lệnh nghiêm, nên tuy có bị thương vong trong quá trình chiến đấu trong nội thị Xuân Lộc, nhưng sức mạnh chiến đấu của các đơn vị trong Quân đoàn không giảm sút. Khi có lệnh rút quân ra ngoài đánh quân địch chỉ viện đứng chưa vững chân, chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 Biên Hòa đi Bà Rịa, cô lập địch ở Xuân Lộc, thì lập tức các đơn vị nhanh chóng thi hành mệnh lệnh thay đổi cách đánh, đã rút ra khỏi thị xã, triển khai ngay đội hình tiến công đánh chiếm Quốc lộ 20 và ngã ba Dầu Giây, làm

chủ khu vực phía tây và phía đông bắc thị xã Long Khánh tiêu diệt và đẩy lùi lực lượng địch phản kích, hình thành thế trận vây hãm Xuân Lộc, đến 22 giờ ngày 20 tháng 4, Quân đoàn 4 được tăng cường Trung đoàn 95B Sư đoàn 325 đồng loạt tiến công vào Xuân Lộc. Đến sáng ngày 21 tháng 4, hoàn toàn làm chủ Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh. Kết thúc toàn thắng Chiến dịch tiến công Xuân Lộc. Đây là một trong nhiều nguyên nhân làm nên Chiến thắng Xuân Lộc và giữ vững, tăng cường sức mạnh chiến đấu của Quân đoàn 4 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

* * *

21 năm chiến đấu dưới lá cờ Tổ quốc, cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang địa phương đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình: mở cửa hướng đông cho đại quân của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn – Gia Định, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chống Mỹ, cứu nước và đã để lại cho hậu thế những bài học kinh nghiệm quý báu.

N.V.M – L.Q.L

XUÂN LỘC THẤT THỦ BẢO HIỆU SỰ SỰ ĐỒ TOÀN TUYẾN PHÒNG THỦ VÒNG CUNG CỦA ĐỊCH

NGUYỄN VĂN QUẢNG*

Hiệp định Pari được ký kết sau gần 5 năm vừa đánh vừa đàm. Mỹ – ngụy lại rắp tâm phá hoại. Chiến tranh tiếp diễn suốt 2 năm sau. Bộ thống soái ta khẳng định: phải nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng và tư tưởng chiến lược tiến công để thắng địch. Chiến cuộc mùa khô 1974 – 1975 dự đoán sẽ rất quyết liệt.

Quyết tâm và kế hoạch của Quân ủy và Bộ Tư lệnh B2 về nhiệm vụ mùa khô này được thông qua Thường vụ Trung ương Cục. Hai đồng chí Chính ủy Phạm Hùng và Tư lệnh Trần Văn Trà báo cáo các ý định này trước Bộ Chính trị Trung ương Đảng tại Hà Nội: B2 chỉ đạo toàn chiến trường từ xã, quận, huyện, tỉnh, thành phố phát huy sức mạnh tổng hợp nhiều nhất tại chỗ “xóc tới”... Riêng “đoàn” chủ lực B2 – Quân đoàn 4 sử dụng có mức độ phù hợp giữ “kỹ” Sư đoàn 9 – phối hợp với các lực lượng vũ trang trên các địa bàn trọng điểm Quân khu 7, Quân khu 6, đánh đòn thôi động mạnh, diệt nhiều sinh lực địch, giành giữ dân, mở rộng và giữ vững địa bàn miền Đông, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển tiếp sau. Việc giải phóng mở rộng địa bàn miền Đông giữ chắc, không để địch chiếm lại, trong hoạt động lần này mang ý nghĩa quan trọng rất tích cực và mang một ý đồ lớn. Nhiệm vụ và quyết tâm này được duyệt y.

Vào mùa khô, trong 24 ngày đêm, bằng hai bước tiến công, ba thứ quân đã phối hợp chặt cùng nhân dân địa phương, ta đã giải phóng hoàn toàn, trọn vẹn tỉnh Phước Long – một tỉnh đầu tiên ở Nam bộ thuộc Quân khu 7 (6-1-1975). Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh được nối dài, thông suốt xuống đây. Ở Quân khu 5, từ trung tuần tháng 3 năm 1975 bắt đầu nổ súng, giải phóng hoàn toàn ba tỉnh Tây Nguyên, phát triển thuận lợi xuống đồng bằng và ven biển miền Trung. Địch bị mất Vùng 1 chiến thuật và đại bộ phận Vùng 2. Cả tở thầy Mỹ, ngụy hốt hoảng bị bất ngờ. Lực lượng quân địch bắt đầu hoảng loạn, chán ngán, nội bộ càng thêm rối ren.

Từ “tử thủ” (!) tạo cơ hội “phản công chiếm lại” (!) vùng đã mất nhưng không thành, tướng Mỹ Uyên cùng Tổng thống Thiệu và tướng tham mưu Cao Văn Viên, giờ đây quyết định và thực hiện gấp việc xây tuyến phòng thủ dài và rộng từ Tây Ninh, Bình Dương qua Biên Hòa ra Bình Thuận thành một vòng cung kiên cố, ngăn chặn làn sóng tiến công của quân ta vào Sài Gòn. Trong đó Xuân Lộc được tập trung lực lượng, nhiều quân tổng trừ bị và phương tiện hiện đại dựng thành “chiếc ốc xoáy cuối cùng”. Chúng cho rằng “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”, cũng như suốt quá trình chiến tranh chúng từng đánh giá rằng “chiến khu Đ còn,

(*) Nguyên Phó chính ủy Miền, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 4.

Sài Gòn phải mất”.

Vì vậy, trận quyết chiến giải phóng Xuân Lộc mang nhiều ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ phá toang cánh cửa sắt án ngữ phía đông Sài Gòn, phá vỡ một mắt xích trọng yếu, kiên cố trong tuyến phòng thủ, cắt đứt Quốc lộ 1, tạo điều kiện khá thuận lợi cho các cánh quân Trung ương theo ven biển miền Trung tiến vào, áp sát vành đai Sài Gòn, gây thôi động mạnh vùng phụ cận có sân bay và sở chỉ huy Vùng 3 chiến thuật của bọn Mỹ – ngụy tại Biên Hòa, tạo một bàn đạp vững mạnh tại đây.

Từ tính chất nhiệm vụ quan trọng như vậy và quán triệt chỉ thị 15 của Trung ương Cục, lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã “chồm lên” quyết liệt đều khắp trong và ngoài thị xã. Quân chủ lực B2 sau chiến thắng Phước Long phát triển tiếp cùng Quân khu 6 giải phóng thị trấn Bảo Lộc, cùng quân dân Biên Hòa Quân khu 7 giải phóng thị trấn Định Quán, quét địch trên Quốc lộ 20, giành quyền làm chủ một đoạn dài từ nam thị xã Đà Lạt đến Dầu Giây giáp Quốc lộ 1 Biên Hòa.

Trận quyết chiến chiến dịch thứ hai diễn ra tại thị xã Long Khánh. Trong 12 ngày đêm tiến công, vây ép, tiến công đến 21 tháng 4 năm 1975, ta hoàn toàn giải phóng, làm chủ thị xã này. Quân chủ lực B2, chủ lực Quân khu 7 cùng lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương tại chỗ hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến dịch đúng ý định. Quân đoàn 1, 2, 3 cùng binh chủng hợp thành trên hai hướng tiến công phát triển từ đường Hồ Chí Minh – Trường Sơn hướng tây và dọc Quốc lộ 1 hướng đông vào các vị trí tập kết cho chiến dịch – chiến lược cùng Quân đoàn 4 và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) áp sát Sài Gòn, phối hợp quân dân tại chỗ dứt điểm địch. Lịch sử ghi nhận chiến công vẻ vang này.

1. Nhìn lại, Chiến thắng Xuân Lộc như đêm trước của ngày toàn thắng. Đến đây theo đúng chủ trương của cấp trên, chiến trường miền Đông đã nỗ lực cao, tấn công đẩy địch vào thế tiếp tục thua, chúng chuyển vào phòng ngự lại tiếp tục bị phá sản. Ta diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng đất đai, làm chủ vững chắc một vùng khá rộng lớn từ Phước Long, Bảo Lộc ở hướng bắc, giờ đến Xuân Lộc (Long Khánh) ở hướng đông Sài Gòn. Thế chính trị tinh thần và tâm lý tác động vào hai bên rất lớn. Lực lượng địch tập trung vào đây khá đông trong tổng số còn lại cùng các bộ phận bại trận rút về qui tụ lại đây vừa mang theo tinh thần hoảng loạn.

Cho nên “đông nhưng chúng vẫn không mạnh”. Sư đoàn bộ binh 18 Vùng 3 chiến thuật của địch cũng đã chịu thiệt hại khá. Các Lữ đoàn 3 thiết giáp, Thiết đoàn 22 kỵ binh, 3 trung đoàn thiết giáp (315, 318, 320 (thiếu)) 1 chi đoàn xe bọc thép cùng nhiều pháo binh, tua bót dân vệ bảo an kèm kẹp tại chỗ khá dày đặc, lại được bọn Mỹ – ngụy điều đến phối hợp vòng ngoài nhiều đơn vị tổng trừ bị như Lữ đoàn dù số 1, Liên đoàn 7 biệt động quân, Chiến đoàn 3 Sư đoàn 5. Chiến đoàn 43 thua trận rút chạy từ Định Quán, Chiến đoàn 52 từ Kiệm Tân cùng Chiến đoàn 48, Liên đoàn bảo an 936 (3 tiểu đoàn) được tổ chức, bố trí phòng thủ khá chặt. Chúng huy động một lực lượng khá lớn không quân, trực thăng pháo binh chi viện

trực tiếp. Chúng cho đây là “một phòng tuyến thép”. Nhưng Xuân Lộc sụp đổ, cửa mở vào Sài Gòn khá thoáng.

2. Chiến tranh nhân dân tại chỗ phát triển rất tốt, nòng cốt có Tiểu đoàn 445 của tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị biệt động thị xã, bộ đội và du kích ấp, xã cùng nhân dân địa phương đã vận dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú diệt địch, giải phóng làm chủ 4 ấp cửa ngõ phía bắc thị xã, gây thôi động vào nội thị, tạo tiền đề thuận lợi, phối hợp nhịp nhàng với binh đoàn chủ lực gồm Quân đoàn 4 (có 3 sư đoàn: 6-1-7) và Trung đoàn 95B độc lập, tạo thành quả đấm mạnh, đánh ngã quân thù.

So sánh một cách đơn giản bằng đơn vị bộ binh thì ta và địch xấp xỉ nhau; còn thiết giáp, xe tăng, không quân, pháo binh thì chúng ưu thế hơn ta nhiều. Nhưng so về “thế” và trạng thái tinh thần trong trận quyết chiến Xuân Lộc thì ta vượt trội. Do đó “ăn nhau” là do “cách đánh”. Nó có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến chiến thắng. Ta tập trung diệt từng chiến đoàn bộ binh hỗn hợp như Chiến đoàn 52, diệt phần lớn Lữ đoàn dù số 1 thuộc tổng trừ bị địch... Cuối cùng kết hợp đột phá vào trung tâm thị xã, diệt nhiều sinh lực phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch khi chúng không còn đủ sức đề kháng buộc phải thu gom tàn quân tháo chạy. Ta chiếm hoàn toàn thị xã.

3. Cần thêm một so sánh nhiều ý nghĩa nữa là trong quá trình chiến tranh, các chiến dịch tấn công của ta trên các địa bàn này đều chú trọng diệt nhiều sinh lực địch làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, từng bước đánh bại ý chí phản động của chúng, thúc đẩy kháng chiến phát triển nhanh và vững chắc. Lúc ấy, ta đánh xong thì rút. Đến giai đoạn này thì phải vừa diệt lớn từng đơn vị địch vừa giữ và bảo vệ dân, giữ vững chắc vùng vừa được giải phóng, tạo thuận lợi cho việc triển khai phát triển các bước tiếp sau. Chiến thắng Xuân Lộc biểu hiện rõ rất tập trung đặc điểm này. Ta làm chủ thị xã Long Khánh, làm chủ một đoạn dài Quốc lộ 1 về hướng đông Phan Rang, Bình Thuận, sát biển. Hai chiến trường cùng phối hợp rất nhịp nhàng trong dịp này. Về hướng tây kéo dài đến Dầu Giây nối tiếp vào Quốc lộ 20, tạo thế uy hiếp mạnh vào sở chỉ huy Quân đoàn 3, Vùng 3 chiến thuật và sân bay chiến thuật Biên Hòa. Địch phải tổ chức ra một bộ phận chỉ huy Quân đoàn 3, Vùng 3 chiến thuật phải lên tận Trảng Bom vẫn không giữ nổi sự sụp đổ tiếp theo. Đây là nét rất đặc sắc kết thúc Chiến dịch tấn công Xuân Lộc đến ngày 21 tháng 4 năm 1975.

4. Khi tạo được “thế” trong thời cơ chung, việc tập trung lực lượng phù hợp ý định, việc xác định được chính xác cách đánh, thì các cơ quan hợp thành trong chiến dịch hoạt động rất ăn khớp trong một guồng máy thống nhất chỉ huy chung giữa chỉ huy Quân đoàn và chỉ huy Quân khu 7, chỉ huy tỉnh phát huy mạnh mẽ lực tổng hợp. Cơ quan tình báo chiến lược cùng trình sát quân báo chiến trường thường xuyên liên lạc được thông suốt về cấp chiến lược và cấp chiến dịch ta... Những dự kiến của quan thầy Mỹ về việc “thay ngựa” cuối đường đua, những mâu thuẫn về “tử thủ” và “di tản” của quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn địch... đã phục vụ

đắc lực cho ta trong chiến đấu. Việc bảo mật thông tin liên lạc được đảm bảo ở trình độ rất cao. Trình độ công tác Đảng, công tác chính trị phát triển rất nhanh và mạnh mẽ nâng cao sức mạnh chiến đấu ở khắp các đơn vị. Đặc biệt, mặt đảm bảo hậu cần kỹ thuật rất chất lượng với khối lượng rất đồ sộ không bao giờ bị gián đoạn, đình trệ trước các bước tiến quân của binh đoàn.

Từ đó việc tổ chức chỉ huy, hiệp đồng tác chiến được nâng lên một trình độ và qui mô mới, phù hợp qui luật phát triển chiến tranh trong giai đoạn cuối.

Hai mươi tám năm trôi qua. Chúng ta nhớ lại Chiến thắng Xuân Lộc với tất cả lòng tin và tự hào. Bằng lòng dũng cảm và trí thông minh, nền khoa học và nghệ thuật quân sự với cách đánh rất Việt Nam sẽ còn tiếp tục phát triển trong điều kiện mới. Chúng ta càng vững lòng tin tưởng vào quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại của ta luôn được nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu ngày càng vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

N.V.Q

XUÂN LỘC – MỘT TRONG NHỮNG TRẬN CHIẾN ĐẤU ÁC LIỆT CUỐI CÙNG CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

TS. ĐINH VĂN LIÊN*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã trôi qua, cách đây 28 năm. Mặt trận Xuân Lộc, đã trở thành một trong những trận chiến đấu ác liệt cuối cùng quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta và sự thất bại hoàn toàn thảm hại của chính quyền Sài Gòn được Mỹ hỗ trợ. Nếu như tên tướng Mỹ Uýen và đại sứ Hoa Kỳ Matin tuyên bố: “*Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”, nếu như Nguyễn Văn Thiệu hô hào: “*tử thủ Xuân Lộc*”, thì nói theo Thượng tướng Hoàng Cầm, người cầm quân mở toang “*cánh cửa thép*” đông bắc Sài Gòn thì: “*Đây là trận đánh mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và là trận lớn nhất, quyết liệt nhất, quan trọng nhất trong toàn bộ chiến dịch*”.

Những ngày tháng năm 1975 lịch sử, khi mà quân ta ồ ạt chiến thắng khắp mọi nơi trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam, còn ngụy quyền Sài Gòn thì rệu rã và di tản chiến thuật (nghĩa là bỏ đất chạy lầy người) rời khỏi các vùng đất Tây Nguyên, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng rồi Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Nha Trang... ta thắng giòn giã hơn bao giờ hết, địch thua toi tã co cụm về phía nam. Lúc đầu, Mỹ – Thiệu lấy Phan Rang làm lá chắn cuối cùng để ngăn chặn sức tiến quân của ta. Nhưng phòng tuyến Phan Rang đã không ngăn nổi bước chân thần tốc của quân giải phóng, đã tan vỡ. Ta chiếm Phan Rang và bắt được tên tướng Tư lệnh, sau đó quân ta nhanh chóng xuất quân từ nhiều hướng tiến về Sài Gòn. Trước tình hình nguy cấp này, ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Mỹ Uýen và đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn – Matin cùng một phái đoàn quân sự của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn việc cứu vãn tình hình nguy ngập của bọn tay sai. Uýen quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây. Không còn cách nào khác, Thiệu và bộ tham mưu của chúng đã đồng ý thực hiện kế hoạch này. Uýen nhấn mạnh với Thiệu: “*Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”.

Thế bố trí phòng ngự của địch lúc này ở Quân khu 3 vẫn hình thành nhiều phòng tuyến từ ngoài vào trong. Các sư đoàn bộ binh của chúng được tăng cường xe tăng, thiết giáp, pháo binh chốt giữ những khu vực then chốt, địch bố trí một vành đai quân sự dày đặc ở Xuân Lộc. Thị xã Long Khánh (Xuân Lộc) trong những ngày đầu tháng 4 năm 1975 đã trở thành một khu vực phòng ngự trọng yếu của địch ở Quân khu 3. Nó bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, một trọng điểm của tuyến phòng ngự từ xa của Mỹ-ngụy, chặn hai đường tiến quân của ta về Sài Gòn là Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Giữ được Xuân Lộc – Long Khánh thì tuyến Biên Hòa –

(*) Phó giám đốc Bảo tàng Chứng tích chiến tranh Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhơn Trạch – Bà Rịa – Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và cả sân bay Tân Sơn Nhất còn hoạt động được. Vì vậy, địch cố sống chết giữ Xuân Lộc.

Long Khánh là một thị xã đất đỏ, hiền hòa của tỉnh Long Khánh cũ đã trở thành một điểm quyết chiến giữa ta và địch trong những năm tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Long Khánh nay là một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai cách Thành phố Hồ Chí Minh 80km về phía đông. Long Khánh giáp huyện Tân Phú về phía tây, giáp huyện Châu Thành, Long Thành về phía đông, phía bắc giáp huyện Xuân Lộc của tỉnh Đồng Nai ngày nay, phía nam giáp huyện Thống Nhất. Long Khánh có nhiều đường giao thông quan trọng như Quốc lộ 1 nối liền Sài Gòn ra miền Trung, Quốc lộ 20 nối liền tỉnh Lâm Đồng lên Tây Nguyên, đường sắt nối liền Nam-Bắc chạy qua Long Khánh. Ngoài ra, còn có các liên tỉnh lộ như lộ 2 nối thông Bà Rịa – Vũng Tàu; lộ 3 từ Gia Ray đi Bình Thuận. Hệ thống giao thông này rất thuận lợi cho việc cơ động quân sự và vận chuyển. Nội ô thị xã Long Khánh gồm 6 ấp, một khu gia đình binh sĩ chiếm hơn 28.000 dân, đa số là người miền Trung, miền Bắc di cư, số này được địch bố trí ngay ở những vùng ven làm một vành đai ngăn chặn từ xa sự xâm nhập của cách mạng. Từ năm 1957, địch mở rộng quận Xuân Lộc, thành lập tỉnh Long Khánh gồm 2 quận Xuân Lộc và Định Quán với thị xã Long Khánh là trung tâm tỉnh lỵ.

Từ năm 1966, khi Mỹ đổ quân vào, chúng mở rộng thị xã Long Khánh thành một thành phố quân sự lớn. Tại đây có căn cứ Trung đoàn thiết giáp 11 Mỹ ở Suối Râm (lộ 2), căn cứ pháo binh Hoàng Diệu, hậu cứ Sư đoàn 18 bộ binh ngự và các chiến đoàn trực thuộc (43, 52, 48), bộ chỉ huy Khu 33 chiến thuật, sân bay, cơ quan cố vấn Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo CIA... Để cơ động phòng thủ, chúng xây dựng đường hành lang trải nhựa quanh thị xã tiếp giáp các ấp vùng ven. Vì vậy, Xuân Lộc vì cả nước, những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh đã phải gánh chịu những tội ác dã man của kẻ địch gây ra trong thế cùng quẫn. Đồng thời quân và dân Xuân Lộc đã mở rộng cánh cửa phía đông Sài Gòn để đón lực lượng của Quân đoàn 4, Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 Quân khu 5 vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Trong cuốn *“Từ tòa Bạch ốc đến Dinh Độc lập”* của Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L.Schecter, xuất bản năm 1990 có viết: *“Trong cơn lốc chính trị đang dâng cao ở Sài Gòn, cộng sản đã đến Xuân Lộc, thủ phủ của tỉnh Long Khánh cách Sài Gòn 36 dặm về hướng đông nằm trên quốc lộ. Ba sư đoàn tinh nhuệ Bắc Việt cùng đổ về Xuân Lộc, một thị trấn có 100 ngàn dân và nổi tiếng với những đồn điền cao su bao quanh nó. Một trận mưa pháo 4.000 viên, một trong những trận pháo kích nặng nhất của chiến tranh đã san bằng hơn một nửa thị trấn...”*. Tên tướng ngự Lê Minh Đảo, thề sẽ giữ vững Xuân Lộc, hán tuyên bố: *“không cần biết phía bên kia có bao nhiêu sư đoàn nhưng tôi sẽ đánh gục họ”*. Tiếp sức cho Sư đoàn 18 ngự và lữ đoàn dù, Trung đoàn 8 (Sư đoàn 5 bộ binh), Liên đoàn 2 biệt động quân, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng, xe bọc thép từ Sài Gòn lên và

từ Tây Ninh sang tăng cường cho Sư đoàn 18 quyết tử thủ Xuân Lộc. Máy bay địch cắt cánh từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Trà Nóc (Cần Thơ) ném bom dữ dội xuống Xuân Lộc. Để giữ Xuân Lộc, địch đã huy động gần 50% quân chủ lực, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 và lực lượng dự bị chiến lược tương đương một sư đoàn (cả dù và thủy quân lục chiến). Để động viên tinh thần cho quân đội đang sa sút hoảng loạn và tan rã, tên tướng Smith nói: *“Sự dũng cảm và anh hùng của đội quân chính phủ Việt Nam (ngụy), đặc biệt là lực lượng địa phương quân Long Khánh, được trang bị đầy đủ và chỉ huy đúng đắn đã chứng tỏ những người lính này hơn hẳn đối phương của họ. Cuộc chiến đấu để giành Xuân Lộc có vẻ giải đáp được vấn đề bức bách hiện tại là liệu quân đội Việt Nam còn chiến đấu được nữa không”*.

Ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 của ta gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 và Sư đoàn 6 của Khu 7 nổ súng tiến công Xuân Lộc. Địch đã đưa về đây toàn bộ Sư đoàn 18, tăng cường Lữ đoàn kỵ binh thiết giáp số 3, một bộ phận Sư đoàn 5 đang phòng ngự ở Quốc lộ 13, các tiểu đoàn pháo trực thuộc các liên đoàn biệt động của Quân khu 3, một số liên đoàn biệt động của Quân khu 1 và 2 mới chấn chỉnh. Chúng còn đưa cả lữ đoàn dù vào mặt trận Xuân Lộc, huy động đến mức cao nhất lực lượng không quân còn lại ở Biên Hòa. Cuộc chiến đấu ở Xuân Lộc ngay từ ngày đầu tiên đã diễn ra gay go, ác liệt. Các Sư đoàn 7, Sư đoàn 6 và Sư đoàn 341 của ta đã phải tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã, đánh đi đánh lại, diệt từng mục tiêu và phải nhiều lần đẩy lùi các cuộc phản kích của địch. Nhận thấy địch ngoan cố chống đỡ, ta thấy cần phải thay đổi cách đánh cho phù hợp với tình hình của địch, của ta lúc đó. Cách đánh mới của ta là khi địch dồn quân cố giữ thị xã thì ta không cần phải tập trung lực lượng đánh thẳng vào đây nữa, mà phải chuyển các lực lượng đánh các đơn vị đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, chưa có công sự và còn thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau, dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục sân bay Biên Hòa không cho máy bay địch cất cánh. Thực hiện lối đánh này, ta đã tiêu diệt được Chiến đoàn 52 của Sư đoàn 18 ngụy, theo Quốc lộ 20 phát triển xuống và chốt cứng ở Quốc lộ 1, đánh lui Lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp địch từ Biên Hòa ra tiếp viện, làm cho Xuân Lộc bị cắt lia khỏi Sài Gòn. Lữ đoàn kỵ binh 3 ngụy bị chặn lại không tiến lên được. Ta tiếp tục dùng pháo binh tiêu diệt các cụm pháo địch, tiêu diệt từng bộ phận Chiến đoàn 48 và Lữ đoàn dù 1 ngụy mới tăng viện. Cánh quân phía đông của ta tiến như vũ bão và bộ phận đi đầu ngày 20 tháng 4 trên Quốc lộ 1 đã đến Rừng Lá gần Xuân Lộc, kịp thời phối hợp với Quân đoàn 4 uy hiếp rất mạnh Xuân Lộc, Long Khánh.

Đêm 20 tháng 4, toàn bộ lực lượng địch ở Xuân Lộc, trước nguy cơ bị bao vây và tiêu diệt đã tháo chạy tán loạn theo đường liên tỉnh số 2 về phía Bà Rịa. Ta chặn đánh dọc đường, địch bỏ lại nhiều xe pháo, súng đạn. Địch thất bại thảm hại và không còn sức chiến đấu như quan thầy Mỹ hô hào.

Xuân Lộc được giải phóng. Cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở để đón lực lượng của Quân đoàn 4, Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 Quân khu 5 vào trận quyết

chiến chiến lược cuối cùng.

Tóm lại, Xuân Lộc mở đầu cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của ta và địch. Chiến thắng Xuân Lộc của ta đã làm thất bại âm mưu cố thủ để giữ vững Sài Gòn của địch. Chiến thắng Xuân Lộc là chiến thắng của sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình của Đảng, tinh thần quyết chiến quyết thắng, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam của quân và dân cả nước trong đó có nhân dân Xuân Lộc – Long Khánh. Chiến thắng Xuân Lộc là một bộ phận của chiến thắng Sài Gòn, là một trong những trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, khẳng định thắng lợi tất yếu của ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sự ngoan cố chống trả của địch ở Xuân Lộc là con giầy chết của kẻ cùng đường quyết giữ những gì còn có thể giữ được dù bất cứ giá nào, dù tàn bạo đến bao nhiêu. Ở Xuân Lộc, địch đã không từ dùng bom CBU-55, CBU là loại bom tấn, có sức công phá rất mạnh và giết người hàng loạt rất dã man. Bom CBU giết người bằng cách gây ra ngạt thở trên một vùng rộng lớn. Vì vậy, khi bom nổ nạn nhân không trúng mảnh bom, không bị sức ép của thuốc nổ vẫn cứ tử vong. Đây là loại bom giết người rất dã man của Mỹ sử dụng tại Việt Nam trong những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh, đã tàn sát đẫm máu hơn 200 dân thường ở các xã Bảo Vinh, Long Khánh. Dù cho Mỹ – nguy có gây ra tội ác khủng khiếp đến thế nào nhưng vẫn không giữ được Xuân Lộc, tấm lá chắn cuối cùng của Mỹ trước khi thất bại hoàn toàn ở miền Nam Việt Nam. Khi Xuân Lộc bị địch chọn làm điểm quyết chiến chiến lược cuối cùng thì nhân dân Xuân Lộc vì cả nước mà hy sinh, mà đánh thắng giặc Mỹ. Đồng thời, trên mặt trận Xuân Lộc nhân dân cả nước đã gửi những đũa con ưu tú của mình đến để chiến đấu và chiến thắng quân thù.

Hai mươi tám năm đã trôi qua, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã đi vào lịch sử, nhưng tội ác của Mỹ-ngụy dùng bom CBU-55 để giết hại nhân dân Xuân Lộc là không thể nào quên. Chiến thắng Xuân Lộc có sự đóng góp xương máu công sức của quân dân cả nước cần phải được ghi nhận, nghiên cứu và phân tích giúp cho việc giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống quân đội; đồng thời tố cáo tội ác Mỹ – nguy trước quần chúng và bạn bè quốc tế.

Đ.V.L

Tài liệu tham khảo

1. Đại tướng Văn Tiến Dũng, *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam Bộ Quốc phòng, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.
3. TS. Nguyễn Tiến Hưng, Jrrold L.Schechter, *Từ tòa Bạch ốc đến Dinh Độc Lập*, Nxb. Trẻ, 1990.
4. Frank Snepp, *Cuộc tháo chạy tán loạn*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
5. *Sài Gòn những ngày cuối cùng của Mỹ ở Đông Dương*, Nxb. tổng hợp Sông Bé,

1986.

6. *Chất nổ nhiên liệu không khí và bom CBU-55 của đế quốc Mỹ*, Viện Kỹ thuật quân sự, 1975.

XUÂN LỘC – TRẬN ĐÁNH GÓP PHẦN QUYẾT ĐỊNH SỐ PHẬN CHẾ ĐỘ NGỤY SÀI GÒN

HỒ THỊ MINH TRÂM*

Trong mùa Xuân 1975, ta thực hiện nhiều trận đánh then chốt khiến quân ngụy phá sản về chiến lược, rơi vào thế bị động khốn cùng. Trận Xuân Lộc ở giai đoạn cuối cuộc chiến tranh có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì đây là phòng tuyến tử thủ cuối cùng cách Sài Gòn chỉ còn 80km, là lá chắn sống chết của chế độ ngụy quyền Sài Gòn; chặn đứng cửa ải Xuân Lộc là niềm hy vọng mong manh cuối cùng của địch.

Thị xã Long Khánh (Xuân Lộc) trong những ngày đầu tháng 4 năm 1975, trở thành một khu vực phòng ngự rất trọng yếu của địch ở Quân khu 3, một “cánh cửa thép” bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, một trọng điểm của tuyến phòng ngự từ xa của Mỹ-ngụy. Địch cố giữ vững Xuân Lộc – Long Khánh để ngăn chặn hai đường tiến của quân ta về Sài Gòn, Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Lúc bấy giờ trên trục Quốc lộ 1, quân ta đã tiến đến gần Phan Rang, còn trên trục Quốc lộ 20, quân ta sau khi giải phóng Lâm Đồng, Đà Lạt, Tuyên Đức đã tiến xuống gần Kiệm Tân. Địch cố giữ Quốc lộ 15 từ Sài Gòn ra Vũng Tàu, để nhận hàng viện trợ của Mỹ vào Sài Gòn theo đường biển và đó cũng chính là con đường rút chạy sau này của địch.

Giữ được Xuân Lộc – Long Khánh thì tuyến Biên Hòa – Nhơn Trạch – Bà Rịa – Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và cả Tân Sơn Nhất còn hoạt động được.

Vì vậy, bằng bất cứ giá nào địch cũng cố giữ Xuân Lộc – Long Khánh. Quân đoàn 3 ngụy nói chung và Sư đoàn 18 nói riêng còn nguyên chưa bị đánh đau. Hơn nữa, ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn và Mỹ cũng cố gắng tìm mọi cách chi viện cho Xuân Lộc, với một hy vọng duy nhất là kéo dài ngày hấp hối, để tìm một biện pháp khả dĩ có thể tồn tại không đến nỗi mất hết, thất bại hoàn toàn.

Ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 và lực lượng của Quân khu 7 do Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh và Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy, nổ súng tiến công vào Xuân Lộc. Các đơn vị thuộc Quân đoàn, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, thực hiện cuộc đột phá tuyến phòng thủ trước một kẻ địch cùng đường, liều mạng.

Địch điều toàn bộ lực lượng Sư đoàn 18, tăng cường Lữ đoàn kỵ binh 3, một bộ phận của Sư đoàn 5 đang phòng ngự ở đường số 3, các tiểu đoàn pháo binh trực thuộc, các liên đoàn biệt động quân què quặt của Quân khu 1, Quân khu 2 chưa kịp chấn chỉnh ném vào Xuân Lộc, hòng cứu vãn chính quyền tay sai trước nguy cơ

(*) Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

sụp đổ.

Chưa đủ, địch còn đưa cả Lữ đoàn 1 dù vào mặt trận Xuân Lộc, huy động đến mức cao nhất không quân còn lại ở Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ để kéo dài ngày tận số. Ngoài ra, Mỹ-ngụy còn huy động cả một bộ máy tuyên truyền chiến tranh tâm lý trong nước và thế giới phương Tây đến Sài Gòn, đến Xuân Lộc để “lên dây cót tinh thần” cho binh lính và chỉ huy của chúng. Tên chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 ngụy huênh hoang: “*Sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết và để Mỹ cho thêm viện trợ*”. Hắn bỗng chốc trở thành một “người hùng”, một “vị cứu tinh” của chế độ Thiệu dưới ngòi bút của những ký giả trọng đôla hơn trọng danh dự, ký tên trên những tờ báo lá cải. Trận chiến đấu Xuân Lộc ngay từ những ngày đầu trở nên gay go, ác liệt. Các Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 và Sư đoàn 341 của ta đã phải tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã, đánh đi đánh lại diệt từng mục tiêu và phải nhiều lần đẩy lùi các cuộc phản kích của địch. Chiến đoàn 43 của địch bị tổn thất nặng. Pháo binh chiến dịch và pháo binh đi cùng các sư đoàn của ta đã phải dùng thêm cơ sở đạn. Xe tăng, xe bọc thép của ta một số bị hư hỏng, một số phải trở về vị trí xuất phát tiến công để bổ sung xăng dầu, đạn dược.

Kế hoạch tiến công Xuân Lộc của Quân đoàn 4 lúc đầu chưa tính hết được sự phát triển phức tạp của tình hình, chưa đánh giá hết tính chất ngoan cố của địch. Tính chất giằng co ác liệt trong trận đấu này không chỉ trong phạm vi Xuân Lộc – Long Khánh nữa rồi. Nó liên quan đến việc mất hay còn của ngụy quyền Sài Gòn, đến việc kéo dài những ngày giã chết của chế độ Thiệu. Việc tổ chức, chỉ huy và tiến hành chiến đấu của ta không thể làm theo như cũ được nữa. Cách đánh cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với tình hình lúc đó.

Trong những ngày Quân đoàn 4 tiến công vào Xuân Lộc, chúng ta một mặt phải khẩn trương xây dựng và hoàn thành kế hoạch tiến công vào Sài Gòn, mặt khác tình hình cũng đặt ra yêu cầu Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 phải thay đổi cách đánh. Địch thì cố vét quân ném vào đây. Ta cũng tăng cường thêm Trung đoàn 95 và bổ sung vật chất cho Quân đoàn 4.

Đồng chí Trần Văn Trà từ Lộc Ninh xuống Quân đoàn 4 một lần nữa để phổ biến và đôn đốc việc thực hiện cách đánh mới. Nhiệm vụ của Quân đoàn 4 là khi địch dồn quân vào để cứu thị xã Long Khánh thì ta không cần tập trung lực lượng tiếp tục đánh thẳng vào đây nữa, mà chuyển lực lượng đánh các đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài đang thiếu công sự, và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau; dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hòa, không cho máy bay của địch cất cánh.

Tiếp theo việc đánh chiếm Túc Trưng, Kiệm Tân tiêu diệt Chiến đoàn 52 của Sư đoàn 18 ngụy, ta theo Quốc lộ 20 phát triển xuống ngã ba Dầu Giây và chốt cứng một đoạn Quốc lộ 1, diệt một số xe tăng đánh lui Lữ đoàn 3 kỵ binh địch từ Biên Hòa ra tiếp viện. Xuân Lộc đã bị cắt lìa khỏi Sài Gòn. Thị xã cùng ban chỉ huy Chiến đoàn 48 vẫn bị pháo kích, ở Bàu Cá Lữ đoàn 3 kỵ binh vẫn bị chặn,

không nhúc nhích được.

Quân đoàn 4 tiếp tục dùng pháo binh triệt dần các cụm pháo địch, tiêu diệt từng bộ phận Chiến đoàn 48 và Lữ đoàn 1 dù mới ra tăng viện.

Trước đây, ngày 7 tháng 4, một sự trùng hợp lý thú: tại Lộc Ninh, được coi như Thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Trung ương Cục và Quân ủy Miền thông qua kế hoạch tiến công Sài Gòn thì cũng trong ngày này tại Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập tướng lĩnh bàn kế hoạch phòng thủ vùng đất còn lại, đặc biệt là “tử thủ” Xuân Lộc, vị trí then chốt trong tuyến phòng thủ từ xa bảo vệ Sài Gòn. (Tướng Uyên, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã thị sát tận nơi, chỉ rõ cho Thiệu và tướng lĩnh ngụy: “*mắt Xuân Lộc là mắt Sài Gòn*”. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh: “với bất cứ giá nào cũng phải cố thủ từ Phan Rang trở vào, nếu cần, đem hết lực lượng đánh xả láng tại đó”.) Và cũng ngay trong ngày, phi công Nguyễn Thành Trung, người được ta dày công cài vào hàng ngũ địch, đã lái máy bay F.5 ném bom dinh Tổng thống ngụy. Thiệu phải vội vàng chạy xuống hầm trú ẩn. Sợ có đảo chính tiếp theo, Thiệu vội vàng hạ lệnh giới nghiêm 24 trên 24 giờ.

Cánh quân phía đông của ta ào ạt tiến, ngày 19 tháng 4 cùng với bộ đội Khu 6 giải phóng Phan Thiết. Toàn bộ các lực lượng địch ở Xuân Lộc, trước nguy cơ bị bao vây và bị tiêu diệt, đã phải bỏ chạy tán loạn theo đường số 2 về phía Bà Rịa. Bị chặn đánh dọc đường, chúng bỏ lại rất nhiều xe pháo, súng đạn. Một số nhà báo phương Tây phải điện gấp về tòa soạn của họ xin hủy bài báo vừa gửi về ngay tối hôm đó để “phù hợp với tình hình”. Đài phát thanh quân đội Sài Gòn trở trên không ngừng tác động tinh thần cho đám tàn quân Sư đoàn 18 len lỏi trong các cánh rừng vùng Bà Rịa. Tên Trung tướng ngụy Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân khu 3, đến Củ Chi bàn việc cố thủ tuyến Củ Chi ở phía tây bắc đồng thời điều chỉnh lực lượng phía đông để giữ chặt Biên Hòa – Long Bình – Long Thành... Mặc dù vậy, ngày 21 tháng 4 năm 1975, địch ở Xuân Lộc bị vỡ trận hoàn toàn. Sau 13 ngày đêm máu lửa, quân ta đã đánh chiếm Long Khánh – Xuân Lộc.

Cũng trong ngày, nhận được chỉ thị từ Nhà trắng, đại sứ Mỹ Martin, người ủng hộ Thiệu từ nhiều năm nay vào thẳng dinh Tổng thống ngụy ép Thiệu phải từ chức.

Ngày 21 tháng 4 năm 1975, những tên tướng thân cận của Thiệu như Đặng Văn Quang, Nguyễn Văn Toàn, Cao Văn Viên ở trong tình thế tuyệt vọng, Nguyễn Văn Thiệu đã lên đài phát thanh, truyền hình đọc diễn văn từ chức, bàn giao quyền Tổng thống cho Trần Văn Hương.

Xuân Lộc được giải phóng. Cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở sẵn đón lực lượng của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Sư đoàn 3 chuẩn bị tiến về Bà Rịa, Vũng Tàu.

Trước ngày phát động tổng công kích vào Sài Gòn – Gia Định, cánh quân phía đông đã tạo được một thế chung rất thuận lợi.

Như vậy, trước khi nổ súng tổng công kích vào Sài Gòn, ta đã hình thành được thế trận bao vây thành phố từ nhiều mặt. Ở phía đông, ta đã cắt hoàn toàn Quốc lộ 1, tiến đến Trảng Bom, sẵn sàng cắt đứt Quốc lộ 15, sông Lòng Tàu và không chế Vũng Tàu và đang làm tê liệt sân bay Biên Hòa.

Các lực lượng lớn của Chiến dịch cũng đã tiến dần vào vị trí triển khai. Quân đoàn 4, sau khi chiếm Xuân Lộc, đã áp sát Trảng Bom. Đường hành lang từ các cánh, các hướng đều thông suốt, đường vận chuyển chiến dịch và chiến lược đã được nối liền, có chất lượng tốt, bảo đảm được mật độ các loại xe chạy với tốc độ cao. Lần đầu tiên trong suốt mấy chục năm kháng chiến ở Nam bộ, xe hơi của tuyến vận tải Cục hậu cần Miền và hậu cần các quân khu từ miền Đông chạy xuống tận Bình Cơ, Bình Mỹ, bắc Tân Uyên và có thể chạy suốt đến Long Khánh – Bà Rịa.

Lực lượng lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đã về ở vùng ven. Có nhiều bộ phận đã vào nội thành để chuẩn bị cho việc nổi dậy của quần chúng và tiếp quản thành phố.

Ở hướng đông, Sư đoàn 325 đã làm chủ chi khu Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ và đã phát triển đến phà Cát Lái, đang chuẩn bị cho bộ đội vượt sông đánh vào quận 9.

Trận địa pháo tầm xa đặt ở Nhơn Trạch bắn cấp tập hàng trăm quả pháo vào sân bay Tân Sơn Nhất. Tiếng pháo nổ rung chuyển cả đường phố Sài Gòn như lời tuyên cáo kết liễu chế độ ngụy quyền.

Binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2 đã tiến đến phía bắc cầu Rạch Chiếc và cầu Sài Gòn bắt liên lạc với Đoàn 116 đặc công đang giữ vững đầu cầu sau nhiều lần đánh lui các đợt phản kích ác liệt của địch. Tại đây, 52 chiến sĩ đã anh dũng hy sinh trước giờ chiến thắng.

Ở cánh phải của Quân đoàn 2, Sư đoàn 304 từ mờ sáng tổ chức một đợt tiến công quyết liệt vào quân địch còn lại ở trường bộ binh tại căn cứ Nước Trong. Đến gần trưa quân ta làm chủ hoàn toàn trận địa, phát triển ra Quốc lộ 15 và chập tới đến phía nam căn cứ Long Bình; phía Vũng Tàu, chiều ngày 29 tháng 4, ta đã làm chủ phần lớn thị xã.

Trong lúc đó binh đoàn thọc sâu gồm 1 lữ đoàn xe tăng và một trung đoàn bộ binh tập kết bí mật trong rừng cao su phía nam Dầu Giây chờ lệnh tiến vào Sài Gòn.

Đúng như nhận định trên, giải quyết được Xuân Lộc, Sài Gòn đã thất thủ vào trưa 30 tháng 4 năm 1975, đặt dấu chấm hết cho cuộc trường kỳ đánh Mỹ dài 21 năm của quân và dân ta.

Trận Xuân Lộc với quyết tâm và cách đánh linh hoạt của ta đã quyết định nhanh chóng số phận chế độ ngụy Sài Gòn, tay sai đế quốc Mỹ. Cánh cửa thép Xuân Lộc bị đập tan đã làm tiêu tan hy vọng giữ lại Sài Gòn và miền Tây, mong chờ một giải pháp hi hữu cho chính quyền Sài Gòn tồn tại.

Giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh không những mở toang cánh cửa phía đông bắc cho quân chủ lực tiến thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch mà còn làm những vị trí phòng thủ ở các nơi khác tan rã, góp phần giành thắng lợi trọn vẹn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử Xuân 1975.

H.T.M.T

CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC ĐẬP TAN “CÁNH CỬA THÉP” PHÍA ĐÔNG SÀI GÒN

TS. NGUYỄN VĂN DIỆU*

1. Bối cảnh lịch sử:

Sau chiến thắng của trận đánh then chốt của quân và dân ta tại thị xã Buôn Ma Thuột ngày 10 tháng 3 năm 1975, Quân đoàn 2 nguy buộc phải tháo chạy khỏi Tây Nguyên... Tiếp theo đó, tuyến cơ cụm chiến lược của địch tại Đà Nẵng cũng bị quân và dân ta đánh cho tan vỡ. Trước đó, tại Quân khu 1 của địch, quân và dân ta cũng đã giáng cho Mỹ – nguy những đòn chí mạng... Trước tình hình đó, Mỹ – nguy buộc phải tập trung lực lượng quân sự còn lại để nhanh chóng xây dựng các tuyến phòng thủ xa - gần ở các hướng đông và bắc thủ đô Sài Gòn, như là Phan Rang. Và đặc biệt là Xuân Lộc – một tiền đồn tối quan trọng cách Sài Gòn 80km về hướng đông.

Xuân Lộc là đầu mối của nhiều tuyến giao thông đường bộ quan trọng như: Quốc lộ 1 nối Sài Gòn với các tỉnh miền Trung, Quốc lộ 20 nối miền Đông Nam bộ với Lâm Đồng – một trong những tỉnh địa đầu quan trọng ở Tây Nguyên. Đường sắt xuyên Việt cũng chạy qua địa phận huyện Xuân Lộc. Ngoài ra còn có các liên tỉnh lộ như: Liên tỉnh lộ số 2 nối liền với Bà Rịa – Vũng Tàu – một cửa biển quan trọng ở miền Nam Việt Nam, liên tỉnh lộ số 3 từ Gia Ray đi Bình Thuận – một tỉnh duyên hải Nam Trung bộ... Từ Xuân Lộc có thể cơ động quân đội, nhất là lực lượng cơ giới – kỹ thuật hạng nặng đi các tỉnh nói trên một cách dễ dàng và thuận lợi.

Về hành chính: Xuân Lộc gồm có 6 ấp và một khu gia binh với tổng số 28.000 người, phần lớn là người miền Trung và di dân từ các tỉnh miền Bắc vào sau Hiệp định Giơnevơ tháng 7 năm 1954.

Với địa thế thuận lợi đó, nên ngay từ năm 1957, nguy quyền Sài Gòn đã tiến hành mở rộng Xuân Lộc thành tỉnh Long Khánh – một tiền đồn quân sự quan trọng của địch nằm giáp ranh giữa Đông Nam bộ – Tây Nguyên và tỉnh Bình Thuận thuộc duyên hải miền Trung Nam bộ. Tỉnh Long Khánh hồi bấy giờ bao gồm hai quận: Xuân Lộc và Định Quán (nay thuộc tỉnh Đồng Nai) với thị xã Long Khánh – trung tâm chính trị của tỉnh. Trong nhiều năm liền, nhất là từ năm 1966 trở đi, khi quân viễn chinh Mỹ có mặt ngày càng đông đảo tại miền Đông Nam bộ, nguy quyền mở rộng thị xã Long Khánh thành một cứ điểm quân sự lớn ở miền Nam Việt Nam nhằm phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Vì vậy, tại đây đóng các căn cứ quân sự quan trọng, như: căn cứ Trung đoàn thiết giáp số

(*) Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu sử học, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

11 của quân đội Mỹ ở Suối Râm (trên tỉnh lộ số 2), căn cứ pháo binh Hoàng Diệu, hậu cứ của Sư đoàn bộ binh ngụy số 18 và hậu cứ của các chiến đoàn bộ binh ngụy trực thuộc Sư đoàn 18, như Chiến đoàn số 43, Chiến đoàn số 48 và Chiến đoàn số 52, căn cứ của bộ chỉ huy chiến thuật số 33, sân bay quân sự, cơ quan cố vấn Mỹ, trung tâm huấn luyện của cục tình báo Hoa Kỳ CIA...

Để thực hiện chiến thuật cơ động – phòng ngự, chúng đã xây dựng thêm các đường hành lang quân sự trải nhựa bao quanh thị xã Long Khánh tiếp giáp với các ấp ở vùng ven rất thuận lợi cho việc di chuyển quân đội, cơ giới khi có chiến sự nổ ra. Điều đó nói lên tầm quan trọng về địa lý – quân sự của thị xã Long Khánh – Xuân Lộc hồi bấy giờ tại miền Đông Nam bộ nhằm bảo vệ thủ đô Sài Gòn về hướng đông.

Để từng bước tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ – ngụy tại thị xã Long Khánh, trong các đợt hoạt động quân sự mùa khô 1974 – 1975, nhất là từ tháng 12 năm 1974 đến 30 tháng 1 năm 1975, quân và dân ta trên địa bàn huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đã liên tục tiến công địch tại địa phương và đã giành được những thắng lợi rất đáng khích lệ:

Các đêm mùng 9 và 12 tháng 12 năm 1974, các đội biệt động và trinh sát vũ trang của ta ở thị xã Long Khánh đã bất ngờ đánh thọc sâu vào các căn cứ quân sự, các cơ quan đầu não của địch trong thị xã, diệt và làm bị thương 111 sĩ quan và binh lính ngụy.

Đặc biệt là đêm 11 rạng ngày 12 tháng 12 năm 1974, bằng sức mạnh tổng hợp của “ba mũi giáp công”, quân và dân địa phương đã bao vây và bức hàng đồn Bảo Chánh của địch, làm dấy lên một khí thế mới mở đầu cho cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 lịch sử tại Quân khu miền Đông hồi bấy giờ...

Trên cơ sở thực tiễn nóng hổi và sống động đó, từ ngày 31 tháng 1 năm 1975 đến ngày 8 tháng 2 năm 1975, Hội nghị Khu ủy miền Đông Nam bộ, đã khẳng định thêm về vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh: “...*thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình*”¹.

2. Mỹ – ngụy quyết tâm xây dựng “tuyến phòng thủ thép” tại Xuân Lộc:

Từ đầu tháng 3 đến cuối tháng 3 năm 1975, trên chiến trường miền Nam Việt Nam, lực lượng bộ đội chủ lực cơ động mạnh của ta đã lần lượt đập nát các cứ điểm chiến lược của địch ở Trị Thiên, Đà Nẵng (Quân khu 1), Tây Nguyên (Quân khu 2)... Sự sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn giờ đây đã trở thành một hiện thực không thể đảo ngược được.

Đứng trước tình hình nghiêm trọng đó, ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Mỹ Uýen và đại sứ Martin cùng một phái đoàn quân sự cao cấp của “Nhà Trắng” đến họp tại Sài Gòn, để bàn việc cứu vãn sự nguy ngập của bọn tay sai của chúng

⁽¹⁾ Nhiều tác giả, *Miền Đông chiến công* – Nxb. Đồng Nai, 1990, tr.190.

hồi bấy giờ. Tướng Uâyen quyết định gấp rút xây dựng một tuyến phòng thủ một chốt chặn kéo dài từ thị xã Phan Rang nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm. Và Tây Ninh là chốt chặn phía tây Sài Gòn... Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu cùng bộ tham mưu của y cũng tán thành quyết định đó của các quan thầy Mỹ. Tướng Uâyen một lần nữa nhấn mạnh với Nguyễn Văn Thiệu rằng: *“phải giữ cho kỳ được Xuân Lộc. Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”*...

Để gấp rút triển khai xây dựng tuyến phòng thủ thép nói trên, ngay trong ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Uâyen và tướng Cao Văn Viên đã tức tốc đáp máy bay ra tận Xuân Lộc để quan sát tình hình, và đích thân chỉ đạo việc xây dựng phòng tuyến này tại địa phương trong bối cảnh chiến trường miền Nam Việt Nam hồi bấy giờ.

Để biến Xuân Lộc thành “cánh cửa thép” bảo vệ thủ đô Sài Gòn về phía đông (theo như chúng huênh hoang), Mỹ – ngụy đã điều Thiết đoàn 22 kỵ binh và một tiểu đoàn biệt động quân tinh nhuệ ra án ngữ một đoạn đường dài từ Bàu Cá đến ngã ba Dầu Giây. Đồng thời, đưa Chiến đoàn 43 từ Định Quán (mới được bổ sung thêm quân) ra trực tiếp làm lực lượng phòng thủ thị xã Long Khánh và tiểu khu quân sự tại địa phương. Chúng còn triển khai quân của Chiến đoàn 52 từ Kiệm Tân đến núi Sóc Lu, nhằm sẵn sàng cơ động tới ứng cứu thị xã Long Khánh khi cần thiết. Đưa Chiến đoàn 48 ra án ngữ tại chi khu quân sự Tân Phong, để ngăn chặn chủ lực quân của ta từ hướng Quốc lộ 1 đánh thốc vào thị xã Long Khánh. Không chỉ thế, khi quân ta nổ súng mở màn Chiến dịch Xuân Lộc vào ngày 9 tháng 4 năm 1975, Mỹ – ngụy còn tăng thêm viện binh bao gồm: Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 3 (thuộc Sư đoàn 5 ngụy), Liên đoàn biệt động quân số 7, và các lữ đoàn thiết giáp số 315, 318, 320... Tất cả lực lượng địch quân nói trên đều tiến ra mặt trận Xuân Lộc để ứng chiến với quân ta.

Đó là chưa kể ở bên trong thị xã Long Khánh, bộ máy kèm kẹp của ngụy quân, ngụy quyền hầu như còn nguyên vẹn. Lực lượng này bao gồm: 36 tua đóng bao quanh thị xã, một chi đoàn xe bọc thép, 2 trung đội pháo binh, cùng lực lượng bảo an, dân vệ, cảnh sát, biệt kích, phòng vệ dân sự, với tổng số quân trên 1.522 tên, có trang bị đầy đủ vũ khí hiện đại của Hoa Kỳ... Cách bố trí một lực lượng quân sự gồm nhiều binh chủng hùng hậu nói trên tại Xuân Lộc hồi bấy giờ, đã chỉ ra cho chúng ta thấy tầm quan trọng sống còn của mặt trận Xuân Lộc đối với ngụy quyền Sài Gòn.

Báo chí phương Tây lúc bấy giờ cũng đã bình luận về Xuân Lộc: *“Xuân Lộc là chiếc ốc xoáy cuối cùng quyết định số phận thành phố Sài Gòn”*. Và *“Mất Xuân Lộc, Việt cộng sẽ thiết lập được một vòng cung vững chắc chỉ cách Sài Gòn có 80km, vòng cung đó bắt đầu từ Tây Ninh chạy ra tới Vũng Tàu. Như vậy Sài Gòn sẽ bị thắt chặt trong một cái thòng lọng khổng lồ bằng sắt vô cùng nguy hiểm của Việt cộng đối với chính quyền Sài Gòn.”*

3. Quân và dân địa phương của ta với các trận đánh nhỏ trước khi mở màn Chiến dịch Xuân Lộc:

Ngày 4 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Khu ủy miền Đông họp và ra Nghị quyết, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: “...*Khu ta có khả năng phát động quần chúng khởi nghĩa với tinh thần: ấp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu, tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu, nhằm giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân*”¹.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết nói trên của Thường vụ Khu ủy miền Đông, Thị ủy cùng quân và dân ta ở Long Khánh hạ quyết tâm: dùng lực lượng ba mũi, chủ yếu là các mũi: chính trị, binh vận, kết hợp với lực lượng vũ trang bí mật, với các phương tiện, vũ khí tự tạo bức rút, bức hàng địch ở các xã ngoại ô thị xã, nhằm tạo địa bàn thuận lợi cho bộ đội chủ lực của ta tiến công đập nát hoàn toàn tuyến phòng thủ phía đông thủ đô Sài Gòn của địch trong nội trung tuần tháng 4 năm 1975...

Thực hiện nghị quyết của Thị ủy Long Khánh, từ ngày 5 tháng 3 năm 1975 đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, bằng tinh thần quyết thắng, tự lực, tự cường, bằng mưu trí và sáng tạo của nhân dân, với sức mạnh tổng hợp – cộng hưởng của “ba mũi giáp công”, quân và dân Long Khánh đã làm chủ hoàn toàn các ấp: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn và Bình Lộc, thuộc vùng ngoại ô thị xã Long Khánh. Và như vậy, tuyến phòng thủ của địch tại vùng ven thị xã Long Khánh đã bị quân và dân địa phương đập tan. Cửa ngõ phía bắc để tiến vào thị xã Long Khánh đã được mở toang đón chờ quân chủ lực cơ động của ta đánh chiếm thị xã.

Cùng với những thắng lợi của quân và dân ta ở Quốc lộ 1, liên tỉnh lộ số 3, việc giải phóng và giành quyền làm chủ hoàn toàn trên địa bàn dân cư 4 ấp ngoại ô thị xã nói trên, đã tạo nên một đường hành lang giải phóng bao vây – siết chặt địch quân trong nội ô thị xã Long Khánh, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho quân chủ lực cơ động của ta áp sát thị xã Long Khánh – một tiền đồn quan trọng của địch nằm án ngữ ở phía đông Sài Gòn hồi bấy giờ.

4. Diễn tiến của Chiến dịch Xuân Lộc:

a. Nhiệm vụ của Chiến dịch là: đập tan “cánh cửa thép” ở phía đông thủ đô Sài Gòn, tiêu diệt thêm nhiều lực lượng chủ lực nguy, buộc chúng phải đưa lực lượng tổng trừ bị ra Xuân Lộc để đối phó – cứu nguy, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt lực lượng này, không để cho chúng còn đủ sức củng cố các tuyến phòng thủ mới ở vùng phụ cận thành phố, tạo ra những tiền đề thuận lợi cho đại quân của ta đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của Mỹ – nguy ở Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975...

Để hoàn thành nhiệm vụ nói trên, Bộ Chỉ huy của ta đã quyết định huy động một lực lượng khá lớn tham gia chiến dịch quan trọng này. Lực lượng đó bao gồm:

⁽¹⁾ Sách đã dẫn ở trên.

Sư đoàn 1, Sư đoàn 6, Sư đoàn 7 thuộc Quân đoàn 4, và Trung đoàn độc lập số 95B, cùng với các lực lượng vũ trang tỉnh: Bà Rịa – Long Khánh, huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh...

Để chuẩn bị cho Chiến dịch Xuân Lộc, hàng ngàn lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam cỡ lớn, cỡ nhỏ đã được nhân dân địa phương may sẵn, và bí mật chuyển vào các gia đình cơ sở cách mạng trong nội thành. Hàng ngàn gia lúa, hàng trăm thùng phi nước sạch, cùng với hàng chục tấn thực phẩm đã được nhân dân sở tại dự trữ sẵn sàng cho bộ đội sử dụng trong suốt 12 ngày đêm ròng rã diễn ra chiến dịch. Hàng ngàn truyền đơn binh vận đã được các cơ sở cách mạng bí mật ở trong nội ô thị xã Long Khánh rải tung ra khắp nơi trên các đường phố, xóm ấp và công sở của địch, để đánh vào tinh thần của ngụy quân, ngụy quyền sở tại lúc bấy giờ đang hoang mang rệu rã...

b. Mục tiêu tiến công của ta trong Chiến dịch này là: tiểu khu quân sự Long Khánh, sở chỉ huy quân sự, hậu cứ của Sư đoàn bộ binh số 18 ngụy, và các chiến đoàn trực thuộc.

c. Lực lượng của ta được phân công cụ thể như sau: lực lượng vũ trang các tỉnh nói trên tiến công chi khu quân sự Tân Phong. Sau đó, tiến ra chiếm giữ Quốc lộ 1, nhằm tạo bàn đạp thuận lợi cho quân chủ lực cơ động của ta tiến công địch trong thị xã Long Khánh. Đồng thời, lực lượng này còn có thêm nhiệm vụ kìm giữ chân một lực lượng địch tại căn cứ thiết giáp Suối Râm. Các đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh triển khai kế hoạch diệt ác ôn, và hướng dẫn các mũi tiến công của quân ta đánh đúng vào các mục tiêu xung yếu nói trên ở bên trong thị xã Long Khánh.

Đêm ngày 8 tháng 4 năm 1975, các cánh quân chủ lực của ta đã triển khai lực lượng xung quanh thị xã Long Khánh với ba mũi tiến công chủ yếu từ các hướng: tây, đông và bắc của thị xã. Rạng sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, sau những đợt pháo kích cấp tập vào các mục tiêu nói trên, các cánh quân đồng loạt tiến công vào các mục tiêu đã định...

Ở mặt trận phía tây thị xã Long Khánh, từ ngày 9 đến ngày 15 tháng 4 năm 1975, quân ta đã đánh chiếm được Quốc lộ 1 (đoạn từ đèo Mệ Bông Con đến địa phận các ấp Hưng Nghĩa, Ngô Quyền, Phan Bội Châu). Chiến sự ở đây diễn ra vô cùng quyết liệt. Từ ngày 10 đến ngày 11 tháng 4 năm 1975, quân ta đã tiêu diệt hầu hết lực lượng của một tiểu đoàn, thuộc Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 ngụy từ Kiệm Tân lần chiếm ngã ba Dầu Giây.

Tại mặt trận bắc thị xã Long Khánh, địch điều động thêm Chiến đoàn 936 bảo an (gồm các tiểu đoàn 323, 342, 343) và 2 trung đội dân vệ tiến lên tái chiếm các ấp Bình Phú, Suối Cát, nhằm giải tỏa bớt áp lực quân sự của ta đang đè nặng tại hướng này...

Suốt từ ngày 7 đến ngày 10 tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 445 (bộ đội tỉnh Bà Rịa – Long Khánh) cùng với K8 (lực lượng bộ đội huyện Xuân Lộc) của ta

đánh bại các mũi phản kích của địch tại ấp Bình Phú, bắt 117 tên, thu 43 máy thông tin và giữ vững được Quốc lộ 1 nhằm duy trì được thế đứng tại hướng đông-bắc thị xã cho quân cơ động của ta sẵn sàng tiến đánh địch trong thị xã.

Ở hướng bắc thị xã, kể từ ngày 9 đến ngày 15 tháng 4 năm 1975, dưới sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực của ta, du kích và nhân dân địa phương vẫn giữ vững được thế làm chủ hoàn toàn các ấp vùng ven thị xã. Và như vậy, từ các hướng tiến công nêu trên, chỉ trong 6 ngày đầu của Chiến dịch (từ ngày 9 đến ngày 15-4-1975), các nguồn tiếp tế bằng đường bộ của địch cho thị xã Long Khánh đã bị ta cắt đứt. Địch đóng bên trong thị xã đã bị ta cô lập hoàn toàn...

Sau khi căn cứ biệt động quân, trụ sở của cục tình báo Hoa Kỳ (CIA) trong nội ô thị xã bị quân chủ lực của ta đánh chiếm vào hồi 7 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, ngày 12 tháng 4 năm 1975, địch cho máy bay ném bom dữ dội xuống các đường phố, như: Phan Thanh Giản, Hồng Thập Tự, Cua Heo, phía bắc chi khu quân sự Tân Phong, và sử dụng trên 50 trực thăng vũ trang đổ Lữ đoàn dù số 1 xuống khu vực này, phối hợp với Sư đoàn 18 bộ binh ngụy đóng bên trong thị xã đánh nông ra, hầu giải tỏa bớt áp lực quân sự của ta, đã và đang đè nặng lên thị xã Long Khánh.

Trước sự phản kích điên cuồng của địch, để tránh bớt tổn thất về sinh mạng và tài sản của nhân dân sở tại, ta đã chuyển từ đánh địch trực tiếp sang bao vây, sử dụng pháo binh bắn phá cấp tập vào các cứ điểm phòng thủ của địch trong nội ô thị xã, tiêu diệt lực lượng địch nông ra ngoài thị xã. Và vòng vây của ta vẫn siết chặt thị xã Long Khánh.

Lúc này, tia hy vọng mong manh của địch là: làm sao cố giữ cho kỳ được phòng tuyến Xuân Lộc, để tạo ra một thắng lợi về mặt tâm lý và chính trị ở thời điểm giây chết của chúng. Báo chí ngụy quyền Sài Gòn và báo chí phương Tây rùm beng tuyên truyền về “khả năng chiến đấu” của quân đội Sài Gòn, rằng quân lực “Việt Nam Cộng hòa” vẫn còn đủ mạnh, để bảo vệ cho chế độ này.

Hãng thông tấn Mỹ UPI ngày 12 tháng 4 năm 1975, còn nói rằng: quân lực “Việt Nam Cộng hòa” chọn Xuân Lộc là nơi quyết định số phận của “Việt Nam Cộng hòa”. Tổng thống “Việt Nam Cộng hòa” Nguyễn Văn Thiệu cũng rất mong muốn có một thắng lợi nào đó tại Xuân Lộc, hy vọng quan thầy Mỹ còn chút tin tưởng và viện trợ tối đa cho y, hầu củng cố lại tinh thần của ngụy quân hiện đang rệu rã, và giữ được chiếc ghế Tổng thống của mình đang bị lung lay nghiêm trọng. Còn về phía Hoa Kỳ thì cũng mong quân ngụy trụ lại được ở Xuân Lộc, để còn có cái gì mà mặc cả với ta trong một cuộc đàm phán có thể xảy ra trong nay mai.

Trong khi đó, tại Gia Liêu, một đơn vị quân chủ lực của ta đã đánh thiệt hại nặng Lữ đoàn dù số 1 ngụy. Ngày 15 tháng 4 năm 1975, quân chủ lực của ta lại diệt gọn Chiến đoàn 52 (thuộc Sư đoàn bộ binh số 18) – lực lượng chủ lực của Quân đoàn 3 ngụy, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng. Đồng thời, giải phóng hoàn toàn Quốc lộ 20 (đoạn từ ấp Nguyễn Thái Học xuống đến ngã ba Dầu Giây), và làm chủ hoàn toàn phía tây thị xã Long Khánh. Ngày 15 và

16 tháng 4 năm 1975, địch huy động một lực lượng quân sự lớn từ Biên Hòa kéo lên Trảng Bom, Sông Thao nhằm tổ chức phản kích lại ta ở Hưng Lộc, nhưng rồi đã bị quân ta bẻ gãy mũi phản kích này.

Trên hướng đông-bắc và tây-bắc thị xã, ngày 15 tháng 4 năm 1975, quân ta bắt đầu mở đợt tiến công mới, dưới sự yểm trợ của pháo binh. Địch vô cùng nao núng, lần lượt rút bỏ nhiều chốt phòng ngự ở ngoại ô thị xã, lùi về chiếm giữ các cao điểm trong nội ô thị xã Long Khánh, dùng mìn định hướng và lựu đạn từ trên cao đánh xả xuống quân ta... Ta và địch giành giật nhau từng ngôi nhà, từng góc phố trong các ngày từ 16 đến 19 tháng 4 năm 1975 tại thị xã Long Khánh.

Trong cơn giãy chết và tuyệt vọng, địch quân càng điên cuồng. Chúng cho máy bay đến trút hàng ngàn tấn bom hạng nặng, trong đó có loại bom ngạt CBU vào vùng nội ô và ngoại ô thị xã Long Khánh, gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng của nhân dân sở tại... Tuy nhiên, bộ đội ta vẫn ngày càng siết chặt vòng vây quanh thị xã Long Khánh.

Dưới áp lực của ta, chiều ngày 18 tháng 4 năm 1975, bộ chỉ huy Lữ đoàn dù số 1 ngay được lệnh rút lui về phía nam chi khu quân sự Tân Phong. Cùng thời gian này, tên Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh cũng đang tìm đường chuồn khỏi thị xã. Tướng ngự Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 bộ binh cũng tìm đường rút lui khỏi Xuân Lộc...

Và như vậy là, “tuyên phòng thủ thép” tại Xuân Lộc của Mỹ – ngay giờ đây đang trong cơn hấp hối giữa vòng vây ngày càng siết chặt của quân ta... Tướng Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngự đã phải tuyệt vọng thốt lên rằng: *“Quốc gia đang trong tình trạng lâm nguy thực sự. Sống còn chỉ có thể tính từng tuần, từng ngày, không thể tính từng tháng”*⁽¹⁾. Phó tổng thống Hoa Kỳ Rócpheolơ cũng thất vọng kêu lên: *“... đã quá muộn để có thể làm bất cứ điều gì nhằm lật ngược tình thế tại Việt Nam Cộng hòa”*⁽²⁾.

Trước sức tiến công vũ bão của quân ta, vào lúc 22 giờ ngày 20 tháng 4 năm 1975, địch quân với 220 xe quân sự phải chen chúc nhau rút khỏi thị xã Long Khánh theo hướng lộ 2 đi về Bà Rịa. Một giờ sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, “tuyên phòng thủ thép” tại Xuân Lộc hoàn toàn bị sụp đổ. Chiến dịch Xuân Lộc đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Thị xã Long Khánh được giải phóng. Bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa – Long Khánh tiếp tục truy kích, chặn đánh quân địch đang tháo chạy khỏi thị xã, và bắt hàng trăm tên, trong đó có tên Đại tá ngự quân Phạm Văn Phúc – Tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh. Đồng thời, hướng dẫn đại quân của ta tiến về hướng Biên Hòa và Sài Gòn chuẩn bị tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử – giải phóng Sài Gòn và giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam vào cuối tháng 4 năm 1975.

* * *

(1) Sách đã dẫn ở trên.

(2) Sách đã dẫn ở trên.

5. Kết luận:

a. Trong suốt 12 ngày đêm ròng rã dưới làn mưa bom, bão đạn của quân thù, quân và dân ta đã tiêu diệt 2.056 tên địch, bắt 2.731 tên, xóa sổ Chiến đoàn 52 nguy, đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18 bộ binh và Lữ đoàn dù số 1, phá hủy 48 xe quân sự, 1.500 súng các loại, trong đó có 18 khẩu pháo của địch...

b. Chiến thắng Xuân Lộc đã đập tan “tuyến phòng thủ thép” cuối cùng của địch ở phía đông thủ đô Sài Gòn hồi bảy giờ. Và đây cũng là chiến thắng đánh dấu sự thất bại nhục nhã, thảm hại nhất của “quan thầy Mỹ”. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Giêrôn Pho đã phải công khai thú nhận rằng: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc đối với Mỹ”. Chỉ vài giờ sau khi thị xã Long Khánh được giải phóng, tướng nguy Dương Văn Minh đã than thở nói với nhà báo Pháp Đorâyphuyt rằng: “Thế là mất hết tất cả rồi! Tình hình tồi tệ quá!”. Ông ta còn nói thêm rằng: *“Chiếm được Xuân Lộc, các lực lượng cộng sản đã kiểm soát được một ngã tư quan trọng. Từ đó, họ có thể tiến nhanh, sẽ tỏa về phía nam đến Vũng Tàu và về phía tây đến Biên Hòa”*. Cũng vào tối ngày 21 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống “Việt Nam Cộng hòa” đã phải tuyên bố từ chức.

c. Thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc đập nát “cánh cửa thép” của địch ở phía đông Sài Gòn, mở đường cho các quân đoàn chủ lực tinh nhuệ của ta thần tốc tiến về phía Sài Gòn kịp thời tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn và giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

N.V.D

ĐẬP TAN TUYẾN PHÒNG THỦ XUÂN LỘC MỞ TOANG CÁNH CỬA TIẾN VỀ SÀI GÒN

Thiếu tướng GS-TS. HUỲNH NGHĨ*

Trước tình hình thắng lớn của ta ở Tây Nguyên, trong cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Tiếp đó ngày 29 tháng 3, ta giải phóng Đà Nẵng, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng Quân đoàn 1 và Quân khu 1 địch, giải phóng 5 tỉnh phía bắc Trung bộ và đến ngày 3 tháng 4 đã quét sạch quân địch, giải phóng toàn bộ đồng bằng ven biển miền Trung.

Ngày 1 tháng 4 năm 1975, căn cứ vào sự phát triển tiến công như vũ bão trên chiến trường của ta, Bộ Chính trị lại tiếp tục bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, trước mùa mưa, không thể để chậm.

Thực hiện ý định đó, ngày 9 tháng 4 năm 1975, ta bắt đầu cuộc chiến đấu tạo thế ở đông bắc – tây nam Sài Gòn, đánh địch trên toàn miền Đông Nam bộ và huy động lực lượng lớn nhất gồm 4 quân đoàn và Binh đoàn 232 (tương đương quân đoàn) chuẩn bị cho một chiến dịch tiến công quy mô lớn nhất trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Để cứu vãn tình hình thất bại của quân ngụy Sài Gòn, ngày 28 tháng 3 năm 1975, chính phủ Mỹ đã cử tướng Uýen và đại sứ Martin đến miền Nam Việt Nam. “Từ lúc đặt chân lên đất Sài Gòn, Uýen dành tất cả nghị lực để tìm một chiến thuật mới để cứu Nam Việt Nam. Một thay đổi về “chiến lược cổ thủ” của Thiệu. Thoạt đầu, Thiệu định đặt phòng tuyến bảo vệ Sài Gòn từ Tây Ninh đến Nha Trang. Nhưng nay đối phương đã thâm nhập quá sâu vào phía nam Quân khu 2, nhất thiết phải thay đổi phòng tuyến ấy. Uýen đề nghị phòng tuyến mới chạy từ thị xã Phan Rang đến Xuân Lộc...”⁽¹⁾. Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận ngay ý kiến đó. Như vậy, Uýen là tác giả của kế hoạch xây dựng tuyến phòng thủ từ xa từ Phan Rang đến Xuân Lộc. Uýen đã xin viện trợ khẩn cấp 722 triệu đô la, và buộc Thiệu phải thay đổi chính phủ bù nhìn, với hy vọng có thể cứu được Nam Việt Nam.

Biện pháp đầu tiên để tăng cường tính hiệu quả của tuyến phòng thủ là đặt Phan Rang dưới quyền của Tư lệnh Quân khu 3 là tướng Nguyễn Văn Toàn (trước đó Phan Rang thuộc Quân khu 2) và giao cho Nguyễn Vĩnh Nghi trực tiếp chỉ huy. Còn khu vực Xuân Lộc giao cho Sư đoàn 18 – sư đoàn chủ lực của Quân khu 3 đảm nhiệm phòng thủ. Như vậy, trên tuyến phòng thủ Phan Rang – Xuân Lộc, địch

(*) Nguyên Phó giám đốc Học viện Lục quân.

(1) Frank Sنےp – *Cuộc tháo chạy tán loạn* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.203.

đã có lực lượng tương đương 2 sư đoàn chủ lực, chưa kể lực lượng địa phương quân. Với lực lượng phòng thủ hùng hậu, lại được Thiệu hứa sẽ chi viện tối đa về không quân, hải quân, quân địch hy vọng sẽ ngăn chặn cuộc tiến công vào Sài Gòn của ta và ép ta phải chấp nhận giải pháp thương lượng.

Trên tuyến phòng thủ này, Xuân Lộc được coi là điểm then chốt, là lá chắn ngăn chặn hướng tiến công chủ yếu của ta vào Biên Hòa – Sài Gòn. Để phòng thủ khu vực Long Khánh – Xuân Lộc, địch đã tăng cường lực lượng gồm: Sư đoàn 18 (có 3 chiến đoàn: 43, 48, 52) được tăng cường 1 trung đoàn thiết giáp (100 xe) và 2 tiểu đoàn pháo binh (40-42 khẩu) do chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 chỉ huy; lực lượng địa phương có 9 tiểu đoàn bảo an, 3 đại đội biệt lập và nhiều lực lượng. Chúng tổ chức hệ thống phòng thủ Xuân Lộc thành các khu vực:

- Tại thị xã Long Khánh và vùng phụ cận đến Núi Thị, Bảo Vinh, cầu Gia Liêu do Chiến đoàn 43 và 4 tiểu đoàn bảo an phụ trách. Trong thị xã Long Khánh có các mục tiêu quan trọng: hậu cứ Sư đoàn 18, hậu cứ các chiến đoàn 43, 52, Trung đoàn 5 thiết giáp, tòa hành chính, tiểu khu, dinh tỉnh trưởng; trại biệt động quân...

- Tại Quốc lộ 1A (Tân Phong – Suối Cát) và lộ 2 (Tân Phong – Suối Râm) do Chiến đoàn 48 và 4 tiểu đoàn bảo an phụ trách. Chiến đoàn 48 vừa là lực lượng phòng thủ vừa là lực lượng dự bị của Sư đoàn 18. Trước mắt, Chiến đoàn 48 làm nhiệm vụ hành quân giải tỏa chiếm lại Suối Cát và núi Chứa Chan.

- Trên Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây và trên Quốc lộ 1A đoạn từ Long Khánh – Trảng Bom – Biên Hòa do Chiến đoàn 52 và 1 tiểu đoàn bảo an đảm nhiệm.

Trong thị xã, địch dựa vào hệ thống cấu trúc kiên cố kết hợp hệ thống công sự phòng ngự và hệ thống hỏa lực tổ chức thành khu vực phòng ngự đô thị vững chắc. Bên ngoài, địch không chế các trục đường quan trọng như Quốc lộ 1A, 20, lộ 2 và chiếm các cao điểm không chế như Núi Thị, đèo Mẹ Bồng Con, Dốc Mơ, Núi Đất... Toàn bộ khu vực có 10 trận địa pháo chi viện chiến đấu.

Xuân Lộc do vậy trở thành khu phòng thủ vững chắc do địch dựng nên để bảo vệ trực tiếp cửa ngõ phía đông Sài Gòn. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 huênh hoang tuyên bố: sẽ đánh một trận cho cộng sản biết tay!

Về phía ta, từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975, quân và dân Long Khánh – Xuân Lộc đã tích cực hoạt động và đã thu được nhiều thắng lợi có ý nghĩa. Vùng ven thị xã Long Khánh đã lần lượt được giải phóng, nhất là trên hướng bắc thị xã nối với vùng giải phóng Định Quán, tạo ra một bàn đạp lý tưởng cho quân chủ lực triển khai tiến công vào thị xã. Về bộ đội chủ lực, Quân đoàn 4 có: Sư đoàn 7 (có 3 trung đoàn), Sư đoàn 341 thiếu (có 2 trung đoàn) và các đơn vị trực thuộc. Quân đoàn được tăng cường Sư đoàn 6 của Quân khu 7, 2 tiểu đoàn địa phương, 2 tiểu đoàn xe tăng. Nhiệm vụ của Quân đoàn là phối hợp với lực lượng

vũ trang địa phương tập trung tiêu diệt và làm tan rã Sư đoàn 18 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh, tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch từ Trảng Bom – Biên Hòa ra phản kích; đánh chiếm cho được ngã ba Dầu Giây. Tiếp sau, Quân đoàn phát triển tiến công đánh chiếm Long Thành và Bà Rịa – Vũng Tàu. Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và nặng nề của quân và dân Long Khánh, cũng như của Quân đoàn 4. Tuy nhiên, đứng trước tình thế cách mạng đang trong giai đoạn bùng nổ với những chiến thắng to lớn, dồn dập của Tây Nguyên, Đà Nẵng đã thúc giục quân và dân Long Khánh ra sức tập trung nỗ lực phối hợp cùng Quân đoàn 4 thực hiện cho kỳ được sứ mệnh lịch sử đập tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc mở đường tiến về Sài Gòn.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4 năm 1975, trận tiến công vào Xuân Lộc bắt đầu. Các trận địa pháo của ta bắn dồn dập kéo dài đến 6 giờ 40 phút làm gãy cột ăng ten và bốc lên nhiều đám cháy bên trong thị xã. Dưới sự chỉ viện đặc lực của pháo binh, bộ binh và xe tăng tiếp cận mục tiêu và thực hành đột phá tiền duyên phòng ngự địch. Trên hướng bắc, được các đồng chí Tư Lạc – Tỉnh đội trưởng và đồng chí Năm Thắng – Bí thư Xuân Lộc giúp đỡ, Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) đã nhanh chóng đánh chiếm khu thông tin, khu cố vấn Mỹ và khu cảnh sát... Trên hướng đông, Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) dưới sự dẫn dắt của xe tăng đã tiến về sở chỉ huy của Sư đoàn 18 ngụy, nhưng khi đến gần thì bị hỏa lực của địch bắn ra dữ dội. Phối hợp với các đơn vị tiến công vào nội thị, bên ngoài, Trung đoàn 270 (Sư đoàn 341) và Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đã tiến công đánh bại 2 tiểu đoàn địch và 7 xe tăng từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện. Ở khu vực ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 diệt 5 chốt địch và thu 2 khẩu pháo 105mm. Trong ngày tiến công đầu tiên, ta đã chiếm một nửa thị xã, gồm toàn bộ khu hành chính và tiểu khu, đã đưa được 3 tiểu đoàn vào cài xen với địch trong thị xã, chia cắt Quốc lộ 1A từ đèo Mẹ Bồng Con đến ngã ba Dầu Giây. Từ ngày 10 tháng 4, ta tiếp tục tiến công cả bên trong nội ô lẫn bên ngoài, chiến sự diễn ra cực kỳ ác liệt.

Để tăng cường lực lượng giữ Xuân Lộc, từ ngày 12 tháng 4 trở đi, địch đã lần lượt đổ Lữ đoàn 1 dù, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân và 1 trung đoàn bộ binh làm cho tương quan lực lượng ngày càng có lợi cho địch. Chúng cho không quân đánh phá ác liệt, mỗi ngày 80 đến 125 lần chiếc, sử dụng cả bom CBU đánh vào những mục tiêu ta đã chiếm trong thị xã.

Trước tình hình khó khăn của Xuân Lộc, đồng chí Trần Văn Trà – Phó tư lệnh Chiến dịch đã đến Sở Chỉ huy của Quân đoàn 4. Sau khi nghiên cứu tình hình, một quyết định quan trọng đã được đề ra: *“Thay đổi cách đánh. Tức là ta chuyển sang lập thế trận mới, chuyển hướng tiến công từ đánh vỡ mặt sang tập trung lực lượng đánh vào sau lưng địch, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đứt đường số 2 đi Bà Rịa”*.

Đây là một quyết tâm hết sức đúng đắn nhằm tạo ra sự chuyển hóa thế trận và cách đánh rất sáng suốt gây cho địch một bất ngờ lớn. Thực hiện ý định trên, sáng ngày 15 tháng 4, pháo binh của ta đánh vào sân bay Biên Hòa. Cùng lúc, Sư

đoàn 6 và Trung đoàn 95B của ta đã tập trung tiêu diệt Chiến đoàn 52 nguy ở ngã ba Dầu Giây, thu 12 khẩu pháo và toàn bộ xe tăng của Chi đoàn 3 thiết giáp địch. Đoạn đường từ Xuân Lộc đến Bàu Cá bị ta cắt đứt và ta đã làm chủ đoạn đường từ ngã ba Dầu Giây đến Túc Trưng trên Quốc lộ 20. Trong các ngày 16 và 17 tháng 4, địch tập trung Lữ đoàn 3 thiết giáp (200 xe) và Chiến đoàn 8 (Sư đoàn 5) dưới sự chỉ viện của hàng trăm khẩu pháo và hàng trăm lượt máy bay, phản kích điên cuồng, nhưng những mũi phản kích của chúng đều bị bẻ gãy và chúng đành phải chịu thất bại thảm hại.

Lúc này, Quân đoàn 2 sau khi giải phóng Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 đã đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang và đang tiến quân thần tốc giải phóng Hàm Tân, Phan Thiết và ngày 18 tháng 4 đã đến Rừng Lát. Trong thị xã Long Khánh, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 liên tục quần bám đánh địch giành giật với chúng từng căn nhà, góc phố. Lực lượng địa phương và du kích Xuân Lộc dưới sự chỉ huy của đồng chí Tám Còn và các cán bộ địa phương khác đã bức rút nhiều đồn bót địch ở vùng ven và trên trục giao thông.

Trước nguy cơ không thể giữ nổi Long Khánh và sắp bị tiêu diệt hoàn toàn, Lê Minh Đảo xin phép được rút chạy khỏi Xuân Lộc và được Bộ Tổng tham mưu quân nguy đồng ý. Thế là một cuộc tháo chạy nữa bắt đầu (cuộc tháo chạy trước là rút khỏi Tây Nguyên). Chiều tối ngày 20 tháng 4, dưới trời mưa tầm tã, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc đã tháo chạy theo lộ 2 về Bà Rịa. Quân ta tổ chức truy kích diệt một bộ phận địch.

Ngày 21 tháng 4, thị xã Long Khánh và toàn bộ tỉnh Long Khánh được giải phóng. Tuyến phòng thủ Xuân Lộc đã bị đập tan, mở toang cánh cửa cho đại quân ta tiến về Biên Hòa – Sài Gòn từ hướng đông. Mất Xuân Lộc, quân địch bị vỡ thế trận phòng thủ chiến lược Sài Gòn trên một hướng cực kỳ quan trọng, tạo điều kiện cho Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4 triển khai bàn đạp tiến công giải phóng Biên Hòa – Sài Gòn và Bà Rịa – Vũng Tàu.

Gần 30 năm đã qua, Chiến thắng Xuân Lộc của quân và dân Đồng Nai và Quân đoàn 4 càng rực rỡ chiến công và đã trở thành một mốc son chói lọi đánh dấu phần quan trọng trong lịch sử chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Mỗi lần có dịp đi qua Long Khánh, ta nhớ lại trận đánh oanh liệt, tưởng nhớ biết bao cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh cống hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc

H.N

XUÂN LỘC – ĐÒN TẠO ĐÀ TRỰC TIẾP CHO THẮNG LỢI CỦA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH MÙA XUÂN 1975

Thượng tá TS. NGUYỄN HUY THỤC*

Bằng sức mạnh tiến công mạnh mẽ của quân và dân miền Nam Xuân 1975, mở đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên (tháng 3) đã lần lượt đập tan tập đoàn phòng thủ mạnh của Mỹ và quân đội Sài Gòn cả trên phương diện vị trí chiến lược cũng như sức mạnh quân sự. Quyết tâm “tử thủ Tây Nguyên” của tướng Phạm Văn Phú – Tư lệnh Quân đoàn 2 Quân khu 2 thất bại. Tiếp đến, Huế – Đà Nẵng và toàn bộ địa bàn miền Trung lần lượt rơi vào tay quân giải phóng. Như vậy, chỉ trong vòng thời gian chưa đầy một tháng, 1 phần 2 địa bàn lãnh thổ, 2/4 quân đoàn, quân khu của quân đội Sài Gòn nhanh chóng bị tiêu diệt và tan rã. Hình thái chiến trường miền Nam biến đổi từng ngày, từng giờ. Các đoàn quân chủ lực cơ động Quân giải phóng miền Nam tiến công trong hành tiến thần tốc tiến về Sài Gòn. Quân đội Sài Gòn bị động chống đỡ, tìm mọi cách ngăn chặn, hy vọng đẩy lùi các cánh quân chủ lực của ta, cố kéo dài thời gian tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng hòa. Theo chỉ đạo của Mỹ, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn huy động toàn bộ lực lượng còn lại kết hợp với tàn quân của những đơn vị thuộc Quân đoàn 1 và 2 chạy vào, khẩn trương thiết lập tuyến phòng thủ mới kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh; trong đó, Xuân Lộc cách Sài Gòn 80 kilômét theo hướng đông bắc, án ngữ Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 được xác định là tuyến trọng điểm, với chính diện khoảng 40 kilômét, kéo dài từ Túc Trưng qua Dầu Giây, thị xã Long Khánh đến ngã ba Tân Phong; nhằm chặn đứng các cánh quân chủ lực cơ động giải phóng tiến vào đánh chiếm Biên Hòa và Sài Gòn. Bởi, theo tướng Uýen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ: nếu để mất Xuân Lộc là sẽ mất Sài Gòn.

Với lực lượng gồm Sư đoàn 18 (9 tiểu đoàn) – một đơn vị chủ chốt của Quân đoàn 3 Quân khu 3 quân lực Việt Nam Cộng hòa, 1 trung đoàn thiết giáp (100 xe), 2 tiểu đoàn pháo (42 khẩu), 9 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn biệt động quân, 3 đại đội biệt lập, 4 trung đội pháo và các lực lượng kìm kẹp khác (tương đương 2 sư đoàn bộ binh); tiếp đó, Lữ đoàn kỵ binh số 3, một bộ phận của Sư đoàn 5 đang phòng ngự ở Quốc lộ 13, bộ phận sống sót của các đơn vị biệt động quân ở quân khu 1 và 2 chạy vào cũng lần lượt được tăng cường cho Xuân Lộc, Mỹ và Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn đã xây dựng lên một thế trận phòng thủ như sau: sở chỉ huy Sư đoàn 18, Chiến đoàn 43, sở chỉ huy Trung đoàn 5 và Chi đoàn 1 thiết giáp, Tiểu đoàn biệt động quân 82, các tiểu đoàn bảo an 346, 364, 365, 331, 3 đại đội biệt lập và cảnh sát dã chiến... chiếm giữ các vị trí hiểm yếu trong thị xã; Chiến đoàn 48 và 4 tiểu đoàn bảo an chốt chặn khu vực Quốc lộ 1 (Tân Phong – Suối

(*) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Cát) và tỉnh lộ 2 (Tân Phong – Suối Rôm); Chiến đoàn 52 và một tiểu đoàn bảo an chi khu Kiềm Tân cơ động tác chiến tại khu vực Túc Trung – Dầu Giây, đánh chặn từ xa các đơn vị quân chủ lực giải phóng tiến vào thị xã.

Phải dồn lực lượng xây dựng lên một thế trận “tử thủ” ở Xuân Lộc, chính Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn cũng không thể che giấu nỗi sợ hoang mang, dao động của chính giới lãnh đạo cao cấp trong chính phủ và quân đội, đặc biệt nhất là những binh lính đang trực tiếp chiến đấu trên các phần đất còn lại, trong đó Xuân Lộc là một tâm điểm. Mặc dù vậy, để “khích lệ” tinh thần quân lính, tướng Lê Minh Đảo – Tư lệnh Sư đoàn 18 đã lớn tiếng tuyên bố: “sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết và để cho Mỹ tăng thêm viện trợ”. Ván bài quyết tử có tính chất giữ vai trò an nguy đối với chế độ Sài Gòn được đặt lên vai tướng Đảo và lực lượng tham gia tử thủ Xuân Lộc.

Nhận thức được giá trị của Xuân Lộc không chỉ ở địa thế chiến lược đối với phần lãnh thổ còn lại của Nam Việt Nam, mà quan trọng hơn cả chính là nhằm tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn Sư đoàn 18 – một biểu tượng sức mạnh còn lại – con “át chủ bài” canh giữ cửa ngõ phía đông bắc thành phố Sài Gòn – Gia Định của quân đội Sài Gòn và như vậy, Xuân Lộc trở thành vấn đề chiến lược liên quan đến thời gian, tốc độ của những chiến dịch kế tiếp trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, mà trực tiếp là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương “... Một mặt căn cơ động lực lượng nhanh chóng thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi lực lượng đông đủ mới làm ăn”¹, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định sử dụng Quân đoàn 4 mở Chiến dịch tiến công giải phóng Xuân Lộc, với mục đích: diệt Sư đoàn 18, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự và cô lập Sài Gòn, cắt giao thông, tạo thế và mở đường cho chiến dịch tiến công đánh chiếm Sài Gòn. Để tạo ưu thế về sức mạnh, bên cạnh lực lượng chủ yếu là các sư đoàn bộ binh 7 và 341, Lữ đoàn phòng không 71, Lữ đoàn pháo 24, Lữ đoàn công binh 25, Lữ đoàn thông tin 26, 1 tiểu đoàn trinh sát, 1 đại đội vận tải thuộc biên chế của Quân đoàn 4, Bộ Tư lệnh Miền điều động thêm Sư đoàn 6, 2 tiểu đoàn xe tăng và 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương phối thuộc cho Chiến dịch.

Là một khu vực thuộc vùng trung du, nên việc tập kết và triển khai bộ đội khá thuận lợi. Mặc dù hầu hết các điểm cao không chế thị xã hoàn toàn do địch kiểm soát, kế hoạch cơ động pháo vào gần, ngắm bắn thẳng chi viện cho bộ binh xung phong gặp rất nhiều khó khăn; nhưng theo đánh giá của Bộ Tư lệnh Chiến dịch, điểm yếu chí mạng lúc này của địch là tinh thần binh lính đang ở trong tình trạng hoang mang, dao động cực độ, ý chí chiến đấu giảm sút nghiêm trọng, nên phương án tiến công thị xã Long Khánh (tiền công chính diện) đã chính thức được thông qua.

Đúng như kế hoạch tác chiến, sáng ngày 9 tháng 4, Chiến dịch tiến công thị

⁽¹⁾ Điện văn số 957, 18 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1975 của Bộ Chính trị do đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp) ký gửi các đồng chí Tuấn (Văn Tiến Dũng), Sáu, Tư Nghĩa, Bảy Cường thuộc Bộ Chỉ huy Mặt trận Sài Gòn – Gia Định.

xã Long Khánh mở màn. Trên hướng chủ yếu, mũi đột kích của Trung đoàn 165 Sư đoàn 7 được tăng cường 8 xe tăng tiến công căn cứ Sư đoàn 18 địch. Khi vào cách căn cứ độ 300m, bị địch tập trung hỏa lực phản kích dữ dội, bắn cháy 3 xe tăng, gây cho bộ đội ta một số thương vong, Trung đoàn nhanh chóng chuyển sang đánh chiếm một phần hậu cứ Chiến đoàn 52 địch. Cùng thời gian trên, trên hướng thứ yếu, Trung đoàn 266 Sư đoàn 341 lần lượt đánh chiếm khu thông tin, khu cố vấn Mỹ, khu cảnh sát, khu bảo an... nhưng khi tiến vào khu tỉnh trưởng bị địch sử dụng binh lực, hỏa lực đánh trả dữ dội, Trung đoàn buộc phải dừng lại chốt chặn ở ngoài sở chỉ huy tiểu khu. Ở vòng ngoài, Trung đoàn 270 Sư đoàn 341, Trung đoàn 209 Sư đoàn 7 đánh bại 2 tiểu đoàn, phá hủy 7 xe thiết giáp thuộc hai Chiến đoàn 43 và 48 từ Tân Phong và Núi Thị vào ứng cứu, giải phóng ấp Bảo Toàn. Trên hướng chia cắt, Sư đoàn 6 tập kích diệt 5 chốt địch trên Quốc lộ 1 (đoạn Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con), thu 2 khẩu pháo 105 mm, buộc Chiến đoàn 52 nguy phải bỏ Túc Trưng chạy về giữ ngã ba Dầu Giây. Kết thúc ngày đầu Chiến dịch, ta đã làm chủ được 1/2 thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu, đưa được 3 tiểu đoàn vào bên trong, thực hiện cắt Quốc lộ 1 đoạn từ ngã ba Dầu Giây đến đèo Mẹ Bồng Con, chuẩn bị cho việc thực hiện bước tiếp theo của Chiến dịch.

Ngày 10 tháng 4, trên hướng chủ yếu, Trung đoàn 141 và Trung đoàn 165 Sư đoàn 7 cùng 1 tiểu đoàn phòng không tiến công căn cứ Sư đoàn 18. Bị lực lượng địch ở hậu cứ Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp phản kích quyết liệt, nên đến 11 giờ 30, Trung đoàn 141 mới mở được cửa đưa bộ đội vào đánh chiếm bót Bảo Vinh A. Cùng ngày, Trung đoàn 209 sau khi đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn 43 địch, phát triển tiến công vào nam sân bay gặp lực lượng phòng thủ đã chiến dịch chống trả dữ dội, Trung đoàn 270 Sư đoàn 341 nhanh chóng cơ động vào thị xã phối hợp với Trung đoàn 266 đánh địch phản kích, giữ vững những khu vực làm chủ và tiếp tục đánh chiếm các mục tiêu còn lại. Do lực lượng phòng thủ của địch mạnh, nên việc tiến công sân bay của Tiểu đoàn 5 và 7 của Trung đoàn 266 diễn ra 4 lần đều không thành công; các mũi khác đánh vào trại Lê Lợi và hậu cứ Chiến đoàn 43 cũng bị địch đẩy lùi. Ở hướng chia cắt, Trung đoàn 33 Sư đoàn 6 tiến công giải phóng chi khu Dầu Giây, đánh bại các đợt phản kích của địch.

Không thể để mất Xuân Lộc, ngày 12 tháng 4, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn quyết định đổ Lữ đoàn dù số 1 xuống chốt tại ngã ba Tân Phong; tiếp đó, bố trí lại đội hình phòng thủ trong thị xã, đưa Lữ đoàn thủy quân lục chiến số 3, Chiến đoàn biệt động số 318 đến Trảng Bom, Chiến đoàn biệt động 322 đến Bàu Cá, Chiến đoàn 315 đến Bàu Hàm và điểm cao 122, điều Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 từ Lai Khê sang Bàu Cá; đồng thời, huy động trung bình 80 lần chiếc máy bay chiến đấu mỗi ngày xuất phát từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích. Như vậy, chỉ sau thời gian ngắn, lực lượng địch ở Xuân Lộc đã tăng lên một cách đột biến: chiếm 50% bộ binh, 60% pháo binh và hầu hết số xe thiết giáp của Quân đoàn 3 Quân khu 3 và lực lượng tổng dự bị chiến lược (trương đương sư đoàn) của quân đội Sài Gòn. Tương quan lực lượng thay đổi, cuộc chiến ở Xuân Lộc càng lúc càng trở nên hết sức quyết liệt, gay go. Mặc dù đã

đánh chiếm được một số mục tiêu quan trọng, loại khỏi chiến đấu một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giữ vững được địa bàn đứng chân, song bộ đội ta cũng phải chịu những tổn thất khá lớn: số thương vong của Sư đoàn 341 là 1.200, Sư đoàn 7 là 300 cán bộ, chiến sĩ; 6 xe tăng bị bắn cháy bắn hỏng, phần lớn pháo 85 và 57 mm đều bị hỏng do trúng bom, pháo của địch; sức chiến đấu của lực lượng tham gia Chiến dịch suy giảm nhiều. Như vậy, với phương thức tiến công chính diện nhằm diệt các mục tiêu hiểm yếu của địch trong thị xã đã không mang lại kết quả theo mong muốn; Bộ Tư lệnh Chiến dịch quyết định ngừng tiến công thị xã. Mỗi sư đoàn chỉ để lại một tiểu đoàn để kèm chế, nghi binh địch còn lại rút ra tuyến sau củng cố làm lực lượng cơ động, chuẩn bị thực hiện chủ trương cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, chặn đánh địch từ Trảng Bom cơ động lên, đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa. Ngày 13 tháng 4, các đơn vị ta rút ra khỏi thị xã.

Thấy lực lượng ta rút khỏi thị xã, địch những tướng khả năng chiến đấu của chúng đã được phục hồi, sức mạnh và ý chí tiến công của Việt cộng đã bị đè bẹp; hy vọng khả năng giữ vững chế độ Sài Gòn lại chột “lóc sáng”. Nhưng, chưa đầy 2 ngày sau – rạng sáng 15 tháng 4, hòa chung với những loạt pháo chiến dịch cấp tập nã vào sân bay Biên Hòa, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B (mới được tăng cường) đã tiến công diệt Chiến đoàn 52, 1 tiểu đoàn pháo, 1 chi đoàn thiết giáp, giải phóng chi khu Gia Kiệm, ngã ba Dầu Giây, cắt đứt Quốc lộ 1 (đoạn Xuân Lộc – Bàu Cá), Quốc lộ 20 (đoạn Túc Trưng – ngã ba Dầu Giây). Đến đây thị xã Long Khánh – điểm mấu chốt trong tuyến phòng thủ Xuân Lộc của địch đã hoàn toàn bị cô lập; cánh cửa phía đông bắc trực tiếp uy hiếp Sài Gòn đã mở, sự tồn tại của chế độ “Việt Nam Cộng hòa” lại rơi vào thế ngàn cân treo sợi tóc.

Để nhanh chóng khắc phục tình trạng nguy khốn này, trong hai ngày 16 và 17, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn khẩn cấp đưa Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 8 của Sư đoàn 5 và hơn 100 khẩu pháo cỡ lớn ở các căn cứ Nước Trong, Hố Bà Thước, Bình Long, Đại An cùng 125 lần chiếc máy bay chiến đấu chi viện mỗi ngày quyết tâm phản kích chiếm lại bằng được Dầu Giây. Cuộc đụng đầu giữa địch và ta ở Dầu Giây diễn ra vô cùng ác liệt. Hầu hết các đợt phản kích của địch đều bị đẩy lùi. Khốn quẫn và hiều chiến, Mỹ đã chỉ đạo cho không quân Sài Gòn sử dụng vũ khí có sức hủy diệt lớn – bom CBU để ngăn chặn ta tiến công, song chúng vẫn không ngăn cản nổi sức tiến công của các đơn vị quân giải phóng. Vị trí chiến lược Dầu Giây vẫn được giữ vững. Tại khu vực thị xã Long Khánh, các Sư đoàn 7 và 341 liên tục tiến công địch, đánh thiệt hại nặng các Chiến đoàn 43 và 48 Sư đoàn 18, diệt một bộ phận quân dù của địch. Phối hợp với chủ lực, bộ đội địa phương và du kích diệt và bức rút nhiều đồn bốt địch dọc theo các trục giao thông quanh thị xã, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiến công Hưng Nghĩa và cao điểm 122, đẩy địch xuống khu vực Bàu Cá.

Cùng thời điểm này, cánh quân duyên hải mà nòng cốt là Binh đoàn Hương

Giang đã đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân và đã tiến vào đến khu vực Rừng Lá. Đây chính là một lực ép mạnh, góp phần củng cố thêm thế cô lập đối với địch ở Xuân Lộc. Mất Dầu Giây, giá trị phòng thủ ở tuyến Xuân Lộc không còn nữa, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn quyết định rút quân nguy khỏi Xuân Lộc để mong bảo toàn lực lượng. Nhưng do công tác trinh sát nắm địch không chắc, không kịp thời phát hiện âm mưu rút quân của địch, và lại thời tiết lúc đó có mưa lớn, việc tổ chức truy kích diệt địch chậm về thời gian, việc bố trí lực lượng chốt chặn không tốt, nên ta chỉ diệt được bộ phận rút sau của địch. Ngày 21 tháng 4, Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc, thị xã Long Khánh và tỉnh Long Khánh hoàn toàn giải phóng. “Cánh cửa thép” phía đông bắc Sài Gòn đã được mở thông để đón các binh đoàn quân chủ lực giải phóng tiến vào đánh chiếm Sài Gòn – Gia Định.

Thắng lợi ở Xuân Lộc mùa Xuân 1975 diễn ra cách đây 28 năm, đến nay đã có nhiều công trình khoa học ở nhiều cấp khác nhau đã nghiên cứu và luận giải. Tuy còn nhiều những ý kiến khác nhau về mặt này hay mặt khác, song điều khẳng định đầu tiên là: việc chọn địa bàn Xuân Lộc và thời điểm mở Chiến dịch Xuân Lộc là hoàn toàn đúng đắn, cần thiết và hết sức kịp thời trong bối cảnh chung của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam vào mùa Xuân năm 1975. Mặt khác, giá trị của Xuân Lộc không chỉ ở chỗ mở cánh cửa phía đông bắc cho các cánh quân chủ lực cơ động quân giải phóng tiến vào Sài Gòn, mà chính nó gây nên tác động mạnh đến cả hệ thống phòng thủ nhiều tầng, nhiều lớp bao quanh Sài Gòn – Gia Định cũng như những địa bàn còn lại của chính quyền Sài Gòn, đẩy nhanh hơn nữa sự cáo chung của chế độ Sài Gòn – công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Như vậy, Xuân Lộc chính là đòn tạo đà trực tiếp, hữu hiệu cho quân và dân ta tiến hành Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn – Gia Định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Song, để có thắng lợi Xuân Lộc, ta phải trải qua những thử thách rất lớn ở thời khắc cuối cuộc chiến tranh. Bởi đây không chỉ là nơi độ sức của hai bên có sức mạnh quân sự ưu thế, mà còn là địa điểm (có lẽ là duy nhất) ở miền Nam trong suốt cuộc chiến, một loại vũ khí “công nghệ cao” của Mỹ đã được sử dụng... Mặc dù vậy, vũ khí và hành động tàn bạo của kẻ thù cũng không ngăn cản được ý chí và quyết tâm chiến đấu của quân dân ta trong việc giải phóng Xuân Lộc. Xuân Lộc đã trở thành một địa danh lịch sử, một biểu tượng sáng ngời về ý chí và quyết tâm của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời là một chứng tích ghi lại tội ác hủy diệt của Mỹ... Do vậy, nơi đây xứng đáng được Nhà nước công nhận là một di tích lịch sử, được đầu tư khôi phục và tôn tạo để góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

N.H.T

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ CUỘC TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH NHÌN TỪ HAI PHÍA

Đại úy HOÀNG THU HÀ*

Bài viết này xin giới thiệu một số nhận xét về Chiến dịch Xuân Lộc tập trung vào vai trò, vị trí của Xuân Lộc, sự thay đổi cách đánh trong chiến dịch này qua cái nhìn của một số tướng lĩnh của ta là những người lãnh đạo, chỉ đạo, trực tiếp tham gia chiến dịch; và một số tư liệu về Chiến dịch Xuân Lộc nhìn từ “phía bên kia” để cung cấp cho bạn đọc trong công tác nghiên cứu, tổng kết về Chiến dịch Xuân Lộc.

1– Đại tướng Văn Tiến Dũng trong cuốn “Đại thắng mùa xuân”¹ viết: “...Thị xã Long Khánh, trong những ngày đầu tháng 4 năm 1975, trở thành một khu vực phòng ngự rất trọng yếu của địch ở Quân khu 3. Nó bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, một trọng điểm của tuyến phòng ngự từ xa của Mỹ, ngụy. Địch cố giữ vững Xuân Lộc – Long Khánh để ngăn chặn hai đường tiến của quân ta về Sài Gòn, Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20... Địch cố giữ Quốc lộ 15 từ Sài Gòn ra Vũng Tàu, để nhận hàng viện trợ của Mỹ vào Sài Gòn theo đường biển và đó chính cũng là một con đường rút chạy sau này của địch... Giữ được Xuân Lộc – Long Khánh thì tuyến Biên Hòa – Nhân Trạch – Bà Rịa – Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và cả Tân Sơn Nhất còn hoạt động được. Vì vậy, bằng bất cứ giá nào địch cũng cố giữ Xuân Lộc – Long Khánh... Hơn nữa, nguy quân, nguy quyền Sài Gòn và Mỹ cũng đem hết sức để chi viện cho Xuân Lộc với một hy vọng độc nhất là kéo dài ngày hấp hối, để tìm một biện pháp khả dĩ có thể tồn tại không đến nỗi mất hết, đổ sập cả, thất bại hoàn toàn”.

... “Kế hoạch tấn công Xuân Lộc của Quân đoàn 4 lúc đầu chưa tính hết được chất ngoan cố của địch. Tính chất giằng co ác liệt qua trận đánh này không phải chỉ trong phạm vi của Xuân Lộc – Long Khánh nữa rồi. Nó liên quan đến việc mất hay còn của nguy quyền Sài Gòn, đến việc kéo dài những ngày giãy chết của chế độ Thiệu. Việc tổ chức, chỉ huy và tiến hành các cuộc chiến đấu của ta không thể làm theo như cũ được nữa. Cách đánh cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với tình hình lúc đó”.

... “Trong những ngày Quân đoàn 4 tiến công Xuân Lộc, chúng tôi một mặt phải khẩn trương xây dựng và hoàn thành kế hoạch tiến công Sài Gòn, mặt khác chỉ đạo Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 thay đổi cách đánh: khi địch đã dồn quân vào để cố cứu thị xã Long Khánh thì ta không cần tập trung lực lượng

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

(1) Nxb. Quân đội nhân dân, H., 1995.

tiếp tục đánh thẳng vào đấy nữa, mà chuyển lực lượng đánh các đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài đang thiếu công sự, và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau; dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hòa, không cho máy bay chiến đấu của địch cất cánh.”

2. Thượng tướng Trần Văn Trà trong cuốn “Chặng đường lịch sử của B2 thành đồng”, tập 5 “Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm”¹ viết:

... “Có thể nói là quân nguy đã dùng đến mọi thứ có thể có, mọi sức mạnh có thể tập hợp được để có thể giữ cho được Xuân Lộc... không những nguy cố đem hết sức lực vào để giữ cho được Xuân Lộc, điểm trung tâm then chốt cho tuyến phòng ngự chiến lược cuối cùng, mà còn mong giành được một thắng lợi tâm lý và chính trị lớn ở thời điểm nguy nan này. Thời ấy báo chí nguy và ngoại quốc nói rùm beng về khả năng chiến đấu của quân nguy đã hồi phục, rằng quân nguy chưa đến nỗi nào, vẫn còn đủ mạnh để giữ vững cho chế độ... Kết quả của trận Xuân Lộc sẽ quyết định số phận của nguy quân, nguy quyền. Lúc này Thiệu đang rất cần một chiến thắng như vậy để Mỹ tin tưởng và viện trợ tối đa cho y, để ra sức giúp đỡ xây dựng lại quân nguy và cũng để củng cố lại tinh thần sĩ quan và binh lính của chúng, chủ yếu là giữ vững địa vị của Thiệu đang bị lung lay dữ dội. Mỹ thì mong nguy trụ lại được một thời gian để có cái gì còn lại mà trả giá cho một cuộc đàm phán nếu có...”.

“Tại Sở Chỉ huy Miền, chúng tôi chăm chú theo dõi từng diễn biến của trận đánh... ngày 9, 10 có nhiều phần khởi. Các mũi tiến triển tốt, ta chiếm được nhiều mục tiêu. Nhưng vào cuối ngày 10 trở đi tình hình trở nên căng thẳng... Tôi đề nghị cho tôi đến tận nơi, nắm rõ tình hình cụ thể tại chỗ và cùng anh em nghiên cứu cách đánh thắng lợi. Các anh đều đồng ý.

Sau khi nghe tất cả các ý kiến, tôi đã phân tách một số điểm và kết luận dứt khoát: Xuân Lộc là điểm then chốt hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự của địch nên chúng đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay lực lượng của chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không có lợi.

Ta có được con đường 20 cho đến Túc Trưng là rất có thể. Địch từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây (ngã ba đường 20 và đường 1) không mạnh. Ta phải tận dụng lợi thế này của đường 20 và sơ hở này của địch ở khu vực quanh Dầu Giây.

Nếu ta chiếm ngã ba Dầu Giây rồi thì địch ở Xuân Lộc tự nhiên mất hết tác dụng của một cứ điểm then chốt, vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi. Còn Biên Hòa thì lập tức bị uy hiếp.

Khi ta chiếm giữ Dầu Giây rồi thì địch ở Xuân Lộc sẽ bối rối hỗn loạn vì bị cắt đứt với hậu phương, bị bao vây cô lập. Quân đoàn 3 sẽ hoảng sợ vì kẹt lực

⁽¹⁾ Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1982, tr.312.

lượng lớn bên ngoài tuyến bởi trong tuyến yếu. Vậy chúng sẽ có 2 hành động. Một là tập trung sức đánh vào Dầu Giây từ hai phía Xuân Lộc và Trảng Bom. Hai là rút chạy khỏi Xuân Lộc về Bà Rịa – Biên Hòa. Vì vậy ta không được để lơ lửng đối với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ và diệt khi chúng phản kích hay rối loạn rút chạy”.

3. Thượng tướng Hoàng Cầm trong cuốn “Chặng đường mười nghìn ngày”¹ viết:

... “Ngày 2 tháng 4 năm 1975 anh Trần Văn Trà, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Miền xuống Sở Chỉ huy Quân khu 7... giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4, Quân khu 7 phối hợp thực hiện tiến công thị xã Long Khánh... Trong buổi họp này anh là cấp trên xuống giao nhiệm vụ, tôi chỉ là cấp dưới nhận nhiệm vụ, chỉ có trách nhiệm thi hành; phải tiến công đánh chiếm mục tiêu, một địa bàn mang ý nghĩa quan trọng thì còn gì phải bàn? Vậy mà hôm nay trong cái “giờ phút trận quyết chiến lược của quân và dân ta đánh vào sào huyệt cuối cùng của địch đã bắt đầu nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất Tổ quốc (Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 31 tháng 3 năm 1975) lại có ý kiến tranh luận không bình thường? – Cắt Sư đoàn 9 nhưng lại giao nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc sớm, Sư đoàn 7 đang từ Bảo Lộc phát triển lên Di Linh, Đà Lạt. Sao không chờ chủ lực của Bộ vào phối hợp cùng đánh đảm bảo chắc chắn thắng? – Sớm hay muộn, khi đã tiến công Xuân Lộc phải đồng thời đánh chiếm Vũng Tàu (để phòng lính thủy đánh bộ Mỹ liều lĩnh nhảy vào biển đây thành bàn đạp tiến hành phản kích), áp sát Biên Hòa. Thời cơ đến, nhỏ luôn sở chỉ huy Quân đoàn 3 ngay...”

Anh Trà lắng nghe với sự cảm thông. Anh chờ tôi nói tiếp – một phút yên lặng, đoán như tôi không trao đổi tiếp nữa... anh mới xen vào, vừa như nhắc nhở chỉ thị vừa như động viên: “Bộ điện vào nhắc tội mình cần chủ động, không trông chờ...”

Tôi cũng có một đề nghị: đề nghị Miền cho Quân đoàn lùi nổ súng vào ngày 9 tháng 4. Đồng ý – Anh Trà trả lời.

... Còn một ý – đánh Xuân Lộc lúc này là muộn, giữa lúc địch gượng lại, hy vọng giữ được Sài Gòn, định trao đổi. Phút im lặng kể trên là lúc tôi kiểm chế không đặt ra nữa, vì thấy đặt ra cũng không giải quyết được vấn đề, trong khi tình hình đang đòi hỏi “phải sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn” (Điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi các anh Ban chỉ huy mặt trận Sài Gòn ngày 1 tháng 4 năm 1975).

Trận đánh Xuân Lộc nổ ra muộn, vào lúc địch gượng lại, chúng tăng cường phòng thủ khá mạnh... Trận đánh muộn kéo theo những khuyết điểm không đáng có. Việc chuẩn bị trận đánh quá gấp, xác định hướng chủ yếu từ đông bắc đánh

⁽¹⁾ Nxb. Quân đội nhân dân, H., 2001.

vào là không chính xác... Khi phát hiện phía tây nam qua cổng chính tiến vào căn cứ địch có nhiều cơ sở, nhưng không có lực lượng đảm nhiệm, vì Sư đoàn 7 làm nhiệm vụ ở hướng chủ yếu không thật sung sức lắm. Qua trận vận động tiến công từ Định Quán đến Di Linh, quân số vũ khí bị tiêu hao ta chưa kịp bổ sung. Khi phát hiện hướng chủ yếu gặp khó khăn, địch tăng cường lực lượng phản kích quyết liệt đẩy ta ra khỏi thị xã, thế trận căng thẳng giằng co, lại không kịp thời chuyển hướng, thay đổi cách đánh. Việc phối hợp giữa các hướng tiến công không thật thích hợp và ăn khớp.

Trong hình thái thế trận Xuân Lộc lúc đó, chúng tôi cho hướng chủ yếu nổ súng trước là không phù hợp, mà phải nổ súng tiến công sau khi Sư đoàn 341 ở hướng thứ yếu đánh vào thị xã nhằm làm lạc hướng, phân tán sự chú ý của địch, tạo cục diện trận đánh có lợi cho ta, nhất là ở hướng chủ yếu.”

4. Đồng chí Lê Đức Thọ trong *Tạp chí Lịch sử quân sự* số tháng 3 năm 1988 về một số vấn đề tổng kết chiến tranh và biên soạn lịch sử quân sự, có đoạn viết:

“Sau hai lần B2 xin quân thì tôi vào chiến trường, gặp lúc Hội nghị Miền cũng vừa kết thúc. Tôi được nghe anh em báo cáo lại là đã bàn về việc đánh Xuân Lộc. Tôi có tham gia với anh Dũng và các đồng chí rằng: vội gì mà phải đánh Xuân Lộc vào lúc này? Hiện nay ta đang điều quân vào các cánh quân cũng đang trên đường hành quân gấp. Đợi khi hình thành trong thế chiến dịch đánh vào Sài Gòn đã, rồi sẽ cùng đánh luôn có hơn không? Đánh Sài Gòn thì các nơi tự khắc tan rã và tạo điều kiện rất thuận lợi cho chúng ta đánh địch. Anh Văn Tiến Dũng nói: tôi cũng thấy như vậy. Nhưng anh em đã quyết định rồi. Tôi mới vào chưa nắm cụ thể được tình hình. Tôi cứ để anh em đánh. Lúc ấy, tôi cũng được biết trước đó, theo chủ trương của Miền, anh em đã đánh Thủ Thừa, đường số 4 nhưng bị thiệt hại nặng, không giải quyết được chiến trường. Do đó tôi mới có ý toan bàn với các đồng chí ngừng đánh Xuân Lộc lại. Nhưng nghe anh Dũng nói tôi cũng nghĩ có thể mình mới vào, chưa rõ hết tình hình, cứ để các đồng chí đánh vậy. Kết cục là anh em ta cũng không đánh được Xuân Lộc bị thương vong nặng phải rút ra. Thực tế diễn biến chiến đấu sau đó, chứng tỏ việc đánh Xuân Lộc lúc đấy là chưa cần thiết. Khi cánh quân của anh Lê Trọng Tấn (gồm Quân đoàn 2 với lực lượng cả Khu 5, và Khu 6) phá vỡ tuyến phòng thủ Phan Rang, tiến về Bình Tuy, Bà Rịa thì sư đoàn 18 nguy hoảng loạn rút bỏ Xuân Lộc”.

5. Thiếu tướng Bùi Cát Vũ – Nguyên Phó tư lệnh Tham mưu trưởng Quân đoàn 4 trong *Tạp chí Lịch sử quân sự* (12-1988) với bài viết “Quân đoàn 4 đánh Xuân Lộc trước là cần thiết hay không cần thiết?”.

“... Tôi nghĩ rằng Quân đoàn 4 và các lực lượng Quân khu 7 đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Xuân Lộc trong điều kiện hết sức khó khăn. Địch bỏ Xuân Lộc vì bản thân nó bị thiệt hại và cô lập, lại có nguy cơ mới từ hướng Phan Thiết vào. Không lẽ địch dốc sức lập tuyến phòng thủ Xuân Lộc hòng chặn đối

phương cấp quân đoàn từ Bắc vào để rồi bỏ chạy khi tuyến phòng thủ Phan Rang bị phá vỡ, trong lúc lực lượng Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4 của chúng vẫn còn nguyên? Đánh Xuân Lộc là cần thiết, vì nếu không thì Quân đoàn 2 của ta vào phải đột phá mới mở thông được đường số 1, đường số 2 và đường số 20. Như vậy sẽ chậm và mất sức. Hơn nữa không mở Xuân Lộc thì cực ly tiến vào Sài Gòn hơn 100 km thay vì 50 km từ Nước Trong, Trảng Bom. Và cũng vì vậy mà tôi đồng ý là không nên kể Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ trận Xuân Lộc. Mà Xuân Lộc là một trận mở cửa hướng đông để đưa lực lượng lớn vào triển khai đội hình Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

6. Và “phía bên kia” đã nói về Chiến dịch Xuân Lộc:

Tướng Uâyen, Tham mưu trưởng lực lượng Mỹ, nguyên Tư lệnh cuối cùng của quân viễn chinh Mỹ ở Việt Nam về nước theo Hiệp định Pari, ngày 28 tháng 3 năm 1975, theo lệnh của Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho sang thị sát Nam Việt Nam, tìm cách cứu nguy cho nguy quyền Sài Gòn, người trực tiếp vạch kế hoạch và đôn đốc quân nguy tổ chức tuyến phòng thủ mới, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc là điểm trọng yếu phải giữ, đã ra lệnh cho quân đội nguy “phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất cả Sài Gòn”.

Hãng tin Anh Roito ngày 20 tháng 4 năm 1975 đưa tin: “Trận đánh hai tuần nay để chiếm đường số 1 đã trở thành trận độ sức gay go ác liệt nhất... mất đường này sẽ mở đường cho một cuộc tiến công trực tiếp vào căn cứ không quân Biên Hòa chỉ cách Sài Gòn 29 km về phía đông bắc”.

Tổng thống Thiệu dùng cái gọi là “Chiến thắng Xuân Lộc” để trấn an tinh thần và tuyên truyền cho “khả năng chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được phục hồi”, “còn mạnh để giữ chế độ”.

Tướng nguy Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 nguy huênh hoang: “Việt cộng dù có thêm mấy sư đoàn nữa cũng không đánh, chiếm được Long Khánh... Việt cộng muốn qua Long Khánh phải bước qua xác của Đảo này..., sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết và để Mỹ cho thêm viện trợ”.

Hãng tin UPI của Mỹ ngày 12 tháng 4 nói: “nguy chọn Xuân Lộc làm một nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam”.

Ngày 21 tháng 4, được tin Xuân Lộc thất thủ, tướng Uâyen nói: “Thế là hết, tình hình quân sự là tuyệt vọng”.

Hai ngày sau, ngày 23 tháng 4, trong một bài diễn văn đọc tại trường Đại học Tulan, Tổng thống Giêrôn Pho đã ngậm ngùi nói: “Chiến tranh đã kết thúc với Mỹ, không thể giúp đỡ người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang chờ đợi họ”.

Trong cuốn “CIA thua trận cuối cùng” tác giả Frank Snepp nói: “Tuyến phòng thủ cuối cùng ở Xuân Lộc bị sụp đổ. Bốn tiểu đoàn còn sống sót của sư

đoàn 18 quân đội “Việt Nam cộng hòa” với viên tướng Đảo được kéo chạy khỏi thành phố đổ nát bằng máy bay lên thẳng”.

Trong cuốn “Việt Nam những trận đánh quyết định”, J.Pimlott khi nói về sự sụp đổ của Nam Việt Nam đã viết: *“Quân Bắc Việt Nam triệt để lợi dụng tình thế để triển khai lại các sư đoàn ở Tây Nguyên, mở ngay một cuộc tiến công về Sài Gòn, gọi là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Một số đơn vị Việt Nam Cộng hòa còn đứng vững. Sư đoàn 18 giữ Xuân Lộc, phía đông Sài Gòn đến ngày 18 tháng 4, nhưng tình hình đã trở nên tuyệt vọng”.*

Trong cuốn “Khoảng thời gian vừa phải”, sĩ quan cao cấp CIA Mỹ Frank Sneepe đã nói về hai loại bom có uy lực mạnh nhất, loại “Daisy Cutler” và “CBU” là loại dùng để phá rừng dọn bãi cho trục thẳng và sát thương hàng loạt tại Xuân Lộc: *“Daisy Cutler là loại bom dùng để phá các cây trong rừng làm bãi đậu cho máy bay lên thẳng. Bom này nổ trên không ở địa điểm mục tiêu, dọn sạch một khoảng đất rộng tới một trăm thước vuông. Còn CBU là loại khủng khiếp hơn, nổ ở độ cao đã định trước, tạo ra một đám mây lỏng có đường kính đến 100 mét và dày đến 2 mét. Gặp lửa, đám mây này tỏa ra một nhiệt lượng lớn và áp lực mạnh, thốc xuống mặt đất nặng tới hàng tấn trên một centimét vuông, có thể phá tan mọi thứ. Con người dẫu thoát vòm lửa này, cũng vẫn bị chết ngạt sau tiếng nổ của trái bom, tạo ra một khoảng chân không lớn. Trong kho vũ khí của Mỹ, bom CBU là một trong các loại sát thương tàn ác nhất ngoài vũ khí hạt nhân”.*

H.T.H

“MẮT XUÂN LỘC LÀ MẮT SÀI GÒN”

Trung tướng NGUYỄN VĂN THÁI*

Chiến thắng Xuân Lộc, giải phóng hoàn toàn tỉnh Long Khánh, mở toang “cánh cửa thép” phía đông Sài Gòn ngày 21 tháng 4 năm 1975 báo hiệu ngày tận số của chế độ Sài Gòn, đến nay đã 28 năm. Qua tin tức báo chí và các hãng thông tấn phương Tây thời ấy, tuy có điểm còn hạn chế, nhưng đã nói lên được thực chất nhiều mặt của cuộc chiến đấu và ý nghĩa to lớn của chiến thắng quan trọng này: “*Mắt Xuân Lộc là mắt Sài Gòn*”

Từ ngày 10 tháng 3 năm 1975, chiến trường miền Nam cực kỳ sôi động, trong hơn 1 tháng, chúng ta đã tiêu diệt, làm tan rã toàn bộ lực lượng ngụy quân – ngụy quyền Vùng 1 và Vùng 2 chiến thuật (Quân đoàn 1 và Quân đoàn 2 ngụy) giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và hầu hết các tỉnh miền Trung.

Ở miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long, chúng ta đã tiến công, giải phóng nhiều vùng, đặc biệt là ở phía bắc và đông bắc Sài Gòn.

Trước tình thế nguy khốn đó, Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho đã cử một phái đoàn quân sự do Tham mưu trưởng lục quân Mỹ – tướng Uâyen cầm đầu, đến Nam Việt Nam để đánh giá những tổn thất do cuộc tháo chạy của quân ngụy khỏi các tỉnh ở bắc Nam Việt Nam gây ra và lập kế hoạch đối phó, cố giữ được phần đất còn lại. Sau khi thị sát, Uâyen đã lạnh lùng nói với Tổng thống “Việt Nam Cộng hòa” Nguyễn Văn Thiệu: “sự sụp đổ của quân Nam Việt Nam (quân ngụy) đã gây cho người Mỹ một ấn tượng kinh ngạc về sự thất bại và hèn nhát”, rằng “Tổng thống Pho chỉ có thể xin thêm viện trợ cho Nam Việt Nam nếu Sài Gòn mau chóng tỏ ra rằng quân đội của họ sẽ giữ vững trận địa và chiến đấu”. Uâyen chỉ thị cho Thiệu và tướng lĩnh ngụy: “phải hình thành ngay tuyến phòng thủ Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh”. Đặc biệt “phải giữ cho được Xuân Lộc, mắt Xuân Lộc là mắt Sài Gòn”, Uâyen còn cảnh cáo “chỉ thêm một cuộc rút chạy nữa thôi là “xin đủ””. (Báo *Tuần tin tức* Mỹ ngày 28 tháng 4 thuật lại).

Thị xã Long Khánh, tỉnh lỵ tỉnh Long Khánh nằm trên các trục giao thông quan trọng, đường Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 từ Đà Lạt về, Quốc lộ 15 đi Vũng Tàu, đường số 2 đi Bà Rịa, cách Sài Gòn 80 km. Xuân Lộc – Long Khánh được xem là khu vực trọng yếu nhất của tuyến phòng thủ mới của Mỹ – ngụy. Trước mặt Uâyen, Nguyễn Văn Thiệu đã lệnh cho Đại tướng Cao Văn Viên – Tổng tham mưu trưởng quân ngụy Sài Gòn “phải tổ chức giữ cho được Xuân Lộc bằng bất cứ giá nào” (Báo *Tuần tin tức* Mỹ). Do vậy mà ở Xuân Lộc, ngoài lực lượng tiểu khu và Sư đoàn 18 ngụy, địch đã tập trung 1 lực lượng khá lớn từ đầu và trong quá trình

(*) Nguyên Phó chính ủy Sư đoàn 7 – Quân đoàn 4.

diễn ra chiến sự, những lực lượng được coi là mạnh nhất của Vùng 3 chiến thuật (Quân đoàn 3 ngụy) và lực lượng tổng trừ bị của Việt Nam Cộng hòa, gồm cả bộ binh, quân dù, thủy quân lục chiến, lực lượng biệt động, pháo binh, thiết giáp, được các sư đoàn không quân ở Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ chi viện tối đa... để hình thành cho được tuyến phòng thủ quan trọng nhất ở phía đông, bảo vệ trực tiếp cho sở chỉ huy Vùng 3 chiến thuật và các cơ quan đầu não ngụy quân ngụy quyền ở Sài Gòn.

Đây được xem là cụm phòng ngự mạnh nhất, “cánh cửa thép” để “thử nghiệm khả năng chiến đấu của quân ngụy”.

Sư đoàn bộ binh 7 thuộc Quân đoàn 4 đã chiến đấu liên tục từ tháng 12 năm 1974, là lực lượng chủ yếu giải phóng Phước Long ngày 6 tháng 1 năm 1975, tỉnh đầu tiên của miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, đồng chí Lê Đức Anh Phó tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng giao nhiệm vụ trực tiếp cho Sư đoàn tập trung lực lượng, khẩn trương cơ động tấn công tiêu diệt chi khu Định Quán, tiểu khu Bảo Lộc tỉnh lỵ tỉnh Lâm Đồng, giải phóng và chiếm giữ Quốc lộ 20 dài hơn 100 km từ Định Quán đến Di Linh. Đến ngày 28 tháng 3, Sư đoàn 7 đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời hỗ trợ cho lực lượng vũ trang Quân khu 6 giải phóng thành phố Đà Lạt, tỉnh Tuyên Đức.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn nhận lệnh trở về đội hình Quân đoàn 4, cùng các đơn vị bạn chuẩn bị tiến công, tiêu diệt địch, giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh.

* * *

Sáng ngày 8 tháng 4 năm 1975, Tổng tham mưu trưởng quân đội ngụy, Đại tướng Cao Văn Viên kêu gọi “các chiến hữu Việt Nam Cộng hòa hãy sáng suốt, bình tĩnh, giữ vững tay súng trên các chiến tuyến để chặn đứng Cộng sản” thì không đầy 24 giờ sau đó – rạng sáng ngày 9 tháng 4, bão lửa đã dội lên chi khu Xuân Lộc – tiểu khu Long Khánh, Sư đoàn 7 tiến công trên hướng chủ yếu đánh thẳng vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngụy – các sĩ quan Lầu Năm góc nói: “*Cuộc tiến công này có thể là một trong những trận đánh quyết định của năm 1975*”, “*Trận Xuân Lộc cũng có thể là một cuộc thử sức đầu tiên, xem quân Nam Việt Nam (ngụy) có đứng vững để chống lại quân Cộng sản không?*” (AFP và AP, ngày 9 tháng 4); một số tướng ngụy thì cho rằng: “*Xuân Lộc được chọn làm nơi thử nghiệm khả năng chiến đấu của quân chính quy ngụy. Mất Xuân Lộc, Cộng sản sẽ thiết lập một vòng cung vững chắc cách Sài Gòn 80 km. Xuân Lộc thất thủ sẽ có những hậu quả tai hại rất nghiêm trọng về mặt quân sự và chính trị*” (AFP, ngày 10 tháng 4 và UPI, ngày 12 tháng 4).

Qua 3 ngày chiến đấu, địch ngoan cố chống cự quyết liệt, Bộ Tư lệnh Chiến dịch và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 nhận định: địch đã dồn quân vào để cố cứu thị xã Long Khánh thì ta không cần tập trung lực lượng đánh vào đây nữa mà chuyển lực

lượng đánh các đơn vị đến phản kích, đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, đang thiếu công sự và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau; dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hòa, không cho máy bay chiến đấu của địch cất cánh... như vậy cách đánh của chúng ta đã thay đổi “không đánh thẳng vào thị xã Long Khánh mà vẫn sẽ chiếm được Xuân Lộc” (Trần Văn Trà trong nguyệt san *Sự kiện và nhân chứng* số ra tháng 10 năm 1994).

Sự thay đổi “bất ngờ” làm cho quan chức Mỹ – ngụy hí hửng, tưởng đã đẩy lùi cuộc tấn công của ta, vội vàng huênh hoang tuyên bố lên dây cót tinh thần quân lính. Người phát ngôn Bộ Quốc phòng Mỹ nói: “quân đội Nam Việt Nam (ngụy) đã đẩy lùi có hiệu quả cuộc tấn công của Cộng sản ở Xuân Lộc... Họ (ngụy) tỏ ra là lực lượng trội hơn và đáng tin cậy, họ sẽ đánh bại Cộng sản” (AP, ngày 11 tháng 4 và AFP, ngày 12 tháng 4). Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu lớn tiếng: “Chiến thắng Xuân Lộc – Xuân Lộc là cái chốt cứng để thực nghiệm khả năng chiến đấu và khả năng chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được phục hồi”; rằng “thời kỳ rút lui đã chấm dứt” và “chúng ta có đủ sức mạnh để giữ vững chế độ”...

Viên tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 hung hăng hơn: “Việt cộng dù có thêm mấy sư đoàn cũng không chiếm được Long Khánh”, “muốn chiếm Long Khánh phải bước qua xác của Đảo”, và “sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết đến và để Mỹ cho thêm viện trợ”...

Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Vùng 3 chiến thuật – Quân đoàn 3 ngụy đích thân đến Xuân Lộc gọi là để kiểm tra tình hình, khi máy bay lên thẳng của Toàn hạ xuống sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngụy, nhìn những cột khói đen từ đồng hoang tàn Xuân Lộc bốc lên, vội vàng trao đổi với Lê Minh Đảo “Trận đánh còn có thể giành được thắng lợi” rồi chuồn luôn.

Bọn ngụy còn bày trò lừa mị đưa một số nhà báo lên Xuân Lộc bằng máy bay lên thẳng để khoe khoang chiến thắng lớn mà chúng giành được. Trước giá treo bản đồ bọc giấy nhựa bóng nhoáng, Đảo tuyên bố: “Bất chấp phía bên kia tung bao nhiêu sư đoàn chống lại tôi, tôi sẽ đánh gục họ”. Tôi thì “sẽ giữ vững Xuân Lộc”. May cho các nhà báo vừa đi khỏi, thì một loạt đại bác bắn chính xác một cách kinh khủng của quân Cộng sản lại rơi như mưa vào thị xã Long Khánh (Báo *Tuần tin tức* Mỹ).

Tối 12 tháng 4, đài truyền hình Sài Gòn chiếu một chương trình khá dài, khuếch trương trận Xuân Lộc, cảnh các nhà báo được đưa lên Xuân Lộc để khoe quân ngụy vẫn giữ được thị xã (AP.UPI và AFP, ngày 12 và 13 tháng 4).

Có thể nói, địch đã tăng cường lực lượng với những cố gắng cao nhất cho Xuân Lộc, những lực lượng được coi là mạnh nhất như Lữ đoàn dù 1, hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, các chiến đoàn đặc biệt 315, 322, một trung đoàn thiết giáp... ngoài ra các sư đoàn không quân từ Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ mỗi ngày từ 80 đến 120 lần chiếc xuất kích chi viện cho Xuân Lộc.

Từ khi chuyển cách đánh, cuộc chiến đấu ở vòng ngoài phát triển thuận lợi, ngày 14 tháng 4, ta đã chiếm ngã ba Dầu Giây, một số đoạn trên Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, tiêu diệt Chiến đoàn 52 thuộc Sư đoàn 18 ở Gia Kiệm.

Hãng UPI ngày 12, 13, 14 tháng 4 đưa tin: *“Quân Cộng sản có xe tăng dẫn đầu đã chọc thủng khu vực phòng thủ bắc Xuân Lộc và chiến sự lại diễn ra ác liệt cả trong và ngoài thị xã. Toàn bộ Lữ đoàn dù gồm 3000 quân đã bị ghìm chân tại chỗ ở một đồn điền cao su gần Xuân Lộc, mặc dù lữ đoàn này phải tới cho được thị xã nhưng bị thất bại nghiêm trọng. Quân Cộng sản có khoảng 1 trung đoàn nằm im dưới hầm, nguy trạng rất tốt, khi đoàn máy bay lên thẳng chở lính dù nhảy cóc xuống, quân dù chạm đất, bắt đầu đi về phía Xuân Lộc thì quân Cộng sản bắt thần từ dưới đất bật lên nổ súng, làm chết và bị thương ngay 1 tiểu đoàn trưởng và nhiều sĩ quan khác. Một ngày sau quân dù vẫn bị ghìm tại chỗ, chết dần chết mòn mà không thể rút lui ra khỏi cái bẫy nguy hiểm này. Đến tối ngày 14 tháng 4, lữ đoàn dù này đã bị thương vong rất nặng...”*.

Đài BBC ngày 14 tháng 4 và hãng UPI ngày 15 tháng 4 đưa tin: *“Các đoàn máy bay lên thẳng tiếp tế cho Xuân Lộc đã gặp phải hỏa lực phòng không dày đặc của Cộng sản. Các đơn vị Việt cộng còn thành công, cắt đứt đường 1 ở Trảng Bom. Trong lúc quân chính phủ cố thủ nhiều nơi trong thị xã thì quân Cộng sản tiếp tục bao vây chặt chung quanh, chiến xa của họ vòng bên ngoài thị xã và dùng Quốc lộ 1 tiến về phía Biên Hòa”*.

Còn sân bay Biên Hòa, nơi xuất phát chủ yếu chi viện cho Xuân Lộc *“phần lớn máy bay chiến đấu của Nam Việt Nam phải nằm lì dưới đất, vì cuộc tấn công bằng pháo binh của Cộng sản đã làm hỏng đường băng quan trọng nhất trong sân bay. Quân tiến công của Cộng sản ngày càng kiểm soát chặt chẽ quãng đường quan trọng từ Xuân Lộc đi Biên Hòa. Thật khó đánh bật họ ra, trừ khi dốc hết lực lượng tổng trừ bị còn lại của Sài Gòn vào cuộc chiến ở mặt trận mà Cộng sản đang gài bẫy. Số phận Xuân Lộc chưa chết nhưng rất bấp bênh”* (UPI và BBC ngày 15 tháng 4).

Đến lúc này, Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 nguy mới nhận ra rằng: *“Sự im lặng ở Xuân Lộc thực ra không phải do quân Cộng sản thay thế các đơn vị bị tiêu hao, mà họ có ý đồ điều chỉnh lại đội hình”* (AFP, ngày 15 tháng 4).

Tình cảnh Xuân Lộc đang rất bi đát, thì ngày 18 tháng 4, Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản người Mỹ khỏi Sài Gòn; cùng ngày 18 tháng 4, địch phải chuyển trường máy bay F5 từ Biên Hòa về Tân Sơn Nhất, A-37 về Trà Nóc – Cần Thơ; ngày 19 tháng 4, tại Tokyo, cựu thượng nghị sĩ Mỹ Frunbrai nói: *“việc Mỹ chấm dứt viện trợ và can thiệp vào Việt Nam sẽ tác động có lợi cho chính sách của Mỹ trên khắp thế giới”* và nhấn mạnh *“dính líu vào Đông Dương chính phủ Mỹ đã phạm một sai lầm chính trị to lớn và nghiêm trọng”* – còn thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa Giembacli ở bang Niuyooóc vạch rõ *“những sự kiện gần đây ở Nam Việt Nam... là một thất bại lớn lao trong chính sách đối ngoại của Mỹ”*.

Hãng Roitoơ ngày 20 tháng 4 đưa tin: *“Quân Cộng sản tăng cường lực lượng*

của họ ở hai bên đường đi về Biên Hòa, mỗi ngày quân chính phủ cứ phải lùi thêm. Họ đã mắc vào gọng kìm của Cộng sản. Lữ đoàn dù cứu viện đã bị cô lập và mắc kẹt. Những cố gắng liên tiếp nhằm tiếp tế cho quân dù đều thất bại”.

Báo *Tuần tin tức* Mỹ còn dẫn lời một sĩ quan phương Tây: “*Quân Cộng sản tiếp tục tiến và chiếm ưu thế 3-4 chọi 1. Thật chẳng khác nào chạy thi 30km, một bên có 1 người chạy còn bên kia thì chạy tiếp sức 4 người. Như vậy quân đội Việt Nam Cộng hòa không có cách gì thắng được”.*

Trong lúc rối ren, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa nhận được tin: “*Rạng sáng ngày 21 tháng 4, quân Cộng sản tiến công mạnh vào Xuân Lộc, họ nhằm vào sở chỉ huy của tướng Đảo. Bộ Chỉ huy Sài Gòn đã mất liên lạc với quân bảo vệ Xuân Lộc, và trận tuyến phòng thủ hiện nay của họ chỉ còn cách Sài Gòn chưa đầy 42 km*”, “*tình hình ở mặt trận này quá nghiêm trọng, việc thất thủ Xuân Lộc càng tệ hại*” (AFP và UPI, ngày 12 tháng 4).

“*Sau thất thủ Xuân Lộc, sư đoàn 18 (ngụy) không còn là một đơn vị chiến đấu được nữa, bị thất bại quá nặng, việc mất Xuân Lộc đã biến Long Khánh vào tay Cộng sản*” (AP, ngày 22 tháng 4).

Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn, lời cảnh cáo của tướng Uâyen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ với chính quyền Thiệu sắp thành sự thật. Tình hình cực kỳ nghiêm trọng, ngay buổi chiều 21 tháng 4, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu đã triệu tập bốn bộ trưởng, cố vấn và các tay chân thân tín họp bàn, đến 19 giờ ngày 21 tháng 4, trước hơn 200 nghị sĩ và toàn thể bộ máy nghị quyền Sài Gòn, Thiệu tuyên bố từ chức và Trần Văn Hương đã lên thay Thiệu. Thiệu đọc lời bố cáo rất gay gắt với Mỹ, “*Nếu như ngày 11 tháng 4, Pho (Tổng thống Mỹ) đổ cho vì Thiệu mà quân đội ngụy tan tác*” thì nay Thiệu kết tội Tổng thống Mỹ Pho và Kítxinhgiơ đang dẫn Thiệu và bè lũ đến chỗ chết.

Báo Pháp *Le Figaro* ra ngày 22 tháng 4 đã viết “*Tướng Thiệu đã thua cuộc, cả Hoa kỳ cũng đã thua cuộc, thế giới tự do cũng đã thua nốt. Sự sụp đổ là hoàn toàn và dù cho mưa mùa xuân nào thì cũng không thay đổi được nữa*”.

“*Hoa Kỳ không tài nào không bỏ Thiệu. Hai năm nay nhân dân Hoa Kỳ đã cắt đứt vấn đề Việt Nam rồi. Quốc hội Mỹ đã từ chối mọi viện trợ cho Nam Việt Nam. Hoa Kỳ đang cò kè vài trăm triệu đô la nữa, nhưng 1.000 xe tăng hay đại bác thêm cũng chẳng cứu nổi Nam Việt Nam (ngụy) mà chỉ tổ kéo dài cơn hấp hối của một kẻ sắp chết mà thôi*”.

* * *

Tỉnh Long Khánh, tỉnh thứ 20 ở miền Nam hoàn toàn được giải phóng, quân ngụy ở miền Đông Nam bộ đã nhiều lần ăn đòn của Quân giải phóng và với thất bại ở Xuân Lộc lần này, Vùng 3 chiến thuật – Quân đoàn 3 ngụy cùng với lực lượng tổng trừ bị ngụy bị một đòn hết sức choáng váng, “*cánh cửa thép*” của quân ngụy ở đông Sài Gòn bị phá tung làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ còn lại quanh Sài Gòn, quân ngụy càng thêm suy sụp, khốn đốn.

Cùng với chiến thắng rất to lớn của các binh đoàn từ phía bắc, chiến thắng vùng bắc và đông bắc Sài Gòn, giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh đã tạo ra thế trận mới, mở rộng bàn đạp, tạo thuận lợi tập kết lực lượng cánh đông – đông nam gồm các Quân đoàn 2, Quân đoàn 4, các lực lượng của Quân khu 7 hình thành các mũi tiến công rất hiểm trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Mất Xuân Lộc và chỉ sau đó 9 ngày mất luôn Sài Gòn, chế độ ngụy quyền Sài Gòn tay sai đế quốc Mỹ hoàn toàn sụp đổ. Miền Nam hoàn toàn được giải phóng, cả nước độc lập và thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

N.V.T

CUỘC TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH THÁNG 4 NĂM 1975 – NHÌN TỪ PHÍA BÊN KIA

TS. LÊ HỮU PHƯỚC*

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân dân ta, Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng hoàn toàn thị xã Long Khánh (21-4-1975) cũng đồng thời đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở phía đông thành phố Sài Gòn, mở đường cho Chiến dịch Hồ Chí Minh nhanh chóng giành thắng lợi. Vị trí và ý nghĩa của Chiến thắng Xuân Lộc đã được khẳng định trong nhiều công trình nghiên cứu lịch sử quân sự, lịch sử Đảng, lịch sử địa phương của chúng ta. Nhằm góp thêm tư liệu liên quan đến chiến thắng quan trọng này, bài viết muốn điếm qua một số ý kiến, nhận định của phía Mỹ và chính quyền Sài Gòn cũng như của một vài cơ quan thông tấn phương Tây vào thời điểm diễn ra Chiến dịch Xuân Lộc.

* * *

Sau khi ta giành thắng lợi trong trận Buôn Ma Thuật (tháng 3-1975), Quân đoàn 2 ngay buộc phải rút khỏi Tây Nguyên, Quân khu 1 và Quân đoàn 1 ngay rút động. Chớp thời cơ đó, lực lượng vũ trang ta tiến công giải phóng toàn bộ các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị đến Khánh Hòa. Ở các Quân khu 6 và 7, lực lượng ta cũng đã giải phóng các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Bình Long và từng mảng lớn các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Bà Rịa. Trước tình hình ấy, tướng Mỹ Uâyen được cử sang Nam Việt Nam để tìm giải pháp cứu vãn tình thế. Theo Frank Snepp – chuyên viên phân tích chiến lược của CIA: *“Từ lúc đặt chân lên đất Sài Gòn, Uâyen dành tất cả nghị lực tìm ra một chiến thuật mới để có thể cứu Nam Việt Nam (...) Uâyen đề nghị lập phòng tuyến mới chạy từ thị xã Phan Rang, bên bờ biển, đến Xuân Lộc. Vì không còn giải pháp nào nên Thiệu chấp nhận ngay ý kiến ấy”* (1, tr.193). Vậy là Xuân Lộc đã trở thành một địa bàn giữ vai trò sinh tử đối với số phận của chế độ Sài Gòn – nói như tướng Mỹ Uâyen với Tổng thống Thiệu: *“Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”, “mất Xuân Lộc, Việt cộng sẽ thiết lập được một vòng cung vững chắc, chỉ cách Sài Gòn có 80 km: vòng cung đó bắt đầu từ Tây Ninh chạy ra tới Vũng Tàu, như vậy Sài Gòn sẽ bị thắt chặt trong một cái thòng lọng khổng lồ bằng sắt vô cùng nguy hiểm”* (2, tr.194). Và với tầm quan trọng của *“chiếc ốc xoáy cuối cùng”*, bởi *“Xuân Lộc là nơi quyết định số phận của cuộc chiến tranh”* (theo nhận xét của hãng thông tấn Mỹ UPI), nên trong ngày 28 tháng 3 năm 1975, đích thân Uâyen cùng Cao Văn Viên – *“Tổng tham mưu trưởng quân lực Việt Nam Cộng hòa”* – phải tức tốc bay ra quan sát và chỉ huy xây dựng *“phòng tuyến thép”* tại đây (2, tr.194).

Đêm 8 tháng 4 năm 1975, các cánh quân ta triển khai lực lượng chung quanh

(*) Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

thị xã Long Khánh với hai mũi tiến công chủ yếu vào cơ quan đầu não địch (bao gồm tiểu khu, chỉ huy sở, hậu cứ Sư đoàn 18 và các chiến đoàn trực thuộc). Sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Xuân Lộc mở màn. Theo hai tác giả J.L. Sécơ (Jerrold L. Schecter) (chủ bút ngoại giao của tờ Time) và Nguyễn Tiến Hưng (Bộ trưởng phát triển kinh tế kế hoạch trong chính quyền Sài Gòn), “*khi sư đoàn Bắc Việt tấn công Xuân Lộc, Sư đoàn 18 bộ binh Nam Việt Nam quyết tâm giữ vững phòng tuyến. Sĩ quan chỉ huy họ, tướng Lê Minh Đảo, thề sẽ giữ vững Xuân Lộc: “Tôi không cần biết phía bên kia có bao nhiêu sư đoàn, nhưng tôi sẽ đánh gục họ”* (3, tr.340). Một ngày sau (13-4-1975), tướng Hôme Smith – giám đốc văn phòng tùy viên quốc phòng Mỹ ở Sài Gòn – còn gửi điện cho tướng Brao (Brown) – Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu Mỹ – báo cáo: “*Sự dũng cảm và anh hùng của quân đội Việt Nam Cộng hòa, đặc biệt là lực lượng địa phương quân Long Khánh được trang bị đầy đủ và chỉ huy đúng đắn, đã chứng tỏ những người lính này hơn hẳn đối phương của họ*” (!) (3, tr.341).

Thế nhưng, thực tế chiến trường đã buộc hai tác giả J. L. Sécơ và Nguyễn Tiến Hưng phải thừa nhận: “*Vào đêm 15 tháng 4, Bắc Việt tiếp tục tấn công vào những vị trí của quân đội Việt Nam Cộng hòa trên tuyến Quốc lộ 1, gây thiệt hại nặng nề... Nam Việt Nam đã chiến đấu “tuyệt vời” nhưng Bộ Tư lệnh tối cao quân Bắc Việt đã quyết tâm tiêu diệt bằng được quân đội Việt Nam Cộng hòa tại Xuân Lộc. Xuân Lộc là trận đánh lớn cuối cùng của cuộc chiến tranh*” (3, tr.342). Khí thế tiến công của quân ta và những chiến thắng liên tiếp trong những ngày từ 15 tháng 4 đến ngày 20 tháng 4, đẩy chính quyền và quân đội địch đến tình trạng rệu rã. Ngày 18 tháng 4, tướng Trần Văn Đôn – Tổng trưởng Quốc phòng chế độ Sài Gòn – cay đắng thú nhận: “*Quốc gia đang trong tình trạng nguy ngập thực sự. Sống còn chỉ có thể tính từng tuần, từng ngày, không còn tính từng tháng*”. Phó Tổng thống Mỹ Rôcphêolơ (Rockefeller) tuyệt vọng: “*Đã quá muộn để có thể làm một việc gì đó nhằm lật ngược tình thế*” (2, tr.200). Ngay tại Mỹ, tác động của chiến sự ở Xuân Lộc cũng hết sức đáng kể. Ngày 17 tháng 4 năm 1975, ngoại trưởng Mỹ Kít-sinh-giơ gửi điện khẩn và tuyệt mật cho đại sứ Matin: “*Tình hình Quốc hội hiện nay rất rối ren. Nhiệm vụ của chúng ta là phải ngăn chặn sự hoảng hốt ở Sài Gòn và cả ở Oasinhtơn*” (3, tr. 322)

10 giờ tối ngày 20 tháng 4 năm 1975, trước sức tiến công mãnh liệt của quân ta, toàn bộ lực lượng bộ binh và cơ giới của địch rút chạy khỏi thị xã Long Khánh. Rạng sáng 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc sụp đổ, Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng, thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng. Cùng ngày này, Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tuyên bố: “*Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc đối với Mỹ*”. Tướng Dương Văn Minh (một ngày sau trở thành tổng thống cuối cùng của chế độ Sài Gòn) khi trả lời nhà báo Pháp Đê-rê-ít-tơ vài giờ sau khi Long Khánh được giải phóng đã dự báo: “*Chiếm được Xuân Lộc, các lực lượng cộng sản đã kiểm soát được một ngã tư quan trọng. Từ đó họ có thể tiến nhanh, sẽ tỏa về phía nam đến Vũng Tàu và về phía tây đến Biên Hòa*” (2, tr.201).

Miêu tả chi tiết về diễn biến chiến sự trong ngày 21 tháng 4 năm 1975, chuyên viên phân tích chiến lược của CIA Frank Snepp viết: *“Sớm ngày 21 tháng 4 phòng tuyến bảo vệ của chính phủ Nam Việt Nam ở Xuân Lộc sụp đổ. Máy bay lên thẳng phải đến cứu tiểu đoàn cuối cùng của 4 tiểu đoàn sống sót thuộc sư đoàn 18 Nam Việt Nam và cứu cả viên tư lệnh (tướng Lê Minh Đảo) 600 người dưới quyền chỉ huy của đại tá Lê Xuân Hiền xung phong ở lại chặn hậu bảo vệ cuộc rút lui. Trong vài giờ, họ bị quân tiên phong của 40.000 binh lính Bắc Việt Nam đánh tràn qua”*. Tác giả này còn nhận xét: *“Với sự sụp đổ của quân đội chính phủ ở Xuân Lộc và sự tiếp viện của quân đội Bắc Việt Nam ở quân khu 3, cán cân lực lượng ở vùng rộng lớn quanh Sài Gòn đã nghiêng hẳn về phía bắc Việt Nam và Việt cộng... 15 ngày nữa thì Sài Gòn sẽ bị bao vây hoàn toàn. Có khả năng trong 3 hay 4 tuần nữa, Sài Gòn sẽ rơi vào tay cộng sản”* (1, tr.257 và 253).

Cũng cần nhắc lại rằng, trước khi Chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu – vẫn theo Frank Snepp – *“tướng Uýen đòi phải thay đổi chính phủ (ở Nam Việt Nam), không phải là bỏ Thiệu, nhưng phải mở rộng nội các”* (1, tr.193). Chiều ngày 3 tháng 4, Thủ tướng chế độ Sài Gòn Trần Thiện Khiêm xin từ chức và được Thiệu chấp nhận ngay. Nhưng sang ngày 9 và 10 tháng 4, khi chiến sự diễn ra ác liệt ở Xuân Lộc, Pônga (Polgar) – quan chức lãnh đạo CIA ở miền Nam Việt Nam đã quyết định đề nghị Oasinhton mở một cuộc vận động chính trị buộc Thiệu từ chức. Chiều 14 tháng 4, đại sứ Mỹ Martin cũng quyết định đề nghị với Oasinhton về việc Thiệu phải ra đi *“điều mà trước đây dường như không thể nào có được ở Martin”* (1, tr.232). Đến sáng 21 tháng 4, Cao Văn Viên – Tổng tham mưu trưởng quân đội ngụy – phải công nhận *“quân đội không còn chiến đấu được nữa và không còn hy vọng gì thắng trận”* (1, tr.257). Trước trưa 21 tháng 4, *“Thiệu triệu tập Trần Thiện Khiêm và Trần Văn Hương đến bảo cho hai người biết ông sắp từ chức... Thiệu nhấn mạnh rằng trước tình hình quân sự đã bi đát (Khiêm và Hương tán thành), sự có mặt của Thiệu không còn lý do nữa... 19 giờ rưỡi giờ Sài Gòn, Thiệu nói chuyện với quốc dân đồng bào... Gần hai giờ sau, Thiệu vừa khóc vừa tuyên bố từ chức và giao quyền cho Phó tổng thống Trần Văn Hương”* (1, tr 258 và 259). Rõ ràng là, thất bại nặng nề của quân đội ngụy ở Xuân Lộc đã gây áp lực đáng kể đối với việc “ra đi” của Nguyễn Văn Thiệu.

Về phía Mỹ, ngay trong ngày 21 tháng 4, Đô đốc Gâyler (Gayler) cho cầu hàng không hoạt động suốt 24 giờ (máy bay C141 bay ban ngày, máy bay C130 bay ban đêm), đưa người Mỹ di tản khỏi miền Nam. *“24 giờ sau khi Thiệu từ chức, nhịp độ di tản tăng gấp đôi. Trên đường Xuân Lộc – Biên Hòa, sự uy hiếp mỗi lúc một tăng”* (1, tr 267, 270, 273). Giờ sụp đổ của Mỹ – ngụy đã điểm!

Để kết thúc, bài viết muốn nêu thêm một vài trích đoạn trong hồi ký của tướng Nguyễn Cao Kỳ – nguyên Phó tổng thống chế độ Sài Gòn – để thấy rõ hơn bản chất hiếu chiến của kẻ đại diện cho lực lượng nuôi quyết tâm *“chống cộng đến cùng”*. Chính Nguyễn Cao Kỳ đã khoe khoang về *“thành tích”* tác động với không quân ngụy lắp giá bom mới trên máy bay C130 và mang bom CBU thả xuống

Xuân Lộc, rồi cảm thấy “*phần nào thỏa mãn với thành tích khiêm tốn của mình là đánh lại kẻ địch mà chúng tôi căm thù*” (4, tr 295). Nhưng, cũng chính Nguyễn Cao Kỳ phải thú nhận: “*Việc làm của chúng tôi không làm thay đổi kết quả cuộc chiến... Đã quá trễ, bởi vì giờ đây hồi kết thúc đang chồm tới phía chúng tôi... Tiếp theo (Xuân Lộc) là một tuần lễ kinh hoàng và hỗn loạn... Người ta chẳng làm được gì để ngăn chặn cuộc tiến quân vũ bão của địch*” (4, tr 296 và 303). Đúng vậy, với khí thế “*thần tốc, táo tợn, bất ngờ, chắc thắng*”, đại quân ta đã mở toang cánh cửa phía đông Sài Gòn, tiến vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

L.H.P

Tài liệu tham khảo chính:

1. Frank Snepp – *Cuộc tháo chạy tán loạn* – Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1985.
2. Nhiều tác giả – *Miền Đông chiến công* – Nxb. Đồng Nai, 1990.
3. Jerrold L. Schecter và Nguyễn Tiên Hưng – *Từ Tòa Bạch Ốc đến Dinh Độc Lập* (bản dịch) – Nxb. Trẻ, 1996
4. Nguyễn Cao Kỳ – *Chúng ta đã thua trận ở Việt Nam như thế nào?* – Nxb. Thông tin, 1990.
5. Philippe B.Davidson – *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam* – (bản dịch) – Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995.
6. Zalin Grant – *Giáp mặt với Phụng Hoàng* (bản dịch) – Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1993.

CUỘC TIẾN CÔNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH (9-4 – 21-4-1975) NHÌN TỪ PHÍA ĐỐI PHƯƠNG

LÊ THỊ DUNG*

Sau thất bại lớn ở Tây Nguyên, mất Huế và Đà Nẵng, hai quân khu và quân đoàn 1, 2 ở phía bắc bị tiêu diệt, nguy quân và nguy quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng tuyệt vọng. Đội quân nguy bị suy sụp đột biến về tinh thần, tan rã về tổ chức, tổn thất nặng về vật chất, kỹ thuật, bế tắc về chiến lược và chiến thuật. Chỉ trong vòng một tháng (4-3 đến 4-4-1975), quân giải phóng đã giải phóng được 16 tỉnh, 6 thành phố (Buôn Ma Thuột, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Đà Lạt), nhiều quận lỵ, chi khu và yếu khu quân sự thuộc miền Đông Nam bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vùng giải phóng được mở rộng chiếm 3 phần 4 diện tích và gần nửa số dân của miền Nam. Gần một nửa binh lực nguy trên toàn miền Nam bị tiêu diệt và tan rã. Theo Đỗ Mậu, “đến đầu năm 1975, Việt Nam Cộng hòa như ngọn đèn lung lay trước gió, mọi nỗ lực đoàn kết để tổng hợp sức mạnh của toàn quân và toàn dân hầu cứu nước đều bị chính quyền và tình thế làm tê liệt”¹.

Trước những thất bại liên tiếp, mất cả hai quân khu 1 và 2, nguy quyền Sài Gòn buộc phải thu thập tàn quân, chấn chỉnh các lực lượng còn lại², gấp rút khôi phục một số sư đoàn đã bị tiêu diệt, điều chỉnh bố trí phòng ngự, cố giữ các địa bàn còn lại ở cực Nam Trung bộ và Nam bộ thuộc Quân khu 3 và Quân khu 4 của chúng. Nguyễn Văn Thiệu cho lập tuyến phòng thủ từ Phan Rang trở vào, giữ chặt Tây Ninh, lấy Tây Ninh làm hướng phòng thủ chính ngăn chặn quân ta thọc sâu vào Sài Gòn, giữ trục Quốc lộ 13, giữ thị trấn Xuân Lộc, ngăn không để “Việt cộng” áp sát Quốc lộ 15, Nhơn Trạch để pháo kích Sài Gòn. Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn tính toán rằng: lực lượng của ta chuẩn bị tấn công Sài Gòn chỉ có khoảng 1 quân đoàn, do đó phải mất khoảng 2 tháng nữa ta mới có thể tập trung lực lượng tiếp tục cuộc tiến công giành thắng lợi hoàn toàn hoặc tiến công để buộc chúng thi hành đầy đủ Hiệp định Pari³. Mỹ – nguy hy vọng có thể dựa vào hệ thống phòng ngự mà chúng lập ra để trì hoãn cuộc tiến công của Quân giải phóng cho đến mùa mưa, tích cực tạo điều kiện, chuyển sang phản công chiếm lại một số khu vực đã mất, nhằm cải thiện thế phòng ngự của chúng ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn và đồng bằng sông Cửu Long.

(*) Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Hoành Linh Đỗ Mậu, *Tâm sự tướng lưu vong*, Nxb. Công an nhân dân, H., 1998, tr. 609.

(2) Lúc này, lực lượng địch ở miền Nam còn khoảng 7 sư đoàn, 51 tiểu đoàn biệt động quân, 33 tiểu đoàn pháo, 12 thiết đoàn, 1360 máy bay các loại và 1496 tàu thuyền.

(3) Theo nhận định của Nguyễn Văn Thiệu và Uýen trong cuộc họp kín ngày 3 tháng 4 năm 1975. Tham dự buổi họp còn có đại sứ Mỹ Matin.

Bố trí chiến lược của chúng lúc này ở Quân khu 3 được điều chỉnh như sau: ở hướng đông, địch bố trí 9 trung đoàn bộ binh, dù, thủy quân lục chiến, 4 thiết đoàn, khống chế từ Quốc lộ 1, 15 ở khu vực Xuân Lộc, Biên Hòa, Long Bình, Long Thành, Bà Rịa; hướng bắc, địch bố trí 1 sư đoàn bộ binh, 1 thiết đoàn giữ Quốc lộ 13 ở khu vực Lai Khê, Bến Cát, Thủ Dầu Một; hướng tây bắc, địch điều 1 sư đoàn bộ binh, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 thiết đoàn giữ Quốc lộ 1, 22 ở các khu vực Tây Ninh, Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng, Củ Chi, Hóc Môn; hướng tây nam, địch bố trí 1 sư đoàn bộ binh phòng giữ dọc Quốc lộ 4 ở khu vực Bến Lức. Riêng khu vực trung tâm Sài Gòn – Gia Định, địch tập trung các đơn vị lính dù, biệt động quân, thiết giáp, các lực lượng bảo vệ căn cứ, lực lượng thuộc “biệt khu thủ đô” phòng giữ. 3 sư đoàn không quân trực tiếp chi viện cho khu vực này.

Với kế hoạch bố trí phòng thủ như trên, ý đồ của địch là dốc hết sức ngăn chặn ta từ xa, lấy Tây Ninh là hướng phòng thủ ngăn chặn chính, đồng thời cố gắng chặn bước của ta từ hướng Phan Rang, Xuân Lộc. Ngày 7 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu kêu gọi “phải nỗ lực cho đến khi chúng ta có khả năng tái chiếm trở vào, nếu cần sẽ đem hết lực lượng đánh xả láng tại chỗ”. Để giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu kéo dài cơn hấp hối, chính quyền Mỹ Giê-rôn Pho đã cho lập cầu hàng không khẩn cấp gấp rút tăng cường vũ khí, trang bị cho quân ngụy. Ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Uây-en, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, được cử đến miền Nam Việt Nam giúp ngụy quyền Sài Gòn vạch kế hoạch phòng thủ Sài Gòn.

Trong toàn bộ hệ thống phòng thủ Sài Gòn, Xuân Lộc được xem là “cánh cửa thép” phòng ngự trọng yếu trong kế hoạch “cố thủ Phan Rang trở vào” và “tử thủ Long Khánh (Xuân Lộc)” của Mỹ – ngụy. Đối với địch, giữ được Xuân Lộc có thể chặn hai đường tiến quân của ta về Sài Gòn là Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Giữ được Xuân Lộc – Long Khánh thì tuyến Biên Hòa – Nhơn Trạch – Bà Rịa – Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa và cả sân bay Tân Sơn Nhất còn hoạt động được. Ngay trong ngày 28 tháng 3 năm 1975, Uây-en và Cao Văn Viên đã tức tốc bay ra Xuân Lộc để quan sát và chỉ huy xây dựng phòng tuyến tại đây.

Đối với Mỹ – ngụy, “*Xuân Lộc là chìa khóa phòng thủ Sài Gòn. Để mất Xuân Lộc là mở cửa cho thủ đô bị tiến công trực diện. Cũng ngang tầm quan trọng như vậy, việc mất Xuân Lộc sẽ làm cho Sài Gòn sa sút nặng đến mức tự đầu hàng có thể phải được cân nhắc thành một giải pháp tích cực!*”. Để bảo vệ Xuân Lộc, địch đã đưa về đây toàn bộ lực lượng Sư đoàn 18 và một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự. Bên cạnh đó, chúng điều thêm Thiết đoàn 22 kỵ binh và một tiểu đoàn biệt động chiếm giữ đoạn từ Bàu Cá đến ngã ba Dầu Giây, đưa tàn quân của Chiến đoàn 43 từ Định Quán được bổ sung lại trực tiếp phòng thủ thị xã và tiểu khu Long Khánh, triển khai Chiến đoàn 52 từ Kiệm Tân đến núi Sóc Lu để sẵn sàng cơ động ứng cứu thị xã; đưa Chiến đoàn 48 ra án ngữ chi khu Tân Phong để ngăn chặn ta từ Quốc lộ 1 đánh vào thị xã. Ở những khu vực quan trọng, địch bố trí thêm mìn, dây thép gai, chướng ngại vật chống tăng kết hợp với hệ thống đồn bót

bảo an, dân vệ chẳng ra thành một mạng lưới dày đặc. Ngụy quyền tuyên bố sẽ tập trung tối đa hỏa lực không quân, pháo binh hỗ trợ nếu Xuân Lộc bị “Việt cộng” tấn công. Chúng hy vọng có thể ngăn chặn hoặc làm chậm bước phát triển tiến công của ta, cố kéo dài đến mùa mưa để sau đó có cơ hội gượng lại nếu được Mỹ tiếp tục viện trợ, hoặc may ra có thể tranh thủ một giải pháp thương lượng ít thua thiệt hơn. Báo chí phương Tây cũng nhận định về tầm quan trọng của Xuân Lộc: *“Mất Xuân Lộc, Việt cộng sẽ thiết lập được một vòng cung vững chắc chỉ cách Sài Gòn 80km: vòng cung đó bắt đầu từ Tây Ninh chạy tới Vũng Tàu. Như vậy, Sài Gòn sẽ bị thất chặt trong cái thòng lọng khổng lồ bằng sắt vô cùng nguy hiểm”*.

Đến lúc này, Sư đoàn 18 – đơn vị chủ chốt giữ Xuân Lộc vẫn còn nguyên vẹn và chưa bị đánh đau. Có thể coi Sư đoàn 18 là một trong những sư đoàn mạnh còn lại của ngụy quyền Sài Gòn. Chỉ huy Sư đoàn 18 – Chuẩn tướng Lê Minh Đảo được coi là một tướng trẻ có tài của quân đội Sài Gòn lúc bấy giờ¹. Do đó, Mỹ – ngụy đặt hết niềm tin vào Lê Minh Đảo và Sư đoàn 18 trong việc phòng thủ “cánh cửa thép” Xuân Lộc. Ngày 28 tháng 3 năm 1975, Ủy ban trên đường đi thị sát tình hình phòng thủ của quân ngụy Sài Gòn đã ghé Xuân Lộc để khích lệ quân ngụy và Lê Minh Đảo phải bằng mọi cách giữ Xuân Lộc, nếu *“mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”*.

Tướng Nguyễn Văn Toàn – Tư lệnh Quân khu 3 và Quân đoàn 3 đích thân tới Xuân Lộc kiểm tra toàn bộ hệ thống phòng thủ ở đây và trực tiếp bàn kế hoạch tác chiến với Lê Minh Đảo. Về Sài Gòn, Nguyễn Văn Toàn đã đưa ra lời bảo đảm giữ vững Xuân Lộc bằng mọi giá. Nguyễn Văn Thiệu đã đưa một nhóm nhà báo Sài Gòn và nước ngoài đến đây để lên dây cót tinh thần cho lực lượng bảo vệ Xuân Lộc. Tại đây, Lê Minh Đảo đã tuyên bố: *“Bất chấp phía bên kia tung bao nhiêu sư đoàn cũng sẽ đánh gục hết”*². Đảo thề sẽ giữ vững Xuân Lộc, quyết đánh một trận thật lớn cho cả thế giới biết đến và người Mỹ sẽ phải tăng thêm viện trợ cho Sài Gòn.

Ngày 9 tháng 4 năm 1975, Quân giải phóng nổ súng tiến công Xuân Lộc. Đối với Mỹ và chính quyền Sài Gòn, trận chiến ở Xuân Lộc cũng là dịp thử nghiệm cái độ vững chắc hay lung lay của phòng tuyến đó và cũng là *“một nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam”* đang trên đà sụp đổ³. Cuộc chiến ở Xuân Lộc còn được coi là “đỉnh cao của sự kháng cự” của quân đội Sài Gòn với những điểm nổi bật khác hẳn các trận chiến trước đó. Đây được coi là trận

⁽¹⁾ Lê Minh Đảo xuất thân trong một gia đình tiểu tư sản ở Gia Định. Năm 1953, vào học ở trường sĩ quan Đà Lạt, tốt nghiệp năm 1956 loại xuất sắc. Lê Minh Đảo được người Mỹ chọn vào diện đào tạo nhân tài toàn diện của Lầu Năm Góc. Ngay sau khi ra trường, Đảo được đưa sang Mỹ học trường huấn luyện cơ bản về bộ binh Fort Benning. Năm 1962, Đảo lại được cử sang Malaysia học về phương thức tác chiến chống du kích trong rừng già và rừng cao su. Sau đó, Đảo được bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng: Trung tá Tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Chương Thiện, Đại tá Tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Định Tường. Tháng 3 năm 1972, Lê Minh Đảo được cử giữ chức Tư lệnh Sư đoàn 18 bộ binh. Tháng 11 năm 1972, Lê Minh Đảo nhận quyết định lên cấp Chuẩn tướng. Ngày 26 tháng 4 năm 1975, được phong Thiếu tướng.

⁽²⁾ Nguyễn Đình Tiên, *Chân dung tướng ngụy Sài Gòn*, Nxb. Quân đội nhân dân, H., 2002, tr.266.

⁽³⁾ Bản tin của UPI ngày 12 tháng 4 năm 1975.

chiến đấu cố thủ duy nhất có sử dụng lực lượng cỡ sư đoàn vào giai đoạn cuối. Để bảo vệ Xuân Lộc, chúng còn sử dụng không quân chiến thuật tới mức tối đa và thu được hiệu quả nhất định trong việc làm chậm bước tiến của Quân giải phóng. Và đây cũng là nơi các lực lượng chính quy bị cột lại để cố thủ bám giữ đất.

Việc Quân giải phóng tấn công Xuân Lộc đã làm Lê Minh Đảo khiếp sợ. Tâm trạng của kẻ cầm đầu lực lượng phòng thủ Xuân Lộc diễn biến rất phức tạp. Nhưng thấy Nguyễn Văn Thiệu dồn hết sức chi viện cho Xuân Lộc để giữ khu vực trọng yếu bảo vệ Sài Gòn về phía đông này thì Lê Minh Đảo lại cảm thấy mình có tầm quan trọng rất lớn trong việc bảo vệ chế độ nguy quyền Sài Gòn. *“Lúc này, Lê Minh Đảo được nguy quyền Sài Gòn coi như viên tướng quyết định sự sống còn của tuyến phòng ngự Xuân Lộc – Long Khánh. Sự sợ hãi, niềm hy vọng và tâm lý ngoi lên lại chen lẫn nhau. Và Đảo đã điên cuồng mở những đợt phản kích liên tục vào lực lượng bộ binh và thiết giáp của Quân giải phóng”*¹.

Để bảo vệ Xuân Lộc, từ ngày 10 đến ngày 14 tháng 4 năm 1975, nguy quyền Sài Gòn đã lần lượt điều từ Sài Gòn, Tây Ninh, Bình Dương về hướng Long Bình, Trảng Bom, Biên Hòa 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 2 chiến đoàn xe tăng, xe bọc thép, một liên đoàn biệt động quân, 8 tiểu đoàn pháo binh và một trung đoàn thuộc Sư đoàn 5 đang án ngữ phía bắc Sài Gòn. Ngoài ra, ngay từ đầu, chúng còn đưa cả Lữ đoàn 1 dù vào mặt trận Xuân Lộc, huy động đến mức cao nhất không quân còn lại ở Biên Hòa. Như vậy, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã điều về chiến trường này 30% chủ lực, 40% pháo, 60% xe tăng và thiết giáp của Quân đoàn 3 và tương đương 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị của nguy đề “đánh xả láng” như đã tuyên bố trước đó.

Trận chiến Xuân Lộc ngay từ ngày đầu tiên đã diễn ra gay go, ác liệt. Do tầm quan trọng của Xuân Lộc có liên quan đến việc mất hay còn của nguy quyền Sài Gòn và ở thế cùng đường, địch ra sức chống cự và bước đầu đã gây khó khăn cho Quân giải phóng. Ngày 10 tháng 4 năm 1975, địch dốc phi pháo oanh tạc các mục tiêu mà Quân giải phóng chiếm giữ. Hàng chục trận địa pháo trên 70 khẩu, gần 50 vụ oanh tạc của máy bay trút bom đạn vào đội hình Quân giải phóng. Đặc biệt, chúng còn sử dụng cả bom CBU-55 ném xuống chiến trường Xuân Lộc. Về sự kiện này, Nguyễn Cao Kỳ đã viết trong hồi ký của mình như sau: *“Tại Xuân Lộc, ở phía đông bắc Sài Gòn, quân đội của chúng tôi đã cầm cự một cách anh dũng, bất kể mọi khó khăn, trong gần hai tuần, và ít nhất hệ thống tin mật của riêng tôi cũng đã góp phần tiêu diệt một số quân địch...”*². Đài phát thanh Sài Gòn ngày đêm phát tin chiến sự và cố gắng cổ vũ tinh thần cho Sư đoàn 18 nguy, cố thủ dết tăng bốc Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, coi Đảo như “người hùng” của nguy quyền Sài Gòn. Thông qua đài phát thanh, Đảo cũng luôn miệng thách thức Quân giải phóng tiếp tục tấn công để hấn tỏ rõ tài chỉ huy thao lược và tinh thần “tử thủ”

⁽¹⁾ Nguyễn Đình Tiên, Sdd, tr.265.

⁽²⁾ Nguyễn Cao Kỳ, *Chúng ta đã thua trận ở Việt Nam như thế nào?*, Tài liệu tham khảo, Thông tấn xã Việt Nam, số 1-1985, tr 107.

của hấn và toàn sư đoàn do hấn chỉ huy¹. Frank Snepp đã viết về những ngày đầu tiên của trận đánh Xuân Lộc như sau: *“Ba sư đoàn Bắc Việt Nam tiếp tục tiến công Xuân Lộc, cách Sài Gòn 60 kilômét về phía đông bắc. Trong hai ngày đánh nhau, ngày 9 và 10 tháng 4, hơn một ngàn quả đạn rốc két và đại bác bắn xuống đây và một trung đoàn Bắc Việt Nam đã vượt qua được hàng rào vào thị xã. Đêm sau, lực lượng chính phủ gồm 25.000 người, gần một phần ba quân đội Nam Việt Nam, phản công, đuổi quân Bắc Việt Nam ra ngoài, nhưng họ bắn phá liên tục. Không quân Nam Việt Nam ném bom từ trên cao, vu vơ, giết hại thêm nhiều người. Đó là một thói quen”*².

Ngày 12 tháng 4 năm 1975, Quân giải phóng chuyển sang đánh các đơn vị của quân đội Sài Gòn đến phản kích dùng chân chưa vững ở vòng ngoài, chưa có công sự và còn thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau, dùng pháo tầm xa bắn và không chế liên tục sân bay Biên Hòa không cho máy bay địch cất cánh. Cách đánh này đã gây cho quân ngụy Sài Gòn rất nhiều khó khăn. Ngày 13 tháng 4 năm 1975, Chiến đoàn 52 của Sư đoàn 18 bị tiêu diệt, Quân giải phóng theo Quốc lộ 20 phát triển xuống và chốt cứng một đoạn Quốc lộ 1, đánh lui Lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp địch từ Biên Hòa ra tiếp viện, làm cho Xuân Lộc bị chia cắt khỏi Sài Gòn. Lữ đoàn 3 kỵ binh bị chặn lại không tiến lên được. Quân giải phóng tiếp tục dùng pháo binh tiêu diệt dần các cụm pháo binh, từng bộ phận Chiến đoàn 48 và Lữ đoàn 1 dù ngụy mới ra tăng viện. Lúc này, Lê Minh Đảo giở giọng khác trước khi trả lời phỏng vấn của phóng viên phương Tây “Quân đoàn 3 giải tỏa được con đường (tức Quốc lộ 1 nối liền Biên Hòa và Long Khánh) thì cam đoan là không mất Long Khánh”. Nhưng điều đó không bao giờ thực hiện được.

Sáng ngày 15 tháng 4, *“pháo binh Bắc Việt Nam bắn phá sân bay Biên Hòa, lần đầu tiên trong chiến tranh, bằng súng tầm xa. Ở phía đông, sư đoàn thứ tư, tức Sư đoàn 325 ở Huế, tham gia mặt trận Xuân Lộc lúc những đơn vị khác bắt đầu tràn qua nam thị trấn”, “chập tối, nhiều trận đánh lớn, ác liệt diễn ra trên đường số 14, cách Sài Gòn 38 kilômét về phía đông nam. Ở phía đông, máy bay lên thẳng đang chờ quân chính phủ rút khỏi Xuân Lộc đã trở thành cái lỗ cho đạn đại bác. Một sư đoàn xe bọc thép đang phòng thủ ở phía bắc thủ đô, được chuyển đi để giải tỏa con đường nối Xuân Lộc với Biên Hòa và Sài Gòn. Việc pháo kích sân bay Biên Hòa đã ngăn chặn máy bay còn lại ở đây không cất cánh được. Sáng hôm sau, lực lượng Bắc Việt Nam chuẩn bị một trận đánh mới”*³.

Ngày 16 tháng 4 năm 1975, Quân giải phóng tiêu diệt toàn bộ quân địch phòng thủ ở Phan Rang. Sự kiện này đã tác động mạnh đến tinh thần chiến đấu của quân ngụy ở Xuân Lộc. Lực lượng phòng thủ ở Xuân Lộc bị dao động mạnh, sức chiến đấu bị sa sút trầm trọng. Ngày 17 tháng 4 năm 1975, Quân giải phóng chiếm được một số điểm quan trọng ở Xuân Lộc, khả năng Xuân Lộc thất thủ ngày càng

(1) Dẫn theo Nhiều tác giả, 30 tháng 4, Nxb. TP. Hồ Chí Minh. 1985, tr.17.

(2) Frank Snepp, *Cuộc tháo chạy tán loạn*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr. 233.

(3) Frank Snepp, *Sdd*, tr. 243, 253.

lộ rõ. Tới đây, địch đã nhận rõ Sài Gòn nằm trong tình trạng nguy ngập. Trần Văn Đôn, Tổng trưởng Quốc phòng ngụy Sài Gòn đã than rằng: “*Sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần mà không tính tháng*”.

Sau khi Chiến đoàn 52 và Chiến đoàn 8 bị tiêu diệt, quân ngụy ở Xuân Lộc không còn hy vọng ở lực lượng cứu viện, tinh thần binh lính, sĩ quan ngụy hoang mang cực độ. Ngày 18 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 3 ngụy phải dùng máy bay lên thẳng bốc một số lực lượng từ Xuân Lộc về Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới. Ngày 19 tháng 4 năm 1975, Quân giải phóng chiếm được thị xã Phan Thiết. Đại sứ Mỹ Matin nhận định: “*Sài Gòn có khả năng bị bao vây cô lập trong vòng 1 – 2 tuần và có thể bị cộng sản đánh chiếm trong vòng 3 hoặc 4 tuần nữa*”⁽¹⁾. Lúc này, tướng Lê Minh Đảo cũng nhận được lệnh “di tản”, một phương án đã từng được sử dụng ở Tây Nguyên và Quân khu 2 trước đó. “Cánh cửa thép” Xuân Lộc đang trong cơn hấp hối, báo hiệu cho sự sụp đổ của chế độ ngụy quyền Sài Gòn.

Ngày 20 tháng 4 năm 1975, sau khi tiêu diệt lực lượng chi viện cho Xuân Lộc đứng chân chưa vững ở vòng ngoài và ghìm đầu Lữ đoàn 3 kỵ binh ngụy ở Bàu Cá, cánh quân phía đông của Quân giải phóng mở đợt tấn công lớn bao vây tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân ngụy ở Xuân Lộc. Đêm ngày 20 tháng 4, phần lớn lực lượng địch phòng thủ ở Xuân Lộc, trước nguy cơ bị bao vây và tiêu diệt, đã tháo chạy tán loạn theo tỉnh lộ số 2 về phía Bà Rịa. “*Sớm ngày 21 tháng 4 năm 1975, phòng tuyến bảo vệ của chính phủ ở Xuân Lộc sụp đổ. Máy bay lên thẳng phải đến cứu tiểu đoàn cuối cùng của bốn tiểu đoàn sống sót thuộc sư đoàn 18 Nam Việt Nam và cứu cả viên Tư lệnh, tướng Đảo. Sáu trăm người dưới quyền chỉ huy của đại tá Lê Xuân Hiền, xung phong ở lại chặn hậu, bảo vệ cuộc rút lui. Trong vài giờ, họ bị quân tiên phong của 40.000 binh lính Bắc Việt Nam đánh tràn qua*”⁽²⁾. Tuyến phòng ngự của địch ở Xuân Lộc hoàn toàn bị phá vỡ. Chính Lê Minh Đảo cũng phải than rằng: “*Mất Xuân Lộc xem như cửa ngõ phía đông Sài Gòn đã mở sẵn để đón Quân giải phóng tiến thẳng vào Sài Gòn*”.

Việc Xuân Lộc thất thủ đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của quân ngụy xung quanh Sài Gòn, làm tinh thần quân đội Sài Gòn thêm suy sụp. Tia hy vọng cuối cùng của tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu hầu như bị tắt ngấm. Trong ngày 21 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức. Tướng Dương Văn Minh trong buổi nói chuyện với một nhà báo Pháp đã thốt lên rằng: “*Chiếm được Xuân Lộc, các lực lượng cộng sản đã kiểm soát được một ngã tư quan trọng. Từ đó họ có thể tiến nhanh, sẽ tỏa về phía nam đến Vũng Tàu và phía tây về Biên Hòa*”. Tướng Mỹ Uyên trong báo cáo gửi về Mỹ cũng than rằng: “*Tình hình quân sự ở Việt Nam là tuyệt vọng*”. Ngày 23 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho tuyên bố: “*Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc với người Mỹ. Không thể giúp*

(1) Dẫn theo Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Hà Nội, 1991, tr. 283.

(2) Frank Snepp, *Sđd*, tr. 271-272.

người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang đợi họ”¹.

Điều này càng làm cho tinh thần của ngụy quyền Sài Gòn hoang mang đến cực độ vì bị người Mỹ bỏ rơi và sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ ngụy đến mỗi lúc một gần, không cách gì cứu vãn nổi.

Và cuối cùng, ngày 30 tháng 4 năm 1975, Quân giải phóng vào đến Sài Gòn. Đúng 11 giờ 30, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập, đánh dấu thời điểm hoàn toàn giải phóng thành phố Sài Gòn – Gia Định. Tổng thống Dương Văn Minh lên đài phát thanh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và ra lệnh cho tất cả lực lượng còn lại của quân đội Sài Gòn hạ vũ khí, trong đó có đoạn: *“Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, giao toàn bộ chính quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam”².*

L.T.D

⁽¹⁾ Diễn văn của Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tại trường Đại học Tu-lan, ngày 23 tháng 4 năm 1975.

⁽²⁾ Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam 1965 – 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 2002, tr.560.

NÉM BOM CBU-55 TẠI XUÂN LỘC THÁNG 4 NĂM 1975 MỘT TỘI ÁC KHÔNG THỂ DUNG THỨ CỦA MỸ – NGUYỄN

TRẦN PHƯƠNG LAN*

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, quân đội Mỹ đã sử dụng hầu hết các thành tựu khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự. Nghị quyết Hội nghị Honolulu, ngày 24 tháng 1 năm 1967 của Mỹ ghi rõ: “...*Phát huy hết tác dụng của vũ khí, phương tiện chiến tranh nhằm gây áp lực một cách không thương xót... Nước Mỹ có điều kiện ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất để thay đổi chiến, kỹ thuật, để cải tiến vũ khí trang bị ngày càng tinh vi hơn nhằm nâng cao hiệu suất tàn phá...*”. Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ – ngụy đã ném 7.882.547 tấn các loại bom mìn, lựu đạn, đạn hóa học, bom cháy xuống cả hai miền Nam - Bắc. Trong các loại bom mìn có loại bom có sức tàn phá lớn như bom 2000 cân Anh, 3000 cân Anh, hay các loại bom bi, bom mũi tên... Đặc biệt, Mỹ – ngụy còn sử dụng những vũ khí giết người bằng sức ép cực mạnh bằng phương pháp đốt cháy ôxy như bom CBU-55....

Bom CBU-55 là loại bom chùm hàng không dạng cát xét, kiểu nổ xon khi đầu tiên của Mỹ. Bom có chiều dài 2,3m, đường kính 0,36m, sải cánh đuôi 0,72m, khối lượng 235kg, bên ngoài là 1 lớp vỏ mỏng bằng kim loại, trong lớp vỏ mỏng này đặt 3 thùng chứa hỗn hợp nhiên liệu (3 bom con BLU-73), dọc thân từ chỗ lắp ngòi hẹn giờ tới đáy nắp có đặt một dây nổ, đảm bảo mở cát xét ở trên không. Mỗi bom con có khối lượng 45 kg, nạp 32,6 kg ôxít êtylen lỏng. Các bom con đều được trang bị dù hãm để giảm tốc độ rơi xuống còn 33m/s.

Sau khi phóng bom ra khỏi máy bay một thời gian định trước, bom mẹ được bung ra trong không trung. Các bom con từ từ rơi xuống đất cùng với dù hãm của nó. Khi chạm đất, ngòi nổ hoạt động gây nổ ống thuốc đặt giữa trục bom, phá vỡ vỏ bom làm văng ôxít êtylen thành các giọt, tạo thành một đám mây nhiên liệu có đường kính 15-17m, cao 2,5-3m. Đám mây này được một trạm kích nổ ở độ cao một mét sau khi hình thành 0,125s. Bán kính sát thương của bom con là 50m. Bom CBU-55 hoạt động theo nguyên lý mới, dùng hỗn hợp khí làm chất nổ, để tạo nên một sức thổi lớn từ trên không, gây hiệu ứng mạnh hơn các loại bom cổ điển đối với đất và những kết cấu bảo vệ như công sự, chướng ngại. Bom được dùng với các mục đích như phá công sự chiến hào và dùng phá các bãi mìn, rừng cây và các vật cản khác. Thời gian giữ chậm trước khi nổ nhằm làm cho đám mây nhiên liệu phân tán tốt hơn vào các công trình cần phá. Ưu điểm của bom là hỗn hợp nhiên liệu có thể xuyên vào mọi kẽ, mọi nơi mà mảnh không đến được để gây nổ. Máy bay để mang loại vũ khí này chủ yếu là máy bay tốc độ dưới âm.

(*) Bảo tàng Chứng tích chiến tranh Thành phố Hồ Chí Minh.

Bom CBU-55 đã được Mỹ nghiên cứu chế tạo từ cuối những năm 60, đầu những năm 70. Bom CBU-55 được trang bị cho không quân của thủy quân lục chiến và không quân chiến thuật Mỹ, đã được thử ở chiến trường Việt Nam năm 1972 ở Quảng Trị, Bến Tre, Cần Thơ. Đặc biệt, Mỹ – nguy đã sử dụng ở Xuân Lộc ngày 22 tháng 4 năm 1975¹, vào giai đoạn cuối cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam...

Long Khánh ngày nay là một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai cách Thành phố Hồ Chí Minh 80 km về phía đông. Thị xã Long Khánh (tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh cũ) nằm trên ba trục giao thông quan trọng: Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 (Sài Gòn đi Đà Lạt) và Quốc lộ 15 (Sài Gòn đi Vũng Tàu). Đây là cửa ngõ quan trọng của Sài Gòn được quân đội Mỹ – nguy xây dựng thành một khu vực phòng thủ trọng yếu trên tuyến phòng thủ cơ bản Biên Hòa – Bà Rịa – Vũng Tàu. Cuối tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc là nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Với ta, Hội nghị Khu ủy miền Đông (31-1-1975 – 8-2-1975) đã khẳng định tính chất chiến lược của thị xã Long Khánh: *“thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”*. Mỹ – nguy coi Xuân Lộc là một “phòng tuyến thép” “Xuân Lộc là chiếc ốc xoáy cuối cùng quyết định số phận thành phố Sài Gòn”. Ngày 28 tháng 3 năm 1975, tướng Mỹ Uýen và đại sứ Hoa Kỳ Martin tại Sài Gòn cùng một phái đoàn quân sự quan trọng của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu vãn tình hình nguy ngập của bọn tay sai. Uýen nhấn mạnh với Thiệu: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”.

Để bảo vệ và tăng cường lực lượng phòng giữ Xuân Lộc, từ ngày 12 tháng 4 năm 1975 đến ngày 16 tháng 4 năm 1975, lực lượng địch ở Xuân Lộc được tăng cường đến mức tối đa gồm Sư đoàn 18, Lữ đoàn 1 dù, hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 5, tám tiểu đoàn pháo binh, hai chi đoàn xe tăng của Quân đoàn 3, đưa số xe tăng, thiết giáp lên 300 chiếc. Lực lượng không quân từ sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động với mức độ cao, trung bình 80 lần/chiếc ném bom một ngày; cao nhất là 125 lần/chiếc/ngày. Niềm hy vọng của địch lúc này là làm sao giữ vững được phòng tuyến Xuân Lộc để tạo một thắng lợi tâm lý và chính trị ở thời điểm nguy nan này. Lúc này Thiệu cũng rất muốn một thắng lợi như vậy để hy vọng Mỹ còn tin tưởng và viện trợ đối đa cho hắn, củng cố lại tinh thần cho quân nguy hiện đang rệu rã và giữ được địa vị của hắn đang bị lung lay nghiêm trọng. Mỹ thì mong nguy trụ lại để có thể tổ chức đàm phán... Để giữ được Xuân Lộc, Mỹ – nguy đã cho máy bay trút bom vào thị xã nhằm tiêu hao lực lượng của ta... Trước sức tấn công thần tốc của Quân giải phóng, 22 giờ đêm 20 tháng 4 năm 1975, toàn bộ bộ binh, cơ giới địch trên 220 chiếc chen nhau rút chạy khỏi thị xã. Rạng ngày 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ. Quân giải phóng làm chủ thị xã. Thế nhưng Mỹ – nguy không muốn tin đó

⁽¹⁾ Xem chú thích trang 155.

là sự thật.

Theo các tài liệu nước ngoài viết về những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam: cũng ngay trong ngày Xuân Lộc thất thủ, một máy bay lên thẳng của quân đội Sài Gòn xuất hiện trên đồng tro tàn của thị xã đổ nát và quan sát những gì đang diễn ra ở đây. Sau đó chiếc máy bay đã bay về và báo cáo ở Xuân Lộc còn có một bộ tham mưu Việt cộng đóng quân và nêu sử dụng bom CBU có thể tiêu diệt được bộ tham mưu đó, dẫn đến bước ngoặt của chiến tranh.

Bộ Tổng tham mưu ngụy đã thỏa thuận kín với tướng Hôme Smith ở cơ quan tùy viên quân sự Mỹ (DAO) tại Tân Sơn Nhất, chúng quyết định lấy chiếc máy bay C130 tại trung tâm quân sự Mỹ để ném quả bom CBU-55 xuống Xuân Lộc. Quả bom này được Uâyen, Tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ chỉ đạo chở từ căn cứ không quân Utapao đến Nam Việt Nam đầu tháng 4 năm 1975, với hy vọng cứu nguy cho chế độ Sài Gòn trong cơn hấp hối...

Sáng ngày 22 tháng 4 năm 1975, chiếc máy bay C130 được đưa ra, sau đó đem xịt một lớp sơn để xóa các dấu hiệu Mỹ trên máy bay, cuối cùng máy bay không mang một ký hiệu nào hết. Chuyến bay này do phi công Mỹ lái, phi công người Việt không được đào tạo làm việc này. Sau đó, được sự giúp đỡ của các kỹ thuật viên cơ quan tùy viên quân sự Mỹ (DAO), không quân ngụy đã lắp quả bom CBU-55 lên máy bay vận tải C130 trên. Chiều ngày 24 tháng 4 năm 1975, chiếc máy bay C130 mang theo quả bom CBU-55 xuất hiện tại Xuân Lộc, với độ cao đã được tính toán kỹ để tránh tầm xa. Nó vội vàng ném quả bom CBU-55 rồi chuồn đi rất nhanh, không hề lượn lại một vòng trên chỗ ném với hy vọng tàn phá thị trấn, tiêu diệt bộ tham mưu của ta. Nhưng do quá vội vàng nó đã ném trúng xã Xuân Vinh, xã cận kề thị trấn. Quả bom nổ tuy không gây chấn động lớn nhưng sức công phá của nó rất mạnh, phát quang cả một vùng rộng lớn, thiêu cháy nhà cửa, vườn cây của nhân dân và làm chết người và gia súc hàng loạt rất dã man. Người chết do bị sức ép của bom nổ và các mảnh vỏ bom văng trúng và do thiếu dưỡng khí bởi khi bom nổ do kết cấu của bom cả một khu vực xung quanh hố bom bị hồng không khí do ô xy bị đốt cháy gây ngạt thở cho tất cả những ai hiện diện trong vùng.

Theo điều tra ban đầu, khoảng hơn 200 người đã bị chết, một số người bị thương. Theo những người sống sót kể lại: khi quả bom nổ, họ thấy người bị chết đang đứng tự nhiên ngã vật xuống không hiểu vì sao. Họ chết một cách rất thảm thương, thần sắc nhợt nhạt, cứng đờ, mũi và tai sủi bọt màu tím bầm, tanh tưởi... Những người bị thương trong trạng thái thất thường, người choáng váng, ngực đau thắt, tai ù đặc chảy máu, mũi không thở được, có cảm giác không khí như đặc cứng lại. Dã man hơn, khi chiếc máy bay C130 thả bom CBU-55 vừa bay đi, một lúc sau những máy bay tiêm kích ném bom F-5e và máy bay ném bom hạng nhẹ A-37 tràn tới trút những trái bom hạng nặng như mưa xuống thị trấn và vùng lân cận. Để kết thúc, một chiếc máy bay cỡ lớn chở một loại bom lớn 7.500 kilôgam, từ Tân Sơn Nhất tới ném. Sau trận ném bom này, Xuân Lộc trở nên hoang tàn, đổ nát..

Bom CBU-55 là bom có sức hủy diệt lớn, tàn phá thiên nhiên, gây giết người

hàng loạt nơi chiến trường ác liệt nhất. Khi ở thế đường cùng, Mỹ – nguy đã sử dụng bom CBU-55 để mong giành thế chủ động trên chiến trường với hy vọng thay đổi cục diện chiến tranh. Nhưng Mỹ – nguy đã thất bại thảm hại trước sự lãnh đạo tài tình, sự chuyển hướng tiến công một cách kịp thời của Quân ủy Trung ương, kết hợp với tinh thần gan dạ, dũng cảm, sự chịu đựng hy sinh của quân và dân ta. Xuân Lộc giải phóng, “cánh cửa thép” Sài Gòn mở tung, góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30 tháng 4 năm 1975.

Ném bom CBU-55 ở Xuân Lộc trong những ngày cuối của cuộc chiến tranh là một tội ác không thể dung thứ của Mỹ – nguy. Đây là tội ác hủy diệt, là một trong những tội ác dã man, tàn bạo nhất trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Tội ác này thể hiện bản chất của những kẻ xâm lược và tay sai mà ông Hans Goran, Tổng thư ký Ủy ban quốc tế điều tra tội ác chiến tranh của Mỹ ở Đông Dương phát biểu năm 1974: “*Bằng các vũ khí, phương tiện hiện đại, quân đội Mỹ ở Đông Dương đã tiến hành một cuộc chiến tranh diệt chủng tàn bạo và liều lĩnh, bất chấp mọi tiêu chuẩn, quy định của quốc tế...*”

Hai mươi tám năm đã trôi qua, dư âm của chiến tranh cũng dần đi vào quá khứ. Nhưng nhân chứng chiến tranh ai còn, ai mất? Tên tuổi của những người bị giết hại dã man bởi bom CBU-55 mà Mỹ – nguy ném vào Bảo Vinh – Xuân Lộc cũng như di hại của nó hiện đang là câu hỏi chưa có lời giải đáp trọn vẹn. Tại Bảo Vinh anh hùng, cuộc sống của người dân đã hoàn toàn thay đổi cùng sự đi lên của cả nước. Người dân nơi đây cũng như tất cả người Việt Nam biết về vụ ném bom CBU-55 ngày 22 tháng 4 năm 1975 thì vẫn luôn ghi nhớ tội ác giết người hàng loạt của Mỹ – nguy, tội ác này không thể tha thứ được, cũng như những nạn nhân bị giết hại cần được lưu lại tên tuổi để cho con cháu mai sau cùng nhớ mãi.

Chiến tranh xâm lược đồng nghĩa với chết chóc, khổ đau và nước mắt. Xin hãy nhớ đừng bao giờ để chiến tranh xảy ra trên đất nước Việt Nam cũng như trên toàn thế giới.

T.P.L

Tài liệu tham khảo

- *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*. Nxb. Quân đội nhân dân – Hà Nội, 1996.
- *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 2- Nxb. Quân đội nhân dân – Hà Nội, 1996.
- *Miền Đông chiến công* – Nhiều tác giả. Nxb. Đồng Nai, 1990.
- *Hồ sơ mật Dinh Độc Lập*. Nguyễn Tiến Hưng và Jerkold L-Checter
- *Từ tòa Bạch ốc đến Dinh Độc Lập* – Nguyễn Tiến Hưng và Jerkold L-Checter. Nxb Trẻ, 1996.
- *Cuộc tháo chạy tán loạn*. Frank Snepp. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.

- *Chất nổ nhiên liệu không khí và bom CBU-55 của đế quốc Mỹ* – Viện Kỹ thuật quân sự, 1970.
- *Sài Gòn những ngày cuối cùng của Mỹ ở Đông Dương*. Harry Thurk. Nxb. tổng hợp Sông Bé, 1986.
- Báo *Sài Gòn Giải phóng*, ngày 12 tháng 4 năm 1995; 19 tháng 8 năm 1995
- Báo *Chiến sĩ* – Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 5 năm 1999
- Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 23 tháng 6 năm 1998...

TỪ BÀI HỌC CHUYỂN HÓA THỂ TRẬN TRONG CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC, SUY NGHĨ VỀ NGHỆ THUẬT TIẾN CÔNG ĐÔ THỊ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thiếu tướng TS. ĐÀO VĂN LỢI*

Đối với Học viện Lục quân, một trung tâm đào tạo cán bộ chỉ huy trung, sư đoàn trưởng; huyện, tỉnh đội trưởng và đào tạo sau đại học; trên bục giảng, trận đánh Xuân Lộc luôn là bài học lớn và có nhiều vấn đề đặt ra để nghiên cứu đối với cán bộ, giảng viên và học viên.

Chúng ta đều biết, Xuân Lộc là một trong những trận đánh lớn, gay go và ác liệt trong Đại thắng mùa Xuân 1975, bởi trước cơn hấp hối địch quyết tâm giữ bằng được cửa ngõ phía đông Sài Gòn. Chính Ủyện, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã cùng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân nguy lên thị sát Xuân Lộc. Ủyện đã nói với Tổng thống Thiệu: *“Bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”*.

Về phía ta cũng buộc phải chấp nhận trận đánh lớn. Nếu không giải phóng, chiếm giữ được Xuân Lộc – Long Khánh sẽ không có bàn đạp tạo thế cho chiến lược để đưa các lực lượng lớn áp sát vào sào huyệt Sài Gòn và cắt đứt cảng Vũng Tàu của địch, bảo đảm sườn phải cho cánh quân chủ lực của Quân đoàn 2 đang tiến đánh Phan Rang – Ninh Thuận. Chính vì vậy, Xuân Lộc là trận độ sức quyết liệt giữa chủ lực ta và địch. Chiến thắng Xuân Lộc đã đi vào lịch sử, song vẫn còn đọng lại trong ký ức chúng ta những bài học sâu sắc trên nhiều khía cạnh khác nhau. Với cách xem xét về khoa học nghệ thuật quân sự, chúng tôi khái quát 6 bài học cụ thể sau:

Một là, chuyển hóa thể trận và cách đánh kịp thời; từ tập trung lực lượng tiến công sang đánh địch phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, kết hợp bao vây cô lập thị xã Long Khánh (Xuân Lộc). Đây là bài học chúng tôi tâm đắc nhất trong khi giảng dạy về tiến công đô thị.

Mặc dù lúc đó trên toàn chiến trường, quân địch đã bị phá vỡ thế trận chiến lược, tinh thần đang dao động, nhưng ở ngoại vi Sài Gòn, Quân đoàn 3 cũng như Sư đoàn 18 lực lượng còn sung sức. Khi trận đánh nổ ra, chúng còn tăng viện thêm Lữ đoàn dù số 1, Lữ đoàn 3 thiết giáp, Chiến đoàn 3 thuộc Sư đoàn 5, Liên đoàn 7 biệt động quân và 3 trung đoàn thiết giáp lên tăng cường, huy động đến mức cao nhất các trận địa pháo binh, không quân chi viện hòng giữ bằng được Xuân Lộc. Bộ máy tuyên truyền chiến tranh tâm lý trong nước và phương Tây đến Sài Gòn và Xuân Lộc để “lên dây cót” cho chỉ huy và binh lính. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo,

(*) Giám đốc Học viện Lục quân.

Tư lệnh Sư đoàn 18 huênh hoang “sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết và Mỹ cho thêm viện trợ...”.

Do chưa dự kiến hết tính phức tạp của tình hình và chưa lường hết khả năng chống trả điên cuồng, quyết liệt của địch nên phương châm Chiến dịch lúc đầu là “khẩn trương, táo tạo” bất ngờ tiến công thẳng vào sở chỉ huy Sư đoàn 18 ngụ ở thị xã Long Khánh và tiểu khu Long Khánh. Qua 3 ngày nổ súng tiến công, mặc dù ta đã chiếm được một số mục tiêu, đẩy lui các cuộc phản kích của địch nhưng vẫn chưa diệt gọn từng tiểu đoàn của chúng. Trong khi đó, Sư đoàn 341 và Sư đoàn 7 bị thương vong nhiều, binh khí kỹ thuật bị hư hỏng nặng...

Trước tình hình trên, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh do Trung tướng Trần Văn Trà, Phó tư lệnh trực tiếp chỉ đạo đã cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 kịp thời rút kinh nghiệm, vạch kế hoạch chuyển hóa thế trận, thay đổi cách đánh. Đó là: không tập trung lực lượng lớn để đánh vào nội đô, nơi địch phòng ngự mạnh mà có thể dùng “thế” để giải phóng Xuân Lộc. Thế trận mới là tạm dừng tiến công thị xã, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa.

Việc điều chỉnh lực lượng được tiến hành khẩn trương. Trung đoàn 165 thuộc Sư đoàn 7 và Trung đoàn 266 thuộc Sư đoàn 341 tiếp tục giữ vững bàn đạp và những mục tiêu đã chiếm, duy trì áp lực thường xuyên đối với những cụm quân địch còn lại; thực hiện nghi binh làm cho địch tin rằng ta sẽ tiếp tục tiến công thị xã. Sư đoàn 6 thuộc Quân khu 7 và Trung đoàn 95B thuộc Sư đoàn 325, Quân đoàn 2 mới cơ động từ Tây Nguyên vào được tăng cường cho Quân đoàn sẽ đánh chiếm ngã ba Dầu Giây và Núi Thị, giải phóng thêm đoạn Quốc lộ 1 và đoạn Quốc lộ 20 còn lại, thực hiện chốt chặn chiến dịch, diệt quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích. Trung đoàn 209, thuộc Sư đoàn 7 bí mật triển khai lực lượng trên dải vòng cung đông bắc chi khu Tân Phong, sẵn sàng chặn đánh Lữ đoàn dù 1, không cho chúng vượt qua cầu Gia Liêu bắt liên lạc với Chiến đoàn 43 trong thị xã. Trung đoàn 141 thuộc Sư đoàn 7 và hai trung đoàn còn lại của Sư đoàn 341 củng cố lực lượng tại chỗ và làm dự bị cơ động.

Trong khi ta điều chỉnh lực lượng để lập thế trận mới, tình hình tạm thời lắng dịu, bọn địch hí hửng tưởng rằng ta đã từ bỏ ý định tiến công. Tổng thống Thiệu tuyên truyền rùm beng “Chiến thắng Xuân Lộc” về khả năng chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được phục hồi, đã “chấm dứt thời kỳ rút lui” thì bằng một loạt trận đánh của các lực lượng đánh địch cơ động ứng cứu giải tỏa ngoài thị xã như trận tiêu diệt Chiến đoàn 52 của Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95 ở ngã ba Dầu Giây; trận Hưng Nghĩa, điểm cao 122, Núi Thị, Tân Phong của Sư đoàn 7 và tiểu đoàn địa phương Bà Rịa... ta đã làm đảo lộn thế trận của địch và buộc chúng phải tháo chạy và tan rã.

Bài học chuyển hóa thế trận chiến dịch là một bài học rất có giá trị với nghệ thuật tiến công đô thị, có thể vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai.

Hai là, việc tập trung binh, hỏa lực quy mô Quân đoàn tiến công vào đô thị loại nhỏ (mỗi chiều 2 đến 3 km) là điều cần phải suy nghĩ. Mật độ bộ đội ở thị xã Long Khánh lúc đó khá dày đặc nên thương vong về người và tổn thất vũ khí phương tiện khá cao. Chỉ trong 3 ngày tiến công thị xã, ta bị thương vong 1.500 đồng chí, bị cháy, hỏng 6 xe tăng... chủ yếu vì bom, pháo địch gây ra. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, kẻ địch có vũ khí công nghệ cao, việc sử dụng quy mô quân đoàn tác chiến đô thị cần phải tính đến không gian, khu vực tác chiến, chọn hướng tiến công sao cho phù hợp để các lực lượng đánh địch trong nội đô và ngoại vi có thể cơ động triển khai tiêu diệt địch và hạn chế tổn thất của ta.

Ba là, phải hết sức chú ý nghiên cứu kỹ địa hình, tổ chức bố trí và công sự vật cản của địch khi phòng ngự đô thị, nhất là ở nội đô. Long Khánh là thị xã nhỏ, nhưng nơi đây là hậu cứ của Sư đoàn 18 và các trung đoàn bộ binh, thiết giáp, trận địa pháo binh, có nhiều kho tàng và bố trí kiên cố, vững chắc. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, khi địch chiếm đóng đô thị, chúng sẽ bố trí các sở chỉ huy, sân bay, kho tàng, các trận địa hỏa lực, lực lượng tăng, thiết giáp... Vì vậy công tác điều tra nắm địch phải hết sức chu đáo, tỉ mỉ. Ở trận Xuân Lộc chỉ có 5 ngày làm công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu là quá gấp nên công tác điều tra nắm địch, địa hình còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu.

Bốn là, khi tiến công đô thị, ngoài việc dự tính đầy đủ lực lượng tiến công vào nội đô, cần phải tính đến lực lượng đánh địch phản kích, ứng cứu giải tỏa đông và mạnh của chúng. Trên từng hướng đột phá phải tập trung ưu thế lực lượng áp đảo địch. So sánh tương quan lực lượng ở trận Xuân Lộc, địch có Sư đoàn 18 đủ, 1 trung đoàn thiết giáp, 2 tiểu đoàn pháo binh, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân; ngoài ra còn được không quân, pháo binh chi viện. Trong khi đó, ta có 2 sư đoàn thiếu trực tiếp đánh nội đô, 9 xe tăng, 4 khẩu pháo 130mm, 18 khẩu pháo 105 và 122mm, đạn chỉ có 200 viên/khẩu. Như vậy tương quan lực lượng đánh đô thị ta chưa áp đảo địch, nhất là xe tăng, pháo binh lại quá ít. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai cần chú ý tổ chức lực lượng tiêu diệt quân ứng cứu giải tỏa của địch có thể lớn hơn nhiều lần lực lượng phòng ngự nội đô. Ở Xuân Lộc, địch đã đưa 1 lữ đoàn dù, 2 lữ thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn thuộc Sư đoàn 5 ngụy, 2 chi đoàn thiết giáp, đưa số xe tăng lên 300 chiếc để ứng cứu giải tỏa.

Năm là, trong cách đánh đô thị, ngoài việc chọn mục tiêu, hướng tiến công chuẩn xác, tập trung lực lượng ưu thế, cần phải tổ chức nhiều trận đánh vận động tiêu diệt gọn từng cánh quân địch ứng cứu, thực hiện tốt thủ đoạn chia cắt để cô lập địch bên trong nội đô với lực lượng bên ngoài mới tạo điều kiện hỗ trợ cho nhau và dứt điểm nhanh gọn. Ở Xuân Lộc, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95 tiêu diệt Chiến đoàn 52 ở ngã ba Dầu Giây, cắt đứt Quốc lộ 1 và 20, đập tan Lữ đoàn 3 thiết giáp, đánh lui địch về Bàu Cá là những trận đánh vận động rất có hiệu quả đập tan hành động phản kích của địch.

Sáu là, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, Quân đoàn tác chiến

trong thế trận chiến tranh nhân dân, khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; khi tiến công đô thị phải phối hợp hết sức chặt chẽ và ăn khớp với lực lượng vũ trang địa phương mới có thể giành được thắng lợi. Thực tiễn trận Xuân Lộc cho thấy trước khi Quân đoàn bước vào tác chiến, bộ đội địa phương và du kích Xuân Lộc do đồng chí Tám Còn chỉ huy đã đánh phá giao thông, mở mảng giành dân, diệt và bức rút nhiều đồn bót địch, giữ vững thế và làm chủ hoàn toàn 4 ấp ven thị xã, tạo được hành lang cho chủ lực triển khai tiến công thuận lợi.

28 năm đã trôi qua, Chiến thắng Xuân Lộc đã được lịch sử ghi nhận, song những bài học thành công và chưa thành công vẫn lưu lại cho thế hệ hôm nay nhiều điều suy ngẫm. Chúng tôi mạnh dạn trình bày những suy nghĩ của mình, có thể có những vấn đề cần phải cân nhắc thêm với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào cuộc hội thảo khoa học này làm sáng tỏ truyền thống và rút ra bài học kinh nghiệm trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đ.V.L

TỪ XUÂN LỘC ĐẾN SÀI GÒN

Thiếu tướng TS NGUYỄN ĐỨC XÊ*

I. BỐI CẢNH DẪN ĐẾN CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

1. Tình hình địch: (Từ 3-4-1975 – 9-4-1975).

Sau Chiến dịch Tây Nguyên, tiếp đó là Chiến dịch Huế – Đà Nẵng của ta, địch buộc phải rút chạy khỏi Quân khu 1, Quân khu 2, chúng nhận định: *"Trên toàn miền Nam lực lượng Cộng sản có từ 17-19 sư đoàn, riêng Nam bộ có 8-9 sư đoàn, lực lượng phòng không mạnh, nhưng phải để lại mỗi tỉnh một trung đoàn, nên cũng chỉ có thể tập trung khoảng 8-9 sư đoàn để tấn công vào Sài Gòn và cũng phải mất một vài tháng nữa mới tập trung được lực lượng. Mục đích tấn công của Cộng sản có thể để giành thắng lợi hoàn toàn nhưng cũng có thể để buộc Việt Nam Cộng hòa phải thi hành đầy đủ Hiệp định Pari..."*. Do đó, địch quyết định tập trung lực lượng cố thủ từ Phan Rang trở vào, với hy vọng từng bước đẩy lùi cuộc tiến công của ta "trong vòng 3 tháng sẽ chiếm lại các vùng bị mất". Kế hoạch chiến lược của địch là:

Chặn đứng cuộc rút chạy bừa bãi để ổn định tình hình, nhanh chóng tổ chức lại hệ thống tiếp vận từ Phan Rang vào đến Cà Mau, lập bộ tư lệnh hành quân. Bộ Tổng tham mưu, có sự giúp sức và chỉ đạo của tướng Uâyên, yêu cầu Mỹ giúp sức cùng hải quân ngụy phong tỏa cảng Đà Nẵng, Nha Trang, Cam Ranh, yểm trợ hỏa lực cho Phan Rang, Phan Thiết, tổ chức các cuộc hành quân bảo đảm an ninh cho Sài Gòn. Dự kiến cho sư đoàn lính thủy đánh bộ đột kích ra ngoài phạm vi phòng thủ để cắt đường tiếp tế, đẩy lùi ta.

Gấp rút tổ chức lại lực lượng, ưu tiên phục hồi, tăng cường khối chủ lực (lực lượng địch còn lại sau khi mất Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 dồn về từ Phan Rang trở vào: 10 sư đoàn tăng cường bộ binh, 8 liên đoàn biệt động quân, 11 thiết đoàn xe tăng, xe bọc thép, 33 tiểu đoàn pháo của chủ lực, 3 sư đoàn không quân).

Trên cơ sở chấn chỉnh lại tổ chức, lực lượng địch tổ chức phòng ngự trên ba hướng, gồm nhiều khu phòng thủ, hình thành thế trận phòng ngự vòng tròn, nhiều tầng và có chiều sâu nhằm giữ cho được Sài Gòn. Cụ thể:

Hướng đông Sài Gòn, hướng phòng ngự chủ yếu, tổ chức thành 2 khu phòng thủ: khu phòng thủ Phan Rang cách Sài Gòn 350km về phía đông được tổ chức như khu phòng thủ phía trước với lực lượng tương đương 1 sư đoàn tăng cường (Liên đoàn 31 biệt động quân + Lữ đoàn dù 2 + Trung đoàn 4 và 5 của Sư đoàn 2 bộ binh) nhằm chặn ta từ cao nguyên và miền Trung vào Nam bộ. Khu phòng thủ Xuân Lộc được tổ chức từ 7-4-1975 như một khu vực phòng thủ chủ yếu và then chốt nhất, đóng vai trò quyết định nhất trong toàn bộ chiến lược phòng ngự của

(*) Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Lục quân 2.

địch lúc đó. Và nó được mang tên "phòng tuyến Uâyên" – Uâyên là tác giả của tuyến phòng ngự sống còn này (theo cung của các tướng nguy). Vì vậy, địch tập trung bố trí ở đây binh lực tương đương 1 quân đoàn.

Hướng phòng ngự bắc Sài Gòn được tổ chức thành 2 khu vực: khu phòng thủ Tây Ninh, có 1 sư đoàn tăng cường (Sư đoàn 25 + 1 liên đoàn biệt động quân và 2 thiết đoàn) và khu phòng thủ Chơn Thành – An Lộc – Phước Vĩnh, có 1 sư đoàn tăng cường (Sư đoàn 5) chặn ta từ biên giới đánh xuống theo hai trục đường chiến lược 22 và 13.

Hướng phòng ngự tây Sài Gòn, gồm Sư đoàn 7 bộ binh tăng cường thêm Sư đoàn 22 bộ binh (mới chấn chỉnh lại), Liên đoàn biệt động quân 6, Thiết đoàn 6, phòng thủ dọc Quốc lộ 4 từ Long An – Bến Lức đến Mỹ Tho.

Ngoài ra, trong nội ô Sài Gòn, địch dùng 1 lữ đoàn dù + 1 liên đoàn biệt động quân, 1 lữ đoàn thủy quân lục chiến mới được tổ chức lại cùng lực lượng biệt khu thủ đô để phòng giữ, cử Ngô Quang Trưởng (từ Quân đoàn 1 chạy về) làm Phụ tá Tổng tham mưu trưởng giám sát việc tổ chức phòng thủ.

Nhưng thực tế tình hình diễn ra không như địch đã tính toán và hy vọng.

2. Tình hình ta

Sau Chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, ta đã tiêu diệt và làm tan rã 2 quân đoàn (1,2) và 2 quân khu (1,2) của địch; trên 35% bộ binh, 40% lực lượng binh chủng, thu và phá hủy 43% cơ sở vật chất kỹ thuật hậu cần của địch, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và 12 tỉnh từ Quảng Trị đến Khánh Hòa. Cục diện chiến trường lúc này đã thay đổi căn bản. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong phiên họp ngày 31-3-1975 chỉ rõ: *"Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu... cần động viên cao độ và nhanh chóng lực lượng của cả nước, giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 không thể để chậm"*.

Tiếp đó, ngày 1-4-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Quốc phòng điện cho Bộ Chỉ huy Chiến dịch Sài Gòn: *"Vấn đề cơ bản là phải kịp thời nắm lấy thời cơ, quán triệt đầy đủ tư tưởng chỉ đạo "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Cần hành động thật táo bạo, cơ động lực lượng thật khẩn trương. Bất ngờ hiện nay không còn ở phương hướng nữa. Bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc; mặt khác, sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đầy đủ mới làm ăn"* (Điện số 957, 18 giờ ngày 1-4-1975 gửi Bộ Chỉ huy Chiến dịch).

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tham mưu lệnh cho các quân đoàn hành quân thần tốc vào chiến trường trọng điểm.

Quân đoàn 3 từ Tây Nguyên theo Quốc lộ 14, 20 vào Dầu Tiếng (hướng tây bắc Sài Gòn).

Quân đoàn 1 từ Tam Điệp (Ninh Bình), (để lại Sư đoàn 308 - bảo vệ miền Bắc) theo đường tây Trường Sơn vào Đồng Xoài (Bình Phước), hướng bắc Sài Gòn.

Quân đoàn 2 rời Đà Nẵng, theo Quốc lộ 1 tiến vào hướng đông nam Sài Gòn.

Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Đoàn 559 tập trung mọi lực lượng, phương tiện cơ động bộ đội và các loại vật chất kỹ thuật vào chiến trường. Miền Đông Nam bộ lúc này trở thành tụ điểm các cánh quân, địa bàn tập kết lực lượng và vật chất của chiến dịch.

Lực lượng tại chỗ ở Nam bộ lúc này gồm chủ lực Miền, lực lượng vũ trang các quân khu... đẩy mạnh các hoạt động tác chiến đánh chiếm bàn đạp, tạo thuận lợi để các cánh quân phía Bắc vào triển khai.

Ở khu vực miền Đông Nam bộ; nhân dân giúp chủ lực Miền mở đường, sửa đường quân sự, cầu phao, làm ngầm qua sông Bé, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông... lập thêm kho bãi tiếp nhận hàng hóa vật chất...

Sư đoàn 6 chủ lực Miền, phối hợp lực lượng vũ trang địa phương diệt và bức rút một số đồn bốt địch trên Quốc lộ 13, đánh chiếm một số đoạn đường trên Quốc lộ 1 (từ núi Chứa Chan đến Rừng Lá, dài hơn 50 km). Bộ đội địa phương Bà Rịa – Long Khánh giải phóng một số xã ngoại vi Xuân Lộc như: Bảo Vinh, Bảo Định, Bảo Bình, Bình Lộc, Đồn điền Cao su Ông Quế; các xã vùng ven thị xã Long Khánh được giải phóng, tạo điều kiện rất thuận lợi để chủ lực áp sát tiến công thị xã...

Ở hướng tây nam Sài Gòn: Đoàn 232 và lực lượng vũ trang địa phương diệt và bức rút nhiều đồn bốt địch, giải phóng các khu vực: Bến Cầu, Mộc Bài, An Thạnh, Trà Cao, Quéo Ba, mở đường đưa lực lượng và vật chất triển khai vào hướng tây nam Sài Gòn.

Ở các tỉnh Nam bộ: Sư đoàn 8 (chủ lực Quân khu 8), Sư đoàn 4 (chủ lực Quân khu 9) và lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh hoạt động ở các khu vực Vĩnh Trà (Vĩnh Long, Trà Vinh), diệt yếu khu Ngã Sáu (Mỹ Tho)... cắt một số đoạn trên Quốc lộ 4...

Quân đoàn 4 (chủ lực của Miền), từ 10-3 đã phối hợp với Tây Nguyên đánh liên tiếp nhiều trận, tiêu diệt được nhiều địch, giải phóng chi khu Dầu Tiếng, thị xã An Lộc, Chơn Thành, mở rộng địa bàn rất thuận lợi hướng bắc Sài Gòn, giam chân Sư đoàn 25 địch ở Trảng Lớn, Tây Ninh và uy hiếp cả Sư đoàn 5 của địch đang phòng ngự ở Lai Khê, Bến Cát.

Cuối tháng 3 đầu tháng 4, Quân đoàn 4 chuyển lực lượng từ tây bắc và bắc Sài Gòn về đông Định Quán, giải phóng thị xã Lâm Đồng – Di Linh.

Ngày 2-4-1975: Bộ Chỉ huy Chiến dịch giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 mở đợt đánh lớn vào Sư đoàn 18 của địch ở thị xã Long Khánh (tỉnh Long Khánh cũ). Lực lượng Quân đoàn 4 lúc này gồm: Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 (Quân khu 7) (Sư đoàn 9 được Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định đảm nhiệm trên hướng tây, tây nam Sài Gòn trong đội hình Đoàn 232 vì Sư đoàn 9 đã có kinh nghiệm đánh trên hướng này năm 1968).

Như vậy, lực lượng tham gia Chiến dịch Xuân Lộc lúc đầu có: Quân đoàn 4 (gồm 3 sư: 7, 341, 6) và lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Quân khu

7. Tư lệnh Quân đoàn 4 lúc này là Thiếu tướng Hoàng Cầm, Chính ủy là Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện. Các đơn vị trong Quân đoàn 4 có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, lúc này lần đầu tiên đang đứng trước một kẻ địch cùng đường, liều mạng; "một cuộc thí quân, thí tướng của Mỹ, nguy trước nguy cơ sụp đổ".

II. DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

1. Chủ trương, cách đánh của Quân đoàn

Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân đoàn nhận định rằng: Xuân Lộc là khu vực phòng thủ mạnh, địch tập trung khá lớn lực lượng để giữ Xuân Lộc - Long Khánh bằng mọi giá. Vì Mỹ – nguy xác định: "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn".

Lực lượng tham chiến của ta ít hơn địch, nhất là các đơn vị binh chủng (có 9 xe tăng, 4 khẩu pháo 130mm, 18 khẩu 105 đến 122 mm, đạn pháo ít...).

Địa hình phức tạp, các mục tiêu trong thị xã, do đó ta bị hạn chế khi sử dụng pháo bắn thẳng chỉ viện cho bộ binh...

Nhưng từ kinh nghiệm đánh các trận ở Xuân, Chúp, Snun, An Lộc (1971-1972), Quân đoàn xác định: đối với điểm phòng thủ mạnh như Xuân Lộc, phải lấy diệt địch bên ngoài là chính, tạo thế bao vây cô lập, khi có thời cơ sẽ tiến công cứ điểm. Do đó, Đảng ủy Quân đoàn đề ra phương châm tác chiến là "đánh chắc, tiến chắc", nhưng địch đang hoang mang, dao động, cần phải "khẩn trương, táo bạo", sử dụng một bộ phận bộ binh, tập trung toàn bộ xe tăng, pháo binh tiến công thẳng vào sở chỉ huy tiểu khu và Sư đoàn 18, nếu địch tan vỡ thì nhanh chóng đánh chiếm Xuân Lộc.

Sử dụng lực lượng:

Sư đoàn 7 tiến công hướng chủ yếu, từ phía đông đánh chiếm căn cứ Sư đoàn 18.

Sư đoàn 341 tiến công hướng thứ yếu, từ phía bắc đánh chiếm tiểu khu Long Khánh và các mục tiêu trong thị xã.

Sư đoàn bộ binh 6 làm nhiệm vụ diệt địch ở khu vực ngã ba Dầu Giây, địch tăng viện phản kích, tháo chạy từ phía tây thị xã...

2. Diễn biến chính

5 giờ 40 ngày 9-4: Quân đoàn nổ súng tiến công, pháo binh Quân đoàn, các sư đoàn tập trung bắn, một giờ sau, bộ binh bắt đầu xung phong.

Hướng bắc: Trung đoàn 266 của Sư đoàn 341 thọc sâu đánh chiếm khu thông tin, khu cố vấn Mỹ, khu cảnh sát... các mũi phát triển thuận lợi.

9 giờ 30: địch phản kích mạnh buộc Trung đoàn 266 phải dừng lại bên ngoài sở chỉ huy tiểu khu.

Hướng đông: Trung đoàn 165 của Sư đoàn 7, có 8 xe tăng dẫn đầu đánh chiếm căn cứ Sư đoàn 18 nguy. Địch kháng cự quyết liệt, ta chiếm được một phần hậu cứ Chiến đoàn 52.

Ở vòng ngoài thị xã: Trung đoàn 270 của Sư đoàn 341, Trung đoàn 209 của Sư đoàn 7 đánh bại 2 tiểu đoàn, diệt 7 xe tăng của 2 chiến đoàn 43 và 48 từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện, giải phóng ấp Bảo Toàn. (Cách thị xã 4 km về hướng đông nam).

Khu vực ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 diệt 5 chốt địch từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con trên Quốc lộ 1, buộc Chiến đoàn 52 phải bỏ Túc Trưng về giữ ngã ba Dầu Giây.

Trong ngày đầu tiên, kết quả khá tốt, riêng hướng Sư đoàn 7 chưa đột phá được, lực lượng bị tiêu hao, Quân đoàn quyết định tiến công tiếp, diệt Sư đoàn 18, giải phóng thị xã Long Khánh.

Ngày 10-4:

Ở hướng chủ yếu, Sư đoàn 7 đưa Trung đoàn dự bị 141 vào đột phá từ hướng bắc, cùng Trung đoàn 165 đánh căn cứ Sư đoàn 18. Địch điều Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp ra phản kích quyết liệt. Trung đoàn 141 chỉ chiếm được ngã tư phía đông nam hậu cứ Chiến đoàn 52. Trung đoàn 165 chiếm được khu gia binh. Trung đoàn 209 tiến công thị xã từ phía nam, đánh thiệt hại Chiến đoàn 43, Trung đoàn phải dừng lại phòng ngự trước tuyến phòng ngự dã ngoại của địch ở nam sân bay...

Hướng thứ yếu: Sư đoàn 341 đưa thêm Trung đoàn 270 vào cùng Trung đoàn 266 đánh địch phản kích, giữ các mục tiêu đã chiếm được trong thị xã. Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 7 của Trung đoàn 266, 4 lần đột phá vào sân bay nhưng đều bị đánh hất trở lại. Các mũi tiến công khác vào trại Lê Lợi đã giằng co quyết liệt trong tầm bom pháo của địch...

Ngày 11-4: ta và địch giằng co quyết liệt cả bên trong và ngoài thị xã.

Ngày 12-4: địch tăng cường Lữ dù 1 từ Sài Gòn xuống ngã ba Tân Phong.

Ba ngày sau (15-4): địch tăng cường thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 5, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chi đoàn xe tăng đưa số xe tăng ở đây lên 300 chiếc.

Vậy là, lực lượng địch ở đây đã chiếm 50% bộ binh, 60 % pháo binh, hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị tương đương 1 sư đoàn. Địch huy động đến mức cao nhất không quân ở Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ chi viện cho Xuân Lộc để kéo dài ngày tận số. Cùng đường, địch đã ném cả bom CBU (loại có sức hủy diệt lớn) gây nhiều khó khăn cho các mũi tiến công của ta.

Do tính chất sống còn đối với một chế độ, địch tập trung mọi khả năng cố giữ Xuân Lộc, các hướng, mũi của Quân đoàn chiến đấu rất kiên cường; sau 3 ngày chiến đấu ta chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ một số bàn đạp quan trọng, nhưng do tính chất phòng ngự mạnh của địch trong thị xã, nhiều mục tiêu, quân số đông, binh khí kỹ thuật mạnh, có công sự vững chắc... đã gây cho ta thương vong tương đối lớn. (hướng Sư đoàn 7 thương vong 300 đồng chí. Hướng thứ yếu Sư đoàn 341, thương vong 1200 đồng chí, 6 xe tăng của ta bị bắn cháy và hỏng, pháo 85 và 57 hỏng gần hết vì bom, pháo...).

Trước sự phát triển phức tạp của tình hình tại Xuân Lộc, được Bộ Chỉ huy

Chiến dịch chỉ đạo, Quân đoàn 4 đã nghiên cứu quyết định thay đổi cách đánh. *"Khi địch đã dồn quân vào để cố cứu thị xã Long Khánh thì ta không cần tập trung lực lượng tiếp tục đánh thẳng vào đấy nữa, mà chuyển lực lượng đánh các đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài đang thiếu công sự, và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau; dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hòa, không cho máy bay chiến đấu của địch cất cánh".*

Thực hiện cách đánh mới:

Bộ Tư lệnh Quân đoàn quyết định ngừng tiến công vào thị xã; các Trung đoàn 165 của Sư đoàn 7, Trung đoàn 266 của Sư đoàn 341 giữ vững những bàn đạp đã chiếm được, thực hiện nghi binh...; Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B của Sư đoàn 325 (thuộc Quân đoàn 2 – mới được tăng cường) đánh chiếm Dầu Giây và Núi Thị, chiếm thêm đoạn Quốc lộ 1 và 20, thực hiện chốt chặn, diệt địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích; Trung đoàn 209 của Sư đoàn 7 chặn đánh Lữ đoàn dù 1 trên hướng đông bắc...

Trong khi ta chuyển thế trận và cách đánh, địch lại tưởng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Nguyễn Văn Thiệu tuyên truyền rùm beng về "chiến thắng Xuân Lộc", về "châm dứt thời kỳ rút lui", còn "đủ mạnh để giữ vững chế độ". Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 ngụy huênh hoang tuyên bố: "sẽ đánh một trận oai hùng cho thế giới biết và để cho Mỹ cho thêm viện trợ"; "Việt cộng có thêm mấy sư đoàn nữa cũng không chiếm được Long Khánh... Việt cộng muốn qua Long Khánh phải bước qua xác của Đảo này"...

Rạng sáng 15-4, pháo 130mm của ta bắn phá sân bay Biên Hòa, cùng lúc Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B bằng 5 trận vận động tập kích diệt Chiến đoàn 52 ở khu vực Dầu Giây. Quốc lộ 1 từ Xuân Lộc đến Bàu Cá bị cắt, đoạn Quốc lộ 20 từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây do ta làm chủ...

Ngày 16 và 17-4: Lữ đoàn 3 thiết giáp với 200 xe tăng, xe thiết giáp cùng Chiến đoàn 8 của Sư đoàn 5 ra phản kích, dưới sự chi viện của hơn 100 khẩu pháo và 125 lượt chiếc một ngày của không quân, trận chiến diễn ra ác liệt ở Hưng Nghĩa và cao điểm 122; Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B diệt gọn 1 tiểu đoàn, bắt hơn 100 tên địch, đẩy địch xuống Bàu Cá, địch phải ngừng phản kích.

Trong khi đó Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 liên tục quần nhau với địch, đánh tan tác 2 Chiến đoàn 43 và 48 của Sư đoàn 18, diệt một bộ phận quân dù; bộ đội địa phương và du kích Xuân Lộc diệt và bức rút nhiều đồn bót địch trên các trục đường giao thông và vùng ven thị xã...

Cùng thời gian đó, cánh quân phía đông của ta (Quân đoàn 2) tiến theo Quốc lộ 1, ngày 16-4 đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân, ngày 18-4 đến Rừng Lá gần Xuân Lộc.

Trước nguy cơ bị bao vây và bị tiêu diệt, địch ở Xuân Lộc tháo chạy tán loạn theo đường số 2 về Bà Rịa.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn lệnh cho tất cả các đơn vị truy kích địch; Sư đoàn 341 đánh chiếm Núi Thị và các mục tiêu còn lại trong thị xã, phát triển xuống Đồn điền Cao su Ông Quế; Sư đoàn 7 đánh chiếm nam Tân Phong, chặn đường số 2; Sư

đoàn 6 chặn địch ở khu vực Đồn điền Cao su Ông Quế...

Ngày 21-4, thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc sụp đổ, Lê Minh Đảo cùng các đơn vị sống sót của Sư đoàn 18 tháo chạy.

Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc, trong hơn 10 ngày chiến đấu, Quân đoàn cùng các lực lượng vũ trang địa phương Quân khu 7, đặc biệt là lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh đập tan tuyến phòng thủ mạnh nhất ở Xuân Lộc của địch, diệt và đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe tăng, xe bọc thép, một số đơn vị pháo binh, biệt động, quân dù... tiêu diệt hơn 2056 tên, bắt 2785 tên, thu và phá hủy 56 ô tô, 42 xe tăng, xe bọc thép, 1499 súng các loại (trong đó có 14 khẩu pháo 105 đến 155mm và nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch); mở toang cánh cửa thép phía đông, tạo ra một thế trận mới rất có lợi để đại quân ta tiến về giải phóng Sài Gòn – Gia Định trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử...

III. NHỮNG BÀI HỌC RÚT RA TỪ CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC

Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, sau 28 năm nhìn lại, chúng ta một lần nữa khẳng định ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng đặc biệt của nó đối với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đập tan tuyến phòng thủ then chốt nhất của địch ở Xuân Lộc đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn. Trong cơn tuyệt vọng cuối cùng, "cánh cửa thép" Xuân Lộc ở hướng đông Sài Gòn bị đổ vỡ, đã tác động trực tiếp đến cả bộ máy nguy quyền Sài Gòn đang trên đà suy sụp lại càng thêm suy sụp hoảng loạn, từ các thành phần đầu não chớp bu đến binh lính. Vì chúng xác định: "Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn"...

Giải phóng Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh, Quân đoàn 4 và các lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã tạo ra một thế trận mới rất quan trọng, mở rộng cửa phía đông Sài Gòn cho cánh quân hướng đông (Quân đoàn 2, Sư đoàn 3 của Quân khu 5 và các lực lượng khác) của ta nhanh chóng tiến vào khu vực tập kết đúng thời gian quy định, chuẩn bị trực tiếp cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng – Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Với Quân đoàn 4, Chiến dịch Xuân Lộc là trận đánh ác liệt nhất, cũng là thử thách oanh liệt nhất trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 và kể từ ngày thành lập.

Trước một kẻ địch cùng đường, liều mạng thí quân thí tướng hòng cứu vãn sự sụp đổ đang trên đà trượt dốc; với ý chí quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ toàn Quân đoàn, với sự nhạy bén, tinh táo trong chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch của Bộ Tư lệnh Quân đoàn, chỉ huy các cấp; với sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, Quân đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao mặc dù lực lượng, phương tiện của ta không hơn địch. Qua 13 ngày diễn biến của chiến dịch (từ 9 đến 21-4-1975), với nhiều tình huống quyết liệt, phức tạp, cùng kết quả đã giành được, Chiến dịch Xuân Lộc là một bước phát triển có ý nghĩa rất quan trọng về nghệ thuật tổ chức và thực hành chiến dịch tiến công quy mô cấp quân đoàn.

Qua nghiên cứu, rút ra mấy bài học kinh nghiệm sau:

1. Nắm chắc tình hình, dự đoán đúng, hạ quyết tâm chính xác

Với chiến dịch tiến công qui mô quân đoàn, từ khi nhận nhiệm vụ đến khi nổ súng tiến công chỉ trong khoảng thời gian gần 8 ngày đêm (từ 2 đến 9-4) quả là rất gấp. Việc nắm chắc tình hình mọi mặt để hạ quyết tâm chiến đấu kịp thời, chính xác là việc không ít khó khăn, phức tạp. Đặc biệt, địch phòng thủ khá mạnh, nhiều mục tiêu có công sự vững chắc trong thị xã và các khu vực phụ cận, nó trở thành khu vực phòng thủ then chốt nhất, được chi viện bởi hỏa lực của xe tăng, pháo binh, không quân, sẵn sàng được ứng cứu tăng viện bằng đường bộ và đường không từ Biên Hòa, Trảng Bom... Mặt khác, địa hình khu vực tác chiến, nhất là trong thị xã khá phức tạp... Song trước tình hình nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã nhanh chóng nắm chắc tình hình mọi mặt, hạ quyết tâm chính xác, bảo đảm nổ súng tiến công đúng thời gian quy định. Qua đó, bài học kinh nghiệm rút ra là dù trong điều kiện nào, nhất là khi thời gian chuẩn bị chiến đấu gấp, người chỉ huy phải thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình về địch, ta, địa hình, lực lượng vũ trang địa phương... trên cơ sở đó nhanh chóng xây dựng quyết tâm chiến đấu kịp thời chính xác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trên giao.

Muốn vậy, người chỉ huy phải có những biện pháp nắm tình hình linh hoạt, qua các kênh thông tin, tự suy đoán để sẵn sàng hạ quyết tâm một cách nhanh chóng, chính xác.

Đối với cơ quan tham mưu, nhất là trinh sát các cấp phải luôn tìm mọi biện pháp nắm chắc diễn biến tình hình, đặc biệt là về địch giúp chỉ huy hạ quyết tâm thuận lợi và nhanh chóng.

2. Nhảy bén, mạnh dạn chuyển phương thức chiến đấu khi thời cơ có lợi

Sau 3 ngày tổ chức tiến công vào thị xã Long Khánh (Xuân Lộc), ta đã giành được một số thắng lợi quan trọng, nhưng khi thấy khả năng không dứt điểm thị xã, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã hạ quyết tâm chuyển sang bao vây chia cắt, diệt Chiến đoàn 52, đánh địch tăng viện làm cho địch ở Xuân Lộc bị cô lập, dẫn tới phải rút bỏ Xuân Lộc.

Qua thực tế đó, bài học chúng ta rút ra là phải thường xuyên nắm chắc diễn biến tình hình, mạnh dạn chuyển cách đánh khi thời cơ có lợi xuất hiện. Trong một chiến dịch quy mô lớn, hay một trận chiến đấu, tình huống diễn biến hết sức phức tạp và mau lẹ, người chỉ huy không nắm được diễn biến tình hình, không có tư duy nghệ thuật quân sự, không quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm thì cũng không có cách giải quyết vấn đề một cách tốt nhất, linh hoạt nhất để giành thắng lợi.

Đối với mỗi người chỉ huy trong quá trình học tập cũng như trong thực tiễn chỉ huy đơn vị, nếu không học tập, nghiên cứu tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghệ thuật quân sự thì cũng không thể nói đến bản lĩnh nghề nghiệp. Không có tư duy sáng tạo quyết đoán, không thể giải quyết các tình huống chiến đấu một cách chính xác.

3. Bảo đảm tốt cho chiến đấu

Trong tác chiến, các mặt bảo đảm là yêu cầu rất quan trọng và cần thiết. Nó phản ánh sự chuẩn bị chu đáo của các cấp trong chiến dịch cũng như trong chiến đấu. Nếu không nắm chắc địch, địa hình, không nắm được tình hình lực lượng ta cả trước và trong quá trình chiến đấu không thể giúp cho người chỉ huy hạ quyết tâm chính xác. Tổ chức thông tin liên lạc không tốt sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ huy, hiệp đồng nhất là qui mô chiến dịch. Các mặt bảo đảm khác như: công binh, hậu cần, kỹ thuật... đều tác động ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình chiến đấu. Do đó, đối với người chỉ huy, ngoài việc rèn luyện bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, tác phong chỉ huy quyết đoán, còn cần phải tỉ mỉ, sâu sát, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cấp dưới quyền thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các mặt bảo đảm. Đồng thời, mỗi ngành, mỗi cơ quan đơn vị theo chức năng chuyên môn phải chấp hành nghiêm chỉ thị mệnh lệnh người chỉ huy, hiệp đồng, tương trợ lẫn nhau làm tốt các mặt bảo đảm, tất cả vì mục tiêu chiến thắng.

Qua nghiên cứu Chiến dịch Xuân Lộc, tổ chức và thực hành chiến dịch, với đặc điểm và tính chất của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, đặt ra cho nghệ thuật chiến dịch một số vấn đề cần nghiên cứu để tiếp tục phát triển và hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu của chiến lược trong tình hình mới.

- Vận dụng những kinh nghiệm quý trong tổ chức chuẩn bị và thực hành các chiến dịch cho phù hợp với điều kiện của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm cơ sở để huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ và bộ đội.

- Dự kiến khả năng và tình huống chiến tranh có thể xảy ra, dựa trên thế trận chiến tranh nhân dân từng bước được xây dựng và hoàn thiện để chuẩn bị sẵn sàng thế trận chiến dịch trên một số hướng chiến lược quan trọng, bảo đảm giành quyền chủ động về chiến dịch ngay từ đầu chiến tranh.

- Nghiên cứu cách đánh chiến dịch để đánh bại các biện pháp tác chiến của địch như kết hợp tiến công đường bộ với đồ bộ đường không, đường biển, tập kích chiến lược, kết hợp tiến công quân sự với bạo loạn, lật đổ.

- Cải tiến phương pháp tác phong công tác chỉ huy, tham mưu, công tác Đảng, công tác chính trị, công tác hậu cần, kỹ thuật chiến dịch phù hợp với điều kiện tác chiến khẩn trương, ác liệt, thời gian chuẩn bị gấp.

- Cần nghiên cứu nâng cấp bổ sung trang bị hiện đại, tác chiến điện tử để đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại; bảo đảm đủ khả năng đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

N.Đ.X.

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHỆ THUẬT CHIẾN DỊCH CẦN NGHIÊN CỨU RÚT KINH NGHIỆM

Đại tá TRẦN NGỌC THỎ*

Có thể nói, kể từ khi Chiến thắng Xuân Lộc đến nay, báo chí nước ngoài (nhất là các thông tin quân sự) viết về Xuân Lộc khá nhiều, nhưng ở nước ta dường như rất ít viết về nó, họa chăng chỉ có Quân đoàn 4 và Đồng Nai – chủ thể Chiến thắng Xuân Lộc hàng năm có một số tin, bài kỷ niệm mà thôi. Phải chăng chúng ta cho rằng Xuân Lộc là chiến dịch của lực lượng tại chỗ, của miền Đông Nam bộ. Có thể chúng ta chưa hiểu hết giá trị đích thực, tuyệt vời, tầm vóc lớn lao mang ý nghĩa quyết định của Chiến dịch Xuân Lộc trước khi cả nước bước vào trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm. Hay là vì một số hạn chế của nghệ thuật chiến dịch dẫn tới tổn thất của trận Xuân Lộc mà không cần nghiên cứu nữa. Hoặc Chiến dịch Xuân Lộc không do cấp chiến lược chỉ huy nên ít quan tâm tổng kết rút kinh nghiệm...

Khi rút kinh nghiệm, người ta không chỉ khai thác những gì là ưu điểm, mà cần nghiên cứu tìm hiểu cả những hạn chế và thiếu sót, vì có khi trong thất bại lại chứa đựng những vấn đề mang tính kinh nghiệm sâu sắc. Thành ngữ “thất bại là mẹ thành công” chỉ có được với những ai dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, dám sửa chữa sai lầm, quyết tâm đứng thẳng dậy sau lần vấp ngã. Bác Hồ kính yêu dạy chúng ta: *“Khi thành công thì phải nghiên cứu vì sao thành công để rút kinh nghiệm. Khi thất bại cũng phải xem xét lại, vì sao thất bại để mà tránh đi”*.

Chiến dịch tiền công giải phóng Xuân Lộc là một bộ phận của đợt tác chiến tạo thế của lực lượng vũ trang nhân dân ta chuẩn bị cho Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định. Chiến dịch Xuân Lộc do Quân đoàn 4 – Quân đoàn chủ lực tại chỗ cùng với Quân khu 7 thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Miền. Với phương châm tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, dựa vào thế trận chung của toàn chiến trường sau thắng lợi của hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng, Quân đoàn 4 đã dốc sức vào Chiến dịch Xuân Lộc với quyết tâm và khả năng cao nhất.

Trước khi bước vào chiến dịch quan trọng này, trung tuần tháng 3 năm 1975, Quân đoàn đã phối hợp với Tây Nguyên hoạt động tác chiến tích cực giải phóng chi khu Dầu Tiếng, An Lộc, Chơn Thành, giam chân Sư đoàn 25 địch ở Trảng Lớn – Tây Ninh, đồng thời uy hiếp Sư đoàn 5 địch ở Lai Khê – Bến Cát; tham gia giải phóng Tuyên Đức, Lâm Đồng... Cho nên đánh Xuân Lộc, Quân đoàn gặp khó khăn về lực lượng.

(*) Hiệu trưởng trường Quân sự Quân khu 7.

Phân tích qui mô và tính chất các chiến dịch và trận đánh trước đó, cùng với Buôn Ma Thuật, Xuân Lộc đã thể hiện sự ác liệt vô cùng. Ở chỗ Buôn Ma Thuật là trận đánh mở màn cuộc Tổng tiến công chiến lược, còn Xuân Lộc không chỉ là thắng lợi của chiến dịch tạo thế, mở toang cánh cửa thép phía đông tiến vào Sài Gòn, mà còn là một chiến dịch tiêu diệt sinh lực địch, đồng thời hàm chứa nhiều giá trị khác trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Hai trận đánh trên có thể là đồng nghĩa: *“Bất ngờ về chiến thuật, đột biến về chiến dịch và làm rung chuyển chiến lược, tạo đà phá vỡ chiến lược kết thúc chiến tranh”*.

Từ tiếp cận nghệ thuật quân sự Việt Nam cho thấy trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ta đã thực hiện từ 50 đến 60 chiến dịch quân sự lớn nhỏ, nhưng không chiến dịch nào giống nhau, mỗi chiến dịch đều để lại những giá trị riêng của nó. Với Chiến dịch Xuân Lộc còn để lại quá nhiều những dấu hỏi lớn, đòi hỏi chúng ta nghiêm túc, khoa học và dũng cảm tìm ra những lời giải đúng đắn nhất.

I. Nghệ thuật chọn mục tiêu

Xuân Lộc là mục tiêu quan trọng nhất mà Bộ Tư lệnh Miền chọn để tiến công tiêu diệt trong đợt tác chiến tạo thế cho giải phóng Sài Gòn. Cơ sở thực tiễn của vấn đề này là ở chỗ: vòng cung phòng thủ vòng ngoài Sài Gòn từ hướng tây – bắc theo chiều kim đồng hồ đến đông nam Sài Gòn (tức là từ Tây Ninh đến Vũng Tàu) địch bố trí 3 sư đoàn chủ lực thiện chiến bậc nhất, gồm Sư đoàn 25 ở Trảng Lớn – Tây Ninh, Sư đoàn 5 ở Lai Khê – Bến Cát, Sư đoàn 18 ở Xuân Lộc – Long Khánh. Xuân Lộc là khu vực phòng ngự trọng yếu của địch ở Quân khu 3, bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, là một trọng điểm của tuyến phòng ngự Xuân Lộc – Biên Hòa – Bà Rịa – Vũng Tàu. Xuân Lộc là điểm tựa hậu thuẫn vững vàng của phòng tuyến Phan Rang. Xuân Lộc là “cánh cửa thép” – ngã tư quan trọng phát triển bốn hướng theo bốn trục đường Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, số 2 và số 3. Nhưng chủ yếu là án ngữ hai con đường lớn Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 về Sài Gòn. Thực tế cho thấy Xuân Lộc là mắt xích quan trọng nhất thuộc tuyến phòng thủ từ xa của địch, chúng từng rêu rao là “phòng tuyến bất khả xâm phạm”, là “cái máy nghiền các binh đoàn Việt cộng”.

Trong số 5 sư đoàn địch bảo vệ vòng ngoài Sài Gòn (Sư đoàn 5, Sư đoàn 7, Sư đoàn 18, Sư đoàn 22, Sư đoàn 25) thì Sư đoàn 18 đứng ở Xuân Lộc còn nguyên về lực lượng, lại được đầu tư xây dựng từ chân tơ kẽ tóc, được chi viện tối đa về hỏa lực, được tăng cường các đơn vị dự bị chiến lược cuối cùng của quân ngụy. Ở Xuân Lộc, địch đã sử dụng toàn bộ khả năng hiện có để chống lại cuộc tiến công của ta. Chúng đã vét những đơn vị cuối cùng ném vào đây thực hiện cuộc thí tửng nướng quân để ngăn chặn quân ta, chờ đợi mùa mưa để phản công hoặc tìm kiếm một giải pháp cứu vãn sự sụp đổ.

Ta đánh Xuân Lộc là thực hiện phương châm “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Táo bạo – bất ngờ: là khi phòng tuyến Phan Rang của địch đã hình

thành, toàn bộ trục Phan Rang đến Sài Gòn vẫn do các đơn vị mạnh của địch chiếm giữ. Xuân Lộc nằm sâu phía sau phòng tuyến Phan Rang, quân ta bắt lợi khi triển khai binh khí – kỹ thuật hạng nặng. Trong khi đó các binh đoàn cơ động của ta chưa vào tới nơi, dùng lực lượng tại chỗ để đánh vào khu vực phòng thủ mạnh như Xuân Lộc là một táo bạo – bất ngờ.

Táo bạo – bất ngờ còn thể hiện ở so sánh tương quan lực lượng. Lực lượng ta đánh Xuân Lộc không chiếm ưu thế hơn hẳn địch. Địch ở Xuân Lộc có khoảng 9 trung đoàn, được không quân, pháo binh chi viện, có lực lượng xe tăng – thiết giáp hơn ta gấp nhiều lần; lại là địa bàn đứng chân quen thuộc được xây dựng vững chắc từ trước. Còn quân ta chỉ có 2 sư đoàn đủ, Sư đoàn 6 (thiếu), gần cuối chiến dịch được tăng cường Trung đoàn 95B của Bộ.

Như vậy đánh vào Xuân Lộc, về qui mô do quân đoàn chủ lực tại chỗ thực hiện nhưng ý nghĩa chiến dịch rất lớn, nó quyết định tạo thế thuận lợi cho mục tiêu chiến lược giải quyết dứt điểm chiến trường, chiến tranh kéo dài mấy mươi năm qua. Chọn Xuân Lộc để tiến công đã làm rung động toàn bộ chiến trường, tác động mạnh mẽ làm lung lay toàn bộ tuyến phòng thủ vòng ngoài Sài Gòn, làm cho tuyến phòng thủ Phan Rang – Thành Sơn hấp hối, tạo tâm lý lo sợ hoang mang trong quân đội Sài Gòn. Xuân Lộc bị tiến công làm cho nguy quyền từ chớp bu đến địa phương kinh hoàng, xa hơn làm cho nước Mỹ lo âu bất lực, thế giới bất ngờ và bần chòn. Ta chọn mục tiêu Xuân Lộc dù biết rằng mục tiêu này quá rắn, nhưng là sự chọn đúng đắn và táo bạo; trong thực tế chiến đấu lực lượng ta có tổn thất nhưng Chiến thắng Xuân Lộc vẫn là một minh chứng hùng hồn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về nghệ thuật chọn mục tiêu chiến dịch.

II. Nghệ thuật sử dụng lực lượng

Tiến công Xuân Lộc, Quân đoàn 4 gặp khó khăn về lực lượng. Sư đoàn 9 được Bộ Tư lệnh Miền điều về hướng tây – nam làm nòng cốt cho Đoàn 232 – Cánh quân thứ 5 bao vây tiến công Sài Gòn.

Nhìn lại và phân tích kỹ chúng ta thấy: vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thế và lực của chúng ta đã mạnh. Để tạo bước tiến nhảy vọt cho cách mạng giải phóng dân tộc, để làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân và giáng những đòn quyết định vào quân thù, ta chủ trương xây dựng các binh đoàn chủ lực mạnh. Ở miền Đông Nam bộ xây dựng một tập đoàn chiến lược mạnh gồm Quân đoàn 4, Quân khu 7 và các lực lượng của Miền.

Bước vào Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định, chủ lực miền Đông Nam bộ phải tách ra tạo thành 2 cánh quân trên hai hướng khác nhau. Cánh đông gồm Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 của Quân đoàn 4 cùng Sư đoàn 6 của Quân khu 7. Cánh tây nam gồm Sư đoàn 5 và Sư đoàn 3 của Miền, Sư đoàn 9 của Quân đoàn 4 cùng Sư đoàn 8 và Quân khu 8. Ngoài ra lực lượng còn lại của Quân khu 7 đã cùng Sư đoàn 3 của Quân khu 5 tiến về phía đông giải phóng Bà Rịa – Vũng Tàu. Rõ ràng ta sử dụng lực lượng đánh vào khu vực phòng thủ Xuân Lộc quá mỏng và có

phần đuôi sức. Cho đến phút nổ súng mà không có lực lượng dự bị chiến dịch, đạn pháo lớn và xăng dầu đều thiếu, đây cũng là một trong những nguyên nhân đánh không dứt điểm.

Khoa học và nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch và chiến đấu của ta phải là khoa học và nghệ thuật tạo nên sức mạnh hơn địch để thắng địch. Sức mạnh chiến đấu là tổng hợp các yếu tố thể trận, lực lượng, thời cơ, cách đánh, chính trị tinh thần, khả năng sáng tạo; là sự kết hợp các yếu tố khách quan với sự chỉ đạo chủ quan trong đấu tranh cách mạng, trong đó yếu tố lực lượng đặc biệt quan trọng trong thời kỳ cuối cuộc kháng chiến – khi mà kẻ địch trong thế cùng đường liều lĩnh.

Trong chiến dịch quan trọng như Xuân Lộc không cho phép phân tán dàn đều lực lượng mà phải sử dụng lực lượng đúng lúc, đúng chỗ, đúng thời cơ, đề cao nguyên tắc tập trung lực lượng ưu thế trên khu vực hay trên hướng quyết định trong thời cơ quyết định thì mới giành thắng lợi. Ưu thế về lực lượng được tính đến không chỉ giai đoạn đầu mà phải tính đến các giai đoạn tiếp theo của chiến dịch, của quá trình chiến đấu; không chỉ ưu tiên cho chiến dịch mở màn mà phải ưu tiên cho các chiến dịch tiếp theo, nhất là chiến dịch có ý nghĩa then chốt, quan trọng.

So sánh Chiến dịch giải phóng Phan Rang với Chiến dịch giải phóng Xuân Lộc, ta thấy rằng: Phan Rang – phòng tuyến ngăn chặn từ xa địch mới lập, nhìn chung có tính tạm thời. Khi tiến công, Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 Quân khu 5 trong thế truy kích, thế phát huy chiến quả các chiến dịch trước, có ưu thế mạnh hơn hẳn địch phòng ngự. Chiến dịch giải phóng Phan Rang diễn ra sau Chiến dịch Xuân Lộc 5 ngày là một thuận lợi, lại trong tình trạng Phan Rang bị cô lập, ở phía nam yếu khu áp chiến lược Gia Ray, bót Ngã Ba (giao lộ Quốc lộ 1 và lộ 3), Suối Cát – Bảo Bình đã bị Quân khu 7 giải phóng... càng làm cho Phan Rang nhanh chóng bị tiêu diệt bởi đòn tiến công trên sức của Quân đoàn 2.

Trong Chiến dịch Xuân Lộc, Bộ Tư lệnh Miền có ưu tiên nhất định cho Quân đoàn 4 về mặt hậu cần, về mặt chỉ đạo các hoạt động tạo thế, trinh sát điều nghiên và đánh phối hợp vào phòng tuyến phía đông của địch. Nhưng (theo tôi) ta chưa tạo được ưu thế và sử dụng lực lượng chưa linh hoạt. Về bộ binh: tỷ lệ ta – địch là 1,2 – 1. Về binh khí – kỹ thuật, ta kém địch nhiều mặt, nhất là hỏa lực không quân, pháo binh và xe tăng – thiết giáp. Biết rằng ưu thế không đồng nghĩa với số lượng nhiều hơn về lực lượng. Lực lượng ít hơn nhưng khéo kết hợp các mặt lực và thế, tinh thần ý chí bộ đội, với nghệ thuật chỉ huy đầy thao lược sáng tạo thì có thể biến lực lượng ít hơn thành sức mạnh vượt trội hơn để giành ưu thế chiến thắng.

Nhưng tại sao ngày đầu đột phá Xuân Lộc ta không dứt điểm? Có phải do thiếu lực lượng hay do nghệ thuật chỉ huy? Theo tôi, có nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu trong nhiều năm nữa mới sáng tỏ được. Nổ súng mà không dứt điểm được Xuân Lộc có nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng là do chưa tập trung được sức mạnh (ưu thế) để đột phá vào mục tiêu chủ yếu, nghĩa là còn đuôi về lực lượng và chưa phù hợp về cách đánh.

III. Nghệ thuật chỉ huy (cách đánh chiến dịch)

Cho đến giờ nổ súng, lực lượng ta có thuận lợi vì thế chiến dịch đã được kiến tạo khá vững. Bọn địch ở vòng ngoài Xuân Lộc đã bị dọn sạch, hệ thống vật cản từ xa đã bị lực lượng vũ trang địa phương bóc gỡ, hành lang cơ động và đường tiến quân được chuẩn bị... địa hình rừng dầu non xen kẽ các lô cao su thuận lợi cho giấu quân và tiếp cận mục tiêu... Tình hình đó cho phép ta triển khai binh khí kỹ thuật bí mật và an toàn.

Phân tích diễn biến của Chiến dịch Xuân Lộc nổi lên nét độc đáo là nghệ thuật chiến dịch đánh tiêu diệt địch. Để giữ thế, diệt sinh lực địch và giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh, các đơn vị ta vận dụng nhiều chiến thuật: tiến công, phòng ngự giữ thế bao vây chiến dịch, tập kích, phản kích, đột kích và phản đột kích, chặn diệt viện, phá thế vu hồi của địch, tập kích hỏa lực....

Địch quyết giữ vững Xuân Lộc – Long Khánh bằng mọi giá nhưng lại phòng thủ bằng cách rất đơn giản là dùng hỏa lực đẩy ta ra xa, giữ vững căn cứ trận địa, phản kích chiếm lại mục tiêu bị mất, đột kích vào trận địa ta khi thời cơ cho phép kết hợp vu hồi bên sườn. Không quân và pháo binh địch đánh phá quyết liệt vòng ngoài và trận địa ta suốt ngày đêm với cường độ ác liệt tới đa. Từ nhận thức mất Xuân Lộc là mất hết nên kẻ thù điên cuồng chống giữ, ngoan cố tử thủ Xuân Lộc.

Cách đánh trong Chiến dịch Xuân Lộc có lẽ phải là người trong cuộc mới hiểu thấu đáo hơn, ở đây xin được trình bày một số nghiên cứu cá nhân:

Thứ nhất: mở màn Chiến dịch, ta đồng loạt nổ súng tiến công đánh chiếm các mục tiêu có công sự liên hoàn vững chắc, trong làn mưa bom – pháo dày đặc của kẻ cùng đường tử thủ là một cách đánh liều lĩnh; cho dù có chiếm được một phần công sự của địch thì cũng không có thể phát triển. Và lại, Long Khánh (Xuân Lộc) là một thị xã đồng thời là một khu vực phòng thủ có thể giữ và thế đánh, cho nên các thủ đoạn chiến đấu công kiên của bộ đội ta không có kết quả vì ta mất ưu thế.

Thứ hai: chưa có sự kết hợp hai lực lượng (chính trị và quân sự), ba mũi giáp công (tiên công quân sự, tiên công chính trị, tiến hành binh địch vận), thế trận cũng như mục tiêu chiến dịch (tiên công tiêu diệt địch và nổi dậy của quần chúng). Ở Xuân Lộc, thực hiện được những vấn đề trên đây là rất khó vì địch cùng đường, tử thủ, nhưng không phải không làm được. Ở vòng ngoài ta làm rất tốt nhưng trong thị xã không kết hợp được.

Thứ ba: Chiến dịch Xuân Lộc là một thực tiễn điển hình về sự nhạy bén chuyển đổi cách đánh chiến dịch. Hiệu quả ngày đột phá đầu tiên quá thấp, đánh không dứt điểm, bộ đội ta thương vong, một số đơn vị tổn thất lớn đã đặt cấp chỉ đạo chiến lược, chiến dịch thay đổi cách đánh khác phù hợp với thực tế chiến trường. Đó là: thực hiện bao vây cô lập Xuân Lộc; đánh tiêu diệt lực lượng địch phản kích; phòng ngự giữ vững các mục tiêu đã chiếm được; dùng pháo tầm xa bắn phá không chế sân bay Biên Hòa và các trận địa pháo của địch, đưa pháo cận chiến

(hỏa lực đi cùng) tiêu diệt từng ổ đề kháng của địch; thực hiện đánh tiêu diệt các trung đoàn địch ở vòng ngoài Xuân Lộc; chớp thời cơ tổ chức tiến công vào thị xã. Với cách đánh này địch ở Xuân Lộc hoàn toàn bị tê liệt, mất thế, nhiều đơn vị địch bị tiêu hao – tiêu diệt. Một số đơn vị thiện chiến của địch không ngóc đầu dậy được vì pháo binh ta đánh quá chính xác và dày đặc, bộ binh ta vây ép địch tại chỗ.

Thứ tư: nghệ thuật sử dụng pháo binh của ta ở Xuân Lộc theo tôi phải đi vào sách giáo khoa của binh chủng. Pháo tầm xa của ta đánh chính xác vào sân bay và các trận địa pháo địch. Những đợt đấu pháo giữa pháo binh ta và địch kéo dài mà phần thắng thuộc về pháo binh cách mạng, do ta liên tục cơ động chuyển dịch vị trí. Pháo binh ta đã thực hiện sự chi viện đặc lực cho bộ đội trong suốt Chiến dịch (tính từ khi thay đổi cách đánh).

Hỏa lực cận chiến của ta rất hiệu quả, tiêu diệt xe tăng – thiết giáp, xe cơ giới, lô cốt và vật cản. Nghệ thuật chiến đấu và hiệp đồng binh chủng của Quân đoàn 4 đã hiệu quả hơn, phát triển hơn nhiều so với Chiến dịch đường 14 Phước Long.

* * *

Xuân Lộc là đòn tiến công quân sự lớn nhất kể cận Sài Gòn, là chiến dịch giáng cho quân địch thiệt hại nặng nề nhất trước giờ vào Chiến dịch tổng công kích Sài Gòn. Đồng thời Xuân Lộc cũng là đòn tâm lý, ở chỗ:

Luôn tạo cho địch một niềm tin giả tạo để địch bỏ đi những tính toán, âm mưu ảnh hưởng tới thể tiến công chiến lược của ta và bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân.

Khi bị thất thủ dẫn đến niềm tin bị sụp đổ, tinh thần bị kiệt quệ, lực lượng bị tan rã không cứu vãn nổi.

Xuân Lộc và sự ác liệt của nó đã nâng cao tinh thần, ý chí chiến đấu của bộ đội ta, kích thích lòng quả cảm, kiên cường, sáng tạo của người chiến sĩ cách mạng.

Quân đoàn 4 và Quân khu 7 là lực lượng tại chỗ, nên ít nhiều biểu hiện lòng tự ái và tự trọng. Trong chiến đấu ai mà chả muốn được tăng cường thêm lực lượng để nhẹ gánh. Nhưng khi không được tăng cường (ngoài Trung đoàn 95B Bộ tăng cường vào giai đoạn sau của Chiến dịch) thì thể hiện tâm lý tự lực cánh sinh, khơi dậy quyết tâm chiến đấu cao độ để hoàn thành nhiệm vụ.

Có Xuân Lộc 13 ngày thì phòng tuyến Phan Rang – Thành Sơn của địch mới nhanh chóng bị đập tan; đường tiến của Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 (Quân khu 5) mới thuận lợi.

Tiến công Xuân Lộc, lực lượng ta có tổn thất. Và Xuân Lộc đã thu hút lực lượng thiện chiến và tinh nhuệ của địch, thu hút lượng lớn bom và pháo địch để ta đánh tiêu diệt, tiêu hao.

Đánh Xuân Lộc là ta kéo địch ra xa Sài Gòn để thực hiện đánh tiêu diệt. Thử

hỏi nếu không có Xuân Lộc và Hồ Nai thì tất nhiên địch sẽ co cụm sát vành đai và nội đô, trận chiến sẽ giằng co ác liệt, Biên Hòa và Sài Gòn liệu có tránh khỏi bị tàn phá? Cho nên Chiến dịch Xuân Lộc góp phần cho sự nguyên vẹn của Biên Hòa, Sài Gòn – Gia Định và bảo vệ nhân dân.

Do có Chiến dịch Xuân Lộc nên đợt tác chiến tạo thế cho Chiến dịch Hồ Chí Minh mới nhanh chóng, đúng ý nghĩa của cấp chiến lược, thực hiện mục tiêu chiến lược tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã quân địch, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, kết thúc cuộc chiến tranh vệ quốc kéo dài 30 năm.

Giá trị của Chiến thắng Xuân Lộc không chỉ với phạm vi miền Đông Nam bộ, mà còn đối với giai đoạn cuối cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đối với Chiến dịch Hồ Chí Minh. Nghiên cứu để tìm ra những giá trị đích thực của nó không thể một sớm, một chiều, lại càng không phải do một cá nhân hay một vài bộ phận... mà là trách nhiệm của quân và dân cả nước.

T.N.T

ĐỊA BÀN XUÂN LỘC – LONG KHÁNH VÀ KHÔNG GIAN CHIẾN DỊCH CHIẾN LƯỢC

TS. NGUYỄN HỮU NGUYỄN*

Chiến thắng Xuân Lộc là một bộ phận quan trọng cấu thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 – giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Chiến dịch có quy mô quân đoàn, diễn ra từ ngày 9 đến ngày 21 tháng 4 năm 1975. Thắng lợi của Chiến dịch đã được đánh giá rất cao, được coi như sự đập tan cánh cổng thép phòng thủ phía đông Sài Gòn của địch, tạo điều kiện cho các lực lượng ta tiến công đánh chiếm thành phố. Sử sách đã ghi lại khá đầy đủ về diễn biến và các lực lượng tham gia Chiến dịch, do đó, tham luận không bổ sung thêm tư liệu mà muốn nhân cuộc hội thảo kỷ niệm 28 năm ngày giải phóng Xuân Lộc để khai thác những giá trị kinh nghiệm về nghệ thuật chiến dịch nhằm góp phần vào việc nghiên cứu lý luận nghệ thuật chiến dịch trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh – thành trên địa bàn Quân khu 7 ngày nay.

Những kinh nghiệm của lịch sử để lại không chỉ nằm ở những gì ta đã làm tốt mà còn ẩn chứa trong cả những gì ta chưa làm tốt, từ quan điểm đó tham luận cho rằng cần nhìn lại từ góc độ nghệ thuật chiến dịch để đánh giá một cách khách quan hơn về vai trò, vị trí của Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, trên cơ sở đó rút ra một số kinh nghiệm có thể vận dụng cho ngày nay.

1. Vị trí, vai trò của Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975

Về địa lý quân sự, cả phía ta và địch đều đánh giá rất cao vị trí chiến lược của địa bàn Xuân Lộc – Long Khánh đối với vấn đề phòng thủ và tấn công Sài Gòn. Xuân Lộc – Long Khánh được coi là “cánh cửa thép” phòng thủ phía đông thành phố, mất nó thì khó mà giữ được Sài Gòn, chiếm được nó thì Sài Gòn như đã ở trong tầm tay. Nhìn từ góc độ nghệ thuật chiến dịch thì điều đó có nghĩa là khi nghĩ đến kế hoạch đánh chiếm hoặc phòng thủ Sài Gòn đều không thể bỏ qua vị trí Xuân Lộc và trận đánh ở đây phải là trận then chốt trong chiến dịch tấn công hoặc phòng thủ Sài Gòn.

Về lý thuyết là như vậy nhưng trên thực tế, cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra như sau:

Công trình nghiên cứu *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ 1945 – 1975* (của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam – Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, H.-1994) – viết về cuộc Tổng tiến công

(*) Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

mùa Xuân 1975 như sau: “*Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được mở đầu ở Buôn Ma Thuột và kết thúc ở Sài Gòn, bao gồm một tổng thể các chiến dịch, các đợt hoạt động tác chiến phối hợp với hành động nổi dậy của quần chúng ở địa phương và cơ sở dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau... nổi bật nhất là 3 chiến dịch lớn có ý nghĩa chiến lược....*” đó là Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4 đến 31-3-1975), Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ 20 đến 29-3-1975) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 đến 30-4-1975).

Công trình này đã viết về trận đánh Xuân Lộc như sau: “*Trước khi Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu tiến công, cả miền Đông Nam bộ, nhất là vùng phụ cận Sài Gòn – Gia Định ta đã tiến hành các đợt chiến đấu tạo thế lớn, mở đầu từ ngày 9 tháng 4, tiến công Xuân Lộc ở phía đông và Tân An ở phía tây*”... “*trận chiến đấu ở Xuân Lộc ngay từ đầu đã diễn ra gay go, ác liệt. Các đơn vị Quân đoàn 4 đã phải tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã nhưng không thành công, kế hoạch tiến công Xuân Lộc của ta chưa dự tính hết sự phát triển phức tạp của tình huống, chưa đánh giá hết tính chất ngoan cố và khả năng chống đỡ của kẻ địch... do vậy ta phải chuyển sang bao vây thị xã*”¹.

Cũng theo sách này thì ngày 14 tháng 4 năm 1975 Quân đoàn 2 của ta tấn công Phan Rang, tiếp sau giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân và ngày 20 tháng 4 vào đến khu vực Rừng Lá, uy hiếp trực tiếp Xuân Lộc thì quân địch ở đây mới rút chạy về hướng Bà Rịa.

Thực tế tình hình trên cho ta thấy một số vấn đề cần nghiên cứu:

Một là, trận đánh Xuân Lộc không được coi là chiến dịch mà chỉ gọi là “đợt chiến đấu lớn tạo thế” và không nằm trong Chiến dịch chiến lược giải phóng Sài Gòn vì ngày 8 tháng 4 năm 1975, ta mới thành lập Bộ Tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn (Theo sách 55 năm *Quân đội nhân dân Việt Nam – những sự kiện*), chỉ sau 1 ngày (9-4), Quân đoàn 4 đã nổ súng đánh Xuân Lộc nên trận đánh chưa thể có trong kế hoạch tổng thể và cũng không nằm trong sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh Chiến dịch (lúc đó chưa được đặt tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh) – nói cách khác, Chiến dịch Xuân Lộc là hoạt động mang tính độc lập của Quân đoàn 4 và về mặt thời gian thì nó nằm giữa Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (kết thúc 29-3-1975) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (bắt đầu từ 26-4-1975). Nhìn từ góc độ nghệ thuật chiến dịch thì việc không đưa Chiến dịch Xuân Lộc vào không gian và kế hoạch tổng thể của chiến dịch chiến lược là không tương xứng với vị trí đặc biệt quan trọng của nó trong hệ thống phòng thủ Sài Gòn.

Hai là, Chiến dịch Xuân Lộc gặp nhiều khó khăn trong quá trình chiến đấu, buộc ta phải kéo dài thời gian giành thắng lợi và không diệt gọn được quân địch ở Long Khánh là do những nguyên nhân chính sau đây:

Nguyên nhân thứ nhất là, Quân đoàn 4 bước vào chiến đấu trong điều kiện lực lượng chưa có điều kiện củng cố sau một thời gian dài chiến đấu liên tục và

⁽¹⁾ Sách đã dẫn, tr. 309-310.

căng thẳng: cụ thể là khi vừa mới được thành lập (tháng 12-1974), chưa đủ biên chế trang bị và chưa có thời gian củng cố tổ chức đã phải bước ngay vào Chiến dịch đường 14 – Phước Long kéo dài gần một tháng (từ 13-12-1974 đến 6-1-1975), sau đó các đơn vị hoạt động độc lập liên tục trên nhiều hướng, đến ngày 20 tháng 3 năm 1975 lại mở Chiến dịch đường 20 giải phóng Lâm Đồng – chiến dịch này kéo dài hơn 10 ngày và bộ đội phải cơ động bằng đôi chân trên hàng trăm cây số, Chiến dịch kết thúc ngày 31 tháng 3 và sau đó chưa đầy 10 ngày, Quân đoàn 4 đã bước vào Chiến dịch Xuân Lộc nên thực tế các đơn vị không còn sung sức vì quá trình chiến đấu dài ngày và liên tục đã ảnh hưởng đến sức khỏe của bộ đội và khả năng bổ sung quân số, vũ khí, trang bị của Quân đoàn.

Nguyên nhân thứ hai là, lực lượng của Quân đoàn 4 phải phân tán trên hai hướng của Sài Gòn – Sư đoàn 9 phải chuyển sang hướng tây nên lực lượng chủ yếu đánh Xuân Lộc chỉ còn Sư đoàn 7, các đơn vị mới được tăng cường như Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 cũng đang ở trong tình trạng không sung sức và Quân đoàn 4 chưa nắm chắc về thực lực và các sở trường chiến đấu của từng đơn vị.

Nguyên nhân thứ ba là, thời điểm mở Chiến dịch Xuân Lộc không thuận lợi (ngày 9-4-1975) – lúc đó Quân đoàn 2 của ta vừa kết thúc Chiến dịch Huế – Đà Nẵng được 10 ngày, còn đang vừa đánh vừa mở đường chưa vào đến cực Nam Trung bộ (5 ngày sau khi nổ súng ở Xuân Lộc – tức ngày 14 tháng 4, Quân đoàn 2 mới tới Phan Rang). Ở hướng bắc Sài Gòn, Quân đoàn 1 và Quân đoàn 3 còn đang trên đường hành quân, chưa kịp triển khai thế trận tấn công; ở hướng tây, Sư đoàn 9 và Sư đoàn 5 cũng chưa bắt đầu đánh các mục tiêu lớn, chưa uy hiếp mạnh Quốc lộ 4 nối Sài Gòn với miền Tây... như vậy là trận đánh ở Xuân Lộc không có sự chi viện căng kéo, hiệp đồng chiến đấu một cách chặt chẽ với các cánh khác, do đó địch còn có thể tập trung lực lượng để đối phó với ta.

Nguyên nhân thứ tư là, Quân đoàn 4 chưa có đủ thời gian và điều kiện nghiên cứu kỹ mục tiêu nên chưa nắm thật chắc tình hình địch cả về lực lượng, khả năng chiến đấu và bố trí phòng thủ của địch, đồng thời các đơn vị chiến thuật cũng chưa đủ thời gian và điều kiện nắm vững địa hình địa thế của từng hướng, từng mũi tấn công.

Trên đây là một số nguyên nhân chính tạo ra khó khăn cho Chiến dịch Xuân Lộc. Trên cơ sở đó, ta có thể nêu vấn đề nghiên cứu nếu Chiến dịch Xuân Lộc được đặt trong kế hoạch tổng thể và đặt dưới sự chỉ huy thống nhất, trực tiếp của Bộ Chỉ huy Chiến dịch chiến lược giải phóng Sài Gòn và thời điểm mở chiến dịch lùi lại để có điều kiện hiệp đồng chiến đấu với các cánh quân lớn khác thì có thể giảm được nhiều khó khăn và có thể giành được thắng lợi nhanh hơn, lớn hơn, đỡ tổn xương máu hơn.

Từ Chiến dịch Xuân Lộc, ta còn rút ra được kinh nghiệm về vận dụng phương châm “Thần tốc” trong cuộc Tổng tiến công Xuân 1975: thần tốc về tư tưởng chiến lược nhưng trong chiến dịch và chiến thuật lại phải hết sức thận trọng bảo đảm chắc thắng, vì nếu do vội vàng mà đánh không dứt điểm các mục tiêu thì

thời gian giành thắng lợi của chiến dịch bị kéo dài – tức là làm chậm chiến dịch và chiến lược cho nên “thần tốc” và “vội vàng” là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau về bản chất.

2. Vị trí của Xuân Lộc – trong nghệ thuật chiến dịch của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh – thành hiện nay

Từ kinh nghiệm của Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975, ta thấy không nên tách rời vị trí Xuân Lộc ra khỏi vấn đề tấn công hay phòng thủ Sài Gòn và trên thực tế diễn biến cũng cho thấy khi ta giải phóng được Xuân Lộc thì quá trình sụp đổ của địch ở Sài Gòn diễn ra nhanh chóng hơn.

Nhận xét trên đây có ý nghĩa rất quan trọng đối với nghiên cứu nghệ thuật chiến dịch trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và đối với vấn đề xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh – thành trên địa bàn Quân khu 7. Vị trí của Xuân Lộc ngày nay đặc biệt quan trọng không những đối với hệ thống phòng thủ Thành phố Hồ Chí Minh mà còn đối với cả nước. Xuân Lộc đóng vai trò là cánh cổng thép, là lá chắn hướng đông cho tứ giác kinh tế trọng điểm của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương – Biên Hòa – Vũng Tàu.

Với những đặc điểm như vậy, vị trí quân sự của địa bàn Long Khánh có thể vừa là điểm cuối chiều sâu của chiến dịch chiến lược phòng thủ hướng đông của Nam bộ, vừa là tiền duyên của chiến dịch chiến lược phòng thủ bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh và tứ giác trọng điểm kinh tế của cả nước. Trận đánh ở Xuân Lộc – Long Khánh cũng phải nằm trong không gian của chiến dịch chiến lược. Đó là giá trị kinh nghiệm được rút ra từ thực tế chiến đấu của Quân đoàn 4 và quân dân Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy toàn thắng mùa Xuân 1975.

N.H.N

MÁY BÀI HỌC TỪ CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Thượng tá NGHIÊM XUÂN THÀNH*

Vào những ngày này cách đây 28 năm, Quân đoàn 4, binh đoàn chủ lực cơ động chiến lược của Bộ đứng chân trên chiến trường miền Đông Nam bộ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục và Quân ủy Miền, bằng trí tuệ, tài thao lược, tinh thần chịu đựng gian khổ, ác liệt đã vượt mọi khó khăn tổ chức chỉ huy thành công trận đánh Xuân Lộc. Chiến thắng Xuân Lộc được coi như là một trận then chốt đập tan “cánh cửa thép” mở toang cánh cửa phía đông, tạo điều kiện thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực từ phía bắc, phía đông và đông nam tiến công về giải phóng Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Chúng ta đều biết, vào những ngày đầu tháng 4 năm 1975, quân và dân ta trên chiến trường miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược giành thắng lợi ở Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, ven biển miền Trung đến cửa ngõ Phan Rang. Ở miền Đông Nam bộ, ta đã giải phóng Dầu Tiếng, An Lộc, Chơn Thành, mở rộng bàn đạp áp sát cửa ngõ Sài Gòn từ phía bắc. Tiếp đó, ta đã giải phóng Định Quán và Di Linh – Đà Lạt – Lâm Đồng. Ở đồng bằng sông Cửu Long, nhân dân cùng với lực lượng vũ trang giải phóng hàng loạt thị trấn, chi khu, quận lỵ, áp sát các tỉnh lỵ, tiểu khu và các đường giao thông huyết mạch.

Trước nguy cơ sụp đổ không tránh khỏi của chế độ Sài Gòn, tướng Uýen và Matin, đại sứ Mỹ tại Sài Gòn cùng một phái đoàn quân sự quan trọng của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu vãn tình thế nguy ngập của bọn tay sai. Thực hiện ý đồ trên, Uýen quyết định xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc. Uýen nhấn mạnh với Thiệu: *“phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”*.

Xuân Lộc là một khu vực mục tiêu rộng, được tổ chức phòng thủ kiên cố, bao gồm tiểu khu Long Khánh liên hoàn với các căn cứ của Sư đoàn 18 ngụy, lại mới được địch củng cố tăng cường thành tuyến phòng thủ vững chắc theo ý đồ của Uýen, hòng chặn đứng sức tiến công các binh đoàn chủ lực của ta từ Bắc vào.

Do tính chất, vị trí và tầm quan trọng của nó, nên lực lượng bố trí phòng thủ của địch gồm: Sư đoàn 18 còn đủ 3 chiến đoàn, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân vệ. Có hỏa lực pháo binh và không quân mạnh. Lực lượng cơ động ứng cứu giải tỏa khi bị tiến công gồm 3 lữ đoàn thiết giáp đứng chân ở Biên Hòa, Lữ đoàn dù Sài Gòn, ngoài ra còn có các sư đoàn của Quân khu 3 và Quân khu 4.

Trước tình hình trên, Quân đoàn 4 được giao nhiệm vụ phối hợp cùng với

(*) Phòng Khoa học, Công nghệ – Môi trường Quân khu 7.

lực lượng vũ trang địa phương tiến công vào tuyến phòng thủ then chốt, tiêu diệt lực lượng chủ lực tại chỗ của địch, đồng thời buộc chúng phải đưa lực lượng tổng trừ bị ra phản kích ứng cứu, tạo điều kiện diệt địch đến ứng cứu giải tỏa, giải phóng thị xã Long Khánh.

Với cách đánh đã được xác định, mở đầu trận đánh Quân đoàn đã vận dụng cách đánh lấy tiến công địch trong công sự vững chắc ở trong thị xã là hình thức tác chiến chủ yếu. Rạng sáng ngày 9 tháng 4, sau khi pháo bắn chuẩn bị kết thúc, trên tất cả các hướng, bộ binh và xe tăng tiến công vào thị xã.

Hướng bắc, Sư đoàn bộ binh 1 (Sư đoàn 341) có tự vệ dẫn đường nhanh chóng xung phong đánh chiếm mục tiêu phân công; mặc dù bị địch phản kích nhưng vẫn chiếm được ty cảnh sát, khu cổ vấn Mỹ, tòa hành chính và cấm cò trên dinh tỉnh trưởng.

Hướng đông, hướng tiến công chủ yếu của Sư đoàn bộ binh 7, do chiến đấu trên địa hình trống trải, phải đột phá vào nhiều điểm tựa kiên cố, xe tăng địch phản kích liên tục nên chỉ tiêu diệt được bộ phận địch ở vòng ngoài, không chiếm được căn cứ sở chỉ huy Sư đoàn 18. Lực lượng ta bị thương vong nhiều.

Hướng tây, Sư đoàn bộ binh 6 phối hợp tác chiến cùng lực lượng du kích, đánh chiếm làm chủ được các ấp Lộc Hưng, Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ Bồng Con và một đoạn đường 10 km trên Quốc lộ 1.

Hướng nam, Tiểu đoàn 445 và K8 Xuân Lộc phối hợp cùng một tiểu đoàn của Trung đoàn 209 thuộc Sư đoàn 7 chặn viện, đánh tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn địch trên đường từ Suối Cát về thị xã.

Trước sức tiến công của ta, địch co cụm toàn bộ lực lượng Sư đoàn 18 gồm Chiến đoàn 48, Chiến đoàn 52 và cụm cơ giới về cố thủ Xuân Lộc. Mặt khác, chúng điều động Chiến đoàn 8 thuộc sư đoàn bộ binh 5 ở Lai Khê và Lữ đoàn kỵ binh 3 lên tăng viện cho Long Khánh. Đồng thời chúng tập trung toàn bộ hỏa lực của pháo binh và không quân chi viện cho giữ vững Long Khánh.

Ngày 12 tháng 4, hàng trăm lần chiếc máy bay trực thăng đổ Lữ đoàn 2 dù xuống nam Tân Phong, đây là lực lượng dự bị còn lại duy nhất ở Sài Gòn được ném vào Long Khánh. Cùng ngày, địch ném 2 quả bom CBU-55 xuống Xuân Lộc sát hại lớn sinh lực ta¹.

Nguyên nhân của tình hình trên là do sự biến chuyển nhanh của tình hình chiến trường, thời gian chuẩn bị cho trận đánh ngắn, việc đánh giá tình hình địch, địa hình chưa cụ thể. Chưa thấy được khả năng tổ chức phòng ngự, trình độ công sự vật cản của lực lượng phòng ngự tại chỗ, đồng thời cũng chưa đánh giá hết khả năng cơ động phản kích, phản kích liên tục của lực lượng phía sau lên khi bị ta tiến công.

Xuất phát từ đánh giá tình hình địch như trên, nên trong quyết tâm của Tư

⁽¹⁾ Xem chú thích trang 155.

lệnh Quân đoàn xác định cách đánh chưa phù hợp và hướng tiến công chủ yếu chưa chính xác. Ta chọn hướng đông bắc là hướng tiến công chủ yếu, đây chính là hướng phòng ngự kiên cố nhất của địch, chúng bố trí ở đây Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp, lúc cao điểm ở hướng này có đến 300 xe tăng, thiết giáp. Đánh vào đây, ta đã chọn hướng tiến công chủ yếu vào chỗ mạnh nhất của địch.

Về sử dụng lực lượng bộ binh, hầu hết các đơn vị tham gia tiến công, sau một thời gian chiến đấu dài ngày, liên tục chưa được bổ sung quân số, vũ khí trang bị, bộ đội chưa được chuẩn bị kỹ về mặt tinh thần tư tưởng.

Lực lượng pháo binh là hỏa lực chủ yếu, chi viện tiến công địch trong căn cứ vừa ít, vừa thiếu đạn, bắn không trúng mục tiêu, hiệu quả chế áp, sát thương địch không cao.

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến tình hình trận đánh diễn biến phức tạp không có lợi cho ta, thời cơ đánh dứt điểm Xuân Lộc trong thời gian ngắn bằng tiến công trực tiếp vào thị xã không còn.

Trước tình hình trên, đồng chí Trần Văn Trà đã đến Bộ Chỉ huy Chiến dịch nghiên cứu đánh giá lại tình hình địch, tổ chức lại lực lượng và thay đổi cách đánh mới. Trên cơ sở đánh giá lại địch, địa hình; xác định tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh chỉ có giá trị tồn tại là lá chắn cho Sài Gòn, khi nằm trong thế liên hoàn nối liền với Biên Hòa. Một khi Xuân Lộc bị cô lập, cắt rời với Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt Quốc lộ 1, ngăn chặn địch từ Biên Hòa xuống phản kích, ứng cứu giải tỏa; đánh chiếm Tân Phong, cắt lộ 2 triệt đường địch chạy về Bà Rịa, địch rơi vào hoang mang, dao động, ta không nhất thiết phải tập trung lực lượng lớn để đánh vào khu vực phòng ngự mạnh của địch, mà có thể dùng “thế” để giải phóng Xuân Lộc. Từ đánh giá, phân tích trên, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định ngưng tiến công vào thị xã. Để tiếp tục thực hiện quyết tâm của Quân đoàn, hoàn thành nhiệm vụ trên giao, Tư lệnh Quân đoàn đề nghị trên cho Quân đoàn chuyển thế trận từ tiến công trực tiếp vào thị xã sang bao vây, sử dụng pháo binh bắn cấp tập vào các cứ điểm phòng ngự của địch bên trong và quanh thị xã; đồng thời tiêu diệt địch ngoài thị xã. Thực hiện quyết định trên, Quân đoàn đã tổ chức lại lực lượng, bố trí đội hình tiến công theo cách đánh mới. Sư đoàn 7 và Sư đoàn 1, mỗi đơn vị chỉ để lại một tiểu đoàn trong nội ô, phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương chốt giữ các địa bàn có giá trị về chiến thuật, còn lại rút ra ngoài tập trung đánh lực lượng phản kích của địch và sẵn sàng hỗ trợ cho Sư đoàn 6. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đánh tiêu diệt Chiến đoàn 52, chiếm và chốt giữ khu vực Dầu Giây cùng cao điểm Núi Thị, chia cắt Xuân Lộc – Long Khánh từ phía sau và tiêu diệt địch từ Trảng Bom phản kích lên. Tổ chức lực lượng phục kích trên đường số 2, khóa chặt không cho địch từ Xuân Lộc rút về Bà Rịa. Tổ chức chỉ huy hỏa lực pháo binh tiếp tục khống chế sân bay Biên Hòa.

Từ ý định trên của Quân đoàn, đúng 3 giờ ngày 13 tháng 4, trên toàn mặt trận chuyển thế trận thực hành cách đánh mới. Lực lượng pháo cối được phân công bắn tiêu hao, kìm chân Lữ đoàn dù 2 mới đổ xuống nam sân bay, không cho chúng

phát triển. Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 209 mặc dù chiến đấu dài ngày, chịu đựng gian khổ ác liệt, đã đánh bật hàng chục đợt phản kích của địch, làm lá chắn vững chắc chia cắt giữa Lữ đoàn 2 dù và hậu cứ Sư đoàn 18. Tiểu đoàn 445 và K8 tiến công giải phóng Bảo Hòa, Bảo Toàn, cầu Gia Liêu, Bảo Thị đến sát đường 2.

Ngày 15 tháng 4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiến công đập tan Chiến đoàn 52, diệt gọn 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chiến đoàn cơ giới, 2 tiểu đoàn bộ binh, thu 12 khẩu pháo 105 và 155 mm, bắt hàng trăm tên địch, giải phóng chi khu Kiêm Tân, chiếm Núi Thị, làm chủ vững chắc khu vực ngã ba Dầu Giây. Đại tá Dũng – Chiến đoàn trưởng 52 cùng tàn quân tháo chạy về Biên Hòa.

Trước áp lực của cách đánh mới tạo ra, bộ chỉ huy Quân đoàn 3 địch đã tập trung hỏa lực pháo binh đánh phá dữ dội mở đường cho Chiến đoàn 8, Sư đoàn 5 và Thiết đoàn 315 từ Trảng Bom phản kích ra Dầu Giây. Lực lượng trên bị Sư đoàn 6 và du kích tập trung đánh bại không thực hiện được ý đồ ứng cứu cho Dầu Giây.

Nhìn chung, sau khi chuyển thế trận, thực hiện cách đánh mới, thế trận Xuân Lộc hoàn toàn có lợi cho Quân đoàn, Xuân Lộc bị cô lập.

Nắm chắc tình hình, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định tiến công đánh chiếm dứt điểm Xuân Lộc, nhưng khi phát hiện địch rút chạy, đã nhanh chóng bổ sung nhiệm vụ đánh địch rút chạy.

Ngày 18 tháng 4, Quân đoàn 3 địch phải dùng trực thăng bốc lực lượng ở Xuân Lộc về Biên Hòa. Ngày 19 tháng 4, địch dùng hỏa lực pháo binh đánh phá dữ dội xuống tây thị xã Long Khánh tạo điều kiện cho địch rút lui theo đường bộ. 2 giờ sáng ngày 21 tháng 4, hai đoàn xe cơ giới mỗi đoàn 60 đến 70 chiếc rút chạy theo đường số 2. Ta phục kích ở lộ Cua Con Rắn tiêu diệt nhiều xe, bắt Đại tá Phạm Văn Phúc – Tỉnh trưởng, tiểu khu trưởng Long Khánh cùng nhiều tên khác, thu vũ khí. Mờ sáng ngày 21 tháng 4, ta làm chủ hoàn toàn thị xã Long Khánh.

Thắng lợi trên mặt trận Xuân Lộc đã đánh đòn quyết định vào nỗ lực cuối cùng về quân sự của Mỹ – ngụy trong kế hoạch phòng thủ Xuân Lộc, hòng ngăn chặn thế tiến công của ta trên con đường tiến về giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa năm 1975. Từ đây, rút ra nhiều kinh nghiệm và bài học quý báu.

Trước hết, đó là bài học về đánh giá tình hình địch, nắm bắt dự báo được âm mưu, thủ đoạn khả năng đối phó của địch khi bị tiến công, nhanh chóng thay đổi cách đánh phù hợp diễn biến của chiến dịch.

Về xác định quyết tâm, xây dựng kế hoạch, phương án, tổ chức bố trí đội hình tiến công đập tan mọi nỗ lực quân sự cuối cùng của địch phòng thủ ở Xuân Lộc.

Bài học về phát huy yếu tố chính trị, tinh thần và sức sáng tạo của con người vượt qua mọi gian khổ, ác liệt và sự thua kém về vũ khí, trang bị và phương tiện chiến tranh để giành thắng lợi.

Về nghệ thuật tác chiến và xử lý tình huống trong quá trình diễn biến của chiến dịch...

Những bài học kinh nghiệm quý báu ấy vừa làm giàu thêm kho tàng lý luận khoa học nghệ thuật quân sự, vừa có giá trị thực tiễn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay. Trong phạm vi bài này, chỉ xem xét hai bài học, đó là: vấn đề đánh giá địch và việc phát huy yếu tố sức mạnh tinh thần con người trong chiến tranh.

Cuộc chiến tranh kiểu mới, các thế lực xâm lược thường dựa vào sức mạnh của vũ khí công nghệ cao thực hiện tác chiến đường không tạo thế áp đảo, gây sức ép tối đa với đối phương ngay từ những đợt đánh đầu tiên làm “mềm chiến trường”; đồng thời bất ngờ tiến công trên cả 3 hướng: trên không, trên bộ và trên biển, từ ngoài đánh vào kết hợp với bạo loạn lật đổ bên trong, thực hiện đánh chiếm các mục tiêu có giá trị về chiến dịch, chiến lược nhanh chóng giành thắng lợi. Đặc điểm nổi bật của cuộc chiến tranh kiểu mới là tính biến động của chiến tranh cao, cơ động lực lượng, phương tiện làm thay đổi tương quan lực lượng, cục diện chiến trường nhanh, thay đổi phương án tác chiến, hướng tiến công nhanh.

Từ đặc điểm trên, vấn đề đặt ra đối với quân đoàn trong tác chiến phải tập trung đánh giá đúng đối tượng tác chiến cả lực lượng tại chỗ cũng như lực lượng cơ động từ nơi khác đến, dự kiến được những khả năng có thể xảy ra. Đây là công việc thường xuyên từ khi chuẩn bị chiến dịch cho đến khi kết thúc chiến dịch. Vì vậy, trong suốt quá trình tác chiến, Bộ Chỉ huy Chiến dịch cần bám sát mọi diễn biến trên chiến trường để kiểm tra, điều chỉnh bổ sung những phán đoán đánh giá ban đầu về địch, đồng thời nhanh chóng phát hiện đánh giá những tình huống xảy ra đột biến mà chưa dự kiến trước để xác định lại quyết tâm, thay đổi cách đánh mới cho phù hợp với tình hình, nhất là với đối tượng tác chiến có khả năng cơ động cao. Ở Xuân Lộc, vấn đề này đã xử trí kịp thời, nhất là khi địch cơ động củng cố thế trận phòng thủ và thực hành phản kích liên tục, thời cơ và khả năng tiến công trực tiếp vào dứt điểm thị xã không còn.

Một vấn đề nữa trong đánh giá địch để xác định cách đánh phù hợp là đòi hỏi Bộ Chỉ huy Chiến dịch cần phải hiểu địch một cách toàn diện, khách quan. Để hiểu địch, phải trên cơ sở nắm được những cứ liệu xác thực về số lượng, chất lượng hình thái bố trí địch phòng ngự tại chỗ, khả năng tác chiến, khả năng cơ động, đặc biệt chú ý lực lượng cơ động từ các đơn vị phía sau lên phản kích, ứng cứu, giải tỏa, nắm chắc quy luật hoạt động của chúng. Phải chú ý mọi hiện tượng, động thái của địch nhưng không dừng lại ở hiện tượng bên ngoài, cũng không bị những hiện tượng giả do địch tạo ra để đánh lừa ta, mà phải đi sâu phân tích bản chất, âm mưu, thủ đoạn, quy luật hoạt động của chúng.

Trong chiến tranh hiện đại, khi mà tác chiến điện tử đã trở thành biện pháp tác chiến chủ yếu thì không phải bao giờ ta cũng có được những thông tin đầy đủ, chính xác về địch và nhiều khi phải tiếp nhận những thông tin sai lệch, trái ngược nhau. Vì vậy, trong tác chiến cần có cái nhìn tinh tế, gạn lọc lấy những điều mấu

chốt để đánh giá địch được sát đúng. Từ đó mới có căn cứ lựa chọn loại hình tác chiến, sử dụng lực lượng, bố trí đội hình, hình thành cách đánh phù hợp để nhanh chóng giành thắng lợi trong chiến tranh.

Về bài học phát huy yếu tố chính trị, tinh thần của con người trong chiến tranh. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, vũ khí của các lực lượng trong quân đoàn có vai trò quan trọng, nhưng con người vẫn là yếu tố quyết định. Các thế lực xâm lược tiến hành chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao trước hết tập trung đánh phá quyết liệt vào hệ thống phòng không, sân bay và các trung tâm lãnh đạo, chỉ huy điều hành chiến tranh của đất nước, làm hoang mang dao động tinh thần lực lượng vũ trang và nhân dân. Vấn đề mới đặt ra cho quân đội nói chung và Quân đoàn nói riêng là phải thường xuyên nâng cao bản lĩnh chiến đấu và trí thức sử dụng vũ khí trang bị, thực hiện chủ động tiêu diệt địch để làm chủ và làm chủ để tiêu diệt địch, dám đánh và biết đánh. Chiến tranh là sự thử thách toàn diện khả năng của quân đoàn, bao gồm sức mạnh chính trị tinh thần, khả năng tác chiến, khả năng bảo đảm các mặt hậu cần, kỹ thuật... Tính chất hiện đại của cuộc chiến tranh không chỉ thông qua phương tiện vũ khí, trang bị mà còn phụ thuộc rất nhiều vào nghệ thuật chỉ đạo, chỉ huy, điều hành tác chiến. Hoạt động tác chiến giữa hai bên là sự đối chọi quyết liệt giữa con người và vũ khí nhằm đạt được mục đích chính trị của mình. Đối tượng tác chiến luôn luôn tạo sức mạnh bằng hệ thống vũ khí trang bị hiện đại có sức hủy diệt lớn. Ngược lại, đối với chúng ta thì vũ khí, trang bị không thể bằng đối phương, phải luôn lấy yếu tố con người có ý chí và trình độ cao về nghệ thuật tác chiến để tạo nên sức mạnh đánh thắng địch. Thực tế trong trận Xuân Lộc, bộ đội được trang bị một số loại vũ khí hiện đại, nhưng nhìn chung nhiều loại mức độ hiện đại còn thua kém địch, trong cơ động lực lượng không có trục thẳng, không có không quân chi viện hỏa lực và không có các loại bom có sức hủy diệt, sát thương cao như CBU-55.

Để thắng địch, ta phải phát huy cao độ yếu tố chính trị tinh thần và trí tuệ, lòng dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ để vượt mọi khó khăn, gian khổ ác liệt đánh thắng địch bằng mưu kế, thế trận độc đáo của chiến tranh nhân dân. Trong tương lai, nếu xảy ra cuộc chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao thì yếu tố con người (bao gồm ý chí và trí tuệ) cũng vẫn là yếu tố quyết định. Vì vậy, trong quá trình xây dựng quân đội nói chung, quân đoàn chủ lực nói riêng từng bước hiện đại, chúng ta không chỉ bảo đảm theo khả năng về vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại phục vụ cho chiến đấu là đủ, mà điều quan trọng nhất là phải xây dựng được con người có ý chí quyết tâm cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng chịu đựng sự khốc liệt của chiến tranh và có đầy đủ năng lực làm chủ vũ khí trang bị hiện đại, có cách đánh phù hợp với điều kiện thực tế của ta.

Những bài học xương máu kể trên, đặc biệt về đánh giá địch và phát huy sức mạnh chính trị – tinh thần để xác định cách đánh phù hợp tạo nên sức mạnh chiến thắng, cần được nghiên cứu vận dụng nghiêm túc trong học tập, huấn luyện nâng cao sức mạnh chiến đấu cho quân đoàn để cùng toàn quân, toàn dân sẵn sàng đánh

lại chiến tranh xâm lược của địch trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

N.X.T

KẾ THỪA KINH NGHIỆM KẾT HỢP TÁC CHIẾN CỦA BỘ ĐỘI CHỦ LỰC VỚI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG CỦA CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG XUÂN LỘC XUÂN 1975 TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại tá NGUYỄN CÔNG TRỨ*

Kết hợp tác chiến của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương là quan điểm, tư tưởng xuyên suốt của nghệ thuật chiến tranh nhân dân Việt Nam; là một nguyên tắc trong tác chiến để tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, sự kết hợp tác chiến của hai lực lượng, ba thứ quân đã phát triển cả về qui mô, nội dung và phương pháp kết hợp.

1. Chiến dịch Xuân Lộc là chiến dịch tiến công trong quá trình Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, nhằm tiêu diệt lực lượng phòng ngự mạnh của địch gồm lực lượng của Quân đoàn 3, Sư đoàn 18, Thiết đoàn 28 kỵ binh... trên địa bàn tỉnh Long Khánh, giải phóng Xuân Lộc “phòng tuyến thép – chiếc ốc xoáy cuối cùng” quyết định số phận chế độ ngụy quyền Sài Gòn.

Về phía ta, tham gia chiến dịch có lực lượng của Quân đoàn 4 gồm các sư đoàn 6, 1, 7, Trung đoàn 95B độc lập và lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh. Sau 28 năm nhìn lại, chúng ta thấy rằng: Chiến dịch tiến công Xuân Lộc đã cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về sự kết hợp tác chiến chặt chẽ của bộ đội chủ lực với lực lượng vũ trang địa phương và sự kết hợp giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Trong Chiến dịch Xuân Lộc, lực lượng vũ trang địa phương bao gồm bộ đội địa phương tỉnh, huyện, lực lượng biệt động, lực lượng dân quân du kích, lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận.... đã hình thành được thế trận tại chỗ vững chắc, tạo bàn đạp thuận lợi cho bộ đội chủ lực triển khai, áp sát địch... 10 ngày trước khi Chiến dịch mở màn (31-3-1975), bằng sự kết hợp chặt chẽ “2 chân, 3 mũi” quân và dân thị xã Long Khánh đã giải phóng và làm chủ hoàn toàn 4 ấp vùng ven là Bảo Vinh A, B, Suối Chồn, Bình Lộc; cửa ngõ phía bắc thị xã được mở, tuyến phòng thủ ven thị xã bị đập tan. Cùng với thắng lợi trên, lực lượng vũ trang địa phương đã đánh mạnh trên Quốc lộ 1, lộ 3 và vùng ven, tạo được hành lang siết chặt quanh thị xã Long Khánh, “Việc áp sát của ta quanh thị xã Long Khánh đã tạo nhiều điều kiện cho Miền quyết định đánh chiếm tiểu khu Long Khánh”. Chính thế trận tại chỗ của lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng đấu tranh chính trị đã tạo thời cơ cho các cánh quân của bộ đội chủ lực triển khai nhanh chóng và tiến công bất ngờ từ hướng đông bắc và tây bắc vào thị xã. Chỉ sau gần 1

(*) Hội Cựu Chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

giờ chiến đấu, bộ đội chủ lực đã chiếm được các căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA...

Sự kết hợp của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương còn thực hiện ở việc kết hợp giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Chiến dịch bắt đầu ngày 9 tháng 4, nhưng đến ngày 15 tháng 4, du kích và nhân dân ở hướng tây bắc được bộ đội chủ lực hỗ trợ vẫn giữ vững thế làm chủ vùng ven, chặt đứt hoàn toàn tiếp vận bằng đường bộ của địch... Chiến dịch đã thể hiện rõ tính tích cực, chủ động của lực lượng vũ trang địa phương và tinh thần nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng nhân dân trong đánh địch rộng khắp giành thế chủ động ngay từ đầu Chiến dịch, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội chủ lực tiến công thần tốc, dũng mãnh...

Sự kết hợp tác chiến giữa 2 lực lượng đã được thể hiện xuyên suốt từ cấp chiến dịch đến cấp phân đội... Quá trình tác chiến của bộ đội chủ lực đều đã được sự phối hợp chiến đấu hết sức chặt chẽ của các đơn vị bộ đội địa phương, dân quân du kích và sự giúp đỡ tận tình của nhân dân các địa phương, dân quân du kích và sự giúp đỡ đó đã tạo nên sự bất ngờ và đột biến về lực lượng của ta, làm cho địch thật sự hoảng loạn và tan rã nhanh chóng... Rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc đã hoàn toàn sụp đổ, Chiến dịch Xuân Lộc đã toàn thắng. Thị xã Long Khánh được hoàn toàn giải phóng; chỉ vài giờ sau khi Long Khánh được giải phóng, tướng ngụy Dương Văn Minh đã than thở: “thế là hết tất cả rồi....”.

Chiến dịch Xuân Lộc là niềm tự hào, là điểm son trong lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Đồng Nai, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Một trong các nguyên nhân để làm nên chiến thắng của Chiến dịch, đó là sự kết hợp chặt chẽ trong tác chiến của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương “... Nhờ đòn xeo của chủ lực địa phương, phát huy sức mạnh của 3 thứ quân, 3 mũi, gỡ nhiều đồn bót giặc, đặc biệt là xung quanh thị xã Long Khánh, siết chặt vòng vây tiểu khu này trên các hướng đông, tây, nam, bắc; góp phần quan trọng cho Quân đoàn 4 bức rút địch khỏi tiểu khu Long Khánh”.

2. Ngày nay, trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc với đường lối và quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân; lấy chiến tranh nhân dân địa phương là cơ sở, là chỗ dựa vững chắc cho chiến tranh bảo vệ trong tương lai sẽ được tiến hành xây dựng trên nền tảng của các khu vực phòng thủ địa phương; việc kết hợp tác chiến giữa bộ đội chủ lực với lực lượng vũ trang địa phương sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của ba thứ quân... tạo nên khả năng diệt địch cao hơn, làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng có lợi cho ta, tiến tới giành thắng lợi quyết định cho chiến dịch.

2.1. Kết hợp trong chuẩn bị thế trận.

Thế trận chiến dịch được chuẩn bị tốt thì tiến hành chiến dịch có nhiều thuận lợi, tạo thế chiến dịch phải do cả 2 lực lượng tiến hành; lực lượng vũ trang địa

phương đảm nhiệm hoạt động đánh địch rộng khắp tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực trên hướng chủ yếu chủ động, bất ngờ tiến công địch; lực lượng chủ lực phải tận dụng kết quả tạo thế của lực lượng vũ trang địa phương, nắm vững thời cơ nhanh chóng phát triển thế tiến công, thực hiện những đòn tiêu diệt lớn, đẩy địch tới sự tan rã và sụp đổ dây chuyền về chiến dịch.

Phải kết hợp chặt chẽ giữa thế trận đã được chuẩn bị sẵn của các khu vực phòng thủ địa phương, thế trận của chủ lực và thế trận do cấp trên tạo ra, để hình thành thế trận chiến dịch tiến công vững chắc, hiểm hóc, bí mật, bất ngờ; đảm bảo vừa có thể tập trung đánh địch ở các trọng điểm, vừa có thể đánh địch rộng khắp cả phía trước, bên sườn, phía sau và chuyển hóa thế trận trong quá trình phát triển chiến dịch.

2.2. Kết hợp trong thực hiện tác chiến.

Nét đặc trưng của kết hợp tác chiến trong chiến dịch tiến công là kết hợp chặt chẽ đánh tập trung của bộ đội chủ lực bằng tác chiến hiệp đồng quân binh chủng với tác chiến rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương trên từng hướng, từng khu vực và toàn chiến dịch. Lực lượng vũ trang địa phương với ưu thế là lực lượng tại chỗ, được trang bị phù hợp, gọn nhẹ, có thể đánh địch kịp thời, rộng khắp bằng các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu linh hoạt sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của tình hình thực tiễn... Với cách đánh đó buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung lực lượng đánh trận then chốt quyết định. Đó chính là nghệ thuật làm phân tán sức mạnh của địch, tập trung lực lượng ta, tạo ra sức mạnh để đánh những đòn quyết định trong chiến dịch.

Để việc kết hợp giữa 2 lực lượng thực hiện có hiệu quả, đòi hỏi lực lượng chủ lực phải kết hợp chặt chẽ với khu vực phát triển nói chung và lực lượng vũ trang địa phương nói riêng trong xây dựng, huấn luyện, diễn tập... ngay từ thời bình và trong chuẩn bị cũng như khi thực hành chiến dịch khi có chiến tranh. Bài học phong phú về kết hợp tác chiến giữa bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương trong Chiến dịch tiến công Xuân Lộc năm 1975, đến nay vẫn còn nguyên giá trị cả về lý luận và thực tiễn.

N.C.T

TỪ CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC, NGHĨ VỀ VIỆC GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ

ThS. DƯƠNG THANH TÂN*

Qua thực tiễn thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc, và lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng cùng với tinh thần chiến đấu của quân và dân từ khắp mọi miền đất nước hội tụ về chiến trường Xuân Lộc, đập tan cánh cửa thép phía đông Sài Gòn của địch, cùng cả nước giành thắng lợi hoàn toàn bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng tôi suy nghĩ về những truyền thống quý báu cần giáo dục cho thế hệ trẻ hiện nay và trong tương lai như sau:

1. Truyền thống đấu tranh bất khuất, hy sinh anh dũng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh đất nước còn bị chìm đắm dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân, được nhân dân thừa nhận là tổ chức duy nhất, tiên bộ và khoa học nhất của cách mạng Việt Nam. Nhiệm vụ nặng nề mà dân tộc giao phó cho Đảng là lãnh đạo nhân dân đấu tranh đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến giành độc lập cho dân tộc, xây dựng một xã hội tự do hạnh phúc cho nhân dân.

Từ 1930 đến 1975, Đảng là người lãnh đạo toàn dân tộc giành độc lập dân tộc, thực hiện hai cuộc kháng chiến thắng lợi đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Để phối hợp và tạo điều kiện cho Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng, Đảng bộ đã kiên trì bám dân, bám đất, chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích và quân chúng đấu tranh ba mũi giành quyền làm chủ, giải phóng xã, ấp, tạo địa bàn đứng chân cho quân chủ lực tiến công đập tan cánh cửa thép ở mặt trận phía đông Sài Gòn, tạo điều kiện cho đại quân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc...

Trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường, thị trường cũng là chiến trường, kinh tế là một mặt trận nhiều thuận lợi nhưng cũng đầy những thách thức. Những chiến sĩ trên mặt trận mới phải nắm vững đặc điểm này. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi các thế hệ, đặc biệt là thế hệ trẻ phát huy lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, tích cực và bền bỉ học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức, có ý chí tinh thần học tập nâng cao kiến thức, nắm bắt khoa học công nghệ, tạo ra nhiều sản phẩm mới, chất lượng cao, làm ăn có hiệu quả, giành thắng lợi từng thương vụ, từng mặt hàng, ở từng thời điểm, cạnh tranh thành công và giữ được độc lập chủ

(*) Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai.

quyền. Đảng và Nhà nước khuyến khích mọi người, mọi nhà, mọi tổ chức kinh tế, mọi doanh nghiệp, mọi sáng kiến, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, ai có tài năng, có trí tuệ, có vốn liếng mạnh dạn đầu tư làm giàu cho mình và thiết thực đóng góp cho xã hội.

Muốn vậy phải tập trung cho sự nghiệp “trồng người”, bồi dưỡng thế hệ trẻ để phát huy nguồn lực trí tuệ và sức sáng tạo của con người Việt Nam. Trọng dụng hiền tài, tất cả những tài năng, những sáng kiến hay phải được phát huy; đó là quan điểm và là đạo lý của Đảng và Nhà nước ta. Phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ là quốc sách hàng đầu. Chúng ta bền bỉ và nghiêm túc thực hiện quốc sách đó. Các thế hệ thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, những người chủ kế tục sự nghiệp trong thế kỷ 21 phải hiểu một cách cặn kẽ điều đó và phải phát huy truyền thống của cha anh, thể hiện bằng hành động cụ thể để đáp ứng và xứng đáng với đòi hỏi của Tổ quốc.

2. Truyền thống độc lập, tự chủ, sáng tạo trong xây dựng đường lối và chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng

Trước khi mở Chiến dịch Xuân Lộc, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng “Giải phóng miền Nam trước mùa mưa”, Huyện ủy Xuân Lộc, Thị ủy Long Khánh đề ra chủ trương phát huy tinh thần tự lực tự cường kết hợp ba mũi vũ trang, chính trị, binh vận với quyết tâm “áp tự giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện”. Xã Bảo Chánh, huyện Xuân Lộc là xã đầu tiên trong tỉnh Bà Rịa – Long Khánh và Quân khu 7 vận dụng sáng tạo ba mũi giáp công, bức hàng một trung đội địch, mở đầu cho phong trào địa phương tự lực tự cường giải phóng xã ấp. Đây là thắng lợi của việc vận dụng sáng tạo đường lối, quan điểm cách mạng và nhân đạo của Đảng, trên cơ sở nắm vững phương châm ba mũi tiến công, dùng mũi binh vận làm thế chủ công kết hợp bao vây, uy hiếp buộc địch phải chấp nhận đầu hàng.

Trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ thực tiễn của một nước nông nghiệp lạc hậu, sau một số năm áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung không có hiệu quả, Đảng đã từng bước tổng kết rút kinh nghiệm và có những chủ trương đổi mới trong đường lối cách mạng để đi tới đường lối đổi mới toàn diện, được thông qua tại Đại hội lần thứ VI của Đảng. Trong quá trình triển khai đường lối mới, Đảng đã nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, vận dụng đường lối một cách sáng tạo để giữ vững mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên trì chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ đối ngoại theo nguyên tắc hội nhập nhưng không hòa tan... Kiên trì đổi mới kinh tế, chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực tiễn lịch sử 73 năm qua đã chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối độc lập tự chủ và sáng tạo hoàn toàn có khả năng lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Nền kinh tế đất nước từ năm 1991 đến năm 2002 liên tục tăng trưởng từ 10-12% đã chứng tỏ điều đó.

3. Truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc.

Đây là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng. Sự thống nhất trong Đảng được xây dựng dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong xây dựng đường lối chính trị, cuộc đấu tranh để tìm ra chân lý là cần thiết, là một quá trình đòi hỏi phải có đấu tranh thẳng thắn, đấu tranh có tổ chức, kỷ cương, kỷ luật. Đảng ta tôn trọng các ý kiến khác nhau, mở rộng dân chủ để tìm chân lý, vì vậy đã xây dựng được đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn dắt toàn dân tộc vì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và đường lối chính trị, Đảng ta mãi mãi xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của cả dân tộc. Nhân dịp kỷ niệm 28 năm ngày Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng (21-4-1975 – 21-4-2003) và hội thảo khoa học về “Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc”, một lần nữa chúng ta ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta, các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”*.

Truyền thống quý báu này bắt nguồn từ thời đại các vua Hùng, đến thời đại Hồ Chí Minh được nâng lên đến tầm cao hơn; đặc điểm quý báu nhất của khối đại đoàn kết dân tộc của chúng ta là cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân cả nước đều thống nhất mục tiêu, lý tưởng, đoàn kết một lòng vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong Chiến dịch Xuân Lộc, ta vận dụng phương châm “hai chân, ba mũi” giáp công, đánh địch trên cả 3 vùng; giữa bộ đội chủ lực và địa phương, dân quân du kích sát cánh cùng đồng bào các dân tộc cùng gánh vác nhiệm vụ trên giao, góp phần làm nên chiến thắng. Kể từ 30 tháng 4 năm 1975 đến nay đã 28 năm, một thế hệ mới đã ra đời, kế tục các thế hệ đi trước đoàn kết chung quanh Đảng và Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một sự nghiệp vĩ đại của toàn dân tộc, sự nghiệp đại đoàn kết 54 dân tộc anh em trong cả nước. Đảng ta luôn luôn coi trọng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt thành phần kinh tế, tầng lớp, giàu nghèo, lương giáo, dân tộc Kinh hay thiểu số, đang ở trong nước hay hiện sống ở nước ngoài, dù nguồn gốc xuất xứ trước đây như thế nào, miễn có lòng yêu nước, phát huy truyền thống văn hóa – lịch sử của dân tộc cùng nhau đoàn kết phấn đấu làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội đều được trân trọng.

4. Truyền thống gắn bó giữa Đảng với dân.

Truyền thống lịch sử này của Đảng được xây dựng ngay từ khi Đảng ra đời và được giữ gìn và phát triển trong suốt 73 năm qua, được xây dựng trên cơ sở

mục đích của Đảng thống nhất với lợi ích, nguyện vọng của toàn dân.

Mục tiêu chiến lược của Cách mạng Việt Nam là độc lập dân chủ và chủ nghĩa xã hội, là nguyện vọng của cả dân tộc Việt Nam. Vì vậy, Đảng được toàn thể nhân dân tin yêu và che chở. Tại chiến trường Xuân Lộc, địch tập trung toàn bộ lực lượng Quân đoàn 3, với nhiều đơn vị tổng trừ bị, có trang thiết bị chiến tranh và hỏa lực mạnh nhằm giữ tuyến phòng thủ cuối cùng ở phía đông Sài Gòn. Trong điều kiện khó khăn, ác liệt, Huyện ủy Xuân Lộc vẫn đề ra phương châm “Tiên công phía trước, xây dựng, củng cố, phát triển phía sau”. Thực hiện phương châm này, các đơn vị, cơ quan trên địa bàn huyện đều tổ chức cơ sở sản xuất nuôi quân; chính quyền cách mạng đã cấp trên 200 ha ruộng cho 130 gia đình đồng bào các dân tộc, từ đó lôi cuốn nhiều hộ dân ra vùng giải phóng làm ăn, sinh sống; tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Trong hòa bình xây dựng, những lúc khó khăn nhất, chủ nghĩa xã hội tan rã ở hàng loạt nước, kinh tế xã hội trong nước chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, cũng chính là lúc nhân dân tin yêu và bảo vệ Đảng. Những lúc Đảng mắc sai lầm nhưng đã thẳng thắn nhận trách nhiệm, nhân dân ta đã tìm thấy ở Đảng niềm tin vào một tổ chức thực sự cách mạng và khoa học để ủy thác sứ mệnh chèo lái con thuyền dân tộc đến bến bờ hạnh phúc.

Tuy vậy, trong điều kiện Đảng cầm quyền, đã có không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất, lợi dụng chức quyền để đục khoét nhân dân, trù dập, ức hiếp nhân dân. Những biểu hiện đó đã làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII nhằm loại trừ ra khỏi Đảng những biểu hiện tiêu cực, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân. Toàn Đảng bước sang mùa xuân thứ 73 với sự chuyển mình mạnh mẽ, càng khắc sâu lời dạy của Bác Hồ kính yêu: *“Hết lòng ra sức phụng sự nhân dân, tin tưởng vào lực lượng của nhân dân, học hỏi nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân và không phút nào xa rời nhân dân, cùng nhân dân kết thành một khối. Chống bộp chộp, nóng nảy, quan liêu, mệnh lệnh. Như vậy thì nhất định được nhân dân ủng hộ và việc gì to mấy, khó mấy làm cũng nên”*¹. Làm được như vậy, Đảng nhất định sẽ giữ vững vai trò lãnh đạo đối với dân tộc để hoàn thành sự nghiệp vĩ đại làm cho “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Các nghị quyết Trung ương 5, kết luận Hội nghị Trung ương 6, Trung ương 7 (Khóa IX) tạo môi trường và điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho các thành phần kinh tế làm giàu trong khuôn khổ pháp luật, khuyến khích và hướng dẫn mọi người, mọi gia đình, mọi địa phương, khai thác các tiềm lực và lợi thế về sức lao động, vốn và điều kiện tự nhiên nhằm tiến lên làm giàu cho mình và cho đất nước; đồng thời đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng và an ninh, tạo điều

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1996, tr.234.

kiện cho sự phát triển bền vững.

Thực hiện dân giàu, nước mạnh phải gắn liền với xã hội công bằng, cả về lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực xã hội, giữa cống hiến và hưởng thụ.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương mở rộng dân chủ, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao văn hóa pháp luật cho nhân dân như là điều kiện bên trong để phát huy tính chủ động và tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với tăng cường giữ vững kỷ cương, chấp hành pháp luật của Nhà nước là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước ta.

Trong giai đoạn hiện nay, để mở rộng dân chủ, phát huy cao độ khả năng tham gia của nhân dân vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, mở rộng và có cơ chế từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả. Do vậy, Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VIII) của Đảng đã nhấn mạnh: tiếp tục phát huy tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức Nhà nước.

Một xã hội văn minh là một xã hội thể hiện những quan hệ lành mạnh, trong sáng và tốt đẹp giữa mọi người, mọi tầng lớp nhân dân trong các lĩnh vực của cuộc sống. Một xã hội công bằng, văn minh không thể coi nhẹ cuộc đấu tranh từng bước, từng phần nhằm ngăn chặn và thanh toán các hình thức tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, đưa đến cuộc sống xa hoa, đạo đức cách mạng bị xuống cấp, nhân dân phẫn nộ. Tất nhiên việc tiến hành cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội phải đi đôi với công cuộc xây dựng một xã hội không có áp bức, bóc lột cùng với một nền kinh tế bảo đảm cho mọi người một cuộc sống vật chất và văn hóa tương đối sung túc với mức độ khác nhau tùy theo cống hiến của từng người.

Việc quan trọng hàng đầu ở đây là chăm lo giáo dục và rèn luyện con người về đạo đức cách mạng và tài năng sáng tạo, đặc biệt là thế hệ trẻ từ trường học đến nơi làm việc, từ gia đình đến xã hội, để ai nấy đều từng bước tiến lên tự hoàn thiện mình, trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, sống và làm việc theo pháp luật, trở thành người làm chủ sự nghiệp xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Như vậy, xây dựng một xã hội văn minh là xây dựng một xã hội mà tự do và lợi ích của mỗi người giới hạn bởi tự do và lợi ích của những người khác, hoặc nói một cách sâu sắc hơn, tự do và lợi ích của mỗi người hòa nhập với tự do và lợi ích của những người khác, làm nên cuộc sống cộng đồng lành mạnh, tươi sáng và đẹp đẽ. Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, biết bao cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng một lòng theo Đảng, đã hy sinh của cải, vật chất và không tiếc cả xương máu, tính mạng của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp đã chứng minh truyền thống gắn bó giữa Đảng với nhân dân.

D.T.T

PHỤ LỤC

Số 1855 - CV/TU

*V/v tổ chức hội thảo về Chiến thắng Xuân Lộc
mùa Xuân năm 1975*

**Kính gửi: - Bộ Tư lệnh Quân Khu 7
- Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4**

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, trận đánh Xuân Lộc là một trong những trận quyết chiến chiến lược quan trọng mở tung cửa ngõ đông bắc cho đại quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Cuộc chiến đấu tại Xuân Lộc đã diễn ra cực kỳ ác liệt trong 12 ngày đêm với sự chiến đấu dũng cảm, hy sinh quên mình của bộ đội Quân đoàn 4, Quân khu miền Đông và các lực lượng vũ trang, quân và dân Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, Tân Phú và miền Đông Nam bộ. Chiến thắng Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của kẻ thù, tạo thời cơ to lớn cho cánh quân phía Đông tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chiến thắng Xuân Lộc là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của các lực lượng vũ trang, quân và dân miền Đông Nam bộ; là thể hiện tài năng nghệ thuật quân sự trong cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để ôn lại truyền thống chiến đấu anh dũng kiên cường, hy sinh vẻ vang của cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4, Quân khu miền Đông, của quân và dân Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh trong mùa Xuân đại thắng 1975; đồng thời để đánh giá đúng tầm vóc của chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, để tiếp tục động viên lòng yêu nước, yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, của quân dân toàn tỉnh cùng quân dân miền Đông và cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, Tỉnh ủy Đồng Nai và Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu đã thống nhất chủ trương, dự định phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 tổ chức **cuộc Hội thảo về chiến thắng Xuân Lộc**, nhân kỷ niệm 28 năm ngày giải phóng Xuân Lộc (21/4/1975 - 21/4/2003), ngày nay là huyện Long Khánh tỉnh Đồng Nai.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai báo cáo Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 và đề nghị các đồng chí phối hợp tổ chức cuộc Hội thảo trên tại Đồng Nai vào ngày 22/4/2003.¹

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai rất mong các đồng chí cho ý kiến để chuẩn bị tổ chức cuộc hội thảo được chu đáo, chặt chẽ, đạt kết quả tốt.

Trân trọng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Lê Hoàng Quân

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ban TVTU (để b/c)
- BCS Đảng UBND tỉnh
- Ban Tuyên giáo TU
- HU Long Khánh (để chuẩn bị)
- CP.VPTU
- Lưu.

Đồng Kính gửi:

Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu (để b/c và phối hợp)

⁽¹⁾ Ban chỉ đạo Hội thảo đã quyết định chọn ngày 17-4-2003 là ngày Hội thảo khoa học.

**BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH QK7**

*

Số 727/BTL

*(V/v trả lời công văn số 1855-
CV/TU)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Ngày 02 tháng 12 năm 2002

Kính gửi: Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã nhận được công văn số 1855/CV-TU ngày 26 tháng 11 năm 2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai, về việc "**Phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học lịch sử Chiến thắng Xuân Lộc nhân kỷ niệm 28 năm ngày giải phóng Xuân Lộc (21.4.1975–21.4.2002)**". Bộ Tư lệnh Quân khu 7 hoàn toàn nhất trí với chủ trương của Tỉnh ủy và giao cho Cục Chính trị Quân khu và Phòng KHCN- MT là cơ quan phối hợp thực hiện.

Đề nghị Tỉnh ủy chủ trì tổ chức hội nghị giữa các đơn vị, cơ quan có liên quan để triển khai kế hoạch và làm công tác chuẩn bị càng sớm càng tốt

KT.TƯ LỆNH

Phó Tư lệnh

Thiếu tướng Nguyễn Văn Chia

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2002

Số 1999 - CV/TU

*V/v góp ý kiến các Quyết định về Hội
thảo Chiến thắng Xuân Lộc*

Kính gửi: Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

Căn cứ cuộc họp ngày 03/12/2002 của Lãnh đạo Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Quân đoàn 4, Tỉnh ủy Đồng Nai và Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai dự thảo các văn bản sau:

1/ Quyết định thành lập Ban chỉ đạo hội thảo khoa học lịch sử về chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003) (kèm theo danh sách dự kiến).

2/ Quyết định thành lập Ban nội dung Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003) (kèm theo danh sách dự kiến).

Thường trực Tỉnh ủy Đồng Nai kính gửi các đồng chí xin ý kiến đóng góp và phân công nhân sự cụ thể tham gia Ban Chỉ đạo và Ban Nội dung hội thảo.

Đề nghị đồng chí góp ý kiến và gửi về Thường trực Tỉnh ủy Tỉnh Đồng Nai trước ngày 25/12/2002 để hoàn chỉnh và triển khai thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- CP.VPTU
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Lê Hoàng Quân

BỘ QUỐC PHÒNG
Viện Lịch sử Quân sự Việt
Nam

*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2002

Số 255/VLS

*“V/v Phúc đáp công văn số
1996 và 1999/CV-TU của Tỉnh
ủy tỉnh Đồng Nai”*

Kính gửi: Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam đã nhận được công văn số 1996 và 1999/CV-TU ngày 11, 12.12.2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai về việc tham gia Ban Chỉ đạo và giúp về nội dung Hội thảo khoa học "Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21.4.1975 – 21.4.2003)". Đây là chủ đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn phong phú, cập nhật; đồng thời thể hiện sự tôn vinh đối với đồng bào, đồng chí làm nên chiến thắng kể trên

Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam hoan nghênh chủ trương nói trên của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai và Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhất trí danh sách Ban chỉ đạo và cử Thượng tá Tiến sĩ Hồ Khang - Chủ nhiệm bộ môn lịch sử kháng chiến chống Mỹ, tham gia Ban nội dung.

Kính chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT
NAM

Đại tá PGS, TS Trịnh Vương Hồng

**BỘ TƯ LỆNH QK 7 VÀ
TỈNH ỦY ĐỒNG NAI**

*

Số 192 - QĐ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Biên Hòa, ngày 19 tháng 12 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban chỉ đạo Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 - 21/4/2003)

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 30-QĐ/TU ngày 6/4/2001 của BCH Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ tỉnh khóa VII;
- Căn cứ cuộc họp ngày 3/12/2002 của lãnh đạo Quân khu 7, Quân đoàn 4, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu,

**BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7 VÀ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG NAI
QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 1 :** Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách Ban chỉ đạo Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003).¹
- Điều 2 :** Sau khi kết thúc cuộc hội thảo Ban chỉ đạo giải thể và kết thúc nhiệm vụ.
- Điều 3 :** Đ/c Chánh Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Quân đoàn 4, Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tỉnh ủy Đồng Nai tạo điều kiện để các đồng chí có tên trong danh sách thực hiện Quyết định này.

**T/M BỘ TƯ LỆNH
QUÂN KHU 7
TƯ LỆNH**

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Chia

Lê Hoàng Quân

⁽¹⁾ Danh sách in ở trang 2.

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2002

Số 193 - QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban nội dung Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 - 21/4/2003)

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 30-QĐ/TU ngày 6/4/2001 của BCH Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ tỉnh khóa VII;
- Căn cứ cuộc họp ngày 3/12/2002 của lãnh đạo Quân khu 7, Quân đoàn 4, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Được sự ủy nhiệm của Ban chỉ đạo Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1 :** Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách Ban nội dung Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003).¹
- Điều 2 :** Đ/c Chánh Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Chánh Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tỉnh ủy Đồng Nai tạo điều kiện để các đồng chí có tên trong danh sách thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Lê Hoàng Quân

⁽¹⁾ Danh sách in ở trang 2.

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2002

Số 194 - QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban tổ chức phục vụ Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 - 21/4/2003)

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 30-QĐ/TU ngày 6/4/2001 của BCH Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ tỉnh khóa VII;
- Căn cứ cuộc họp ngày 3/12/2002 của lãnh đạo Quân khu 7, Quân đoàn 4, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Được sự ủy nhiệm của Ban chỉ đạo Hội thảo Khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1 :** Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách Ban tổ chức phục vụ Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003).
- Điều 2 :** Lãnh đạo các đơn vị có cán bộ trong danh sách tại điều 1 tạo điều kiện để các đồng chí thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Lê Hoàng Quân

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2002

DANH SÁCH

Ban tổ chức phục vụ Hội thảo khoa học lịch sử về Chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (Kèm theo QĐ số 194-QĐ/TU ngày 24/12/2002)

01/- Đ/c Trần Đình Thành Phó Bí thư TTTU Đồng Nai	Trưởng ban
02/- Đ/c Nguyễn Hoa Lý Trưởng phòng Khoa học CN-MT, Bộ Tur lệnh Quân Khu 7	Phó ban
03/- Đ/c Huỳnh Văn Tới Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai	Phó ban
04/- Đ/c Nguyễn Thành Trí Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin	Ủy viên
05/- Đ/c Nguyễn Thế Sang Phó Giám đốc Công an tỉnh	Ủy viên
06/- Đ/c Đỗ Tiến Khải Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	Ủy viên
07/- Đ/c Phạm Minh Đạo Chánh Văn phòng HĐND-UBND tỉnh	Ủy viên
08/- Đ/c Lê Thanh Dũng Chỉ huy phó Quân sự tỉnh	Ủy viên
09/- Đ/c Nguyễn Văn Nải Chủ tịch UBND huyện Long Khánh	Ủy viên

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

**BCH TRUNG ƯƠNG
BAN TƯ TƯỞNG-VĂN HÓA**

*

Số 2924 - CV/TT-VH

“Ý kiến về Hội thảo khoa học
Chiến thắng Xuân Lộc-Long
Khánh”

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2003

Kính gửi: Tỉnh ủy Đồng Nai

Phúc đáp công văn số 2401- CV/TU ngày 2/4/2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai, Ban Tư tưởng- Văn hóa Trung ương nhất trí với chủ trương của Tỉnh ủy Đồng Nai cùng với Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu, Quân khu 7, Quân đoàn 4 tổ chức Hội thảo khoa học Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nhân kỷ niệm 28 năm Ngày giải phóng Xuân Lộc (21/4/1975 – 21/4/2003).

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

Đã ký: HồngVinh

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 29 tháng 4 năm 2003

Số 124 - BC/TU

BÁO CÁO

Kết quả cuộc Hội thảo khoa học "Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975"

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư ngày 28-8-2002 về việc tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và công văn số 1855-CV/TU ngày 13-11-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai; để kỷ niệm 28 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2003), được sự nhất trí của Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương, ngày 17 tháng 4 năm 2003, Tỉnh ủy Đồng Nai phối hợp cùng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 tổ chức Hội thảo khoa học về Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 tại hội trường Quảng trường Đồng Nai.

Tham dự Hội thảo có các đồng chí: Trung tướng Lê Văn Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Thiếu tướng Nguyễn Văn Chia, Tư lệnh Quân khu 7; Thiếu tướng Nguyễn Năng Nguyễn, Tư lệnh Quân đoàn 4; đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai; đồng chí Trần Văn Khánh, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; các đồng chí lão thành cách mạng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến tại miền Nam; các tướng lĩnh, sĩ quan cao cấp của các cơ quan, đơn vị, Học viện, nhà trường của Bộ Quốc phòng cùng nhiều nhà khoa học nghiên cứu lịch sử và xã hội của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Học viện chính trị Quốc gia, Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sử học Thành phố Hồ Chí Minh... Tổng cộng có gần 500 đại biểu Trung ương, khu vực và địa phương tham dự Hội thảo. Đặc biệt có 200 đại biểu là những đồng chí-cán bộ, chỉ huy của Quân đoàn 4, Quân khu Miền Đông, lực lượng vũ trang địa phương Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, là những nhân chứng tham dự hội thảo.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Lê Đức Anh đã gửi thư chào mừng, chúc mừng Hội thảo.

Có gần 20 bài tham luận trong số 80 bản tham luận gửi về Ban tổ chức, được chọn trình bày tại Hội thảo, dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, đã nêu bật vị trí, vai trò và ý nghĩa lịch sử của Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trên

chiến trường miền Đông gian lao mà anh dũng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đặc biệt là tinh thần chiến đấu dũng cảm, hy sinh quên mình của đồng bào, đồng chí Bà Rịa (Long Khánh), Tân Phú (Biên Hòa) trong 12 ngày đêm chiến đấu gian khổ ác liệt (từ 9-4 đến 21-4-1975) đã phối hợp cùng các cánh quân của Quân đoàn 4 giành giật với kẻ thù từng lô cốt, hầm ngầm, chịu đựng hàng chục ngàn tấn bom pháo, kể cả bom hơi ngạt CBU (đốt cháy ôxy) – vũ khí hủy diệt lần đầu tiên để quốc Mỹ sử dụng ở chiến trường miền Nam Việt Nam, tiêu diệt và bắt sống hơn 5.000 quân địch, làm thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh của Sư đoàn 18, Sư đoàn 5 nguy quân... làm nên chiến thắng vô cùng oanh liệt, đập tan cánh cửa thép Xuân Lộc. Đây là trận đánh tạo thế mở đường, mở rộng địa bàn tập kết cho các cánh quân của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 tấn công vào cửa ngõ phía Đông Sài Gòn góp phần quan trọng vào chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh chứng minh và khẳng định sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân mà nòng cốt là quân đội nhân dân, trong đó trước hết và quyết định nhất là sức mạnh của nhân tố chính trị tinh thần; vai trò đặc biệt quan trọng của công tác Đảng – công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân, là linh hồn, mạch sống tạo nên sức mạnh tổng hợp giành chiến thắng của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của nghệ thuật quân sự Việt Nam, là chất keo gắn bó quân và dân ta thành một khối thống nhất vững chắc cả về tư tưởng và tổ chức, ý chí và hành động, chuyển hóa sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn áp đảo quân thù, quyết chiến quyết thắng trong từng trận đánh, trong suốt cả Chiến dịch cho đến giành toàn thắng.

Những bài học kinh nghiệm từ Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc là vô cùng quý giá, giúp chúng ta nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã chọn.

Nhân dịp Hội thảo, 1000 tập sách kỷ yếu (gồm 80 bài tham luận) và 1000 đĩa CD bộ phim Chiến thắng Xuân Lộc, 5000 huy hiệu Chiến thắng Xuân Lộc có chất lượng tốt được phát hành kịp thời phục vụ đại biểu và để lưu trữ liệu tham khảo cho các đơn vị tham gia Hội thảo.

Sau hội thảo, ngày 24-4-2003, Ban Chỉ đạo đã họp với Ban nội dung và Ban tổ chức Hội thảo để rút kinh nghiệm về công tác tổ chức hội thảo. Ban Chỉ đạo biểu dương sự nỗ lực của Ban tổ chức, Ban nội dung, các đồng chí trong Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai, Phòng Khoa học Công nghệ- Môi trường Quân khu 7, Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai, Huyện ủy Long Khánh, Phòng Khoa học Công nghệ-Môi trường Quân đoàn 4, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Đài Phát thanh & Truyền hình Đồng Nai, Nhà xuất bản Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu, Sở Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai. Chính nhờ sự phối

hợp chặt chẽ và quyết tâm cao của Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu và Tỉnh ủy Đồng Nai, với tinh thần trách nhiệm cao, hội thảo khoa học với quy mô lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có kế hoạch chuẩn bị chu đáo, đảm bảo được an ninh, chu toàn về việc đưa đón, tổ chức ăn nghỉ cho đại biểu tham dự, đạt được mục đích yêu cầu đề ra, thành công cả về mặt ý nghĩa khoa học, lịch sử cũng như chính trị, giáo dục truyền thống. Nhiều báo, đài Trung ương và địa phương đã đưa tin và đánh giá cao chất lượng cuộc Hội thảo.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính báo cáo Ban Bí thư Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xin ý kiến chỉ đạo.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Trần Đình Thành

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu cho lần tái bản thứ nhất

Lời giới thiệu cho lần xuất bản thứ nhất

Lê Hoàng Quân

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Thư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi cuộc hội thảo kỷ niệm Chiến thắng Xuân Lộc

Lê Đức Anh

Thời gian trôi càng cho chúng ta nhìn về lịch sử khách quan hơn, khoa học và công bằng hơn

Thiếu tướng Nguyễn Văn Chia

Một số vấn đề cần tập trung nghiên cứu về chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh tháng 4-1975

Thượng tướng Lê Văn Dũng

Phát biểu của Thượng tướng Lê Văn Dũng tại Hội thảo khoa học "Chiến thắng Xuân Lộc" trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975

Trung tướng - PGS. Tiến sĩ Nguyễn Thế Trị

Chiến thắng Xuân Lộc trong giáo dục quốc phòng - quân sự

Trần Bạch Đằng

Góp phần hội thảo về chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh (21-4-1975)

Thiếu tướng Nguyễn Năng Nguyễn

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh dấu ấn lịch sử vẻ vang trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

Trần Văn Khánh

Phát huy các giá trị tinh thần của chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh, tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau

Đại tá PGS-TS. Trịnh Vương Hồng

Nhìn nhận thêm về chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong đại thắng mùa Xuân 1975

ThS. Trần Quang Toại

Long Khánh xưa

Trần Nam Tiến

Âm mưu của đế quốc Mỹ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Paris (1973 – 1975)

TS. Nguyễn Đình Thống

Tình hình địch – ta trên chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh cuối 1974 đầu 1975

Trung tướng Nguyễn Ngọc Văn

Quyết tâm của Quân ủy Trung ương về cuộc tiến công Xuân Lộc – Long Khánh (9-4 – 21-4-1975)

Trung tướng Lê Thành Tâm

Về công tác Đảng, công tác chính trị trong chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh (1975)

Đại tá Nguyễn Huy Long

Ý nghĩa quan trọng của công tác Đảng, công tác chính trị đối với các lực lượng vũ trang tiến công giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh mùa Xuân 1975

ThS. Nguyễn Quốc Uy

Chiến thắng Xuân Lộc, kết quả tất yếu của sự chỉ đạo thống nhất từ Tổng hành dinh tới chiến trường

Hải Ngọc Thái Nhân Hòa

Vai trò chỉ đạo và chỉ huy tác chiến, một nhân tố quan trọng góp phần làm nên chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh

Đại tá Trần Bích

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh mùa xuân 1975 một biểu tượng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam

Thiếu tướng Phùng Đình Ấm

Chiến thắng Xuân Lộc, chiến thắng của sức mạnh tổng hợp

Trung tướng Lê Nam Phong

Sư đoàn 7 trong tiến công Xuân Lộc – giải phóng tỉnh Long Khánh mùa xuân 1975

Đại tá Trần Xuân Ban

Một số suy nghĩ về cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh

Đại tá ThS. Nguyễn Ngọc Trung

Xuân Lộc – Long Khánh – cuộc chiến đấu đầy gay go quyết liệt ở cửa ngõ phía đông Sài Gòn

Thiếu tướng Nguyễn Văn Chia

Lực lượng vũ trang Quân khu 7 trong tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh (từ 9-4 đến 21-4-1975)

Thiếu tá TS. Trần Thị Nhung

Vài nét về Sư đoàn 6 – một trong ba sư đoàn tham gia chiến đấu tại Xuân Lộc –

Long Khánh (tháng 4-1975)

Xuân Thanh

Tiểu đoàn 445 trong tiến công Xuân Lộc – Long Khánh

Đại tá Trần Phấn Chấn

Một vài suy nghĩ về vai trò lực lượng tại chỗ qua chiến dịch Xuân Lộc và nghị quyết Trung ương Cục miền Nam về “địa phương tự giải phóng” trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Phạm Văn Hy

Tinh ủy Bà Rịa – Long Khánh với chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh

Phan Văn Trang

Giải phóng Biên Hòa trong mối tương quan với chiến dịch Xuân Lộc

Nguyễn Văn Thông

Quân và dân địa bàn nông thôn tỉnh Biên Hòa nổi dậy tiến công địch, tạo thế lực mới phối hợp với chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh

Đại tá Nguyễn Tấn Danh

Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa trong chiến dịch Xuân Lộc (4-1975)

Mai Thanh Xuân

Bắt Đại tá Tỉnh trưởng ngụy Phạm Văn Phúc

Đại tá Huỳnh Văn Hoàng

Lực lượng An ninh Bà Rịa – Long Khánh trong chiến dịch Xuân Lộc

Bùi Ngọc Thanh

Chiến thắng Xuân Lộc và những bài học dân vận

Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đồng Nai

Vai trò của phụ nữ trong chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh

Hồ Văn Giang

Đảng bộ, quân dân huyện Xuân Lộc thực hành tiến công và nổi dậy mở vùng giải phóng, tạo điều kiện cho Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh thắng lợi

Nguyễn Văn Thắng

Quân dân thị xã Long Khánh kết hợp ba mũi tiến công giải phóng vùng ven, tạo thế đứng cho lực lượng chủ lực mở chiến dịch Xuân Lộc

Nguyễn Thành Châu

Kết hợp ba mũi giáp công giải phóng Đồn điền Ông Quế, góp phần tạo địa bàn đứng chân cho chủ lực trong chiến dịch Xuân Lộc

Đại tá TS. Nguyễn Trọng Thưởng

Một vài suy nghĩ về chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh trong đại thắng mùa Xuân 1975

Đại tá Phạm Văn Giới

Một số vấn đề vận dụng nghệ thuật tác chiến trong tiến công Xuân Lộc – Long Khánh

Phú Văn Hân

Bàn về thế trận Xuân Lộc – Long Khánh

Trung tá Nguyễn Văn Hùng

Nghệ thuật tổ chức và thực hành tác chiến trong chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc – Long Khánh

Trần Việt Anh

Về vấn đề chọn hướng tiến công trong trận Xuân Lộc

Thượng tá Dương Văn Toàn

Một vài suy nghĩ về bố trí hỏa lực pháo binh trong tiến công Xuân Lộc – Long Khánh

Trung tướng TS. Nguyễn Thới Bưng

Một số suy nghĩ về việc thay đổi cách đánh trong chiến dịch Xuân Lộc

Trung tướng Hoàng Nghĩa Khánh

Thảo luận các phương án tác chiến để giải phóng Xuân Lộc, Long Khánh

Thượng tá TS. Hồ Sơn Đài

Vì sao phải chuyển đổi cách đánh trong chiến dịch Xuân Lộc?

Đại tá Nguyễn Viết Tá

Thay đổi cách đánh đi đến giành thắng lợi

Thượng tá Nguyễn Trung Thành

Thay đổi cách đánh là một quyết định đúng, kịp thời của Bộ Tư lệnh Chiến dịch trong chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh

Trung tướng Vũ Cao

Mấy vấn đề rút ra từ chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh

ThS. Phan Văn Hoàng

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh (4-1975) từ lời dạy của Bác Hồ

Lê Hoàng

Nhìn lại công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật cho cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc

Trung tá TS. Đinh Thu Xuân

Bảo đảm hậu cần cho cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc – Long Khánh

Trung tá Nguyễn Đức Tấn

Tương tác giữa chiến trường Khu 6 với chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh trong chiến cuộc mùa khô 1974 – 1975

Đại tá Nguyễn Thành Trung

Tiến công và nổi dậy giải phóng Bình Thuận, phối hợp chặt chẽ với chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh mùa khô 1974 – 1975

Trung tá Phạm Văn Đước

Đập tan lá chắn Phan Rang, mở toang cánh cửa thép Xuân Lộc, tạo thuận lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh

Thượng tá Hồ Sĩ Thành

Trận đánh cầu Rạch Chiếc – một trong những nút chặn cuối cùng của địch sau khi quân ta đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc

Thượng tá Phạm Công Chứng

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh đã cổ vũ, thúc đẩy mạnh mẽ quân và dân Sài Gòn – Gia Định bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh

Đại tá Nguyễn Bá Tòng

Chiến trường Tây Ninh phối hợp với chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 lịch sử

Thượng tá Nguyễn Việt Thắng - Thiếu tá Nguyễn Minh Phụng

Đồng bằng sông Cửu Long phối hợp tiến công cùng chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh

Đại tá Cao Minh

Chiến trường Khu 8 (Trung Nam bộ) phối hợp với chiến trường Xuân Lộc – Long Khánh và Đông Nam bộ trong tháng 4-1975

Đại tá ThS. Trần Tiến Hoạt

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh sau 28 năm nhìn lại

TS. Nguyễn Tuấn Triết

Góp phần tìm hiểu bối cảnh lịch sử và tầm vóc của chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh (21-4-1975)

TS. Hà Minh Hồng

Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong thế trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

Thiếu tướng Đoàn Văn Khoan

Tìm hiểu giá trị và ý nghĩa chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh

Đại tá Nguyễn Văn Minh**Lê Quang Lạng**

Xuân Lộc – trận đánh góp phần quyết định sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn tay sai Mỹ

Nguyễn Văn Quảng

Xuân Lộc thất thủ báo hiệu sự sụp đổ toàn tuyến phòng thủ vòng cung của địch

TS. Đinh Văn Liên

Xuân Lộc – một trong những trận chiến đấu ác liệt cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Hồ Thị Minh Trâm

Xuân Lộc – trận đánh góp phần quyết định số phận chế độ ngụy Sài Gòn

TS. Nguyễn Văn Diệu

Chiến dịch Xuân Lộc đập tan “cánh cửa thép” phía đông Sài Gòn

Thiếu tướng GS-TS. Huỳnh Nghi

Đập tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc mở toang cánh cửa tiến về Sài Gòn

Thượng tá TS. Nguyễn Huy Thục

Xuân Lộc – đòn tạo đà trực tiếp cho thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân 1975

Đại úy Hoàng Thu Hà

Một số tư liệu về cuộc tiến công Xuân Lộc – Long Khánh nhìn từ hai phía

Trung tướng Nguyễn Văn Thái

“Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”

TS. Lê Hữu Phước

Cuộc tiến công Xuân Lộc – Long Khánh tháng 4 năm 1975 – nhìn từ phía bên kia

Lê Thị Dung

Cuộc tiến công Xuân Lộc – Long Khánh (9-4 – 21-4-1975) nhìn từ phía đối phương

Trần Phương Lan

Ném bom CBU-55 tại Xuân Lộc tháng 4 năm 1975, một tội ác không thể dung thứ của Mỹ – ngụy

Thiếu tướng TS. Đào Văn Lợi

Từ bài học chuyển hóa thế trận trong chiến thắng Xuân Lộc, suy nghĩ về nghệ thuật tiến công đô thị trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Đại tá Trần Ngọc Thổ

Chiến thắng Xuân Lộc và một số vấn đề nghệ thuật chiến dịch cần nghiên cứu rút kinh nghiệm

TS. Nguyễn Hữu Nguyên

Địa bàn Xuân Lộc – Long Khánh và không gian chiến dịch chiến lược

Thượng tá Nghiên Xuân Thành

Mấy bài học từ chiến thắng Xuân Lộc và việc vận dụng trong điều kiện hiện nay

Đại tá Nguyễn Công Trứ

Kế thừa kinh nghiệm kết hợp tác chiến của bộ đội chủ lực với lực lượng vũ trang địa phương của chiến dịch tiến công Xuân Lộc xuân 1975 trong tình hình mới

Th.S Dương Thanh Tân

Từ chiến thắng Xuân Lộc, nghĩ về việc giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ

Thiếu tướng TS Nguyễn Đức Xê

Từ Xuân Lộc đến Sài Gòn

PHỤ LỤC

-Công văn số 1855 - CV/TU ngày 13 tháng 11 năm 2002 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc tổ chức Hội thảo về chiến thắng Xuân Lộc mùa Xuân năm 1975

-Công văn số 727/BTL ngày 02 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 trả lời công văn số 1855 - CV/TU của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc tổ chức Hội thảo về chiến thắng Xuân Lộc mùa Xuân năm 1975

-Công văn số 1999 - CV/TU ngày 12 tháng 12 năm 2002 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc góp ý kiến các Quyết định về Hội thảo chiến thắng Xuân Lộc

-Công văn số 255/VLS ngày 17 tháng 12 năm 2002 của Viện Lịch sử quân sự trả lời công văn số 1996 và 1999 - CV/TU của Tỉnh ủy Đồng Nai

-Quyết định số 192 – QĐ/TU về việc thành lập Ban chỉ đạo Hội thảo khoa học lịch sử về chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 - 21/4/2003)

-Quyết định số 193 – QĐ/TU về việc thành lập Ban nội dung Hội thảo khoa học lịch sử về chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003)

-Quyết định số 194 – QĐ/TU về việc thành lập Ban tổ chức phục vụ Hội thảo khoa học lịch sử về chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (21/4/1975 – 21/4/2003)

-Danh sách Ban tổ chức phục vụ Hội thảo khoa học lịch sử về chiến thắng Xuân Lộc trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (Kèm theo QĐ số 194-QĐ/TU ngày 24/12/2002)

-Công văn số 2924 - CV/TT-VH của Ban Tư tưởng-Văn hóa phúc đáp công văn số 2401- CV/TU ngày 2/4/2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai

-Báo cáo số 124 - BC/TU của Tỉnh ủy Đồng Nai về kết quả cuộc Hội thảo khoa học "Chiến thắng Xuân Lộc – Long Khánh trong cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa Xuân 1975"

HÀO KHÍ ĐỒNG NAI
CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC – LONG KHÁNH TRONG CUỘC TỔNG TIẾN
CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975
(Tái bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản
ĐẶNG TẤN HƯỚNG
Biên tập nội dung
HIẾU DŨNG – VŨ ĐỨC TÚ
Trình bày
DƯƠNG TẤN BỬU
Sửa bản in
VŨ ĐỨC TÚ – HIẾU DŨNG
Bìa
HỒ GIÁO

9(V)2	1817–
ĐN–	2003
2004	

In 1000 bản. Khổ 14,5×20,5. In tại: Công ty in Việt Hưng. Số đăng ký KHXB: 17/1817/XB-QLXB Cục xuất bản cấp ngày: 25/12/2003. Giấy trích ngang số: 110/GTNXB do NXBTH Đồng Nai cấp ngày: 02/04/2004. In xong và nộp lưu chiểu: tháng 4 năm 2004

NXB tổng hợp ĐỒNG NAI, 210, Quốc lộ 1K, TP Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: (061)946519. Ban Biên tập: (061)825292
Ban Giám đốc: (061)946529 – (061)822613 – FAX: (061)946530
Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn